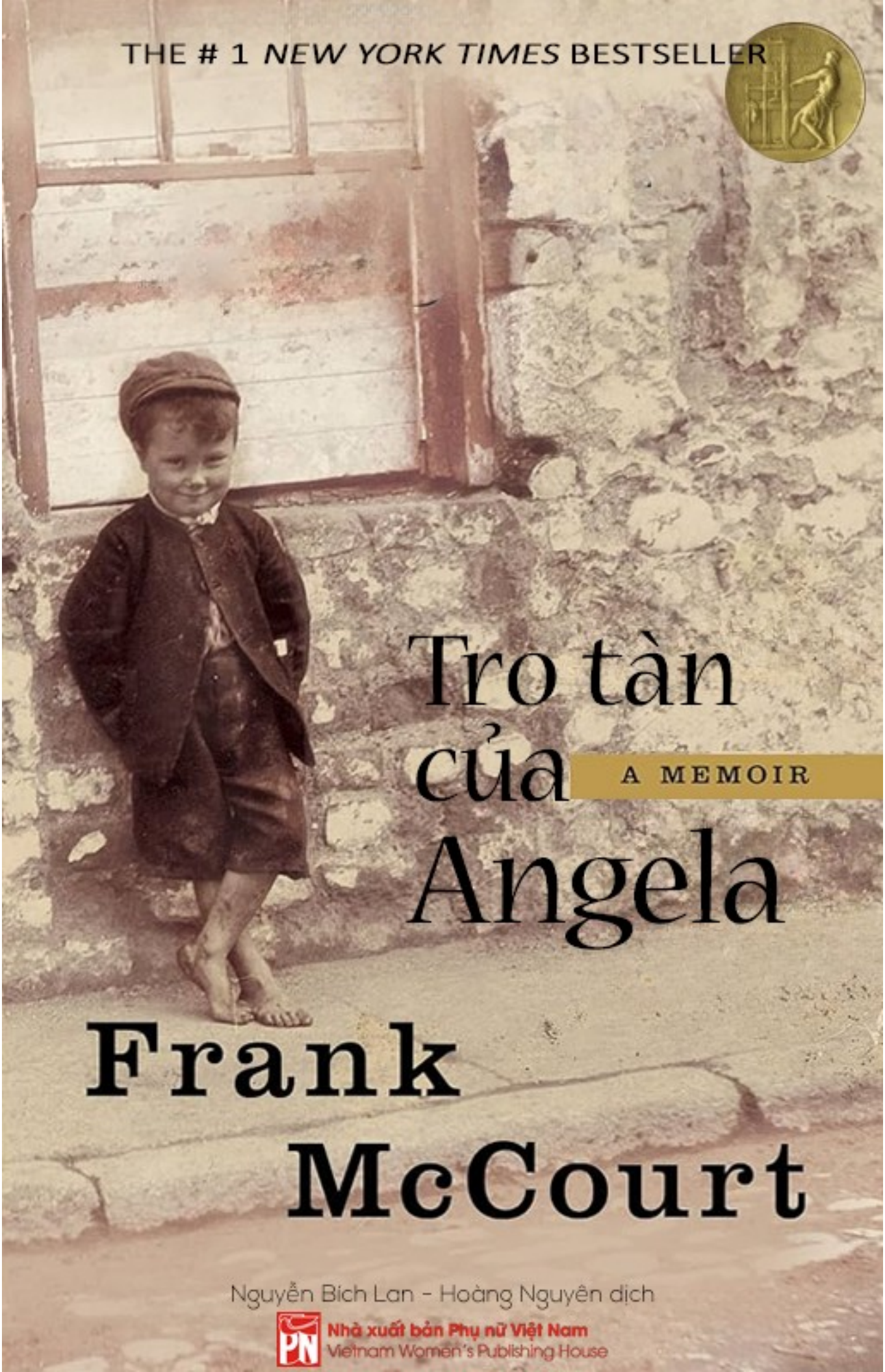

Nguyễn Bích Lan - Hoàng Nguyên dịch

Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam
Vietnam Women's Publishing House

1

Lẽ ra bố mẹ tôi phải sinh sống ở New York, nơi hai người gặp gỡ, xây dựng gia đình và là nơi họ sinh ra tôi. Thay vào đó, họ quay trở về Ailen khi tôi lên bốn, em trai Malachy của tôi lên ba cùng cặp song sinh Oliver và Eugene, và suýt nữa là cả Margaret, nếu cô em út tội nghiệp của tôi không bị bệnh mà mất.

Mỗi khi nhìn lại tuổi thơ của mình, tôi tự hỏi tại sao tôi lại có thể sống được tới ngày nay. Có lẽ chắc hẳn do thời thơ ấu khốn cùng của chúng tôi: hiếm khi tôi có được cảm giác hạnh phúc trong suốt cái tuổi thơ đằng đẵng của mình. Nhưng tệ hơn cả một tuổi thơ khốn cùng thông thường, đó là tuổi thơ của một đứa trẻ Ailen, và điều tệ hại ở đây chính là cái tuổi thơ cùng quẫn của đứa trẻ Ailen theo đạo Thiên Chúa.

Ở đâu cũng có những người luôn khoác lác và ca cẩm về những nỗi bất hạnh của mình trong những năm tuổi trẻ, nhưng có lẽ không có nỗi bất hạnh nào lại có thể so sánh nổi với nỗi bất hạnh của người Ailen: nghèo đói; một ông bố nát rượu ươn hèn và lắm điều; một bà mẹ sùng đạo nhưng luôn miệng than van; những thầy tu khoác cái vẻ ngoài đạo đức; những giáo viên hách dịch hay ức hiếp; ngôn ngữ tiếng Anh và những thứ kinh khủng mà người ta nhồi nhét cho chúng tôi với cái gọi là truyền thống tám trăm năm lịch sử.

Nhưng hơn cả những cái đó, chúng tôi luôn sống trong tình trạng ẩm ướt.

Ở ngoài khơi kia, Đại Tây Đương không ngừng tung vào bờ những cơn mưa lớn, chậm rãi kéo lên sông Shannon và dường như định cư vĩnh viễn ở Limerick. Những cơn mưa khiến thành phố ướt dầm dề từ ngày Lễ Thánh đầu năm cho tới tận đêm Giao thừa. Nó gây ra những chứng bệnh kinh niên cho người dân

vùng này như ho khan, viêm phổi, hen suyễn hay tệ hơn nữa là bệnh lao. Nó biến những cái mũi thành cái đài phun nước, phổi thành những cái túi xốp chứa vi khuẩn. Nó như trêu ngươi tất cả các phương pháp điều trị bệnh thông thường, để chặn những cơn chảy nước mũi, anh phải luộc hành với sữa và trộn cùng hạt tiêu; còn nếu muốn chữa khỏi chứng sung huyết, anh phải nhào bột mì luộc với cây tầm ma, bọc nó vào trong miếng giẻ rồi lăn qua lăn lại trên ngực.

Từ tháng Mười cho tới tháng Tư, những bức tường của Limerich luôn sũng nước. Áo quần chẳng có cơ hội để khô: áo khoác bằng vải tuýt hay sợi len luôn là nơi cất giữ những vật ngoài ý muốn, đôi lúc có thể là chỗ nảy mầm của một loài thực vật bí ẩn nào đó. Trong các tiệm rượu, người ta hít đẫy hơi nước bốc lên ngùn ngụt từ những bộ quần áo ẩm ướt khoác trên những cơ thể cũng không kém phần ướt át, hòa với khói thuốc lá và xì gà, tất cả được trộn với mùi vị của những cốc bia đen hoặc whisky để rồi được quyện thêm cái hương thơm phảng phất của nước tiểu ngoài cửa, nơi mà có không ít gã đã mửa ra hầu hết số tiền công kiếm được trong tuần của mình.

Những cơn mưa đã khiến chúng tôi hướng cả tới nhà thờ - nơi trú ẩn của mọi người bởi nó là chỗ duy nhất trong thành phố còn khô ráo. Trong những buổi lễ Mixa, lễ Giáng phúc hay những buổi cầu nguyện đặc biệt, chúng tôi thường túm tụm thành một đống lộn xộn và ẩm ướt, gà gật trong tiếng giảng kinh đều đều của linh mục. Trong khi đó, hơi nước cứ thản nhiên bốc lên từ cơ thể của mọi người và được trộn lẫn với hương thơm của hương hoa và nến.

Limerick đã nổi lên như một thành phố có những công dân mộ đạo nhất Ailen, nhưng chỉ có chúng tôi mới biết rõ, nguyên nhân sâu xa chính là những cơn mưa.

*

Malachy McCount, cha tôi sinh ra trong một trang trại ở Toome, tỉnh Antrim. Cũng giống như ông nội tôi, ông lớn lên một cách hoang dã, với cái thứ tiếng Anh chẳng giống ai, và rất có thể ông cũng gặp vấn đề tương tự với tiếng Ailen của mình. Ông đã tham gia Quân đội Cộng hòa Ailen cũ (IRA), trải qua một số trận chiến sống còn, nhận mấy vết thương trên người và cuối cùng là đào ngũ để rồi bị quân đội treo giải thưởng chính cái đầu của mình.

Khi còn là một đứa trẻ, tôi thường hay ngắm ông: một người đàn ông tóc thưa, răng rụng gần hết. Tôi tự đặt cho mình một câu hỏi mà hồi đó không thể nào lý giải nổi: ai lại trả tiền cho một cái đầu như thế kia chứ?

Năm mười ba tuổi, bà nội cho tôi biết một bí mật: "Khi người cha đáng thương của cháu còn nhỏ, bố cháu đã bị ngã đập đầu xuống đất. Đó là một tai nạn, sau cú ngã đó, bố cháu không bao giờ còn được nhanh nhẹn như trước nữa, cháu phải nhớ rằng những người bị ngã đập đầu thường hay bị những biến chứng ít nhiều có ảnh hưởng đến đầu óc".

Sau khi lệnh truy sát ông được ban hành rộng rãi, bố tôi buộc phải bí mật trốn khỏi Ailen trên một chiếc tàu thủy chở hàng từ Galway. Ở New York, khi luật Cấm nấu và bán rượu lên đến cao trào, ông cho rằng mình đã chết và bị đày xuống địa ngục bởi những tội lỗi của mình. Nhưng không lâu sau đó, khi phát hiện ra một số nơi bán rượu lậu, ông lại lập tức cảm thấy hoan hỉ.

Sau những năm tháng lang thang và say sưa ở Mỹ cũng như ở Anh, ông chợt cảm thấy mong mỏi những giây phút thanh bình cho những năm xuống dốc của cuộc đời. Ông quay trở lại Belfast, nơi mà ông cho rằng sẽ được yên ổn. Ông nói, suốt ngày các thiếu phụ ở thị trấn Anderson cứ vây lấy ông, họ đã tìm cách quyến rũ ông bởi sự duyên dáng và khéo léo của mình. Nhưng ông đã xua bọn họ đi bằng hết và chỉ ngồi nhấm nháp trà một

mình. Ông không còn hút thuốc và chạm môi vào bất kỳ thứ nước có cồn nào, vậy ông sống bằng cái gì? Đó chính là thời gian ông ra đi trong bệnh viện Chiến thắng của Hoàng gia.

Mẹ tôi, Angela Sheehan, là một người thuộc lớp người trước. Sinh trưởng trong một khu ổ chuột cùng với bà ngoại, hai anh trai, Thomas và Patrick, và chị gái, bác Agnes. Mẹ tôi chưa một lần nhìn thấy mặt cha mình, người đã chạy sang Úc chỉ vài tuần trước khi mẹ ra đời.

Sau một đêm uống đẫy bia đen trong một quầy ba nhỏ ở Limerick, ông tôi bước chuệnh choạng xuống con hẻm nhỏ và nghêu ngao bài hát "tủ" của mình:

Thằng nào đã ném quần vào món xúp cá
của bà Murphy?
Không ai mở mồm
và hắn nói đó là tên khuân vác
Lại cái trò bịp bợm của bọn Ailen,
rồi mình sẽ nện cho tên Mick
Thằng nào đã ném quần vào món xúp cá
của Murphy.

Ông cảm thấy dường như mình còn hoàn toàn tỉnh táo và muốn chơi một lúc với cậu con cưng Patrick, lúc này bác được một tuổi. Ôi, cục cưng nhỏ bé của ta. Bác Patrick cũng rất quấn ông tôi. Bác cứ cười sằng sặc mỗi khi ông tung bác lên cao. Lên nào, xuống nào, Paddy cưng của bố, lên nào, xuống nào, lên nào... trò chơi diễn ra trong bóng tối, rất tối. Chúa ơi, ông đã đỡ hụt Patrick khi bác rơi xuống. Bác Patrick đáng thương lần này phải tiếp đất bằng đầu, rầm một cái, bác kêu lên được mấy tiếng rồi im bặt. Bà tôi nặng nề bò khỏi giường một cách khó nhọc, khó nhọc là bởi mẹ tôi đang trong bụng bà. Bà chỉ còn đủ sức

nâng bác lên khỏi sàn nhà rồi ôm lấy bác mà rên rỉ, khóc lóc. Một hồi bà quay về phía ông: "Cút ngay khỏi đây. Cút. Nếu tôi còn thấy ông đứng đây thêm một phút nào nữa, tôi sẽ chẳng tiếc nuối gì mà không cho ông một rìu, cút ngay cái lão nghiện ngập mất trí kia. Thề có Chúa, tôi phải treo cổ ông lên mới được. Cút ngay".

Ông tôi vẫn đứng hiên ngang như một người đàn ông thực thụ. Ông vẫn chưa chịu đi mà còn lè nhè chống chế: "Nhà tao, tao ở, tao có quyền..".

Bà nhảy xổ vào ông như một cơn lốc với đứa trẻ bị thương trên tay trong một cơn phẫn nộ khủng khiếp. Phải tới lúc đó, ông ngoại dường như mới ý thức được cái gì sắp xảy đến với mình, thế là ông nhảy một bước từ trong nhà xuống con hẻm nhỏ rồi cắm đầu chạy, chạy riết, ông chỉ dừng lại khi tới được Melbourne, một thành phố ở tận nước Úc.

Pat nhỏ bé, ông bác tôi từ đó không bao giờ còn được như trước nữa. Bác Pat lớn lên với một dị tật ở đầu, một bên chân của bác như thể đang đi trên một con đường, và những bộ phận còn lại trên cơ thể thì đi trên con đường bên cạnh. Bác chưa từng được học để đọc và viết nhưng Chúa lại có cách khác để bù đắp cho bác. Được tám tuổi, bác tôi bắt đầu bán báo và có thể đếm tiền nhanh hơn cả Bộ trưởng Bộ Tài chính. Không ai biết từ đâu mà bác tôi lại có cái tên Ab Sheehan, Ab có nghĩa là cha tu viện trưởng, nhưng cả Limerick đều yêu mến bác.

Mẹ tôi gặp rắc rối ngay từ cái đêm có mặt trên cõi đời này. Bà ngoại nằm trên giường hổn hển, đau đớn khi trở dạ, bà chỉ biết cầu Thánh Gerard Majella, thần hộ mệnh của những bà mẹ sắp sinh nở. Cạnh bà là y tá O' Halloran, bà đỡ của Limerick. Dường như toàn bộ váy sống diêm dúa của bà đều được vén lên hết cỡ. Sở dĩ như vậy bởi đêm đó chính là đêm Giao thừa và bà O' Halloran lo lắng cho đứa trẻ trong bụng bà ngoại, chính vì thế mà bà bỏ dở bữa tiệc mừng năm mới để đến giúp bà tôi. O'

Halloran nói với bà: “Bà có rặn được không, có được không? Lạy Chúa, lạy Đức mẹ và lạy cả Thánh Joseph linh thiêng nữa. Nếu các Người không nhanh chóng giúp đứa trẻ ra đời trước năm mới thì đi toi bộ váy mới của tôi mất thôi! Thôi, bỏ qua Thánh Gerard Majella. Đàn ông thì làm được gì cho một người phụ nữ vào đêm Giao thừa như thế này, nhất là khi ông ta là Thánh cơ chứ? Thánh Gerard Majella cái con khỉ”.

Bà tôi thôi không cầu nguyện Thánh Gerard Mejella nữa mà chuyển sang Thánh Ann, vị này hộ mệnh cho những ca sinh khó. Nhưng đứa trẻ vẫn chưa chịu ra. Hộ lý O’ Halloran nói với bà tôi: “Bà thử cầu Thánh Jude xem, vị này chỉ dành cho những ca nan y thôi”.

- Thánh Jude, thiên thần của những ca thập tử nhất sinh, xin Người hãy giúp con, con tuyệt vọng quá rồi. - Bà gào lên và cái đầu trẻ con đã lấp ló, chỉ có cái đầu, đó là mẹ tôi. Đúng lúc đó đồng hồ điểm mười hai tiếng, thời khắc Giao thừa, sang một năm mới. Cả thành phố Limerick chìm ngập trong tiếng reo hò, tiếng chuông, tiếng nhạc, tiếng còi tầm, tiếng mọi người gọi nhau và hò hát vang rền. Chúc mừng năm mới. Những điều không may mắn của năm cũ đều bị bỏ lại sau lưng, những hồi chuông nhà thờ được gióng lên trong tiếng cầu kinh Đức Bà.

Trong lúc đó y tá O’ Halloran đang khóc lóc vì tiếc cho bộ váy áo diêm dúa đón mừng năm mới đã bị phí hoài bên cạnh một bà đẻ. Đứa trẻ vẫn trong bụng mẹ nó còn mình thì vẫn trong bộ đồ lộng lẫy dường này. Mày có ra không, ranh con, có ra không? Trong một nỗ lực tuyệt vọng, bà tôi dùng toàn bộ sức lực của mình để rặn thật mạnh, vậy là thế giới này có thêm một đứa trẻ, một bé gái đáng yêu với vài lọn tóc đen loăn xoăn và đôi mắt xanh buồn thẳm.

- A, Chúa chứng giám, - y tá O’ Halloran thốt lên, - con bé này sinh ra trong hai năm, cái đầu của nó ra trước vào năm cũ và cái mông nó phải đợi tới năm sau mới chịu ra hay đại loại như thế.

Bà sẽ phải khai sinh cho nó cẩn thận đấy, mẹ nó ạ, để xem nó sinh vào năm nào còn bây giờ tôi phải để dành bộ váy này tới Tết sang năm vậy.

Và đứa trẻ được đặt tên là Angela bởi nó sinh vào đúng lúc Giao thừa, khi cả thành phố đang gióng lên những hồi chuông cầu kinh Đức Bà mang tên Angelus và còn bởi một nhẽ: dẫu sao nó cũng là một thiên thần bé bỏng đáng yêu.

Yêu mẹ từ thuở còn thơ
Dẫu tháng năm có khiến bà mệt mỏi
Bởi con sẽ sống trong tình yêu của mẹ
Cho tới một ngày mẹ dưới lớp đất kia

Cô bé Angela bắt đầu tập đọc, tập viết và làm tính ở trường Thánh Vincent de Paul, lên chín tuổi cô đã kết thúc mọi việc học hành. Cô bắt đầu phải kiếm tiền với công việc của người giúp việc, một người hầu gái với nhiệm vụ đội một chiếc mũ trắng đứng ở cửa đón khách. Nhưng Angela đã không thể nhún người theo đúng cách mà người ta yêu cầu. Mẹ cô bực lắm, mắng mỏ: "Mày không tập được cái thói quen đấy hay sao? Đúng là đồ vô dụng. Tại sao mày không sang Mỹ cho tao nhờ, ở đấy mới có chỗ cho cái loại vô dụng như thế? Tao cho mày tiền tàu đấy".

Angela tới New York vào đúng lễ Tạ Ơn trong năm xảy ra cuộc Đại Suy thoái. Cô gặp Malachy trong bữa tiệc do hai vợ chồng Dan MacAdorey và Minnie ở đại lộ Classon thành phố Brooklyn tổ chức. Malachy thích Angela và cô cũng mến anh. Anh trông giống một kẻ vô lại, cũng bởi anh mới ra khỏi xà lim sau ba tháng bị giam vì tội cướp xe tải. Anh ta cùng với người bạn Jonh McErlaine đã tin vào những gì nghe được trong quán rượu lậu, rằng chiếc xe tải được lèn chặt lên tận nóc bởi những thùng thịt lợn và đậu. Cả hai chẳng ai biết lái xe, chỉ tới khi cảnh sát trông thấy chiếc xe tròng trành, lắc lư như chính những gã say đang điều khiển nó trên đại lộ Myrtle, họ mới kèm vào lề

đường. Khi cảnh sát lục soát chiếc xe, họ mới tự hỏi không biết mấy cái gã kia có điên hay không lại đi cướp lấy một chiếc xe chở toàn cúc áo chứ không phải là thịt lợn và đậu như thế.

Thoạt tiên, khi Angela trông thấy một gã với vẻ ngoài vô lại như Malachy, hai gối cô tưởng như run lên vì sợ hãi. Ngược lại, Malachy chẳng việc gì phải sợ nhưng sau ba tháng ngồi xà-lim, nay được bước ra ngoài cũng khiến anh ta lập cập không vững.

Cơn run gối kia vô tình lôi hai người về cùng một phía và chẳng bao lâu họ đã dựa hẳn vào tường trên hai đôi chân lập cập, căng thẳng nhưng hai con tim lại dạt dào xúc cảm.

Dẫu sao hai gối run rẩy lại khiến Angela rơi vào tình trạng hưng phấn, và dĩ nhiên, họ phải tìm cách che đậy cảm xúc của mình bằng cách nói với nhau vài ba câu chuyện bâng quơ. Angela có một vài người anh em họ, mấy người chị em của MacNamara, đó là Delia và Philomena. Cả hai người đều đã lập gia đình với Jimmy Fortune ở hạt Mayo và Tommy Flynn ở ngay thành phố Brooklyn này.

Delia và Philomena là hai phụ nữ có vóc người đẫy đà, lắm lời và có phần hung tợn. Khi họ sóng bước bên nhau trên các con lộ ở Brooklyn, bất kỳ một sinh vật nào nhỏ bé hơn cũng phải nép sang một bên, sự e sợ thể hiện rõ trên từng nét mặt. Hai chị em luôn biết thế nào là đúng và thế nào là sai, hơn nữa, bất kỳ một điều gì đáng ngờ cũng sẽ nhanh chóng bị đập tan bởi Thánh thần, Giáo hội, Tín đồ tôn giáo và Tòa thánh. Họ biết Angela là một thiếu nữ chưa chồng, một người như vậy không có quyền hưởng thụ cái trạng thái hưng phấn kia, và họ quyết định phải can thiệp.

Hai chị em họ lừng lững bước đi, tay dắt theo hai ông chồng là Jimmy và Tommy. Mấy người tới một quán rượu lậu nằm trên đại lộ Atlantic, nơi họ có thể kiếm được Malachy vào ngày thứ Sáu, cái ngày mà anh được thanh toán tiền công tuần trong trường hợp tìm được việc. Joey Cacciamani, người gác cửa

không muốn cho hai chị em vào nhưng Philomena đã nói với anh ta, nếu anh còn muốn mũi nằm trên mặt và cánh cửa còn treo trên bản lề thì nên biết điều mở cửa ra và đứng tránh sang một bên để họ thực hiện nhiệm vụ của Chúa. Joey thốt lên: "Được rồi, được rồi, các người Ailen đáng ghét. Chúa ơi! Phiền phức quá".

Trong khi đó, Malachy đang gà gật cạnh ly rượu phía bên kia quầy bar, nét mặt đang chuyển sang tái xanh nhưng vẫn cố nở một nụ cười dọn đường đối với hai chị em phổi bò này và không quên mời họ một ly. Hai người ghi nhận nụ cười của Malachy nhưng nhổ toẹt vào lời mời của anh. Delia bắt đầu: "Chúng tao chưa rõ mày đến từ tầng lớp nào ở miền Bắc Ailen".

Philomena tiếp lời: "Người ta nói rằng trong gia đình mày hình như có một tín đồ của giáo hội Scotland, mày nói xem đã làm những gì với cô em họ của chúng tao".

Jimmy không giấu nổi nỗi tò mò: "Ơ kìa, thế nhà nó có người theo đạo Scotland thì nó có lỗi à?"

Câm ngay, - Delia không nén nổi sự bực mình.

Những gì mày làm với cô em đáng thương và kém phần may mắn của chúng tao là một sự sỉ nhục đối với dân tộc Ailen mày hiểu chứ? Lẽ ra mày phải biết lấy làm xấu hổ mới phải. - Tommy quyết định phải tham gia vụ này.

Ờ,... ờ... tôi, tôi... - Malachy ấp úng.

Ai cho phép mày nói, - Philomena hoạnh họe, - Mày đã làm quá đủ những chuyện bậy bạ rồi, câm ngay.

Và trong lúc mày câm mõm, chúng tao muốn được trông thấy mày làm điều phải với cô em họ Angela Sheehan đáng thương của chúng tao. - Delia thêm vào.

Ơ, vâng, quả thực... quả thực... thì đâu sẽ vào đó thôi ạ. Tôi rất hân hạnh nếu được mời mọi người uống một chút trong lúc chúng ta nói chuyện. - Malachy e dè đề nghị.

Gọi đồ uống, - Tommy dõng dạc, - và tao sẽ tưới đẫm cái con lừa này.

Mày đã dính lấy cô em tao kể từ khi nó vừa bước chân xuống tàu. Ở Limerick chúng ta là những người có đạo đức, mày biết đấy, đạo đức. Chúng tao không phải là bọn thỏ mồi ở Antrim, cái nơi đầy những tên tín đồ Scotland như mày. - Philomena bắt đầu triết lý.

Nhưng trông hắn không giống tụi Scotland lắm thì phải - Jimmy thẽ thọt.

Đã bảo là câm ngay kia mà - Delia dường như không thể kiềm chế được hơn nữa.

Còn một điều nữa mà chúng ta để ý thấy, - Philomena nhận xét, - đó là mày có một kiểu gì đó rất kỳ quái.

Malachy mỉm cười: - Tôi như vậy sao?

Đúng thế, tao nghĩ đây chính là điều đầu tiên chúng tao phát hiện ra ở mày, cái kiểu kỳ quái ấy, nó khiến tao thấy khó chịu lắm. - Delia chêm vào.

Đấy, mọi người có thấy nó cười có vẻ rất Scotland không? - Philomena quả quyết.

Ôi trời, đấy là do tôi đang bị đau răng thôi mà, - Malachy thanh minh.

Không răng hay có răng, kỳ quái hay bình thường, mày cũng phải lấy con bé làm vợ, - Tommy đi thẳng vào vấn đề, - đừng có tính đến chuyện chuồn.

Ôi Chúa ơi, các người biết đấy, tôi chưa có ý định lấy vợ. Thất nghiệp thì lấy đâu ra tiền để mà... - Malachy phân trần.

Cưới là việc không thể tránh khỏi, - Delia kết luận.

Đừng có tính đến chuyện chuồn, - Jimmy tỏ vẻ hăm dọa.

Có im đi không, - Delia hét lên.

*

Malachy dõi theo mấy người khi họ kéo đi. “Sao tao lại khốn nạn thế kia chứ!”, anh nhăn nhó quay sang Joey Cacciamani.

Mày tiêu đời rồi, khi thấy mấy mụ giặc cái ấy, tao biết thể nào cũng có chuyện cho mà xem! - Joey tỏ vẻ hiểu biết.

Malachy ngẫm nghĩ về hoàn cảnh của mình. Anh còn vài đôla sót lại trong túi, thu nhập từ công việc cuối cùng, hình như anh còn một ông bác ở San Francisco hay ở một quận nào đó của California. Liệu anh có nên tránh xa cái nơi này không nhỉ, phải chăng nên tránh càng xa hai mợ phổi bò cùng với hai gã chồng hung tợn kia càng tốt? Quả thật, anh nên ra đi, phải làm gì đấy kỷ niệm sự ra đi này chứ nhỉ? Joey rót đầy một cốc rồi tu ừng ực khiến cổ họng Malachy nóng ran. Đúng là đồ Ailen! Anh nói với Joey rằng những chuyện về tín đồ Scotland chỉ là bịa đặt. Joey nhún vai tỏ vẻ vô can: “Tôi không biết, tôi chỉ biết rót rượu thôi”. Thế cũng tốt, còn hơn là chẳng có gì đổ vào mồm, Malachy gọi thêm một cốc rồi quay sang hai gã người Ý bảnh bao ngồi kế: “Hai ông cần gì không, đang nói chuyện gì thế?”

*

Anh tỉnh dậy trên băng ghế của ga tàu hỏa Long Island khi một viên cảnh sát gõ nhẹ lên đôi ủng bằng chiếc gậy tuần đêm. Không một xu dính túi, mấy chị em nhà McNamara sẽ nuốt sống anh ở Brooklyn mất.

Đó là một ngày tháng Ba xầm xì, đã bốn tháng kể từ cái hôm “run gối” ấy, một bữa tiệc nhỏ được tổ chức tại nhà thờ thánh Joseph để chứng kiến lễ cưới của Malachy với Angela. Họ có con đầu lòng vào tháng Tám. Vào một ngày tháng Mười Một, nhân một dịp say bí tỉ, Malachy nhận ra rằng đã đến lúc phải khai sinh cho đứa trẻ. Anh cho rằng có lẽ mình sẽ gọi đứa trẻ là Malachy, giống như bố nó, nhưng do cách phát âm của người

Ailen cộng với cái giọng say sưa lè nhè mà viên thư ký khi buông bút xuống khai tên cho đứa trẻ chỉ viết đơn giản có mấy chữ Male.

Không cần phải đợi đến tận tháng Mười Hai họ mới đem Male đến Nhà thờ thánh Paul để làm lễ rửa tội và đặt tên thánh Francis theo họ của ông nội bé và của thánh Assisi đáng kính. Angela muốn đặt tên lót cho con là Munchin, ngay sau tên của thánh đỡ đầu vùng Limerick nhưng Malachy thề rằng chỉ có bước qua xác anh mới có thể đem một cái tên nào đó của Limerick ra mà đặt cho bất kỳ đứa con trai nào của mình. Nhưng đứa trẻ không thể sống cả đời với một cái họ. Việc thêm cho thằng bé tên đệm là một việc mà người Mỹ cho là điềm gở, bởi vậy không cần thiết phải có tên thứ hai làm gì nhất là nó đã được làm lễ rửa tội theo phép của Thánh Assisi.

Lễ rửa tội của thằng bé đã không diễn ra theo kế hoạch do việc chậm trễ khi chỉ định ai làm cha đỡ đầu. John McErlaine đã say bí tỉ trong một quán rượu lậu thay vì phải có mặt và làm lễ để trở thành cha đỡ đầu cho đứa trẻ. Philomena quay sang chồng: “Tommy, đến nước này thì anh phải làm cha đỡ đầu cho thằng bé thôi. Linh hồn đứa trẻ đang gặp nguy hiểm anh có thấy không?”. Tommy cúi gằm mặt càu nhàu: “Thôi được rồi. Tôi sẽ làm bố đỡ đầu cho nó nhưng tôi không chịu trách nhiệm nếu như cái thằng ranh này lớn lên lại giống hệt thằng bố nó và tiếp tục gieo rắc tội lỗi và hễ sểnh ra một tí là y như rằng lại chuồn tới quán rượu lậu của lão Jonh McErlaine đâu nhé”. Vị linh mục gật đầu vẻ đồng tình: “Ta đồng ý với con, Tom à. Con quả là một người đứng đắn, một người đàng hoàng thì không bao giờ bước chân vào những quán rượu lậu cả”. Trong khi đó thì Malachy, cha của đứa trẻ vừa trở về từ một quán rượu lậu cảm thấy như mình bị lăng nhục và chỉ chực cất lời tranh cãi với vị linh mục đáng kính, nhưng quả thực đó là hành động báng bổ thánh thần ghê gớm nhất mà không một ai nên làm. Bỏ cái áo linh mục

xuống thì chưa chắc ai đã hơn ai đâu nhé. Hai người đàn bà to lớn cùng với những gã chồng dữ tợn đã kịp giữ anh chàng hăng tiết lại. Người mẹ trẻ Angela do bị kích động đột ngột nên không còn nhớ mình đang ôm đứa bé trên tay và kết quả là thằng bé rơi thẳng vào bình đựng nước thánh, thật không may, việc đắm chìm trong nước phép như vậy lại là một nghi lễ của đạo Tin lành. Một lễ sinh giúp việc cho linh mục nhanh tay lôi thằng bé lên khỏi bình nước và trả lại nó cho Angela, người mẹ vụng về tội nghiệp ngay lập tức vồ lấy thằng bé ướt rượt rồi òa khóc. Trong khi đó vị linh mục khả kính lại cười phá lên và nói: "Ta chưa từng chứng kiến một chuyện nào thú vị như thế này, hê hê, thằng nhỏ này đã làm theo phép rửa tội của người lớn rồi còn gì, thế thì nó cần gì đến ta nữa, hê hê...". Điều này càng khiến Malachy sôi máu, anh chỉ muốn nuốt chửng vị linh mục vì cái tội dám coi thằng bé như một tín đồ của đạo Tin lành. Vị linh mục phải trấn an: "Trật tự, nên nhớ anh đang đứng trong nhà thờ". Ngay lập tức Malachy đốp lại: "Nhà thờ cái mông tao", và thế là anh chàng bị quẳng ra ngoài phố vì không ai được phép nhắc tới mông đít trong nhà thờ.

Sau lễ rửa tội, Philomena nói rằng cô có trà, bánh ngọt và đùi lợn muối ở nhà. Malachy hỏi lại: "Trà à?" "Ừ, trà. Nếu chú muốn thì có thể gọi nó là whisky cũng được". Anh nói trà rất tuyệt nhưng trước hết anh có chuyện muốn giải quyết với Jonh McErlaine đã, cái gã thiếu đứng đắn ấy đã không chịu thực hiện trách nhiệm của mình như một người được chỉ định làm cha đỡ đầu của thằng bé. Angela tỏ ra quá hiểu ông chồng mình: "Anh lại kiếm cớ thoái thác để chuồn đến quán rượu lậu chứ gì?" "Thề có Chúa chứng giám, anh chỉ coi rượu là thứ vớ vẩn nhất trên đời này". Malachy trả lời. Angela bắt đầu sụt sịt khóc: "Hôm nay là ngày gì nào? Ngày con trai anh làm lễ rửa tội thế mà cứ cắm đầu vào mấy cái quán rượu lậu ấy". Delia lầm bầm chửi rủa: "Chú là thứ loại ghê tởm nhất mà tôi từng thấy, đã thế chú còn trông đợi cái gì ở Bắc Ailen kia chứ?"

Malachy nhìn hết người này đến người khác, hai chân cọ vào nhau, kéo vành mũ sụp xuống tận mắt, thọc hai tay sâu vào túi quần rồi lè nhè: "A...ừ...ờ thì...". Vẫn cái cách mà mấy gã nát rượu vẫn thể hiện ở hạt Antrim: hối hả và vội vã chạy băng qua phố Court để lao vào mấy quán rượu lậu trên đại lộ Atlantic, nơi anh vẫn đinh ninh rằng bọn họ sẽ chúc mừng lễ rửa tội của con trai anh bằng một chầu rượu miễn phí.

Tại nhà của Philomena, trong khi các anh chị ăn uống say sưa thì Angela ngồi lủi thủi một góc, vừa cho con bú vừa thút thít khóc. Philomena đang đầy một mồm toàn bánh mì và thịt lợn muối vẫn không quên quay sang Angela quát tháo: "Mày ngu chưa em, vội vội vàng vàng tới nước Mỹ để rồi dính chặt lấy cái thằng mất trí ấy. Có lẽ mày ở vậy thì tốt hơn, đem thằng bé kia cho ai muốn nhận con nuôi, thế là mày lại trở thành một thiếu nữ tự do". Angela càng khóc to hơn, tới lúc đó Delia thấy mình không thể ngồi yên được nữa: "Thôi nào, Angela, có thôi đi không. Còn định ăn vạ ai nữa ư, không phải tại mày cả hay sao. Thằng chồng của mày nom cũng chẳng ra dáng một người theo đạo Thiên Chúa cho lắm, người không ra người, ngợm chẳng ra ngợm. Tôi đã bảo là... là... Malachy có cái kiểu của bọn tín đồ Scotland rồi mà lị. Có im ngay đi không Jimmy.

Philomena bắt đầu giảng giải: "Nếu chị là mày, chị sẽ không có với nó thêm một đứa nào nữa. Nó chẳng có việc, rồi lại cứ luẩn quẩn mãi bên chai rượu như thế. Không có thêm đứa nào nữa đâu nhé, Angela. Mày có nghe chị nói không đấy hả?".

- Philomena đang nói với mày đấy.

*

Một năm sau, họ lại có với nhau thêm một đứa con. Angela gọi thằng nhỏ là Malachy, theo tên cha nó và đặt cho nó cái tên đệm là Gerard, theo tên bác nó.

Mấy chị em nhà McNamara bảo nhau: Angela thật chẳng có tích sự gì, chỉ được mỗi cái đẻ khéo và họ chẳng muốn giúp cô nữa, cho tới lúc cô trở lại minh mẫn như thuở trước.

Mấy ông chồng cũng hoàn toàn tán đồng với ý kiến đó của họ.

Tôi đang ở ngoài sân chơi trên đại lộ Classon ở Brooklyn với cậu em trai Malachy. Nó lên hai còn tôi lên ba. Hai đứa đang chơi bập bênh.

Lên, xuống, lên, xuống.

Malachy đứng lên khỏi bập bênh.

Tôi rơi phịch xuống đất.

Malachy leo lên bập bênh đúng lúc nó đang trên đà xuống. Thằng bé hét toáng lên. Nó cho tay vào mồm và tôi nhìn thấy máu.

Ôi, Chúa ơi. Chảy máu là tệ lắm. Mẹ sẽ giết tôi mất.

Và đây, bà đã xuất hiện, tìm cách chạy băng qua sân chơi đến với Malachy. Cái bụng to của mẹ không cho phép bà chạy nhanh.

Bà quát lên: "Mày làm cái gì thế? Mày làm gì thằng bé thế kia?".

Tôi không biết trả lời mẹ thế nào. Tôi không biết mình đã làm gì.

Bà kéo tai tôi rồi nói: "Về nhà. Lên giường nằm ngay lập tức".

Đi ngủ? Vào giữa ban ngày thê này sao?

Mẹ đẩy tôi về phía cổng sân chơi. "Đi".

Bà quắp Malachy lên eo rồi khó nhọc bước về nhà.

*

Chú MacAdorey, bạn của cha tôi không sống cùng khu nhà với chúng tôi. Chú đứng cạnh vợ mình, cô Minnie bên mép vỉa hè, họ chăm chú quan sát con chó đang nằm dưới lòng cống.

Đầu con chó bết những máu là máu. Mà nó cũng giống với màu máu chảy ra từ khóe miệng của Malachy.

Malachy có máu chó và chó lại có máu của Malachy.

Tôi kéo tay chú MacAdorey và nói với chú rằng Malachy cũng có máu giống như con chó.

Ồ, đúng rồi. Đúng như thế đấy Francis ạ. Cả mèo cũng như thế, và người Eskimos cũng vậy. Đều có máu như thê đấy - Chú giải thích cho tôi.

Minnie nói: "Thôi đi Dan. Đùng có làm cho chàng trai của chúng ta thêm lầm lẫn như thế". Cô cho tôi hay con chó đáng thương của chúng tỏi đã bị ô tô chẹt và nó đã bò từ giữa phố về trước cửa nhà trước khi chết. "Nó cũng muốn về nhà đấy cháu ạ, con vật mới đáng thương làm sao".

Chú MacAdorey nói: "Cháu nên về nhà đi Francis. Chú không biết cháu vừa làm gì với em, nhưng chú thấy mẹ cháu bế nó đến bệnh việc rồi. về nhà đi con trai".

Liệu Malachy có chết giống con chó của chú không hả chú MacAdorey?

Minnie hốt hoảng: "Nó cắn vào lưỡi. Nhưng em cháu không chết đâu".

Thế con chó có chết không?

Nó chết rồi đấy thôi, Francis à.

*

Căn hộ của chúng tôi chẳng còn một ai, tôi đang đứng giữa hai phòng, phòng ngủ và bếp. Cha tôi vẫn như mọi ngày: lang thang xuống đường đi khắp nơi tìm việc còn mẹ thì đang ở bệnh viện với Malachy. Tôi ao ước có cái gì đó bỏ vào mồm nhưng chẳng còn gì trong tủ đá ngoại trừ mấy cái lá bắp cải nổi lềnh bềnh trên đống đá đang tan. Cha tôi nói không bao giờ được ăn những thứ đã nổi trên mặt nước bởi rất có thể chúng đang thối

rữa bên trong. Tôi nằm trên giường bố mẹ và cảm thấy hơi buồn ngủ, khi mẹ lay tôi dậy thì trời đã gần tối. “Em trai con đã ngủ được một lúc rồi. Suýt nữa thì nó cắn đứt cả lưỡi ra ngoài đấy. Con sang phòng khác đi”.

Cha đang loanh quanh trong bếp và nhấm nháp trà đen đựng trong cái ca men trắng của ông. Cha đặt tôi ngồi lên lòng ông.

Cha, cha kể cho con chuyện về Coo Coo đi.

Cuchulain làm. Con nói lại theo cha xem nào, Coo- hoo-lin. Cha sẽ kể con nghe câu chuyện chừng nào con nói đúng cái tên của nó. Coo-hoo-lin.

Tôi đã nói được đúng và cha kể cho tôi nghe câu chuyện về Cuchulain, người từng có một cái tên khác hồi còn nhỏ: Setanta. Thuở nhỏ, ông sống ở hạt Antrim, một vùng đất thuộc Ailen nơi David từng sống. Setana có một cái gậy và một quả bóng. Một ngày kia, khi ông đang chơi bóng thì quả bóng lăn vào trúng miệng con chó của Culain làm cho nó nghẹn thở. “Hmm”, Culain rất giận dữ, “Tôi làm được gì bây giờ khi không có chó để giữ nhà và vợ cùng với mười đứa con nhỏ cũng như vô số lợn, gà và cừu của tôi?”.

Setana quả quyết: “Cháu xin lỗi. Cháu sẽ trông nhà cho bác với cây gậy và quả bóng này và cháu sẽ đổi tên thành Cuchulain, Chó săn của Culain. Và cậu bé đã làm như vậy đấy. Cậu canh nhà và cả những vùng xung quanh rồi sau đó trở thành một vị anh hùng vĩ đại, với tên gọi Chó săn của vùng Ulster. Cha nói ông ấy đã trở thành một anh hùng còn vĩ đại hơn cả Hercules hay Achilles, những vị anh hùng mà người Hy Lạp suốt ngày đem ra để khoe khoang, ông còn có thể nhận lời thách đấu cả với vua Authur...

Đó là câu chuyện của tôi. Cha không thể mang câu chuyên đó ra kể cho Malachy hay bất kỳ đứa trẻ nào khác dưới nhà.

Ông kết thúc câu chuyện của mình rồi cho tôi nhấp một ngụm trà. Sao mà đắng thế, nhưng dẫu sao tôi vẫn cảm thấy

hạnh phúc khi được ngồi ở đó, trong lòng ông.

*

Trong những ngày tiếp theo, lưỡi của Malachy sưng phồng khiến nó rất khó khăn mỗi lúc định nói và dường như nó cũng chẳng có ý định nói chuyện với ai. Nhưng ngay cả khi Malachy gặp phải sự cố đó thì cũng chẳng ai có thời gian để mắt đến nó bởi gia đình chúng tôi đã có thêm hai thành viên mới được thiên thần mang đến vào lúc nửa đêm. Hàng xóm của chúng tôi đều nói: "Ôi, a... chúng đúng là hai đứa trẻ đáng yêu, cứ nhìn vào đôi mắt to của chúng mà xem".

Malachy đứng ở giữa phòng, nhìn lên khắp lượt mọi người, chỉ vào lưỡi của mình và nói: "Úc... Úc". Lúc đó, mấy người hàng xóm lại nói: "Con không thấy chúng ta đang ngắm nhìn hai đứa em mới sinh của con hay sao?" Cậu em tôi cảm thấy tủi thân và khóc váng lên cho tới khi bố phải nựng nó. "Ngậm miệng lại và thu lưỡi vào nào con trai, con ra ngoài sân chơi với Frankie đi. Đi nào".

Ngoài sân chơi, tôi kể cho Malachy về chuyện con chó chết trên đường bởi có ai đó đã đá quả bóng vào mồm nó như thế nào. Malachy lắc đầu quầy quậy: "Không... úc... phải bóng. Ô tô... úc... đâm con chó đấy chứ". Nó lại tiếp tục khóc bởi cái lưỡi đau khiến nó nói năng rất khó khăn và thật khủng khiếp nếu như ai đó không nói được ra những gì mình muốn. Nó không cho tôi đẩy cái xích đu nữa. Nó nói: "Anh... úc... đã suýt giết em trên cái... úc... bập bênh". Và thế là ngay lập tức Freddie Leibowitz đẩy giúp nó, điều đó khiến thằng bé rất vui sướng và yên tâm. Nó lại cười như nắc nẻ mỗi khi chiếc đu bay tít lên cao. So với chúng tôi, Freddie lớn hơn hẳn, nó đã lên bảy. Khi tôi nhờ Freddie đẩy hộ, nó từ chối và nói: "Cậu đã suýt giết chết em trai mình rồi còn gì".

Tôi cố gắng tự đánh đu một mình nhưng tất cả những gì tôi có thể làm là khiến cho nó xích ra đằng sau và nhô lên phía trên tí xíu. Nhưng điều khiến tôi bực hơn cả là việc Freddie và Malachy nhăn nhở cười trước cái điệu bộ lóng ngóng mà tôi vẫn không thể khiến chiếc xích đu chuyển động như ý. Giờ thì chúng quả là một đôi bạn thân, Freddie, bảy tuổi, Malachy, hai tuổi. Chúng cứ cười như vậy mỗi ngày và dần dần lưỡi của Malachy cũng bình phục trở lại sau những điệu cười như vậy.

Khi nó cười, bạn có thể trông thấy những chiếc răng của nó xinh xắn, nhỏ nhắn và trắng đến nhường nào, và bạn cũng sẽ thấy được cặp mắt nó tỏa sáng rạng ngời. Nó có cặp mất xanh giống mẹ. Tóc nó màu vàng và hai má lúc nào cũng ửng hồng. Tôi có đôi mắt nâu giống bố. Tóc tôi màu đen còn hai má, khi soi gương tôi chỉ thấy màu trắng. Mẹ tôi nói với bà Leibowitz ở dưới nhà rằng Malachy là thằng bé hạnh phúc nhất trên thế gian. Rồi mẹ lại nói với bà Leibowitz ở dưới nhà rằng Frankie có cái kiểu kì dị giống như bố nó. Tôi tự hỏi không biết cái kiểu kì dị ấy là cái gì nhưng tôi không thể hỏi ai lúc đó bởi trên thực tế tôi không được phép nghe trộm người lớn nói chuyện.

Tôi ước ao có thể bay được lên tận trên trời, chạm tới những đám mây. Có lẽ tôi sẽ bay khắp thế giới và không phải nghe tiếng khóc của mấy thằng em, Oliver và Eugene, chúng cứ chờ đến nửa đêm mới khóc oe oe. Mẹ bảo rằng chúng luôn bị đói. Chính mẹ cũng hay khóc vào lúc nửa đêm. Mẹ bảo mẹ đã kiệt sức vì cứ phải cho hết đứa này đến đứa khác bú, bốn đứa con trai là quá sức chịu đựng của mẹ. Bà ước ao có được một bé gái xinh xắn cho mình. Bà sẽ làm mọi thứ để đứa bé được hạnh phúc.

Tôi chơi ngoài sân với Malachy. Tôi lên bốn còn nó lên ba. Nó đã để tôi đẩy chiếc đu hộ nó bởi nó cũng chẳng hơn gì tôi trong việc tự đánh đu trong khi đó Freddie Leibowitz thì đang học ở trường. Chúng tôi phải chơi ngoài sân vì hai đứa em sinh đôi của tôi đang ngủ và mẹ nói mẹ đã mệt lử: “Ra ngoài kia chơi đi

các con, cho mẹ nghỉ một lúc". Như mọi ngày, bố vẫn ra ngoài tìm việc và đôi khi ông về nhà với mùi whisky nồng nặc, hát tất cả những bài hát có liên quan đến việc giải phóng Ailen. Mẹ trở nên cáu bẳn và gắt: "Cái tiếng Ailen giời đánh". Bố cãi rằng đấy là một thứ ngôn ngữ tuyệt vời và nên dùng trước mặt bọn trẻ nhưng mẹ nói bà không quan tâm đến ngôn ngữ, thực phẩm trên bàn ăn là những gì bà quan tâm, chứ không phải là việc giải phóng Ailen chết tiệt của bố. Mẹ rên rỉ rằng cái ngày mà nước Mỹ bỏ luật cấm rượu lậu thật là một ngày đen tối vì bố có thể đến lượn khắp các quán bar, phòng trà, xin được quét dọn hay khuân đổ để đổi lấy một ly whisky hoặc một vại bia tươi. Thỉnh thoảng ông đem về nhà một ít thức ăn để dành từ buổi trưa như bánh mì đen, thịt bò muối hoặc dưa chua. Ông đặt đồ ăn lên bàn rồi nhâm nhi trà. Ông bảo bây giờ mà ăn nhiều thì cũng nguy hại đến sức khỏe, nhưng quả là không biết lấy đâu ra đồ ăn để mà có cảm giác thèm muốn. Mẹ nói bọn trẻ lúc nào chả thèm ăn vì quá nửa thời gian tồn tại, chúng phải sống trong cảm giác đói khát.

Khi bố tôi tìm được việc làm, mẹ rất phấn khởi và hát:

Ai chẳng biết em khao khát nụ hôn anh,
Yêu là thế và chẳng cần suy tính
Phải vậy chăng khi anh là duy nhất
Đến bên em và hãy yêu em...

Vào cái ngày bố mang về những đồng lương đầu tiên, mẹ tôi vô cùng sung sướng bởi mẹ có thể trả tiền cho ông chủ cửa hàng tạp phẩm đáng mến người Ý và bà có thể một lần được ngẩng cao đầu, cũng chẳng có gì tệ hơn trên thế gian này khi suốt ngày phải nợ nần hay hàm ơn ai đó. Mẹ lau dọn bếp núc, đánh rửa ấm chén, bát đĩa, chải những mảnh vụn bánh mì và những mẩu thức ăn thừa còn vương trên mặt bàn, dọn sạch tủ đá và mua một tảng đá tươi từ một cửa hàng của người Ý. Mẹ mua giấy vệ

sinh cho chúng tôi mang xuống phòng vệ sinh dưới nhà. Mẹ nói: "Như thế tốt hơn nhiều là để chúng mày mang tờ *Daily News* ra mà bôi cho đít đen bóng lên". Mẹ nấu nước sôi trên bếp lò rồi lại cắm mặt vào cái chậu sắt tây lớn để giặt quần áo cho bọn tôi, tã lót cho hai đứa bé, hai cái khăn trải giường và ba cái khăn tắm của cả nhà. Bà treo chúng lên dây phơi quần áo phía sau căn hộ, mấy đứa chúng tôi có thể ngắm đống quần áo nhảy múa trong nắng và gió. Mẹ nói, không nên để cho hàng xóm biết nhà mình có những đồ gì khi mang ra phơi phóng, nhưng quả thực không có gì tốt cho quần áo hơn là được phơi nắng.

Khi bố mang về nhà những đồng lương đầu tiên vào tối thứ Sáu chúng tôi đều biết cuối tuần này sẽ là một thiên đường với cả nhà. Vào tối thứ Bảy mẹ sẽ đun nước sôi trên lò sưởi rồi nhúng cả mấy đứa vào cái chậu sắt lớn mà kỳ cọ, rồi bố sẽ lau khô từng đứa. Malachy sẽ chạy vòng quanh phòng và cả nhà sẽ nhìn thấy mông đít của nó. Bố sẽ cảm thấy rất ngỡ ngàng rồi tất cả chúng tôi đều phá lên cười. Mẹ sẽ làm cacao nóng rồi chúng tôi sẽ ngồi quanh bố để nghe ông kể những câu chuyên của mình. Tất cả những gì chúng tôi phải làm là phải đoán ra một người, ông McAdorey hay ông Leibowitz dưới nhà, bố sẽ cùng hai người đó chèo thuyền ngược dòng trên những con sông ở Brazil chạy trốn khỏi sự truy đuổi của người da đỏ có cái mũi xanh và những bả vai rám nắng. Vào những tối như vậy, chúng tôi có thể ngủ quên trong những câu chuyện của bố và biết rằng sáng mai sẽ thức dậy với một bữa sáng có trứng, cà chua rán, bánh mì nướng, trà với rất nhiều đường và sữa còn vào buổi tối, chúng tôi sẽ có bữa tối thật thịnh soạn với khoai tây nghiền, đậu bắp và đùi lợn muối nhưng tuyệt hơn cả là bánh xốp kem mẹ làm có rất nhiều hoa quả trộn với trứng sữa nóng phủ trên một cái bánh ngọt ngập dưới lớp rượu nâu.

Khi bố mang về những đồng lương đầu tiên trong thời tiết thật dễ chịu, mẹ sẽ dẫn chúng tôi xuống sân chơi. Mẹ ngồi trên

chiếc ghế băng và nói chuyện với cô hàng xóm Minnie MacAdorey. Mẹ kể cho Minnie những câu chuyện đặc sắc về Limerick còn Minnie sẽ kể cho mẹ nghe những câu chuyện đặc sắc về Belfast rồi họ cùng cười phá lên bởi cả hai đều là những người Ailen hài hước, một ở miền Bắc, một ở miền Nam. Sau đó họ sẽ dạy cho nhau những bài hát buồn và Malachy cùng với tôi sẽ rời khỏi xích đu hoặc bập bênh để đến bên họ, cùng ngồi trên ghế băng và hát.

Những anh lính một đêm trong trại
Kể cho nhau về những người tình
Mọi người đều vui trừ một chàng trai trẻ
Anh gục đầu buồn bã cô đơn
Hãy vui lên cùng chúng tôi, người bạn nói
Ở nơi xa có kẻ đợi chờ anh
Nhưng Net vẫn thở dài buồn bã
Tôi đang nhớ thương một lúc hai người
Mỗi người đều như mẹ đối với tôi
Sự chia lìa dường như là không thể
Bởi một người là mẹ đẻ của tôi
Chúa sẽ phù hộ bà, người mẹ lính
Còn người kia - cô bạn gái đáng thương.

Malachy và tôi hát bài hát đó khiến cho mẹ và Minnie cười đến chảy cả nước mắt, nhất là lúc Malachy cúi thật thấp và đưa hai tay về phía mẹ mỗi khi hát xong. Dan Macdorey trên đường đi làm về ngang qua sân chơi, chứng kiến cảnh tượng trên đã phải thốt ra: “Rudy Vallee lẽ ra phải lo lắng vì đã có đối thủ trên sân khấu nhạc kịch của mình”.

Khi chúng tôi về nhà, mẹ pha trà và làm bánh mì phết mứt hoặc khoai tây nghiền với bơ muối. Bố vẫn ngồi đó uống trà mà

chẳng ăn gì. Mẹ nói: "Có Chúa làm chứng, sao anh có thể làm việc cả ngày mà chẳng chịu ăn uống gì là thế nào?" Bố bảo rằng trà cũng đã đủ đối với bố. Mẹ tỏ vẻ không bằng lòng: "Anh đang hủy hoại sức khỏe của mình đấy". Thế rồi bố lại nói với mẹ rằng thức ăn có thể gây những phản ứng không tốt cho cơ thể. Bố vẫn chỉ uống trà và kể cho chúng tôi những câu chuyện của ông và dậy chúng tôi nhận mặt chữ trên những trang của tờ *Daily News.* Những lúc không như vậy, ông hay ngồi hút thuốc, nhìn chằm chằm vào tường, lẩm nhẩm một giai điệu Ailen.

Khi bố làm việc được đến tuần thứ ba thì ông không mang lương về nhà nữa. Vào tối thứ Sáu hôm ấy, chúng tôi ngồi đợi ông còn mẹ thì cho bọn tôi ít bánh mì và trà để chống đói. Màn đêm đã buông xuống và thành phố đã lên đèn dọc theo đại lộ Classon. Những người đàn ông đi làm ở những gia đình khác đã về nhà cả, và dĩ nhiên họ mang theo nhiều trứng cho bữa tối bởi vào thời đó, không thể mua được thịt vào ngày thứ Sáu. Bạn có thể nghe thấy các gia đình ở tầng trên và tầng dưới đang sinh hoạt rất rộn ràng, và bạn cũng có thể nghe thấy tiếng hát của Bing Crosby trên radio: "... người anh em thân mến, liệu chúng ta có thể chia sẻ cùng nhau...?".

Malachy và tôi mải nghịch với hai đứa em. Chúng tôi biết mẹ sẽ không hát bài hát: "Ai cũng biết em khao khát nụ hôn anh" nữa. Mẹ ngồi bên chiếc bàn kê trong bếp và tự nói chuyện một mình: "Biết làm sao bây giờ?" cho tới khi tân khuya. Đến lúc đó bố mới xuất hiện trên bậc thang và hát nhạc của Roddy McCorley. Bố đẩy cửa vào nhà rồi gọi mấy đứa chúng tôi: "Quân đội của ta đâu cả rồi? Bốn chiến binh của ta đâu, ra đây!".

Mẹ mệt mỏi nói với bố: "Để cho bọn trẻ được yên. Chúng lên giường với những cái bụng đói chỉ vì anh đã nốc đầy whisky chết tiệt vào bụng đấy".

Bố như không nghe thấy cứ tiến thẳng đến cửa buồng ngủ. "Dậy, các chàng trai, dậy mau. Một hào cho bất kỳ ai hứa sẽ chết

vì Ailen.

Sáu thẳm trong rừng Canada tôi gặp
Một đảo quốc hùng cường tươi sáng
Vinh quang thay mỗi bước chân qua
Trái tim hòa nhịp cùng lý trí.

Dậy, các chàng trai, dậy ngay. Francis, Malachy, Oliver, Eugene. Các Hiệp sĩ Đỏ, Các chiến sĩ của tổ chức Fenian, Quân đội Cộng hòa Ailen. Dậy, dậy.

Mẹ vẫn ngồi trong bếp, tóc mẹ bết lại trên gương mặt đẫm nước mắt. Bà khóc lóc: "Anh không để chúng yên được hay sao? Chúa nhân từ, Đức mẹ Mary và thánh Joseph! Anh về nhà không một xu dính túi rồi hành hạ lũ trẻ như thế sao?".

Mẹ tiến về phía chúng tôi: "Quay lại, lên giường đi ngủ đi các con".

Tôi muốn chúng phải dậy! - Bố quát lên, - Tôi muốn chúng phải sẩn sàng cho cái ngày Ailen được giải phóng để trở về với biển.

Đừng có bước qua tôi, nếu không hôm nay sẽ là ngày đáng tiếc của anh trong căn nhà này đấy - mẹ quả quyết chặn bố lại.

Ông kéo sụp mũ xuống che mặt rồi bắt đầu khóc: "Ôi, mẹ tội nghiệp của con. Tội nghiệp Ailen. Úc, chúng ta phải làm gì bây giờ?".

Mẹ nói với bố: "Anh đúng là một tên đốn mạt vô lương tâm", rồi bà quay sang chúng tôi nhẹ nhàng: "Về giường đi các con".

Vào buổi sáng của ngày thứ Sáu, sau một tháng kể từ khi bố đi làm, mẹ hỏi liệu tối nay ông có về nhà và mang theo tiền lương của mình không hay lại lang thang uống đủ các thứ vào người? Ông nhìn chúng tôi rồi quay sang mẹ lắc đầu như thể muốn nói: "Ôi trời, cô không nên nói những chuyện như thế này trước mặt bọn trẻ".

Mẹ vẫn chưa chịu thôi, vẫn tiếp tục hỏi bố: “Em đang hỏi anh, liệu tối nay anh có về nhà để chúng ta có cái gì đó bỏ vào bụng bọn trẻ không hay anh lại đi tới nửa đêm mới thèm mò về không một xu dính túi và cứ lải nhải mấy cái bài của Kevin Barry?”.

Bố vớ lấy mũ chụp lên đầu, sục hai tay vào túi quần, thở dài buồn bã nhìn lên trần nhà: “Tôi đã nói rồi. Tôi sẽ về”.

Sáng hôm ấy, mẹ mặc quần áo cho mấy đứa tụi tôi. Bà đặt hai đứa em sinh đôi của tôi vào xe đẩy và tất cả chúng tôi kéo qua những dãy phố dài bất tận của Brooklyn. Thỉnh thoảng, mẹ lại cho Malachy ngồi lên xe đẩy khi nó đã mỏi nhừ vì cứ phải chạy loi choi bên mẹ. Bà nói với tôi rằng tôi đã quá lớn để có thể cùng ngồi với các em trên chiếc xe nôi đó. Tôi rất muốn nói với mẹ rằng cứ phải chạy theo mẹ như thế chắc tôi sẽ bị đau chân mất, nhưng suốt quãng đường không hề thấy bà hát một câu nào, tôi chắc mẩm ngày hôm nay không phải dành cho việc than phiền về những vết thương của tôi.

Chúng tôi dừng lại trước một cánh cổng lớn, ở đó có một người đứng trong một cái hộp với bốn phía đều có cửa sổ. Mẹ nói chuyện với người đàn ông đó. Bà nói muốn được vào bên trong, đến nơi người ta phát lương cho công nhân và nếu có thể mẹ sẽ lĩnh trước một phần lương của bố, như vậy ông sẽ không tiêu hết tiền trong những quán bar. Người đàn ông lắc đầu: “Tôi rất tiếc, thưa bà, nhưng nếu tôi để bà vào trong đó thì có tới một nửa số phụ nữ của Brooklyn sẽ ập vào đây mất. Bà biết đấy, hầu hết đàn ông *ở* đây đều có vấn đề với rượu nhưng chúng tôi cũng không thể can thiệp được gì khi họ đến đây làm trong tình trạng tỉnh táo cả”.

Chúng tôi đứng đợi phía bên kia đường. Mẹ để mấy đứa ngồi cả trên vỉa hè, dựa lưng vào tường. Mẹ đưa cho hai đứa trẻ mấy cái bình sữa nhưng trong đó chỉ có nước đường. Còn tôi và Malachy vẫn phải đợi cho đến khi mẹ lấy được tiền lương của bố để mua bánh mì, trà và trứng ở cửa hàng của người Ý.

Vào lúc năm rưỡi chiều, người ta thổi còi hết giờ, tôi thấy những người công nhân mặc bộ đồ bảo hộ, đội mũ lưỡi trai đổ xô ra cổng, mặt mũi tay chân họ đen nhẻm dầu mỡ. Mẹ nói chúng tôi phải nhìn thật kỹ xem có thấy bố không bởi đứng từ bên này đường bà khó có thể nhìn rõ được, mắt của mẹ thật tệ. Có hàng tá người đổ ra đường, rồi đến từng nhóm, lác đác vài người và cuối cùng chẳng còn ai. Mẹ bật khóc, tại sao chúng ta không trông thấy bố nhỉ, hay là mù hết cả?

Mẹ quay trở về chỗ cái người đàn ông đứng trong hộp: "Ông có chắc rằng không còn ai bên trong nữa không?".

- Không đâu, thưa bà. Họ đã về cả rồi. Tôi không biết thế nào bà lại không tìm thấy ông nhà - ông ta trả lời.

Chúng tôi lại kéo nhau về trên những dãy phố dài ở Brooklyn. Hai đứa em tôi ôm chặt những cái bình của chúng và bắt đầu khóc vì chúng muốn có nước đường nữa. Malachy bảo rằng nó đói lắm rồi, mẹ phải dỗ nó gắng đợi thêm chút nữa, cho tới lúc chúng tôi gặp được bố để lấy tiền và cả nhà sẽ có một bữa tối thật tươm. Mẹ sẽ tới gian hàng của người Ý để mua trứng và nướng bánh mì trên lửa bếp lò để chúng tôi phết mứt lên trên. Ôi, nhất định chúng tôi sẽ làm thế, rồi tất cả sẽ dễ thương và không khí gia đình lại ấm cúng trở lại.

Màn đêm đã buông xuống đại lộ Atlantic và tất cả các quán bar xung quanh ga xe lửa Long Island đều tỏa sáng, nhộn nhạo. Chúng tôi đi hết quán này sang quán khác để tìm cha. Mẹ để mấy đứa đứng ngoài với chiếc xe nôi rồi lầm lũi vào từng quán tìm hoặc cử tôi vào. Trong đó thật ồn ào và chật ních, toàn là đàn ông và mùi của họ khiến tôi nhớ tới cha mỗi khi ông về nhà nồng nặc mùi whisky.

Người đàn ông đứng sau quầy bar trông thấy tôi và hỏi: "Hây nhóc, muốn gì? Cháu biết là trẻ con không được phép vào những chỗ như thế này đúng không?".

Cháu đi tìm bố. Có bố cháu trong này không ạ?

Ờ, khoan, để xem bố cháu trông thế nào đã? Thế bố cháu là ai?

Bố cháu tên là Malachy, ông ấy hay hát Kevin Barry.

Malarkey à?

Không! Malachy mới đúng.

Malachy? Và ông ấy hát Kevin Barry?

Người đàn ông gọi to cho những người trong bar nghe thấy: "Này các anh, có ai trong số các anh biết Malachy hay hát Kevin Barry không?".

Mọi người đều lắc đầu. Một ai đó nói ông ấy biết một gã tên là Michael hát Kevin Barry nhưng hắn đã chết trong lúc say bởi những di chứng của chiến tranh.

Người phục vụ bên quầy rượu quay sang tôi: "Thề có Chúa, Pete, tôi có bảo anh phải kể tôi nghe lịch sử chiến tranh đâu? Còn bây giờ, cháu thấy đấy, chúng tôi không cho phép mọi người hát hò ở đây. Sẽ gặp rắc rối to đấy. Đặc biệt là người Ailen. Cứ thử hát mà xem, lại chẳng ăn ngay một đấm ấy chứ. Hơn nữa, tôi chưa từng biết ai tên là Malachy. Giờ thì rõ rồi, không có Malachy ở đây"

Người đàn ông có tên là Pete đẩy cốc của ông ta về phía tôi. Đây, cậu bé, nhấp một ngụm xem nào. Nhưng người phục vụ đã phản ứng ngay: "Anh làm gì thế Pete? Dụ một đứa trẻ uống rượu à? Thử lại tôi xem nào, tôi chẳng ra ngoài đó đá vỡ cái mông anh ra cho coi".

Mẹ đã cố gắng vào tất cả các quán bar quanh khu nhà ga để tìm bố trước khi bà hoàn toàn từ bỏ ý định. Mẹ đứng dựa lưng vào tường và khóc: "Chúa ơi, còn cả một quãng đường dài chúng con phải đi để về được đại lộ Classon và còn đây, bốn đứa bé đói khát khổ sở của con". Bà đưa tôi trở lại cái quán bar lúc nãy mà Pete mời tôi một hớp rượu để hỏi xem liệu người phục vụ có cho chúng tôi xin một ít nước và may chăng một chút đường đổ vào mấy cái bình cho tụi trẻ bú hay không. Ông ta nói với tôi rằng trẻ con thì phải uống sữa chứ không phải là nước như thế này.

Tôi nói với ông, mẹ không có tiền để mua sữa cho các em. Người phục vụ đổ hết chỗ nước đường còn lại trong mấy cái bình rồi đổ đầy sữa vào đó cho tôi. Ông tỏ vẻ quan tâm và bảo tôi về nhắn với mẹ rằng sữa rất tốt cho răng và xương của bọn trẻ: "Cho trẻ con uống nước với đường như thế này thì thể nào chúng cũng bị còi xương mất thôi, về nói với mẹ cháu như thế".

Mẹ tỏ ra thật mãn nguyện với hai bình sữa. Bà nói bà biết tất cả những điều về răng và sữa, và cả bệnh còi xương nữa nhưng đã đi ăn mày thì đâu có quyền kén chọn.

Khi chúng tôi về đến đại lộ Classon, mẹ đi thẳng tới quầy tạp phẩm của ông người Ý. Bà nói với người bán hàng rằng chồng bà sẽ về muộn tối nay, có lẽ ông ấy đang làm thêm giờ, và liệu rằng bà có thể giật nóng vài món và chắc chắn sáng mai sẽ quay trở lại để trả tiền.

Ông người Ý rất nhã nhặn: "Ồ, thưa bà, chẳng sớm thì muộn lúc nào bà cũng thanh toán tiền hàng cho tôi, bà cứ lấy bất cứ thứ gì bà cần trong cửa hàng này".

Mẹ mừng rỡ thốt lên: "Vâng, vậy may quá. Tôi cũng không cần nhiều đâu, phiền ông quá".

- Cứ nhặt bất cứ thứ gì bà cần, thưa bà, bởi tôi biết bà là một phụ nữ lương thiện đáng mến. A, hình như bà còn dắt theo cả bầy trẻ đáng yêu của mình ra đây thì phải?

Vậy là chúng tôi có trứng, bánh mì nướng và mứt. Bởi cả nhà đều kiệt sức sau chuyến đi bộ xuôi ngược trên những con phố của Brooklyn nên chúng tôi chỉ đủ sức nhai trệu trạo vài miếng. Hai đứa nhỏ sau khi ăn đã lăn ra ngủ, mẹ đặt chúng lên giường và thay tã cho tụi trẻ. Mẹ bảo tôi xuống nhà giặt đống tã bẩn của chúng dưới phòng vệ sinh, sau đó phải phơi lên để ngày mai các em tôi có tã khô dùng. Malachy giúp mẹ lau sạch mông cho hai đứa em mặc dù bản thân nó đã buồn ngủ díp cả mắt.

Tôi bò lên giường nằm với Malachy và hai thằng em sinh đôi. Ngó ra ngoài, tôi vẫn thấy mẹ ngồi ở cái bàn kê trong bếp. Bà

ngồi đó hút thuốc, uống trà và khóc. Tôi muốn nhỏm dậy và nói với mẹ rằng tôi sẽ lớn thật nhanh để rồi có thể làm việc được trong khu nhà có cái cổng lớn sáng nay và tôi sẽ về nhà vào những tối thứ Sáu với tiền lương để bà có thể mua được trứng, bánh mì nướng và mứt. Và rồi mẹ lại có thể vui vẻ hát bài hát: *Ai cũng biết em khao khát nụ hôn anh.*

Bố mất việc vào tuần tiếp theo. Ông về nhà vào tối thứ Sáu, quẳng lương lên bàn và nói với mẹ: "Giờ cô đã thỏa mãn chưa? Cô quanh quẩn ngoài cổng, phàn nàn buộc tội

tôi để rồi họ cho tôi thôi việc. Họ đang cần một cái cớ và chính cô là người đã giúp họ đuổi cổ tôi"

Ông lấy ra một vài đôla trong số lương của mình rồi bỏ ra ngoài. Bố tôi mò về vào lúc nửa đêm, hò hét và hát váng nhà. Hai đứa trẻ khóc toáng lên khiến mẹ phải dỗ mãi, nhưng chính bà cũng khóc mãi không nguôi.

Chúng tôi chơi hàng giờ liền ngoài sân trong khi hai đứa em tôi ngủ, mẹ thì dường như kiệt sức còn bố vẫn hay về nhà với mùi whisky, than rên những bài hát về cái ngày thứ Hai mà Kevin Barry hay Roddy McCorley bị xử tử.

Bố cứ đi đều bước quanh cái bàn ăn mỗi khi cao giọng hát. Chứng kiến cảnh đó, mẹ lại bật khóc rồi hai đứa em tôi lại cùng tru lên theo mẹ. Mẹ bảo chúng tôi: "Ra ngoài đi Frankie, ra ngoài đi Malachy. Các con không nên ở gần bố những lúc như thế này. Các con cứ chơi ngoan dưới sân".

Chúng tôi không ngại phải xuống sân chơi, ở đó, mấy đứa có thể chơi với từng đống lá khô được vun lại trong sân hay cũng có thể giúp nhau đẩy chiếc xích đu. Nhưng sau đó, mùa đông đã ập đến đại lộ Classon và chiếc xích đu cũng bị chết cóng, nó thậm chí chẳng thèm nhúc nhích. Minnie MacAdorey nói: "Chúa phù hộ cho những đứa trẻ đáng thương của tôi. Cả mấy đứa không có đến một chiếc bao tay". Điều này khiến tôi bật cười bởi tôi biết rõ Malachy và tôi có tất cả bốn cái tay, thật ngu

xuẩn nếu chỉ có một cái, chẳng biết cô ấy định làm gì với nó. Malachy không biết vì sao tôi cười: Nó chẳng biết gì mãi cho tới khi lên bốn, lên năm.

Minnie mang cho chúng tôi ít trà và cháo đặc với một chút mứt. Chú MacAdorey ngồi trong chiếc ghế bành cùng cô con gái mới sinh của họ - Maisie. Tay chú cầm bình sữa và khẽ hát:

Vỗ tay nào, vỗ tay nào
Cho tới khi cha về đến cửa
Với một chú sóc con trong túi
Bởi Maisie của bố có một mình
Vỗ tay nào, vỗ tay nào
Cho tới khi cha về đến cửa
Bởi bố Maisie có tiền trong túi
Còn mẹ em lại chẳng có gì.

Malachy cố hát lại bài hát này nhưng tôi bảo nó thôi ngay, đấy là bài hát của Maisie. Thằng bé bắt đầu khóc thì Mannie nói: "Thôi nào, thôi nào cậu bé. Cháu có thể hát bài hát này mà. Nó dành cho tất cả trẻ con". Chú MacAdorey nhìn Malachy mỉm cười còn tôi thì tự hỏi cái thế giới kiểu quái gì mà cứ hễ muốn là hát luôn bài hát của người khác như thế.

Minnie nói: "Đừng có gắt gỏng thế Frankie, nó khiến mặt cháu nom khó coi lắm. Mà thề có Chúa, bình thường nom đã khó coi lắm rồi đấy nhé. Một ngày kia cháu sẽ có em gái và cháu cũng sẽ hát bài hát đó cho em cháu, ơ, chắc chắn cháu sẽ có em gái đấy".

Minnie đã nói đúng và mẹ đã thỏa nguyện được ao ước của mình. Chẳng bao lâu sau chúng tôi có thêm em gái, họ gọi nó là Margaret. cả nhà đều yêu quí Margaret. Cô bé có mái tóc loăn xoăn đen lánh và cặp mắt xanh thẳm của mẹ. Nó cứ vỗ vỗ hai bàn tay nhỏ xíu rồi kêu líu ríu như lũ chim non vẫn đậu trên

những hàng cây dọc theo đại lộ Classon. Minnie nói cái ngày mà cô bé được sinh ra đúng là một ngày hội trên thiên đường. Bà Leibowitz lại nói thế giới này chưa từng được chiêm ngưỡng đôi mắt đẹp, nụ cười dễ thương và niềm hạnh phúc nào ngọt ngào đến thế. "Con bé khiến tôi cảm thấy rộn ràng chỉ muốn nhảy lên một điệu", bà nói.

Khi cha về nhà sau một ngày dài tìm việc, ông ôm Margaret trong tay và hát cho cô bé nghe. Bố cứ đi vòng quanh bếp với con bé rồi lại nói chuyện với nó. Bố nói cho nó hay nó đáng yêu biết nhường nào với những lọn tóc đen óng và đôi mắt xanh thẳm của mẹ. Bố nói với nó bố sẽ đưa con bé về Ailen và họ sẽ cùng đi dạo trong thung lũng Antrim, cùng bơi dưới vịnh Neagh. Và rằng bố sẽ nhanh chóng có việc, rất nhanh, để con gái cưng của bố được diện những bộ váy xinh đẹp, được đi những đôi giầy có khóa bằng bạc và có nhiều sữa để uống.

Bố hát càng nhiều thì Margaret càng ít khóc và thậm chí khi một ngày sắp trôi qua, con bé lại bắt đầu cười rất vui. Mẹ nói: "Xem cái kiểu ông ấy nhảy với con bé trong vòng tay kìa", và mẹ cười rũ ra khiến chúng tôi cũng cười theo.

Mỗi khi hai đứa em sinh đôi của tôi khóc lúc chúng còn nhỏ xíu thì bố mẹ tôi lại "suỵt" để chúng nín và có thể tiếp tục ngủ. Nhưng khi Margaret khóc, tôi có cảm giác như một nỗi cô đơn khủng khiếp trào dâng trong không gian, bố tỏ ra rất lo cho con bé, bế nó lên tay rồi nhảy một điệu nhẹ nhàng xoay quanh chiếc bàn, hát cho nó nghe, làm những tiếng động giống như mẹ tôi vẫn làm để dỗ nó. Khi bố lướt ngang qua cửa sổ, nơi mà ánh đèn đường hắt vào, tôi trông thấy nước mắt lăn trên má ông, và thật lạ bởi ông chưa khóc vì ai bao giờ, chỉ trừ những lúc ông say rượu và hát các bài hát về Kevin Barry hay về Roddy McColey. Giờ tôi lại thấy bố khóc vì Margaret nhưng không hề có mùi rượu trên người ông.

Mẹ nói với Minnie MacAdorey: “Cứ mỗi khi chơi với con bé, bố nó cứ như đang sống ở thiên đường vậy. Anh ấy thậm chí không đụng đến một giọt rượu nào kể từ khi có nó. Lẽ ra chị phải có một đứa con gái từ lâu mới phải”.

Minnie nhận xét: “Ôi a, chúng mới đáng yêu có phải không chị? Đã đành mấy cậu nhóc này quan trọng rồi nhưng quả thật em thấy chị cần có một cô bé dễ thương cho riêng mình như thế này kia”.

Mẹ cười lớn: “Cho riêng chị á Minnie? Có Chúa trên trời làm chứng, nếu chị không cho nó bú thì chị chẳng có lý do gì để đến bên con bé vì bố nó cứ kè kè ôm chặt lấy con bé từ sáng đến tối rồi lại đến sáng hôm sau ấy chứ”.

Minnie cũng phải bật cười: “Ôi trời, thế hả chị? Thế cũng hay chứ sao, cũng vậy cả mà. Bố nó cứ như bị bỏ bùa ý chị nhỉ. Một con bé dễ thương như thế thì ai chẳng thích”.

Ai cũng thích.

Hai đứa em sinh đôi của tôi đã chập chững đứng được và đang tập đi, hai thằng hết vấp rồi lại ngã khiến mẹ tôi chẳng được yên. Mông của hai thằng mới khiếp, lúc nào cũng ướt nhẹp, không ị đùn thì đái dầm. Chúng cứ vớ được cái gì là đút tuột vào mồm, chẳng kể bẩn sạch, một mẩu giấy, một nhúm lông gà, dây giày... để rồi luôn kêu đau bụng. Mẹ bảo lũ chúng tôi khiến mẹ sắp phát điên đến nơi rồi. Mẹ mặc quần áo cho hai đứa, đặt chúng vào xe đẩy còn tôi và Malachy mang chúng xuống sân chơi. Mùa đông đã qua, những chồi non đã trổ trên hàng cây dọc theo đại lộ Classon.

Chúng tôi đẩy chiếc xe nôi của bọn trẻ chạy đua với nhau trong sân chơi, hai chú nhóc cười như nắc nẻ, miệng không ngớt kêu: “goo-goo” cho tới khi chúng thấy đói và bắt đầu khóc. Mẹ đã chuẩn bị sẵn hai bình đựng nước đường bỏ trên xe đẩy, nhưng chúng chỉ dỗ được hai thằng trong một lát, cho tới khi chúng thấy đói trở lại và bắt đầu khóc thì quả tình tôi chẳng biết làm

thế nào. Bởi các em tôi còn quá nhỏ, tôi ước sao có thể cho chúng tất cả các loại thức ăn để chúng có thể vui vẻ cười và kêu những tiếng kêu của trẻ nhỏ. Chúng thích ăn những đồ mềm mà mẹ vẫn làm từ thịt lợn, bánh mì nhúng nước đường và sữa. Mẹ gọi đấy là món bánh mì hạnh phúc.

Nếu tôi đem hai đứa em về lúc này thể nào cũng bị mẹ la vì cái tội không cho mẹ yên hoặc đánh thức Margaret dậy. Chúng tôi phải ở dưới sân cho tới khi mẹ thò cổ ra ngoài cửa sổ và gọi mấy đứa lên. Tôi cố làm bộ mặt cười để chọc vui cho hai thằng em thôi khóc. Tôi lấy một mảnh giấy đặt trên đầu và để nó rơi lả tả cũng khiến chúng cười được một lúc. Trao chiếc xe nôi cho Malachy, tôi quay sang chơi đu với Freddie Leibowitz. Trong khi đó Malachy đang cố kể cho Freddie câu chuyện về Setanta trở thành Cuchulain. Tôi bảo nó phải dừng ngay vì đó là câu chuyện của tôi. Nhưng Malachy vẫn thao thao bất tuyệt. Tôi đẩy nó một cái thế là thằng bé khóc váng lên: "Oa, oa, oa, em sẽ mách mẹ cho coi". Freddie đẩy thật mạnh khiến tôi tối sầm mặt mũi, vậy là tôi nổi điên lên, xông vào nó với nắm đấm, đầu gối và khuỷu tay cho tới khi nó gào lên: "Hey, hey, dừng lại. Thôi đi, tao không chịu được nữa rồi. Có phải tại tao đâu". Nhưng tôi không chịu dừng vì nếu thế, Malachy lại cứ đem chuyện của tôi đi kể cho cái thằng này. Freddie đẩy tôi ra rồi chạy mất dạng, vừa chạy vừa gào toáng lên: "Frankie giết con. Frankie giết con". Tôi chẳng biết làm gì bởi tôi chưa từng có ý định giết ai bao giờ. Còn Malachy của tôi thì ngồi trên xích đu mếu máo: "Đừng giết em Frankie nhé". Nom nó thật tội nghiệp, tôi chạy lại ôm lấy em rồi giúp nó bước xuống đất. Malachy ôm chặt tôi nức nở: "Em sẽ không kể chuyện của anh nữa đâu. Em sẽ không kể cho Freddie về Coo, Coo nữa, úc, úc". Tôi buồn cười quá nhưng không thể cười được vì hai thằng em trong xe nôi lại khóc váng. Trên sân chơi, trời đã xâm xẩm tối. Đến lúc này thì tôi chịu vì có làm mặt cười hay để giấy rơi trên đầu cũng vô ích bởi bọn trẻ còn nhìn thấy gì khi trời tối thế này?

Cửa hàng thực phẩm của ông người Ý nằm ở phía bên kia con phố, đứng ở đây tôi có thể trông thấy chuối, táo và cam ông ta bày trên sạp. Tôi biết đứa em tôi rất thích ăn chuối. Malachy cũng thích chuối và tôi cũng không phải là ngoại lệ. Nhưng phải có tiền mới mua được chuối, ông bán hàng sẽ không biết được nếu tôi lỉnh vào lấy trộm vài quả chuối, đặc biệt là bố mẹ tôi càng không biết, khi mà họ đã sẩn nợ cửa hàng đó tiền thực phẩm.

Mẹ liên tục dặn tôi rằng không bao giờ được rời khỏi sân chơi, không bao giờ, trừ khi chúng tôi về nhà. Nhưng tôi phải làm gì đây với hai thằng em trong xe nôi cứ khóc oe oe vì đói thế này? Tôi bảo Malachy tôi đi đằng này một lát và sẽ về ngay với các em. Khi biết chắc không có ai trông thấy, tôi chụp vội một nải chuối được bày phía ngoài cửa hàng thực phẩm rồi chạy xuống đại lộ Myrtle, cách xa sân chơi, len lỏi giữa các khối nhà, tới một khu nhà hoang, ở đó có một cái hốc trong hàng rào. Chúng tôi đẩy chiếc xe nôi vào góc tối rồi bóc chuối cho hai đứa em. Có năm quả cả thảy, hai đứa tôi cho bọn trẻ ăn trong bóng tối. Hai thằng bé ăn một cách vụng về khiến chuối dính nhoe nhoét đầy mặt, tóc và cả quần áo của chúng. Lúc này tôi mới giật mình vì thể nào cũng bị hỏi. Mẹ sẽ hỏi chúng tôi tại sao trên áo các em tôi lại giây đầy chuối như thế, và chúng tôi lấy chuối ở đâu ra? Tôi không thể nói với mẹ câu chuyện về cửa hàng tạp phẩm bên đường. Tôi sẽ phải trả lời... có một người!

Đúng rồi, tôi sẽ nói có một người.

Và điều kỳ diệu đã xảy ra. Có một ông đứng ở cổng sân chơi, o, Chúa ơi, cái ông người Ý. Ông ấy gọi tôi: “Hey, cậu cả, lại đây với bác, lại đây”.

Tôi sẽ đến chỗ ông ta.

Tụi nhỏ đang kêu khóc là em cháu hả?

Vâng ạ.

Tốt. Cháu cầm lấy túi hoa quả này cho chúng đi. Nếu bác không cho các cháu thì cũng phải bỏ đi thôi. Đúng không? ơ, được đấy, tốt lắm, cầm lấy đi cháu. Bác có rất nhiều táo, cam và chuối ở đây. Có vẻ như các cháu thích chuối thì phải. Bác nghĩ các cháu thích nhất là chuối đấy. Ừ, đúng rồi, cầm lấy đi cháu. Các cháu có một bà mẹ tuyệt vời đấy. Còn bố các cháu ư? Bác biết ông ấy, hình như ông ấy gặp vấn đề phải không? Mấy chuyên cố hữu của người Ailen ý mà. Cháu cho các em ăn chuối đi. Đừng để chúng khóc như thế nữa cháu à. Từ bên này phố, bác đã nghe văng vẳng tiếng chúng khóc rồi đấy.

Cháu cảm ơn ngài.

Thôi nào, cái thằng bé này khách sáo thế? Cháu học ở đâu phép lịch sự như vậy?

Dạ thưa ngài, bố cháu vẫn dạy bọn cháu phải nói cám ơn ạ.

Bố các cháu à? O, tốt đấy.

Bố đang ngồi chăm chú xem báo bên bàn ăn. Ông bảo tổng thống Roosevelt là một người tuyệt vời và chẳng bao lâu nữa cả nước Mỹ sẽ giải quyết được nạn thất nghiệp. Mẹ ngồi phía bên kia bàn, đang cho Margaret bú bình. Bà có một cái nhìn dò xét khiến tôi cảm thấy sợ.

Con lấy đâu ra hoa quả cho các em ăn như thế?

Ông ấy cho con.

Ông nào?

Cái ông người Ý bán hàng bên kia đường đấy mẹ.

Có phải mày ăn trộm của người ta không?

Malachy chen vào: “Ông người Y đấy mẹ ạ. Ông ấy đã cho Frankie một túi chuối thật mà”.

Thế mày đã làm gì với Freddie Leibowitz? Mẹ nó vừa ở nhà mình đấy. Bà ấy là một người đáng mến. Mẹ không biết nhà mình sẽ ra sao nếu không có sự giúp đỡ của bà ấy và Minnie MacAdorey đâu. Còn mày sao lại bắt nạt Freddie đáng thương thế hả?

Malachy nhảy choi choi: “Anh không làm thế đâu mẹ. Anh không làm gì đâu mẹ. Frankie đâu có định giết Freddie. Không định giết cả con nữa”.

Bố chậm rãi lên tiếng: “Trật tự nào Malachy. Con lại đây với bố”, thế rồi ông nhấc thằng bé vào lòng.

Mẹ quát tôi: “Xuống nhà mà xin lỗi Freddie ngay cho tôi nhờ”.

Nhưng bố lại bảo: “Con có thật sự muốn nói lời xin lỗi với Freddie không hả Frankie?”.

Không ạ.

Bố mẹ tôi nhìn nhau lạ lẫm. Bố phân trần: “Freddie là một cậu bé ngoan. Nó có làm gì con đâu, thậm chí còn đẩy xích đu cho em con chơi dưới sân là gì. Có đúng không con?

Úc, nhưng bố bảo cho mày biết nhé. Frankie nó không quan tâm đến truyện Cuchulain đâu. Nó có câu chuyện của nó. Hàng trăm truyện chẳng hết ý chứ. Nó là người Do Thái, con hiểu chứ?

Do Thái gì cơ ạ?

Bố phá lên cười: “Do Thái là... là người Do Thái. Họ có những câu chuyện của họ. Họ chẳng cần Cuchulain của con đâu. Họ có Moses, có Samson”.

Samson là gì hả bố?

Nếu con xuống dưới nhà dàn hòa với Freddie, bố sẽ kể cho con câu chuyện về Samson. Con có thể xin lỗi Freddie và hứa với cậu ấy rằng con không bao giờ xử sự như thế nữa. Thậm chí con có thể hỏi Freddie câu chuyện về Samson. Con sẽ có những gì con muốn chừng nào xuống xin lỗi Freddie. Thế đã được chưa nào?

Em bé bắt đầu ọ oẹ khóc trên tay mẹ tôi. Ngay lập tức bố chồm dậy khiến Malachy lăn lông lốc dưới sàn nhà: “Con bé có sao không em?”. Mẹ thản nhiên bảo bố: “Tất nhiên là ổn cả. Nó đang bú, trẻ con mà lị. Chúa ơi, nhìn anh kìa, cứ như thể sắp phát khùng lên ý!”

Họ lại tiếp tục tranh cãi nhau về Margaret và thế là chuyện của tôi bị bỏ quên. Tôi chẳng quan tâm. Tôi chạy xuống nhà để hỏi Freddie về Samson, để xem Samson có hay bằng Cuchulain của tôi không, để xem có thực Freddie có chuyện thật không hay nó chỉ tìm cách ăn cắp chuyện Cuchulain. Malachy muốn đi theo tôi bởi lúc này bố đang đứng nên nó không còn ngồi trong lòng bố được nữa.

Bác Leibowitz vui vẻ đón chúng tôi: "Ồ, Frankie, Frankie, vào đi cháu. A, Malachy xinh xắn cũng xuống chơi đấy hả. Nào, cháu cho bác hay xem cháu đã làm gì Freddie. Nó ngoan lắm cháu có biết không. Nó chỉ biết đọc sách, nghe đài với bố, nó còn chơi xích đu với em cháu. Thế sao cháu lại định giết nó? Freddie ơi là Freddie! Còn cả bà mẹ đáng thương và em gái ốm yếu của cháu nữa chứ".

Em cháu có ốm đâu thưa bác Leibowitz.

Cô bé đang ốm đấy cháu ạ. Zat là một đứa bé không được cứng cáp lắm. Bác biết những đứa trẻ ốm là thế nào mà. Bác làm trong bệnh viện cháu hiểu không? Đừng nói với bác là cháu biết hơn bác nhé Frankie. Vào đi, vào đi các cháu. Freddie, Freddie, Frankie đây này. Ra đây con. Frankie sẽ không giết con đâu mà sợ. Nào, Malachy bé nhỏ của bác vào đây cháu. Thằng bé có cái tên đẹp ghê! Bánh ngọt nhé các cháu? A, mỗi đứa một cốc sữa nghe. Hai thằng gầy quá, người Ailen không ăn uống gì hay sao?

Chúng tôi ngồi chung một bàn với Freddie, ăn bánh và uống sữa. Bác trai ngồi đọc báo và nghe đài trên chiếc ghế bành. Thỉnh thoảng, bác quay sang nói chuyện với vợ nhưng tôi chẳng hiểu họ nói gì với nhau bởi họ nói với nhau bằng một thứ ngôn ngữ rất lạ. Hình như Freddie hiểu.

Bác gái nhìn tôi và Malachy lắc đầu buồn bã: "Ôi, gầy quá". Bác cứ lặp đi lặp lại từ "ôi" khiến Malachy buồn cười và cũng nói "ôi". Thế là cả nhà cùng cười phá lên và bác Leibowitz lại nói những cáu mà chúng tôi có thể hiểu được: "Khi người Ailen nói

ôi, có nghĩa là họ đang cười đấy". Bác gái cười nhiều đến nỗi người bác cứ nghiêng ngả, một lúc sau bác phải ôm chặt lấy bụng. Còn Malachy cứ liên tục nói "ôi" vì nó biết mọi người sẽ cười. Tôi cũng nói "ôi" nhưng chẳng ai cười cả và tôi biết từ "ôi" đã thuộc về Malachy cũng giống như Cuchulain thuộc về tôi. Như vậy Malachy đã có "ôi"!

Bác Leibowitz ạ, bố cháu bảo Freddie có chuyện hay lắm.

Ôi! Sam, Sam. - Malachy thêm vào.

Mọi người lại nghiêng ngả cười trừ có tôi bởi tôi không nhớ tiếp theo Sam là gì. Freddie vừa trệu trạo nhai bánh vừa nói: "Samson". Ngay lập tức mẹ nó nhắc: "Con đừng bao giờ nói chuyện trong lúc đang nhai đầy *chuột* như thế". Tôi cười phá lên bởi bà nói chệch âm tiếng Anh, đáng lẽ phải nói từ *miệng* thì bà lại nói thành *chuột* [1]. Malachy cũng cười bởi nó thấy tôi cười. Hai vợ chồng bác nhìn nhau rồi cười. Freddie nói: "Không phải Samson đâu. Chuyện tớ thích là David và người khổng lồ Goliat cơ. David đã giết chết người khổng lồ bằng súng cao su với một viên đá bắn trúng đầu hắn. Rơi cả óc xuống đất đấy nhé".

Khiếp thật, rơi đầy cả dưới đất - bác Leibowitz thêm vào.

Vâng, đúng đấy ba ạ.

"Ba" là cách mà Freddie gọi cha nó, còn tôi gọi cha tôi là "Bố".

Tiếng thì thầm của mẹ khiến tôi tỉnh giấc. Hình như có chuyện gì xảy ra với em gái tôi. Lúc đó còn rất sớm và dường như trời còn chưa kịp sáng nhưng tôi đã thấy bố đứng bên cửa sổ cùng với Margaret trên tay. Ông đang nhẹ nhàng nựng con bé và khẽ hát, "úc".

Mẹ nói khẽ nhưng giọng có vẻ bất an: "Con bé có sao không anh? Có phải nó bị ốm không anh?".

- ức! - nó nằm im trên tay bố, hình như người nó có vẻ hơi lạnh.

Mẹ đã ra khỏi giường và bế nó thay bố. Họ định mang em tới bác sĩ. Hình như bố mẹ tôi chỉ còn trông chờ vào lòng nhân từ của Chúa. Tôi thấy bố bỏ vội áo vào trong quần, không áo khoác, không giày, không tất trong cái ngày lạnh giá ấy.

Còn bọn tôi thì đợi trong phòng, hai cậu em sinh đôi vẫn ngủ ngon lành phía cuối giường, Malachy thì đang ngọ nguậy cạnh tôi: "Frankie, em muốn uống nước". Mẹ đang cuống cuồng bên giường mình: "Ôi, Margaret, Margaret bé bỏng của mẹ. Con yêu, hãy mở đôi mắt xanh xinh đẹp ra nhìn mẹ đi nào. Thiên thần bé bỏng của mẹ".

Tôi rót đầy một cốc nước cho tôi và Malachy. Mẹ tôi trông thấy lại rền rĩ: "Con lấy nước cho con và em đấy ư? Ôi trời ơi, nước đấy phải không? Chẳng có gì cho em gái các con đây này. Ôi, đứa em gái bé bỏng tội nghiệp của các con. Các con có bao giờ hỏi xem nó có miệng hay không? Có tự hỏi xem nó có cần một giọt nước hay không? o, không đâu. Thôi, đi mà uống nước của chúng mày đi, cứ như thể chẳng có gì xảy ra vậy. Lại một ngày như bao ngày của hai đứa chúng mày bắt đầu? Và hai đứa trẻ sinh đôi kia vẫn cứ ngủ như thể chúng không thèm quan tâm đến cô em gái bé bỏng, đáng thương của chúng đang ốm trên tay mẹ nó đây này. Nó nằm ốm yếu trên tay mẹ đây này, các con có thấy không? Ôi, Chúa Jesus nhân từ ôi".

Tại sao mẹ lại nói như thế nhỉ? Mẹ nói cứ như thể hôm nay không còn là mẹ của tôi nữa. Tôi muốn có bố ở đây, bố đâu rồi?

Tôi quay trở về giường và bắt đầu khóc. Malachy hỏi: "Sao anh lại khóc? Sao anh khóc?". Tôi khóc cho đến khi mẹ quay sang tôi lần nữa: "Em gái mày đau ốm nằm đây mà cứ ngồi đấy rên rỉ như thế sao? Nếu để mẹ phải sang bên giường thì mày đúng là có lý do để phải khóc đấy".

Bố đã dẫn bác sĩ về. Người bố có mùi whisky. Bác sĩ bắt đầu khám cho em tôi: ông tìm cách lay cho nó tỉnh; kéo mí mắt con bé lên; sờ nắn cổ; tay và chân của nó. Thế rồi ông ngẩng đầu lên

và buồn bã lắc đầu: “Tôi rất tiếc, cô bé đã chết rồi, thưa ông bà”. Mẹ bò đến cạnh em, ôm chặt lấy nó rồi quay vào tường. Ông bác sĩ muốn biết xem liệu có phải đã có tai nạn gì đó xảy ra với em tôi không, có ai đánh rơi nó xuống đất hay có phải tụi tôi đã đùa hơi quá với nó không?

Cha tôi lắc đầu một cách vô hồn. Bác sĩ nói ông sẽ mang con bé đi để khám pháp y và bố phải ký vào một tờ giấy. Mẹ tôi van nài ông xin được ôm con bé thêm một vài phút nữa nhưng bác sĩ nói ông không có thời gian để ở đây cả ngày. Khi bố đến gần mẹ để bế Margaret, mẹ tôi đã chống lại như điên dại. Trông bà khi đó thật hoang dã, những lọn tóc đen của bà rủ xuống trán, khuôn mặt mẹ tôi ướt đầm mồ hôi, đôi mắt bà mở trừng trừng, lấp lánh những giọt nước mắt. Mẹ cứ lắc đầu liên tục và không ngừng gào thét: “Ôi, Chúa ơi, không!” cho đến khi bố lấy được Margaret khỏi tay bà. Bác sĩ gói Margaret trong một chiếc chăn kín mít còn mẹ tôi thì khóc rất to: “Oi Chúa ơi, ông làm con bé chết ngạt mất. Lạy Chúa, lạy Đức mẹ và Thánh Josep, xin người cứu con”. Sau khi ông bác sĩ ra khỏi nhà, mẹ chỉ quay vào tường, không cử động, không thốt ra một lời. Hai đứa em sinh đôi của tôi đã thức giấc, chúng bắt đầu khóc vì đói, nhưng bố vẫn đứng bất động giữa nhà, ngửa cổ nhìn lên trần, sắc mặt bố trắng bệch, ông cứ lấy tay đấm vào đùi mình. Thế rồi bố đến giường chúng tôi, đặt tay lên đầu tôi. Tôi thấy rõ tay bố run rẩy như thế nào: “Francis, bố ra ngoài hút điếu thuốc đây”.

Cả ngày, mẹ chỉ nằm im bất động trên giường, Malachy và tôi lại đổ đầy nước đường vào mấy cái bình mút. Chúng tôi tìm thấy một mẩu bánh mì cũ và hai khúc lạp xường trong bếp. Bọn tôi không thể uống trà bởi sữa đã lên men chua trong tủ đá, khi đá đang tan và ai cũng biết rằng không thể uống trà mà không có sữa, trừ khi bố cao hứng cho một tợp trong lúc ông đang kể cho bạn nghe câu chuyện về Cuchulain.

Hai đứa bé đã bắt đầu kêu đói. Nhưng tôi biết, chúng tôi không có nước đường cho chúng uống cả ngày như thế. Tôi đun sữa ôi trong cái xoong nhỏ, xé mẩu bánh mì mốc còn lại bỏ vào đó rồi cố gắng đổ ra tách cho chúng uống, theo cái kiểu mà mẹ gọi là bánh mì hạnh phúc. Chúng làm bộ không thèm ăn, chạy về giường mẹ và kêu khóc. Nhưng mẹ vẫn quay mặt vào tường, thế là hai đứa lại chạy về chỗ tôi, miệng vẫn không thôi gào khóc. Chúng không chịu ăn cái món đó, cho tới khi tôi khử cái mùi thiu bằng cách cho đường vào. Giờ thì chúng ăn một cách ngon lành và bôi bánh nhoe nhoét đầy mặt. Malachy cũng muốn ăn một ít và nếu như nó ăn được thì tôi cũng phải được ăn. Tất cả chúng tôi ngồi bệt dưới sàn ăn món bánh mì và nhai trệu trạo khúc lạp xường nguội ngắt rồi cùng uống nước mẹ tôi đổ vào chai sữa đặt trong tủ đá.

Sau khi mấy đứa ăn uống xong, chúng tôi phải xuống phòng vệ sinh dưới nhà nhưng không vào được trong vì bác Leibowitz đang rặn ị và hát rất to trong đó. Bác bảo chúng tôi: “Mấy cậu nhỏ đợi bác một tí nhé. Không mất đến hai giây đâu”. Malachy vỗ tay và nhảy vòng vòng, vừa nhảy vừa hát. “Đợi bác một chút nào, các cháu yêu của ta”. Thế rồi bác mở cửa phòng vệ sinh bước ra: “Trông nó kìa, cứ như thể một nghệ sĩ thực thụ ý. À, mẹ các cháu thế nào rồi?”.

Mẹ cháu vẫn nằm trên giường bác Leibowitz ạ. Bác sĩ đã đem Margaret đi rồi còn bố cháu thì ra ngoài hút thuốc.

o, Frankie, Frankie, thấy chưa nào. Bác đã nói em cháu bị ốm có đúng không?

Malachy cứ nhấp nhổm không yên, nó túm chặt lấy quần rồi hét: “Buồn tè quá, buồn tè quá!”.

ừ, các cháu đi tè đi rồi chúng ta lên xem mẹ các cháu ra sao rồi.

Sau khi chúng tôi tè xong, bác Leibowitz theo mấy đứa lên thăm mẹ. “Ôi, bà McCount. Ôi, em gái ngoan. Nhìn bọn trẻ mà xem. Cô thử xem hai đứa sinh đôi của cô xem nào. Sao chúng nó

lại cởi truồng thế này. McCount này, xảy ra chuyện gì thế? Con bé ốm có phải không? Nói với tôi một câu xem nào. Cô em đáng thương của tôi. Quay mật lại tôi xem nào. Cô thử nói tôi nghe. Sao lại ra nông nỗi này. Nói đi cô McCourt".

Bác giúp mẹ tôi ngồi dựa lưng vào tường. Nom mẹ như bé hẳn đi. Bác Leibowitz nói bác sẽ mang lên ít xúp và bảo tôi lấy ít nước để rửa mặt cho mẹ. Nhúng chiếc khăn mặt vào nước lạnh rồi xoa nhẹ lên trán mẹ. Mẹ ấp chặt bàn tay tôi vào má mình: "Ôi, Chúa ôi, Frankie. Chúa ôi". Mẹ cứ giữ chặt tay tôi như thế khiến tôi sợ quá bởi tôi chưa từng chứng kiến bà như vậy bao giờ. Bà gọi "Frankie" chỉ bởi vì bà đang cầm tay tôi nhưng thật sự tâm trí bà đang nghĩ đến Margaret chứ không phải tôi. "Em gái bé bỏng của con đã chết rồi, Frankie ạ, nó chết rồi. Thế bố con đâu?" Bà buông tay tôi xuống: "Mẹ hỏi bố con đâu? Chắc lại đang đi uống, ông ấy chỉ có thế thôi, cứ có tiền là uống rượu, có tiền là uống rượu". Bà ngả người ra sau, đầu đụng vào tường và hét lên: "Nó đâu? Nó đâu rồi? Con bé con của tôi đâu rồi? Ôi lạy Chúa, lạy Đức mẹ và Thánh Joseph, xin Người cứu vớt con đêm nay. Con sẽ phát điên mất thôi, con điên thật rồi".

Bác Leibowitz sáp tới bên mẹ: "Có chuyện gì thế? Con bé con đâu? Nó đâu rồi em?".

Chết rồi, nó chết rồi bà Leibowitz ơi! - Mẹ hét lên - Nó đập đầu ra đằng sau. Lúc nửa đêm ấy, trong xe nôi của nó bà Leibowitz ạ. Lẽ ra tôi phải trông nó cẩn thận mới phải chứ. Chỉ có bảy tuần ngắn ngủi nó tồn tại trên thế giới này rồi lại vội vã ra đi cô đơn trong đêm như thế. Con bé cô đơn quá bà Leibowitz ơi.

Bác Leibowitz ôm chặt mẹ trong tay vỗ về: "Nín đi nào, nín đi. Bọn trẻ là như thế đấy. Chuyện chẳng lành xảy ra thì cứ xem như nó sớm được về với Chúa thôi".

Trong cái xe nôi ý bà Leibowitz ạ. Nếu tôi bế nó lên ngay thì đâu có đến nỗi, chắc chắn nó không phải chết đúng không bà? Chúa

cần gì đến bọn trẻ con bé như thế đâu. Tôi không biết Chúa định làm gì với đứa trẻ mới sinh như thế kia chứ?

Tôi không rõ. Tôi không biết gì về Chúa cả. Cô uống một chút xúp đi. Xúp ngon đấy. Cô uống đi cho lại sức. Lấy cho bác cái bát, bác lấy xúp cho.

Bát là cái gì hả bác Leibowitz?

o Frankie. Cháu không biết bát để làm gì à? Để bác lấy xúp, cậu bé ạ. Thế cháu không có bát à? Thế lấy mấy cái tách ra đây cũng được. Bác sẽ pha xúp đậu Hà lan với xúp đậu lăng. Không có giămbông đâu. Bác biết người Ailen thích ăn giămbông. Không có giămbông Frankie ạ. Nào uống đi cô, uống chút xúp đi nào.

Bác dùng thìa bón xúp cho mẹ, lau những giọt chảy xuống cằm. Trong khi đó, tôi và Malachy ngồi húp bằng ca dưới sàn nhà. Chúng tôi bón xúp cho hai đứa em. Xúp của bác thật thơm ngon và nóng hổi. Mẹ tôi không bao giờ nấu xúp như vậy và tôi tự hỏi liệu có dịp nào bác Leibowitz biến thành mẹ tôi. Freddie sẽ biến thành tôi và sẽ có bố mẹ tôi nữa, nó cũng sẽ có các em là Malachy và hai đứa sinh đôi. Nó không thể có Margaret được bởi con bé đã bị mang đi rồi, giống con chó trên phô dạo nọ, cũng bị người ta mang đi. Tôi không hiểu sao người ta lại mang con bé đi. Mẹ vừa nói nó đã chết trong chiếc xe nôi, thế thì chẳng khác gì bị xe cán, bởi cũng đều bị mang đi cả.

Tôi ước sao Margaret bé bỏng cũng ở đây để thưởng thức món xúp như chúng tôi. Tôi có thể dùng thìa bón cho nó theo cách mà bác Leibowitz đang bón cho mẹ, nếu bình thường thì mẹ đã cười trêu bố theo cái kiểu mà hai người vẫn đùa nhau. Lẽ ra mẹ không nên khóc nữa và cũng không nên nằm bẹp trên giường tối ngày như vậy. Lẽ ra bố phải kể cho tôi nghe chuyện Cuchulain và tôi cũng không nên muốn bác Leibowitz biến thành mẹ tôi như thế. Bác Leibowitz tốt thật đấy nhưng tôi vẫn thích bố kể tôi nghe những mẩu chuyện về Cuchulain hơn còn

Margaret thì kêu chiêm chiếp và mẹ tôi thì cười lớn khi thấy bố nhảy quanh nhà.

Minnie MacAdorey cũng sang giúp. “Đức mẹ đồng trinh, bà Leibowitz có thấy hai thằng bé sinh đôi kia đang bốc mùi tới tận thiên đường không?”.

Tôi không biết gì về Đức mẹ, Minnie ạ, nhưng phải tắm cho hai thằng này thôi. Chúng cần phải thay tã sạch. Frankie, tã sạch ở đâu hả cháu?

Cháu không biết.

Minnie than thở: “Chúng được quấn giẻ rách thay vì phải quấn tã. Để tôi sang bên nhà Maise lấy một ít vậy. Frankie, cháu gỡ cái đống giẻ này ra cho cô rồi vứt luôn đi nhé”.

Malachy tháo đống giẻ trên người Oliver còn tôi thì vật lộn với đống giẻ trên người Eugene. Cái ghim cài bị kẹt, khi thằng bé ngọ nguậy thì nó lại lùng thùng và đâm vào hông nó, thằng bé gào toáng lên đòi mẹ. Nhưng Minnie đã quay lại với một cái khăn tắm lớn, một cục xà phòng và nước nóng. Tôi giúp cô rửa những mảng cứt khô trên mông chúng và rắc phấn rôm lên làn da khô của bọn trẻ. Sau khi tắm cho chúng xong, cô ngắm hai thằng rồi ngạc nhiên thốt lên: “Hai đứa trông đáng yêu quá”. Cô xuống nhà rồi bê lên cho chúng tôi một nồi khoai tây nghiền. Trong đó có rất nhiều muối và bơ. Đổ ăn ngon quá khiến tôi lại bắt đầu mơ mộng xem có khả năng nào Minnie trở thành mẹ tôi, đến lúc đó tôi có thể được ăn như thế này suốt ngày. Và nếu như cùng một lúc tôi có bác Leibowitz và cô Minnie làm mẹ thì tôi sẽ có vô số xúp và khoai tây để ăn.

Minnie và bác Leibowitz ngồi bên bàn ăn. Bác Leibowitz nói cần phải làm một cái gì đấy, bọn trẻ cứ thả ra như thế này thì hỏng hết, không hiểu bố chúng nó đâu cơ chứ? Tôi nghe thấy Minnie bảo bố tôi ra ngoài uống rượu. Bác Leibowitz bảo như thế thì kinh khủng lắm, bác biết người Ailen uống rượu khủng khiếp đến mức nào rồi. Minnie nói Dan chồng cô không bao giờ

uống rượu, chẳng bao giờ để ý đến bọn đàn bà con gái ngoài đường. Dan còn nói từ lúc con bé chết, người cha tội nghiệp, Malachy McCourt trở nên mất hổn, cứ tha thẩn dưới đại lộ Flatbush và đại lộ Atlantic, và rằng các quán rượu quanh khu ga xe lửa Long Island luôn quẳng ông ấy ra ngoài đường. Nếu không phải vì cái chết của con gái thì cảnh sát đã nhét ông ấy vào xà lim từ lâu rồi.

Minnie tỏ ra không hài lòng: "ơ đây có đến bốn đứa trẻ ngoan ngoãn, đẹp đẽ là thế, nhưng chừng đó dường như không thỏa mãn được anh ta. Quả thực con nhỏ bé bỏng ấy đã mang đến một điều gì đó thực sự kỳ diệu. Chị biết không, anh ấy không hề đụng đến một giọt rượu kể từ khi nó ra đời".

Bác Leibowitz muốn biết mấy bà chị họ của mẹ đang ở đâu, những người đàn bà cao lớn cùng với mấy tay chồng lầm lì của họ. Minnie sẽ đi tìm và cho họ biết mấy đứa cháu họ đang bị bỏ bê, lêu lổng và đủ mọi thứ khác.

Hai hôm sau, bố mới trở về nhà sau khi ra ngoài tìm thuốc hút. Quãng độ nửa đêm, nhưng ông kéo tôi và Malachy ra khỏi giường. Người ông còn nặng mùi rượu. Ông bắt hai chúng tôi phải đứng nghiêm trong bếp. Chúng tôi là lính. Ông bảo chúng tôi phải thề rằng sẽ chết vì nền độc lập của Ailen.

Chúng con xin thề, xin thề.

Và rồi cả mấy người cùng nghêu ngao bài hát về Kevin Barry.

Có tiếng gõ cửa: Chú McAdorey. "Ôi, Malachy ôi, vì Chúa, ông biết bây giờ mới ba giờ sáng chứ? Ông đang đánh thức cả khu vì tiếng hát của mình đấy".

- Ô, Dan đấy à? Tôi chỉ dạy bọn trẻ biết hy sinh vì Ailen thôi.

Ông có thể dạy bọn chúng hy sinh cho Ailen vào ban ngày được không hả Malachy?

Cái này khó đây, chúng tôi phải khẩn trương lắm mới kịp.

Tôi biết, Malachy, nhưng chúng chỉ là trẻ con. Còn thơ dại lắm. Xin ông hãy làm gương cho tụi trẻ mà đi về giường đi.

Lên giường hả Dan? Tôi biết làm gì trên giường bây giờ? Cái khuôn mặt bé bỏng của con gái tôi cứ ngày đêm hiển hiện ra đấy, ôi, những lọn tóc đen bóng mượt của nó, còn cả đôi mắt xanh xinh đẹp của nó nữa chứ, đấy, kia kìa. Ôi, lạy Chúa, Dan ơi, tôi làm gì được bây giờ? Phải chăng nghèo đói đã cướp đi đứa con tội nghiệp của tôi hả Dan?

Ông biết là không phải vậy rồi. Mẹ nó vẫn cho nó bú đấy chứ. Chúa đã mang đứa bé đi. Người có những lý do của mình.

Một bài nữa thôi Dan ạ, rồi chúng tôi sẽ đi ngủ.

Chúc ngủ ngon nhé, Malachy.

Thôi nào, các chàng trai. Hát tiếp.

Các con nguyện sẽ chết vì Ailen chứ?

Vâng, chúng con sẽ chết, thưa bố.

Em trai tội nghiệp của tôi đã đứng gục mặt vào chân bàn và ngủ ngon lành. Bố nhấc nó lên, lảo đảo bước qua căn phòng, đặt em xuống nằm cạnh mẹ. Tôi cũng leo lên giường và bò cũng vậy, chỉ có điều bố để nguyên quần áo như thế, nằm xuống bên tôi. Tôi hy vọng ông sẽ choàng tay ôm tôi nhưng ông vẫn cứ nằm đó mà miệng thì hát những bài hát về Roddy McColey và kể lể về Margaret: "Ôi, con gái bé bỏng của bố, con gái yêu tóc xoăn của bố, mắt con xanh quá. Lẽ ra con phải được mặc đồ nhung lụa và bố sẽ đưa con đến vịnh Neagh". Cứ như vậy cho đến khi ánh dương le lói ngoài cửa sổ còn tôi ngủ thiếp lúc nào không hay.

Đêm đó, Cuchulain đã đến trong giấc mơ của tôi. Có một con chim xanh rất lớn đậu trên vai ông, nó cứ hát líu lo những bài hát về Kevin Barry và Roddy McColey. Tôi không thích con chim đó bởi khi nó hát, mỏ nó cứ nhỏ ra những giọt máu đỏ tanh nồng. Cuchulain cầm một ngọn giáo trên tay, nó nặng tới mức chỉ có mình ông mới đủ sức phi lên không. Tay kia ông cầm một quả chuối và chim ăn, con chim vừa ăn vừa kêu quang quác,

vừa rỏ máu lên người ông. Tôi tự hỏi mình không hiểu tại sao Cuchulain lại có thể có một con chim như thế. Nếu như hai thằng em sinh đôi của tôi nhỏ máu lên tôi khi tôi cho chúng ăn chuối, rất có thể tôi sẽ nện vào đầu chúng cho chừa cái thói ấy đi.

Buổi sáng thức dậy, tôi lại gần bố khi thấy ông ngồi bên chiếc bàn ăn để kể cho ông về giấc mơ của mình. Ông cho tôi hay ngày xưa ở Ailen không hề có chuối, và giả sử là có đi chăng nữa thì Cuchulain cũng không bao giờ cho con chim đó ăn như vậy.

Hầu hết những ngày sau đó, mẹ chỉ nằm trên giường và quay mặt vào tường. Nếu bà có uống trà hay ăn một chút gì đó thì y như rằng lại nôn ra cái xô dưới gầm giường để rồi cứ đều đặn tôi lại đem cái xô đó xuống phòng vệ sinh dưới nhà mà cọ rửa. Bác Leibowitz vẫn mang cho mẹ tôi xúp và những chiếc bánh mì cứ xoắn lấy nhau. Mẹ tôi tìm cách xắt nó ra thành từng khúc nhưng bác cười và nói chỉ cần kéo ra là được. Malachy gọi nó là bánh mì kéo nhưng bác Leibowitz bảo không phải thế, phải gọi là "challah" rồi bác dạy chúng tôi cách phát âm. "Ôi, cái lũ Ailen các người. Các người có thể sống đến hết đời mà chẳng thể nào nói được từ challah như một người Mỹ", bác tỏ vẻ thất vọng.

Minnie MacAdorey thì cho mẹ tôi khoai tây và bắp cải, đôi khi cô còn cho chúng tôi một ít thịt nữa. Cô vẫn hay an ủi mẹ: "Angela này, em biết bây giờ là giai đoạn khó khăn, nhưng người đàn ông đáng mến đó, ông Roosevelt ấy mà, ông ấy sẽ tìm được việc cho tất cả mọi người và chồng chị rồi sẽ đi làm thôi. Tội nghiệp anh ấy, lỗi là ở cuộc Đại Suy Thoái cơ chị ạ. Anh ấy cũng ngày đêm tìm việc rồi còn gì. Dan chồng em thì may mắn hơn, bốn năm sống trong thành phố mà không mắc vào rượu. Chồng em cũng lớn lên ở Toome như chồng chị nhỉ. Có người nghiện, có người không. Cái đồ Ailen bỏ đi. Thôi, đừng nghĩ nữa chị nhé, giờ chị cố ăn một chút. Cần phải săn sóc đến mình hơn nữa sau những mất mát như vừa rồi Angela ạ".

Chú MacAcdorey cho bố hay ở WPA đang tuyển người. Thế rồi bố có việc làm ở đó và có tiền chi trả cho việc ăn uống của gia đình. Mẹ cũng ra khỏi giường để tắm rửa cho hai đứa em và lo chuyện bếp núc của cả nhà. Những lúc bố về nhà với mùi whisky và đương nhiên là không còn tiền thì mẹ lại la mắng ông một cách ghê gớm cho đến khi hai thằng nhỏ khóc inh ỏi, Malachy và tôi thì tự hiểu phải làm gì, chúng tôi chạy bắn xuống sân chơi. Vào những đêm như vậy, mẹ tôi lại lê về giường còn bố thì ngồi hát những bài hát buồn về Ailen. Tại sao bố không ôm mẹ và ru mẹ ngủ như ông từng làm với em gái đã mất của tôi? Tại sao ông không hát bài hát dành cho Magaret hay những bài hát để mẹ tôi thôi nhỏ lệ? Ông vẫn bắt Malachy và tôi ra khỏi giường, đứng nghiêm và thề thốt sẽ hy sinh vì Ailen. Vào đêm nọ, ông muốn hai thằng em sinh đôi của tôi cũng phải thề sẽ chết cho Ailen nhưng thật ra chúng chưa biết nói và thế là mẹ mắng bố: "Đồ tàn nhẫn, đồ con hoang; anh mất trí rồi, anh không để lũ trẻ yên được sao?".

Bố vẫn nói sẽ cho chúng tôi vài xu để mua kem nếu chúng tôi thề sẽ chết vì Ailen. Hai thằng tôi đã thề không biết bao lần những chúng tôi chưa từng có một xu của bố.

Chúng tôi vẫn được bác Leibowitz cho xúp và cô Minnie MacAdorey cho khoai tây nghiền, họ còn dạy chúng tôi cách chăm sóc hai đứa sinh đôi: cách rửa đít cho chúng và làm thế nào để giặt cho sạch tã hay đúng hơn là đống giẻ rách sau khi chúng bĩnh ra đó. Bác Leibowitz gọi nó là tã còn Minnie thì gọi là bỉm nhưng gọi thế nào không quan trọng vì trước sau gì chúng cũng Ị đầy vào đó. Những lúc mẹ nằm trên giường còn bố ra ngoài tìm việc, chúng tôi có thể chơi thỏa sức cả ngày hôm đó. Anh em tôi sẽ mang hai đứa sinh đôi xuống dưới nhà chơi đánh đu cho đến khi chúng bắt đầu khóc lóc đòi ăn. Bác bán hàng người Y đứng bên kia phố gọi tôi: "Hey Frankie, lại đây bác bảo. Qua đường cẩn thận nhé. Hai chú nhóc kia lại đói rồi phải

không?". Thế là bác cho chúng tôi một chút phoma, giămbông, và cả chuối nữa. Nhưng tôi không thể nào nuốt nổi chuối bởi vẫn chưa quên hình ảnh con chim nhỏ máu xuống người Cuchulain.

Người bán hàng nói tên bác ta là Dimino, còn người phụ nữ đứng sau quầy kia là Angela, vợ bác. Tôi nói rằng đó là tên của mẹ tôi. Bác hỏi lại: "Không đùa đâu nhé, có thật mẹ cháu cũng tên là Angela không? Bác chưa từng nghe nói người Ailen cũng có cái tên Angela đâu. Này, Angela, mẹ thằnẹ bé cũng tên là Angela đấy". Người phụ nữ cười và nói: "Ư, hay thật"

Bác Dimino hỏi thăm tôi về bố, mẹ và hỏi xem ai nấu nướng cho chúng tôi. Tôi nói với bác rằng chúng tôi vẫn có thức ăn từ bác Leibowitz và cô Minnie MacAdorey. Tôi còn kể cho bác nghe tất cả những chuyện lặt vặt khác có liên quan đến bỉm và tã, và cả cái cách mà bọn em tôi bĩnh ra tã thế nào khiến bác cứ lăn lộn mà cười. "Angela, em có nghe thằng bé nói gì không? ơn Chúa em là người Ý đấy, Angela ạ". Bác nói với tôi: "Cháu này, bác sẽ nói chuyện với Leibowitz. Các cháu phải có họ hàng săn sóc mới phải chứ. Nếu cháu gặp cô Minnie MacAdorey, nói cô đến gặp bác nhé. Các cháu cứ thế này thì hỏng mất".

Hai người phụ nữ cao lớn đứng trước cửa ra vào. Họ hỏi tôi: "Cháu là ai?"

Cháu là Frank.

Frank! Cháu mấy tuổi rồi?

Bốn tuổi, sắp lên năm.

Hình như cháu hơi bé so với tuổi thì phải, có đúng không?

Cháu không biết.

Mẹ cháu có đây không?

Mẹ cháu đang trên giường.

Nó làm cái gì trên giường vào giữa ban ngày thế không biết?

Mẹ cháu ngủ.

Thôi được rồi, để bác vào. Các bác phải nói chuyện với mẹ cháu.

Họ bước qua tôi vào trong phòng. “Lạy Chúa, đức mẹ Mary và cả Thánh Josep nữa, cái mùi ở đây mới khiếp làm sao. Lại còn lũ trẻ này ở đâu ra thế?”.

Malachy chạy về phía hai người phụ nữ to lớn với nụ cười trên môi. Khi nó cười, bạn có thể thấy được răng của nó trắng, thẳng và đẹp đến nhường nào, và bạn cũng sẽ thấy đôi mắt xanh của nó rực rỡ như mặt trời ra sao, và hai má nó đỏ hây hây cũng thật đáng yêu. Tất cả những điều đó khiến hai người phụ nữ to lớn mỉm cười, nó khiến tôi tự hỏi sao họ không cười trong lúc nói chuyện với tôi.

Malachy chẳng chút e dè: “Cháu là Malachy còn đây là Oliver và Eugene, chúng nó là anh em sinh đôi đấy, ở đằng kia là Frankie”.

Người phụ nữ với mái tóc nâu nói: “Xem kìa, cháu chẳng hề e thẹn chút nào phải không? Bác là chị em họ với mẹ cháu, tên bác là Philomena. Còn đây là Delia, cũng là chị họ của mẹ cháu đấy. Bác là vợ của bác Flynn còn bác ấy là vợ của bác Fortune, các cháu có thể gọi hai bác theo tên các bác trai cũng được”.

Tốt lắm, tốt lắm - Philomena nói - hai thằng bé sinh đôi này sao lại trần truồng như thế? Chúng không có quần áo à?

Dính cứt hết rồi ạ - Malachy trả lời.

Delia quát lên: “Xem nào, mồm như cái máy khâu ý. Đúng là cha nào con nấy, vẫn cái giống miền Bắc. Cháu không được nói từ đó nghe chưa? Nó bậy lắm, hư đấy. Nếu cứ nói năng thế thì cháu phải xuống địa ngục đấy”.

Địa ngục là cái gì ạ? - Malachy tỏ vẻ thắc mắc.

Rồi cháu sẽ sớm biết thôi - Delia bực bội.

Hai bà bác to lớn ngồi ở bàn ăn với bác Leibowitz và cô Minnie MacAdorey. Philomena lớn tiếng: “Thật khủng khiếp với những gì đã xảy ra với con bé của Angela. Mọi người đều biết

chuyện nhưng các chị có nghe người ta đồn gì không? Về những gì họ làm với cái xác ấy. Chúng ta có thể nghi ngờ, chỉ là nghi ngờ thôi nhưng Tommy Flynn thì không. Tommy bảo với tôi rằng Malachy ở miền Bắc đã bán cái xác ấy để lấy tiền". "Tiền ư?" Leibowitz cau mày. "Họ mua những cái xác ở mọi lứa tuổi để tiến hành phẫu thuật hay thí nghiệm gì đó. Nhưng khủng khiếp hơn là họ không trả lại và ngay cả khi họ trả lại thì cũng không thể chôn cất theo đúng thủ tục khi chúng đã trong tình trạng như vây", Philomena tiếp tục.

Ôi, kinh khủng quá - Leibowitz thốt lên - không một ông bố bà mẹ nào lại nỡ làm cái chuyện thất đức như thế cả.

Thế mà có đấy, trong trường hợp hắn là một tên nát rượu chẳng hạn. Chúng nó còn bán cả xác mẹ chúng nó nữa ý chứ, nếu bọn chúng cần tiền uống rượu. Đến thế thì con bé con cũng chẳng đáng gì.

Bác Leibowitz lắc đầu và run rẩy trên ghế: "Ôi, ôi, ôi. Đáng thương thay cho đứa bé. Tội nghiệp mẹ nó. Tôi phải cảm ơn Chúa vì chồng tôi không nát, nát... cái gì ý nhỉ? A phải rồi, không nát rượu như cồ vừa nói ý. Đấy là tiếng Ailen phải không?".

Chồng tôi mà như thế, tôi phải nện cho hắn vỡ mặt ra ý chứ - Phinomena tỏ ra phẫn uất - Ả, hình như Jimmy nhà Delia cũng là một tay khát rượu thì phải. Cô thấy đấy, thứ Sáu nào hắn chẳng mò đến quán rượu.

Chị không cần phải sỉ nhục Jimmy của tôi như thế - Delia có vẻ khó chịu - anh ấy vẫn làm việc và đều đặn đem lương về nhà.

Cô nên để mắt đến hắn hơn, cái bọn nghiện thì không có cách gì kiềm chế được đâu. Rồi lại có thêm một thằng Malachy miền Bắc nữa thì mới ấm vào thân - Philomena cũng không vừa.

- Chị nói năng chó cẩn thận đấy. ít nhất thì Jimmy cũng là người Ailen, chứ không phải cái bọn Brooklyn như Tommy nhà chị - Delia phát cáu.

Thế rồi Philomena ngồi im bặt.

Minnie cũng có mặt ở đó. Cô đang bê đứa nhỏ trên tay. Hai bà bác to lớn nhận xét rằng đứa bé của cô thật dễ thương và sạch sẽ chứ không như cái lũ mọi trần truồng nhà Angela lem nhem, chạy nhảy khắp nhà như một lũ mất dạy. Philomena tỏ vẻ thắc mắc không biết Angela nhiễm cái thói sinh hoạt bẩn thỉu như thế này ở đâu ra bởi mẹ cô sống sạch sẽ có tiếng, sạch đến nỗi đồ ăn rớt xuống sàn nhà vẫn có thể nhặt lên ăn mà không sợ bẩn.

Tôi thì tự hỏi tại sao lại phải ăn tối dưới sàn nhà trong khi có bàn ghế đàng hoàng như vậy.

Delia nói cần phải làm một điều gì đó đối với Angela và mấy đứa trẻ của cô, bởi bọn trẻ đang trong tình trạng bị bỏ rơi, và thậm chí thật xấu hổ khi có họ hàng với cái lũ rách rưới này. Cần phải viết một bức thư cho mẹ của Angela. Philomena sẽ nhận trách nhiệm viết bởi từng có một giáo viên ở Limerick khen cô chữ tốt. Delia phải giải thích cho Leibowitz rằng chữ tốt có nghĩa là viết đẹp.

Thế là bác Leibowitz xuống nhà mượn chồng cái bút mực, tờ giấy và một cái phong bì. Bốn người đàn bà ngồi quanh bàn và viết một bức thư cho bà ngoại tôi:

Cô Margaret kính mến,

Cháu cầm bút trên tay viết bức thư này, mong rằng khi cô nhận được nó, cô vẫn được an lành. Tommy chồng cháu ở nơi xa vẫn mạnh khỏe và làm việc đều dặn, Delia và chồng là Jimmy ở nơi xa cũng mạnh khỏe và làm việc đều đặn và chúng cháu mong cô cũng mạnh khỏe. Cháu rất lấy làm tiếc phải báo cô rằng Angela không được khỏe từ khi dứa bé mất, con bé cố cái tên Margaret, được đặt theo tên của cô. Angela đã không còn được như trước, nó chỉ biết nằm dài trên giường và quay mặt vào tường. Để làm cho tình hình thêm tồi tệ, chúng cháu thấy dường như nó lại đang có thai và như vậy là thái quá. Ởcái thời điểm Angela vừa mất một đứa con thì nó lại thai nghén một đứa khác. Chúng cháu không hiểu làm sao nó lại

như thế. Nó mới cưới có bốn năm, đã có năm đứa trẻ và một đứa khác sắp ra đời. Như vậy cô cũng thấy được việc lấy một gã miền Bắc là như thế nào, bởi như chúng cháu thấy, hắn không hề có khái niệm về giới hạn, và dường như hắn theo đạo Tin lành. Chồng nó ngày nào cũng đi làm nhưng chúng cháu biết, hắn chỉ giết thời gian trong các quán rượu để có dược vài ba đôla tiền quét dọn, khuân vác và rồi lại dùng toàn bộ số tiền đó vào rượu. Thật khủng khiếp thưa cô Margaret, tất cả chúng cháu đều cho rằng Angela và lũ trẻ nền trà vê quê nhà. Chúng cháu không có tiền mua vé bởi như cô biết, tình hình bên này khó khăn lắm, nhưng có lẽ cô sẽ có cách giải quyết. Chúng cháu chúc cô mạnh khỏe, ơn Chúa, ơn Đức mẹ.

Cháu gái yêu quý của cô

Philomena Flynn (là cháu MacNamara đấy ạ)

Và cháu gái cuối cùng nhưng không phải là bé nhất của cô

Delia Fortune (cũng là MacNamara đấy ạ, ha ha ha)

Bà ngoại Sheehan gửi tiền cho Philomena và Delia. Họ mua vé tàu cho chúng tôi từ Vincent de Paul, thuê một chiếc xe tải chở chúng tôi đến bến tàu ở Manhattan, cho chúng tôi lên tàu, nói tạm biệt và không quên thêm một câu "nhẹ nợ" rồi đi thẳng.

Chiếc tàu lùi dần khỏi cảng. Mẹ chỉ cho chúng tôi tượng Nữ thần Tự do và đảo Ellis, nơi mà hầu hết những người nhập cư đều phải tới. Mẹ dựa người về phía sau nôn mửa, lại thêm những cơn gió từ Đại Tây Dương thổi tới khiến nó bắn tung tóe lên người chúng tôi cũng như những người khác đang thưởng thức vẻ đẹp của biển. Mọi người chửi rủa rồi nháo nhào chạy. Mòng biển bay xáo xác khắp cảng còn mẹ thì gục xuống, xanh xao trên lan can tàu.

2

Một tuần sau chúng tôi tới thị trấn Moville thuộc hạt Donegal. Tại đó, gia đình tôi bất xe đi Belfast rồi từ Belfast, chúng tôi lại chuyển xe đi Toome ở hạt Antrim. Chiếc xe dừng trước một cửa hàng và gia đình tôi xuống ở đó. Chúng,tôi quốc bộ chừng hai dặm để tới được căn nhà của ông bà nội McCount. Trời vẫn còn lờ mờ hơi đêm, bình minh đang le lói trên quả đồi phía trước.

Bố vất vả bế hai thằng bé sinh đôi trên tay còn chúng chỉ biết khóc lóc vì đói. Mẹ tôi cứ đi được vài bước lại phải dừng để nghỉ trên những bức tường đá bên đường. Cứ mỗi lần như vậy, cả nhà cũng phải dừng theo mẹ, chúng tôi ngồi bên bà ngắm bầu trời đang ửng đỏ bỗng chuyển sang xanh. Chim chóc trên cành bắt đầu đua nhau ríu rít, líu lo đủ các giọng. Khi mặt trời lên, chúng tôi chợt trông thấy những sinh vật tha thẩn giữa cánh đồng, nhìn chằm chằm vào chúng tôi. Malachy hỏi bố: “Bố trông kìa, cái gì thế bố? .

- Bò đấy con trai ạ.

- Bò là gì hả bố?

- Bò là bò, con trại ạ.

Chúng tôi lại rảo bước trên con đường, trời mỗi lúc một sáng. Và kìa, phía xa lại có thêm những sinh vật khác trông đến buồn cười, tất cả chúng đều màu xám.

Malachy lại hỏi bố: “Cái gì thế hả bố?”.

Cừu con trai ạ.

Cừu là gì hả bố?

Bố tôi nhìn chằm chằm vào thằng bé rồi quát: “Bao giờ con mới thôi hỏi han lung tung như thế hả? Cừu là cừu, bò là bò, còn

cái đống đằng kia là dê. Dê là dê. Dê cho sữa, cừu cho len, bò thì cho mọi thứ. Con còn định hỏi những cái tên khỉ gió nữa hay thôi?".

Malachy kêu lên thảng thốt vì sợ bởi bố chẳng bao giờ nói với nó như thế, chưa bao giờ bố nặng lời với chúng tôi. Ông có thể dựng chúng tôi dậy vào nửa đêm và bắt chúng tôi phải thề sẽ chết vì Ailen nhưng chưa bao giờ bố quát lên như vừa rồi. Malachy chạy nhào vào lòng mẹ, bà an ủi nó: "Thôi nào, thôi nào cục cưng của mẹ, nín đi con yêu. Chắc tại bố đã mệt vì phải bế hai em con. Con phải hiểu không phải lúc nào bố cũng sẵn sàng trả lời hết tất cả các câu hỏi nhất là khi phải mang hai em trên tay đi khắp thế giới như thế này".

Bố đặt hai đứa bé xuống bên cạnh rồi dang tay ra phía Malachy. Hai thằng bé bèn khóc váng lên còn Malachy thì níu chặt lấy mẹ nức nở. Bò thì rống thống thiết, cừu kêu ông ộc, dê thì be be. Trong lúc mọi thứ đang trở nên hỗn loạn thì tiếng còi ô tô cắt ngang tất cả. Một người đàn ông thò cổ ra khỏi ô tô kêu lên: "Lạy Chúa lòng lành, các người làm gì trên đường giờ này trong buổi sáng Phục sinh thế kia?".

Bố tôi cũng chào lại: "Con chào Cha".

Cha à? - Tôi thốt lên - Ông ấy là bố của bố à?

Mẹ chặn tôi ngay lập tức: "Đừng có hỏi bố con thêm một câu nào nữa".

Bố trả lời thắc mắc của tôi: "Không, ông ấy là linh mục".

Malachy lại tiếp tục: "Linh mục là cái...", nhưng mẹ tôi đã kịp đưa tay lên bịt mồm thằng bé.

Vị linh mục có bộ tóc bạc trắng và cái cổ áo cũng trắng. Ông nói: "Các người định đi đâu thế kia?".

Bố nói: "Chúng con đang trên đường đến gia đình nhà McCourts ở Moneyglass". Và thế là vị linh mục tốt bụng cho cả nhà tôi đi nhờ xe. Ông biết gia đình ấy, và rằng họ đều là những

con chiên ngoan đạo, là người tốt cả. Ông hy vọng sẽ thấy cả gia đình tôi ở lễ Mixa, đặc biệt là mấy cậu bé người Mỹ này, những đứa trẻ đáng thương không biết linh mục là gì. Ông ra dấu ban phép cho chúng tôi.

Về đến nhà, mẹ định mở cổng cho mấy bố con vào nhưng bố vội la lên: "Không, không, không phải đường ấy. Đừng đi cổng trước. Cửa trước chỉ dùng cho các Cha hoặc phục vụ cho nhà có đám thôi".

Thế là chúng tôi lại lục tục kéo nhau đi một vòng quanh nhà để chui vào cửa bếp. Bố đẩy cửa bước vào, và đó, người đang ngồi nhấm nháp trà trong một cái ca lớn chính là ông nội McCourt của tôi, còn bà nội McCourt thì có vẻ như đang đun nấu cái gì đó trên bếp.

Ôi, chúng nó về rồi này - ông thốt lên.

Vâng, chúng con đã về đây - bố vui vẻ đến bên ông. Bố chỉ vào mẹ tôi và nói: Đây là Angela - Ông quay sang mẹ: "Trông con có vẻ mệt rồi đấy, Angela". Chẳng thấy bà nói gì, chỉ quan sát chúng tôi rồi lại quay sang cái chảo đang xèo xèo trên bếp. Ông dẫn chúng tôi qua bếp tới căn

phòng lớn, trong đó có kê một chiếc bàn dài và xếp nhiều ghế chung quanh. Ông bảo chúng tôi: "Ngồi đi các con, trà nhé. Các con có thích bánh kếp không?".

Malachy hỏi ngay: "Bánh kếp là gì hả bố?".

Bố cười vui vẻ: "Là bánh trứng sữa đấy con trai ạ. Bánh trứng sữa ở đây được trộn với khoai tây".

Ông nói: "Nhà mình có nhiều trứng đấy. Chủ nhật hôm nay là ngày lễ Phục sinh, cho nên các con có thể ăn bao nhiêu trứng thỏa thích, cứ lấy chừng nào không còn tay mà cầm nữa thì thôi".

Chúng tôi uống trà và ăn bánh kếp với trứng luộc, sau đó tất cả mọi người đều tỏ ra mệt và buồn ngủ. Tôi tỉnh dậy trên

giường, thấy bên cạnh mình là Malachy và hai đứa em. Bố mẹ tôi đang nằm trên một chiếc giường khác cạnh cửa sổ. Chúng tôi đang ở đâu thê này? Trời đã xẩm tối. Đây không phải trên khoang tàu. Mẹ thở đều đều còn bố thì ngáy như còi tàu. Tôi nhỏm dậy và kéo tay bố: "Bố, con buồn tè quá". Bố bảo tôi cứ dùng cái bô đi tiểu.

Cái gì hả bố?

Ở dưới gầm giường ấy con trai, lấy cái bô đi tiểu. Bà con vẫn bỏ hoa hồng và cây trinh nữ hái trong thung lũng vào đó. Cứ tè vào đấy đi con trai.

Tôi thực sự ngạc nhiên và muốn hỏi xem ông đang nói gì với tôi vậy. Cho dù là tôi có mót đến mấy, nhưng bảo tôi tè vào một cái bô đầy hoa hồng và trinh nữ thì cứ kỳ kỳ thế nào ấy. Ở đại lộ Classon, nơi bác Leibowitz vẫn ngồi hát ông ổng trong phòng vệ sinh trong khi chúng tôi nhảy nhót vì mót tè ngoài cửa không có thứ đó.

Giờ lại đến lượt Malachy muốn dùng cái bò đi tiểu, nhưng nó còn muốn ngồi lên đấy nữa. Bố nói: "Không, không như thê được đâu con trai. Con phải ra ngoài". Và bố cũng bảo tôi phải ra ngoài nếu muốn ngồi. Bố dẫn chúng tôi xuống gác, qua căn phòng lớn nơi ông nội đang ngồi đọc sách bên lò sưởi còn bà nội thì gà gật trên chiếc ghế tựa. Ngoài trời đã tối hẳn, tuy nhiên ánh sáng trăng cũng đủ để rọi đường cho mấy bố con tôi. Bố mở cửa một căn nhà nhỏ xíu, tôi thấy bên trong có một cái ghế thủng một lỗ lớn ở giữa. Bố chỉ cho tôi và Malachy cách ngồi lên cái ghế đó, cách chùi mông bằng những miếng báo được cắt ra vuông vức và ghim lên tường. Sau đó bố bảo Malachy và tôi đứng đợi bên ngoài, đóng cửa lại và bắt đầu rặn ầm ầm. Trăng sáng quá, tôi trông xuống cánh đồng phía dưới và nhìn thấy mấy thứ mà bố gọi là bò và cừu. Phân vân, tôi tự hỏi không biết tại sao chúng không về nhà.

Trong nhà đã xuất hiện thêm một số người cùng ông bà nội tôi. Bố bảo với chúng tôi: "Đây là các cô, cô Emily, cô Nora, cô Maggie còn đây là cô Vera. Cô Eva đang ở Ballymena với lũ trẻ, giống như các con vậy". Các cô của chúng tôi không giống như bác Leibowitz hay cô Minnie MacAdorey, họ chỉ gật đầu chứ không thấy ôm hôn hay mỉm cười với bọn tôi. Mẹ bước vào phòng với hai thằng bé trên tay, các cô cũng chỉ gật đầu một lần nữa.

Bà nội quay vào bếp và chẳng mấy chốc chúng tôi có bánh mì với xúc xích và trà nóng. Người duy nhất nói trên bàn ăn là Malachy. Nó chỉ thìa vào các cô và hỏi tên mọi người một lần nữa. Khi mẹ bảo nó phải trật tự và ăn nốt phần xúc xích của mình thì mắt nó đã chứa chan. Cô Nora thấy vậy bèn xích lại gần để an ủi thằng bé. Cô nói: "Được rồi, được rồi cháu cưng". Tôi không hiểu tại sao mọi người đều nói "được rồi, được rồi" mỗi khi Malachy khóc. Tôi tự hỏi "được rồi, được rồi" nghĩa là gì.

Bố lên tiếng phá *vỡ* bầu không khí im lặng vẫn bao trùm quanh bàn ăn: "ơ Mỹ thật kinh khủng". Bà tiếp lời ngay lập tức: "Oi chao, tao cũng biết điều đó, trên báo họ vẫn nói đấy. Nhưng sao mọi người bảo ngài Roosevelt là một người giỏi giang kia mà. Nếu còn ở bên ấy, chưa biết chừng mày đã kiếm được việc rồi ấy chứ".

Bố lắc đầu tỏ ý phản đối nhưng bà vẫn tiếp tục: "Tao không biết rồi đây mày sẽ làm gì Malachy ạ. Mọi chuyện ở đây còn tồi tệ và khó khăn hơn bên Mỹ nhiều đấy. Ởđâu cũng không có việc, Chúa mới biết, tao cũng không lấy đâu thêm chỗ cho sáu người trong cái nhà này".

Bố nói: "Con nghĩ có thể kiếm việc dưới mấy cái trang trại. Gia đình con chỉ cần một chỗ nghỉ nhỏ thôi mà mẹ".

Mày xem lúc này còn ở được vào đâu nữa có chứ? - bà tỏ vẻ bực bội - Thế còn gia đình mày, bản thân mày sẽ sống bằng cái gì?

Con nghĩ, trước mắt có thể xin trợ cấp thất nghiệp.

Con không thể vừa bước chân xuống một con tàu từ Mỹ về mà xin trợ cấp thất nghiệp được - ông nội lên tiếng - họ sẽ buộc con phải đợi, mà trong lúc đợi thì sống bằng gì?".

Bố chẳng nói gì nữa còn mẹ chỉ biết nhìn chằm chằm vào tường.

Mày nên chuyển tới vùng Tự do con ạ - bà nội tỏ ra trầm ngâm - Dublin là nơi đủ lớn để mày có thể kiếm được việc làm, kể cả tìm việc làm ngoài trang trại cũng có.

Mà hình như con cũng có tiền ở IRA thì phải - ông nội như chợt nhớ ra điều gì - con đã thực hiện nghĩa vụ của mình và hình như người ta đang hỗ trợ cho cựu chiến binh ở vùng Tự do đấy. Con có thể tới Dublin yêu cầu được giúp đỡ. Bố mẹ có thể cho con vay tiền xe tới Dublin. Hai đứa bé có thể ngồi trên lòng, như vậy là tiết kiệm được hai vé.

- Ôi chao - bố thốt lên, còn mẹ vẫn ngồi nhìn bất động vào tường với đôi mắt ngấn nước.

Sau khi ăn xong, chúng tôi trở về giường và sáng hôm sau, khi ngủ dậy nom mọi người đều rất buồn. Không lâu sau khi thức dậy, có người đánh xe đến chở chúng tôi xuống con đường hôm trước, dẫn đến cửa hàng mà bố mẹ tôi gửi hành lý ở đó. Họ nâng hành lý của chúng tôi lên nắp xe khách còn chúng tôi thì lục tục kéo nhau vào trong. Bố bảo chúng tôi sẽ đi Dublin. Malachy hỏi bố: "Dublin là gì?" nhưng không ai trả lời nó. Bố trông ra những cánh đồng hai bên đường và nói cho tôi hay đó là nơi mà Cuchulain hay đi dạo. Tôi hỏi ông chỗ Cuchulain đánh quả bóng vào mõm con chó là ở đâu, ông bảo tôi còn độ vài dặm nữa là tới.

Malachy hét lên: "Xem kìa, xem kìa", và chúng tôi cùng quay ra. Đó là một dải nước lớn màu bạc lưng chừng trời, bố bảo đó là vịnh Neagh, cái hồ lớn nhất của Ailen, cũng tại cái hồ này, Cuchulain vẫn tắm sau mỗi trận đánh lớn. Chắc Cuchulain phải nóng lắm nên khi ông đằm mình xuống hồ, nước hồ sôi lên ùng

ục và sưởi ấm cho cả mấy vùng xung quanh tới mấy ngày liền. Một ngày nào đó, tất cả chúng tôi sẽ quay về và cùng tắm trong hồ như Cuchulain từng làm. Chúng tôi sẽ câu cá và lươn rồi rán trên chảo, như thế có vẻ không giống kiểu Cuchulain làm cho lắm, ông hay tóm cả nắm cho vào họng rồi nuốt chửng, theo bồ thì ăn lươn rất bổ vì nó nhiều chất.

Đúng không hả bố?

Chứ lại không à!

Mẹ không trông ra ngoài cửa sổ ngắm Vịnh Neagh. Bà áp má vào đầu Oliver và nhìn chăm chăm lên nóc xe.

Không lâu sau, chiếc xe lăn bánh vào một thành phố với những dãy nhà cao tầng, ô tô và xe ngựa kéo nhộn nhịp trên đường, mọi người tấp nập đi lại trên phố bằng đủ mọi phương tiện. Malachy tỏ vẻ phấn khích: "Bố nhìn kìa, bố nhìn kìa, kia chẳng phải là cái xích đu trên sân chơi sao? Con muốn thấy Freddie Leibowitz".

Ôi con trai, đây là Dublin chứ không phải là đại lộ Classon. Con đang ở Ailen, cách New York xa lắm".

Khi chiếc xe dừng hẳn, hành lý được dỡ xuống, chúng tôi ngồi bệt xuống bên đường. Bố bảo mẹ có thể ngồi trên ghế băng ở nhà chờ trong khi ông đi gặp vài người của IRA ở chỗ mà người ta vẫn gọi là Terenure. Ông bảo chúng tôi rằng có phòng vệ sinh dành cho nam giới ở bến xe, ông sẽ đi không lâu và sẽ có tiền, khi trở về sẽ có đồ ăn cho cả nhà. Ông bảo tôi đi với ông nhưng mẹ nói: "Không, em cần nó ở đây giúp". Nhưng khi bố bảo rằng: "Anh cần nó giúp anh một tay mang tiền về", thì mẹ bật cười và nói: "Được rồi, đi với ông bô của con đi".

Ông bô! Như vậy có nghĩa mẹ đang trong trạng thái vui vẻ. Nếu mẹ nói "bố của con" thì có nghĩa mẹ không được vui.

Bố nắm tay tôi lôi đi khiến tôi phải liên tục rảo bước mới theo kịp. Ông đi bộ rất nhanh, từ bến xe đến Terenure là một quãng đường dài, tôi luôn hy vọng lúc nào đó ông sẽ đứng lại để bế tôi

lên theo cái cách mà ông vẫn làm với hai đứa em lúc ở Toome. Nhưng ông cứ nhảy cẫng lên mà đi và chẳng hề nói câu nào ngoại trừ việc hỏi đường tới Terenure. Bây giờ chúng tôi phải tìm cho được ông Charles Heggarty ở IRA. Một người đàn ông che một mắt bằng dải băng màu hồng nói rằng chúng tôi đã đến đúng phố, Charlie Heggarty hiện ở số nhà mười bốn. "Cái gã trời đánh thánh vật", người đàn ông nói với bố, "tôi đoán rằng anh từng phục vụ cho hắn. Bố thốt lên: "Ôi, sao ông biết, đúng là tôi từng như vậy". Chẳng chút ngập ngừng, người đàn ông nói luôn với bố: "Tôi cũng vậy đấy, và tất cả những gì tôi có là mất một mắt, còn tiền trợ cấp thì không đủ để nuôi một con chim yến".

Nhưng cuối cùng thì Ailen cũng được giải phóng đấy thôi - bố nói vẻ hân hoan, "chẳng phải tuyệt lắm sao?

Tự do cái đít lợn - người đàn ông tỏ ra hằn học - tôi cho ràng chúng ta nên quay về với nước Anh thì hơn. Dẫu sao cũng chúc anh may mắn được toại nguyện.

Một người phụ nữ ra mở cửa: "Tôi e rằng ông Heggarty đang bận", bà ta nói với bố. Bố bảo rằng ông vừa mới đi bộ tới đây từ giữa Dublin cùng với đứa con nhỏ, trong khi đó vợ ông cùng với ba đứa trẻ vẫn dạng đợi ngoài bến xe, và rằng nếu như ông Heggarty có bận thật thì chúng tôi sẽ đợi ngoài bậu cửa.

Một lúc sau người phụ nữ trở lại và cho bố biết ông Heggarty có thể dành ít phút tiếp bố và dẫn bố con tôi vào. Ông Heggarty đang ngồi sau chiếc bàn kê cạnh chiếc lò sưởi rực rỡ. Ông ta bắt đầu: "Tôi có thể giúp gì được cho anh?". Bố đứng đối diện với cái bàn và nói: "Tôi vừa từ Mỹ về cùng với vợ và bốn đứa con nhỏ. Chúng tôi chẳng có gì. Tôi từng chiến đấu trong Lực lượng - Tác chiến - Độc lập trong thời gian chiến tranh và giờ đây tôi hy vọng ông có thể giúp đỡ tôi trong lúc khốn khó này".

Ông Heggarty hỏi tên bố rồi lật giở từng trang giấy của một quyển sổ lớn đặt trên bàn. Ông ta lắc đầu: "Không thấy, không thấy hồ sơ có lưu anh từng chiến đấu ở đây".

Bố bắt đầu một bài diễn văn dài lê thê. Bố kể cho Heggarty nghe mình đã chiến đấu như thế nào, ở đâu, vào thời điểm nào và làm sao phải lén trốn khỏi Ailen chỉ bởi giải thưởng về cái đầu của ông, và cái cách mà ông vẫn dạy cho các con mình lòng yêu nước ra sao.

Ông Heggarty nói ông rất lấy làm tiếc nhưng ông ta không thể vung tiền ra cho bất kỳ ai tự xưng rằng mình từng chiến đấu cho Ailen. Bố quay sang nói với tôi: "Hãy nhớ kỹ điều này nhé Francis. Đây là một nước Ailen mới. Cái con người nhỏ bé ngồi trên chiếc ghế bé nhỏ kia với mấy cái mẩu giấy lộn đó. Đấy là tất cả những gì mà những người như bố đã không tiếc cả tính mạng của mình để chiến đấu. Chúa ơi!".

Ông Heggarty nói ông sẽ tiếp tục nghiên cứu để có thể giải quyết cho bố khoản tiền bồi thường chiến tranh, và nếu có gì mới, chắc chắn ông ta sẽ thông báo cho bố. Ông ta sẽ cho chúng tôi tiền vé xe để quay trở về thành phố. Bố nhìn chăm chăm vào mấy đồng tiền trong tay ông ta và nói: "Liệu ông có thể thêm vào đó cho thành một khoản đủ mua một lít bia được không?".

0, vậy ra anh muốn kiếm tiền để bia rượu phải không?

Một lít bia thì cũng chẳng đủ đâu...

Anh sẽ đi bộ cả chục dặm đường để trở về và bắt thằng bé cũng phải đi bộ như anh chỉ vì anh muốn bia rượu phải không?

Đã có ai chết vì đi bộ bao giờ đâu.

Tôi muốn anh cút ngay ra khỏi cái nhà này - ông Heggary quát lên - nếu không tôi sẽ gọi bảo vệ tới, và anh có thể tin chắc rằng anh đừng có hòng trông chờ gì ở tôi nữa. Chúng tôi không có thừa tiền để nuôi cái đồ nghiện ngập như anh.

Bóng đêm đổ xuống các con phô của Dublin. Trẻ con nô đùa với nhau dưới ánh điện đường, các bà mẹ bắt đầu thò cổ ra ngoài cửa sổ gọi bọn trẻ về, mùi nấu nướng bốc lên từ khắp nơi, qua các khung cửa sổ, chúng tôi trông thấy người ta ngồi quanh những chiếc bàn, ăn uống vui vẻ. Tôi cảm thấy mệt và đói, tới

lúc đó tôi muôn được bồ bế lắm nhưng tôi biết nếu nói với bố cũng vò ích qua nét mặt đanh và buồn của ông. Tôi vẫn để tay trong tay bố và gắng theo kịp ông cho tới khi về tới bến xe, nơi mẹ và các em tôi vẫn đang đợi.

Kia rồi, mẹ tôi và ba đứa em, họ đang ngủ mê mệt trên ghế băng. Khi bố nói với mẹ rằng không lấy được tiền, bà lắc đầu buồn bã khóc nấc lên: "Chúa ơi, con biết làm sao bây giờ?". Một người đàn ông trong bộ đồng phục màu xanh tiến lại gần và hỏi mẹ: "Có việc gì thế?" Bố cho ông ta hay rằng gia đình chúng tôi đang kẹt ở bến xe này, chúng tôi không có tiền và cũng chẳng có chỗ nào để nghỉ còn lũ trẻ thì đang đói. Người đàn ông nói rằng ông ta sắp sửa hết phiên trực, ông sẽ dẫn chúng tôi đến đồn cảnh sát, nơi mà ông sẽ báo cáo giao ca, và thử xem xem họ có thể giúp gì được chúng tôi.

Người đàn ông trong bộ đồng phục nói chúng tôi có thể gọi ông ta là nhân viên an ninh, đấy là cách mà mọi người vẫn gọi cảnh sát ở Ailen. Ông ta hỏi chúng tôi xem ở Mỹ người ta gọi cảnh sát là gì, ngay lập tức Malachy thốt lên: "Cớm". Người đàn ông vỗ nhẹ lên đầu thằng bé và bảo nó quả là một thằng Mỹ con thông minh.

0 đồn cảnh sát, viên hạ sĩ cho hay chúng tôi có thể qua đêm trong đồn. Ông rất lấy làm tiếc nhưng tất cả những gì ông ta có chỉ là sàn nhà mà thôi. Đó là ngày thứ Năm và xà lim thì giam đầy những kẻ say xỉn, quậy phá trong các quán bar.

Mấy người bảo vệ tỏ ra săn sóc gia đình tôi, họ cho chúng tôi trà nóng và bánh mì mỏng phết bơ với mứt. Chỉ chừng đó thôi cũng khiến anh em chúng tôi sướng phát điên, chạy nhảy quanh đồn. Các tay bảo vệ ở đó đều nhận xét chúng tôi là những nhóc người Mỹ rất đáng yêu và họ muốn đưa chúng tôi về nhà nhưng tôi nói "không", Malachy nói "không" và cả hai đứa sinh đôi cũng nói "không". "Không, không", và thế là cả toán cảnh sát trong đồn đều cười phá lên.

Viên hạ sĩ cho mẹ tôi mượn một cái chăn để bà có thể nằm thoải mái trên chiếc ghế băng. Còn chúng tôi thì nằm cả dưới sàn nhà. Bố ngồi dựa lưng vào tường, hai mắt mở trừng trừng dưới chóp mũ. Ông đang hút thuốc sau khi được viên hạ sĩ mời mấy điếu. Người bảo vệ nói với bố rằng ông ấy là người ở Ballymena trên miền bắc và thế là hai người bắt đầu hàn huyên về những người họ biết ở đó và một số nơi khác như Cushendall và Toome. Ông ta nói rằng một ngày nào đó, khi nhận được tiền trợ cấp, ông ấy sẽ dọn đến ở bên bờ vịnh Neagh, hằng ngày sẽ đánh cá ngoài vịnh. "Lươn nữa, ở đấy nhiều lươn lắm. Chúa ơi, sao tôi thích cái món lươn chiên đến thế cơ chứ?", ông ta tỏ vẻ hào hứng. Tôi thỏ thẻ hỏi bố: "Có phải ông ấy là Cuchulain không hả bố?" Và thế là người bảo vệ cười lăn lộn cho đến lúc mặt ông ta chuyển sang mầu đỏ: "A, cha mẹ ơi, anh có nghe thấy không? Thằng cha này lại muốn biết xem tôi có phải là Cuchulain không cơ đấy. Một thằng Mỹ con nhưng lại biết tất cả về Cuchulain".

Bố trả lời tôi: "Không, ông ấy không phải là Cuchulain đâu con nhưng ông ấy là người tốt sống và đánh cá ở bên vịnh Neagh".

Bố lắc người tôi: "Dậy, Francis, dậy. Có cái gì đó ồn ào trong đồn". Một cậu vừa dọn sàn nhà vừa hát:

Ai cũng biết em khao khát nụ hôn anh,

Yêu là thế và chẳng cần suy tính Phải vậy chăng khi anh là duy nhất Đến bên em và hãy yêu em...

Tôi nói với anh ấy rằng đó là bài hát của mẹ và anh ta không nên hát nữa nhưng anh ấy chỉ rít một hơi thuốc và rảo bước đi thẳng. Tôi cứ đứng tần ngần ra đó, băn khoăn không hiểu tại sao mọi người cứ hát lẫn lộn bài hát của nhau như thế.

Mẹ ngồi trên ghế băng với chiếc khăn len quấn quanh người. Một người phụ nữ với mái tóc xám mang đến cho mẹ cốc trà nóng, vỗ về: "Ôn rồi, tôi là vợ viên trưởng đồn đấy, ông ấy nhà

tôi bảo chị cần được giúp đỡ. Chị có dùng món trứng la-coóc không?".

Mẹ chậm rãi lắc đầu trả lời: "Không, cảm ơn bà".

- A, không được, tôi thấy chị dùng một ít sẽ khá hơn đấy.

Nhưng mẹ vẫn lắc đầu còn tôi thì thực sự ngạc nhiên không hiểu tại sao bà lại từ chối món trứng la-cóc trong khi đã từ lâu chẳng có gì vào bụng.

Thôi được rồi, một ít bánh mì nướng vậy nhé và cái gì đó cho bọn trẻ với ông bố tội nghiệp của chúng, - bà vợ viên hạ sĩ quả quyết.

Bà ấy quay trở lại căn phòng khác rồi không lâu sau xuất hiện với trà và bánh mì. Bố uống trà nhưng không ăn bánh mà nhường cả cho chúng tôi. Mẹ trông thấy bèn khuyên bố: "Anh đừng có thế mà, vì Chúa, rồi cả nhà sẽ ra sao nếu anh lả đi vì đói". Bố vẫn lắc đầu và hỏi bà vợ viên hạ sĩ xem liệu ông có thể xin bà mấy điếu thuốc nếu bà có không? Bà ta mang thuốc đến cho bố rồi quay sang báo cho mẹ biết, những người bảo vệ trong đồn đang quyên góp tiền cho chúng tôi mua vé xe lửa đi Limerick. Họ sẽ cho ô tô đón chúng tôi và hành lý đến ga Kingsbridge và sau độ ba, bốn giờ, chúng tôi sẽ có mặt ở Limerick.

Mẹ đưa tay ra ôm ghì lấy bà vợ viên hạ sĩ. "Chúa phù hộ bà, ông nhà cùng toàn thể đội bảo vệ ở đây", mẹ nói trong nỗi xúc động, "nếu không có mọi người giúp thì chúng tôi chẳng biết sẽ ra sao. Chúa ơi, nếu quả thật còn có dịp, chúng tôi sẽ trở lại nơi đây để cảm ơn mọi người".

Đó chỉ là một vài chuyện nhỏ nhặt nhất mà chúng tôi có thể làm cho anh chị và các cháu, - vợ viên hạ sĩ cũng tỏ ra xúc động không kém, - đây chẳng phải là những đứa trẻ đáng yêu nhất trên thế gian này hay sao, và tôi cũng là người ở Cork, tôi biết lắm chứ, ở Dublin mà không một xu dính túi sao được.

Bố ngồi ở đầu kia chiếc ghế, lặng lẽ hút thuốc và nhấp trà nóng. Ông cứ ngồi đúng một tư thế như vây cho tới khi ô tô tới đưa chúng tôi qua các con phố ở Dublin. Bố để nghị người lái xe nếu không quá bất tiện, mong ông ghé qua Bưu điện Trung tâm. Người lái xe hỏi bố tôi có phải ông muốn gửi thư ở đó, nhưng bố bảo không phải, ông nghe nói người ta mới dựng một bức tượng để tưởng nhớ Cuchulain, người anh hùng đã hy sinh vào năm 1916 và ông muốn chỉ cho con trai của mình thấy, cậu bé rất ngưỡng mộ Cuchulain.

Người lái xe nói ông chẳng biết Cuchulain là ai nhưng cũng không vấn đề gì nếu dừng lại một chút. Có thể ông sẽ xem thử cuộc bạo động đã thay đổi Bưu điện Trung tâm như thế nào.

Mẹ ngồi lại bên trong xe trong khi chúng tôi theo chân người lái xe vào trong Bưu điện. “Ông ấy kia kìa”, ông ta quay lại nói với chúng tôi, “Cuchulain của các vị đấy”.

Và tôi xúc động đến nỗi suýt khóc bởi cuối cùng cũng được chiêm ngưỡng Cuchulain, ông ấy đứng đó trên chiếc bệ ngay trong sảnh lớn của Bưu điện Trung tâm. Ông được làm bằng vàng và có mái tóc dài, đầu ông trong tư thế ngẩng cao và có một con chim lớn đậu trên vai.

Người lái xe lên tiếng: “Nào, thế tóm lại thì ông ta là ai hả? Cái gã kia làm gì với mớ tóc dài thượt và con chim trên vai thế? A, nếu ông không lấy làm ngại, phiền ông cho tôi biết người ta đã làm gì với ông ấy vào năm 1916 vậy?”.

Bố thong thả trả lời: “Cuchulain đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng trong trận chiến khốc liệt ở vùng Easter Week. Kẻ thù của ông sợ đến nỗi không dám đến gần xác ông, cho đến khi chúng chắc chắn rằng ông đã chết khi trông thấy con chim đậu trên người ông và bất đầu uống máu ri ra từ những vết thương của ông”.

- Ô, vậy thì đó chắc hẳn là một ngày rất buồn của người Ailen rồi, - người lái xe nhận xét, - người ta nhờ một con chim mới biết

được rằng ông ta đã chết hay chưa. Tôi nghĩ chúng ta nên lên đường thôi, nếu không muộn tàu đi Limerick mất.

Bà vợ viên hạ sĩ nói bà ta sẽ gửi một bức điện cho bà ngoại ra đón chúng tôi ở Limerick và ở đó, bà ngoại sẽ ra đón ở sân ga. Bà ngoại có mái tóc trắng, hai mắt bà trông có vẻ kèm nhèm, bà quấn trên vai một chiếc khăn choàng màu đen. Bà đứng như một bức tượng, không hề nở một nụ cười khi trông thấy chúng tôi. Bà ngoại không cười với mẹ tôi, chẳng cười với bất cứ ai, ngay cả khi Malachy nở một nụ cười lớn với hàm răng trắng đẹp của nó, bà vẫn dửng dưng. Mẹ chỉ vào bố giới thiệu: "Đây là Malachy mẹ ạ". Bà ngoại gật đầu rồi quay đi nơi khác. Bà gọi hai cậu bé đang chơi quanh quẩn trên sân ga, trả cho mỗi đứa ít tiền lẻ để chúng xách hành lý cho gia đình tôi. Mấy thằng bé tóc tai trọc lốc, mũi dãi thò lò và đi chân đất. Chúng tôi đi theo họ dọc theo những con phô của Limerick. Tôi hỏi mẹ tại sao mấy anh kia không có tóc, mẹ nói họ cạo trọc đầu như thế thì chấy rận mới không có chỗ ẩn náu. Malachy nghe lỏm được bèn hỏi luôn mẹ xem chấy rận là cái gì? Mẹ lại phải lòng vòng giải thích cho nó mãi mới chịu yên. Bà ngoại xem chừng có vẻ nổi cáu, bà bảo mẹ con nó có thôi ngay đi không, nói chuyện theo cái kiểu gì vậy? Mấy cậu bé cười nói, huýt sáo và nhảy nhót suốt dọc đường cứ như thể là họ có giầy dưới chân vậy. Điệu bộ của họ khiến bà phát càu nhàu: "Chúng mày có im ngay không, cái kiểu ở đâu cứ cười nói ầm ĩ lên như thế, không chừng lại làm đổ tung tóe hành lý người ta ra đấy". Và thế là các cậu bé lại đi đứng một cách trật tự, không cười đùa nhảy nhót, chúng tôi theo chân họ bước qua công viên, nơi có những hàng cột lớn với những bức tượng được đặt ở chính giữa và những thảm cỏ xanh mướt đến lóa mắt.

Bố bế trên tay hai cậu em sinh đôi của tôi còn mẹ một tay xách túi một tay dắt Malachy. Cứ mỗi khi mẹ dừng lại để thở, bà ngoại lại hỏi mẹ: "Mày vẫn hút thuốc đấy à? Rồi mày sẽ chết vì

thuốc thôi con ạ. ỞLimerick này có quá nhiều đứa bị viêm phổi vì thuốc lá rồi đấy".

Có hàng trâm bông hoa đủ màu sắc khác nhau được trồng dọc theo lối mòn trong công viên khiến hai thằng em sinh đôi của chúng tôi tỏ ra phấn khích. Chúng không ngớt chỉ trỏ và hít mũi chùn chụt khiến cả nhà không nhịn được cười, chỉ trừ có bà ngoại ra, bà lặng lẽ kéo tấm khăn chùm kín đầu. Bố dừng lại, đặt hai đứa em xuống đường để chúng có thể ngắm hoa gần hơn. Bố nói "hoa" và thế là chúng nó cứ chạy tới chạy lui xung quanh, bắt chước cũng nói từ "hoa" theo bố. Một trong những cậu bé xách hành lý mướn thốt lên: "Chúa ơi, chúng nó là người Mỹ à?" và mẹ trả lời: "Đúng đấy, tất cả bọn nó đều được sinh ra ở New York". Cậu bé quay sang nói với bạn: "Trời đất, chúng nó là người Mỹ cả đấy mày ạ". Hai thằng nhỏ cùng đặt hành lý xuống đất rồi nhìn chằm chằm vào chúng tôi cho tới khi bà ngoại lên tiếng: "Các người không có ý định đứng ngắm hoa ngắm cỏ rồi lại trố mắt nhìn nhau cả ngày đấy chứ?" Và thế là tất cả chúng tôi lại tiếp tục lên đường, ra khỏi công viên, dẫn xuống một lối hẹp và rẽ sang một đường khác, nhà bà ngoại nằm ở đó.

Có một dãy nhà nhỏ nằm bên đường và nhà bà ngoại là một trong những căn nhà đó. Bếp của bà ánh lên màu đen bóng của những đổ đun nấu cùng với một ngọn lửa đỏ bập bùng trong lò sưởi. Trong phòng ăn kê một chiếc bàn dọc theo tường dưới khung cửa sổ nhỏ, trên tường gắn một chiếc tủ chứa tách chén, chai lọ. Chiếc tủ tường luôn được khóa cẩn thận và bà luôn để chìa khóa trong ví bởi không ai trong nhà được phép sử dụng bất cứ thứ gì trong đó trừ khi trong nhà có ai đó chết hoặc trở về từ nước ngoài hay cùng lắm là có Cha xứ đến chơi.

Trên tường còn treo một bức tranh vẽ hình một người đàn ông với những lọn tóc dài nâu óng và đôi mắt buồn. Ông ta chỉ tay vào ngực mình, nơi đó có một trái tim rất lớn đang bùng cháy trong lửa. Mẹ cho chúng tôi hay, đó chính là Trái tim linh

thiêng của Chúa Jesus. Tôi không hiểu sao tim ông ta lại có thể bốc cháy dữ dội đến thế và tại sao lại không đổ nước vào đó. Bà ngoại tỏ ra không mấy hài lòng, bà bảo chúng tôi chẳng còn biết gì đến tôn giáo truyền thống. Mẹ có ý thanh minh với bà rằng ở Mỹ mọi chuyện đều khác. Bà nói rằng ai cũng phải biết tới sự tích này, không thể có gì biện minh trước mọi sự thờ ơ với nó.

Dưới bức tranh vẽ hình người đàn ông với trái tim bốc cháy là một cái giá đựng một chiếc cốc thủy tinh màu đỏ, trong đó là một ngọn nến lung linh và cạnh nó là một bức tượng nhỏ. Mẹ nói đó là Chúa Jesus lúc nhỏ, Chúa hài nhi trong Máng cỏ. Mẹ bảo nếu chúng tôi có muốn gì, cứ cầu nguyện với Ngài.

Malachy chẳng ngần ngừ gì, hỏi mẹ ngay lập tức: "Mẹ, con sẽ bảo ông ấy rằng con đang đói...". Và ngay lập tức mẹ đưa tay lên môi ra dấu yên lặng.

Bà đi lại pha trà trong bếp, miệng không ngớt cằn nhằn và bảo mẹ cắt bánh mì nhưng đừng cắt quá mỏng. Mẹ ngồi xuống bàn ăn với hơi thở trở nên nặng nề, trả lời bà rằng mẹ sẽ cắt bánh trong mấy phút nữa. Bố cầm dao lên và bắt đầu xắt bánh mì, tất cả đều có thể thấy vẻ không hài lòng của bà. Bà nhìn bố cau mày nhưng không nói gì, ngay cả khi bố cắt những lát bánh mỏng tang.

Không có đủ ghê cho tất cả mọi người nên tôi và Malachy phải ngồi ăn bánh với trà nóng trên bậc cầu thang. Bố và mẹ ngồi bên bàn ăn còn bà thì ngồi dưới ảnh Chúa với tách trà của mình. Bà bắt đầu lên tiếng: "Thề có Chúa, tôi biết làm gì với mấy người bây giờ. Trong cái nhà này không còn chỗ cho các người, dù chỉ là một người".

Malachy nhại lại giọng ê a của bà "e, e" và bắt đầu rúc rích cười, tôi cũng nói "e, e" và hai thằng em cũng bắt đầu "e, e", tất cả chúng tôi đều cười rất thoải mái, thoải mái dến nỗi không nhét nổi bánh mì vào miệng nữa.

Bà nhìn chúng trừng trừng: “Chúng bay cười cái gì? Chẳng có gì đáng cười trong cái nhà này cả. Chúng bay nên cư xử cho phải phép trước khi tao dạy cho mỗi đứa một bài học”.

Bà vẫn không thôi cái giọng ê a của mình còn Malachy thì dường như không thể dừng lại được nữa, nó cười như nắc nẻ, bắn cả bánh mì ra ngoài, mặt nó đỏ lựng lên trông thật lạ.

Bố phải gắt lên: “Malachy và tất cả chúng mày, có thôi ngay đi không”. Nhưng Malachy không thể, nó vẫn cười ngay cả khi bố gọi nó: “Lại đây, lại đây”. Bố cầm hai bàn tay của nó đưa lên rồi phát vào đó mấy cái.

- Con có hứa là sẽ ngoan không hả?

Mắt Malachy đã ngán ngấn nước, nó khẽ gật đầu: “Con hứa”. Thằng bé có vẻ sợ thực sự vì từ trước đến giờ, chưa một lần bố nghiêm khắc với nó như vậy. Bố bảo nó: “Hãy là một cậu bé ngoan xem nào, ra kia ngồi với anh con”, rồi bố thả hai tay thằng bé xuống, xoa đầu nó một cách âu yếm.

Đêm hôm đó, chị gái của mẹ, bác Aggie trở về nhà từ nhà máy may. Bác cũng có vóc người cao lớn như chị em nhà McNamara với bộ tóc màu lửa cháy. Bác đi một chiếc xe đạp rất to thẳng vào trong căn phòng nhỏ sau bếp rồi quẳng ở đó, đi sang bếp dùng bữa tôi. Bác sống với bà bởi vì bác vừa cãi nhau với chồng, bác Pa Keating, người thường nói với bác trong cơn say rằng: “Cô đúng là đồ bò cái béo như lợn, sao còn chưa cút về nhà với mẹ”. Đó chính là lý do mà bà ngoại bảo với mẹ rằng không còn chỗ cho chúng tôi trong nhà bà. Bác sống ở đây với bà cùng bác tôi, bác Pat, người vẫn thường đi khắp thành phố bán báo.

Bác Aggie tỏ vẻ càu nhàu khi bà nói rằng tối nay mẹ sẽ ngủ cùng bác. Bà không bằng lòng, gọi bác ra mắng: “Mày có im ngay không. Chỉ có một đêm thôi, mày chẳng chết được đâu. Nếu không thích thì cứ về với thằng chồng mày. Đấy mới là chỗ của mày chứ không phải cứ về ăn vạ tao thế này. Lạy chúa Jesus, lạy Đức mẹ và cả thánh Joseph nữa, hay nhìn cái nhà này xem, mày,

thằng Pat và cả con Angela với đống "tài sản" mà nó kéo từ Mỹ về nữa. Liệu chúng mày có định cho tao sống yên ổn nốt mấy năm cuối đời không đấy hả?".

Bác trải áo khoác xuống sàn nhà trong căn phòng nhỏ phía sau còn chúng tôi thì nằm đó cùng với chiếc xe đạp của bác. Bố nằm tạm trên chiếc ghế kê trong bếp sau khi đã đưa chúng tôi đi vệ sinh ở sân sau. Khi chỉ còn lại bóng đêm yên tĩnh, hai đứa em tôi lại bắt đầu khóc vì lạnh.

Khi trời sáng, bác Aggie bước qua chỗ chúng tôi để lấy xe đạp đi làm, bác nói với chúng tôi: "Chúng mày làm ơn dịch sang một bên? Chúng mày có định tránh đường cho bác đi không thì bảo?".

Khi bác đã đi khỏi, Malachy vẫn cứ lải nhải: "Chúng mày làm ơn dịch sang một bên? Chúng mày có định tránh đường cho bác đi không thì bảo?" Tôi có thể nghe thấy tiếng bố cười ngoài bếp cho tới khi bà xuất hiện trên bậc thang, khi đó bố buộc phải bảo Malachy trật tự.

Ngày hôm đói bà và mẹ đi ra ngoài, họ tìm được một căn phòng với đầy đủ đồ dùng sinh hoạt trên phố Windmill, nơi hai vợ chồng bác Aggie có một căn hộ. Bà trả tiền nhà cho mẹ, mười shilling cho hai tuần. Bà còn cho mẹ tiền đi chợ, cho chúng tôi mượn một cái ấm đun nước, một cái nồi, một cái chảo rán, mấy con dao và vài cái thìa, mấy lọ mứt nhưng để dùng vào việc uống trà, một cái chăn và một cái gối. Bà nói rằng đó là tất cả những gì bà có thể chu cấp cho chúng tôi trong khả năng của bà, và bố phải nhấc mông lên mà đi kiếm tiền trợ cấp thất nghiệp, tới hội từ thiện thánh Paul hoặc tìm một tổ chức cứu tế nào đó.

Căn phòng có một chiếc lò sưởi nhỏ, chúng tôi có thể dùng nó để đun nước pha trà hoặc luộc trứng chừng nào kiếm được tiền. Chúng tôi còn có một chiếc bàn, ba cái ghế và một cái giường, mẹ nói đó là chiếc giường lớn nhất mà mẹ từng thấy. Cả nhà tôi cảm thấy vô cùng sung sướng trên chiếc giường vào tối đó vì đã

hoàn toàn kiệt sức sau mấy đêm ngủ dưới đất ở Dublin và ở nhà bà ngoại. Sáu người trên một chiếc giường, không thành vấn đề, chúng tôi vẫn lấy làm thích thú, được bên nhau, không còn ở bên bà hay với những người cảnh sát nữa, Malachy có thể nói "e, e" thỏa thích còn chúng tôi thì muốn cười bao lâu tùy ý.

Bố và mẹ nằm phía đầu giường, Malachy và tôi nằm phía cuối, còn chừa ra chỗ nào thì tùy hai đứa em út của tôi lựa chọn. Malachy lại khiến chúng tôi phải cười một phen. "E, e, e" nó cứ nói liên mồm, rồi "ôi, ôi, ôi". Và thê rồi chúng tôi thiếp đi lúc nào không hay. Tiếng thở đều đều của mẹ báo cho chúng tôi biết bà đang ngủ say. Dưới ánh trăng vằng vặc, tôi nhìn lên phía đầu giường thấy bố vẫn đang thức trong khi Oliver đang khóc trong mơ, bố trườn về phía nó dỗ dành: "Bố thương, bố thương con trai, ngủ ngoan đi con..".

Ngay sau đó Eugene ngồi bật dậy khóc thét: "A, a, mẹ ơi, mẹ ơi". Bố cũng nhỏm dậy với nó: "Gì thế, gì thế con trai?" Eugene vẫn tiếp tục khóc và bố phải bế nó lên tay, quay ra phía đèn khí gas để nựng thằng bé. Tôi trông thấy rõ những con bọ chét bám đầy trên da thịt chúng tôi. Chúng tôi vừa đánh vừa đập, tìm mọi cách xua đuổi lũ bọ nhưng chỉ làm chúng nhảy từ người này sang người khác, chạy hết chỗ này đến chỗ khác trên người, khiến chúng tôi khó chịu vô cùng. Mấy đứa chúng tôi gãi đến bật máu. Chúng tôi nhảy dựng lên trên giường, hai đứa em sinh đôi la hét váng nhà, mẹ thì mệt mỏi rên ri: "Lạy Chúa, sao chúng con khổ thế này!". Bố pha một ít nước muối vào một bình đựng mứt rồi chấm nhẹ lên người chúng tôi. Nước muối khiến chúng tôi thấy xót nhưng ông nói chỉ một lúc nữa mọi người sẽ thấy dễ chịu hơn.

Mẹ ngồi bên lò sưởi với hai đứa nhỏ đặt trên lòng. Bố cởi bớt áo rồi lôi đệm ra khỏi giường, đem ra tận ngoài đường. Ông đun đầy một ấm nước sôi, sau đó dựng chiếc đệm lên sát tường, dùng giầy đập cật lực. Bố luôn mồm bảo tôi phải rót nước sôi

xuống sàn nhà, vào những chỗ mà bọ chét rơi xuống. Trăng ở Limerick sáng đến nỗi tôi có thể trông thấy vài mảnh trăng sóng sánh dưới nước, tôi ước sao mình có thể xúc được một ít trăng ra ngoài nhưng làm sao có thể làm được điều đó với một đống bọ chét nhảy lổm nhổm dưới chân. Bố vẫn tiếp tục dùng giày đánh vào đệm còn tôi phải chạy vòng ra sân sau để lấy thêm nước đổ vào nồi và ấm. Mẹ bảo: "Hãy nhìn con xem, giày tất ướt sũng ra thế kia, rồi con lại ốm lăn ra đấy. Còn bố mày nữa, chân đất thế kia thì viêm phổi mất thôi".

Một người đàn ông đi xe đạp tới , dừng lại và hỏi bố tại sao phải nện cái đệm ra trò như thế. "Lạy Đức mẹ, tôi chưa từng nghe ai nói phải diệt bọ chét như thế này", ông ta thốt lên. "Nếu cứ nhảy lên chẳng khác gì bọ chét như ông thì người ta phải nhảy đến gần mặt trăng may ra mới giết được đám bọ chét trên cái đệm kia", người đàn ông bắt đầu giảng giải, "cách tốt nhất là ông nên đem đệm đặt lại vào giường, nhưng nhớ phải lộn ngược mặt lại, làm như thế khiến bọn chúng sẽ trở nên lú lẫn, chúng sẽ không biết mình đang ở đâu, và tất cả những gì chúng có thể làm là cắn vào đệm hoặc cắn chí lẫn nhau. Cách tốt nhất đấy", ông ta khẳng định, "sau khi chúng cắn người xong, chúng sẽ bị bấn loạn, như ông thấy đấy, bởi lúc đó trong bọ chét cũng có mùi máu người, như vậy chúng sẽ không phân biệt được nữa, sẽ phát điên lên đấy. Bọ chét là loài khát máu nhất mà tôi thấy, tôi biết mấy cái này rành lắm", ông ta hỉ hả, "chẳng là tôi sinh ra và lớn lên ở Limerick, dưới khu Ailen ấy, ở đấy nhiều bọ chét lắm, lúc nào cũng bu đầy trên mũi giày và sẵn sàng đàm đạo với ông về lịch sử của Ailen. Chúc ông may mắn. Tôi đứng đây cũng phải cẩn thận lắm, nếu có mấy con nhảy lên quần áo tôi thì chẳng khác gì tôi rước chúng về nhà. Bọn này sinh sôi nảy nở còn nhanh hơn cả đạo Hindu ấy chứ".

Bố vội vàng hỏi: "Cảm phiền ông cho tôi xin một điếu thuốc?".

- Thuốc lá hả? A, vâng, dĩ nhiên, có đấy ông ạ. Đây, mời ông. Cái khoản này khiến tôi thấy yếu đi nhiều. Ông biết đấy, vẫn cái chứng ho khan chết tiệt. Tôi ho dữ đến nỗi có lần suýt ngã xe cơ đấy. Tôi có thể hình dung được rõ từng bước đi của căn bệnh trong mỗi mạch máu của mình, cứ thế chẳng mấy chốc mà chúng ăn mất cả cái đầu tôi ý chứ".

Ông ta đánh một que diêm châm thuốc rồi lại đưa cho bố tôi. "Dĩ nhiên", ông ta tiếp tục, "ông cũng dễ nhiễm chứng ho khan lắm đấy, một khi đã sinh sống ở Limerick này bởi đây vẫn được coi như thủ đô của lao phổi, mà lao phổi sẽ dẫn đến viêm phổi thôi. Nếu tất cả những người bị viêm phổi đều lăn ra chết thì Limerick sẽ trở thành một thị trấn ma, tuy nhiên tôi vẫn chưa bị viêm phổi đâu nhé. Không phải, cái chứng ho khan này chỉ là sự hiện hữu của nước Đức". Dừng lại một lát, kéo một hơi thuốc lá, rồi rũ rượi trong cơn ho khan, người đàn ông lại tiếp tục một cách khó nhọc: "Chúa ơi, bỏ quá cho con chứ, nếu cứ thê này thì con đến chết mất. Được rồi, bây giờ tôi sẽ để anh tập trung giải quyết cái đệm, nhớ những gì tôi dặn nhé, quan trọng nhất là phải làm cho lũ bọ chét con bị mất phương hướng".

Ông ta loạng choạng nhảy lên xe đạp, mồm vẫn ngậm điếu thuốc, những cơn ho khan vẫn chẳng hề có ý định buông tha, chúng khiến ông ấy vừa đi vừa lảo đảo. Bố nói với tôi rằng người Limerick quả là lắm mồm. "Nào con trai, giúp bố một tay đem đệm vào, để xem đêm nay chúng ta có ngủ thêm được tí nào không?".

Mẹ vẫn ngồi yên cạnh lò sưởi với hai thằng nhỏ ngủ tít trên lòng, còn Malachy đang thu mình, tựa lên chân mẹ trên sàn nhà. Mẹ hỏi bố: "Anh vừa nói chuyện với ai ngoài đấy? Nghe giọng có vẻ giống Pa Keating, chồng của chị Aggie lắm. Em có thể nhận ra qua những cơn ho khan của anh ấy. Anh ấy bị nhiễm bệnh từ bên Pháp hồi còn chiến tranh, trong một lần hít phải khí gas".

Chúng tôi ngủ vùi trong suốt thời gian còn lại. Tỉnh dậy vào buổi sáng , tôi có thể thấy được buổi dạ tiệc của lũ bọ chét, da thịt chúng tôi đỏ ửng vì những vết cắn của bọ chét và trắng bợt với những vết gãi dài.

Trong lúc mẹ pha trà và nướng bánh mì, bố một lần nữa lại chấm nước muối cho chúng tôi vào những chỗ bị cắn. Xong việc, bố lôi đệm ra ngoài sân sau. Một ngày rét mướt như thế này, chắc chắn lũ bọ sẽ bị chết cóng và đến tối, chúng tôi sẽ được ngủ một cách yên ổn.

Vài ngày sau, khi chúng tôi có vẻ ổn định trong ngôi nhà mới, đột nhiên bố lay tôi khỏi giấc ngủ: “Dậy, dậy, Francis. Mặc quần áo vào rồi chạy đến nhà bác Aggie mau. Mẹ con cần bác giúp. Nhanh lên con trai”.

Mẹ đang rên rỉ trên giường, sắc mặt bà trắng bệch. Bố đã đặt Malachy cùng hai thằng út ngồi bệt dưới sàn nhà cạnh lò sưởi đã tắt ngấm. Tôi chạy một mạch dọc theo con phố và gõ cửa nhà bác Aggie cho tới lúc bác Pa Keating ra mở cửa, ho khan và càu nhàu: “Cái gì nữa đây, cái gì thế?”.

Mẹ cháu đang rên la trên giường, cháu nghĩ mẹ cháu ốm nặng rồi.

Giờ lại đến lượt bác Aggie cằn nhằn: “Các người chẳng được cái tích sự gì từ khi ở Mỹ về, chỉ được cái rắc rối là giỏi”.

Để cho thằng bé yên Aggie, nó mới chỉ là đứa trẻ. Nó chỉ biết làm những gì người lớn bảo thôi.

Bác Aggie bảo bác Pa trở về giường bởi bác còn phải đi làm vào buổi sáng, không giống những người từ miền Bắc kia mà bác không muốn nhắc tới. Bác vội xua tay: “Không không, anh phải đi. Hình như Angela thực sự cần chúng ta giúp”.

Bố khẽ bảo tôi phải ngồi yên đó với các em. Tôi chẳng hiểu chuyện gì đang xảy đến với mẹ bởi ai cũng chỉ thì thào rất khẽ, nhưng cũng vừa đủ cho tôi nghe thấy bác Aggie nói với bác Pa rằng mẹ đã mất đứa bé. Bác bảo bác Pa ra ngoài gọi xe cứu

thương. Aggie còn bảo mẹ rằng mẹ có thể nhận xét nọ kia về Limerick nhưng xe cứu thương ở đây thì lúc nào cũng sẵn. Bác Aggie không hể nói nửa lời với bố tôi, thậm chí không buồn nhìn bố dù chỉ một cái.

Malachy tỏ vẻ sợ hãi: "Bố, mẹ ốm phải không?".

- À, mẹ sẽ khỏe lại thôi con trai ạ. Mẹ cần phải đến bác sĩ một lúc.

Tôi không hiểu mẹ mất đứa trẻ nào vì tất cả chúng tôi đều có mặt ở đây, một hai ba bốn đứa chúng tôi, chẳng thấy thêm đứa nào để mất, và tại sao họ không thể nói cho chúng tôi hay mẹ bị làm sao. Bác Pa đã về, xe cứu thương chạy ngay phía sau bác. Mấy người nhảy xuống đặt mẹ tôi lên cáng rồi mang mẹ lên xe, tôi trông thấy rõ những vệt máu chảy từ giường theo lối chân họ lên xe. Malachy từng tự cắn vào lưỡi chảy máu và con chó trên đường cũng bị chảy máu rồi chết. Tôi rất muốn hỏi bố xem liệu mẹ có ra đi mãi mãi như em gái Margaret của chúng tôi không, nhưng bố đã lên xe cùng mẹ, còn hỏi bác Aggie thì chắc chắn chẳng ích gì, có khi còn bị bác bợp vào đầu cho. Bác Aggie cẩn thận lau sạch vết máu rồi dặn chúng tôi phải ở yên trên giường tới lúc nào bố về.

Lúc đó vào quãng nửa đêm, bôn anh em chúng tôi đều cảm thấy ấm áp trên giường, rồi mấy đứa ngủ lúc nào không biết cho tới khi bố về nhà thông báo cho chúng tôi biết mẹ đã ổn, đang được điều trị trong bệnh viện và chẳng mấy chốc sẽ về với bố con chúng tôi.

Sau đó, bố tới trung tâm Giới thiệu việc làm để xem có cơ hội nào không. Tuy nhiên, ở Limerick này sẽ không có cơ may việc làm cho những người đến từ miền Bắc Ailen.

Về đến nhà, bố nói với mẹ rằng chúng tôi sẽ được trợ cấp mười chín shilling một tuần. Mẹ bảo với chừng ấy tiền, chỉ vừa đủ cho chúng tôi không bị chết đói. Trông mẹ thật buồn, bà thở than: "Mười chín shilling cho sáu người nhà ta? Còn ít ơn bôn

đôla bên Mỹ, làm sao chúng ta có thể tồn tại với số tiền trợ cấp ít ỏi như vậy? Chúng ta sẽ làm gì để trả hai tuần tiền nhà bây giờ? Nếu tiền thuê nhà là năm shilling một tuần, chúng ta sẽ có mười bôn shilling để mua thực phẩm và quần áo, may ra mua được ít than để đun nước pha trà!".

Bố lắc đầu, nhấp một ngụm trà đựng trong bình mứt, nhìn chăm chăm ra ngoài cửa và huýt sáo điệu *Những cậu bé Wexford.* Malachy và Oliver vỗ tay nhảy nhót quanh phòng, chúng khiến bố cảm thấy khó xử không biết nên tiếp tục huýt sáo hay nên cười vì như mọi người biết đấy, có ai vừa huýt sáo vừa cười được bao giờ đâu. Bố phải dừng huýt sáo để cười, xoa đầu Oliver rồi lại liếp tục huýt sáo. Mẹ cũng cười, nhưng nụ cười của mẹ chỉ thoảng qua rất nhanh, sau đó bà lại nhìn chàm chú vào đống tro. Qua ánh mắt và khóe miệng trễ xuống của mẹ, tôi thấy bà đang lo lắng biết bao.

Ngày hôm sau, mẹ bảo bố ở nhà trông hai thằng út rồi dẫn tôi và Malachy đến hội Bảo trợ thánh Paul. Chúng tôi đứng xếp hàng cùng với những người phụ nữ choàng khăn đen. Họ hỏi tên chúng tôi và cười với chúng tôi trong khi nói chuyện. Họ bảo nhau: "Lạy Chúa, mọi người có nghe thấy mấy chú nhỏ người Mỹ nói chuyện không đấy?". Và họ cũng lấy làm thắc mắc tại sao mẹ trông xinh xắn trong bộ áo váy của Mỹ như vậy mà lại phải đi xin đồ cứu tế bởi những người nghèo thực sự ở Limerick sẽ khó có thể chấp nhận việc mấy thằng nhỏ người Mỹ này tranh mất bánh mì từ miệng con cái họ.

Mẹ giải thích với họ rằng cái áo này mẹ được một người chị em họ tặng ở Brooklyn. rằng bố không có việc làm và mẹ còn hai đứa nhỏ nữa ở nhà, hai thằng bé sinh đôi. Những người phụ nữ xung quanh đều tỏ ra xúc động, họ sụt sịt rồi quấn chặt khăn lại và nói họ cũng có những khó khăn riêng. Mẹ bảo rằng gia đình tôi phải rời khỏi nước Mỹ bởi mẹ không thể chịu đựng nổi kế từ sau sự ra đi của đứa em gái tôi. Mấy người lại một phen nữa sụt

sùi nhưng lần này là do mẹ tôi đã khóc thành tiếng. Một vài người nào đó nói rằng họ cũng mất đứa con nhỏ của mình, và đó là điều tồi tệ nhất xảy ra trên thế giới này .

Tất cả họ đều khóc thật ngon lành cho đến khi có người phụ nữ tóc đỏ mang một chiếc hộp nhỏ đi vòng quanh. Mỗi người đều nhặt một thứ gì đó trong chiếc hộp, kẹp giữa các ngón tay rồi nhét vào mũi. Bỗng một phụ nữ trẻ có vẻ khó chịu bèn hắt hơi khiến bà tóc đỏ cười phá lên: “A, ha, thấy rồi nhé Biddy. Đã bảo chưa đủ tư cách hít thuốc lá bột mà lị. Lại đây các cháu, mấy thằng Mỹ con, có muốn thử không?” Bà ta xoa một dúm chất bột màu nâu lên mũi chúng tôi và chuyện gì đến sẽ đến, cả hai thằng thi nhau hắt hơi khiến những bà đang khóc lóc mếu máo cũng phải ngừng lại mà cười rũ rượi tới mức họ phải dùng khăn choàng để lau khô mắt. Mẹ bảo chúng tôi: “Tốt đấy con ạ, nó làm chúng mày nhạy cảm hơn”.

Người phụ nữ trẻ có tên Biddy nói với mẹ rằng chúng tôi là hai đứa trẻ đáng yêu. Cô ấy chỉ vào Malachy mà nói: “Thằng bé có bộ tóc xoăn vàng óng này chẳng phải rực rỡ lắm sao? Nó sẽ trở thành một minh tinh màn bạc sánh vai với Shirley Temple ấy chứ”. Và Malachy mỉm cười rạng rỡ khiến cả hàng người xôn xao bàn tán.

Người đàn bà có thuốc lá bột quay sang bảo mẹ: “Thưa bà, tôi không muốn chen ngang nhưng theo tôi, bà nên ngồi xuống thì hơn vì tôi nghe nói bà vừa sảy thì phải”.

Một người phụ nữ khác tỏ vẻ lo lắng: “Ấy chớ, đừng, họ không thích thế đâu”.

Ai không thích kia?

À, Nora Molloy, hội Cứu tế không muốn chúng ta ngồi khi xếp hàng. Họ muốn tất cả chúng ta đều phải đứng dựa vào tường để tỏ sự kính trọng.

Mấy cái con mẹ vớ vẩn, sợ đếch gì, - Nora tỏ vẻ phẫn nộ, - ngồi xuống đi bà, bà cứ ngồi lên cái bậc này này, tôi sẽ ngồi ngay cạnh

bà và nếu như có đứa nào dại dột mà ý kiến với chả ý cọt, tôi sẽ cho nó lật mặt ngay, tôi dám lắm đấy. À, bà có hút thuốc không?

Tôi có hút nhưng không có thuốc ở đây, - mẹ nhẹ nhàng trả lời Nora.

Nora móc trong tạp dề ra một điếu thuốc, bẻ làm đôi rồi mời mẹ một nửa.

Người phụ nữ ban nãy tỏ ra lo lắng giờ càng sốt sắng hơn: "Họ cũng không thích chúng ta hút thuốc đâu. Họ bảo mỗi điếu thuốc các người hút là móc bánh mì trong miệng bọn trẻ ra. Ngài Quinlivan trong kia phản đối kịch liệt chuyên này đấy. Ông ấy bảo nếu các vị có tiền hút thuốc thì cũng đủ tiền mua thức ăn rồi còn gì".

Quinlivan cái con khỉ, cái đồ con hoang suốt ngày nhãn nhở. Chẳng lẽ lão lại ghen với mấy cái hơi thuốc của chúng tao à? Thuốc lá là cái thú vui duy nhất của chúng tao trên cái cõi đời này đấy.

Có tiếng kẹt cửa ở cuối gian sảnh rồi xuất hiện một người đàn ông: "Có ai trong số các cô cần giày cho con cái không?".

Các bà các cô nhao nhao, tranh nhau giơ tay lên cao: "Tôi, tôi cần".

Ờ, thế mà lại hết sạch giầy rồi cơ đấy. Tháng sau các cô quay lại nhé.

Nhưng thằng Mikey nhà tôi cần giày để đi học.

Đã bảo là hết tiệt rồi mà.

Nhưng ngoài trời rét căm căm thế kia cơ mà ông Quinlivan.

Hết giày rồi. Tôi bó tay đấy. Cái gì thê kia? Ai hút thuốc lá đấy?

Tôi đây, - Nora vẩy điếu thuốc rồi rít nó đến hơi cuối cùng.

Mỗi một hơi thuốc cô rít vào...

Tôi biết, - Nora chen lời, - là tôi móc bánh mì từ miệng bọn trẻ nhà tôi ra chứ gì?

Cô láo quá đấy. Cô sẽ không nhận được một xu ở đây đâu!

Thật à? Được thôi ông Quinlivan, nếu *ở* đây không có gì dành cho tôi, tôi biết mình sẽ lấy được ở đâu.

Cô đang nói cái quái gì thế?

Tôi sẽ đến hội phái Giáo hữu. Họ sẽ làm từ thiện cho tôi.

Ông Quinlivan bước về phía Nora, chỉ tay vào cô và gào lên: "Cô có biết chúng tôi có những gì không hả? Chúng tôi chỉ có xúp để cứu đói. Trong khi những người theo đạo Tin lành cứ đi vòng vòng để dụ dỗ các con Chiên ngoan đạo rằng nếu từ bỏ tín ngưỡng của mình và theo đạo Tin lành, họ sẽ có nhiều xúp hơn trong dạ dày. Chúa cứu giúp chúng con, một vài người Thiên chúa giáo đã ăn xúp của họ, những kẻ báng bổ thánh thần như thế chắc chắn sẽ bị đày xuống tầng sâu nhất của địa ngục. Và cả cô nữa, nếu cô mà mò đến Hội phái Giáo hữu, cô sẽ đánh mất linh hồn của mình và mất luôn cả phần xúp của bọn trẻ đấy".

Thế thì ông phải có trách nhiệm với chúng tôi chứ, có đúng thế không?

Ông ta nhìn chằm chằm vào cô, cô cũng nhìn lại. Đôi mắt ông ta lướt sang một người phụ nữ khác, cô này đang đưa lay lên bụm miệng cười.

Sung sướng cái nỗi gì mà cười? - Quinlivan hét lên đầy bực tức.

À, không có gì thưa ông Quinlivan. Thề có Chúa.

Tôi nói với các vị lần cuối, không còn giày, - ông ta đùng đùng quay vào, sập cửa đánh rầm một cái.

Từng người từng người một được gọi vào trong phòng. Khi Nora bước ra, cô cười rất tươi, vẫy vẫy một mẩu giấy trên tay: "Giày đấy. Những ba đôi cho bọn trẻ nhà tôi cơ. Cứ đem hội phái Giáo hữu ra dọa thì đến cái quần đùi mấy lão ấy cũng phải cởi ra ý chứ!".

Đến lượt mẹ được gọi vào, bà dẫn cả tôi và Malachy vào theo. Chúng tôi đứng trước một cái bàn lớn, ở đó có ba người đàn ông ngồi phỏng vấn. Có vẻ như ông Quinlivan định mở mồm ra hỏi

thì người ngồi giữa lên tiếng trước: “Đủ rồi Quinlivan. Nêu chúng tôi cứ để mặc mọi chuyện cho ông xử lý thì dân nghèo ở Limerick họ chẳng đổ xô sang đạo Tin lành ráo”.

Thế rồi ông ta lại quay sang mẹ và thắc mắc không biết mẹ lấy đâu ra cái áo khoác màu đỏ đẹp đến thế. Mẹ lại giải thích như vừa giải thích cho các bà ngoài kia, và khi nhắc đến cái chết của Margaret, vai mẹ rung lên vì xúc động. Mẹ nói lời xin lỗi với mấy người ngồi ở đó, vì rằng mẹ đã khóc như thế bởi sự việc cũng mới xảy ra được vài tháng và cho đến bây giờ mẹ cũng không biết con bé được chôn ở đâu, hay thậm chí mẹ còn không đến được lễ rửa tội cho con bé do kiệt sức sau khi sinh nở và nuôi nấng đến bốn đứa con trai, mẹ không còn đủ sức để đến nhà thờ làm lễ rửa tội và trái tim mẹ như muốn tan vỡ mỗi khi nghĩ đến Margaret sẽ phải ở Limbo mãi mãi, mỗi khi nghĩ đến việc con bé sẽ không bao giờ còn được trông thấy gia đình của nó, dẫu chúng tôi có ở trên thiên đường, dưới địa ngục hay nơi luyện ngục đi nữa.

Ông Quinlivan mang chiếc ghế của mình lại cho mẹ: “Thật ái ngại quá thưa bà, mời bà ngồi tạm xuống đây. Vâng, mời bà”.

Hai người kia ngồi nhìn lên mặt bàn rồi lại nhìn lên trần nhà. Người ngồi giữa bảo mẹ rằng ông ta sẽ phát cho mẹ thẻ mua hàng mỗi tuần để mẹ có thể mua thực phẩm ở cửa hiệu McGrath trên phố Pamell. Ở đó có trà, đường, bột mì, bơ, sữa và ngoài ra còn có thẻ mua than riêng ở ngoài bãi than Sutton trên đường Dock.

Người thứ ba nãy giờ mới lên tiếng: “Dĩ nhiên, không phải tuần nào bà cũng có thể có được những thứ đó, thưa bà. Chúng tôi sẽ thường xuyên đến thăm gia đình để đảm bảo rằng gia đình bà thực sự cần tới sự giúp đỡ này. Đó là nguyên tắc, thưa bà, tuy nhiên chúng tôi cũng sẽ xem xét những yêu cầu của bà”.

Mẹ quệt tay áo lên mặt để lau khô nước mắt rồi nhận lấy thẻ mua hàng. Thực sự xúc động, mẹ nói lời cảm ơn tới mấy người:

“Chúa phù hộ cho lòng tốt của các vị”. Cả ba người đều gật đầu rồi nhìn xuống mặt bàn, nhìn lên trần nhà và nhìn vào tường, rốt cuộc họ cũng hắng giọng gọi người phụ nữ tiếp theo.

Những người phụ nữ còn lại ở ngoài đều khuyên mẹ: “Khi bà đến cửa hàng McGrath, bà nên để mắt tới con mụ lừa đảo ấy, kiểu gì nó cũng tìm cách bớt xén của bà. Mụ ta hay lèn giấy vào đĩa cân, sau đó xoay nó vào phía trong khuất sau quầy để bà không thấy được mụ ta đưa bao nhiêu lên cân. Bằng cách đó mụ có thể điều chỉnh trọng lượng của món hàng bao nhiêu cũng được, nếu bà may mắn thì nhận được một nửa số mình cần. Nhưng mụ ta còn có tranh Đức mẹ đồng trinh và Trái tim Chúa Jesus treo đầy cửa hàng, hay mụ cũng có thể quỳ gối ngày này qua ngày khác trong nhà thờ thánh Joseph, lải nhải những câu kinh vô hồn như một kẻ tử vì đạo chân chính vậy. Đúng là cái đồ chó cái”.

Nora bảo mẹ: “Tôi sẽ đi cùng bà, tôi cũng có thẻ mua hàng ở chỗ con mụ ấy. Mụ ta sẽ không qua được mắt tôi nếu có ý định lừa gạt bà”.

Cô ấy dẫn chúng tôi đến cửa hàng tạp phẩm trên phố Pamell. Người đàn bà đứng sau quầy tỏ ra rất lịch thiệp với cái áo khoác của Mỹ mẹ mặc trên người cho đến khi mẹ chìa ra tấm thẻ mua hàng có dấu của hội Cứu tế thánh Paul. Bà ta bắt đầu cao giọng: “Tôi không biết các người làm gì ở đây vào cái giờ này trong ngày. Tôi không bao giờ bán từ thiện trước sáu giờ tối. Nhưng đây là lần đầu của chị, coi như tôi phá lệ giúp chị một lần”.

Bà ta quay sang Nora hỏi dò: “Bà cũng có thẻ mua hàng hả?”. Không, tôi chỉ là bạn giúp đỡ gia đình tội nghiệp này trong lần đầu tiên họ đi mua hàng của hội Cứu tế thòi.

Bà bán hàng lót mẩu giấy báo xuống đĩa cân rồi trút bột mì xuống từ một cái bao lớn. Được một lát, bà ta dừng lại rồi ngẩng đầu lên: “Đủ rồi đấy, một *pao* bột mì”.

Tôi không cho là thế, - Nora phản đối, - chỉ một nhúm thế kia mà bảo là một *pao* à?

Mặt mụ ta đột ngột đỏ bừng, giận dữ nhìn Nora: "Bà định buộc tội tôi đấy à?".

Ô, không đâu thưa bà McGrath, - Nora nhỏ nhẹ, - tôi chỉ cho rằng có cái gì đó không ổn trong cái cách mà bà ấn vào mép đĩa cân như thế kia, tội nghiệp cho bà không trông thấy mảnh báo bà lèn vào lòi cả ra ngoài kia kìa. A, Chúa chứng giám. Một phụ nữ như bà sẵn sàng quỳ cả ngày trước Đức mẹ Đồng trinh đúng là mang lại nguồn cảm hứng cho chúng tôi. Kìa, có phải tiền của bà rơi dưới đất không đấy?

Bà McGranth lùi ngay lại đằng sau, ngay lập tức cái kim trên bàn cân nhảy loạn cả lên. "Tiền nào, tiền nào cơ?" bà ta hỏi luôn mồm cho đến khi ngước nhìn lên Nora, bà ta mới hiểu mình đã bị mắc lỡm. Nora cười thật thoải mái: "Vẫn cái mánh bịp bợm cũ rích. Hình như có sơ suất gì đó, thưa bà. Chỗ bà đổ ra chỉ non nửa pao thôi đấy".

Cái cân này khiến tôi gặp nhiều rắc rối quá đi mất, - McGranth càu nhàu.

Cứ cho là như thế, - Nora không để cho mụ yên.

Nhưng thề trước Chúa, lương tâm của tôi luôn trong sạch.

Tôi cũng tin như vậy, - Nora mỉa mai, - bà có biết đâu đâu người ta cũng ngưỡng mộ về sự trong sạch của bà không?

Tôi vẫn luôn phấn đấu trở thành một con chiên ngoan đạo.

Phấn đấu à? - Bà chỉ cần phấn đấu có tí ti mà đã nổi tiếng là người có trái tim nhân hậu lắm rồi đấy. Tôi tự hỏi không biết bà còn vài viên kẹo cho hai thiên thần này không nhỉ?

Ư hừm, tôi không phải là triệu phú, nhưng được rồi...

Chúa phù hộ bà, bà McGrath ạ, tôi biết mình đòi hỏi hơi nhiều nhưng bà xem có thể cho tôi vài điếu thuốc được chứ?

Trời đất, bà biết đấy, thuốc không nằm trong danh mục mua hàng. Tôi không phải ở đây để cung cấp những đồ xa xỉ.

Nếu bà biết cư xử hơn, chắc chắn tôi sẽ không bỏ qua lòng tốt của bà trước ban trị sự hội Cứu tế thánh Paul đâu.

Được rồi, được rồi, - Mc Grath vội vàng thò tay vào tủ, - Chỉ duy nhất lần này thôi nhé.

Chúa phù hộ bà, - Nora thong thả nhận mấy điếu thuốc, - tôi rất lấy làm tiếc vì cái cân gây cho bà quá nhiều phiền phức.

Trên đường về, chúng tôi ghé vào công viên People, ngồi nghỉ trên ghế băng. Trong khi Malachy và tôi say sưa mút kẹo thì mẹ với cô Nora vừa hút thuốc lá vừa tán gẫu với nhau. Khói thuốc khiến cho Nora lên một cơn ho khan, cô bảo mẹ rằng thuốc lá trước sau gì cũng giết chết cô, và rằng gia đình cô đã có tiền sử bệnh viêm phổi, chẳng có ai sống được đến tuổi già cả. Dẫu sao cô vẫn muốn ở Limerick, bởi mọi người có thể nhòm ngó khắp nơi và điều đầu tiên họ nhận ra là có rất ít người có tóc xám. Hình như những ai tóc xám đều nằm cả dưới huyệt hoặc đã vượt Đại Tây Dương sang bên kia làm công nhân đường tàu hay lang thang khắp nơi với bộ quân phục cảnh sát trên người.

- Bà là người may mắn đấy, bà còn biết đó biết đây, mở mang tầm mắt. Ôi, Chúa ơi, tôi dám đổi mọi thứ để được nhìn thấy New York lắm, mọi người cứ đi lại nhộn nhịp trên đường lớn mà chẳng phải lo lắng gì. Ôi, không, tôi phải sang đó mất thôi. Những quán rượu bên đó đầy sức hấp dẫn phải không bà? Năm mười bảy tuổi, tôi từng mê mẩn Peter Molloy, nhà vô địch về uống bia. Trước đây tôi dại dột lắm bà ạ. Những ai lớn lên ở Limerick này đều dại dột cả. Cái gì cũng tỏ ra hiểu biết, cái gì cũng lao vào. Tôi dám cược với bà rằng chúng ta đều trở thành mẹ trước khi kịp làm đàn bà. Ở đây thì chẳng có gì ngoài mưa liên miên, còn các bà già thì suốt ngày lẩm nhẩm kinh rôze. Có phải bán răng đi để sang được Mỹ, hay thậm chí sang Anh thôi, tôi cũng làm. Cái nhà vô địch về bia ấy, lúc nào cũng phải xin

tiền trợ cấp, mỗi khi anh ta uống vào lại khiến tôi như muốn phát điên, chỉ muốn chạy đến khu điều dưỡng cho yên ổn.

Cô Nora rút điếu thuốc ra khỏi mồm rồi bụm mồm ho một trận rũ rượi đến nỗi người cô cứ nảy lên từng đợt, giữa mỗi cơn ho, cô lại thì thào "Jesus, Jesus". Khi cơn ho qua đi, cô bảo mẹ rằng mình phải về nhà uống thuốc. Cô dặn mẹ: "Tôi sẽ gặp lại bà tuần tới, vẫn ở hội Bảo trợ thánh Paul. Nếu bà có khó khăn gì, xin bà đừng ngại, cứ nhắn cho tôi, ngoài khu Vize ấy. Bà cứ hỏi vợ của Peter Molloy, nhà vô địch bia là được".

Eugene ngủ ngon lành, mình đắp chiếc áo choàng của bố. Bố đang ngồi bên lò sưởi với Oliver trong lòng. Tôi không hiểu tại sao bố lại đi kể chuyện Cuchulain cho Oliver nghe. Bố biết rằng chuyện Cuchulain là của tôi cơ mà. Nhưng khi trông thấy Oliver, tôi không còn quan tâm đến chuyện đó nữa. Hai má nó đỏ hồng, nó nhìn chăm chú vào đống tro trong lò sưởi, và tôi có thể thấy nó chẳng quan tâm gì đến chuyện Cuchulain cả. Mẹ đặt tay lên trán nó. "Hình như con đang sốt phải không anh?" - Mẹ hỏi bố, - "ước gì em có nhánh hành, em sẽ luộc với sữa và hạt tiêu. Cách tốt để hạ sốt đấy. Nhưng ngay cả khi có hành chăng nữa, em biết lấy gì để đun sữa đây? Chúng ta cần than để đun nấu".

Mẹ đưa bố thẻ mua than ở đường Road. Bố dắt tôi theo nhưng ngoài trời đã tối và tất cả các sân than đều đóng cửa.

Làm sao bây giờ hả bố?

Bố không biết con trai ạ.

Phía đằng trước, tôi trông thấy có những người phụ nữ và trẻ con đang lúi húi nhặt than vãi dọc đường.

Bố, kìa bố, than đấy.

Ồ, không con trai. Chúng ta không nên nhặt nhạnh như thế. Ta đâu phải ăn mày hả con.

Về đến nhà, bố nói với mẹ rằng các sân than đều đóng cửa, chúng tôi chỉ có thể uống sữa và ăn bánh mì tối nay. Nhưng khi

tôi kể cho mẹ nghe về những người nhặt than trên đường, mẹ trao ngay Eugene cho bố.

Bà kiếm một chiếc túi rồi dắt tôi và Malachy theo. Bên kia đường Dock có một vệt gì đó rất lớn, tối màu với những tia sáng lóng lánh. Mẹ bảo chúng tôi đó là sông Shannon. Mẹ nói hồi còn ở Mỹ, điều mẹ nhớ nhất ở nhà là sông Shannon. Sông Hudon cũng thật đáng yêu nhưng Shannon còn biết hát nữa. Tôi chẳng nghe thấy tiếng hát nào nhưng mẹ nói rằng mẹ vẫn luôn nghe thấy và điều đó khiến mẹ thấy hạnh phúc. Những người khác đã đi khỏi đường Dock, chúng tôi bắt đầu mót than vãi từ những chiếc xe tải. Mẹ bảo hai đứa tôi gom tất cả những thứ gì có thể cháy được, than, củi, bìa các-tông hay giấy. Mẹ còn nói cứt ngựa cháy rất tốt, nhưng chúng tôi chưa đến mức phải như vậy. Khi chiếc túi đã gần đầy, mẹ bảo chúng tôi đã đến lúc phải đi kiếm ít hành cho Oliver. Malachy nói nó sẽ tìm cho mẹ một cây nhưng bà đã bảo nó: “Không, con trai. Con sẽ không tìm được hành trên đường như than hay củi đâu. Phải vào cửa hàng mới có”.

Ngay khi nó trông thấy một cửa hàng, nó gào toáng lên: “Đằng kia, đằng kia mẹ ơi” rồi chạy biến tới đó.

Hằn, hằn, - nó hổn hển, - hằn cho Oliver nào.

Mẹ chạy theo vào cửa hàng và nói với người bán hàng đứng sau quầy: “Tôi xin lỗi”. Người phụ nữ thốt lên: “Chúa ơi, sao trông như thiên thần thế này. Thằng bé có phải là người Mỹ không?”.

Mẹ gật đầu và người phụ nữ mỉm cười để lộ hai chiếc răng nằm về hai phía của hàm trên. “Đúng là thiên thần, thử ngắm mái tóc xoăn rực rỡ của nó kìa. Thế cưng thích gì nào? Kẹo nhé?”.

À, không. Thật ra chúng tôi cần một nhánh hành.

Bà bán hàng cười phá lên: “Hành á? Tôi chưa từng nghe nói một đứa bé muốn mua hành bao giờ. Có phải bên Mỹ chúng thích những thứ đó không?”.

Thưa không phải, tôi cần một cây hành cho đứa út của tôi, nó đang ốm nằm nhà. Đun hành trong sữa, bà biết đấy.

Đúng vậy, thưa bà. Nhưng bà đừng đập hành ra rồi thả vào sữa nhé. A, nhìn này, cưng bé bỏng, đây là kẹo cho cháu còn đây cho anh cháu, phải không nào?

Mẹ trả lời thay chúng tôi: "Vâng, thưa bà. Lẽ ra bà không nên làm thế. Cảm ơn bác đi các con".

Bà bán hàng đưa cho mẹ tôi nhánh hành dặn: "Hành cho cậu nhỏ đang ốm của bà đây".

Mẹ có vẻ lúng túng: "Ôi, giờ thì tôi không mua nổi hành nữa. Tôi không còn một penny trong người".

Chỗ hành ít ỏi này có đáng là bao, tôi biếu bà. Đừng bao giờ để người ta nghe thấy một đứa trẻ ở Limerick bị ốm vì không có hành bà ạ. A, bà đừng quên rắc hạt tiêu vào đấy nhé. Bà đã có hạt tiêu chưa?

Dạ tôi không có, nhưng có lẽ sớm muộn cũng phải mua một ít.

Thôi được, bà cầm lấy chỗ này về dùng đi. Hạt tiêu và một chút muối nữa, bà nhớ nhé. Bọn trẻ nhà bà dễ thương quá trời.

Cầu Chúa phù hộ bà, - mẹ nói lời cảm ơn người phụ nữ tốt bụng, đôi mắt mẹ ngân ngấn nước.

Bố đang đi tới đi lui trong nhà với Oliver trên tay, còn Eugene đang chơi tha thẩn dưới sàn nhà với mấy cái thìa và vài cái ca. Trông thấy mẹ, bố hỏi ngay: "Em có kiếm được hành không?".

Có, còn hơn cả thế nữa. Em có cả than đây và cả mấy thứ nhóm lửa nữa.

Anh biết em sẽ kiếm được mà. Anh đã khấn thánh Jude. Ông là vị thánh anh yêu mến nhất. Cứu tinh của những lúc nguy nan đấy, em biết không?

Em có than, em có hành, nhưng chẳng có sự giúp đỡ nào của thánh Jude đâu.

Bố tỏ vẻ không bằng lòng: “Lẽ ra em không nên nhặt than rơi trên đường như những kẻ ăn mày vẫn làm. Anh nói có đúng không. Làm gương xấu cho các con”.

Thế thì anh nên đưa cả thánh Jude của anh xuống đường Dock mà xem.

Malachy giật tay áo mẹ: “Mẹ, con đói rồi”. Và tôi cũng thấy rất đói nhưng mẹ nói: “Các con chịu khó đợi một lúc, để mẹ đun hành với sữa cho Oliver xong đã”.

Mẹ nhóm lửa đun sữa, cắt đôi nhánh hành, thả vào sữa sôi với một ít bơ và rắc lên sữa ít hạt tiêu. Mẹ đặt Oliver lên lòng, tìm cách cho nó uống thuốc nhưng thằng bé cứ quay mặt đi, nhìn chăm chú vào lò sưởi.

Nào, con ngoan, chịu khó uống đi. Tốt đấy con, con sẽ chóng lớn và khỏe mạnh.

Nhưng thằng bé cứ mím chặt mồi, không để mẹ đút thìa vào mồm. Mẹ phải đặt ca sữa xuống, nựng Oliver cho nó ngủ, đặt thằng nhỏ lên giường và dặn tất cả chúng tôi phải giữ yên lặng nếu không mẹ sẽ cho ăn đòn. Mẹ thái mỏng nửa chỗ hành còn lại rồi rán lên với bơ và vài lát bánh mì. Mẹ đế chúng tôi ngồi dưới sàn nhà chung quanh lò sưởi. Mấy đứa bọn tôi hì hục gặm bánh và nhấp trà nóng pha đường đựng trong bình mứt. Mẹ bảo cái lò sưởi này cũng đủ ấm và sáng nên chúng tôi có thể tắt bớt đèn khí gas cho tới khi kiếm đủ tiền để dùng tới nó.

Quả thật, lò sưởi khiến cả căn phòng ấm sực với những ngọn lửa nhảy nhót trên than, chúng tôi tha hồ tưởng tượng ra các khuôn mặt, núi đồi, thung lũng, và muông thú nhảy nhót. Eugene đã lăn ra ngủ dưới sàn nhà, bố phải bế nó lên giường đặt cạnh Oliver. Mẹ đặt chiếc ca đựng tỏi và sữa lên bệ lò sưởi đề phòng lũ chuột quậy phá. Mẹ bảo mẹ rất mệt sau một ngày lang thang khắp nơi, lúc ở hội Cứu tế, khi ở cửa hàng của bà Mc Grath, rồi lại lọ mọ nhặt than trên đường Dock, nhưng tệ hơn cả là việc Oliver không chịu uống thuốc khiến mẹ rất lo. Nếu ngày

mai Oliver không khá hơn, mẹ sẽ phải đưa nó đến bác sĩ, còn giờ thì bà muốn ngủ một giấc.

Không lâu sau, cả nhà chúng tôi đã nằm hết trên giường và nếu như còn sót con bọ chét nào tôi cũng sẽ không mấy bận tâm vì sáu người chúng tôi đang nằm bên nhau ấm áp. Hơn thế nữa, bọn tôi lấy làm khoái chí khi ngắm những ngọn lửa sáng lung linh tí tách trong lò sưởi đang nhảy múa trên tường và trần nhà. Chúng khiến căn phòng chuyển từ màu đỏ sang màu tối và từ tối lại chuyển sang đỏ cho đến khi chúng mờ dần và chuyển sang sắc trắng rồi tối hẳn và tất cả những gì tôi có thể nghe thấy là tiếng khóc hờn của Oliver trong vòng tay của mẹ.

Khi mở mắt ra vào sáng hôm sau, tôi thấy bố đang ngồi nhóm lò pha trà và cắt bánh mì. Bố đã mặc quần áo sẵn sàng, ông cũng giục mẹ nhanh tay lên rồi thay quần áo đê ra ngoài. Bố bảo tôi: "Fancis này, em trai Oliver của con bị ốm và bố mẹ phải đưa em đến bệnh viện. Con ở nhà và hãy gương mẫu, trông hai em cho bố. Chúng ta sẽ về sớm thôi".

Mẹ dặn tôi: "Khi bố mẹ văng nhà, các con để cho cái hộp đường yên nhé. Chúng ta không phải triệu phú đâu".

Khi mẹ bế Oliver lên và cuốn cho nó cái áo khoác ra ngoài, Eugene bật dậy trên giường phụng phịu: "Con muốn chơi với Ollie. Ollie, ở lại đây chơi đi".

Ollie sẽ chóng về thôi con yêu, - mẹ dỗ nó, - lúc đó con tha hồ chơi với anh, giờ thì chơi ngoan với Frank và Malachy nhé.

Ollie cơ, Ollie cơ, con muốn Ollie.

Nó dõi theo Oliver cho đến lúc bố mẹ mang thằng bé khuất sau cánh cửa. Khi họ đi rồi, Eugene vẫn ngồi trên giường nhìn ra cửa sổ. Malachy gọi nó: "Genie, Genie này, bọn anh có bánh mì, bọn anh có trà. Có đường cho em ăn bánh mì đây này Genie". Thế nhưng thằng bé vẫn lắc đầu quầy quậy và đẩy trả miếng bánh Malachy đưa cho nó. Nó bò đến chỗ mẹ vẫn nằm với Oliver, cúi gằm xuống và nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ.

Bà đứng ở cửa ra vào: “Bà thấy người ta bảo bố mẹ chúng mày bế thằng bé chạy xuống phố Henry. Các cháu có biết họ đi đâu không?”

Oliver bị ốm, - tôi trả lời bà, - nó không chịu uống hành đun với sữa.

Mày đang nói bậy bạ cái gì thế hả?

Không uống hành đun với sữa là lăn ra ốm à?

Ai bảo mày như thế?

Cháu thấy như thế mà.

Thế thằng bé trên giường kia thì sao, có chuyện gì với nó? Tên nó là gì?

Đấy là Eugene. Nó nhớ Oliver đấy. Hai đứa chúng nó là anh em sinh đôi.

Bà biết chúng nó là sinh đôi rồi. Sao trông nó có vẻ khổ sở thế kia. Ở nhà chúng mày có cháo yến mạch không hả?

Cháo yến mạch là gì hả bà? - Malachy không bỏ lỡ cơ hội để hỏi.

Lạy Chúa, lạy Đức mẹ và cả thánh Joseph nữa! Cháo yến mạch là cái gì ư? Yến mạch là yến mạch chứ còn là gì nữa. Đấy yến mạch là như thế đấy. Chúng bay là một lũ ngờ nghệch nhất tao từng biết từ trước tới giờ. Thôi nào, vận quần áo vào, chúng ta sẽ sang bên kia phố, chỗ bác Aggie ấy. Ở đó còn có cả bác Pa Keating nữa, rồi bác sẽ cho chúng bay biết cháo yến mạch là cái gì.

Bà nhặt Eugene lên, quấn nó vào trong khăn choàng của mình và thế là chúng tôi cùng sang bên kia phố, nơi ở của bác Aggie. Bác vẫn sông ở đó với bác Pa bởi lẽ bác đã nói với bác Aggie rằng cuối cùng thì bác cũng không phải là một con bò cái béo ị.

Còn yến mạch không con? - bà hỏi bác Aggie.

Yến mạch ạ? Hẳn mẹ lại bảo con phải nấu cho lũ trẻ Mỹ này một nồi chắc?

Khổ thân mày chưa? - bà phàn nàn, - mày có chết không hả con nếu bớt cho các cháu mày tí cháo?

Thêm tí đường, tí sữa và rồi nếu tiện thì bác cho các cháu mấy quả trứng nữa nếu không phiền chứ gì? Con không hiểu tại sao cứ phải trả giá cho sai lầm của Angela như thế?

Lạy Chúa, đấy là những thứ vụn vặt nhất mày có thể làm cho người thân của mày. Mày không nhớ trong Thánh kinh Người đã viết về thế giới và nạn đói thế nào ư?

Thế rồi bà đẩy bác Aggie sang một bên, đặt Eugene lên ghế cạnh lò sưởi và làm cháo yến mạch cho chúng tôi. Một người đàn ông bước ra từ căn phòng bên cạnh. Ông ta có bộ tóc xoăn màu đen nhánh, nước da cũng đen bóng và tôi thích đôi mắt của bác ấy, chúng xanh thẳm và như muốn cười. Đó là chồng của bác Aggie và cũng chính là người đàn óng dừng lại bên đường vào cái đêm mà chúng tôi đánh nhau với lũ bọ chét, chính bác đã nói với chúng tôi về rắn và bọ chét, người đàn ông với những cơn ho khan bắt nguồn từ khí gas trong chiến tranh.

Malachy hỏi luôn: “Sao người bác đen thế?”. Bác Pa Keating cười phá lên, ho rũ rượi rồi thư giãn bằng cách châm một điếu thuốc. “Ôi, cái bọn Mỹ con này”, bác nói, “chẳng biết ngượng là gì. Bác đen là vì bác làm việc ở Nhà máy Khí gas của Limerick, công việc của bác là xúc than đá và than củi cho vào lò nung. Bác bị nhiễm khí độc ở Pháp, khi quay về Limerick làm việc lại làm đúng cái việc này. Lớn lên chút nữa, cháu sẽ hiểu”.

Malachy và tôi phải rời khỏi chiếc bàn để người lớn có thể ngồi uống trà. Mọi người dùng trà nhưng bác Pa Keating - người tôi gọi bằng bác bởi bác lấy bác Aggie của tôi đã - nhấc Eugene đặt lên lòng. Bác nói: “Mọi người thử ngắm cái gã nhỏ này mà xem này. Trông hắn buồn quá ha”. Thế rồi bác làm mặt hề và méo tiếng để chọc cười nhưng chỉ có tôi và Malachy cười còn Eugene cố dướn lên để chạm vào nước da đen nhẻm của bác Pa Keating và khi bác giả bộ cắn vào bàn tay nhỏ xíu của nó,

Eugene cười như nấc nẻ khiến mọi người trong căn phòng cũng cười theo. Malachy chạy tới Eugene tìm cách làm cho thằng bé cười hơn nữa nhưng Eugene lại quay đi và giấu mặt đằng sau áo bác Pa Keating.

Thằng cún này chỉ thích bác thôi, - bác Pa tỏ vẻ khoái trá, cùng lúc đó, bác Aggie bỏ tách trà xuống và bắt đầu khóc nức nở - oa, oa, oa, - những giọt nước mắt lớn tướng cứ nhảy tí tách trên khuôn mặt ửng đỏ của bác.

Chúa ơi, - bà ngoại tỏ vẻ bực bội, - mày lại bắt đầu rồi đấy, thế lần này mày làm sao?

Bác Aggie bù lu bù loa trong tiếng nấc: "Cứ trông thấy anh Pa chơi với thằng nhỏ trên lòng con lại, hích, nghĩ mình không sinh được, hích, cho anh ấy một đứa".

Bà cao giọng mắng bác: "Thôi ngay cái lối ăn nói như thế trước mặt bọn trẻ đi cho tôi nhờ. Mày không biết xấu hổ hả con? Khi nào Chúa nghe được ước muốn của mày và Người sẵn sàng, Ngài sẽ gửi cho mày một đứa trẻ".

Bác Aggie sụt sùi: "Nhưng tại sao Angela có những năm đứa, đấy là chưa kể một đứa mới bị sảy. Trong khi cô ấy chẳng biết làm gì, thậm chí cả lau nhà. Còn con thì chẳng có đứa nào, ngay cả khi con biết cách lau nhà sao cho sạch và hầm thịt sao cho ngon..

Bác Pa Keating cười lớn: "Anh nghĩ có khi nên giữ thằng cha này ở nhà mình em ạ", bác ôm chặt Eugene hớn hở.

Ngay lập tức Malachy chạy tới gào toáng lên: "Không được, không được, Eugene là em cháu chứ". Và tôi cũng gào lên: "Không được, không được, nó là em cháu".

Bác Aggie quệt nước mắt trên má rồi tiếp tục: "Bác chẳng muốn thứ gì của Angela hết, ngay cả mẹ chúng mày có cho tao một nửa Limerich hay một nửa Ailen đi chăng nữa, đấy, cứ mang em bọn mày về đi. Một ngày nào đó bác cũng sẽ có em bé ngay kể cả có phải nguyện cầu hàng ngàn lần trước Đức mẹ

Đồng trinh và cả mẹ của bà ta, thánh Ann đi chăng nữa, hay có phải quỳ gối mà lê từ đây cho tới Lourdes, tao cũng sẽ làm".

Bà ngoại lên tiếng: "Đủ rồi đấy. Các cháu đã ăn xong cháo chưa? Xong rồi thì về nhà đi xem bố mẹ đã đem em ở bệnh viện về chưa?".

Kéo khăn trùm lên đầu, bà đến bên bác Pa để bế Eugene lên nhưng thằng bé cứ níu chặt lấy áo bác, khiến bà phải mất một lúc mới lôi được thằng bé ra, thằng nhỏ cứ ngoái cổ nhìn theo bác cho đến khi chúng tôi ra tận ngoài cửa.

Mấy anh em lục tục kéo theo sau bà trở về căn phòng thuê. Bà đặt Eugene lên giường rồi lấy nước cho nó uống. Bà nựng thằng bé, dỗ cho nó ngủ ngoan rồi bảo Eugene rằng chẳng mấy chốc nữa Oliver sẽ về, chúng lại có thể chơi đùa với nhau thoải mái dưới sàn nhà.

Nhưng tất cả những gì thằng nhỏ làm là ngồi nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ.

Bà dặn tôi và Malachy ngồi chơi ngoan dưới sàn nhà nhưng phải giữ yên lặng vì bà sắp cầu nguyện. Malachy trèo lên giường ngồi cạnh Eugene còn tôi leo lên ngồi trên chiếc ghế kê cạnh bàn, lầm bầm đánh vần theo những chữ in trên các mảnh báo mà gia đình tôi vẫn dùng như khăn trải bàn. Tất cả những âm thanh có thể nghe thấy trong căn phòng chỉ là tiếng thì thầm của Malachy với Eugene để làm cho thằng bé vui và tiếng lầm bầm đọc kinh của bà cộng với tiếng lách cách của chuỗi hạt mà bà đang lần trên tay. Không khí chung quanh thật yên ắng, tôi gục đầu xuống bàn rồi ngủ thiếp.

Bỗng nhiên bố lắc vai tôi: "Dậy nào Francis, con phải để mắt đến các em giúp bố".

Tôi thấy mẹ sụp xuống ở góc giường, vai, rung lên, mẹ đang khóc chiêm chiếp như tiếng chim kêu. Ó đằng kia, bà ngoại kéo khăn trùm đầu lên rồi nói với bố: "Tôi phải xuống chỗ

Thompson để giải quyết vụ quan tài và xe tang. Chắc chắn hội Bảo trợ thánh Paul sẽ giúp ta khoản đó, vì Chúa".

Nói xong bà đi khuất sau cánh cửa. Bố đứng chết lặng, nhìn chăm chăm vào bức tường sau lò sưởi, đấm tay vào đùi và kêu lên: "Ôi chao, ôi chao".

Bố khiến tôi cảm thấy sợ hãi vì cứ kêu lên "ôi chao" như thế còn mẹ cũng khiến tôi sợ khi bà cứ khóc chiêm chiếp như tiếng chim. Tôi thực sự bối rối không biết phải làm gì mặc dù trong lòng rất muốn có ai đó nhóm lửa trong lò lên để chúng tôi được dùng trà và bánh mì bởi mấy anh em tôi ăn cháo yến mạch đã lâu. Giá như bố không đứng trước lò sưởi thế kia, tôi đã có thể tự ra đó nhóm lửa. Tất cả những gì cần để nhóm lửa là một mẩu giấy, một ít than củi hoặc than bùn và cuối cùng là một que diêm. Nhưng bố vẫn đứng yên tại đó khiến tôi cứ quanh quẩn bên ông trong lúc ông đập đập hai tay vào đùi. Nhưng rồi bố cũng nhận ra sự có mặt của tôi, ông hỏi tôi tại sao lại muốn nhóm lửa. Tôi thật thà trả lời ông rằng mấy anh em chúng tôi đều rất đói, ngay lập tức bố cười một cách điên dại khiến tôi sợ run lên. "Đói à?" ông hỏi lại, "ôi Francis, em mày, Oliver vừa chết đấy có biết không? Em trai em gái mày chết cả rồi con ạ".

Ông nhấc tôi lên và ôm ghì, chặt đến nỗi tôi phải khóc thét lên vì đau. Ngay lập tức Malachy bật khóc, mẹ khóc và bố cũng khóc, chỉ có Eugene là ngồi im lặng. Một lúc sau bố sụt sịt: "Chúng ta còn một buổi lễ Francis ạ".

Bố bảo mẹ rằng hai bố con đi một lúc rồi về nhưng mẹ chỉ cúi mặt yên lặng với Malachy và Eugene trong lòng. Bố dẫn tôi qua các con phố của Limerick, chúng tôi đã dừng lại không biết bao nhiêu cửa hàng để bố hỏi họ xem liệu họ có thể giúp chúng tôi thức ăn hay bất cứ thứ gì có thể, mong họ giúp cho một gia đình với hai đứa trẻ mới qua đời, một ở Mỹ và một ở Limerick và đang đứng trước nguy cơ mất nốt ba đứa còn lại bởi tình trạng đói khát. Hầu hết các chủ cửa hàng đều lắc đầu: "Chúng tôi rất lấy

làm tiếc cho ông nhưng ở đây đã có hội Bảo trợ thánh Vincent de Paul hay những tổ chức cứu trợ công cộng khác".

Bố nói với họ rằng ông sẽ hết sức biết ơn nếu họ tỏ hành động với tinh thần của Chúa ở nơi này, tại Limerick nhưng bọn họ trả lời rằng họ chẳng cần một kẻ như ông nói giọng miền Bắc phải nói cho họ biết về Chúa, và rằng ông phải biết lấy làm xấu hổ khi cứ lôi theo thằng bé con như những kẻ ăn xin giẻ rách vô lương tâm thực thụ.

Một vài người khác cho bố ít bánh mì, khoai tây, đồ hộp cùng với đậu. Bố bảo tôi: "Chúng ta về thôi, có mấy thứ ở đây các con dùng được". Trên đường về chúng tôi gặp bác Pa Keating, bác tỏ ra rất thông cảm về chuyện buồn của nhà tôi, bác còn hỏi xem bố có muốn dùng một vại bia ở một bar nào đó quanh đây không.

Trong quán rượu chật ních toàn người, họ ngồi đó, mỗi người đều có một vại lớn đựng thứ nước màu đen đặt trước mặt. Bác Pa Keating và bố cũng vậy. Họ nâng vại lên một cách cẩn thận và chậm rãi. Trên môi mỗi người đều dính một vệt gì đó trăng trắng, và hình như ai cũng như đưa lưỡi lên liêm. Bác Pa mua cho tôi một cốc chanh ép và bố cho tôi một mẩu bánh mì. Sau đó tôi không cảm thấy đói nữa. Nhưng trong đầu tôi vẫn quanh quẩn câu hỏi không hiểu họ sẽ ngồi trong đó bao lâu nữa trong khi Malachy và Eugene đang đói meo ở nhà, món cháo yến mạch chúng tôi đã ăn từ nửa ngày trước, thậm chí Eugene còn chẳng buồn đụng tới.

Bố và bác Pa uống hết những vại nước màu đen của họ rồi lại kêu thêm những vại khác. Bác Pa bảo tôi: "Frankie này, đây là vại bia. Đây mới là sự sống. Đây là thứ tốt nhất cho các bà mẹ mới sinh con và cho trẻ con cai sữa đấy cháu ạ".

Bác phá lên cười, bố cũng gượng cười theo còn tôi cũng cười bởi tôi nghĩ rằng đấy là điều nên làm mỗi khi bác Pa nói xong một câu gì đó. Nhưng bác không còn cười nữa khi bác nói với

những người chung quanh về cái chết của Oliver. Mọi người đều hướng về phía bố, nghiêng vành mũ và nói: "Rất lấy làm tiếc vì chuyện của ông, mời ông thêm một vại".

Bố không thể nói "không" với bia bao giờ và thế là chẳng lâu sau ông bắt đầu hát Roddy McCorley và Kenvin Barry, rồi cứ thế bài này tiếp bài khác. Ông hát cả những bài tôi chưa từng nghe, hát rồi khóc, khóc cho cô con gái nhỏ bé xinh xắn Margaret đã mất bên Mỹ và cho cậu con trai Oliver, vừa mất trong bệnh viên Gia đình Thành phố. Cái cách bố la hét khóc lóc khiến tôi sợ, ngồi đó nhưng lòng tôi chỉ mong sao được ở nhà với ba đứa em, không, giờ chỉ còn hai đứa và mẹ thôi.

Người đàn ông đứng sau quầy bar nói với bố: "Thưa ông, tôi nghĩ ông đã dùng đủ rồi. Chúng tôi rất lấy làm tiếc vì chuyện buồn của ông nhưng có lẽ ông nên dẫn đứa trẻ này về với mẹ nó, người đang tan nát cõi lòng bên lò sưởi đợi ông".

Bố vẫn lè nhè: "Một vại nữa, một vại nữa thôi?" nhưng người đàn ông đó từ chối. Bố bắt đầu lắc lắc nắm đấm rồi gào lên: "Tao đã chiến đấu cho Ailen!" và khi ông ta bước ra để giữ chặt bố, bố vẫn tìm cách đẩy ông ta ra.

Bác Pa lên tiếng: "Thôi nào Malachy, không lằng nhằng nữa. Đến lúc chú phải về với Angela rồi đấy. Ngày mai còn có đám tang của thằng bé, anh không nhớ những thiên thần nhỏ đang đợi chú ở nhà sao?".

Nhưng bố cứ vùng vẫy cô níu kéo cho đến khi mấy người phải lôi bố ra khỏi quán, đẩy ông vào bóng đêm của đường phố. Bác Pa lảo đảo ra sau với túi đồ ăn trên tay. "Đi nào", bác bảo bố con tôi, "về nhà thôi".

Bố vẫn muốn vào một quán rượu khác đế uống thêm nhưng bác Pa bảo rằng bác không còn tiền. Bò nói bác hãy kể cho mọi người nghe nỗi khổ của bố và mọi người sẽ cho bố uống không mất tiền. Bác bảo bố rằng làm vậy thật nhục nhã và hết sức hổ thẹn. Gục đầu lên vai bác, bố kêu lên thảm thiết: "Ôi, anh là bạn

tốt của tôi". Ông cứ khóc như thế cho đến khi bác phải vỗ về bố: "Vâng, khủng khiếp quá, khủng khiếp quá, nhưng rồi chú sẽ vượt qua".

Bố đứng thẳng lên và nhìn vào mặt bác: "Không bao giờ", ông nói dõng dạc, "không bao giờ".

Hôm sau, chúng tôi đến bệnh viện trên một chiếc xe ngựa kéo. Họ đặt Oliver vào một cái hòm màu trắng, xếp lên xe chở đến nghĩa trang. Họ để chiếc hòm trắng ấy xuống một cái hố đào sẵn dưới đất rồi lại lấp đất phủ lên nó. Mẹ tôi và bác Aggie khóc lóc sụt sùi, bà ngoại trông có vẻ giận dữ, bố, bác Pa Keating và bác Pat Sheehan nom rất buồn nhưng không khóc. Điều khó khiến tôi nghĩ rằng một khi đã là đàn ông, anh chỉ có thể khóc khi uống bia đen đựng trong vại.

Tôi không ưa những con quạ xám đậu trên cây và trên bia mộ, tôi không muốn để Oliver lại một mình với chúng. Ném một viên đất về phía con quạ đang đi lạch bạch hướng về mộ của Oliver, tôi mong sao nó bay đi chỗ khác. Bố quay sang khuyên tôi không nên ném đá vào quạ bởi có thể chúng đang mang trong mình linh hồn của một ai đó. Tôi chẳng hiểu linh hồn là gì nhưng tôi cũng không muốn hỏi ông vì đó không phải là điều mà tôi quan tâm. Oliver đã chết còn tôi thì ghét lũ quạ. Ngày nào đó tôi sẽ trở thành một người đàn ông, và tôi sẽ quay trở lại chốn này với một cái bị đá, và tôi sẽ chỉ ra đi khi trên mặt đất la liệt xác quạ chết.

Vào buổi sáng sau đám tang của Oliver, bố đến đăng ký tại trung tâm Trao đổi Lao động để nhận tiền trợ cấp hàng tuần, tất cả là mười chín silling và sáu pen. Bố dặn rằng sẽ về nhà vào buổi trưa và ông sẽ mang than về nhóm lửa, chúng tôi sẽ có giăm bông với trứng và trà để tưởng nhớ Oliver, và rằng thậm chí có thể có cả một vài cái kẹo cho mấy anh em.

Nhưng đến trưa ông không về, một giờ, hai giờ chiều, ông vẫn chưa về. Chúng tôi lại lôi mấy củ khoai tây xin được ở mấy

cửa hàng hôm trước ra luộc. Vào cái ngày tháng Năm ấy, bố tôi chỉ chịu mò về khi mặt trời đã lặn. Hoàn toàn không có dấu hiệu gì về sự xuất hiện của ông cho tới khi các quán rượu đều đóng cửa và chúng tôi nghe thấy tiếng hát của ông dọc theo con phố Windmill.

Bố lảo đảo bước vào phòng, dựa người vào tường lầm bầm. Ông đưa tay quệt ngang một giọt nước mũi đang rớt ra ngoài. Dường như bố đang gắng nói điều gì: "Mấy đứa kia phải ở trên giường cả đi chứ! Nghe bố nói không. Trẻ con đi ngủ...".

Mẹ nhìn thẳng vào bố quát: "Các con đói lả ra kia kìa, tiền trợ cấp đâu? Lẽ ra phải có cá hoặc trứng để mấy đứa trẻ còn có cái bỏ vào bụng trước khi lên giường chứ?"

Mẹ cố gắng luồn tay vào túi bố nhưng bố lại tìm cách đẩy mẹ ra. "Phải tôn trọng chứ", bố lè nhè, "tôn trọng trước mặt bọn trẻ chứ lị".

Nhưng mẹ cứ lăn xả vào để tìm tiền trong túi áo bố: "Tiền đâu? Bọn trẻ đói vàng cả mắt ra đấy. Anh điên rồi, đồ tồi, anh lại uống hết tiền rồi chứ gì? Vẫn như dạo ở Brooklyn ư?".

Bố bắt đầu khóc lóc lu loa: "Oi, tội nghiệp Angela, tội nghiệp Margaret và cả Oliver đáng thương nữa".

Ông lảo đảo bước về phía tôi rồi ôm ghì lấy tôi, lại vẫn cái mùi tôi thường ngửi thấy ở ông khi còn ở bên Mỹ. Mặt tôi ướt đầm nước mắt, nước mũi và cả nước dãi của ông. Tôi chỉ thấy đói và đói, không biết mình phải làm gì khi ông cứ ôm ghì lấy đầu tôi mà khóc lóc và chùi mũi dãi với nước mắt vào đó như thế.

Sau đó ông thả tôi ra và chuyển sang Malachy, vẫn tiếp tục than vãn khóc lóc về sự lạnh lẽo và cô đơn dưới lòng đất của em trai và em gái chúng tôi, và làm sao để chúng tôi có thể cùng cầu nguyện và để mọi chuyện trở nên tốt đẹp hơn, làm sao chúng tôi có thể trở thành những con chiên ngoan đạo và làm theo những gì Đức mẹ dạy bảo. Bố nói rằng gia đình chúng tôi có nhiều chuyện không hay nhưng đã đến lúc tôi và Malachy phải được

đến trường, và không có gì sánh được với học thức, nó sẽ giúp cho ta đứng vững được đến tận cuối đời, và chúng tôi cũng phải sẵn sàng để chiến đấu cho đất nước Ailen.

Mẹ cho biết bà không thể tiếp tục sống thêm một phút nào nữa trong căn phòng ở phố Windmill. Mẹ không thể ngủ với ký ức về Oliver với căn phòng đó, Oliver ở trên giường, Oliver chơi dưới sàn nhà, Oliver ngồi đó trên lòng bố cạnh lò sưởi. Mẹ còn bảo căn phòng đó cũng không tốt cho Eugene, thằng bé sẽ rất khó khăn để làm quen với việc nó đã thực sự mất đi người anh sinh đôi của nó, thậm chí còn đau khổ hơn cả mẹ. Có một căn phòng cho thuê trên phố Hartstonge với hai cái giường thay vì một cái mà sáu chúng tôi từng ngủ, không, chỉ còn năm. Chúng tôi sẽ chuyển sang căn phòng đó. Và để cho chắc, mẹ tôi đến trung tâm Trao đổi Lao động vào ngày thứ Năm, đứng xếp hàng đợi đến lượt lấy tiền trợ cấp vào thời điểm mà họ trao tiền vào tay bố. Bố nói mẹ không thể làm như vậy, ông sẽ mất mặt với những người khác ở đó. Trung tâm Trao đổi Lao động là nơi dành cho đàn ông chứ không phải là phụ nữ đến nẫng tiền trước mũi họ. Mẹ nhất định không nghe: "Thật tiếc cho anh. Nếu như anh không nướng hết cả tiền vào những quán rượu đó thì tôi cũng không phải nhằng nhẵng theo anh, như tôi từng làm ở Brooklyn".

Bố nói với mẹ rằng nếu bà làm như vậy thì bố sẽ bị xấu mặt mãi mãi. Mẹ bảo mẹ chẳng cần quan tâm đến chuyện đó. Mẹ muốn thuê được một phòng trên phố Hartstonge, đó là một căn phòng ấm cúng, tiện nghi, một căn phòng không có bọ chét bò lổm ngổm cùng với sự ẩm ướt chết người. Mẹ muốn căn phòng đó bởi nó cùng nằm trên một con phò với trường tiểu học Quốc gia Leamy, như vậy thì Malachy và tôi có thể về nhà vào đúng giờ ăn tối, có thể tranh thủ dùng trà và bánh mì rán vào buổi trưa.

Vào thứ Năm, mẹ đi theo bố đến trung tâm Trao đổi Lao động. Mẹ đứng ngay sau bố và khi người ta phát tiền cho bố, mẹ là người đưa tay nhận. Những người khác trông thấy huých tay nhau cười và điều đó làm cho bố bẽ mặt bởi theo lẽ thường, phụ nữ không được phép can thiệp vào các khoản trợ cấp của đàn ông. Có lẽ bố muốn dùng sáu pen để vào quán rượu hoặc uống một vại bia trong bar và nếu như tất cả phụ nữ trên đời đều hành động như mẹ thì có lẽ các quán rượu đều phải đóng cửa cả và cũng sẽ chẳng còn tồn tại kỷ lục Guiness. Nhưng giờ đây mẹ đang có tiền trong tay và chúng tôi sẽ chuyển sang phố Hartstonge. Mẹ bế Eugene lên tay, chúng tôi cùng hướng tới trường tiểu học Quốc gia Leamy. Ngài hiệu trưởng Scallan cho mẹ hay chúng tôi có thể bắt đầu đến trường từ ngày thứ Hai tới với một quyển sách, một cây bút chì được vót thật nhọn. Chúng tôi sẽ không được tới trường nếu mắc bệnh hen, đầu có chấy rận hoặc mũi cứ sụt sịt suốt ngày. Đặc biệt không được để nước mũi chảy rớt xuống nền lớp vì nó có thể truyền bệnh lao phổi cho người khác, chúng tôi bắt buộc phải dùng khăn tay hay một miếng giẻ sạch để lau chứ nhất thiết không được dùng ống tay áo như thường lệ. Ông Hiệu trưởng hỏi xem liệu chúng tôi có phải là những cậu bé ngoan không và khi cả hai cùng cất giọng lên trả lời, ông ta lại thốt lên: “Lạy Chúa, cái gì thế này? Chúng nó là người Mỹ à?”.

Mẹ vội vã trả lời, tiện thể kể luôn cho ông ta nghe chuyên về Margaret và Oliver. Nghe xong câu chuyện, ngài Hiệu trưởng không thôi thốt lên: “Chúa chứng giám, Chúa chứng giám, quả là nỗi đau sâu sắc nhất trên đời mà bà phải trải qua. Dẫu sao, tôi cũng hứa với bà chúng tôi sẽ nhận các con bà vào học, Malachy sẽ vào học dự bị còn anh nó sẽ được học ngay lớp một, tuy nhiên, chúng sẽ vẫn ngồi cùng một lớp với cùng một giáo viên. Sáng thứ Hai nhé, đúng chín giờ sáng, mong bà đúng giờ cho”.

Bọn trẻ con ở trường Leamy muốn biết tại sao chúng tôi lại nói giọng như thế: “Chúng mày có phải người Mỹ không hả?” và khi tỏi cho chúng biết chúng tôi đến từ Mỹ, bọn chúng lại muốn hỏi xem tôi chúng tôi là găngtơ hay cao bồi.

Một thằng to lớn dí mặt nó vào sát mặt tôi vặn vẹo: “Tao đang hỏi mày đấy. Chúng mày là găngtơ hay cao bồi hả?”.

Tôi bảo nó rằng tôi không biết và khi nó dùng tay đẩy vào ngực tôi thì Malachy bật lên: “Tao là găngtơ còn Frank là cao bồi”. Thằng to lớn tỏ vẻ hả hê: “Em mày có vẻ biết điều đấy, còn mày đúng là đồ tây thối”.

Những thằng xung quanh nó nhảy lên đầy phấn khích. “Đánh đi”, chúng gào lên và thằng đó đẩy tôi một cái thật mạnh khiến tôi ngã dúi dụi. Tôi chỉ muốn khóc nhưng sâu thẳm trong tôi bỗng trỗi lên một phản ứng mãnh liệt, cái cách mà tôi từng làm với Freddie Leibowitz. Vậy là tôi lao như một mũi tên vào người nó, đấm đá túi bụi. Tôi đè ngửa được thằng đó ra và tìm cách túm lấy tóc nó để nện những cú thật mạnh vào đầu nó nhưng thình lình tôi cảm thấy đau nhói phía sau chân và bị giật khỏi thằng du côn đó.

Người làm điều đó là thầy Benson, ông ta xách tai tôi lên và đánh vào hai đầu gối tôi. “Cái thằng lưu manh này”, ông Benson nhiếc móc, “đây có phải là cách mày vẫn cư xử với bạn bè bên Mỹ không hả? Vì Chúa, mày phải tỏ ra biết điều trước khi ta dạy cho mày biết xử sự như thế nào cho phải”.

Ông ta bảo tôi phải đưa tay ra, thế rồi bằng một cây thước ông ta nện cho tôi mỗi tay một cái. “Đi về nhà ngay”, óng chủ nhiệm bảo tôi, “và nói cho mẹ mày biết mày đã hư đốn như thế nào. Cái thằng Mỹ này hư quá. Nói theo tao, tôi là một thằng hư hỏng”.

Tôi là một thằng hư hỏng.

Giờ nói tiếp, tôi là một thằng Mỹ hư hỏng.

Tôi là một thằng Mỹ hư hỏng.

Malachy lên tiếng bênh anh nó: “Anh ấy không phải là một thằng tồi. Tại anh to béo kia kìa. Anh ấy bảo chúng con là cao bồi và găngtơ”.

Có đúng cậu đã nói như vậy không hả Heffeman?

Thưa thầy, con chỉ định đùa.

Không có đùa với nhả ở đây nghe chưa Heffeman. Việc chúng là người Mỹ không phải lỗi của chúng.

Vâng, không phải thưa thầy.

Còn cậu, Heffeman, cậu nên quì xuống mỗi đêm để cảm ơn Chúa rằng cậu không phải là một thằng Mỹ, trong trường hợp ngược lại Heffeman ạ, có lẽ cậu sẽ là thằng găngtơ khát máu nhất trên cả hai bờ Đại Tây Dương đấy. Cậu có hứa sẽ không làm phiền hai đứa trẻ người Mỹ này chứ, Heffenan?

Vâng, con xin hứa.

Nếu cậu thất hứa, tôi sẽ lột da cậu treo lên trên tường hiểu chưa? Giờ thì tất cả về nhà ngay.

Có cả thảy bảy thầy giáo chủ nhiệm ở trường tiểu học Quốc gia Leamy và họ đều được trang bị dây da, gậy trơn và gậy mận gai. Họ sẽ đánh anh bằng gậy vào vai, vào chân và đặc biệt là vào tay. Nếu họ đánh anh vào tay, mọi người sẽ coi đó như một sự xỉ nhục. Họ đánh anh nếu anh đi học muộn, nếu đầu bút của anh vót không được nhọn, nếu anh cười, nếu anh nói và nhất là khi anh chẳng biết gì.

Họ đánh anh nếu anh không biết tại sao Chúa tạo ra thế giới, nếu anh không biết vị thánh đỡ đầu cho Limerick, nếu anh không thuộc Kinh Thánh, nếu anh quên không đọc đầy đủ năm một chín bốn mươi bảy, nếu như anh không nhớ được hết những thị trấn chính và các sản phẩm đặc trưng của ba mươi hai hạt của Ailen, nếu như anh không tìm được Bulgaria trên bản đồ thế giới dán trên tường với chi chít vết mực, vết nước

mũi quệt ngang quệt dọc và vỏ vàn những lỗ thủng to tướng, sản phẩm của bọn học trò.

Họ đánh anh nếu anh không nói được tên mình theo tiếng Ailen, nếu anh không nói được câu "Kính chào Đức mẹ" bằng ngôn ngữ chuẩn của Ailen và ngay cả khi anh quên không nói một câu lịch sự khi dùng phòng vệ sinh kiểu Ailen.

Sẽ là hữu ích nếu anh biết chú ý lắng nghe lời khuyên của những học sinh lớp trên. Họ có thể cho anh biết nhiều điều về giáo viên đang phụ trách anh, về những gì ông ta thích và không thích.

Ngay cả khi họ có phạt anh sáu roi vào lòng bàn tay bằng gậy tần bì hay cây mận gai vào mu bàn tay thì anh cũng không được quyền khóc. Nếu hành động như vậy, anh sẽ bị đánh giá là một kẻ hèn nhát và yếu đuối. Những học sinh khác sẽ cười nhạo và chế diễu anh trên phố, nhưng ngay cả bọn họ cũng phải dè chừng, biết đâu đến một ngày đẹp trời nào đó, đến lượt họ được các thầy phạt roi vào tay. Tới lúc đó, chính họ cũng phải tìm cách nuốt nước mắt vào trong, nếu không muốn bị những người khác ruồng bỏ mãi mãi. Một số cậu bé lại cho rằng nên khóc vì điều đó sẽ làm hài lòng các thầy. Các thầy sẽ càng tức giận hơn nếu anh không chịu khóc, bởi điều đó khiến các thầy cảm thấy có vẻ bất lực trước đông người. Nếu sự việc diễn biến theo chiều hướng đó, các thầy sẽ quyết tâm nếu có lần tới, anh sẽ phải chảy hoặc nước mắt, hoặc máu hoặc cả hai.

Những học sinh lớn lớp năm bảo chúng tôi rằng thầy O'Dea rất thích đem học sinh ra đứng giữa lớp, thầy đứng đằng sau và giật tóc mai của chúng, đòn này được gọi là *cossicks,* kéo hai mai ngược lên trên. "Lên nào, lên nào", ông ta thường nói như vậy trong lúc hành hạ học sinh, cho đến khi người đó phải đứng nhón trên hai đầu ngón chân và đầm đìa nước mắt. Anh không muốn các học sinh khác trong lớp nhìn thấy mình khóc nhưng ngón đòn này sẽ khiến nước mắt cứ tự nhiên mà chảy ra, cho dù

anh có muốn hay không. Điều này khiến thầy khoái vô cùng. Thầy O'Dea là một trong số những thầy giáo luôn luôn mang lại nước mắt và sự tủi hổ cho đám học trò.

Nhưng có lẽ tốt nhất vẫn không nên khóc bởi anh còn phải hòa nhập với đám học sinh ở trường, mà khóc là một sự hạ mình. Đối với lũ học trò, dường như làm hài lòng các thầy giáo là một điều xa xỉ.

Nếu các thầy đánh anh, sẽ chẳng ích chi nếu về thưa lại với cha mẹ. Họ sẽ bảo ngay: "Oan ức cái nỗi gì. Đáng lắm, đừng có tỏ ra trẻ con như thế".

Tôi biết Oliver đã chết và Malachy cũng biết Oliver đã chết nhưng Eugene còn quá nhỏ để biết được chuyện gì xảy ra xung quanh nó. Mỗi sớm tỉnh dậy, nó đều nhắc Ollie, Ollie và chập chững đi quanh nhà nhòm ngó, chui xuống gầm bàn, trèo lên trên giường cạnh cửa sổ và chỉ vào lũ trẻ đang nô đùa ngoài phố, đặc biệt là những đứa có mái tóc vàng óng như nó và Oliver. "Ollie, Ollie", nó kêu thảm thiết. Mỗi lúc như vậy, mẹ lại ôm chặt Eugene vào lòng, nức nở. Nhưng thằng bé cứ chuồi ra, tụt khỏi lòng mẹ bởi nó không muốn bị ôm ghì như thế. Nó cần Oliver.

Bố mẹ tôi phải dỗ nó rằng Oliver đang ở trên thiên đường, chơi với các thiên thần và cả nhà chúng tôi cũng sẽ gặp lại Oliver vào một ngày nào đó nhưng thằng bé không hiểu bởi nó mới hai tuổi và chưa biết nói, đó chính là điều tệ hại nhất trên cái thế giới này.

Tôi và Malachy cũng dành nhiều thời gian để chơi với nó. Chúng tôi tìm cách khiến thằng bé cười. Chúng tôi làm mặt hề, đội nồi lên đầu rồi giả bộ đánh rơi, chạy quanh phòng rồi giả bộ ngã. Hai anh em tôi dẫn nó đến công viên People để ngắm những vườn hoa rực rỡ, chơi với lũ chó hay lăn tròn trên mặt cỏ.

0 đó, thằng bé có thể trông thấy những chú nhỏ có bộ tóc vàng giống Oliver. Nhưng nó không nói Ollie nữa. Nó chỉ nhìn và chỉ tay về phía đó.

Bố bảo Eugene thật may mắn đã có hai anh trai như tôi và Malachy bởi chúng tôi đã giúp được thằng bé nhanh chóng quên đi hình ảnh của Oliver, nhờ Chúa phù hộ, Eugene sẽ chẳng còn nhớ gì về Oliver nữa.

Nó đã ra đi vĩnh viễn.

Sáu tháng sau cái chết của Oliver, vào một buổi sáng giữa tháng Mười một, khi tỉnh dậy gia đình tôi thấy Eugene nằm đó, lạnh ngắt giữa cả nhà. Bác sĩ Troy đến khám nghiệm và kết luận rằng thằng bé chết vì viêm phổi. Ông thắc mắc lẽ ra thằng bé phải được điều trị trong bệnh viện từ lâu mới phải. Bố bảo bố không biết, mẹ bảo mẹ không biết và ông Troy bảo đó chính là lý do mà thằng bé phải chết. Mọi người đều không biết. Bác sĩ bảo nếu tôi hoặc Malachy có những dấu hiệu dù là nhỏ nhất của triệu chứng ho hoặc khó chịu trong họng, chúng tôi cần phải được đưa đến ông ngay lập tức, bất kể ngày hay đêm. Chúng tôi cần phải được giữ ấm liên tục bởi ông nghi có dấu hiệu cho thấy gia đình tôi gặp vấn đề về phổi. Ông tỏ ra rất lấy làm tiếc vì nỗi mất mát của gia đình, ông hứa với mẹ sẽ kê cho mẹ một toa thuốc dưỡng sức khỏe trong vài ngày tới. Trước khi ra về, bác sĩ Troy buồn bã thốt lên: “Chúa ơi, người đã đòi hỏi chúng con quá nhiều, quá nhiều”.

Một lúc sau, bà và bác Aggie cũng kéo đến. Bà tắm cho Eugene còn bác Aggie chạy ra ngoài mua một bộ áo dài vải trắng cùng với một chuỗi hạt. Họ mặc bộ đồ trắng mới mua cho Eugene và đặt nó nằm trên giường cạnh cửa sổ, nơi thằng bé vẫn đứng ngóng Oliver. Bà đặt tay Eugene lên ngực, tay nọ đặt lên tay kia rồi xếp chuỗi hạt trắng quanh nó. Xong việc, bà nhẹ nhàng chải tóc cho thằng bé, rẽ ngói bèn trán và thốt lên: “Chẳng phải cháu bà có mái tóc mềm óng như tơ sao?” Mẹ đến bên giường, kéo một mảnh chăn phủ lên chân Eugene giữ cho nó được ấm. Bà và bác Aggie nhìn nhau lặng không một lời. Trong lúc đó, bố đứng ở góc giường đấm tay thình thịch vào đùi than vãn: “Ôi, ôi,

chính cái dòng sông Shannon kia đã hại con, nó khiến cho nhà ta trở nên ẩm ướt và lạnh lẽo, và chính đó đã cướp đi cả con lẫn Oliver". Bà quát lên: "Con có thôi đi không? Mày đang làm cả nhà thêm lo lắng đấy". Bà đưa tôi đơn thuốc bà bác sĩ Troy kê cho mẹ, rồi bảo tôi chạy sang cửa hàng thuốc O' Connor mua. Chúng tôi sẽ không phải trả tiền thuốc vì sự hảo tâm của bác sĩ Troy. Bố bảo ông sẽ đi cùng tôi và chúng tôi sẽ đến nhà thờ, cầu nguyện cho linh hồn của Margaret, Oliver và Eugene được hạnh phúc trên thiên đường. Sau khi nhận đầy đủ thuốc tại cửa hiệu, chúng tôi dừng lại ở nhà thờ và cầu nguyện. Khi về đến nhà, bà đưa cho bố một ít tiền bảo ông đến bar rượu mua về nhà mấy chai bia đen. Mẹ vội vàng chối đây đẩy: "Không, không, bà đừng làm thế". Nhưng bà giải thích rằng: "Nó đã không có thuốc để xoa dịu nổi đau như mày rồi. Xin Chúa giúp chúng con, một vài chai bia đen có khi cũng khiến nó thấy dễ chịu hơn phần nào đấy". Bà bảo tôi đi cùng bố và không được để ông ngồi lì cả đêm ngoài quán bar và tiêu hết tiền vào rượu. Có vẻ không muốn tôi đi cùng, bố nói với bà: "Nhưng Frankie không được vào quán rượu", bà lườm bố và nói: "Biết thế thì đừng có mà ở lì trong đó". Vớ lấy chiếc mũ, bố dắt tôi tới quán South rồi dặn tôi đứng chờ ngoài cửa, hoặc cũng có thể về được rồi, ông sẽ về nhà sau khi uống xong một vại: "Về với mẹ đáng thương của con đi". Tôi nói: "Không" và bố nói: "Đừng có cãi lại bố như thế". Tôi tỏ ra kiên quyết: "Con sẽ không về nhà một mình đâu, con phải đi với bố". Bố có vẻ bất lực: "Cái kiểu gì thế này?" và thế là sau khi chờ ông uống nhanh một vại bia đen, chúng tôi mua về thêm vài chai nữa. về đến nhà, tôi thấy bác Pa Keating đang ngồi trong phòng, bác xách đến một chai whisky nhỏ cùng với mấy chai bia đen, ngay cả bác Pat Sheehan cũng mang theo hai chai bia. Bác Pat ngồi trên sàn nhà, quàng tay ôm mấy chai bia của mình miệng không thòi liến thoắng: "Của tôi đấy, của tôi đây này", chắc bác sợ mọi người lấy mất của bác. Hình như những người bị ngã đập đầu đều sợ ai đó lấy mất bia của mình. Bà phải vỗ về bác: "Ừ,

phải rồi Pat, bia của con đấy, con cứ uống đi. Không ai động đến con đâu". Bà và bác Aggie cùng ngồi bên Eugene. Bác Pa Keating ngồi ở bàn ăn uống bia và mời mọi người nhấm nháp whisky của bác. Trong khi đó mẹ ngồi bên lò sưởi tranh thủ uống thuốc với Malachy nằm gọn trong lòng. Mẹ cứ luôn miệng xuýt xoa sao tóc của Malachy lại giống tóc Eugene đến thế nhưng bác Aggie lại nói "Không đúng", tỏ ý không đồng tình với mẹ cho tới khi bà ngoại phải huých khuỷu tay vào bác gắt thầm: "Có im đi không?". Dường như không để ý tới mọi người, bố cứ thế dựa lưng vào tường nốc bia. Chỗ bố đứng là khoảng trống giữa lò sưởi và chiếc giường mà Eugene đang nằm. Pa Keating kể một câu chuyện và sau đó người lớn đều phải bật cười cho dù mọi người có vẻ không muốn cười hay đúng hơn họ không được phép cười khi xác trẻ con còn nằm ở đó. Bác kể hồi bác còn phục vụ trong quân đội Anh ở nước Pháp, quân Đức dẫn khí gas tới làm bác bị mắc bệnh rồi ốm tới mức phải vào bệnh viện nằm. Họ giữ bác trong bệnh viện một thời gian rồi gửi trả bác về mặt trận. Hồi đó lính Anh được phép về nhà nhưng lính Ailen thì chẳng ai thèm đoái hoài họ còn sống hay chết. Thay vì phải hy sinh vì mặt trận, bác Pa đã gặp vận may. Bác kể rằng hồi trong thời gian chiến đấu, bác phải làm việc trong đường hào. Hệ thống công sự ấy luôn ẩm ướt và sình lầy, tới mức lính tráng không có cách nào có thể đun nước sôi pha trà được. Bác đã tự nhủ, Chúa ơi, mình có không biết bao nhiêu gas trong người, không tận dụng được thì phí quá. Thế là chú cắm một cái ống vào mông, châm diêm vào đó, đến lần thứ hai bác đã có lửa để đun bao nhiêu nước tùy thích. Lính Anh từ khắp các công sự đổ về hào của bác khi họ nghe được tin này. Họ đưa cho bác rất nhiều tiền, đổi lại bác cho họ nước sôi. Qua vụ này, bác được một khoản rất lớn, đủ để đút lót cho các tướng cho bác giải ngũ, về nghỉ ở Paris, nơi bác dành phần lớn tiền và thời gian uống rượu với các nghệ sĩ và người mẫu. Rốt cuộc, bác cũng lại mò về Limerick và công việc duy nhất mà bác xin được là làm công

nhàn trong nhà máy gas, xúc than đổ vào lò. Bác bảo giờ thì trong người bác không còn nhiều gas nữa, nhưng cũng đủ để thắp sáng cho một thị trấn nhỏ trong vòng một năm. Bác Aggie sụt sịt rồi nói không phải là lúc thích hợp để kể những câu chuyện như vậy trước một đứa trẻ đã mất vẫn nằm kia, nhưng bà lại bảo thế còn tốt hơn là ngồi im như thóc rồi lại dài mặt ra mà nhìn nhau. Bác Pat Sheehan vẫn ngồi dưới sàn nhà với chai bia trên tay, bác bảo sẽ hát một bài. Bác Pa nói như thế sẽ hay hơn và thế là bác Pat hát bài *Đường đến Rasheen.* Rồi bác cứ hát đi hát lại một câu "Rasheen", nghĩa là cục cưng, và bài hát dần trở nên vô nghĩa bởi ngày xưa ông ngoại từng đánh rơi bác, đập đầu xuống sàn nhà, cho nên mỗi lần hát bài này, bác lại tự nghĩ ra một lời khác hẳn. Chuyện hát hò dường như không khiến bố thấy hứng thú nên bố bước về phía chiếc giường nơi bố mẹ vẫn ngủ. Ông ngồi xuống mép giường, đặt chai bia xuống sàn nhà rồi vục mặt vào hai bàn tay và khóc. Bố vừa tức tưởi khóc vừa gọi tôi: "Frank, Frank, lại đây với bố". Tôi tiến đến sát bố để ông có thể ôm tôi chặt như mẹ đã ôm Malachy. Sau một hồi im lặng, bà lên tiếng: "Về thôi, về còn giữ sức để mai còn tổ chức đám tang cho thằng bé". Từng người một quỳ xuống bên giường, đọc lời cầu nguyện và hôn lên trán Eugene. Bố bỏ tôi xuống, đứng dậy và gật đầu chào từng người trước khi họ ra về. Khi mọi người đã đi khỏi, bố vớ lấy tất cả các chai bia đổ vào mồm cho tới khi kiệt không còn một giọt. Dường như chưa đã, bố thọc cả ngón tay vào chai whisky rồi liếm cho bằng sạch. Sau khi giải quyết xong đống bia rượu, ông vặn nhỏ cây đèn dầu rồi bảo tôi và Malachy đi ngủ. Đêm đó, cả nhà chúng tôi ngủ cùng một giường, chiếc giường còn lại dành riêng cho Eugene. Bóng tối lại phủ đen căn phòng, ngoại trừ ánh sáng bàng bạc của những cây đèn đường hắt qua khe cửa, dăng trên những lọn tóc vàng sóng mượt của Eugene.

Sáng dậy, việc đầu tiên bố làm là nhóm lò, pha trà và rán bánh mì. Bố mang trà và bánh cho mẹ nhưng bà khỏa tay ra

hiệu không muốn ăn rồi lại quay mặt vào tường. Bố dắt tôi và Malachy quỳ xuống bên Eugene cầu nguyện. Bố bảo rằng một lời cầu nguyện của những đứa trẻ như tôi sẽ có giá trị gấp trăm ngàn lần những kẻ mang danh linh mục trong nhà thờ. Ông chỉ cho chúng tôi cách làm phép: "Nhân danh Cha, Con và Thánh thần. Amen". "Lạy Chúa", ông nói, "Người có chắc đây là cái Người cần không? Sao Người lại mang Eugene của con đi? Người đã lấy đi Oliver, anh trai của nó, Margaret, em gái nó. Có phải con không được phép hỏi Người như vậy chăng? Lạy Chúa đáng kính trên kia, con không hiểu lũ trẻ có tội tình gì mà phải chết nhưng đấy là ý nguyện của Người. Người đã cho dòng sông Shannon cướp đi mạng sống của thằng bé. Liệu cuối cùng Người có rủ lòng thương chúng con? Liệu Người có để lại cho chúng con những đứa trẻ này không? Đó là tất cả những gì con muốn thưa Người. Amen".

Bố giúp tôi và Malachy rửa mặt mũi chân tay thật kỹ để chúng tôi sạch sẽ khi dự lễ tang của Eugene. Hai anh em chúng tôi phải cố nén không dám bật kêu nếu thấy đau mỗi khi bố chà xát tai hai đứa bằng cái khăn tắm cả nhà mang ở Mỹ về. Chúng tôi phải giữ yên lặng bởi Eugene còn nằm đó với đôi mắt nhắm nghiền, hai anh em tôi không muốn thằng bé bị đánh thức rồi lò dò dậy bám vào cửa sổ đứng ngóng Oliver.

Một lúc sau bà cũng tới, vào giường khuyên nhủ mẹ một hồi để mẹ dậy chuẩn bị. "Có những đứa trẻ không may mất đi", bà nói, "nhưng cũng có những đứa vẫn đang sống và chúng cần một người mẹ". Bà mang cho mẹ tách trà nóng để mẹ uống thuốc. Bố quay sang bảo bà: "Hôm nay là thứ Năm, con phải đến Trung tâm Lao động để nhận tiền trợ cấp. Có tiền con sẽ xuống phố mua đồ tang, quan tài và xe ngựa của nhà tang lễ". Bà bảo bố hãy dẫn tôi theo nhưng bố nói tốt hơn hãy để tôi ở nhà với Malachy, để hai anh em tôi có thể cầu nguyện cho đứa em nhỏ xấu số của chúng tôi đang nằm trên giường. Bà luôn tỏ ra hiểu

bố mặc dù thời gian hai người biết nhau chưa lâu: “Mày lại định lừa cả mẹ nữa hả con? Cầu nguyện cho một đứa trẻ mới hai tuổi đầu và đang chơi đùa thanh thản với anh em nó trên thiên đường? Mày phải dẫn thằng bé theo, nó sẽ nhắc cho mày biết hôm nay không phải là ngày của rượu”. Bà nhìn thẳng vào bố, bố cũng nhìn bà đầy khó chịu rồi giật lấy chiếc mũ đội lên đầu bước ra cửa.

Ở Trung tâm Lao động, chúng tôi xếp hàng mãi phía dưới, cho tới lúc một người đàn ông đứng sau quầy bước tới nói với bố rằng ông rất lấy làm tiếc vì chuyện buồn của gia đình tôi và bố con tôi được ưu tiên nhận tiền trước mọi người trong ngày hôm nay. Mọi người đều chỉnh vành mũ và nói lời chia buồn với bố, một vài người còn xoa đầu và cho tôi kẹo, thậm chí cả tiền, cả thảy là hai mươi bốn penny và hai shilling. Bố bảo chúng tôi đã giàu to và tôi có thể mua cho mình một cái kẹo mút trong khi đợi bố vào đây vài phút. Tôi biết cái “vào đây” của bố là một quán rượu và tôi còn biết ông muốn một cốc màu đen gọi là một vại bia đen. Nhưng tôi đã không phản đối bởi tôi cũng muốn sang cửa hàng bên cạnh để mua một cây kẹo bơ đường. Tôi nhai cây kẹo cho tới khi nó tan ra rồi cứ để cho mồm miệng ướt nhèm với vị kẹo ngọt đến dai dẳng. Bố vẫn đang ngồi trong quán với mối quan tâm của mình. Tôi thì đứng đó với mối quan tâm của tôi, cứ phân vân liệu có nên mua thêm một cây kẹo nữa hay không. Trong khi tôi rút tiền ra đưa cho cô bán hàng thì bàn tay của tôi bị vỗ đánh bốp một cái thõng xuống đất. Bác Aggie đang nhìn tôi với ánh mắt giận dữ. “Mày cư xử như thế hả cháu”, bác mắng tôi, “đấy là những gì mày muốn làm vào ngày đưa tang em mày hay sao? Đi ăn vụng kẹo như thế à? Thế bố mày đâu?”.

Bố cháu, bố cháu ngồi trong quán..., - tôi mếu máo.

Dĩ nhiên là lão ấy lại lê mông ở quán rượu rồi. Mày thì cứ đứng lằng nhằng ở đây, kẹo với chả bánh. Bố mày thì ngồi trong đó mê mê tỉnh tỉnh, rượu với chả bia. Cháu thử nghĩ xem làm như thế

có hay không trong khi đứa em bé bỏng của cháu sắp xuống mồ hả? - Nói rồi bác quay sang người bán hàng: - Giống hệt cái thằng bố nó, cái kiểu kì cục ở đâu, vẫn cái bệnh về mồm của dân miền bắc.

Bác bảo tôi vào trong quán nói bố đừng uống nữa rồi đi mua quan tài và thuê xe ngay kẻo muộn. Bác sẽ không bước chân vào quán rượu bởi bác cảm thấy ghê tởm những chốn như vậy.

Bố ngồi phía sau quán với một người đàn ông có bộ mặt đỏ phừng phừng với đám lông tua tủa mọc ra từ mũi. Họ chẳng nói chẳng rằng, chỉ nhìn tròng trọc lên trần. Bỗng tôi thấy nổi bật màu trắng, thì ra họ đặt những cốc bia đen lên trên một chiếc quan tài màu trắng, đặt phía trên một cái ghế kê bên cạnh. Tôi biết đó là quan tài của Eugene bởi Oliver cũng từng có một chiếc như vậy. Tôi muốn khóc khi thấy những cốc bia đặt trên quan tài của em tôi. Giờ tôi mới thấy vô cùng ân hận vì đã ăn cái kẹo đó, ước gì có thể lôi nó ra khỏi mồm và trả lại cho cô bán hàng bởi thật không phải khi cứ thế ăn uống mà chẳng nghĩ gì đến Eugene đã chết nằm trên giường. Hơn nữa, tôi cảm thấy sợ khi trông thấy hai vại bia đen đặt trên chiếc quan tài trắng của em tôi. Bỗng cả bố và người đàn ông đều nói: “Không, ông không nên đặt quan tài của cháu vào cái xe ngựa kéo ấy. Tôi đã từng thử một lần, với một vại bia thế là chúng đánh cắp ngay được cái quan tài khỏi cái xe chết tiệt ấy. Ông có tin không? Trống rỗng. Kinh khủng, cái thời chúng ta đang sống đây quả thật kinh khủng quá”. Bố và ông ta lại nâng cốc nốc một hơi dài, khi họ đặt vại xuống, chiếc quan tài vang lên những tiếng kêu khủng khiếp. Bố quay về phía tôi gật đầu và bảo: “Bố xong bây giờ đây, chờ bố một phút con trai”. Ngay sau đó, ông lại đưa cốc lên uống một ngụm tướng và định đặt nó lên trên nắp quan tài, lần này thì tôi đẩy tay ông ra:

Đây là quan tài của Eugene. Con sẽ mách mẹ bố đã đặt cốc lên quan tài của Eugene.

Thôi nào con trai, thôi nào.

Bố, đây là quan tài của Eugene.

Người đàn ông kia lại chen vào: “Chúng ta làm thêm vại nữa chứ ông?”.

Bố quay sang bảo tôi: “Con ra ngoài đợi bố một phút thôi Francis”.

Không.

Đừng có bướng như thế.

Không.

Gã kia tỏ vẻ không bằng lòng: “Chúa ơi, cái thói con cái ở đâu ra thế. Phải con tôi, tôi đã cho một cái đá bay từ đây đến hạt Kerry ấy chứ. Ranh con dám ăn nói với bố đẻ ra nó như thế à? Lại còn trong cái ngày bi thảm như hôm nay nữa chứ. Nếu một người đàn ông không được vài ba vại bia trong một đám tang thì còn gọi gì là cuộc sống nữa, hả?”.

Bố thở dài: “Được rồi con trai, ta đi thôi”.

Họ uống hết vại bia còn dở rồi dùng ống tay áo quệt cho sạch vệt bia hình đáy vại in trên nắp quan tài. Gã đàn ông leo lên băng ghế điều khiển của chiếc xe ngựa kéo còn tôi và bố ngồi phía sau. Bố đặt chiếc quan tài lên lòng, ôm chặt vào ngực, về đến nhà, tôi thấy căn phòng mọi ngày đã đông kín người, toàn người lớn. Nhìn quanh tôi nhận ra có mẹ, bà, bác Aggie, chồng của bác, bác Pa Keating, bác Pat Sheehan, bác Tom Sheehan, là anh cả của mẹ. Đây là lần đầu tiên tôi trông thấy bác vì từ trước tới giờ, bác không đến nhà tôi do có mối ác cảm với người Bắc Ailen.

Bác Tom dẫn bác gái theo, bác Jane. Bác Jane là người ở Galway, mọi người bảo bác nom rất giống người Tây Ban Nha, đó cũng là lý do chẳng ai trong nhà buồn nói chuyện với bác.

Bố đưa quan tài cho người đánh xe, và khi gã ôm nó vào phòng, lập tức mẹ cất tiếng khóc than rền rĩ: “Ôi, Chúa ơi,

khổng, không đâu". Loay hoay tìm chỗ đặt chiếc quan tài xuống, gã bảo với bà tôi rằng một lúc nữa gã sẽ quay lại sau khi đưa mọi người đi ra mộ về. Bà dường như chẳng chút nể nang với hạng người đó, lạnh lùng bảo gã rằng nếu gã không quay lại đây thì tốt hơn, vì bà không muốn có một kẻ say trong nhà, nhất là khi cháu trai bà sắp được mai táng theo đúng nghi thức, bà cần mọi người phải tỏ ra trân trọng chứ không thể chịu nổi một gã đánh xe say rượu, lúc nào cũng trong tư thế sắp ngã khỏi ghế đánh xe như thế kia.

Gã đành lý luận: "Thưa bà, trong đời tôi đã đưa hàng tá trẻ con ra nghĩa trang mà chưa một lần rơi khỏi ghế đánh xe, cho dù ghế cao hay ghế thấp".

Đàn ông trong nhà lại tiếp tục uống bia trong chai còn phụ nữ lại tiếp tục nhấm nháp rượu vang đựng trong lọ mứt. Bác Pat Sheehan luôn mồm nói với mọi người: "Bia này của tôi, bia này cũng của tôi", bà lại phải dỗ, "Ừ, đúng rồi đấy Pat. Không ai uống bia của con đâu". Và thế là bác lại tiếp tục ngân nga bài hát *Con đường tới Rasheen* mãi cho tới khi bác Pa Keating phải lên tiếng: "Thôi nào Pat, anh không nên hát bài ấy trong đám tang của cháu. Tối qua thì khác, anh đã hát thoải mái rồi". Nhưng bác Pat chẳng buồn để ý: "Bia này của tôi đấy, ừ, mà tôi cứ thích hát bài *Con đường tới Rasheen* đấy". Và thế là bác cứ ông ổng hát bài hát ngớ ngẩn ấy, cho tới khi bà ngoại nhấc nắp quan tài đặt sang bên cạnh, việc đó khiến mẹ lại nấc lên nghẹn ngào: "Ôi Chúa ôi, bao giờ mới hết cái cảnh này. Liệu có còn đứa nào ở lại với tôi trên đời nữa hay không?".

Mẹ ngồi rũ trên một chiếc ghế kê ở đầu giường, vừa thở than vừa vuốt ve mái tóc, khuôn mặt và bàn tay của Eugene. Mẹ không thôi âu yếm thằng bé và luôn miệng nói rằng nó là đứa bé xinh xắn, đáng yêu nhất từng sống trên cõi đời này. Mẹ còn nói thật khủng khiếp khi mất đi Eugene, nhưng giờ đây, thằng bé lại đang tung tăng trên thiên đường với anh trai và em gái của nó,

điều đó cũng an ủi mẹ được phần nào, và biết được Oliver không còn phải chơi một mình nữa vì anh em sinh đôi của nó cũng đã lên đấy rồi. Cứ như vậy, mẹ than thở cho tới khi không chịu nổi, gục đầu xuống Eugene khóc nức nở và thế là tất cả phụ nữ trong phòng đều gào khóc rất thảm thiết. Mẹ khóc rũ rượi một hồi lâu, mãi đến khi bác Pa Keating lựa lời nói rằng chúng tôi phải ra nghĩa trang để chôn cất thằng bé trước khi trời tối, và rằng không nên quanh quẩn ở nghĩa địa khi không còn ánh mặt trời.

Bà thì thầm nhỏ vào tai bác Aggie: "Ai nhập quan cho thằng bé bây giờ?". Bác Aggie trả lòi như một lời từ chối: "Con không làm đâu, việc đó phải để mẹ nó làm mới đúng".

Bác Pat nghe thấy họ thì thầm với nhau, ngẫm nghĩ một lúc dường như đã hiểu được mọi người muốn gì, bác lên tiếng: "Tôi sẽ đặt cháu tôi vào quan tài". Tập tễnh đi về phía giường, bác nhẹ nhàng ôm lấy vai mẹ. Mẹ ngạc nhiên ngước bộ mặt đầm đìa nước mắt lên nhìn bác. Bác khẽ bảo mẹ: "Để anh đặt nó vào quan tài, Angela".

Ôi, Pat ôi, Pat, - mẹ vẫn nức nở.

Anh làm được mà, - bác nói, - nó chỉ là một đứa trẻ con mà em, trong đời anh chưa từng được bế một đứa trẻ nào. Anh sẽ chẳng bao giờ có một đứa để bế trên tay. Anh không đánh rơi nó đâu mà, không đâu. Thề có Chúa linh thiêng, anh sẽ rất cẩn thận.

Em biết anh sẽ không như thê mà Pat, em biết mà.

Anh sẽ nhấc nó lên nhẹ nhàng, anh sẽ không hát bài *Con đường tới Rasheen* nữa đâu.

Vâng, em biết anh sẽ như thế, - mẹ xúc động thổn thức.

Bác Pat kéo chiếc chăn hôm qua mẹ đắp cho Eugene xuống. Hai bàn chân Eugene trắng và sáng, đôi chỗ nổi lên những mạch máu nhỏ xanh xao. Bác khom người xuống em tôi, nhấc Eugene lên ẵm gọn vào ngực và hôn lên trán thằng bé. Thế rồi tất cả mọi người trong phòng đều hôn lên trán Eugene. Xong xuôi, bác nhẹ

nhàng đặt Eugene vào trong quan tài rồi lùi lại. Chúng tôi đi chầm chậm một vòng quanh quan tài để ngắm em tôi lần cuối.

Bác Pat buồn bã nói: "Đấy, em thấy anh có cẩn thận với cháu không nào?", mẹ cảm động ôm lấy bác.

Bác Aggie chạy sang quán rượu bên cạnh gọi người đánh xe về. Gã đậy nắp quan tài rồi đóng đinh xung quanh. Loay hoay một hồi, gã quay ra hỏi: "Thế có những ai cùng đi ra nghĩa trang?" và thoắt một cái nhấc chiếc quan tài nhỏ bé ra xe. Trên xe chỉ có đủ chỗ cho bố, mẹ, Malachy và tôi. Bà bảo chúng tôi cứ ra nghĩa trang, cả nhà sẽ đợi ở đây.

Tôi thắc mắc không biết tại sao chúng tôi không thể giữ Eugene lại nhà. Không hiểu tại sao lại phải mang em đi và người đàn ông đó lại dán chặt nắm quan tài bằng đinh như thế. Tôi cũng không hiểu tại sao lại mang cả Oliver và Margaret đi nữa. Thật tồi tệ và đáng buồn khi cứ hết em này đến em khác của tôi bị bỏ vào hộp gỗ, ước gì tôi có thể nói ra với một ai đó.

Tiếng vó ngựa lộp cộp, đều đều buồn bã dọc theo những con phố ở Limerick. Malachy hỏi bố: "Chúng mình có đi gặp Oliver không bố?" "Không", bố trả lời nó, "Oliver đang ở trên thiên đường. A mà đừng có hỏi bố thiên đường là gì nữa nhé, bố cũng không biết đâu".

Mẹ lên tiếng dỗ dành: "Thiên đường là nơi Oliver cùng với Eugene và Margaret vui vẻ hạnh phúc nô đùa với nhau con ạ. Tới một ngày nào đó cả nhà ta sẽ cùng gặp các em trên đó".

Malachy lại thắc mắc: "Mẹ này, hình như con ngựa vừa đi vừa ị ra đường đấy, con ngửi thấy có mùi". Bố mẹ không nhịn được cười phải bụm miệng lại.

Ngoài nghĩa trang, người đánh xe leo xuống, đi vòng ra phía sau mở cửa cho chúng tôi. "Đưa cho tôi cái quan tài", ông ta bảo bố, "tôi mang ra ngoài mộ cho". Gã nát rượu này giật lấy chiếc quan tài từ tay bố rồi trượt chân suýt ngã quay ra đất. Mẹ hét

lên: “Ông không nên mang thằng bé trong tình trạng như thế”. Quay sang bố, mẹ giục: “Anh mang cho ông ta đi, nhanh lên”.

- Các người muốn làm gì thì làm, - gã đánh xe càu nhàu, - đấy, thích thì cứ việc. - Nói rồi gã leo tuốt lên ghế đánh xe.

Bóng tối dạng buông dần trên nghĩa trang, chiếc quan tài trắng dường như chưa bao giờ trắng như vậy trên tay bố. Mẹ dắt hai anh em chúng tôi đi theo bố qua các hàng bia mộ. Lũ quạ xám đậu bất động trên cành cây bởi đã sắp kết thúc một ngày của chúng, có lẽ chúng cũng cần phải nghỉ ngơi để mai còn dậy sớm đi kiếm mồi cho con.

ở ngoài huyệt, có một người đàn ông rắc ít rơm khô và cỏ lên quan tài của em tôi. Khi ông ta leo lên trên mặt đất, đã có một người khác đang lấy xẻng xúc đất. Mẹ bắt đầu khóc thành tiếng: “Ôi, lạy Chúa, Chúa ơi”, lũ quạ được thể hùa theo “quạ quạ”. Tôi ước chi có một hòn đá để ném cho bọn chúng đáng đời. Mất một lúc, mấy người đàn ông xúc đến xẻng đất cuối cùng đắp lên mộ, chống cán xẻng xuống đất, quệt mồ hôi trên trán chờ đợi. Đợi một lúc không thấy gì, một người trong số họ miễn cưỡng lên tiếng: “Um, à, thường thì nên có một chút để uống nước”.

Bố giật mình chợt tỉnh vội nói: “À, vâng, vâng” rồi đưa họ tiến. Sau khi nói vài câu lịch sự, mấy người kéo đi luôn.

Chúng tôi lục tục kéo ra ngoài nghĩa trang, nơi lẽ ra chiếc xe tang phải đứng đợi, nhưng khi đến nơi, nó đã chẳng còn ở đó nữa. Bố chạy ra ngoài thèm mấy bước chân, nhìn ngược nhìn xuôi rồi lắc đầu. Mẹ than thở: “Gã đánh xe đúng là cái loại già nghiện ngập bẩn thỉu. Mong Chúa tha tội cho con”.

Đoạn đường từ nghĩa trang về nhà thật xa. Mẹ bảo bố: “Lũ trẻ cần được ăn uống tử tế, em biết anh còn tiền trợ cấp lấy được sáng nay. Nếu anh còn nghĩ đến chuyện mò đến quán rượu đêm nay thì nên quên ngay đi. Chúng ta sẽ dẫn bọn trẻ đến Naughton, cho chúng ăn cá và thịt gà, uống nước chanh nữa.

Cũng phải có chút gì đó cho chúng trong cái ngày cả nhà đưa tiễn thằng bé như ngày hôm nay".

Cá và thịt gà thật là ngon, nhất là vị chua và mặn của nước chanh cứ đọng mãi trong cổ họng anh em tôi, thật dễ chịu.

Về đến nhà thì mọi người đã về hết. Trên mặt bàn la liệt vỏ chai, lửa trong lò sưởi đã tắt. Bố lúi húi một lúc thắp đèn dầu, và khi ánh sáng rọi đến chiếc giường, tôi tròng rõ vết lõm trên chiếc gối mà Eugene vẫn gối đầu lèn. Dường như chẳng có gì thay đổi, tôi vẫn hình dung ra bất cứ lúc nào cũng có thể nghe thấy tiếng nó líu lo, trông thấy thằng bé chập chững đi quanh nhà, trèo lên giường dòm qua cửa sổ ngóng Oliver.

Bố bảo mẹ ông muốn ra ngoài đi bộ một lúc. Ngay lập tức mẹ nói: "Không". Mẹ biết thừa bố định làm gì, bố không thể đợi một phút nào khi trong túi còn vài shilling mà không nướng cả vào rượu. "Được rồi", bố đấu dịu. Ông ngồi nhóm lò còn mẹ sang phòng bếp pha trà. Chẳng bao lâu sau chúng tôi đã lên giường.

Malachy và tôi lại leo lên chiếc giường Eugene đã chết trên đó. Tôi hy vọng em tôi không bị lạnh trong chiếc quan tài trắng ấy dưới lòng đất mặc dù tôi biết nó chẳng còn ở đó nữa bởi các thiên thần đã tới nghĩa trang, mở nắp quan tài và thằng bé đã ở rất xa cái dòng sông Shannon, dòng sông mà hơi lạnh của nó đã giết chết em tôi. Giờ đây nó đã ở trên trời, không, chính xác là ở trên thiên đường cùng với Oliver và Margaret, nơi các em tôi có rất nhiều cá và thịt gà, kẹo mút và nhất là không bị kiến quấy rầy, nơi mà tất cả các ông bố đều đem tiền về nhà sau khi rời khỏi Trung tâm Lao động và bọn trẻ không phải chạy quanh các quán rượu để tìm bố nữa.

3

Mẹ nói mẹ không thể ở trong càn phòng trên phố Harstonge thêm một ngày nào nữa. Bất cứ lúc nào, mẹ cũng trông thấy hình ảnh của Eugene, từ sáng cho đến tối và từ tối đến sáng. Mẹ trông thấy nó leo lên giường trông ra phô để ngóng Oliver, đôi khi mẹ lại trông thấy Oliver đứng bên ngoài còn Eugene đứng trong nhà, hai đứa nói chuyện tíu tít với nhau. Mẹ cảm thấy mừng vì hai đứa nói chuyện được với nhau như vậy, nhưng mẹ không thể chịu đựng được nếu từ giờ cứ phải trông thấy hoặc nghe thấy hai đứa. Thật đáng tiếc vì chỗ chúng tôi hiện đang ở rất gần trường tiểu học Quốc gia Leamy, nhưng nếu không chuyển nhà, mẹ sẽ phát điên lên mất, thật buồn nếu mẹ lại phải chuyển vào ở trong viện tâm thần.

Gia đình tôi lại dọn đến đường Roden, vị trí cao nhất trong thị trấn, nơi mang cái tên Đồi Barrack. Mỗi bên đường có sáu ngôi nhà nằm đối diện nhau. Mỗi nhà có tầng, mỗi tầng có hai phòng. Nhà của chúng tôi nằm phía cuối dãy, căn cuối cùng trong sáu căn nhà trên phố. Cạnh nhà là một căn phòng nhỏ, phòng vệ sinh, cạnh phòng vệ sinh là một cái chuồng ngựa.

Mẹ đến hội Bảo trợ thánh Paul đề nghị họ giúp chúng tôi ít đồ gổ dùng trong nhà. Người phụ trách ở đó nói sẽ giúp cho một phiếu mua một chiếc bàn, hai cái ghế và hai cái giường. Ông ta bảo mẹ phải đến cửa hàng bán đồ gỗ cũ dưới khu Ailen rồi tự mang về. Mẹ bảo ông ta rằng chúng tôi có thể sử dụng xe nôi cho trẻ sinh đôi để trở đồ, nói đến đó, mẹ bật khóc. Quệt nước mắt, mẹ hỏi người phụ trách không biết mấy cái giường chúng tôi sắp xin được liệu có phải là giường cũ không? Ông ta bảo mẹ dĩ nhiên là như vậy. Nghe đến đó, mẹ tỏ ra lo lắng, ngộ nhỡ nằm phải giường có người đã chết trên đó, nhất là khi họ bị chết vì

viêm phổi. Người đàn ông bình thản trả lời: “Tôi rất tiếc, nhưng đã ăn mày còn đòi xôi gấc”.

Chúng tôi mất trọn một ngày để lôi kéo số đồ gỗ về nhà bằng chiếc xe nôi, đi từ đầu nọ đến đầu kia của Limerick. Cái xe nôi có bốn bánh nhưng một chiếc đã lung lay, nó luôn lăn theo hướng ngược lại với ba cái bánh kia. Tất cả những gì chúng tôi nhận được là hai cái giường, một tấm gương, một cái bàn và hai chiếc ghế. Mọi người có vẻ rất hài lòng với căn nhà mới. Chúng tôi có thể đi lại từ phòng này sang phòng khác và lên xuống cầu thang. Chỉ riêng việc được đi lên đi xuống cầu thang bao nhiêu lần trong ngày tùy thích khiến tôi có cảm giác mình giàu có. Bố nhóm lửa còn mẹ pha trà. Bố và mẹ mỗi người ngồi một ghế, tôi và Malachy ngồi trên chiếc hòm đựng đồ mang từ bên Mỹ về. Trong lúc cả nhà ngồi nhấm nháp trà, có một người đàn ông đi ngang qua cửa nhà tôi với cái xô trên tay. Ông ta đổ thẳng tay vào nhà vệ sinh rồi dội nước đánh “ùm” một cái, ngay lập tức mùi hôi thối nồng nặc sộc thẳng vào trong phòng bếp. Mẹ chạy ra cửa gọi giật lại: “Tại sao ông lại đổ chất thải vào phòng vệ sinh của nhà tôi, thưa ông?” Ông ta ngả mũ chào mẹ rồi đáp: “Phòng vệ sinh của bà á? A ha, không đâu thưa bà. Bà lầm to rồi đấy, hê hê. Đây không phải là nhà cầu của riêng bà đâu.

Tôi dám chắc với bà điều này, nó là của toàn bộ dãy nhà này đấy. Bà thấy đấy, cạnh cửa nhà bà là những cái xô đựng rác của mười một gia đình, thưa bà. Rồi bà sẽ thấy, lúc nào trời ấm lên chỗ này nặng mùi lắm, bà cứ thử nghĩ xem, mười một nhà cộng lại, a ha ha. ơn Chúa, giờ mới tháng Mười hai, trong không khí vẫn còn sương giá vả lại sắp đến mùa Giáng sinh nên cái nhà cầu này chưa đến nỗi tệ lắm, nhưng cứ chờ một thời gian nữa, có khi phải dùng đến cả mặt nạ phòng độc ý chứ. Thôi, chúc bà ngủ ngon, hy vọng gia đình bà sẽ hài lòng với căn nhà, thưa bà”.

Mẹ gọi với theo: “Ấy, từ từ đã nào, thưa ông. Phiền ông cho tôi hay ai thường làm vệ sinh cái phòng ấy?”.

Dọn vệ sinh á? Trời đất, đấy chắc hẳn phải là một người tốt bụng lắm lắm. Có phải bà chỉ định nói giỡn phải không? Những ngôi nhà này được xây dựng dưới thời của Nữ hoàng Victoria và nếu như cái nhà xí kia từng được dọn dẹp, thì chắc kẻ đó phải làm vào lúc nửa đêm, khi không có ai trông thấy.

Nói rồi ông ta quay bước dọc theo con đường trước mặt, vừa đi vừa cười ngặt nghẽo.

Mẹ quay lại ghế và cầm lấy tách trà: "Chúng ta không thể ở đây được. Cái nhà xí ấy sẽ giết chết bọn trẻ bằng đủ các loại bệnh tật mất thôi".

Bố tỏ vẻ mệt mỏi: "Chúng ta không thể dời đi đầu được nữa. Làm sao có thể kiếm được một chỗ ở chỉ với sáu shilling một tuần? Chúng ta sẽ tự dọn dẹp cái phòng vệ sinh ấy, sẽ đun thật nhiều nước sôi để giội vào đó".

Ô, có thật chúng ta sẽ làm được như vậy? Anh bảo lấy than hay củi ở đâu ra mà đun nước cơ chứ?

Bố ngồi lặng thinh. Bố uống nốt tách trà rồi nhìn quanh tìm mấy chiếc đinh để treo bức tranh duy nhất của gia đình. Người đàn ông trong bức tranh có bộ mặt gầy guộc. Ông ta đội một chiếc mũ có chỏm mầu vàng, khoác chiếc áo choàng đen với một dấu thập trước ngực. Bố bảo đó là Giáo hoàng Leo thứ Mười ba, một người bạn vĩ đại của dân lao động. Bố đã mang theo bức tranh đó suốt từ Mỹ về đây, có được nó là do bố tình cờ nhặt được. Chắc hẳn có ai đó không mấy mặn mà với dân lao động đã quẳng nó ra ngoài đường. Mẹ bảo cái bức tranh chết tiệt ấy chỉ là một thứ vô bổ. Bố không bằng lòng với cách nói của mẹ, nói rằng lẽ ra mẹ không nên nói từ "chết tiệt" trước mặt các con. Cuối cũng bố cũng tìm được một cái đinh nhưng ông cứ loay hoay không biết làm cách nào để đóng nó lên tường khi nhà không có búa. Mẹ bảo bố cứ sang hàng xóm mà mượn, nhưng bố nói làm sao mà mượn được của người ta khi họ chẳng biết mình là ai. Bố dựa bức tranh vào tường và dùng đáy chiếc bình đựng

mứt để đóng đinh vào tường. Thế rồi chiếc bình vỡ tan, cứa đứt tay bố khiến máu chảy dây lên đầu của Giáo hoàng trong bức tranh. Bố vơ vội miếng giẻ băng bàn tay đang chảy máu lại rồi gọi mẹ: "Nhanh nhanh, gột sạch vết máu trên Giáo hoàng trước khi nó kịp khô đi em". Mẹ dùng tay áo để lau sạch vết máu nhưng nó làm bằng len nên chỉ khiến cho mặt Giáo hoàng thêm nhọ. Bố nổi cáu: "Chúa ơi, Angela, em xem mình đã làm gì thế kia? Em vừa hoàn thành việc tàn phá bức tranh của anh đấy". Mẹ cũng bực mình: "Aaa, anh có thôi i ỉ như trẻ con không? Lúc nào rảnh em sẽ kiếm sơn về vẽ lại mặt cho ông ấy là được chứ gì?". Nhưng bố vẫn tỏ ra khó chịu: "Em phải biết ông ấy là Giáo hoàng duy nhất từng là bạn của những người lao động khốn khổ như chúng ta. Giả sử như một ngày nào đó có người của hội Bảo trợ thánh Paul đến nhà ta và trông thấy máu me be bét trên mặt Giáo hoàng như thế này thì em bảo anh phải ăn nói thế nào?" Mẹ tỏ vẻ chẳng buồn quan tâm: "Em không biết. Đấy là vết máu của anh và thật là đáng buồn cho những ai không biết đóng lấy một cái đinh cho thẳng. Nó chỉ khiến em thấy anh vô dụng đến mức nào thôi. Tốt nhất có lẽ anh nên đi làm ruộng, hay làm bất kỳ việc gì đó, em chẳng quan tâm. Em thấy đau lưng lắm, phải đi nằm bây giờ".

Ối, thế tôi biết làm gì bây giờ? - bố ngỡ ngàng.

Lôi bức ảnh Giáo hoàng xuống, bố nhét ông ta vào cái lỗ than dưới gầm cầu thang, nơi mọi người không để ý và sẽ không nhận ra khiếm khuyết trên bức tranh.

Anh không thể, - bố lại tiếp tục, - dường như nó là điềm gở. Cái hố than không phải là chỗ của Giáo hoàng. Phải treo ông ấy lên mới xứng đáng, thế mới xứng đáng.

Anh muốn làm gì thì làm, - mẹ thở dài.

Anh sẽ làm, - bố dứt khoát.

Mẹ nói muốn chuẩn bị cho gia đình tôi một bữa Giáng sinh thật tươm nhưng chẳng biết phải làm gì khi ở Trung tâm Lao

động, người ta giảm tiền trợ cấp xuống còn mười sáu shilling sau cái chết của Oliver và Eugene. Mỗi tuần phải trả sáu shilling tiền nhà, như vậy chúng tôi còn mười shilling, chẳng đủ làm bất cứ thứ gì cho một gia đình bốn người.

Bố vẫn không tìm đâu ra việc. Hàng sáng bố dậy rất sớm, nhóm lò đun nước sôi pha trà và đổ đầy ca. Xong việc ông mặc chiếc áo sơmi lên người, đính cái cổ áo lên, cẩn thận đeo cà vạt rồi đội mũ lên đầu và hướng về Trung tâm Lao động để đăng ký tiền trợ cấp. Không bao giờ ông rời khỏi nhà nếu thiếu cái cổ áo và cà vạt. Sẽ chẳng lường trước được điều gì, ví thử như viên thư ký ở Trung tâm cho hay có việc ở xưởng xay lúa mỳ Rank hay ở công ty ximăng Limerick, và ngay cả khi chúng chỉ là những công việc chân tay thuần túy, họ sẽ nghĩ gì nếu bố trình diện với một cái áo không cổ, hay tệ hơn là không có cà vạt?

Bao giờ cũng vậy, mới đầu những ông chủ và các đốc công đều tỏ thái độ tôn trọng bố và hứa rằng sẽ nhận bố vào làm việc, cho tới khi bố nói chuyện với họ và lộ ra giọng miền Bắc, ngay lập tức có một người của Limerick thế chỗ của bố. Đó là những gì bố kể cho mẹ biết khi hai người ngồi bên lò sưởi nói chuyện với nhau. Mẹ hỏi bố: "Tại sao anh không vận những bộ đồ cho thật giống một người lao động?" Bố từ chối ngay và thề sẽ không cho họ biết. Mẹ lại hỏi bố: "Thế sao anh không thử tập nói giống người Limerick nhỉ?" Bố tỏ vẻ thất vọng: "Làm sao anh có thể hạ thấp mình như thế? Em không biết đấy, điều làm anh phiền muộn nhất là các con đều nói giọng của dân Limerick cả". Mẹ cầm lấy tay bố an ủi: "Em rất buồn vì rắc rối của mình, hy vọng chuyện chỉ có vậy thôi", còn bố thì nhìn xa xăm và nói: "Rồi sẽ có ngày Chúa sẽ mỉm cười với gia đình ta, chúng ta sẽ rời khỏi Limerick và sống tách biệt hẳn với cái dòng sông Shannon chết chóc này".

Tôi hỏi bố "phiền muộn" là gì, ông trả lời: "là lo lắng, là có chuyện gì đó không hài lòng, con trai ạ".

Những lúc không tìm việc, bố thường đi bộ hàng dặm đường, khắp các nơi trong hạt.. Bố tìm việc ở chỗ những người nông dân, vì bố từng lớn lên ở nông thôn và rất thành thạo các công việc ở trang trại. Nếu họ đồng ý thuê bố, ngay lập tức bố sẵn sàng nhảy vào làm với chiếc mũ trên đầu và cà vạt trên cổ. Thường thì bố làm rất chăm chỉ và cần mẫn, đến độ những người nông dân phải bảo bố nghỉ tay. Họ cứ băn khoăn không hiểu tại sao lại có người làm quần quật suốt cả một ngày dài mà chẳng cần ăn uống gì như thế. Bố chỉ cười với họ. Có một điều là bố không bao giờ mang về nhà số tiền kiếm được từ các trang trại. Khoản tiền đó dường như không giống với số tiền trợ cấp, được coi như mặc nhiên phải đem về nhà. Bố tiêu toàn bộ số tiền kiếm ở trang trại trong quán rượu. Nếu tiếng chuông cầu kinh Đức Bà ở nhà thờ gióng lên vào lúc sáu giờ mà bố vẫn chưa về, mẹ biết rằng bố đã có một ngày làm việc dưới các trang trại. Bà luôn mong một lần nào đó, bố nghĩ đến gia đình và bỏ qua các quán rượu để mang tiền về nhưng chưa một lần bố làm như vậy. Mẹ cứ hy vọng bố mang được cái gì đó về từ các trang trại, ví thử như khoai tây, bắp cải, củ cải hay cà rốt nhưng bố chẳng bao giờ mang gì về bởi bố không thể hạ mình để xin bất kỳ thứ gì từ các trang trại. Mẹ bảo việc mẹ phải ngửa tay đi xin từng phiếu thực phẩm một ở hội Bảo trợ thánh Paul chẳng là gì nhưng tại sao bố lại không thể bỏ vài củ khoai tây vào trong túi áo được cơ chứ. Bố nói chuyện đó hoàn toàn khác đối với một người đàn ông. Anh ta phải sống cho đường hoàng. Một khi đã mặc lên người chiếc cổ áo cùng với cà vạt, thì con người cũng phải luôn giữ được giá trị của mình. Mẹ chán nản thở dài: “Vâng, hy vọng anh luôn giữ được cái đẹp đẽ ấy cho mình”.

Sau khi đã tiêu hết tiền kiếm thêm, bố thường mò về nhà với những bài hát về Ailen, khóc than cho những đứa con đã chết, nhưng cái mà bố vẫn dành nhiều thời gian nhất là việc khóc than về Ailen. Nếu bố hát về Roddy McCorley, điều đó có nghĩa là bố chỉ đủ tiền uống một hai vại. Nhưng một khi ông đã hát về

Kevin Barry, thì ông đã *có* một ngày kha khá, và đã hoàn toàn say xỉn, đã sẵn sàng lôi chúng tôi dậy xếp hàng và bắt hai đứa phải thề thốt để hy sinh cho Ailen. Chúng tôi chỉ được yên mỗi khi mẹ bảo bố tránh xa lũ trẻ ra nếu không bà sẽ nện vỡ đầu bố bằng cái que cời lửa.

Cô sẽ không làm như thế chứ Angela?

Tôi sẽ làm như vậy đấy, và còn hơn thế nữa kia. Anh nên ngậm miệng lại, đừng có lải nhải vô nghĩa nữa, đi ngủ đi.

Ngủ ngủ ngủ. Ngủ thì giải quyết được cái gì? Ngủ bây giờ thì mai lại phải dậy. A, mà tôi không ngủ được bên cái dòng sông chết chóc ấy, nó chẳng làm được gì ngoài việc biếu không sự giá lạnh và chết chóc.

Bố về giường và đấm thình thịch vào tường, hát những bài hát rầu rĩ rồi lăn ra ngủ. Rồi bố lại thức dậy vào buổi sáng bởi không ai có thể ngủ dưới ánh bình minh. Ông đánh thức tôi và Malachy dậy, còn chúng tôi thì thấy mệt mỏi bởi mất ngủ do bị ông đánh thức vào lúc nửa đêm, hát hò om sòm. Hai anh em tôi than thở rằng chúng tôi rất mệt, như thể bị ốm nhưng bố cứ thúc sau lưng, hai đứa đành phải dậy mặc áo khoác. Lúc đó là tháng Mười hai, trời lạnh tới mức chúng tôi nhìn thấy cả hơi thở của mình. Chúng tôi tè vào cái bô đặt cạnh cửa phòng ngủ rồi cùng chạy xuống nhà sưởi bên lò, lửa đã được bố nhóm từ sớm. Hai đứa rửa tay rửa mặt trong một cái chậu đặt dưới vòi nước cạnh cửa ra vào. Ông dẫn nước đến vòi được gắn vào tường bởi những sợi dây buộc vào một cái đinh. Mọi thứ quanh cái vòi đều sũng nước, từ bậc thềm đến bờ tường hay cái ghế kê chậu. Nước trong vòi chảy ra lạnh vô cùng khiến tay chúng tôi tê cóng, ửng đỏ cả. Bố bảo như thế lại tốt cho chúng tôi, nó cho hai đứa cơ hội để trở thành những người đàn ông thực thụ. Bố té nước đã gợn băng lên mặt, lên cổ và lên ngực để tỏ ra ông không hề sợ lạnh. Chúng tôi ngồi hơ tay bên ngọn lửa để sưởi nhưng không được ngồi lâu vì còn phải ăn bánh mì và uống trà rồi đến trường.

Nói rồi ông mỉm cười một mình.

Hai tuần trước lễ Giáng sinh, tôi và Malachy trở về nhà sau giờ học, trên đường đi hai đứa gặp một trận mưa lớn và khi đẩy cửa vào nhà, chúng tôi nhận thấy bếp trống rỗng. Bàn ghế cùng cái hòm chẳng thấy đâu; trong lò, lửa đã tắt ngấm. Nhưng bức tranh Giáo hoàng vẫn còn đó, điều này có nghĩa không phải chúng tôi lại dọn nhà. Bố sẽ chẳng đi đâu nếu thiếu Giáo hoàng. Sàn bếp sũng nước, tôi thấy chỗ nào cũng loang lổ những vũng nước nhỏ, trên tường cũng loang lổ đầy vết nước bám lên. Có tiếng động ở tầng trên, khi leo lên đến nơi, chúng tôi thấy trên đó có bố, mẹ và toàn bộ đồ gỗ tưởng đã mất. Trên đó mọi thứ trông rất đẹp và ấm cúng với một ngọn lửa nhảy nhót trong lò sưởi. Mẹ đang ngồi trên giường còn bố thì ngồi hút thuốc cạnh lò sưởi và đọc tờ *The Irish Press.* Mẹ bảo chúng tôi vừa có một trận lụt khủng khiếp bởi khi trời mưa lớn, nước cứ dâng lên từ ngoài đường rồi tràn vào nhà. Mẹ và bố đã cố dùng giẻ để ngăn nước nhưng chỉ vô ích, nước cứ thế từ ngoài ngấm vào qua khe cửa của chúng tôi. Hơn nữa, việc mọi người cứ vác bô đi đổ càng làm cho mọi việc thêm tồi tệ, làm cho dưới phòng ăn đầy mùi xú uế. Mẹ nghĩ cả nhà nên dọn lên tầng trên chừng nào trời còn mưa lớn. Chúng tôi sẽ được ủ ấm qua mùa đông, rồi đến mùa xuân thì cả nhà sẽ lại dọn xuống dưới đó chừng nào chúng tôi thấy tường không còn dấu hiệu của sự ẩm ướt. Bố bảo chuyên này cũng giống như việc cả nhà đi nghỉ ở một nơi có khí hậu ấm áp, như Y chẳng hạn. Kể từ đó trở đi, chúng tôi gọi tầng hai là Ý. Malachy líu lo với cả nhà rằng Giáo hoàng vẫn còn ở trên tường dưới nhà, liệu chúng ta có thể đưa ông lên gác để ông đỡ lạnh có được không? Nhưng mẹ bảo "Không, ông ấy vẫn sẽ cứ ở đó vì mẹ không muốn lúc nào cũng có người nhìn chằm chằm vào mình khi mẹ đi ngủ. Chỉ riêng việc mang ông ta suốt từ Brooklyn về Belfast, từ Belfast tới Dublin rồi từ Dublin đến Limerick là quá đủ rồi. Tất cả những gì mẹ muốn bây giờ là được nghỉ ngơi yên ổn".

Mẹ dắt theo tôi và Malachy tới hội Bảo trợ Thánh Paul, đứng xếp hàng để xem liệu họ có lo cho chúng tôi có một bữa tiệc đón Giáng sinh cho ra hồn hay không, ví thử như một con ngỗng hay một cái đùi lợn muối chẳng hạn. Nhưng người quản lý ở đó cho hay mọi nhà ở Limerick đều chẳng hy vọng gì vào dịp Giáng sinh này. Ông ta cho mẹ một phiếu mua tạp phẩm ở cửa hàng McGrath và một phiếu khác chỗ người bán thịt.

Không ngỗng, chẳng thịt lợn cũng không thịt gà. Sẽ chẳng có gì tử tê cho anh khi mang một cái phiếu mua hàng của hội Bảo trợ đến trình ở các cửa hàng lương thực. “Những gì bà có thể đổi được bây giờ, thưa bà, có thể là bánh pudding đen với một cái dạ dày lợn, hay một cái đầu cừu, a không, hay bà thích cái thủ lợn. Thủ lợn ăn bổ lắm đấy, thưa bà, nhiều thịt lắm, tôi đảm bảo lũ trẻ nhà bà sẽ thích ngay. Bà cứ thái lát mỏng cái má lợn ra rồi sát đẫy mù tạt vào, tôi đảm bảo sẽ tuyệt vời. Dám cược với bà rằng ở bên Mỹ không có món nào tuyệt như thế đâu. Cái dân Mỹ ý mà, hình như họ chỉ thích ăn những con gì bơi được hay chạy được thì phải, bất cứ thứ gì cũng đem ra nướng tuốt”.

Người bán hàng lại tiếp tục thao thao bất tuyệt với mẹ: “Không, bà không mua được thịt luộc hay lạp xường đâu. Nếu bà muốn có thứ gì đó mang về nhà, tôi khuyên bà nên nhanh tay chọn cái thủ lợn kia, trước khi đám dân nghèo ở Limerick phát động chiến tranh vì nó”.

Mẹ bảo dường như thủ lợn không ăn nhập gì mấy trong dịp Giáng sinh nhưng người bán hàng vẫn khăng khăng rằng ngày xưa ở Bethlehem, gia đình của Chúa cũng không được như thế. Và rằng họ sẽ sướng rơn lên nếu được một cái thủ lợn vừa béo vừa ngon như thế kia.

Vâng, họ không nên phàn nàn, - mẹ nói, - nhưng họ cũng chẳng bao giờ động đến thịt lợn vì họ là người Do thái.

Thế thì đã làm sao? Thủ lợn là thủ lợn chứ còn đòi hỏi gì nữa?

Còn người Do thái sẽ vẫn là người Do thái, họ không thể chống lại tôn giáo của mình, không thể đổ lỗi cho họ được.

Người bán tỏ vẻ châm chọc: "Bà có vẻ am hiểu về dân Do thái và về lợn đấy nhỉ, thưa bà?".

Không phải thế, nhưng tôi biết một người phụ nữ Do thái ở New York, bà Leibowitz, - mẹ trả lời, - và tôi cũng không biết sẽ phải xoay xở như thế nào nếu thiếu bà ấy.

Người đàn ông nghe tới đó bèn nhấc cái thủ lợn ra khỏi quầy, Malachy trông thấy bèn thốt lên: "Ôi, ôi, trông kìa, con chó chết". Nó khiến mẹ và người bán hàng phải cười phá lên. Ông ta gói cái thủ trong lớp giấy báo rồi đưa mẹ và nói: "Chúc mừng Giáng sinh". Thế rồi lại gói thêm ít xúc xích nhét vào tay mẹ: "Cái này gia đình bà sẽ dùng cho bữa sáng của ngày Noel". Mẹ đẩy ra và nói: "Ồ, tôi không có tiền mua chỗ xúc xích này đâu". Người bán hàng mỉm cười bảo mẹ: "Tôi có đòi tiền bà đâu nào? Tôi đòi lúc nào nhỉ? Bà cứ cầm lấy chỗ xúc xích này đi. Nó sẽ giúp bà cảm thấy bớt phiền lòng vì thiếu món ngỗng hay đùi lợn muối đấy".

Vâng, nhưng tôi không nên nhận thê này, - mẹ tỏ ra luống cuống.

Tôi biết điều đó chứ bà. Nhưng thôi, bà cứ cầm lấy đi, coi như tôi giúp bà.

Mẹ bảo mẹ bị đau lưng nên tôi sẽ phải xách hộ mẹ cái thủ lợn. Tôi phải ôm nó trên ngực, nhưng cái thủ lợn ướt át ấy cứ làm cho lớp báo tuột dần rồi bay gần hết, đến lúc đó mọi người đều biết tôi đang ôm một cái thủ lợn. Mẹ bảo: "Mẹ thấy xấu hổ quá con ạ, cả thế giới đều biết chúng ta đón Giáng sinh với một cái thủ lợn". Mấy đứa học sinh ở trường Tiểu học Quốc gia Leamy trông thấy chúng tôi và cái thủ lợn, chúng kéo nhau chỉ trỏ rồi cười nhạo. "Ôi, Chúa ơi, chúng mày ra đây mà xem Frankie McCourt với cái mõm lợn của nó kìa. Có phải người Mỹ vẫn dùng nó vào dịp Giáng sinh không hả Frankie?".

Một đứa quay sang hỏi đứa khác: “Này Christy, mày có biết ăn đầu lợn như thế nào không?”.

Không Paddy ạ, kinh chết lên được.

Thế mà cũng đòi, tóm lấy hai cái tai rồi nhai cái mặt nó chứ sao nữa.

Rồi thằng Christy vặn lại Paddy: “Thế mày có biết phần nào của cái đầu mà nhà McCourt bỏ đi không?”.

Tao không biết. Mày biết hả Christy?

Chứ sao, là cái chỗ dũi đất.

Đi thêm được mấy phố, toàn bộ mảnh báo bọc ngoài cái thủ đã bay hết, và thế là người đi đường ai cũng có thể trông thấy cái đầu lợn. Cái mũi của nó nằm trọn trên ngực tôi, chạm cả lên cằm. Tôi cảm thấy thật buồn cho con lợn bởi nó chết rồi mà vẫn không được yên, thế giới này vẫn còn mang nó ra để cười nhạo được. Em gái và hai em trai tôi cũng đã chết, nhưng nếu có kẻ nào dám mở mồm ra cười chúng, tôi sẽ chẳng ngại gì mà không đập cho nó một trận.

Tôi ước gì có bố ở đây để giúp chúng tôi bởi mẹ cứ phải dừng lại liên tục, dựa lưng vào tường để nghỉ. Mẹ cứ xoa lưng rồi bảo hai anh em tôi rằng chưa bao giờ mẹ có đủ sức để leo lên Đồi Barrack. Nhưng ngay cả khi có bố ở đây, tôi cũng tin rằng ông chẳng giúp được gì bởi bố chẳng bao giờ mang vật gì: hòm quần áo, túi đồ hay gói hàng, chẳng gì trong số đó. Bởi theo cách suy nghĩ của bố, nếu anh mang một trong những thứ đó, đồng nghĩa với việc anh đánh mất tư thế đàng hoàng của mình. Chính bố từng nói điều này. Bố chỉ bế hai đứa em sinh đôi của tôi khi chúng mệt, lúc dọn nhà bố chỉ xách theo bức tranh Giáo hoàng, nhưng đối với những thứ thông thường như cái đầu lợn này thì là chuyện hoàn toàn khác. Bố bảo tôi và Malachy rằng khi nào lớn, chúng tôi sẽ phải mặc cổ áo và thắt cà-vạt, đồng thời không bao giờ được để người khác trông thấy mình đang mang vác vật gì đó.

Về nhà, tôi thấy bố đang ngồi hút thuốc và đọc tờ *The Irish Press* bên lò sưởi. Đó là tờ báo mà bố yêu thích bởi nó được Valera xuất bản, còn bố thì luôn cho rằng Valera là người vĩ đại nhất thế giới. Bố nhìn chằm chằm chằm vào tôi và cái thủ lợn rồi trách mẹ sao lại để một thằng bé mang cái vật như thế đi khắp các phố ở Limerick. Mẹ lẳng lặng cởi áo khoác rồi buông mình xuống giường. Một lúc sau mới bảo bố rằng đến Giáng sinh tới, bố phải ra ngoài mà tìm cái gì về cho đêm Noel Mẹ dường như đã hoàn toàn kiệt sức, hổn hển bảo bố đun nước pha cho mẹ tách trà rồi nướng bánh cho hai con ăn trước khi chúng chết rũ vì đói.

Vào sáng hôm Noếl, bố dậy rất sớm nhóm lửa để chúng tôi có thể dùng trà với bánh mỳ và xúc xích. Mẹ bảo tôi sang nhà bà ngoại mượn cái nồi to để đun đầu lợn. Bà hỏi tôi: “Nhà chúng bay dùng cái quái gì cho bữa tối thế hả? Đầu lợn à! Lạy Chúa, lạy Đức mẹ và cả Thánh Josep nữa, cái gì đang diễn ra ở nhà chúng bay thế không biết. Thế thằng bố mày không chịu lê cái đít ra ngoài mà kiếm lấy con ngỗng hay cái đùi lợn về cho chúng bay hay sao? Cái loại người gì mà kỳ quặc thế không biết?”.

Mẹ thả cái đầu lợn vào nồi rồi đổ ngập nước, trong khi mẹ đun thịt lợn, bố con tôi và Malachy đến tụ tập với mọi người ở Nhà thờ Công giáo. Ở nhà, mẹ đang loay hoay xoay xở một cách khó nhọc. Nhà tôi không đủ than để nấu nốt bữa tối, nước không chịu sôi nữa, mẹ bảo mẹ sắp sửa phát điên lên vì lo lắng. Chúng tôi sẽ phải chạy xuống đường Dock để kiếm than vụn mà xe tải trở rớt dọc đường. Chắc chắn chúng tôi sẽ kiếm được đủ than mẹ cần bởi ngay cả người nghèo nhất trong những người nghèo cũng không đổ ra đường mót than vào ngày Giáng sinh như thế này. Chẳng ích chi nếu muốn bố đi cùng bởi ông không bao giờ hạ mình đến thế, và ngay cả khi ông chịu đi cùng chúng tôi, ông cũng chẳng buồn xách một thứ nhỏ nếu phải đi qua các

con phố. Đó là nguyên tắc của ông. Mẹ không thể đi vì mẹ đang đau lưng.

Mẹ tôi bảo: "Con phải đi rồi Frank ạ, con cho Malachy đi theo nhé".

Chúng tôi phải đi bộ một đoạn dài mới tới được đường Dock nhưng hai anh em tôi không thấy ngại bởi chúng tôi đã ních đầy bụng xúc xích với bánh mì, hơn nữa trời không mưa. Hai đứa mang theo cái túi vải mẹ mượn của bà hàng xóm Hannon. Mẹ đã đúng, trên đường Dock không một bóng người. Hình như người nghèo đều đã về nhà họ để dùng món đầu lợn, vậy nên tôi có cảm giác cả con đường này là của hai anh em tôi. Chúng tôi tìm được những mẩu than vãi, một ít than bùn nằm lọt trong những khe nứt trên đường hay vương trên tường của những sân than. Hai đứa còn tìm thấy một vài mẩu giấy hay mảnh bìa các-tông, dùng để nhóm lò rất tốt. Trong lúc chúng tôi đang loanh quanh tìm cách nhét cho đầy túi thì bỗng bác Pa Keating đi ngang qua. Hình như bác vừa mới tắm để đón Giáng sinh thì phải, bởi nom bác không đen như dạo Eugene mất. Bác hỏi chúng tôi đang làm cái gì ở đây với cái túi phồng tướng thế kia. Sau khi nghe Malachy giải thích, bác thốt lên: "Lạy Chúa, lạy Đức mẹ và cả Thánh Joseph nữa! Vào ngày Giáng sinh mà các con cũng không có lửa để đun nổi một cái thủ lợn hay sao? Nhục quá, nhục quá đi mất".

Bác dẫn chúng tôi tới tiệm rượu South, theo lệ thường thì nó phải đóng cửa nhưng bởi chú là khách quen và tiệm có cửa sau, chuyên phục vụ những ai muốn uống bia để mừng sinh nhật Chúa. Bác gọi bia uống và kêu hai vại chanh ép cho chúng tôi, thế rồi bác hỏi chủ quán xem liệu ông ta có thể bớt cho chúng tôi một ít than được không. Ông ta kinh ngạc bảo bác rằng mình đã từng bán rượu trong suốt hai mươi bảy năm qua nhưng chưa thấy một ai gọi bia với than bao giờ. Bác Pa bảo ông ta làm ơn giúp chúng tôi một chút than là đủ, ông chủ quán tỏ vẻ quý mến

bảo bác rằng ngay cả khi chú bảo ông ta lấy hộ mặt trăng, ông ấy cũng sẵn sàng bay lên hái xuống cho bác. Ông ta dẫn chúng tôi đến cái hố than dưới gầm cầu thang và bảo hai đứa khuân được bao nhiêu thì cứ lấy. Toàn bộ chỗ đó là than tốt chứ không như những mẩu rơi vãi mà chúng tôi nhặt trên đường Dock. Trông thấy nhiều than quá, tôi nghĩ nếu không vác được thì tôi cứ ních thật đầy rồi kéo lê về nhà cũng được.

Chúng tôi phải mất rất nhiều thời gian để đi từ tiệm South về Đồi Barrack bởi cái lỗ thủng chết tiệt trên túi. Tôi kéo lê chiếc túi trên đường còn công việc của Malachy là nhặt nhạnh chỗ than rớt ra từ lỗ thủng, bỏ lại vào bao. Rồi bỗng dưng trời đổ mưa, nhưng chúng tôi cũng không thể đứng náu mãi dưới hàng hiên chờ tới khi tạnh bởi túi than của chúng tôi còn đó, nó tạo thành một vệt đen dọc theo đường chúng tôi đi, nó còn khiến Malachy trở nên đen nhẻm vì thằng bé phải kỳ cạch nhặt than suốt dọc đường cho vào bao rồi lại gạt nước mưa trên mặt với bàn tay ướt và đen của nó. Tôi bảo trông nó như người da đen, nó cũng bảo tôi trông giống người da đen, và người phụ nữ trong cửa hàng bảo chúng tôi tránh xa cánh cửa của bà ta: "Hôm nay là lễ Giáng sinh, tao không muốn trông thấy người châu Phi chúng mày".

Chúng tôi lại tiếp tục kéo lê cái túi than về nhà, nếu không sẽ chẳng có gì bỏ vào bụng trong cái đêm Giáng sinh. Phải mất đến hàng năm mới có thể nhóm được lửa và cũng chừng ấy hoặc hơn nữa để có được bữa tối bởi nước lẽ ra phải sôi trong khi mẹ thả vào nồi một cái bắp cải, mấy củ khoai tây để nấu cùng với cái đầu lợn. Khi chúng tôi lôi cái túi lên đại lộ O'Connell, hai anh em trông thấy cảnh các gia đình quây quần trong nhà, mọi người ngồi quanh bàn với rất nhiều món đồ trang trí và những thứ ánh sáng óng ánh, sặc sỡ trông thật đẹp mắt. Đi qua một ngôi nhà, người trong nhà mở cửa sổ ra và bọn trẻ con tranh nhau chỉ vào chúng tôi: "Nhìn xem kìa, người châu Phi đấy. Thế giáo của chúng mày đâu?".

Malachy lè lưỡi trêu lại bọn chúng, dường như chưa hả tức nó còn định lấy than ném vào cái nhà đó nhưng tôi bảo nó nếu ném than đi thì nhà mình sẽ không có than để nấu bữa tối, như vậy chúng tôi sẽ chẳng có cái gì nhét vào bụng.

Trước cửa nhà tôi lại có một cái vũng nước do cơn mưa quái quỷ gây nên, nhưng cũng chẳng thành vấn đề bởi dẫu sao chúng tôi cũng đã ướt đẫm, và cứ thế, hai anh em lội qua vũng nước lớn vào nhà. Bố nhảy xuống để lôi cái túi than lên Y. Bố bảo hai anh em tôi thật xứng đáng là những đứa trẻ ngoan vì chúng tôi kiêm được rất nhiều than, và rằng có khi toàn bộ con đường Dock đã được trải bằng than. Khi mẹ trông thấy hai đứa, trước tiên bà phá lên cười rồi lại bật khóc. Mẹ cười vì chúng tôi đen nhẻm như hai hòn than và khóc bởi người hai đứa sũng nước. Mẹ bảo chúng tôi cởi hết quần áo ra rồi lấy nước rửa sạch vết than trên mặt và tay chúng tôi. Mẹ bảo bố rằng cái đầu lợn thì có thể chờ được nhưng phải nhanh nhanh pha cho hai đứa mấy cốc trà nóng.

Bên ngoài, trời vẫn mưa nặng hạt để rồi có thêm một cái hồ trong bếp dưới nhà, nhưng ở trên này, ở Ý, chúng tôi lại có lửa để sưởi và căn phòng trở nên ấm áp, khô ráo. Sau khi dùng trà, tôi và Malachy lăn ra giường gà gật mãi cho đến khi bố đánh thức hai anh em dậy và bảo rằng bữa tối đã sẩn sàng. Quần áo của hai đứa vẫn còn ướt nên Malachy ngồi trên hòm đổ đạc với cái áo khoác đỏ của mẹ đem từ Mỹ về quấn quanh người. Còn tôi thì co ro trong cái áo của ông ngoại để lại sau khi ông bỏ sang úc.

Mùi thơm của bắp cải, khoai tây và đầu lợn lan tỏa khắp phòng. Nhưng khi bố nhấc cái đầu lợn ra khỏi nồi và đặt lên đĩa thì Malachy thốt lên: “Ôi, tội nghiệp con lợn quá. Con không muốn ăn con lợn tội nghiệp này đâu”.

Mẹ bảo nó: “Nếu con thấy đói thì con sẽ ăn. Nào, bây giờ thì dẹp cái sự thương cảm của con sang một bén, ngồi vào gần đây dùng bữa đi con”.

Bỗng bố bảo: “Đợi một phút” và thế là ông lấy dao xẻo hai bên má con lợn bầy ra đĩa của chúng tôi rồi xát mù tạt lên. Xong việc, bố cầm lấy cái đĩa trên đó có thủ lợn bỏ xuống gầm bàn. Bố quay sang bảo Malachy: “Bây giờ thì là đùi lợn muối rồi nhé” và thế là Malachy bắt đầu ăn vì nó không còn tròng thấy chỗ thịt nó ăn là từ đâu mà ra và có vẻ như chẳng giống cái đầu lợn nữa. Bắp cải rất mềm và nóng, ngoài ra còn rất nhiều khoai tây cùng với bơ và muối. Mẹ bóc vỏ khoai cho chúng tôi nhưng bố cứ thế ăn, ăn cả vỏ. Bố bảo chất dinh dưỡng của khoai tây nằm cả ở vỏ, mẹ quay sang bố: “Thật may cho anh là không có trứng, nếu có thì anh phải ăn cả vỏ trứng đấy”.

Bố bảo nếu cần bố cũng sẽ như vậy, và thật đáng hổ thẹn khi hàng ngày người Ailen đổ đi hàng triệu cân vỏ khoai và đó chính là lý do tại sao mà hàng ngàn người phải chết vì viêm phổi và chất dinh dưỡng cũng nằm cả ở vỏ trứng, lãng phí như vậy là phạm phải tội thứ tám. Mẹ bảo chúng tôi: “Thôi các con, đừng nghe bố nữa, tập trung vào mà ăn”.

Bố chỉ ăn nửa củ khoai và vỏ, nửa còn lại bố bỏ cả vào nồi. Bố ăn một chút má lợn và vài cọng bắp cải. chỗ còn lại bố trút hết sang đĩa của tôi và Malachy. Bố pha thêm chút trà, cả nhà tôi lại dùng thêm bánh mì và mứt, sau đó không ai có thể than thở gì về việc chúng tôi không được đón một lễ Giáng sinh ngọt ngào.

Trời đã tối hẳn, bên ngoài vẫn mưa rả rích, trong lò than sáng rực rỡ, cách đó không xa bố mẹ tôi ngồi thong thả hút thuốc. Khi quần áo còn chưa khô thì chúng tôi chẳng thể làm gì ngoài việc leo lên giường chui vào trong chăn bởi đó là nơi duy nhất cho tôi cảm giác ấm áp, dễ chịu.

Lần này, chính các thiên thần từng mang Margaret và hai em sinh đôi của tôi đi lại mang đến cho chúng tôi một cậu em trai, em Michael. Bố bảo ông đã tìm thấy thằng Michael ở bậc thang thứ bảy trên đường lên Y. Bố nói với chúng tôi đó chính là chỗ

cần phải tìm mỗi khi muốn có thêm trẻ con trong nhà, Thiên thần trên bậc thang thứ Bảy.

Malachy muốn biết làm thế nào có thể có thêm một đứa bé từ Thiên thần ở bậc thang thứ Bảy trong khi có những nhà không có cầu thang trong nhà. Bố bảo nó đừng có hỏi quá nhiều, hỏi nhiều quá như thế là làm phiền người khác.

Malachy dường như không thỏa mãn, nó lại hỏi làm phiền nghĩa là làm sao.

- Làm phiền, làm phiền. Con muốn biết nó nghĩa là gì. Làm phiền là gì hả bố? - nó không chịu buông tha. - Ôi con trai, - bố đang mất dần kiên nhẫn, - thế giới này là cả một sự phiền toái lớn. - Nói rồi bố vớ lấy chiếc mũ đi đến bệnh viện Bedford để thăm mẹ và Michael. Mẹ nằm trong bệnh viện với cái lưng đau, thằng bé nằm bên mẹ để bà có thể yên tâm rằng nó vẫn trộm vía từ khi bị bỏ ở cái bậc thang thứ bảy ấy. Tôi không hiểu nổi chuyện này bởi tôi tin rằng các thiên thần không bao giờ bỏ một đứa trẻ sơ sinh trên bậc thang thứ Bảy. Hỏi bố mẹ tôi thì chỉ nhận được câu trả lời: “Con lại sắp sửa hư y như thằng Malachy rồi đấy, cứ hỏi hoài hỏi mãi. Ra ngoài chơi đi”.

Tôi biết rằng người lớn không thích phải trả lời những câu hỏi của bọn trẻ con. Thế mà họ lại có thể hỏi thoải mái chừng nào họ muốn như: Hôm nay ở trường thế nào? Con có ngoan không? Con đã cầu nguyện trước khi ngủ chưa đấy? Nhưng nếu có dại dột hỏi lại họ xem họ đã cầu nguyện trước khi ngủ chưa thì rất có thể họ sẽ cho anh một cái bợp vào đầu.

Bố đưa mẹ về nhà với em bé, mẹ buộc phải nằm yên trên giường trong vài ngày do bị đau lưng. Mẹ bảo thằng bé trông giống hệt cô chị đã mất của nó, từ làn tóc đen gợn sóng, đôi mắt xanh xinh đẹp, cho tới hàng chân mày kiêu kỳ. Mẹ đã nói đúng như vậy.

Tôi muốn biết tại sao thằng bé lại giống Margaret đến vậy. Tôi cũng muốn biết bậc nào là bậc thang thứ bảy bởi cầu thang nhà

tôi có tới chín bậc, không hiểu mọi người bảo bậc thứ bảy là đếm từ trên xuống hay từ dưới lên. Bố sẽ chẳng bao giờ thèm trả lời những câu hỏi kiểu như vậy, tôi biết. “Các thiên thần đến từ trên trời hay chui từ dưới lên”, bố nói, “chắc chắn không giống như chúng ta chui từ cái bếp ra, cái chỗ mà thường xuyên ngập như hồ từ tháng Mười đến tận tháng Tư ấy”.

Cuối cùng tôi cũng biết được bậc thứ bảy được đếm từ trên xuống.

Em Micheal bị cảm lạnh. Mũi nó bị tắc nên thằng bé thở rất khó khăn. Mẹ lo lắm bởi hôm nay là Chủ nhật và Bệnh xá miễn phí cho người nghèo đều đóng cửa. Nếu cứ liều mang thằng bé tới nhà bác sĩ, họ sẽ nhận ra chúng tôi tới từ tầng lớp nào trong xã hội và sẽ đuổi thẳng sang Bệnh xá miễn phí, nơi đó mới phục vụ người nghèo. Nếu có giục họ rằng thằng bé đang chết trên tay bố mẹ nó thì lập tức y tá sẽ thoái thác với lý do bác sĩ đang đi cưỡi ngựa ở ngoại ô.

Mẹ bắt đầu khóc bởi thằng bé đang đánh vật với từng hơi thở qua cái miệng bé xíu của nó. Mẹ cố tìm cách thông mũi cho thằng bé bằng một mẩu giấy quấn tròn, nhưng mẹ cứ luống cuống không dám làm dứt khoát vì sợ thọc vào quá sâu. Bố bảo đừng có làm như thế, chẳng giúp gì được nó cả. “Em đừng có tìm cách thọc các thứ vào đầu thằng bé như thế, để anh thử xem”. Nom có vẻ như bố hôn Michael nhưng thực ra ông ghé mồm vào cái mũi xinh xinh của nó hút sạch những chất bám bên trong rồi nhổ vào đống lửa. Michael cựa quậy mấy cái, khóc váng lên rồi sau đó có thể thấy thằng bé hít lấy hít để không khí bằng cái mũi nhỏ xíu, đạp chân liên tục và cười khanh khách. Mẹ nhìn bố như thể ông vừa từ trên thiên đường xuống, bố thản nhiên bảo đó là cái cách ngày xưa mọi người vẫn làm ở Antrim, từ hồi các bác sĩ vẫn còn đi lại bằng ngựa.

Nhờ có Michael mà gia đình chúng tôi thêm được vài shilling trong mỗi tuần trong tổng số tiền trợ cấp nhưng mẹ bảo cũng

chẳng đủ và mẹ còn phải tới hội Bảo trợ thánh Paul để xin thêm đồ ăn. Vào một đêm nọ, có tiếng gõ cửa cồng cộc dưới nhà, mẹ bảo tôi xuống dưới xem có chuyện gì. Mở cửa ra, tôi thấy hai người đàn ông, họ tới từ hội Bảo trợ thánh Paul, họ muốn gặp bố mẹ tôi. Tôi bảo với họ rằng bố mẹ đang ở trên gác, ở Ý, điều đó khiến họ ngạc nhiên thốt lên: "Cái gì cơ?".

- Trên gác ấy, ở trên đấy không bị ướt, - tôi nói với họ.

Họ muốn biết cái phòng be bé nằm bên cạnh cửa ra vào nhà tôi là cái gì. Tôi bảo họ đấy là nhà vệ sinh. Hai người lại thắc mắc không biết tại sao nhà vệ sinh không ở phía sau nhà mà lại ở đằng trước. Tôi lại phải giải thích cho họ rằng đó là nhà vệ sinh cho toàn bộ các dãy nhà ở đây và thật là may mắn vì nó không nằm phía sau nhà chúng tôi bởi nếu vậy, mọi người sẽ đi thẳng qua bếp nhà tôi với những cái bô nặng mùi, nó sẽ khiến cả nhà chúng tôi phát ốm mất.

Họ có vẻ ngạc nhiên, một người hỏi lại: "Cháu có chắc chỉ có một phòng vệ sinh cho toàn bộ dãy nhà này không?"

Vâng, đúng như thế mà.

Chúa ơi, khủng khiếp quá, - họ thốt lên.

Có tiếng mẹ gọi từ trên Ý vọng xuống: "Ai ở dưới đó thế?".

Có mấy người mẹ ạ.

Người nào?

Từ hội Bảo trợ thánh Paul.

Họ bước từng bước cẩn thận, lội qua cái hồ trong bếp, mỗi bước chân của họ tạo nên những tiếng "nhép, nhép", "tút, tút". Hai người quay sang bảo nhau: "Thế này chẳng đáng xấu hổ lắm sao?" cho tới lúc họ leo lên Ý. Họ tỏ ý xin lỗi bố mẹ tôi vì đã làm phiền gia đình nhưng hội Bảo trợ muốn kiểm tra để đảm bảo rằng họ đang giúp đỡ những trường hợp thực sự cần thiết. Mẹ mời hai người dùng trà nhưng họ chỉ nhìn quanh và nói: "Không, cảm ơn bà". Họ muốn biết tại sao cả nhà chúng tôi lại

kéo lên trên gác ở. Họ cũng thắc mắc về nhà vệ sinh. Họ cứ thế hỏi hết câu này đến câu khác, bởi vì người lớn muốn hỏi bao nhiêu cũng được và họ cứ thế ghi ghi chép chép vào cuốn sổ nhỏ, đặc biệt, họ còn đeo cổ áo, cà vạt và vận những bộ vét. Họ hỏi xem Michael được mấy tuổi, bố được Trung tâm Lao động trợ cấp bao nhiêu, tại sao cho tới giờ bố vẫn chưa xin được việc và bố là người vùng nào.

Bố bảo họ rằng phòng vệ sinh có thể giết chết cả nhà chúng tôi bằng đủ mọi loại bệnh, rằng vào mùa đông, ở trong bếp dưới nhà luôn có một cái hồ, đó là lý do khiến chúng tôi phải dời cả lên gác ở. Bố còn đổ trách nhiệm cho dòng sông Shannon về giá lạnh và hơi ẩm của nó đã giết từng người từng người một trong gia đình chúng tôi.

Malachy nói với họ rằng chúng tôi đang ở trên Y khiến họ đều mỉm cười.

Mẹ hỏi họ xem liệu có thể giúp cho Malachy và tôi mỗi đứa một đôi ủng để chúng tôi đi trong mùa đông được không. Họ bảo mẹ cứ thử xuống Nhà Ozanam để xin thử. Mẹ cũng nói với họ rằng mẹ không được khỏe kể từ khi sinh em bé và bà không thể đứng xếp hàng lâu được, nhưng họ bảo ai cũng như ai, đều phải được đối xử công bằng, ngay cả một bà ở dưới thị trấn Ailen sinh ba xong cũng phải đi xếp hàng. Thế rồi họ cảm ơn bố mẹ tôi và bảo sẽ gửi báo cáo cho hội Bảo trợ.

Trong khi họ xuống thang, Malachy tìm cách chỉ cho hai người nơi thiên thần bỏ lại Michael ở bậc thang thứ bảy nhưng bố bảo nó: “Không phải bây giờ, không phải bây giờ”. Malachy vùng vằng muốn khóc, thế là một trong hai người rút trong túi áo ra chiếc kẹo mút dỗ nó. Tôi ước gì cũng có thể khóc lóc được như nó, như vậy tôi cũng có kẹo.

Tôi phải xuống gác lần nữa và chỉ cho họ đi vào những chỗ để không bị ướt giầy. Hai người cứ lắc đầu quầy quậy, luôn miệng

lẩm nhẩm: “Chúa anh minh, Chúa nhân từ, lạy Đức mẹ, khủng khiếp quá. Họ ở trên kia không phải là Ý mà là Calcutta”.

Tôi nghe thấy tiếng bố bảo mẹ trên Ý rằng mẹ không nên xin xỏ như thế.

Anh bảo gì cơ, xin xỏ nghĩa là thế nào?

Em phải có tự trọng chứ, xin ủng đấy còn gì.

Thế anh định làm gì hả Vĩ nhân? Anh định để con mình đi chân đất cả mùa đông hay sao?

Tôi thà sửa lại giầy cho chúng còn hơn.

Mấy cái mảnh vụn ấy mà anh cũng gọi là giầy à?

Nhưng tôi sửa được, - bố nói.

Anh chẳng làm được cái gì cả. Anh là đồ vô dụng, - mẹ tỏ vẻ bực bội.

Hôm sau bố tôi mang về nhà một chiếc lốp xe đạp cũ. Ông sai tôi sang nhà ông hàng xóm Hannon mượn khuôn giày và búa. Ông lấy con dao sắc của mẹ tôi cắt và gọt chiếc lốp cho đến khi ông có được những mảnh lốp hợp với đế và gót giày của chúng tôi. Mẹ tôi bảo với bố tôi rằng làm như thế chỉ tổ phá hỏng hẳn giày của bọn tôi mà thôi nhưng bố tôi vẫn hì hục đóng những mảnh lốp vào giày. Mẹ tôi nói: “Lạy Chúa, nếu anh để nguyên những đôi giày đó thì bọn trẻ còn dùng được tới lễ Phục sinh, mà đến lúc đó thì chúng ta có thể xin được giày mới ở hội Bảo trợ thánh Vincent de Paul rồi”. Mặc cho mẹ tôi phản đối bố tôi vẫn không dừng lại cho tới khi đế và gót giày của chúng tôi được đệm bằng những miếng cao su vuông thìa lìa ra mũi, gót và hai bên. Bố tôi bảo chúng tôi đi thử giày vào và bảo rằng chân chúng tôi sẽ được giữ ấm nhưng chúng tôi không muốn đi giày bố tôi vừa sửa nữa bởi vì những mảnh lốp được đóng vào giày rất gồ ghề khiến chúng tôi bị trượt chân khi đi trên Ý. Khi tôi mang trả búa và khuôn giày, bà Hannon nhìn xuống chân tôi kêu lên: “Lạy Chúa, giày của cháu bị làm sao thế này?” Bà ấy cười phá lên

còn ông Hannon thì lắc đầu khiến tôi cảm thấy thật xấu hổ. Hôm sau tôi không muốn đi học nên tôi giả vờ ốm nhưng bố tôi dậy sớm pha trà và rán bánh cho chúng tôi và bảo chúng tôi rằng đáng ra chúng tôi phải biết ơn vì vẫn còn có giày mà đi, rằng ở trường Leamy còn có khối học sinh phải đi chân đất trong những ngày lạnh giá. Trên đường đến trường chúng tôi trở thành trò cười cho bọn con trai bởi vì những mảnh lốp dày đến nỗi chúng làm chúng tôi cao lên đến mấy phân và bọn con trai hỏi mỉa tôi: "Trên đó không khí thế nào hả?" Trong lớp tôi có sáu hay bảy đứa gì đó đi chân đất và chúng nó không nói gì khiến tôi cứ băn khoăn không biết đi giày vá bằng lốp xe để bị trượt oành oạch dễ chịu hơn hay đi chân đất dễ chịu hơn. Nếu bạn không có giày thì bạn có bảy người khác cùng phe. Nếu bạn đi giày vá bằng lốp xe thì bạn chỉ có em bạn mà thôi và anh em bạn phải tự quyết tử trong những trận đánh nhau mà chẳng được đứa con trai nào ủng hộ hết. Tôi ngồi trên một chiếc ghế dài ở sân trường cởi giày và tất ra nhưng khi tôi vào lớp thầy giáo hỏi giày của tôi đâu. Ông ấy biết tôi không phải là một trong những đứa đi chân đất và ông ấy bắt tôi ra sân lấy giày đi vào. Rồi ông ấy nói với cả lớp:

Trong lớp này ta thấy có sự chế nhạo. Các trò cười trước nỗi bất hạnh của người khác. Có ai trong lớp này cho rằng mình hoàn hảo không? Giơ tay lên cho ta xem.

Không một ai giơ tay.

Có ai trong lớp này là con nhà giàu có thừa tiền mua giày không? Giơ tay lên cho ta xem.

Không một ai giơ tay.

Trong lớp này có những người phải chữa giày bằng bất cứ cách nào họ có thể. Trong lớp này có những người không có giày đi. Đó đâu phải là lỗi của họ và đâu phải là điều đáng xấu hổ. Chúa của chúng ta không có giày. Người chết mà không đi giày. Các

trò có nhìn thấy Người bị đóng đinh trên cây thập tự với đôi chân đi giày không? Có hay không?

Không, thưa thầy.

Các trò nhìn thấy Chúa trên cây thập tự như thế nào?

Không có giày, thưa thầy.

Từ bây giờ nếu ta còn nghe thấy trò nào trong lớp này chế nhạo và trêu chọc McCourt hoặc em của trò ấy về chuyện giày thì cái roi này sẽ không nằm yên đâu. Cái gì sẽ không nằm yên nào, các trò?

Cái roi, thưa thầy.

Roi này sẽ vung lên đấy. Nó sẽ kêu vun vút trong không khí, và nó sẽ tìm đến lưng trò nào chế nhạo và trêu trọc. Nó sẽ tìm đến đâu, các trò?

Đến trò nào chế nhạo, thưa thầy.

Và?

Trò nào trêu chọc, thưa thầy.

Bọn con trai không quấy rầy chúng tôi nữa và chúng tôi đi giày được vá bằng lốp xe suốt mấy tuần cho tới lễ Phục sinh khi hội Bảo trợ thánh Vincent de Paul cho chúng tôi những đôi giày mới.

Nếu nửa đêm tôi phải dậy đi tiểu thì thê nào tôi cũng đi lên bậc thang trên cùng và nhìn xuống để xem liệu thiên thần có xuất hiện trên bậc thứ bảy hay không. Thỉnh

thoảng tôi nghĩ là tôi có nhìn thấy ánh sáng ở đó và nếu mọi người đều ngủ cả thì tôi ngồi xuống bậc thứ bảy đó để phòng khi thiên thần mang một đứa bé nữa đến hoặc có thể chỉ ghé qua thăm thôi. Tôi hỏi mẹ tôi rằng có khi nào thiên thần mang trẻ con tới rồi quên luôn không nghĩ gì đến chúng nữa không. Mẹ tôi trả lời rằng không đời nào lại có chuyện đó. Thiên thần không bao giờ quên những đứa trẻ vì thế thiên thần thường trở lại để xem chúng có được hạnh phúc hay không.

Tôi có thể hỏi thiên thần đủ loại câu hỏi và tôi chắc rằng thiên thần sẽ giải đáp, trừ khi đó là một nữ thần. Nhưng tôi nghĩ một nữ thần cũng sẽ trả lời các câu hỏi. Tôi chưa nghe thấy ai nói rằng các nữ thần không trả lời các câu hỏi bao giờ.

Tôi ngồi trên bậc thang thứ bảy rất lâu và tôi chắc là thiên thần ở đó. Tôi nói với thiên thần những điều tôi không thể nói với mẹ hay với bố tôi vì tôi sợ nếu tôi nói ra tôi sẽ bị đánh vào đầu hoặc bị đuổi ra ngoài chơi. Tôi nói với thiên thần những chuyện xảy ra ở trường và nói cho thiên thần biết tôi sợ thầy giáo và cái roi của ông ấy đến mức nào mỗi khi ông ấy gầm lên bằng tiếng Ailen mà tôi vẫn không biết ông ấy nói gì bởi tôi sinh ra ở Mỹ và những đứa con trai khác trong lớp được học tiếng Ailen trước tôi một năm.

Tôi ngồi trên bậc thang thứ bảy cho tới khi tôi lạnh không chịu nổi hoặc cho tới khi bố tôi tỉnh giấc phát hiện ra tôi và bắt tôi phải về giường đi ngủ. Bố tôi là người đầu tiên nói với tôi về thiên thần trên bậc thang thứ bảy và bạn hẳn sẽ nghĩ rằng ông biết tại sao tôi lại ngồi ở đó. Có lần tôi đã nói với bố rằng tôi đang ngồi đợi thiên thần, và bố tôi nói: “Ôi chao, Francis, con thật vớ vẩn”.

Tôi trở về giường nhưng tôi vẫn có thể nghe thấy bố tôi thì thầm với mẹ tôi: “Thằng bé tội nghiệp cứ ngồi trên bậc thang nói chuyện với thiên thần”.

Bố tôi cười và mẹ tôi cũng cười và tôi chợt nghĩ: “người lớn thật khó hiểu, sao lại đi cười thiên thần trong khi chính thiên thần mang đến cho họ một đứa bé mới”.

Trước lễ Phục sinh chúng tôi chuyển xuống phòng Ailen. Lễ Phục sinh dễ chịu hơn Giáng sinh bởi vì thời tiết ấm áp hơn, tường nhà không còn nhỏ nước vì ẩm nữa, bếp không còn là một cái hồ, và nếu chúng tôi dậy sớm chúng tôi có thể đón được chút ánh mặt trời chiếu vào qua cửa sổ bếp.

Vào những ngày đẹp trời cánh đàn ông ngồi bên ngoài hút thuốc, nhìn thế giới và nhìn chúng tôi chơi. Cánh đàn bà đứng khoanh tay tán gẫu với nhau. Họ không ngồi bởi vì tất cả những gì họ phải làm là ở nhà, trông con cái, dọn dẹp nhà cửa và nấu ăn còn đàn ông thì cần ghế. Đàn ông ngồi bởi sáng nào họ cũng bận lê chân đến Trung tâm Lao động để ký xin trợ cấp thất nghiệp, bận bàn luận tình hình thế giới và bận nghĩ xem họ sẽ làm gì cho hết ngày.

Lễ Phục sinh dễ chịu hơn Giáng sinh bởi vì bố tôi đưa chúng tôi đến nhà thờ dòng Cứu Thế nơi tất cả các linh mục đều vận đồ trắng và hát. Họ vui bởi vì Chúa của chúng ta đang ở trên thiên đường. Tôi hỏi bố tôi rằng có phải đứa bé ở trong máng cỏ chết rồi hay không và bố tôi trả lời rằng không phải, rằng Chúa qua đời khi Người ba mươi ba tuổi và chính Người bị đóng đinh trên cây thập tự. Tôi không hiểu thế nào mà Người lớn nhanh đến nỗi Người bị treo trên đó với một cái mũ làm bằng gai và máu me khắp người.

Bố tôi nói khi nào lớn tôi sẽ hiểu. Lúc nào bố tôi cũng nói như vậy khiến tôi thèm được lớn như bố để tôi có thể hiểu mọi điều. Thật là thích khi sáng ra bạn thức dậy và hiểu được mọi điều. Tôi ước gì mình được như những người lớn có mặt trong nhà thờ, đứng và quì và cầu nguyện và hiểu mọi điều.

Trong lễ Mixa người ta đi đến bàn thờ Chúa và một linh mục bỏ thứ gì đó vào miệng họ. Họ trở về ghê ngồi và tôi thấy miệng họ lúng búng. Malachy kêu đói và nó bảo với bố tôi rằng nó cũng muốn được ăn như người lớn. Bố tôi nói:

Xuỵt, đó là thánh thể, thân thể và máu của Chúa đấy.

Nhưng bố.

Xuỵt, đó là một bí mật.

Có hỏi thêm cũng vô ích. Nếu bạn hỏi một câu hỏi thì người lớn sẽ nói với bạn rằng đó là một bí mật, rằng khi nào lớn lên

bạn sẽ hiểu, rằng bạn phải ngoan, rằng bạn hãy về hỏi bố mẹ bạn, rằng vì Chúa hãy để người lớn yên, rằng bạn đi chơi đi.

Bố tôi xin được việc làm đầu tiên của ông ở Limerick tại một nhà máy sản xuất ximăng và mẹ tôi rất phấn khởi. Mẹ tôi sẽ không phải đứng xếp hàng đến chồn cả chân ở hội Bảo trợ thánh Vincent de Paul để xin giày và quần áo cho tôi và Malachy nữa. Mẹ tôi bảo đó không phải là bố thí mà là cứu tế, nhưng bố tôi nói đó là bố thí và như thế rất đáng xấu hổ. Mẹ tôi nói rằng giờ mẹ tôi có thể trả khoản nợ mấy bảng cho cửa hàng Kathleen O'Connel và có thể trả nợ cho bà ngoại tôi. Mẹ tôi ghét phải mang ơn bất kỳ ai đặc biệt là bà ngoại tôi.

Nhà máy ximăng cách thành phố mấy dặm và thế có nghĩa là bố tôi sẽ phải rời nhà trước sáu giờ sáng. Bố tôi không ngại bởi vì ông vốn quen đi bộ xa. Buổi tối trước hôm bố tôi đi làm mẹ tôi chuẩn bị cho bố tôi một bình trà, một chiếc bánh sandwich, một quả trứng luộc kỹ. Mẹ tôi ái ngại cho bố tôi phải đi bộ ba dặm tới chỗ làm và phải đi ba dặm trở về. Một chiếc xe đạp sẽ rất có ích nhưng bạn phải làm việc cả một năm mới đủ tiền để mua một chiếc xe đạp.

Thứ Sáu là ngày trả lương và mẹ tôi dậy rất sớm, vừa dọn nhà vừa hát.

Trong nhà chẳng có gì nhiều để mà dọn dẹp. Mẹ tôi quét sàn bếp và sàn Ý trên gác. Mẹ tôi rửa bốn lọ đựng mứt để dùng làm ca đựng trà. Mẹ tôi nói nếu bố tôi giữ được việc làm lâu thì chúng tôi có thể có những tách uống trà tử tế, và với sự phù hộ của Chúa cùng Đức mẹ lòng lành của Người một ngày nào đó chúng tôi sẽ sắm được khăn trải giường và nếu chúng tôi chịu khó tiết kiệm thì chúng tôi có thể mua được một hoặc hai chiếc chăn bông để khỏi phải đắp những chiếc áo khoác cũ có từ thời xảy ra nạn đói. Mẹ tôi đun nước sôi và giặt những mảnh áo cũ dùng để quấn cho Michael để nó khỏi bậy ra xe nôi và ra nhà. Mẹ

tôi hỉ hả bảo: “Ôi, tối nay ông bố các con mang tiền lương về thì chúng ta sẽ có một bữa trà vui lắm đây”.

Ông bố! Mẹ tôi đang vui mà.

Những tiếng còi tầm vang lên khắp thành phố báo hiệu một ngày làm việc đã kết thúc. Malachy và tôi vui cuống cả lên vì chúng tôi biết rằng khi bố tôi mang tiền lương về chúng tôi sẽ có được Xu ngày thứ Sáu. Chúng tôi biết điều đó qua những đứa con trai có bố đi làm và chúng tôi biết rằng sau khi uống trà chúng tôi có thể đến cửa hàng nhà Kathleen O’Connell mua kẹo. Nếu mẹ tôi đang trong tâm trạng vui vẻ thì bà có thể cho chúng tôi hai xu để hôm sau chúng tôi có thể đi xem phim ở rạp Lyric.

Những người đàn ông làm việc trong các nhà máy và các cửa hàng đang đi về các ngõ để ăn tối, tắm rửa và đi quán. Phụ nữ thì đi xem phim ở rạp Coliseum hoặc rạp Lyric. Họ mua kẹo và thuốc lá Woodbine và nếu chồng họ có việc làm lâu rồi thì họ có thể mua những hộp sôcôla hiệu Black Magic. Họ thích những bộ phim tình cảm và họ có đầy thời gian để khóc trước những kết cục phim buồn thảm hay trước cảnh một người tình đẹp trai bị người theo đạo Hindus hay những người không theo đạo Thiên Chúa bắn chết.

Chúng tôi biết là chúng tôi phải đợi bố tôi lâu bởi vì bố tôi phải đi bộ mấy dặm. Chúng tôi không thể uống trà khi mà bố tôi chưa về và việc trì hoãn đó thật là khó bởi mùi thức ăn từ các nhà khác trong ngõ cứ vô tư bay đến nhà chúng tôi. Mẹ tôi nói thật tốt là ngày trả lương lại vào thứ Sáu ngày mà bạn không thể ăn thịt bởi vì mùi thịt xông khói và mùi xúc xích làm bà muốn điên lên mất. Chúng tôi vẫn có thể có bánh mì và pho mát và một bình trà pha với sữa và đường và chúng tôi còn đòi hỏi gì hơn nữa?

Đàn bà đã đi xem phim, đàn ông đã ra quán cả, còn bố tôi thì vẫn chưa thấy tăm hơi đâu. Mẹ tôi bảo với chúng tôi rằng bố tôi đi bộ nhanh đấy nhưng đường từ nhà máy ximăng về nhà rất

xa. Mẹ tôi nói thế nhưng mắt bà lại rớm lệ và bà không hát nữa. Bà ngồi bên bếp hút điếu thuốc Wild Woodbine mà bà đã mua chịu của cửa hàng Kathleen O'Connell. Điếu thuốc là sự an ủi duy nhất bà có được và bà sẽ không bao giờ quên lòng tốt của bà Kathleen. Mẹ tôi không biết bà có thể giữ được ấm nước sôi như thế trong bao lâu. Bố tôi chưa về thì pha trà mà làm gì bởi trà sẽ nồng và khó uống. Malachy kêu đói và thế là mẹ tôi đưa cho nó một miếng bánh mì để nó im đi. Mẹ tôi nói: "Công việc này có thể cứu chúng ta. Với cái giọng miền Bắc đó bố các con khó mà kiếm được việc làm ở thành phố này và nếu bố các con mà để mất việc thì không biết chúng ta sẽ phải làm gì".

Bóng tối đã bao trùm khắp ngõ và chúng tôi đã phải châm một ngọn nến. Mẹ tôi buộc phải pha trà cho chúng tôi và để chúng tôi ăn bánh bởi vì chúng tôi đói quá không thể đợi thêm được nữa. Mẹ tôi ngồi ở bàn, ăn một chút bánh mì, hút thuốc Wild Woodbine. Mẹ tôi đi ra cửa xem bố tôi đã về đến ngõ chưa và mẹ tôi nói về những ngày lĩnh lương, những ngày chúng tôi phải tìm bố tôi khắp Brooklyn. Mẹ tôi nói một ngày nào đó chúng tôi sẽ quay lại Mỹ và chúng tôi sẽ có một căn nhà tử tế với một nhà vệ sinh riêng ở cuối hành lang giống như một ngôi nhà ở đại lộ Classon.

Đám đàn bà đi xem phim về cười cười nói nói, đám đàn ông ở quán về vừa đi vừa hát. Mẹ tôi nói rằng có đợi bố tôi cũng chẳng ích gì. Nếu bố tôi ở quán rượu đến lúc đóng cửa thì chắc chắn bố tôi đã uống hết tiền lương rồi vì thế chúng tôi sẽ đi ngủ thôi chẳng tội gì mà đợi nữa. Mẹ tôi nằm trên giường ôm Michael. Ngoài ngõ rất im ắng và tôi có thể nghe thấy tiếng mẹ tôi khóc mặc dù mẹ tôi đã che một chiếc áo cũ lên mặt và tôi có thể nghe thấy tiếng bố tôi từ xa.

Tôi biết đó là bố tôi bởi bố tôi là người duy nhất ở Limerick hát những bài hát miền Bắc, bài hát về Roddy McCorley chết trên cầu Toome. Bố tôi rẽ vào ngõ với câu đầu của bài Kevin

Barry. Bố tôi hát một đoạn, dừng lại, dựa người vào một bức tường, khóc cho Kevin Barry. Người trong ngõ thò đầu ra cửa sổ nhà họ, nói với bố tôi: "Vì Chúa, có ý một chút đi. Mai chúng tôi còn phải đi làm sớm. Về nhà anh mà hát những bài hát phản kháng chết tiệt đó".

Bố tôi đứng giữa ngõ và gào lên rằng tất cả hãy ra ngoài, rằng ông đã sẩn sàng đấu tranh và sẵn sàng chết cho Ailen, rằng cả thế giới này đều biết những người đàn ông Limerick là tay sai cho bọn Saxon tráo trở.

Bố tôi đứng dưới chân cầu thang gọi:

Angela đâu, Angela, trong nhà này còn giọt trà nào không hả?

Mẹ tôi không trả lời và bố tôi lại gọi tiếp:

Francis, Malachy, xuống đây mau, các con. Bố có Xu ngày thứ Sáu cho các con đây.

Tôi muốn đi xuống dưới nhà để lấy Xu ngày thứ Sáu nhưng mẹ tôi đang khóc sau tấm áo cũ còn Malachy thì nói rằng nó không muốn Xu ngày thứ Sáu muộn mằn đó của bố. Nó bảo: "Cứ để bố giữ lấy cho sướng".

Bố tôi loạng choạng leo lên gác, vừa lần từng bậc vừa hùng hồn tuyên bố rằng tất cả chúng tôi sẽ chết cho Ailen. Bố tôi bật một que diêm và châm vào cây nến để cạnh giường của mẹ tôi. Bố tôi cầm cây nến giơ lên ngang đầu và đi như đi duyệt binh quanh phòng, vừa đi vừa hát. Bố tôi hát to quá làm Michael thức giấc khóc òa lên, nhà Hannon ngay kề bên nhà tôi đập vào tường mấy cái, mẹ tôi bảo bố tôi là một nỗi nhục nhã và bảo bố biến khỏi nhà luôn cho rồi.

Bố tôi cầm cây nến đứng ở giữa phòng. Bố tôi lôi một xu từ trong túi áo ra và vẫy nó trước mặt tôi và Malachy. Bố tôi nói:

Xu ngày thứ Sáu của các con đây, các con trai. Bố muốn các con ra khỏi giường và đứng xếp hàng ở đây như hai người lính và thề chết cho Ailen và bố sẽ cho các con Xu ngày thứ Sáu.

Malachy ngồi dậy trên giường và nói:

Con không muốn.

Tôi nói:

Con cũng không muốn.

Bố tôi đứng đó một phút, lắc la lắc lư, rồi bỏ tiền vào túi áo. Bố tôi đi đến chỗ mẹ tôi và mẹ tôi bảo rằng bố tôi không được ngủ ở giường đó. Bố tôi lảo đảo đi xuống nhà, ngủ trên ghế, bỏ lỡ buổi đi làm hôm sau, để mất luôn việc làm ở nhà máy ximăng, và chúng tôi lại trở lại cảnh thất nghiệp.

4

Thầy giáo tôi nói rằng đã đến lúc chúng tôi phải chuẩn bị cho lễ xưng tội đầu tiên, phải biết và nhớ tất cả các câu hỏi và câu trả lời trong sách giáo lý. Thầy giáo nói rằng được chết cho Đức tin là một niềm vinh dự còn bố tôi thì nói được chết cho Ailen là một niềm vinh dự và tôi không biết còn có ai trên thê giới này muốn chúng tôi sống nữa hay không. Các em trai và em gái tôi đã chết và tôi không biết chúng chết cho Đức tin hay chết cho Ailen. Bố tôi bảo chúng còn quá nhỏ nên chẳng chết cho cái gì hết. Mẹ tôi bảo các em tôi chết vì bệnh tật, vì đói và vì bố tôi chẳng bao giờ có nổi một việc làm. Nghe mẹ tôi nói thế bố tôi rên lên một tiếng rồi đội mũ lên đầu ra ngoài đi dạo.

Thầy giáo tôi nhắc mỗi chúng tôi phải mang nộp ba xu để mua cuốn sách giáo lý bìa xanh. Trong cuốn sách đó có tất cả các câu hỏi và các câu trả lời mà chúng tôi phải học thuộc lòng trước khi chúng tôi chịu lễ Ban thánh thể đầu tiên. Những đứa con trai lớn tuổi hơn học lớp năm có cuốn giáo lý dày bìa đỏ trị giá sáu xu. Tôi thích mình lớn và là người quan trọng đi hiên ngang với cuốn giáo lý bìa đỏ nhưng tôi nghĩ với cái cách người ta mong tôi chết cho cái này cái nọ thì tôi chả chắc có sống được đến lúc đó. Tôi muốn hỏi tại sao có nhiều người lớn không chết cho Ailen hay Đức tin nhưng tôi biết nếu bạn đưa ra một câu hỏi như thế thì bạn sẽ bị đánh vào đầu hoặc bị đuổi đi chơi là cái chắc.

Có Miley MoIIoy sống cùng ngõ thật là tiện. Cậu ta mười một tuổi, cậu ta thỉnh thoảng lại bị ngất vì thế sau lưng cậu ta chúng tôi thường gọi cậu ta là Molley Ngất. Người trong ngõ nói rằng bị ngất là một tai họa và giờ thì tôi hiểu tai họa có nghĩa là gì. Mickey biết mọi thứ bởi vì cậu ta thường có những tưởng tượng

trong cơn ngất của mình và vì cậu ta đọc nhiều sách. Trong ngõ cậu ta được phong làm chuyên gia của cái gọi là Cơ Thể Con Gái và Những Chuyện Dơ Bẩn Nói Chung và cậu ta bảo rằng tôi quá ngây thơ và cậu ta hứa khi nào tôi mười một tuổi cậu ấy sẽ nói cho tôi biết tất cả.

Cậu ta cứ phải nhắc tên tôi thì tôi mới biết là cậu ta đang nói với tôi bởi vì mắt cậu ta bị lác. Nếu cậu ta đang nói với Malachy mà tôi lại nghĩ là cậu ta đang nói với tôi thì cậu ta có thể sẽ bị ngất. Cậu ta nói có đôi mắt lác là có một món quà trời ban bởi vì bạn giống như một vị thần có thể nhìn về hai hướng cùng một lúc và nếu vào thời La Mã mà bạn có đôi mắt lác thì chuyện kiếm một việc làm tốt là chuyện dễ ợt. Nếu bạn ngắm các bức tranh vẽ những vị hoàng đế thời La Mã bạn sẽ thấy vị nào cũng lác mắt. Lúc không bị ngất cậu ta ngồi ở đầu ngõ đọc những cuốn sách bố cậu ta mượn được của thư viện Camege. Mẹ cậu ta càu nhàu: "Sách, sách, sách, lúc nào cũng sách, rồi sách sẽ làm hỏng mắt nó thôi, nó cần phải phẫu thuật để kéo thẳng mắt lại nhưng đào đâu ra tiền". Bà ấy nói nếu cậu ta tiếp tục hành hạ mắt mình bằng việc đọc sách thì mắt cậu ta lồi ra và cậu ta sẽ có một con mắt giữa đầu. Bố cậu ta thì gọi cậu ta là Cyclops, một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp.

Bà Nora Molley biết mẹ tôi qua những lần họ cùng xếp hàng ở hội Bảo trợ thánh Vincent de Paul. Bà ấy nói với mẹ tôi rằng Mickey biết suy nghĩ hơn cả tá đàn ông nốc hàng vại bia ngoài quán. Cậu ta biết tên của tất cả các Giáo hoàng từ thánh Peter đến Pinus Mười một. Cậu ta mới chỉ mười một tuổi nhưng cậu ta đã là một người đàn ông, một người đàn ông thực sự. Nhiều tuần cậu ta cứu gia đình khỏi chết đói. Cậu ta mượn một chiếc xe kéo của Aidan Farrell và gõ cửa từng nhà hỏi xin chở than thuê. Cậu ta sẵn sàng đi đưa tin cho những người già yếu không đi lại được và nếu họ không có một xu để thưởng cậu ta thì cậu ta chỉ cần người ta cầu nguyện cho mình là được.

Nếu cậu ta kiếm được một ít tiền thì cậu ta đưa hết cho mẹ mình, người luôn yêu Mikey của bà ấy. Cậu ta là thế giới của bà ấy, là máu trong tim bà ấy, và nếu có chuyện gì xảy ra với cậu ta thì người ta có thể khóa bà ấy trong trại tâm thần và ném chìa khóa đi.

Bố của Mikey, ông Peter, là một nhà vô địch lớn. Ông ấy chiến thắng trong tất cả các cuộc thi uống bia rượu ở các quán với khả năng uống không ai địch nổi. Tất cả những gì ông ấy phải làm là vào nhà vệ sinh, thò ngón tay vào họng và cho ra hết những gì ông ấy vừa uống để rồi lại tiếp tục bắt đầu một vòng thi mới. Ông ấy vô địch đến mức ông ấy có thể đứng trong nhà vệ sinh và cho ra hết mà không cần phải sử dụng ngón tay. Ông ấy vô địch đến mức người ta có thể chặt ngón tay ông ấy đi mà ông ấy vẫn tiếp tục uống và nôn trong nhà vệ sinh không vấn đề gì. Ông ấy thắng tất cả tiền cá cược trong những lần thi uống nhưng ông ấy không bao giờ mang tiền về nhà. Thỉnh thoảng ông ấy cũng giống bố tôi, uống hết cả tiền trợ cấp thất nghiệp và đó là lý do tại sao bà Nora Molley thường bị tống lên xe kéo và bị đưa đến trại tâm thần trong tình trạng phát điên vì lo cả nhà mình bị chết đói. Bà ấy biết rõ rằng chừng nào bạn còn ở trong trại tâm thần thì bạn không phải lo lắng gì về cuộc đời và những đau khổ của đời, rằng ở trong trại bạn chẳng thể làm gì nổi, bạn được bảo vệ, và lo lắng thì ích gì đâu. Ai cũng biết rằng tất cả những người tâm thần ở trong trại đều khiến người ta phải lôi xềnh xệch mới chịu vào trại nhưng bà ấy là người duy nhất khiến người ta phải lôi xềnh xệch ra, người ta phải lồi bà ấy ra để bà ấy trở về với năm đứa con và nhà vô địch của bà ấy.

Bà Nora trở về nhà bình thản như thể bà ấy vừa đi nghỉ ở bãi biển. Bà ấy luôn hỏi: “Mikey đâu? Nó còn sống chứ?” Bà ấy lo lắng cho Mikey bởi vì cậu ta không phải là một tín đồ Thiên Chúa giáo thực sự và ngộ nhỡ cậu ta mà bị ngất và chết luôn thì ai mà biết kiếp sau cậu ta phiêu bạt nơi đâu. Cậu ta không phải

là một tín đồ Thiên Chúa giáo thực sự bởi vì cậu ta không bao giờ có thể nhận thánh thể do sợ cái thứ người ta bỏ vào lưỡi cậu ta sẽ làm cậu ta ngất. Đã vài lần thầy giáo thử dùng những mảnh của tờ *Limerick Leader* để tập cho cậu ấy quen với lễ Ban thánh thể nhưng cậu ta cứ nhổ ra phì phì khiến thầy giáo phát bực phải gửi cậu ta cho linh mục và linh mục cũng chịu đành liền viết thư thỉnh lên giám mục và giám mục trả lời rằng việc của ai thì người ấy hãy tự giải quyết, đừng có quấy rầy ông ấy. Thầy giáo gửi giấy đến nhà cậu ta yêu cầu bố mẹ cậu ta giúp cậu ta tập nhận thánh thể và họ đã rất cố gắng nhưng vẫn không tài nào làm cho cậu ta nuốt một mẩu báo được gấp thành hình một chiếc bánh xốp. Thậm chí họ đã thử đặt vào lưỡi cậu ta một miếng bánh mì phết mứt cỡ bằng chiếc bánh xốp thế mà cũng chẳng ăn thua. Linh mục khuyên bà Molley đừng quá lo lắng. Chúa có những cách bí mật để tạo những điều kỳ diệu và chắc chắn Người có mục đích riêng dành cho Mikey, những cơn ngất và tất cả. Bà Molley thắc mắc: "Thằng bé có thể nuốt được tất cả các loại kẹo và bánh sữa thế mà nuốt một chút thánh thể thì nó lại ngất, như thế chẳng lạ sao?". Bà ấy lo rằng Mikey có thể bị ngất và chết và nếu cậu ta mang một tội lỗi thì cậu ta sẽ phải xuống địa ngục mặc dầu ai cũng biết rằng cậu ta sẽ là một thiên thần trên thiên đường. Mikey nói với mẹ cậu ta:

Chúa trời không đời nào hành hạ một người bằng những cơn ngất để rồi lại đẩy người đó xuống địa ngục. Chúa kiểu gì mà lại làm thế chứ?

Con có chắc không?

Chắc chứ. Con đã đọc thấy điều đó trong một cuốn sách.

Cậu ta ngồi dưới chân cột đèn ở đầu ngõ và cười nhạo cái ngày chịu lễ Ban thánh thể đầu tiên của mình vì theo cậu ta đó chỉ là sự lừa bịp. Cậu ta không thể nuốt một cái bánh xốp nhưng liệu việc đó có thể khiến mẹ cậu ta không dẫn cậu ta diễu quanh

Limerick thực hiện buổi đi quyên của họ hay không? Mẹ cậu ta nói với cậu ta:

Ô, mẹ sẽ không nói dối. Mẹ chỉ nói với hàng xóm: "Đây, cháu Mikey nhà tôi trong bộ đồ cho lễ Ban thánh thể". Mẹ chỉ nói thế thôi. Nếu người ta nghĩ con đã nuốt, đã chịu lễ Ban thánh thể đầu tiên thì cứ để họ nghĩ như vậy việc gì mẹ phải nói lôi thôi làm họ thất vọng hả?

Bố Mikey nói:

Đừng lo, Cyclops. Mày còn khối thời gian. Chúa Jésus cũng có là một tín đồ thực sự đâu cho tới khi Người nhận bánh mì và rượu ở Bữa tối cuối cùng và lúc đó Người ba mươi ba tuổi cơ mà.

Bà Nora nói:

- Ông đừng gọi nó là Cyclops nữa có được không? Nó có đủ hai mắt và nó không phải là người Hy Lạp.

Nhưng bố Mikey, nhà vô địch của tất cả các tay uống hàng vại, giống như bác Pa Keating, chẳng thèm đánh một cái rắm trước những gì người khác nói và tôi cũng thích mình giống như vậy.

Mikey bảo với tôi rằng cái hay nhất của lễ Ban thánh thể là việc đi quyên góp. Mẹ của bạn kiểu gì cũng phải mặc cho bạn một bộ comlê mới để bà có thể khoe bạn với hàng xóm và họ hàng rồi họ sẽ cho bạn kẹo và tiền và bạn có thể đến rạp Lyric xem Charlie Chaplin.

Trong ngày lễ Ban thánh thể đầu tiên Mikey nhận được hơn năm shilling và tống vào bụng nhiều kẹo và bánh đến nỗi cậu ta nôn cả ra rạp Limerick và rạp Frank Goggin và bị người của rạp đá ra ngoài. Cậu ta bảo cậu ta cóc cần bởi vì cậu ta vẫn còn tiền để đi xem một bộ phim chiếu lậu ở rạp Savoy, ăn sôcôla Cadbury và uống nước chanh cho đến khi bụng cậu ta no căng. Cậu ta nóng lòng mong lễ Kiên tín bởi khi đó cậu ta sẽ lớn hơn, sẽ lại được đi quyên nữa và sẽ có nhiều tiền hơn lễ Ban thánh thể đầu tiên. Cậu ta sẽ đi xem phim trong suốt phần đời còn lại, sẽ ngồi

cạnh các cô gái đến từ các ngõ và sẽ làm những chuyện dơ bẩn như một chuyên gia. Cậu ta yêu mẹ mình nhưng cậu ta sẽ không bao giờ kết hôn bởi cậu ta sợ ngộ nhỡ cậu ta lại lấy phải một người vợ ra vào trại tâm thần như cơm bữa thì ớn lắm. Lấy vợ mà làm gì khi bạn có thể ngồi trong các rạp chiếu phim và làm chuyện dơ bẩn với những đứa con gái đến từ các ngõ, những người chẳng nghĩ ngợi về chuyện mình làm bởi ở nhà họ đã làm chuyện đó với các anh trai của họ rồi. Nếu bạn không kết hôn bạn sẽ không có bầy con ở nhà nhao nhao đòi trà và bánh mì và thở hắt ra trong cơn ngất và mắt thì nhìn về mọi hướng. Khi nào cậu ta lớn hơn cậu ta sẽ đi quán như bố cậu ta, uống thật nhiều, dùng ngón tay móc họng để cho ra hết mọi thứ trong dạ dày, uống nhiều nữa, thắng những khoản tiền cược và mang về nhà cho mẹ cậu ta để bà ấy không lên cơn thần kinh. Cậu ta nói cậu ta không phải là một tín đồ Thiên Chúa giáo thực sự có nghĩa là đằng nào cậu ta cũng bị kết tội vì vậy cậu ta có thể làm bất cứ chuyện gì cậu ta thích.

Cậu ta nói: “Khi nào cậu lớn tớ sẽ nói cho cậu biết nhiều hơn, Frank ạ. Bây giờ cậu còn bé quá”.

Thầy giáo của chúng tôi, thầy Benson, rất già. Ngày nào thầy ấy cũng gào hét và nhổ bọt vào chúng tôi. Những đứa con trai ngồi bàn đầu hy vọng thầy ấy không có bệnh tật gì bởi nước bọt chứa đủ các mầm bệnh và nếu thầy ấy bị bệnh lao thì thầy ấy có thể lây bệnh sang bên trái và sang bên phải. Thầy ấy bảo rằng chúng tôi phải thuộc lòng sách giáo lý, phải thuộc ngược, xuôi và ngang. Thầy ấy nói rằng chẳng thể hy vọng gì ở chúng tôi, rằng chúng tôi là lớp tồi nhất mà thầy ấy từng dạy để chuẩn bị cho lễ Ban thánh thể nhưng như Chúa trời đã tạo ra những quả táo thầy ấy chắc chắn sẽ tạo được những tín đồ Thiên Chúa giáo từ chúng tôi, thầy ấy sẽ nện cho con người lười biếng phải biến khỏi chúng tôi và sẽ làm cho Ân thánh hóa bám rễ trong con người chúng tôi.

Brendan Quigley giơ tay. Chúng tôi gọi cậu ta là Quigley Hay Hỏi bởi vì cậu ta luôn đưa ra những câu hỏi. Cậu ta không thể nhịn được. Cậu ta hỏi:

- Thưa thầy, Ân thánh hóa là gì ạ?

Thầy giáo trừng mắt. Thầy ấy sẽ giết Quigley mất. Thay vì thế thầy ấy quát cậu ta:

Đừng có thắc mắc Ân thánh hóa là gì, Quigley. Đó không phải là việc của trò. Trò ở đây để học giáo lý và hãy làm những gì ta bảo. Không phải trò đến đây để thắc mắc. Trên thế giới này đã có quá nhiều người đi lung tung hỏi nọ hỏi kia rồi và vì thế cho nên chúng ta cứ ở nguyên vị trí của mình và nếu ta còn nghe thấy bất cứ trò nào trong lớp này đưa ra một câu hỏi thì ta sẽ không chịu trách nhiệm trước hậu quả đâu. Trò nghe rõ chưa, Quigley?

Rõ rồi, thưa thầy.

Rõ gì?

Rõ rồi, thưa thầy.

Thầy Benson tiếp tục bài giảng của mình: “Trong lớp này có ba trò sẽ không bao giờ biết tới Ân thánh hóa. Tại sao? Bởi vì tính tham lam. Ta đã nghe thấy các trò đó nói về lễ Ban thánh thể đầu tiên ở ngoài sân trường, ngày hạnh phúc nhất trong cuộc đời các trò. Các trò đó nói về việc nhận thánh thể ư? Ô, không. Những trò tham lam đó nói tới số tiền mà các trò đó sẽ thu được, nói về chuyện đi quyên. Các trò đó sẽ mặc bộ lễ phục của mình đi đến từng nhà như những kẻ ăn xin. Và liệu các trò đó có trích ra một chút trong sô tiền quyên được và gửi cho trẻ em ở châu Phi không? Ôi, không. Tiền đó chảy vào các rạp chiếu bóng, các trò chịu lễ Ban thánh thể đầu tiên của mình rồi chạy tới những rạp chiếu bóng đắm mình trong những thứ rác rưởi mà bọn tay sai của quỷ dữ ở Hollywood nôn ra khắp thế giới. Có đúng thế không, McCourt?

Đúng, thưa thầy.

Quigley Hay Hỏi lại giơ tay. Những con mắt sợ sệt nhìn quanh phòng học và chúng tôi không biết có phải cậu ta muốn tự tử hay không.

Tay sai là gì, thưa thầy?

Mặt thầy giáo thoạt tiên trắng, rồi sau đó đỏ bừng lên. Ông ấy bặm môi rồi mở miệng ra và nhổ bọt về mọi hướng. Ông ấy bước tới chỗ Quigley Hay Hỏi và lôi cậu ta ra khỏi ghế. Ông ấy vừa khịt mũi vừa nói lắp bắp và nước bọt của ông ấy bắn lung tung. Ông ấy quất vào vai, mông, và chân Quigley. Ông ấy túm cổ áo cậu ta lôi lên trước lớp.

Hãy nhìn cái đồ kỳ quặc này đi - Ông ấy gầm lên.

Quigley vừa khóc vừa run rẩy:

Em xin lỗi, thưa thầy.

Thầy giáo nhại lại:

Em xin lỗi, thưa thầy. Trò xin lỗi về việc gì hả?

Em xin lỗi vì đã hỏi. Em sẽ không bao giờ hỏi một câu nào nữa, thưa thầy.

Nếu trò còn hỏi nữa thì chỉ có Chúa mới cứu được trò. Chỉ ai mới cứu được trò hả?

Chỉ có Chúa, thưa thầy.

Về chỗ ngồi đi, đồ nhát gan.

Thầy giáo trở về bàn của mình và ngồi xuống, đặt cái roi lên mặt bàn. Thầy ấy ra lệnh cho Quigley không được khóc mà phải tỏ ra là một đấng nam nhi. Nếu thầy ấy nghe thấy một trò nào trong lớp hỏi một câu hỏi ngớ ngẩn hay nói về việc đi quyên thì thầy ấy sẽ đánh trò đó tóe máu ra.

Ta sẽ làm gì, các trò?

Sẽ cho ăn roi, thưa thầy.

Cho đến khi nào?

Cho đến khi tóe máu ra, thưa thầy.

Nào, bây giờ Clohessy hãy trả lời, điều răn thứ sáu là gì?

Không được phạm vào tội thòng dâm.

Không được phạm vào tội thông dâm gì?

Không được phạm vào tội thông dâm, thưa thầy.

Vậy thông dâm là gì?

Là ý nghĩ dơ bẩn, lời nói dơ bẩn, hành động dơ bẩn, thưa thầy.

Tốt, Clohessy. Trò là một thằng bé ngoan. Trò có vẻ chậm và hay quên nói thưa thầy và trò không có giày nhưng trò thuộc điều răn thứ sáu và điều đó sẽ giữ cho trò được trong sạch.

Paddy Clohessy không có giày, mẹ cậu ta cạo trọc đầu cậu ta để diệt chấy, mắt cậu ta đỏ, mũi cậu ta lúc nào cũng thò lò. Những mụn ghẻ lở trên đầu gối cậu ta chẳng bao giờ lành bởi vì cậu ta hay bóc vảy trên những mụn ghẻ đó bỏ vào mồm. Quần áo của cậu ta là một mớ giẻ rách và cậu ta phải mặc chung với sáu anh em trai và một em gái và mỗi khi cậu ta đến trường với một cái mũi sứt hay một bên mắt thâm tím thì bạn có thể biết rằng cậu ta đã đánh nhau để tranh quần áo với các anh em của cậu ta. Cậu ta ghét trường học. Cậu ta sắp tám tuổi, lớn nhất và nhiều tuổi nhất trong lớp, và cậu ta rất muốn mình mau lớn và mau mười bốn tuổi để cậu ta có thể trốn nhà đi và rất mong chờ cái ngày cậu ta mười bảy tuổi để có thể ra nhập quân đội Anh và đến đất nước An Độ tươi đẹp và ấm áp nơi cậu ta sẽ sống trong một mái lều với một cô gái An Độ có cái chấm đỏ to ở giữa trán và cậu ta sẽ nằm trong lều ăn sung, thứ mà người An Độ thường ăn, và cô gái An Độ sẽ nấu cari cho cậu ta ăn và sẽ chơi Hawai cho cậu ta nghe và khi nào cậu ta kiếm được đủ tiền cậu ta sẽ đón cả nhà cậu ta sang và tất cả họ sẽ cùng sống trong lều đặc biệt là người cha khốn khổ bị lao suốt ngày ho sù sụ và thổ ra những cục huyết. Hễ nhìn thấy Paddy trên đường là mẹ tôi lại nói: “Chui cha, nhìn thằng bé kìa. Nó là một bộ xương khoác giẻ rách chứ không phải là người nữa, nếu người ta làm phim về nạn đói thì thế nào người ta cũng mời nó đóng một vai đấy”.

Tôi nghĩ Paddy quí tôi vì một quả nho khô và tôi cảm thấy day dứt đôi chút bởi vì thực ra lúc đầu tôi đâu có hào phóng như vậy. Thầy giáo tôi, thầy Benson, nói rằng Chính phủ sẽ cho chúng tôi bữa trưa miễn phí nên chúng tôi không cần phải về nhà ăn trưa trong thời tiết lạnh giá nữa. Thầy ấy dẫn chúng tôi xuống một căn phòng lạnh lẽo ở dưới tầng hầm của trường và ở đó bà lao công Nellie Aheam chia cho mỗi đứa chúng tôi một nửa chai sữa và một chiếc bánh nhân nho khô. Sữa trong các chai thì đã đông cứng và chúng tôi phải ủ vào giữa hai đùi để làm sữa tan ra. Bọn con trai đùa rằng những chai sữa đông sẽ làm của quí của chúng tôi đóng băng và thầy giáo nghe thấy liền gầm lên: "Trò nào còn nói như thế nữa ta sẽ để chai sữa lạnh vào gáy trò đó". Chúng tôi tìm nho khô trong những cái bánh nhân nho của mình nhưng bà Nellie nói rằng chắc người ta quên bỏ nho vào bánh và bà ấy bảo sẽ nhớ thắc mắc với người giao bánh. Ngày nào chúng tôi cũng tìm nho trong bánh và rồi cuối cùng tôi đã tìm thấy một quả nho khô trong chiếc bánh của mình và sướng quá tôi giơ nó lên. Bọn con trai bắt đầu càu nhàu và nói rằng chúng muốn nho còn bà Nellie thì cứ luôn mồm nói rằng đó không phải là lỗi của bà ấy. Bà ấy bảo sẽ hỏi người đưa bánh lần nữa. Bọn con trai xúm đến xin tôi quả nho đó và chúng gạ đổi cho tôi đủ thứ, một ngụm sữa, một cái bút chì, một cuốn truyện cười. Toby Mackey gạ đổi em gái nó lấy quả nho của tôi và thầy Benson nghe tiếng liền lôi nó ra hành lang đá cho nó mấy cái khiến nó rống lên. Tôi muốn ăn quả nho khô đó nhưng tôi thấy Paddy Clohessy đứng ở góc phòng với đôi chân trần mà căn phòng thì lạnh quá và nó thì run như một con chó vừa bị đá mà tôi vốn luôn mủi lòng trước những con chó bị đá cho nên tôi bước tới đưa cho Paddy quả nho khô bởi vì tôi không biết phải làm gì khác và tất cả bọn con trai bảo tôi là thằng ngốc còn tôi thì biết thế nào cả ngày hôm đó tôi cũng tiếc ngẩn tiếc ngơ vì sau khi đưa quả nho cho Paddy tôi thèm nho ghê gớm nhưng muộn mất rồi bởi vì cậu ta đã bỏ quả nho vào miệng và nuốt

chửng nó trong nháy mắt rồi nhìn tôi chẳng nói năng gì còn tôi thì tự mắng mình thật ngốc đã đem cho quả nho đó đi.

Thầy Benson im lặng nhìn tôi còn bà Nelie thì bảo: "Cậu là một người Mỹ tốt bụng, Frankie ạ".

Không lâu nữa linh mục sẽ đến để kiểm tra giáo lý và mọi thứ khác. Thầy giáo tôi phải dạy chúng tôi cách nhận thánh thể. Ông ấy bảo chúng tôi đứng quanh ông ấy. Ông ấy xé nhỏ tờ *Limerick Leader* bỏ vào mũ của mình. Ông ấy giao cho Paddy cầm mũ, quì xuống sàn, bảo Paddy lấy một mẩu báo đạt vào lưỡi ông ấy. Ông ấy hướng dẫn chúng tôi cách thè lưỡi ra, nhận mẩu báo, giữ nó một lát trên lưỡi, thu lưỡi vào, chắp tay trong tư thế cầu nguyện, nhìn lên trời, nhắm mắt lại với vẻ thành kính, đợi mẩu báo mủn ra trong miệng, nuốt nó vào, và tạ ơn Chúa đã ban ân. Khi thầy giáo thè lưỡi ra chúng tôi phải cố nén cười bởi vì chưa bao giờ chúng tôi nhìn thấy một cái lưỡi tía to như thế. Ông ấy mở mắt ra và bắt gặp mấy đứa đang cười rúc rích nhưng ông ấy không thể nói gì được bởi vì ông ấy đang có Chúa ở trên lưỡi và vì đó là phút linh thiêng. Ông ấy đứng dậy và bảo chúng tôi quì xuống sàn lớp để tập nhận thánh thể. Ông ấy đi quanh phòng học vừa đặt những mẩu báo vào lưỡi chúng tôi vừa lẩm bẩm bằng tiếng Latin. Mấy đứa con trai cười rúc rích khiến ông ấy gầm lên:

Nếu các trò không thôi cười ngay thì thay vì nhận thánh thể các trò sẽ phải nhận Nghi lễ cuối cùng mà nghi lễ đó là gì, McCourt?

Là lễ Xức Dầu cuối cùng trước khi chết ạ.

Đúng rồi, McCourt. Không quá tồi đối với một người Mỹ đến từ đất nước Amerikay tội lỗi. Thầy giáo nói có lẽ trong lớp của chúng tôi sẽ có một linh mục tương lai hay một người chết cho Đức tin, mặc dầu thầy ấy không tin vào điều đó lắm bởi vì chúng tôi là lũ ngu đần lười biếng nhất mà thầy ấy không may phải dạy.

Thầy ấy nói:

Nhưng có đủ loại, và Chúa trời chắc chắn đã có mục đích khi Người gửi những loại người như các trò đến quấy phá thế giới này. Chắc chắn Chúa trời có mục đích nào đó khi giữa chúng ta Người gửi xuống Clohessy không giày, Quigley hay hỏi những câu hỏi ngớ ngẩn và McCourt mang tội vì đến từ nước Mỹ. Và các trò hãy nhớ điều này, Chúa trời không gửi con trai yêu duy nhất của Người xuống treo trên cây thánh giá để cho các trò toan tính vơ vét trong ngày lễ Ban thánh thể đầu tiên của các trò.

Buổi tối ba chúng tôi ngồi dưới chân cột đèn ở đầu ngõ đọc sách, Mikey, Malachy, và tôi. Anh em nhà Molley cũng giống chúng tôi, cũng có một người bố uống hết cả tiền trợ cấp hoặc tiền lương và chẳng để lại xu nào để mua nến hay dầu thắp. Mikey đọc sách còn chúng tôi đọc những mẩu chuyện cười. Bố cậu ta, ông Peter, mượn sách từ thư viện Camegie về để đọc trong lúc ông ấy không đi quán hoặc khi ông ấy ở nhà trông nhà trong lúc vợ ông ấy phải vào trại tâm thần. Ông ấy để Mikey thích đọc sách gì thì đọc và bây giờ cậu ta đang đọc một cuốn sách viết về Cuchulain và cậu ta ba hoa như thể cậu ta biết tất cả về nhân vật huyền thoại này. Tôi muốn nói cho cậu ta biết rằng tôi đã biết tất cả về Cuchulain từ khi tôi lên ba, rằng tôi đã nhìn thấy Cuchulain ở Dublin, rằng Cuchulain luôn xuất hiện trong những giấc mơ của tôi. Tôi muốn bảo cậu ta đừng có nói về Cuchulain nữa, nhân vật đó là của tôi, nhân vật đó là của tôi từ khi tôi còn bé tẹo, nhưng tôi không thể nói tất cả những điều đó với cậu ta bởi vì cậu ta đọc cho chúng tôi nghe một câu chuyện tôi chưa từng nghe bao giờ, một câu chuyện bẩn thỉu về Cuchulain, Chuyên Cuchulain lấy vợ, câu chuyện mà tôi tưởng không bao giờ tôi dám đem kể với bố mẹ tôi.

Câu chuyện của Mikey kể rằng Cuchulain năm ấy hai mươi mốt tuổi. Chàng cô đơn và muốn lấy vợ vô cùng. Tất cả đàn bà ở Ailen đều chết mê chết mệt Cuchulain và tất cả họ đều muốn làm vợ chàng. Chàng nói rằng thế cũng tốt thôi, chàng cưới tất

cả đàn bà ở Ailen cũng chẳng hề gì. Nếu chàng có thể đánh nhau với tất cả đàn ông Ailen thì cớ gì chàng lại không thể cưới tất cả đàn bà Ailen cơ chứ? Nhưng đức vua Conor MacNessa nói: "Tất cả đàn bà đều thích ngươi, Cu ạ, nhưng đàn ông Ailen không muốn cô đơn trong những đêm dài". Đức vua quyết định tổ chức một cuộc thi để kén vợ cho Cuchulain và cuộc thi đó là cuộc thi đi tiểu. Tất cả đàn bà ở Ailen tập trung về cánh đồng Muirthemme để thi xem ai đi tiểu láu nhất và người chiến thắng trong cuộc thi là Emer. Emer là nhà vô địch đi tiểu của Ailen và nàng trở thành vợ của Cuchulain và chính vì thế mà ngày nay người ta gọi Emar là Emer Bong Bóng Bự.

Mikey và Malachy cười như nắc nẻ mặc dầu tôi không nghĩ rằng Malachy hiểu câu chuyện đó. Nó còn bé và còn lâu mới được chịu lễ Ban thánh thể đầu tiên và tôi cho rằng nó chỉ cười bởi trong câu chuyện đó có từ "đi tiểu" mà thôi. Rồi Mikey bảo tôi rằng tôi đã phạm vào một tội vì tôi đã nghe một câu chuyện có từ "đi tiểu" và trong buổi xưng tội đầu tiên của mình tôi phải xưng tội đó với linh mục. Malachy nói: "Đúng đấy. Đi tiểu là một từ xấu và anh phải xưng tội với linh mục bởi đó là một từ tội lỗi".

Tôi không biết phải làm gì. Làm sao tôi có thể kể với linh mục chuyện tồi tệ này trong buổi xưng tội đầu tiên của tôi cơ chứ? Đứa con trai nào mà chẳng biết mình nên nói ra những tội gì trong buổi xưng tội đó để có thể nhận thánh thể và được đi quyên rồi được xem James Cagney và ăn kẹo ở rạp Lyric. Thầy giáo đã bày cho chúng tôi cách xưng tội và tất cả mọi người trong lớp đều có những tội giống nhau. Con đánh em con. Con nói dối. Con lấy trộm một xu trong ví của mẹ con. Con không nghe lời bố mẹ, con ăn xúc xích trong ngày thứ Sáu.

Nhưng bây giờ tôi có một cái tội mà không ai khác có và linh mục sẽ điên lên và sẽ lôi tôi ra khỏi bục xưng tội và ném tôi ra đường để cho mọi người biết là tôi đã nghe một câu chuyện về nguôi vợ vô địch đi tiểu của Cuchulain. Tôi sẽ không bao giờ

được chịu lễ Ban thánh thể đầu tiên và những bà mẹ ở Limerick này sẽ giữ chặt lấy con mình và chỉ tay vào tôi và nói: "Nhìn nó kìa. Nó cũng giống Mikey Molley, chưa bao giờ chịu lễ Ban thánh thể đầu tiên, lúc nào cũng mang tội, chưa bao giờ được đi quyên, chưa bao giờ được xem James Cagney".

Tôi tiếc là tôi đã nghe nhiều về lễ Ban thánh thể đầu tiên và việc đi quyên. Tôi phát ốm và tôi không muốn uống trà, không muốn ăn bánh mì và không muốn gì hết. Mẹ tôi nói với bố tôi rằng một đứa trẻ mà không chịu uống trà và ăn bánh thì lạ lắm và bố tôi nói: "Ôi chao, thằng bé chỉ lo lắng về lễ Ban thánh thể đầu tiên thôi mà có gì nghiêm trọng đâu". Tôi muốn nói chuyện với bố, muốn ngồi trong lòng bố và nói cho bố biết chuyện Mikey đã làm với tôi nhưng giờ tôi có còn bé bỏng gì mà ngồi trong lòng bố và nếu tôi mà làm thế thì Malachy sẽ đi ra ngõ và nói cho tất cả mọi người biết tôi là một em bé lớn. Tôi muốn nói rắc rối của tôi với thiên thần ở bậc thang thứ bảy nhưng thiên thần còn bận mang những đứa bé đến cho các bà mẹ trên khắp thế giới. Tuy vậy, tôi vẫn hỏi bố tôi:

Bố ơi, ngoài việc mang những đứa bé đến cho các bà mẹ, thiên thần ở bậc thang thứ bảy có làm những việc khác không?

Có chứ.

Nếu người ta không biết phải làm gì thì thiên thần trên bậc thang thứ bảy có mách người ta không ạ?

Ôi chao, có chứ, con trai, có chứ. Đó là còng việc của một thiên thần mà, cả thiên thần trên bậc thang thứ bảy cũng vậy.

Bố tôi ra ngoài đi dạo, mẹ tôi thì bế Michael đến nhà bà ngoại, Malachy thì chơi ở ngoài ngõ, còn tôi thì ở nhà một mình nên tôi có thể ngồi trên bậc thang thứ bảy nói chuyện với thiên thần. Tôi biết thiên thần ở đó bởi vì tôi thấy bậc thứ bảy ấm hơn các bậc thang khác và tôi thấy trong đầu mình hiện lên một đốm sáng. Tôi nói với thiên thần rắc rối của mình và tôi nghe thấy một giọng nói. Giọng nói đó bảo tôi đừng sợ.

Thiên thần đã đáp lời tôi và tôi bảo với thiên thần rằng tôi không biết thiên thần đang nói gì.

“Đừng sợ”. Giọng nói đó lại vang lên trong đầu tôi: “Hãy kể với linh mục tội lỗi của cậu và cậu sẽ được tha thứ, cậu bé ạ”.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm uống trà với bố tôi và kể cho ông nghe về thiên thần trên bậc thang thứ bảy. Bố tôi nghe tôi nói liền đặt tay lên trán tôi để kiểm tra xem tôi có bị ốm không. Ông ấy hỏi tôi có chắc là tôi thấy trong đầu mình có một đốm sáng hay không và có nghe thấy một giọng nói thật hay không và giọng nói đó nói gì.

Tôi kể với bố tôi rằng giọng nói đó bảo tôi đừng sợ.

Bố tôi bảo thiên thần nói đúng, tôi không nên lo sợ, và thế là tôi kể với ông chuyện Mikey đã làm với tôi. Tôi kể cho ông nghe câu chuyện về Emer Bong Bóng Bự và tôi thậm chí sử dụng từ “đi tiểu” bởi vì thiên thần đã bảo tôi đừng sợ. Bố tôi đặt cốc trà xuống và xoa đầu tôi. Bố tôi cứ “Ôi chao, ôi chao, ôi chao” hoài khiến tôi lo không biết có phải bố tôi sắp bị lên cơn như bà Molley, phải ra ra vào vào trại tâm thần hay không, nhưng rồi bố tôi hỏi:

- Đó là chuyện tối qua làm con lo lắng phải không?

Tôi gật đầu và bố tôi bảo tôi rằng đó không phải là một cái tội và tôi không buộc phải nói với linh mục.

Nhung thiên thần ở bậc thang thứ bảy bảo là con nên nói cho linh mục biết.

Thôi được. Nếu con thích thì cứ nói nhưng thiên thần trên bậc thang thứ bảy nói như vậy chỉ vì lúc đó con chưa kể với bố. Nói cho bố của con biết những rắc rối của con chẳng phải hay hơn nói với một thiên thần chỉ là một đốm sáng và một giọng nói hiện lên trong đầu con hay sao?

Vâng.

Hôm trước ngày lễ Ban thánh thể đấu tiên thầy giáo dẫn chúng tôi đến nhà thờ thánh Joseph để chúng tôi thực hiện buổi xưng tội đầu tiên của mình. Chúng tôi xếp hàng đôi đi tới đó và trên đường đi nếu ai trong chúng tôi mấp máy môi thì người đó sẽ bị thầy giáo đánh chết ngay tại chỗ và sẽ bị tống thẳng xuống địa ngục. Thầy giáo dọa đến thế mà vẫn không ngăn nổi chúng tôi bàn về những tội lớn. Willie Harold thì thầm về tội lớn nhất của cậu ta, rằng cậu ta đã nhìn trộm chị gái cậu ta ở trần. Paddy Hartigan nói rằng cậu ta đã ăn trộm mười shilling từ ví của cô cậu ta và với số tiền đó cậu ta được một bữa kem và khoai tây chiên đã đời. Quigley Hay Hỏi kể rằng nửa đêm cậu ta đã trốn nhà ra ngủ ở một con mương với bốn con dê. Tôi cố nói về Cuchulain và Emer nhưng tôi vừa mới mở miệng đã bị thầy giáo bắt gặp và cho một thụi vào đầu.

Chúng tôi quì bên bục xưng tội và tôi băn khoăn tự hỏi không biết tội nghe chuyện về Emer của tôi có nặng bằng tội nhìn chị gái ở trần hay không bởi vì tôi biết rằng trên đời này có nhũng điều tồi tệ hơn những điều khác. Đó là lý do tại sao ở đời lại có những tội khác nhau, những tội báng bổ thần thánh, những trọng tội, những tội có thể tha thứ được. Thầy giáo và những người lớn nói về tội không thể tha thứ được, và đó là một bí mật lớn. Không ai biết bí mật đó là gì và bạn không khỏi băn khoăn rằng nếu bạn không biết tội đó là gì thì làm sao bạn có thể biết là bạn đã phạm phải nó. Nếu tôi kể với một linh mục về Emer Bong Bóng Bự và cuộc thi đi tiểu thì có lẽ ông ấy sẽ nói rằng đó là một tội không thể tha thứ và sẽ đá tôi khỏi bục xưng tội cũng nên và tôi sẽ bị bêu riếu khắp Limerick và bị đày xuống địa ngục và mãi mãi bị hành hạ bởi lũ ma quỉ chẳng có việc gì khác để làm ngoài việc đâm nát tôi bằng những cái xiên nóng bỏng.

Tôi cố nghe lỏm Willie xưng tội nhưng tất cả những gì tôi nghe được là một tiếng rít của linh mục và khi Willie trở ra tôi thấy cậu ta khóc.

Đến lượt tôi vào xưng tội. Bục xưng tội tối và có một cây thánh giá lớn treo ở phía trên đầu tôi. Tôi có thể nghe thấy tiếng xưng tội của đứa con trai ở đầu bên kia của bục. Tôi không biết việc tôi cố nói chuyện với thiên thần ở bậc thang thứ bảy có ích gì không. Tôi biết không ai nghĩ rằng thiên thần lại có mặt ở những bục xưng tội nhưng tôi cảm thấy trong đầu mình lại xuất hiện đốm sáng và giọng nói của thiên thần lại vang lên bảo tôi đừng sợ.

Cửa ván ô trượt trở lại trước mặt tôi và linh mục cất tiếng hỏi:

Gì nào, con của ta?

Thưa Cha, con có tội. Đây là lần xưng tội đầu tiên của con.

Được, con của ta, vậy con đã phạm phải những tội gì?

Con đã nói dối. Con đã đánh em con. Con đã lấy trộm một xu trong ví của mẹ con. Con đã trót nói một lời nguyền.

Được rồi, con của ta. Còn gì nữa không?

Con, con đã nghe một câu chuyện về Cuchulain và Emer.

Đó không phải là một tội lỗi, con của ta ạ. Chúng ta đều biết rằng Cuchulain và đức vua Conor MacNessa của chàng đều đã theo Thiên Chúa giáo.

Đó là câu chuyện về Emer, thưa Cha, và đó là chuyện Emer đã cưới Cuchulain bằng cách nào.

Bằng cách nào, con của ta?

Emer đã dành được Cuchulain trong một cuộc thi đi tiểu.

Có tiếng thở nặng nề. Linh mục đưa tay lên che miệng và ông ấy lắp bắp: “Lạy Chúa, lạy Chúa”.

Rồi ông ấy hỏi:

Ai, ai đã kể với con câu chuyện đó, con của ta?

Mikey Molley, thưa Cha.

Vậy cậu ta đã nghe chuyện đó ở đâu?

Cậu ấy đọc trong một cuốn sách, thưa Cha.

Ôi, một cuốn sách. Những cuốn sách có thể làm hại con trẻ, con của ta ạ. Hãy tránh xa những câu chuyện vớ vẩn đó và hãy nghĩ đến cuộc đời của các vị thánh. Hãy nghĩ đến thánh Joseph, thánh Francis nhân từ, người yêu quí chim trên trời và thú trên cánh đồng. Con sẽ nghĩ tới các vị thánh chứ, con của ta?

Vâng, con sẽ nghĩ, thưa Cha.

Còn tội gì nữa không, con của ta?

Không, thưa Cha.

Để ăn năn con hãy thỉnh Đức Mẹ Maria, Chúa của chúng ta, và hãy nói một lời cầu nguyện cho ta.

Vâng, thưa Cha, tội nặng nhất là tội gì thưa Cha?

Con muốn nói gì?

Con là đứa tồi nhất trong tất cả những đứa con trai xưng tội, phải không Cha?

Không phải đâu, con của ta, con còn có một con đường dài phải đi. Bây giờ con hãy nói lời ăn năn đi và hãy nhớ rằng lúc nào Chúa của chúng ta cũng dõi theo con. Chúa phù hộ cho con, con của ta.

Ngày lễ Ban thánh thể đầu tiên là ngày hạnh phúc nhất trong cuộc đời của bạn bởi vì vào ngày đó bạn được đi quyên và được xem James Cagney ở rạp Lyric. Tối hôm trước tôi hồi hộp đến nỗi mãi đến gần sáng tôi mới chợp mắt được. Tôi sẽ vẫn ngủ mê mệt nếu như bà tôi không đến đập cửa và gọi ầm lên: “Dậy! dậy! Dựng thằng bé dậy mau lên. Ngày vui nhất trong đời nó mà nó lại ngủ tì tì thế”.

Tôi chạy vào bếp. Bà tôi quát: “Cởi áo ra”. Tôi cởi áo và bà lôi tôi đến bên vòi nước lạnh. Mẹ tôi kỳ cọ cho tôi, bà tôi giúp mẹ tôi. Người tôi đỏ hết cả lên.

Họ lau khô người cho tôi. Họ mặc cho tôi chiếc áo dành cho lễ nhân thánh thể đầu tiên được may bằng nhung đen cùng với chiếc sơ mi trắng có cổ xếp diềm, quần soóc, tất trắng, và đôi

giày da màu đen. Họ đeo vào cánh tay tôi một chiếc nơ được kết bằng sa tanh trắng và cài lên ve áo tôi Trái tim thiêng của Jésus: một tranh nhỏ vẽ hình Trái tim Chúa, với những giọt máu nhỏ xuống, với những ngọn lửa vây quanh và bên trên trái tim đó là cái vòng gai trông phát sợ.

Bà tôi ra lệnh:

Đến đây tao chải đầu cho. Xem tóc tai kìa, cứ dựng đứng lên thế kia. Giống nhà tao không có loại tóc đó. Đó là cái thứ tóc miền Bắc của bố mày. Nếu mẹ mày lấy một người Limerick tử tế thì mày đâu có cái loại tóc dựng đứng đó, cái thứ tóc miền Bắc.

Bà phát vào đầu tôi hai nhát.

Bà, bà đừng có đánh vào đầu cháu.

Nếu mày có gì để nói thì hãy câm miệng. Phát cho mày một hai nhát cũng không giết chết được mày đâu mà lo. Đi thôi, nếu không lại không kịp lễ Mixa bây giờ.

Tôi và bà tôi chạy đến nhà thờ. Mẹ tôi ôm Michael tất tả chạy theo sau. Chúng tôi đến nhà thờ đúng lúc đứa con trai cuối cùng vừa bước ra khỏi thanh chắn trước bàn thờ và tôi thấy linh mục đang đứng ở đó với cốc rượu thánh và bánh thánh nhìn tôi trừng trừng. Rồi linh mục đặt lên lưỡi tôi chiếc bánh xốp, thân thể và máu của đức Chúa Jésus.

Nó ở trên lưỡi tôi. Tôi thu lưỡi vào.

Nó bị dính.

Thân thể và máu của Chúa đang dính ở vòm miệng trên của tôi. Giọng nói của thầy giáo vang lên trong đầu tôi: "Đừng để bánh thánh chạm vào răng của trò vì nếu trò cắn Chúa của chúng ta ra làm đôi thì trò sẽ bị thiêu dưới địa ngục mãi mãi".

Tôi cố dùng lưỡi đưa Chúa xuống nhưng linh mục rít lên với tôi: "Đừng có đứng đây mà lục cục mãi thế, hãy về chỗ ngồi đi".

Chúa quả là nhân từ. Người mủn ra và cuối cùng tôi cũng nuốt Người xuống được, cuối cùng tôi đã trở thành một thành

viên của giáo hội.

Khi lễ Mixa kết thúc tôi thấy mẹ tôi bế Michael cùng bà tôi đứng đợi ngoài cửa nhà thờ. Họ lần lượt ôm tôi. Cả hai đều nói với tôi rằng đó là ngày hạnh phúc nhất trong cuộc đời tôi. Họ khóc trên đầu tôi và sau những đóng góp của bà tôi hồi sáng đầu tôi giống như một đầm lầy sũng nước.

Mẹ, giờ con đi quyên được rồi chứ? - Tôi hỏi mẹ tôi.

Mẹ tôi trả lời:

Chưa, phải ăn sáng đã.

Bà tôi nói:

Không. Mày phải ăn bữa sáng tử tế ở nhà bà rồi mới được đi quyên. Đi thôi.

Chúng tôi theo bà về nhà. Bà tôi bày ấm, xoong, chảo ra và cằn nhằn rằng cả thế giới này mong đợi bà tôi phục tùng sự sai khiến của người khác. Tôi ăn trứng, tôi ăn xúc xích, và khi tôi với tay định lấy thêm một ít đường bà tôi liền đập vào tay tôi:

Đừng có đụng vào lọ đường đó. Mày nghĩ bà của mày là triệu phú ư? Là một người Mỹ ư? Mày nghĩ bà của mày lủng liểng vàng bạc ư? Mày nghĩ bà của mày chết ngạt trong nhung lụa ư?

Thức ăn như đang lộn tùng phèo trong bụng tôi. Tôi vội vàng lấy tay bưng miệng. Tôi chạy ra sân sau nhà bà tôi và nôn thốc nôn tháo. Bà tôi xuất hiện sau lưng tôi:

Nhìn xem nó đã làm gì. Nôn hết bữa sáng của ngày nhận thánh thể đầu tiên ra. Nôn thân thể và máu của Chúa ra. Chúa ở sân sau nhà tôi. Tôi phải làm gì bây giờ? Tôi phải lôi nó đến nhà thờ dòng Tên để cả Giáo hoàng cũng biết tội của nó mới được.

Bà tôi lôi tôi qua các phô của Limerick. Bà nói với hàng xóm và người qua đường về Chúa ở sân sau nhà bà. Bà đẩy tôi vào bục xưng tội.

Nhân danh Cha, Con, và Thánh thần. Xin hãy ban phước cho con, thưa Cha, bởi vì con có tội. Lần xưng tội cuối cùng của con

mới cách đây một ngày.

Một ngày ư? Vậy trong một ngày con đã mắc những tội gì, con của ta?

Con đã ngủ quên. Chút nữa thì con để lỡ mất lễ Ban thánh thể đầu tiên của mình. Bà của con nói rằng con có cái thứ tóc của người Bắc Ailen. Con đã nôn ra bữa sáng của ngày lễ Ban thánh thể đầu tiên. Bây giờ bà của con nói rằng Chúa ở sân sau nhà bà và bà không biết phải làm gì.

Linh mục ở nhà thờ dòng Tên cũng giống như linh mục ở lễ Ban thánh thể đầu tiên của tôi. Ông ấy thở ra một cách khó nhọc và lắp bắp: "Ôi... ôi... bảo bà con dùng một ít nước rửa Chúa đi và để ăn năn con hãy thỉnh Đức Mẹ Maria, thỉnh Chúa của chúng ta. Hãy cầu nguyện cho ta và Chúa sẽ phù hộ cho con, con của ta.

Bà và mẹ tôi đợi tôi ở gần bục xưng tội. Bà tôi nói:

Mày nói giỡn với linh mục ở trong đó hả? Nếu tao mà phát hiện ra mày nói giỡn với linh mục. dòng Tên thì tao sẽ moi ruột mày ra. Linh mục nói phải làm gì với Chúa ở sân sau nhà tao hả?

Linh mục nói hãy dùng nước rửa Chúa đi.

Nước thánh hay nước thường?

Ông ấy không nói rõ, bà ạ.

Vào hỏi ông ấy đi.

Nhưng, bà...

Bà tôi đẩy tôi trở lại bục xưng tội.

Xin Chúa ban phước cho con, thưa Cha, vì con có tội, lần xưng tội gần đây nhất của con mới chỉ cách đây một phút.

Một phút! Con là cậu bé vừa mới ở đây ra sao?

Vâng, thưa Cha.

Gì thế, con của ta?

Bà của con hỏi: "Phải dùng nước thánh hay nước thường để rửa Chúa?".

Nước thường, và hãy bảo với bà con đừng có quấy rầy ta nữa.

Tôi nói lại với bà tôi rằng dùng nước thường và rằng linh mục bảo bà đừng quấy rầy ông ấy nữa. Bà tôi trề môi:

Đừng quấy rầy ông ấy nữa. Đồ bất lịch sự.

Tôi hỏi bà tôi:

Cháu đi quyên được rồi chứ? Cháu muốn xem James Cagney.

Bà tôi nói:

Mày quên chuyện đi quyên và James Cagney đi vì mày nôn Chúa ra rồi nên mày không phải là một tín đồ Thiên Chúa giáo thực sự. về nhà nào.

Mẹ tôi phản đối:

Đợi đã. Nó là con trai của con. Đó là con trai của con trong ngày lễ Ban thánh thể đầu tiên của nó. Nó sẽ đi xem James Cagney.

Không, nó sẽ không xem.

Có, nó sẽ xem.

Bà tôi nói:

Đi mà đưa nó đến với James Cagney và để xem làm như thế có cứu rỗi được linh hồn Mỹ Bắc Ailen của nó hay không.

Bà tôi trùm khăn lên đầu và bỏ đi.

Mẹ tôi nói:

Lạy Chúa, bây giờ đi quyên thì muộn rồi nhưng con sẽ đi xem James Cagney. Chúng ta sẽ đến rạp Lyric và xem xem con mặc lễ phục thế này họ có cho con vào cửa không.

Lúc đi qua phố Barrington chúng tôi gặp Mikey Molley. Cậu ta hỏi có phải tôi đang đến rạp Lyric không và tôi trả lời rằng tôi sẽ thử. Cậu ta ngạc nhiên hỏi:

Thử ư? Cậu không có tiền sao?

Tôi xấu hổ không muốn trả lời là không nhưng tôi phải nói thật và cậu ta bảo tôi:

Không sao. Tớ sẽ giúp cậu vào cửa. Tớ sẽ tạo ra một vụ đánh lạc hướng.

Đánh lạc hướng gì cơ?

Tớ có tiền mua vé và khi tớ đã vào trong rạp rồi tớ sẽ. giả vờ bị ngất và người soát vé sẽ mất tập trung và khi nào tớ kêu thất thanh một tiếng cậu có thể lẻn vào. Tớ sẽ nhìn ra cửa và khi tớ thấy cậu đã vào trong rồi tớ sẽ tỉnh lại. Đó là một vụ đánh lạc hướng. Tớ toàn làm thế để các em tớ được vào rạp đấy.

Mẹ tôi nói:

Ôi, bác không biết đâu đấy, Mikey. Đó là một tội đấy và đời nào cháu lại muốn thằng Frank nhà bác phạm vào một tội trong ngày lễ Ban thánh đầu tiên của nó.

Mikey nói nếu đó là một tội thì linh hồn cậu ta sẽ gánh và đằng nào thì cậu ta cũng không phải là một tín đồ Thiên Chúa giáo thực sự nên chuyên đó chẳng thành vấn đề. Cậu ta kêu thất thanh như kế hoạch và tôi lẻn vào ngồi cạnh Quigley Hay Hỏi và người soát vé, ông Frank Goggin, người đang mải chú ý đến Mikey. Đó là một bộ phim giật gân nhưng có một kết thúc buồn bởi vì trong bộ phim đó James Cagney là một kẻ thù của nhân dân và bị nhân dân bắn chết rồi bó lại và đem vứt vào trong cửa, gây kinh hoàng cho người mẹ Ailen khốn khổ của anh ta, và đó là kết thúc của ngày lễ Ban thánh thể đầu tiên của tôi.

5

Vì việc tôi đã làm với Chúa ở sân sau nhà bà tôi mà bà tôi không thèm nói với mẹ tôi nữa. Mẹ tôi không nói với bác Aggie, cũng không nói với anh trai Tom của mẹ. Bố tôi không nói với ai trong gia đình nhà mẹ và tất cả họ không nói với bố tôi bởi vì bố tôi là người miền Bắc và là người có tính khí kỳ quặc. Không ai nói với bác Jane, vợ của bác Tom, bởi vì bác ấy là người Galway và vì bác ấy có dáng vẻ của một người Tây Ban Nha. Tất cả đều nói với bác Pat, bởi vì bác ấy bị tật ở đầu, vì bác ấy đơn giản, và vì bác ấy bán báo. Mọi người gọi bác ấy là Abbot hoặc Ab Sheehan và không ai biết tại sao người ta lại gọi bác ấy như vậy. Tất cả mọi người đều nói với bác Pa Keating bởi vì bác ấy bị nhiễm khí gas trong chiến tranh và đã lấy bác Aggie và nếu mọi người không nói chuyện với bác ấy thì bác ấy cũng cóc thèm đánh một cái rắm đó là lý do tại sao những người đàn ông ở quán South gọi bác ấy là ông khí gas.

Tôi thích mình cũng như vậy, một ông khí gas, cóc thèm đánh một cái rắm cua, và đó là những gì tôi nói với thiên thần trên bậc thang thứ bảy cho đến khi tôi nhớ ra rằng không ai lại nói đến rắm rít trước sự có mặt của một thiên thần.

Bác Tom và bác Jane có con cái nhưng bố mẹ của chúng tôi không nói với những đứa trẻ đó nên chúng tôi không được phép nói với họ. Hai bác ấy có một con trai và một con gái, Gerry và Peggy, và nếu mẹ tôi bắt gặp chúng tôi nói chuyện với họ thì mẹ tôi lại la mắng nhưng chúng tôi không biết làm thế nào để không nói chuyện với họ.

Những người sống trong các ngõ ở Limerick có các kiểu không nói với nhau rất đa dạng và bạn phải mất nhiều năm mới quen được với các kiểu đó. Có những người không nói chuyện

với nhau bởi vì trong thời kỳ xảy ra cuộc nội chiến năm 1922 cha của họ ở hai phe đối đầu. Nếu một người đàn ông tham gia quân đội Anh thì gia đình của anh ta có khi phải chuyển đến sống ở một khu khác của Limerick nơi có những gia đình có người đi lính cho Anh. Nếu người nào trong gia đình bạn có quan hệ với người Anh trong khoảng thời gian tám trăm năm trở về đây thì chuyện đó sẽ được moi ra ném vào mặt bạn thường xuyên và bạn có thể phải chuyển đến Dublin noi chẳng có ai thèm quan tâm đến chuyện đó hết.

Trong ngõ nào cũng có người nào đó không nói chuyên với một người nào đó hoặc mọi người không nói chuyện với một người nào đó hoặc một người nào đó không nói chuyện với mọi người. Nhìn cách người ta đi qua nhau là bạn có thể biết họ không nói chuyện với nhau. Đàn bà thì hếch mũi lên, bặm môi lại và ngoảnh mặt đi chỗ khác. Nếu người đàn bà nào đang mang khăn trùm đầu thì bà ta sẽ rẽ vào một góc và giật khăn xuống vai như thể muốn nói: “Cứ thử nhìn hay thử nói một lời xem, đồ chó cái, ta sẽ xé cái bộ mặt của mi ra”.

Thật tệ khi bà tôi không thèm nói với chúng tôi bởi vì chúng tôi không thể chạy đến nhà bà mỗi khi chúng tôi muốn vay đường, trà, hay sữa. Đến nhà bác Aggie thì chẳng nước non gì. Bác ấy sẽ cấu đứt đầu bạn. Bác ấy sẽ rít lên: “Biến ngay, và bảo bố mày hãy nhúc nhích cái mông miền bắc và hãy kiếm việc gì đó mà làm như những người đàn ông ở Limerick”.

Người ta nói bác Aggie luôn bực tức bởi vì tóc bác ấy đỏ và người ta cũng nói rằng tóc bác ấy đỏ bởi vì bác ấy hay bực tức.

Mẹ tôi thân với cô Bridey Hannon, một cô gái chưa chồng sống với bố mẹ ở nhà bên. Mẹ tôi và cô Bridey lúc nào cũng có thể ngồi nói chuyện với nhau được. Hễ bố tôi ra ngoài đi dạo thì cô Bridey lại sang nhà tôi và cô ấy với mẹ tôi lại ngồi bên bếp uống trà và hút thuốc. Nếu nhà tôi không còn gì thì cô ấy mang

trà, đường và sữa sang. Đôi khi họ pha đi pha lại một ấm trà và những lúc như thế mẹ tôi hay kêu trà nồng và nhạt quá.

Mẹ tôi và cô Bridey ngồi sát bếp quá đến nỗi cẳng chân họ đỏ lên rồi chuyển sang tía và xanh. Họ nói chuyện hàng giờ, họ thầm thầm thì thì và cười trước những chuyện bí mật. Chúng tôi không được phép nghe những chuyện bí mật vì thế họ hay bảo chúng tôi ra ngoài chơi để họ nói chuyện. Tôi thường ngồi trên bậc thang thứ bảy nghe trộm họ và họ không phát hiện ra. Dù ở bên ngoài trời đang mưa đi nữa mẹ tôi vẫn bắt chúng tôi phải đi chơi và mẹ còn giao cho chúng tôi nhiệm vụ canh phòng bố tôi. Mẹ tôi bảo: "Nếu nhìn thấy bố về thì chạy nhanh về báo cho mẹ". Mẹ tôi nói với cô Bridey:

Cô đã bao giờ nghe bài thơ ai đó chắc là làm về tôi và anh ấy chưa?

Bài thơ nào kia, chị Angela?

Bài thơ *Người đàn ông miền Bắc* ấy. Minnie MacAdorey ở Mỹ đã đọc cho tôi nghe bài thơ đó.

- Tôi chưa bao giờ nghe bài thơ đó. Đọc cho tôi nghe đi. Mẹ tôi đọc bài thơ đó nhưng bà cười suốt và tôi không hiểu tại sao bà lại cười như thế,

Anh đến từ miền Bắc nên anh không nói nhiều
Nhưng giọng anh ấm áp và trái tim anh chân thành.
Nhìn vào mắt anh tôi biết anh không hề dối trá,
Nên tôi cưới người đàn ông miền Bắc tôi yêu.
Ôi, Garryowen có thể vui tươi hơn
Người đàn ông trầm lặng đến từ Vịnh Neagh
Và tôi biết rằng mặt trời kia tỏa nắng
Xuống dòng sông chảy qua phố nhà tôi.
Và tôi nói với niềm vui và ngập tràn kiêu hãnh
Rằng không có người đàn ông nào tuyệt hơn

trên khắp Munster
và cả Limerick này chẳng có con tim nào hạnh phúc được
như con tim tôi ở bên người dàn ông miền Bắc.
Tôi ước rằng người Limerick này chỉ biết
Chúng tôi là hàng xóm tốt bụng thế thôi.
Sẽ không có hận thù và khinh thường nhỏ mọn
Giữa hai miền Nam, Bắc nước tôi.

Mẹ tôi luôn đọc lại khổ thơ thứ ba và cười đến nỗi giàn giụa cả nước mắt và tôi không hiểu tại sao. Mẹ tôi như phát cuồng khi đọc,

Và cả Limerick này chẳng có con tim nào
hạnh phúc được như con tim tôi ở bên người đàn ông miền Bắc.

Nếu người đàn ông miền Bắc của mẹ tôi đi dạo về sớm mà thấy cô Bridey ở trong bếp nhà tôi thì thế nào người đàn ông ấy cũng nói: "Lại ngồi lê, ngồi lê, ngồi lê" và đội nguyên mũ đứng đó cho đến khi cô Bridey phải chuồn.

Mẹ của cô Bridey và những người sống trong ngõ của chúng tôi và các ngõ lân cận thỉnh thoảng lại đến nhờ bố tôi viết một bức thư để gửi lên chính quyền hoặc gửi cho người thân ở xa. Bố tôi ngồi ở bàn với cây bút và lọ mực và khi người ta bảo ông viết nguyên văn như họ nói ông lắc đầu: "O, không, đó đâu phải những gì bà muốn nói" và ông lẳng lặng viết theo ý mình. Người ta bảo ông rằng đó đích thị là những gì lúc đầu người ta muốn nói, rằng ông có cách diễn đạt bằng tiếng Anh rất hay và rằng ông viết chữ rất đẹp. Họ đưa cho ông sáu xu để bồi dưỡng cho công sức ông bỏ ra nhưng ông xua tay không nhận và thế là người ta đưa tiền cho mẹ tôi bởi vì bố tôi quá cao thượng không cầm sáu xu. Khi người ta về rồi bố tôi mới cầm tiền đưa cho tôi đi mua thuốc lá ở cửa hàng Kathleen O'Connell.

Bà tôi ngủ ở chiếc giường to trên gác và phía trên đầu giường của bà có treo một bức tranh Trái tim thiêng của Jésus còn trên bệ lò sưởi ở phòng bà thì có đặt một bức tượng Trái tim thiêng của Jésus. Bà tôi muốn chuyển từ dùng khí gas sang dùng điện để bà có thể để một ngọn điện đỏ dưới bức tượng suốt ngày đêm. Lòng sùng bái Trái tim thiêng của bà đã được đồn khắp trong ngõ đó và các ngõ xung quanh.

Bác Pat ngủ ở một chiếc giường nhỏ được kê ngay trong góc phòng ấy để bà tôi tiện theo dõi giờ đi về và việc cầu nguyện hàng ngày của bác ấy. Bác ấy có thể bị tật ở đầu, bác ấy có thể không biết đọc biết viết, bác ấy có thể uống quá chén, nhưng bác ấy không thể quên cầu nguyện trước khi đi ngủ.

Bác Pat nói với bà tôi rằng có một người đàn ông đang tìm một chỗ ở để hàng ngày ông ta có thể tắm rửa và có hai bữa ăn, bữa trưa và bữa trà. Tên ông ta là Bill Galvin và ông ta có một công việc ổn định ở lò nung vôi. Người ông ta phủ đầy bụi vôi trắng xóa nhưng chắc chắn như thế còn tốt hơn là bụi than.

Bà tôi sẽ phải nhường giường to cho ông ta và như thế bà sẽ phải chuyển vào ngủ trong phòng nhỏ. Bà tôi mang theo bức tranh Trái tim thiêng của Jésus vào trong đó và để bức tượng ở lại để theo dõi hai người đàn ông. Hơn nữa, trong phòng nhỏ không có chỗ cho bà tôi đặt bức tượng.

Bill Galvin đến xem chỗ ở. Ông ta là một người đàn ông bé nhỏ, người trắng xóa vì bụi vôi, và ông ta khụt khịt liên tục như một con chó. Ông ta đề nghị bà tôi chuyển bức tượng đi chỗ khác bởi ông ta là người theo đạo Tin lành và bởi vì ông ta sẽ bị mất ngủ vì nó. Bà tôi la mắng bác Pat vì bác ấy đã không nói trước là sẽ rước về nhà một người theo đạo Tin lành. Bà tôi than vãn: “Chúa ơi, rồi người trong ngõ sẽ thi nhau mà đồn đại”.

Bác Pat nói rằng bác ấy không biết Bill Galvin là người theo đạo Tin lành. Bạn mà chỉ nhìn ông ta thôi đặc biệt khi ông ta bị bụi vôi bám trắng cả người thì bạn không thể biết ông ta là

người theo đạo Tin lành. Ông ấy trông giống như một người Thiên Chúa giáo bình thường vả lại bạn chẳng tưởng tượng nổi một người theo đạo Tin lành lại đi làm ở lò nung vôi.

Bill Galvin nói rằng người vợ tội nghiệp vừa mới qua đời của ông ta là một tín đồ Thiên Chúa giáo và rằng khi còn sống bà ấy treo những bức tranh Trái tim thiêng của Jésus và tranh Đức Mẹ Maria quanh tường nhà. Bản thân ông ta không có gì để phản đối Trái tim thiêng của Jésus hết, chỉ có điều bức tượng sẽ làm ông ta nghĩ tới người vợ tội nghiệp của óng ta và điểu đó khiến ông ta đau buồn.

Bà tôi nói: "Ôi, xin Chúa hãy cứu giúp chúng con, tại sao anh không kể cho tôi nghe ngay từ đầu hả? Tôi sẽ chuyển bức tượng xuống bậu cửa sổ ở phòng tôi và anh sẽ không đau lòng vì phải nhìn thấy nó nữa".

Sáng sáng bà tôi nấu bữa trưa cho cho ông Bill và mang tới lò nung vôi cho ông ta. Mẹ tôi thắc mắc tại sao lúc đi làm ông ấy không mang bữa trưa theo mà phải bắt tội bà tôi như thế và bà tôi nói:

Chị tưởng mẹ chị sẽ dậy từ tờ mờ nấu nướng cho ông lớn ấy rồi xếp thức ăn vào hộp cho ông lớn ấy mang đi sao?

Mẹ tôi gợi ý:

Một tuần nữa là Frank được nghỉ học và nếu mỗi tuần mẹ cho nó sáu xu thì nó sẽ vui vẻ mang bữa trưa cho ông ấy.

Tôi không muốn ngày nào cũng phải đến nhà bà tôi. Tôi không muốn mang bữa trưa đến tận đường Dock cho Bill Galvin, nhưng mẹ tôi nói rằng chúng tôi sẽ kiếm được những sáu xu và nếu tôi không chịu làm thì tôi sẽ chẳng được đi đâu hết.

Mẹ tôi nói: "Mày sẽ phải ở trong nhà. Mày sẽ không được đi chơi với bạn".

Bà tôi cảnh cáo tôi phải đưa bữa trưa cho ông Bill đến nơi đến chốn và không được lang thang, không được nhìn chỗ này chỗ kia, không được đá vỏ hộp làm mũi giày chóng hỏng. Bữa trưa còn nóng hôi hổi và đó chính là điều Bill Galvin muốn.

Một mùi thơm rất hấp dẫn tỏa ra từ hộp thức ăn, thịt lợn muối xông khói, bắp cải, hai củ khoai tây tẩm bột trắng to tướng. Chắc chắn nếu tôi có nếm một nửa củ khoai tây thì ông ta cũng chẳng để ý. Ông ta sẽ không phàn nàn với bà tôi đâu bởi vì ông ấy chỉ khịt mũi thôi có nói chuyện đâu.

Sẽ khôn ngoan hơn nếu tôi ăn nốt nửa củ khoai để ông ấy khỏi thắc mắc tại sao ông ấy lại thấy một nửa củ. Tôi cũng có thể nếm thử thịt xông khói và bắp cải và nếu tôi ăn cả củ khoai còn lại thì ông ta sẽ nghĩ là bà tôi không gửi cho ông ấy món khoai.

Củ khoai thứ hai tan trong miệng tôi và tôi sẽ phải nếm thử một ít bắp cải, và tiện đấy nếm thử luôn một ít thịt muối xông khói. Bây giờ thì chẳng còn gì nhiều và ông ấy thế nào cũng nghi ngờ vậy nên tôi chén tất.

Tôi phải làm gì bây giờ? Bà tôi sẽ giết tôi mất, mẹ tôi sẽ câm tôi ra ngoài trong một năm. Bill Galvin sẽ chôn tôi trong lò nung vôi. Tôi sẽ nói với ông ấy rằng tôi bị một con chó ở đường Dock tấn công và cướp sạch bữa trưa của ông ấy và tôi may mắn lắm mới không bị nó xơi tái.

Bill Galvin trợn mắt nhìn tôi:

- Vậy sao? Thế mẩu bắp cải nào dính trên áo mày thế kia hả? Cái mõm ngu đần của con chó đó đã liếm mày chăng? Đi về nhà bảo bà mày rằng mày đã ăn bữa trưa của tao làm tao đói muốn nhũn người ra ở lò vôi.

Bà cháu sẽ giết cháu mất.

Bảo bà mày đừng có giết mày vội mà hãy gửi chút gì cho tao ăn cái đã và nếu mày không khẩn trương mang bữa trưa đến cho tao thì tao sẽ giết mày và ném mày vào lò nung vôi và như thế sẽ chẳng còn gì nhiều để mẹ mày than khóc đâu con ạ.

Bà tôi nói:

Sao mày lại mang cái hộp về? Gã đó tự mang về được cơ mà?

Ông ấy muốn lấy thêm thức ăn.

Thế nghĩa là sao? Lạy Chúa, chân gã đó có một cái hố à?

Ông ấy đang nhũn người ra vì đói ở ngoài lò vôi.

Mày đang giỡn tao chắc?

Ông ấy bảo bà gửi cho ông ấy chút gì ăn.

Tao không gửi. Tao vừa mới gửi bữa trưa cho gã rồi.

Ông ấy không nhận được.

Không ư? Tại sao không?

Cháu đã ăn mất rồi.

Gì?

Cháu đói quá nên cháu đã nếm thử và cháu không nhịn được.

Lạy Chúa, lạy Maria, lạy thánh Joseph.

Bà tôi tát vào đầu tôi một cái khiến tôi phát khóc. Bà tôi gầm lên như một nữ thần báo tử và vừa nhảy tanh tách trong bếp vừa dọa lôi tôi đến linh mục, đến giám mục, đến Giáo hoàng. Bà tôi cắt bánh mì, làm sandwich và khoai tây và dứ dứ con dao về phía tôi:

- Mang những cái sandwich này tới cho Bill Galvin và nếu mày liếc chúng một cái thôi thì bà sẽ lột da mày ra.

Dĩ nhiên là bà tôi chạy đến gặp mẹ tôi và họ đồng ý với nhau rằng cách duy nhất để tôi có thể chuộc lại tội tày đình của mình là đưa bữa trưa không công cho Bill Galvin trong nửa tháng. Trong thời gian đó ngày nào tôi cũng phải đợi để mang hộp đựng thức ăn về và như thế có nghĩa là tôi phải ngồi nhìn ông ta tống thức ăn vào cái miệng rộng của ông ta còn ông ta thì lại không phải là loại người biết hỏi bạn có một cái miệng ở trên mặt hay không.

Ngày nào tôi mang hộp đựng thức ăn về bà tôi cũng bắt tôi quì trước bức tượng Trái tim thiêng của Jésus để ăn năn.

Mẹ tôi nói: “Mẹ là một người tử vì thuốc lá và bố của chúng mày cũng vậy”.

Nhà chúng tôi có thể thiếu trà và bánh mì nhưng bố mẹ tôi luôn xoay xở để có được thuốc lá, những điếu thuốc Wild Woodbine. Sáng ra và bất cứ lúc nào họ uống trà họ nhất quyết phải hút thuốc. Ngày nào họ cũng bảo chúng tôi rằng chúng tôi không bao giờ được hút thuốc, rằng hút thuốc hại phổi, rằng hút thuốc không có lợi cho tim, rằng hút thuốc làm bạn chậm lớn, còn họ thì cứ ngồi bên bếp phì phèo. Mẹ tôi nói: “Nếu mẹ mà nhìn thấy mày hút thuốc thì mẹ đập vỡ mặt mày ra”. Họ nói rằng thuốc lá làm sâu răng của bạn và bạn có thể thấy là họ nói không sai. Răng của họ đều đã ố đen và thỉnh thoảng người này hoặc người kia lại phải chia tay với một cái răng của mình. Bố tôi bảo rằng ở chân răng của bố tôi có những lỗ hổng lớn đến nỗi đủ cho một con chim sẻ và cả gia đình của nó trú ngụ. Bố tôi còn mấy cái răng chưa rụng nhưng bố lại đến bệnh viện nhổ tiệt đi để cắm cả một bộ răng giả. Khi bố tôi về nhà với hàm răng giả bố tôi cười để khoe những cái răng trắng mới khiến bố trông giống một người Mỹ và mỗi khi kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện ma bố tôi lại dùng răng hàm dưới cắn lên môi trên để minh họa cho câu chuyện thêm phần rùng rợn. Răng của mẹ tôi tồi đến nỗi mẹ tôi phải đi đến bệnh viện Barrington để nhổ tuột tất cả răng đi cùng một lúc và khi mẹ tôi trở về mẹ tôi phải lấy giẻ bịt miệng để máu khỏi chảy. Mẹ tôi phải ngồi cả đêm bởi vì bạn không thể nằm khi lợi của bạn chảy máu nếu không bạn sẽ bị tắc thở trong lúc ngủ. Mẹ tôi nói khi nào lợi của mẹ tôi ngừng chảy máu mẹ tôi sẽ bỏ thuốc hoàn toàn nhưng lúc lợi đang có vấn đề thế này thì mẹ cần hút thuốc để quên đau. Mẹ tôi sai Malachy ra cửa hàng Kathleen O’Connell mua chịu năm điếu thuốc Woodbin. Nếu ai đó có thể mang được thuốc lá ra khỏi cửa

hàng của Kathleen thì người đó là Malachy. Mẹ tôi nói rằng nó dễ thương còn tôi với cái mồm rộng và bố tôi với tính khí kỳ quặc có đi cũng chẳng được việc.

Khi lợi của mẹ tôi ngừng chảy máu và lành lại mẹ tôi đến bệnh viện để cắm răng giả. Mẹ tôi bảo rằng khi nào hàm răng mới yên vị trong lợi thì mẹ tôi sẽ bỏ thuốc nhưng mẹ tôi chẳng bao giờ thực hiện được. Những chiếc răng giả cọ vào lợi của mẹ tôi làm lợi sưng đau và những điếu thuốc Woodbin giúp mẹ tôi bớt khó chịu hơn. Hễ bố mẹ tôi có một hoặc hai điếu thuốc thì họ lại ngồi bên bếp hút với nhau và khi họ nói chuyện răng của họ phát ra những tiếng lách cách. Họ cố ngăn những tiếng lách cách ấy bằng cách cử động hàm tới lui nhưng làm như thế chỉ khiến cho tình hình trở nên tồi tệ hơn mà thôi và họ nguyền rủa các nha sĩ và những người làm răng giả ở Dublin và trong khi họ rủa người ta răng của họ vẫn không ngừng phát ra những tiếng lách cách. Bố tôi bảo rằng những chiếc răng đó là răng dành cho những người giàu ở Dublin và họ lắp không vừa nên thải ra cho những người nghèo ở Limerick những người chẳng quan tâm đến chuyện vừa hay không bởi khi bạn nghèo thì bạn làm gì có nhiều thứ để mà nhai và bạn nên biết ơn vì dù sao trong mồm bạn vẫn còn có răng. Nếu họ nói quá nhiều thì lợi của họ sưng đau và răng của họ rơi ra. Những lúc như thế họ ngồi bên bếp nói chuyện với vẻ mặt nhăn nhó. Đêm nào họ cũng tháo răng cho vào lọ ngâm nước. Malachy hỏi tại sao họ phải làm vậy và bố tôi giải thích rằng răng giả cần phải được rửa sạch. Mẹ tôi nói: "Không, ai lại để răng giả trong mồm mà đi ngủ bởi vì nhỡ đâu răng rơi ra làm anh ngạt không thở được là chết luôn".

Những cái răng giả là nguyên nhân khiến Malachy phải đến bệnh viện Barrington và khiến tôi phải trải qua một cuộc phẫu thuật. Nửa đêm Malachy thì thầm vào tai tôi: "Anh với em đi xuống dưới thử cắm răng, đồng ý không?".

Những cái răng giả to đến nỗi chúng tôi không thể đưa chúng vào miệng mình được nhưng Malachy không chịu bỏ cuộc. Nó cố nhét răng giả hàm trên của bố tôi vào miệng và nó không tài nào lôi hàm răng đó ra được. Môi của nó bị kéo vào phía trong và hàm răng giả tạo ra trên khuôn mặt nó một nụ cười xếch đến tận mãng tai. Trông nó chẳng khác gì một con quái vật trong một bộ phim và nhìn nó tôi buồn cười không tả nổi còn nó thì vừa ra sức giật hàm răng giả ra vừa rên "úc, úc" và nó bắt đầu khóc. Nó càng úc, úc tôi càng cười cho tới khi bố tôi gọi từ trên gác: "Các con làm gì thế hả?" Malachy chạy lên gác và tôi nghe thấy tiếng bố mẹ tôi cười và họ chỉ thôi cười khi nhận ra Malachy khó thở. Họ luồn ngón tay vào miệng Malachy để lôi hàm răng giả ra nhưng Malachy quá hoảng sợ cứ liên tục phát ra những tiếng úc úc. Mẹ tôi bảo phải đưa nó đi viện và bố tôi bảo bố tôi sẽ đưa nó đi. Bố tôi bắt tôi đi cùng phòng khi bác sĩ bắt kể lại sự việc bởi vì tôi lớn hơn và thế có nghĩa là chính tôi đã đầu têu. Bố tôi vác Malachy chạy qua các phố còn tôi thì cố sức chạy theo. Trông Malachy nằm trên vai bố, nhìn lại tôi với đôi má đẫm nước mắt và cái miệng đầy răng tôi thấy tội cho nó quá. Bác sĩ ở bệnh viện Barrington bảo bố con tôi đừng lo. Ông ấy đổ dầu vào miệng Malachy và chỉ trong một phút đã lấy được hàm răng giả ra. Xong việc ông ấy nhìn tôi và nói với bố tôi:

Tại sao thằng bé này cứ đứng há mồm ra mãi thế?

Bố tôi nói:

Nó toàn thế, miệng cứ há suốt.

Bác sĩ bảo tôi đến gần ông ấy. Ông ấy nhìn mũi tôi, nhìn tai tôi, nhìn họng tôi, và sờ cổ tôi.

Ông ấy nói:

Amidan. Bị nấm vòm họng. Phải cắt những mụn nấm đi. Nếu không làm thế thì sau này thằng bé lớn lên trông sẽ giống như một người đần độn với cái mồm rộng cỡ bằng một cái giày.

Ngày hôm sau Malachy được chén một cái kẹo cứng to tướng còn tôi thì phải vào bệnh viện chịu phẫu thuật để cái miệng tôi không ngoác ra cỡ bằng cái giày.

Một sáng Chủ nhật mẹ tôi uống trà xong và nói:

Con sẽ đi nhảy.

Nhảy ư? tại sao?

Con bảy tuổi rồi, con đã chịu lễ Ban thánh thể đầu tiên rồi, giờ đã đến lúc con phải học nhảy. Mẹ sẽ đưa con xuống phô Catherine để theo học lớp học nhảy của bà O'Conner. Cứ sáng thứ Bảy con phải đến đó học và như thế con không còn lang thang trên phố được nữa. Con sẽ không thể tòng đảng với lũ quậy phá xục xạo khắp Limerick nữa.

Mẹ tôi bắt tôi rửa mật sạch sẽ không được quên kỳ tai và cổ , chải đầu, xì mũi, bỏ cái bộ mặt kia đi, bộ mật nào mới được chứ? Đừng hỏi, cứ bỏ nó đi, đi tất và đi đôi giày của hôm nhận thánh thể đầu tiên vào, cái đôi giày mà như mẹ tôi nói đã bị phá tàn tệ bởi vì tôi có bao giờ đi qua một cái vỏ hộp hay một hòn đá mà không giơ chân đá một cái. Mẹ tôi mệt mỏi vì cứ phải đứng xếp hàng ở hội thánh Vincent de Paul xin giày cho tôi và Malachy để rồi chúng tôi bạ cái gì cũng đá làm giày chẳng mấy đã bục mũi. Bố tôi bảo rằng học những bài hát và những điệu nhảy của tổ tiên thì chẳng bao giờ là quá sớm cả.

Tổ tiên nào ạ?

Đừng hỏi, mày sẽ đi học nhảy.

Tôi không biết làm thế nào tôi có thể chết cho Ailen được nếu như tôi còn phải hát và nhảy cho Ailen nữa. Tôi không biết tại sao bố mẹ tôi chẳng bao giờ bảo rằng tôi có thể ăn kẹo, có thể ở nhà không phải đi học và có thể đi bơi cho Ailen.

Mẹ tôi nói: "Đừng giở trò nếu không mẹ sẽ hâm nóng tai mày lên đấy". Và mẹ tôi hâm nóng tai tôi bằng một loạt thông tin về Cyril Brenson.

Cyril Benson là một vũ công. Từ vai đến đầu gối anh ta lủng lẳng toàn huy chương là huy chương. Anh ta đã dành chiến thắng trong tất cả các cuộc thi khiêu vũ trên khắp Ailen và trông anh ta rất đáng yêu trong chiếc váy truyền thống màu vàng nghệ. Anh ta là niềm tự hào của mẹ anh ta và lúc nào báo chí cũng đưa tin về anh ta và bạn có thể chắc rằng anh ta kiếm được tiền mang về nhà. Bạn không trông thấy anh ta đi lang thang khắp các phố đá cái này cái nọ cho đến khi ngón chân thò ra khỏi mũi giày, ồ, không, anh ta là một chàng trai tốt, đi nhảy vì người mẹ khốn khổ của anh ta.

Mẹ tôi giặt chiếc khăn mặt cũ và kỳ mặt tôi cho đến khi mật tôi đỏ lựng, mẹ tôi quấn một đầu khăn quanh ngón tay ngoáy tai cho tôi và càu nhàu rằng dái tai của tôi đủ để trồng khoai tây, mẹ tôi lấy nước vảy lên tóc tôi để cho tóc tôi đỡ dựng đứng, mẹ tôi quát tôi ngậm miệng lại không được kêu ca, rằng những bài học nhảy của tôi mỗi thứ Bảy nuốt mất của mẹ tôi sáu xu, số tiền mà đáng lẽ tôi đã kiếm được nếu tôi làm tốt việc đưa bữa trưa cho Bill Galvin và có Chúa biết mẹ tôi có thể trả được học phí học nhảy cho tôi hay không. Tôi cố nói với mẹ tôi: "Ôi, mẹ, mẹ không phải gửi con đến lớp học nhảy đâu, mẹ để tiền mà hút thuốc và uống trà còn hơn", nhưng mẹ tôi nói: "Ô, mày chẳng khôn ngoan chút nào. Mày sẽ đi học nhảy cho dù mẹ phải bỏ thuốc vĩnh viễn".

Máy hát trong lớp của bà O'Connor đang chơi một điệu jig hay một điệu reel gì đó và những đứa con trai con gái đang đá chân và giữ cánh tay ép sát bên sườn. Bà O'Connor là một phụ nữ béo ị và khi bà ấy dừng máy hát để hướng dẫn các bước nhảy thịt từ cằm đến gót chân bà ấy cứ núng na núng nính. Bà ấy đi đến chỗ mẹ tôi và nói:

Vậy đây là chú nhỏ Frankie hả? Tôi nghĩ chúng tôi sẽ có một vũ công tương lai đây. Các cô các cậu, chúng ta sẽ có một vũ công tương lai đúng không?

Đúng ạ, thưa bà O'Connor.

Mẹ tôi nói:

Tôi có mang sáu xu, thưa bà O'Connor.

Ô, được, bà McCourt, đợi một chút.

Bà ấy lạch bạch đi đến một cái bàn và mang trở lại một bức tượng khắc đầu một cậu bé da đen có mái tóc xoăn, đôi mắt to, đôi môi đỏ rất dày và một cái miệng há to. Bà ấy bảo tôi đặt sáu xu vào cái miệng há to đó và rút tay ra thật nhanh nếu không sẽ bị cắn. Đám con trai và con gái có mặt ở lớp học chăm chú nhìn tôi đặt tiền và đứa nào đứa nấy đều tủm tỉm cười. Tôi đặt sáu xu vào cái miệng há to và vội vàng rút tay ra ngay trước khi cái miệng đó bập xuống. Tất cả mọi người đều cười và tôi biết tất cả đều muốn nhìn thấy tay tôi bị mắc trong cái miệng đó. Mẹ tôi dặn tôi phải ngoan và phải chịu khó tập nhảy.

Tôi không muốn ở lại lớp học nhảy nơi bà O'Connor đã không tự cầm lấy sáu xu mà lại để tôi xuýt mất một bàn tay trong cái miệng há to ấy. Tôi không muốn ở lại chỗ này, đứng xếp hàng cùng những đứa con trai và con gái lạ hoắc, giữ thẳng lưng, khép cánh tay sát bên sườn, nhìn lên phía trước, không nhìn xuống, di chuyển bàn chân, di chuyển bàn chân, nhìn Cyril, nhìn Cyril, và Cyril di chuyển, bảnh bao trong chiếc váy màu nghệ và những tấm huân chương lúc lắc, những tấm huân chương dành được qua điệu nhảy này và đám con gái thích Cyric còn bà O'Connor thích Cyric vì anh ta mang lại danh tiếng cho bà ấy và chính bà ấy đã dậy anh ta từng bước nhảy, ôi, nhảy, Cyric, nhảy, Cyric, nhảy, ôi, Chúa ơi, anh ta lướt quanh phòng, anh ta là một thiên thần từ trên thiên đường và anh ta dừng lại cau có: "Frankie McCourt, nhảy đi, Frankie, nhảy đi, vì Chúa hãy nhấc chân lên nào, một hai ba bốn năm sáu bảy, một hai ba một hai ba, Maura, em giúp cậu Frankie này đi nếu không cậu ta sẽ tự trói hai chân lên đầu mất, giúp cậu ta đi, Maura".

Maura là một đứa con gái mười tuổi to béo. Nó nhảy đến trước mặt tôi và cười khoe hàm răng trắng bóng và tôi chói mắt vì bộ váy được trang trí bằng những hoa văn màu vàng đậm và xanh lá cây sặc sỡ của nó và nó bảo tôi đưa tay ra và nó lái tôi quay quanh phòng cho đến khi tôi chóng mặt, đỏ mặt vì ngượng đến nỗi muốn khóc nhưng may sao đúng lúc đó tiếng nhạc đột nhiên lại dừng và máy hát phát ra những tiếng hoosh hoosh.

Bà O'Connor nói: "Ôi, cảm ơn, Maura, và tuần tới, Cyril, cậu hãy hướng dẫn Frankie vài điệu sở trường của cậu. Tuần tới, các cô cậu, tuần tới nhé, và đừng có quên mang sáu xu cho chú bé da đen đấy".

Bọn con trai con gái ra về cùng nhau. Tôi một mình lủi thủi bước xuống những bậc thang đi ra cửa lòng thầm mong bạn bè tôi sẽ không nhìn thấy tôi sau đám con trai và đám con gái răng trắng mặc váy truyền thống.

Mẹ tôi đang uống trà với cô Bridey Hannon, người bạn bên hàng xóm của mẹ. Mẹ tôi hỏi tôi đã học được những gì ở lớp học nhảy và mẹ tôi bắt tôi nhảy quanh bếp. Mẹ tôi cười với cô Bridey. Mẹ tôi bảo tôi:

- Buổi đầu với con như thế là không tồi đâu. Một tháng nữa là con sẽ trở thành một Cyril Benson.

Con không muốn thành Cyril Benson. Con muốn thành Fred Astaire.

Mẹ tôi và cô Bridey cười phá lên, cười rũ rượi, cười phì cả trà trong miệng họ ra, cô Bridey nói: "Chúa che chở cho thằng bé. Nó không biết mình là ai. Ôi, Fred Astaire".

Mẹ tôi bảo rằng Fred Astair thứ Bảy nào cũng đi học nhảy và không đá lung tung làm giày chóng hỏng và nếu tôi muốn giống như cậu ta thì tuần nào tôi cũng phải đến lớp học của bà O'Connor.

Buổi sáng thứ Bảy thứ tư Bill Campell gõ cửa nhà tôi và gọi to:

Bác McCourt ơi, bác cho Frankie đi chơi với chúng cháu được không ạ?

Mẹ tôi trả lời:

Không được đâu, Billy. Frankie còn phải đi học nhảy.

Billy đợi tôi ở chân Đồi Barrack. Cậu ta hỏi rằng tại sao tôi lại học nhảy, rằng ai cũng biết nhảy là một việc ẻo lả và rằng tôi rồi sẽ giống như Cyril mặc váy đeo huy chương nhảy với bọn con gái. Cậu ta nói rồi sau nữa tôi sẽ ngồi chết dí ở trong xó bếp đan tất. Cậu ta bảo việc đi nhảy sẽ làm tôi hỏng hẳn và tôi sẽ không còn thích hợp với bất cứ trò chơi bóng nào, bóng đá, bóng bầu dục, bóng Gaelic bởi vì việc nhảy sẽ làm tôi chạy như một đứa ẻo lả và tôi sẽ chỉ làm mọi người buồn cười mà thôi.

Tôi nói với cậu ta rằng tôi không đi nhảy nữa, rằng trong túi áo tôi có sáu xu cho cái miệng há to của thằng bé da đen, rằng thay vì mang tiền đút vào cái miệng đáng ghét đó tôi sẽ đi xem phim ở rạp Lyric. Chúng tôi sẽ mua vé vào đàng hoàng và sẽ còn thừa hai xu để mua kẹo Cleeves, và thế là chúng tôi có một buổi sáng thú vị với bộ phim *Riders of the Purple Sage.*

Bố tôi đang ngồi bên bếp cùng với mẹ tôi và họ hỏi tôi đã học được điệu nhảy nào mới. Tôi đã học điệu *Sự bao vây của Ennis* và điệu *Những bức tường Limerick.* Giờ tôi phải bịa ra những cái tên và những bước nhảy. Mẹ tôi bảo mẹ tôi chưa nghe thấy điệu nhảy nào có tên là *Sự bao vây của Dingle* nhưng nếu đó là điệu tôi đã học được thì mẹ tôi chẳng thắc mắc mà làm gì và mẹ tôi bảo tôi nhảy và tôi nhảy quanh bếp với hai tay khép bên sườn và tự bắt điệu cho mình, bố tôi và mẹ tôi vỗ tay theo nhịp chân của tôi. Bố tôi nói: "Điệu này hay đấy, con trai của bố sẽ trở thành một vũ công có triển vọng chứ chẳng chơi và sẽ là niềm tự hào của những người đàn ông đã chết cho đất nước. Mẹ tôi cằn nhằn: "Sáu xu mà chỉ được có thế".

Tuần sau đó là bộ phim của George Raft và tuần sau nữa là một bộ phim cao bồi có George O'Brien thủ vai. Sau đó nữa là

phim do James Cagney đóng và tôi không thể bao Billy bởi vì cùng với kẹo Cleeves tôi còn muốn có một thanh sôcôla và tôi đang rung đùi ngồi xem phim và nhai kẹo thì đột nhiên hàm tôi đau cứng và nguyên nhân là do một chiếc răng của tôi đã vĩnh biệt lợi để theo cái kẹo cứng tôi đang nhai và tôi đau muốn chết. Tuy nhiên, tôi vẫn không thể bỏ phí chiếc kẹo đang ăn dở vì thế tôi lôi chiếc răng ra đút vào trong túi áo và tiếp tục nhai kẹo bằng bên hàm không đau. Cái đau ở một bên hàm còn cái kẹo thơm ngon thì ở hàm bên kia và tôi nhớ bác Pa Keating đã nói rằng có những lúc bạn không biết mình có nên đi "giải quyết nỗi buồn" hay là không.

Tôi phải về nhà và tôi lo bởi vì bạn không thể đi loanh quanh trong cái thế giới này thiếu một cái răng mà mẹ bạn lại không biết. Các bà mẹ biết tất cả và mẹ tôi thì luôn nhìn vào miệng chúng tôi để kiểm tra xem chúng tôi có nhiễm bệnh gì không. Mẹ tôi ngồi bên bếp và bố tôi cũng ở đó và họ hỏi tôi những câu hỏi cũ rích, các điệu nhảy và tên của chúng. Tôi nói với họ là tôi đã học được một điệu có tên là *Những bức tường ở Cork* và tôi nhảy quanh bếp cố ngậm miệng ngân nga một điệu nhạc do tôi tự bịa ra trong khi tôi đau răng muốn chết. Mẹ tôi bảo không có điệu nhảy nào như thế, còn bố tôi ra lệnh: "Đến đây. Đứng trước mặt bố đây. Nói thật đi, hôm nay con có đến lớp học nhảy không hả?".

Tôi không thể nói dối được bởi vì lợi tôi đau quá và miệng tôi thì có máu. Hơn nữa, tôi biết họ đã biết tất cả rồi và giờ họ thông báo cho tôi tin buồn đó. Một đứa con trai rỗi hơi nào đó ở lớp học nhảy đã nhìn thấy tôi đi vào rạp Lyric và đã về tâu hớt với bà O'Connor và bà ấy đã gửi giấy đến nhà tôi nói rằng lâu lắm rồi bà ấy không thấy tôi ló mặt đến lớp học nhảy và rằng như thế thật đáng tiếc bởi vì tôi rất có triển vọng và có thể nối gót Cyril Benson xuất chúng.

Bố tôi không quan tâm đến răng lợi của tôi hay bất cứ gì khác. Bố tôi bắt tôi phải đi xưng tội và thế là ông lôi tôi đến nhà thờ dòng Cứu Thế bởi vì vào ngày thứ Bảy người ta có thể xưng tội bất cứ lúc nào. Bố tôi mắng tôi là một đứa hư đốn, rằng bố tôi xấu hổ vì tôi đã dán mắt vào phim ảnh mà không học những điệu nhảy truyền thống của Ailen, điệu jig, điệu reel, những điệu nhảy mà biết bao nhiêu đàn ông và đàn bà Ailen đã đấu tranh và hy sinh mạng sống của mình để giữ gìn trong suốt những thế kỷ buồn thảm. Bố tôi nói rằng rất nhiều thanh niên trẻ đã bị treo cổ giờ đây nằm chồng chất trong các hố chôn người sẽ vui mừng biết bao nếu được sống lại để nhảy một điệu nhảy Ailen.

Linh mục ở nhà thờ Công giáo rất già và tôi phải hét to những tội lỗi của tôi lên ông ấy mới nghe được và ông ấy bảo tôi là đồ du côn không đi học nhảy mà lại đi xem phim mặc dầu chính bản thân ông ấy nghĩ rằng nhảy cũng là một thứ nguy hiểm gần tệ như phim vậy, rằng thứ đó khuấy động những ý nghĩ tội lỗi trong con người, nhưng cho dù nó có là một thứ đáng ghê tởm hay không thì tôi vẫn cứ mang tội lấy trộm sáu xu của mẹ tôi và tội nói dối, ở dưới địa ngục có một chỗ rất nóng dành cho những loại người như tôi, rằng tôi phải đọc kinh rôze đúng mười ngày và phải xin Chúa xá tội cho tôi bởi tôi đang nhảy trước cổng địa ngục.

Tôi lên bảy, lên tám, lên chín sắp sửa lên mười và bố tôi vẫn thất nghiệp. Hàng ngày bố tôi uống trà và đến Trung tâm Lao động ký tên vào danh sách những người thất nghiệp, đọc báo ở thư viện Camegie, đi bộ ra ngoại ô một lúc lâu. Nếu bố tôi xin được việc làm ở còng ty ximăng Limerick hay nhà máy bột của Rank thì chỉ trong ba tuần bố tôi lại để mất việc. Bố tôi để mất việc bởi vì bố tôi luôn đi quán vào ngày thứ Sáu thứ ba tính từ khi bố tôi đi làm, uống hết tất cả tiền lương và lỡ mất buổi làm việc sáng thứ Bảy.

Mẹ tôi than thở: “Tại sao bố chúng mày không thể giống như những người đàn ông trong các ngõ ở Limerick cơ chứ? Họ về nhà trước khi chuông nhà thờ điểm sáu giờ, họ đưa lương cho vợ, thay áo, uống trà, bảo vợ họ đưa cho mấy shilling và đi quán uống một hoặc hai vại là cùng”.

Mẹ tôi bảo với cô Bridey rằng bây giờ bò tôi không thể giống như họ được và sau này cũng sẽ không thể. Mẹ tôi nói rằng bố tôi đúng là một kẻ ngốc cứ đi ra quán và cụng ly với những người đàn ông khác trong khi để con cái ở nhà đói móp cả bụng. Bố tôi khoe khoang với cả thế giới rằng mình đã xả thân cho Ailen khi mà điều đó giờ đây không còn hợp thời và cũng chẳng mang lại lợi ích gì nữa, rằng nếu được kêu gọi bố tôi sẽ sẵn sàng chết cho Ailen, rằng bố tôi tiếc rằng mình chỉ có mỗi một mạng sống để hiến dâng cho đất nước khốn khổ của mình và nếu ai không đồng ý thì xin mời ra ngoài giải quyết bất đồng một lần cho xong.

Mẹ tôi bảo: “Ô, không đâu, không ai lại không đồng ý đâu và không ai ra đâu, có cả lũ đàn ông lang thang và lũ buôn đồng nát lượn lờ ở bên ngoài các quán rượu. Bọn họ bảo anh ta rằng anh ta là một người đàn ông vĩ đại, dù là người miền Bắc đi nữa, và rằng bọn họ nhất định phải cụng ly với một con người yêu nước nồng nàn như anh ta”.

Mẹ tôi nói với cô Bridey:

Tôi không biết phải làm gì đây. Tiền trợ cấp thất nghiệp được mười chín shilling sáu xu một tuần, thuê nhà đã hết sáu shilling và sáu xu rồi, còn lại mười ba shilling để mua thức ăn và quần áo cho năm người và lại còn phải lo củi lửa cả mùa đông nữa chứ .

Cô Bridey rít thuốc, uống trà và nhận xét:

Chúa rất tốt.

Chúa thì tốt rồi nhưng Chúa tốt với ai ở đâu ấy chứ từ lâu rồi tôi đâu có thấy Chúa ở các ngõ nghèo Limerick.

Cô Bridey cười phá lên:

Ôi, Angela, chị nói thế là có thể bị đầy xuống địa ngục đây.

Mẹ tôi nói lại:

Chẳng phải tôi đang ở địa ngục rồi đấy sao?

Và họ cùng cười, uống trà và hút thuốc Woodbin và nói với nhau rằng thuốc lá là nguồn an ủi duy nhất của họ.

Quigley Hay Hỏi bảo rằng thứ Sáu tôi phải đến nhà thờ Công giáo và tham gia hội Hữu ái Arch. Bạn buộc phải tham gia. Bạn không thể nói không. Tất cả con trai ở các ngõ và khu dân nghèo có bố thất nghiệp hoặc làm những công việc hạ đẳng đều phải tham gia hội.

Hay Hỏi nói: "Bố cậu là người miền Bắc và ông ấy không quan tâm nhưng cậu vẫn phải tham gia".

Ai cũng biết Limerick là thành phố sùng đạo nhất Ailen bởi vì nó có hội Hữu ái Arch của gia đình thánh thiện, hội tôn giáo lớn nhất trên thế giới. Thành phố nào cũng có thể có một Hội Hữu ái nhưng chỉ có Limerick là có hội Arch.

Hội Hữu ái tập trung ở nhà thờ Công giáo năm tối một tuần, ba tối dành cho đàn ông, một tối dành cho phụ nữ, một tối dành cho những đứa con trai. Trong những buổi tụ họp đó người ta đọc kinh Tạ ơn và hát thánh ca bằng tiếng Anh, tiếng Ailen và tiếng Latin và nghe bài giảng đạo hùng hồn nhất đã làm cho những linh mục nhà thờ Công giáo trở nên nổi tiếng.

Hay Hỏi nói rằng bạn phải tham gia Hội Hữu ái để mẹ bạn có thể kể với hội thánh Vincent de Paul và họ sẽ biết bạn là một tín đồ Thiên Chúa giáo tốt. Cậu ta bảo rằng bố cậu ta là một thành viên trung thành của hội và vì thế mà ông ấy kiếm được công việc dọn nhà vệ sinh ở ga tàu và khi nào cậu ta lớn cậu ta cũng sẽ kiếm được một công việc tốt trừ khi cậu ta bỏ nhà để tham gia vào lực lượng cảnh sát cưỡi ngựa của Hoàng gia Canada để cậu ta có thể hát *Anh sẽ gọi em Ooo Ooo Ooo,* giống như Nelson Eddy

hát cho Jeanette McDonald hấp hối vì bệnh lao trên trường kỷ nghe. Nếu cậu ta đưa được tôi đến hội Hữu ái thì người phụ trách văn phòng sẽ ghi tên cậu ta vào một cuốn sổ to và rất có thể một ngày nào đó cậu ta sẽ được cử làm chi hội trưởng của một chi hội trong hội, điều mà cậu ta mong muốn đạt được nhất sau ước mơ trở thành một cảnh sát cưỡi ngựa.

Chi hội trưởng là người đứng đầu một chi hội gồm ba mươi đứa con trai cùng ngõ và cùng phố. Mỗi chi hội mang tên một vị thánh và hình vị thánh đó được vẽ trên một tấm khiên gắn trên một cái cột gần ghế ngồi của chi hội trưởng. Chi hội trưởng và người phụ tá của anh ta chịu trách nhiệm về sĩ số của chi hội và theo dõi người của chi hội mình để họ có thể cho hội viên ăn một thụi vào đầu nếu cậu ta cười trong lúc nghe kinh Tạ ơn hay phạm bất cứ tội báng bổ thần thánh nào khác. Nếu bạn bỏ một tối sinh hoạt thì người phụ trách văn phòng sẽ muốn biết tại sao, muốn biết liệu có phải bạn đang muốn chuồn khỏi hội hay không hoặc ông ta có thể nói với người khác: "Tôi nghĩ anh bạn nhỏ của chúng ta đã húp cháo rồi". Đó là điều tồi tệ nhất bạn có thể nói với bất kỳ người Thiên Chúa giáo nào ở Limerick hay ở Ailen vì những chuyện đã xảy ra hồi nạn đói. Nếu bạn vắng mặt hai buổi người phụ trách ở văn phòng sẽ gửi cho bạn một giấy triệu tập màu vàng và bạn phải đến mà giải thích và nếu bạn vắng mặt ba buổi thì ông ta sẽ cử đội Posse, một đội vũ trang gồm năm hay sáu thằng con trai to cao trong đội của bạn, đi lùng sục khắp các phố để đảm bảo rằng không phải bạn đang nhởn nhơ ở đâu đó. Đội Posse sẽ tìm đến nhà bạn và nói với mẹ bạn rằng linh hồn bất tử của bạn đang bị lâm nạn. Một số bà mẹ tỏ ra lo lắng nhưng một số khác lại nói: "Cút ngay khỏi cửa nhà tao nếu không tao sẽ phết cho sưng mông lên bây giờ". Những người đó không phải là những bà mẹ tốt của hội Hữu ái và hội trưởng sẽ bảo chúng tôi cầu nguyện cho họ để họ nhận ra lỗi của mình.

Điều tồi tệ nhất có thể xảy ra là một chuyến viếng thăm của chính hội trưởng hội Hữu ái, Đức Cha Gorey. Ông ấy đứng ở đầu ngõ và cất cao cái giọng cải đạo cho hàng triệu người Trung Quốc của ông ấy: "Nhà Frank McCourt ở chỗ nào?". Ông ấy cứ gào lên như vậy cho dù ông ấy có địa chỉ của bạn trong túi áo và biết rõ bạn sống ở đâu. Ông ấy gào lên bởi vì ông ấy muốn cả thế giới biết rằng bạn bỏ hội và linh hồn của bạn đang lâm nạn. Những bà mẹ thì sợ rúm người còn các ông bố thì thầm thì: "Tôi không có nhà đâu đấy, bảo là tôi không có nhà", và từ đó trở đi dù gì thì gì họ cũng sẽ bắt bạn phải đến hội để họ khỏi nhục nhã và xấu hổ với những người hàng xóm hay đàm tiếu.

Hay Hỏi đưa tôi đến chi hội thánh Finbar, và chi hội trưởng bảo tôi ngồi ra một chỗ và ngậm miệng lại. Chi hội trưởng là Declan Collopy, mười bốn tuổi và cậu ta có những cái bướu ở trên trán trông như những cái sừng. Cậu ta có đôi lông mày rậm màu vàng nâu và đôi tay dài gần chạm đầu gối. Cậu ta bảo tôi rằng cậu ta sẽ làm cho chi hội của mình trở thành chi hội xuất sắc nhất trong hội Hữu ái và nếu tôi mà bỏ sinh hoạt thì cậu ta sẽ đánh vỡ mông tôi và gửi từng mảnh mông vỡ cho mẹ tôi. Dù có chuyện gì đi chăng nữa tôi cũng phải có mặt ở hội bởi vì có một đứa con trai ở chi hội khác sắp chết mà người ta vẫn để nó lên cáng đưa nó đến hội. Cậu ta nói:

- Nếu mày mà vắng mặt thì tốt hơn là hãy chết, không chết ở nhà mà lẩn đến chỗ nào đó mà chết. Mày nghe rõ chưa?

Rõ rồi, thưa anh Declan.

Những đứa con trai trong chi hội của tôi cho tôi hay rằng những chi hội trưởng sẽ được khen thưởng nếu chi hội của họ giữ được đủ sĩ số. Declan muốn mau chóng học xong để cậu ta có thể làm công việc bán vải sơn lót sàn ở cửa hàng Cannock trên đường Patrick. Chú cậu ta, ông Foncey, chỉ bán vải sơn trong ba năm mà đã đủ vốn để mở một cửa hàng riêng ở Dublin và tạo việc làm cho cả ba người con trai của mình. Cha Gorey,

hội trưởng, có thể dễ dàng thưởng cho Declan một chỗ làm ở cửa hàng Cannock nếu cậu ta là một chi hội trưởng xuất sắc và giữ được đủ sĩ số của chi hội mình và đó là lý do tại sao Declan sẽ đập vỡ mông chúng tôi nếu chúng tôi vắng mặt. Cậu ta tuyên bố trước chi hội: “Không ai được đứng giữa tao và vải sơn.”

Declan thích Quigley Hay Hỏi và thỉnh thoảng lại để cho Hay Hỏi bỏ một tối sinh hoạt bởi vì Hay Hỏi đã có lần nói: “Anh Declan này, khi nào em lớn và cưới vợ em sẽ trang trí nhà em toàn bằng vải sơn và cần bao nhiêu em đều mua của anh”.

Những thằng con trai khác cũng bắt chước mánh lới đó nhưng Declan nói: “Biến ngay, chúng mày có một cái bô mà tè là may rồi đừng có mơ đến vải lót sàn”.

Bố tôi bảo khi ông sống ở Toome bằng tuổi tôi ông đã đi hầu lễ Mixa và giờ đã đến lúc tôi trở thành một lễ sinh. Mẹ tôi nói:

Làm thế thì được gì nào? Làm lễ sinh thì phải có quần áo tử tế chứ.

Bố tôi nói:

Cần gì phải lo chuyện ấy, áo choàng lễ dài đến gót chân rồi ai còn nhìn thấy quần áo nó mặc bên trong nữa.

Mẹ tôi nói:

- Chúng ta làm gì có tiền may áo choàng lễ cho nó và cũng chẳng có tiền mà mua xà phòng để giặt áo ấy chứ.

Bố tôi bảo rằng Chúa sẽ lo liệu chuyện áo lễ cho tôi và bố bắt tôi quì xuống sàn bếp. Bố tôi đóng vai linh mục vì bố tôi thuộc lòng những gì linh mục đọc trong khi làm lễ Mixa và tôi phải biết những câu đáp. Bố tôi nói *Introibo ad altar Dei* và tôi phải đáp *Ad Deum qui laetificat juventutem meam.*[2]

Tối tối sau khi uống trà xong tôi phải quì học tiếng Latin và nếu tôi chưa thuộc làu thì bố tôi chưa để tôi nhúc nhích. Mẹ tôi bảo ít nhất bố tôi để tôi ngồi mới phải nhưng bố tôi nói rằng tiếng Latin là ngôn ngữ linh thiêng và người ta phải quì mà học

và đọc. Bố tôi bảo chẳng ai thấy Giáo hoàng ngồi mà đọc tiếng Latin bao giờ cả.

Tiếng Latin rất khó và đầu gối tôi sứt cả ra và tôi vừa muốn ra ngõ chơi vừa muốn trở thành một lễ sinh, giúp việc cho linh mục trong phòng để đổ thờ, đứng hầu bên bàn thờ trong bộ áo choàng đỏ và trắng giống như Jimmy Clark bạn tôi, đáp lời linh mục bằng tiếng Latin, chuyển -cuốn sách to từ bên này sang bên kia tủ đựng bánh thánh, rót nước và rượu vào chén thánh, rung chuông ở lễ tế, quì, cúi, dâng lư hương, ngồi xuống một bén và để lòng tay trên đầu gối một cách nghiêm trang trong khi linh mục giảng đạo, được mọi người trong nhà thờ nhìn bằng ánh mắt ngưỡng mộ.

Trong nửa tháng tôi thuộc hết những câu tiếng Latin trong lễ Mixa và đã đến lúc tôi đến nhà thờ thánh Joseph để gặp người giữ đồ thánh, ông Stephen Carey, người phụ trách các lễ sinh. Bố tôi đánh giày cho tôi. Mẹ tôi mạng lại tất cho tôi và ném thêm than vào bếp làm nóng chiếc bàn là để là áo cho tôi. Mẹ tôi đun nước nóng tắm gội cho tôi. Mẹ tôi kỳ kỹ đến nỗi da tôi như phát bỏng. Mẹ tôi ước gì đầu gối tôi không chi chít sẹo do tôi bạ cái vỏ hộp nào cũng tung chân đá và ngã như thể tôi là một cầu thủ bóng đá nổi tiếng nhất thế giới. Mẹ tôi ước gì chúng tôi có một giọt dầu gội đầu để chúng tôi khỏi phải dùng nước và nước bọt để làm tóc tôi bớt dựng đứng như những cọng rơm đen trong một tấm nệm. Mẹ tôi dặn tôi đến nhà thờ phải nói năng to tát và không được lúng búng dù là nói tiếng Anh hay tiếng Latin. Mẹ tôi nói: “Thật tiếc là con không mặc vừa cái áo comlê may dạo chịu lễ Ban thánh thể đầu tiên nhưng con không có gì phải xấu hổ hết, con là con cháu của những gia đình tử tế, nhà McCourt, nhà Sheehan, gia đình Guifoyle đằng bà ngoại của con, những người đã từng có hàng mẫu đất ở tỉnh Limerick nhưng người Anh đã tước mất tất cả và đem giao cho những kẻ cướp đường từ London đến.

Bố tôi dắt tay tôi đi qua các phố và người đi đường cứ nhìn chúng tôi bởi vì chúng tôi vừa đi vừa ôn lại những câu Latin dùng trong lễ Mixa. Bố tôi gõ cửa phòng của người phụ trách lễ sinh và nói với ông Stephen Carey:

Đây là con trai tôi, cháu Frank, cháu biết tiếng Latin và muốn được làm lễ sinh ở đây.

Ông Stephen Carey nhìn bố tôi, rồi nhìn tôi. Ông ta nói:

Chúng tôi không có chỗ cho nó đâu.

Nói rồi ông ta đóng sập cửa lại.

Lúc ấy bố tôi vẫn đang nắm tay tôi và bố tôi bóp bàn tay tôi mạnh đến nỗi tôi đau muốn khóc. Trên đường về bố tôi không nói một lời nào. về đến nhà bố tôi bỏ mũ, ngồi xuống bên bếp và châm thuốc hút. Mẹ tôi cũng đang hút thuốc. Mẹ tôi hỏi:

Nó sẽ làm một lễ sinh chứ?

Không có chỗ cho nó.

Mẹ tôi rít một hơi thuốc rồi nói:

Ô. Tôi biết vì sao. Đó là vì sự phân biệt tầng lớp. Họ không muốn những đứa trẻ sống trong các ngõ có mặt quanh bàn thờ. Họ không muốn những đứa tóc dựng đứng và bị sẹo ở đầu gối. o, không, họ muốn những đứa con trai mặt mũi sáng sủa, tóc bóng dầu, đi giày mới, được những ông bố mặc comlê đeo cà vạt và có công việc tử tế đưa tới. Thế đấy, thật khó mà giữ được Đức tin và cái chất trưởng giả của nó.

Ôi chao, ôi chao.

Ôi chao, ôi chao cái mông tôi đây này. Anh vẫn thường nói thế đấy thôi. Anh có thể đi đến gặp linh mục và bảo với ông ấy rằng anh có một đứa con trai nhét đầy đầu tiếng Latin và tại sao nó lại không thể trở thành một lễ sinh, nó sẽ làm gì với mớ tiếng Latin đó hả?

Ôi chao, lớn lên nó có thể trở thành một linh mục.

Tôi xin bố mẹ tôi ra ngoài chơi. Bố tôi bảo: “Ừ, đi chơi đi”.

Mẹ tôi cũng nói: “Ừ, đi chơi đi”.

6

Thầy O'Neill là thầy giáo dạy lớp bốn. Chúng tôi gọi ông ấy là Chấm Nhỏ bởi vì người ông ấy bé tí. Ông ấy dạy chúng tôi trong một phòng học có bục giảng để ông ấy có thể đứng trước chúng tôi mà giơ cái roi tần bì lên dọa và để tất cả chúng tôi cùng nhìn thấy ông ấy gọt táo. Ngày đầu tiên của năm học mới ông viết lên bảng ba từ, Euclide, hình học, đồ đận độn và tuyên bố rằng ba từ đó phải được giữ nguyên trên bảng trong suốt năm học. Ông ấy báo trước rằng nếu ông ấy nhìn thấy trò nào xâm phạm đến ba chữ ấy thì trò đó sẽ phải sống nốt phần đời còn lại của mình với một bàn tay chứ không phải hai. Ông ấy nói rằng ai không hiểu những định lý Euclide thì người đó là đồ đần độn. Ông ấy ra lệnh: "Nào, nhắc lại theo ta nào, ai không hiểu những định lý Euclide thì người đó là đồ đần độn". Dĩ nhiên tất cả chúng tôi đều biết đồ đần độn nghĩa là gì bởi vì đó là từ mà ngày nào thầy giáo cũng dùng để gọi chúng tôi.

Brendan Quigley giơ tay:

- Thưa thầy, một định lý Euclide là gì ạ? Và một Euclide là gì ạ?

Chúng tôi tưởng ông ấy sẽ cho Hay Hỏi ăn roi giống như các thầy giáo khác thường phản ứng mỗi khi chúng tôi hỏi họ một câu hỏi nhưng ông ấy chỉ nhìn Brenden mỉm cười:

Ô, trò không chỉ hỏi một câu hỏi mà hỏi hai câu liền. Tên trò là gì nhỉ?

Brendan Quigley, thưa thầy.

Trò này sẽ tiến xa đây. Trò này sẽ đi tới đâu, các trò?

Xa, thưa thầy.

Đúng. Trò nào muốn biết về sự duyên dáng, tao nhã, và đẹp đẽ của Euclide thì trò đó chỉ có đi lên mà thôi. Trò này sẽ chỉ đi theo hướng nào nào, các trò?

Đi lên, thưa thầy.

Các trò, không có Euclide thì toán học chỉ còn là một thứ không đứng vững tội nghiệp. Không có Euclide thì chúng ta không thể đi từ chỗ này đến chỗ kia được. Không có Euclide xe đạp sẽ không có bánh. Không có Euclide thì có lẽ thánh Joseph của chúng ta đã không phải là một thợ mộc bởi vì nghề mộc là hình học và hình học là nghề mộc. Không có Euclide thì không có cái trường này.

Paddy Clohessy ngồi sau tôi lẩm bẩm: "Euclide Chết Tiệt".

Thầy Chấm Nhỏ quát cậu ta:

Trò kia, tên trò là gì?

Clohessy, thưa thầy.

Ô, thằng bé bay bằng một cánh. Tên thánh của trò là gì?

Paddy.

Paddy gì?

Paddy, thưa thầy.

Paddy, trò vừa nói gì với trò McCourt?

Em nói rằng chúng ta nên quì xuống tạ ơn Euclide.

Ta chắc là trò đã nói khác, Clohessy. Ta thấy sự dối trá bốc mùi từ răng của trò. Ta thấy gì, các trò?

Sự dối trá, thưa thầy.

Sự dối trá làm sao?

Bốc mùi, thưa thầy.

Từ đâu?

Từ răng của trò ấy, thưa thầy.

Các trò, Euclide là một người Hy Lạp. Clohessy, một người Hy Lạp là gì?

Là một người nước ngoài, thưa thầy.

Clohessy, trò là một thằng tinh ranh nửa mùa. Nào, Brendan, trò biết một người Hy Lạp là gì, đúng không?

Vâng, thưa thầy, Euclide là một người Hy Lạp.

Thầy Chấm Nhỏ thưởng cho cậu ta một nụ cười. Ông ấy bảo Clohessy nên học tập Quigley vì cậu ta biết một người Hy Lạp là gì. Ông ấy vẽ lên bảng hai đường thẳng và nói rằng đó là hai đường thẳng song song và một điều kỳ diệu và bí ẩn là hai đường thẳng đó không bao giờ gặp nhau, không gặp nhau cho dù chúng được kéo dài đến vô tận, không gặp nhau cho dù chúng được kéo đến tận vai Chúa.

Chúng tôi nghe thầy Chấm Nhỏ nói mà băn khoăn không biết tất cả những cái đó giúp ích được gì cho tình hình thế giới khi mà người Đức đem quân đi khắp nơi và dội bom xuống tất cả những mục tiêu đứng. Chúng tôi không thể tự mình hỏi ông ấy được nhưng chúng tôi có thể khiến Quigley làm việc đó. Ai cũng có thể thấy rằng Quigley là con cưng của thầy giáo và điều đó có nghĩa là cậu ta có thể hỏi bất cứ câu hỏi nào cậu ta thích. Tan học chúng tôi bảo cậu ta buổi học tới hãy hỏi thầy giáo câu hỏi: Euclide và những đường thẳng mãi mãi không gặp nhau kia có ích gì khi người Đức ném bom mọi thứ? Brendan nói cậu ta không muốn làm con cưng của thầy giáo, cậu ta không muốn hỏi câu hỏi đó. Cậu ta sợ nếu cậu ta hỏi câu hỏi đó thầy giáo sẽ đánh chết cậu ta mất. Chúng tôi bảo với cậu ta rằng nếu cậu ta không hỏi thầy giáo cầu hỏi đó thì chúng tôi sẽ đánh chết cậu ta.

Hôm sau Brendan giơ tay. Thầy Chấm Nhỏ cười với cậu ta. Cậu ta hỏi:

Thưa thầy, Euclide và những đường thẳng song song có ích gì khi người Đức ném bom mọi thứ?

Nụ cười trên môi thầy giáo tắt ngấm. Ông ấy lẩm bẩm:

Ôi, Brendan. Ôi, Quigley. Ôi, các trò, các trò.

Ông ấy đặt cây roi lên bàn và đứng trên bục giảng nhắm mắt lại. Ông ấy nói:

Euclide có ích gì ư? Có ích gì ư? Không có Euclide thì máy bay Messerschmit không bao giờ được đưa lên bầu trời. Không có Euclide thì máy bay Spitfire không thể phóng từ đám mây này sang đám mây khác được, Euclide mang đến cho chúng ta sự duyên dáng, vẻ đẹp, sự tao nhã. Euclide mang đến cho chúng gì nào, các trò?

Sự duyên dáng, thưa thầy.

Và?

Vẻ đẹp, thưa thầy.

Và?

Sự tao nhã, thưa thầy.

Euclide là hoàn hảo và siêu phàm trong ứng dụng. Các trò có hiểu điều đó không?

Hiểu, thưa thầy.

Ta nghi ngờ, các trò, ta nghi ngờ. Yêu Euclide là đơn độc trên thế giới này.

Ông ấy mở mắt và thở dài và bạn có thể thấy mắt ông ấy rớm lệ.

Hôm ấy Paddy Clohessy đang trên đường từ trường về nhà thì bị thầy O'Dea, thầy giáo dạy lớp năm chặn lại. Thầy O'Dea hỏi:

Tên trò là gì?

Clohessy, thưa thầy.

Trò học lớp mấy?

Lớp bốn, thưa thầy.

Hãy nói cho ta biết, thầy giáo của các trò có nói về Euclide không?

Có, thưa thầy.

Ông ấy đã nói gì?

Thầy ấy nói rằng Euclide là người Hy Lạp.

Cái đó thì hẳn rồi, trò đúng là một omadhaun [3]. Ông ấy còn nói gì khác không?

Thầy ấy nói không có Euclide thì không có trường học.

Ô. Thầy ấy có vẽ gì đó lên bảng chứ?

Thầy ấy vẽ những đường thẳng song song không bao giờ gặp nhau cho dù chúng chạm tới vai Chúa.

Đức Mẹ.

Không, thưa thầy. Vai Chúa cơ ạ.

Ta biết rồi, đồ đần. Thôi về đi.

Ngày hôm sau thầy O'Dea đến cửa lớp tôi gào to:

Ra đây mau, ông O'Neill, kẻ cơ hội, đồ nhát gan, ra đây mau.

Chúng tôi có thể nghe rõ tất cả bởi vì kính trên cửa lớp đã bị vỡ.

Thầy hiệu trưởng mới, thầy O'Halloran, nói:

Thôi nào, thầy O'Dea. Hãy kiềm chế. Đừng có to tiếng trước mặt học trò như thế.

Được, vậy thì ông O'Halloran, ông hãy bảo ông ta đừng có dạy môn hình học nữa. Môn hình học dành cho lớp năm chứ không phải cho lớp bốn. Môn hình học là của tôi. Bảo ông ta dạy phép chia đi và để Euclide cho tôi. Phép chia sẽ mở rộng hiểu biết cho ông ta, xin Chúa giúp chúng con. Tôi không muốn đầu óc của những thằng bé này bị kẻ cơ hội đứng trên bục giảng kia đầu độc, ông ta cho chúng ăn vỏ táo làm lây bệnh tiêu chảy lung tung. Bảo ông ta Euclide là của tôi, ông Halloran ạ, nếu không tôi sẽ không để yên đâu.

Thầy O'Halloran bảo thầy O'Dea về lớp của thầy ấy và gọi thầy O'Neill ra hành lang. Thầy O'Halloran nói:

Thầy O'Neill, tôi đã bảo thầy đừng có động đến Euclide rồi mà.

Ông đã bảo rồi, đúng, ông O'Halloran, nhưng ông bảo thế chẳng khác nào ông bắt tôi phải bỏ ăn táo hàng ngày.

Tôi nhắc lại một lần nữa, thầy O'Neill. Đừng giảng về Euclide nữa.

Thầy O'Neill quay vào lớp và mắt thầy lại rớm lệ. Thầy ấy nói rằng từ thời của người Hy Lạp đến giờ chẳng có nhiều thay đổi bởi vẫn có đầy rẫy kẻ vô học lỗ mãng. Thầy ấy hỏi chúng tôi: "Từ thời Hy Lạp đến nay có thay đổi gì, các trò?".

Quả là một cực hình đối với chúng tôi khi mà ngày nào chúng tôi cũng phải nhìn thầy O'Neill gọt táo, phải nhìn những đoạn vỏ dài, xanh hoặc đỏ, và nếu bạn ngồi gần bục giảng thì bạn còn ngửi thấy cả mùi táo thơm phức nữa. Nếu hôm nào bạn ngoan và trả lời đúng câu hỏi thầy giáo đưa ra thì ông ấy sẽ cho bạn vỏ táo và để bạn ăn nó ngay tại bàn của bạn và như thế bạn có thể yên trí ăn mà không sợ bị những đứa con trai khác cản trở như khi bạn ăn ở ngoài sân trường. Nếu bạn ăn vỏ táo ở ngoài sần thì bọn chúng sẽ nhao nhao đòi bạn chia cho chúng và bạn phải rất may mắn mới giữ lại cho mình được một mẩu vỏ bé tẹo.

Có những hôm các câu hỏi thầy giáo đưa ra khó quá và ông ấy hành hạ chúng tôi bằng cách ném vỏ táo vào thùng rác. Sau đó ông ấy gọi một học trò ở lớp khác đến mang thùng rác đổ vào lò đốt hoặc cho bà lao công Nellie Aheam để bà ấy tống vào bao tải mang về. Chúng tôi muốn bảo bà Nellie giữ vỏ táo lại cho chúng tôi trước khi chuột tha mất nhưng bà ấy quét dọn cả trường đã mệt lắm rồi nên bà ấy quát vào mặt chúng tôi: "Tôi còn khối việc để làm không rảnh đâu mà đứng chờ cả lũ sứt sẹo các cậu tìm vỏ táo. Cút đi".

Thầy O'Neill gọt táo một cách nhẩn nha. Ông ấy nhìn quanh phòng học với nụ cười nửa miệng. Ông ấy trêu chúng tôi:

Các trò, các trò có nghĩ ta nên cho lũ chim bồ câu ngoài kia cái vỏ táo này không?

Chúng tôi nhao nhao:

Không, thưa thầy, chim bồ câu không ăn vỏ táo đâu.

Paddy Clohessy nói to:

Nó sẽ làm chúng bị đi ỉa đấy, thưa thầy, thầy cứ để cho chúng em.

Clohessy, trò là một omadhaun. Trò có biết một omadhaun có nghĩa là gì không?

Em không biết, thưa thầy.

Đó là tiếng Ailen, Clohessy, tiếng mẹ đẻ của trò đấy. Một omadhaun có nghĩa là một thằng đần, Clohessy ạ. Trò là một thằng đần. Trò ấy là gì nhỉ, các trò?

Một thằng đần, thưa thầy.

Clohessy nói:

Thầy O'Dea cũng gọi em như vậy, thưa thầy, thầy ấy gọi em là một omadhaun.

Thầy giáo ngừng gọt táo để ra câu hỏi về mọi thứ trên thế giới và đứa con trai nào đưa ra được câu trả lời xuất sắc nhất sẽ dành được vỏ táo. Ông ấy nói:

Giơ tay lên nào, tổng thống Mỹ là ai?

Tất cả lớp giơ tay và tất cả chúng tôi đều thất vọng vì thầy giáo đã ra một câu hỏi mà bất cứ một omadhaun cũng có thể trả lời. Tất cả chúng tôi cùng gào "Roosevelt".

Thầy giáo hỏi tiếp:

Trò Mulcahy, những ai đứng dưới chân cây thập tự khi Chúa của chúng ta bị đóng đinh câu rút?

Mulcahy chậm chạp đáp:

Mười hai tông đổ, thưa thầy.

Mulcahy, trong tiếng Ailen thằng đần là gì?

Là omadhaun, thưa thầy.

Fintan Slattery giơ tay:

Thưa thầy, em biết những ai đã đứng dưới cây thập tự khi Chúa bị đóng đinh cầu rút.

Tất nhiên là Fintan biết ai đứng dưới cây thập tự. Sao cậu ta lại không biết chứ? Cậu ta luôn theo người mẹ nổi tiếng sùng đạo của cậu ta đi lễ Mixa kia mà. Mẹ cậu ta sùng đạo đến nỗi bố cậu ta không chịu nổi phải bỏ đi Canada làm nghề đốn gỗ và không bao giờ quay về nữa. Đêm nào Fintan và người mẹ sùng đạo cũng quì trong bếp cầu kinh và đọc tất cả các tạp chí tôn giáo, cùng tất cả những cuốn sách nhỏ do giáo hội Thiên Chúa giáo phát hành. Họ đi lễ Mixa và lễ Ban thánh thể đều đặn bất kể mưa hay nắng. Và thứ Bảy nào họ cũng đến xưng tội với những linh mục dòng Tên những người chỉ quan tâm đến những tội lỗi thông minh chứ không quan tâm đến những tội lỗi thông thường mà bạn thường nghe thấy từ những người sống trong ngõ, những người thường say khướt và thỉnh thoảng ăn thịt vào thứ Sáu vì sợ thịt thiu. Fintan và mẹ cậu ta sống ở đường Catherin và những hàng xóm của bà Slattery gọi họ là Bà Cầu Nguyện bởi vì cho dù có chuyện gì xảy ra, bị gãy chân, đánh vỡ cốc, hay bị chồng bỏ, bà ấy vẫn nói: “O, giờ tôi sẽ cầu Chúa và tôi sẽ được ban ân để sau này lên thiên đường”. Fintan cũng sùng đạo không kém. Nếu bạn đẩy cậu ta trên sân trường hoặc đặt tên để trêu cậu ta thì cậu ta mỉm cười và nói với bạn rằng cậu ta sẽ cầu nguyện cho bạn và cậu ta sẽ cầu nguyện cho linh hồn của cậu ta và của bạn. Những đứa con trai ở trường Leamy không muốn cậu ta cầu nguyện cho chúng và chúng dọa nếu chúng bắt gặp cậu ta cầu nguyện cho chúng thì chúng sẽ đánh vỡ mông cậu ta. Cậu ta nói rằng lớn lên cậu ta muốn trở thành một vị thánh, và điều đó thật lố bịch bởi vì chỉ khi chết rồi bạn mới có thể được phong thánh mà thôi. Cậu ta nói rằng con cháu của chúng tôi sẽ phải cầu nguyện trước ảnh của cậu ta. Một đứa con trai to cao nói: “Con cháu tao sẽ tè vào ảnh mày thì có” và cậu ta chỉ mỉm cười. Chị của cậu ta đã bỏ sang Anh khi cô ta mười bảy tuổi và mọi người đều biết rằng ở nhà cậu ta mặc áo ngắn tay

của chị mình và thứ Bảy nào cũng dùng dụng cụ uốn tóc của chị uốn tóc vì muốn mình trông thật lộng lẫy tại lễ Mixa. Nếu cậu ta gặp bạn ở lễ Mixa thì thế nào cậu ta cũng hỏi: "Tóc mình trông thật lộng lẫy phải không?". Cậu ta thích cái từ "lộng lẫy", và ngoài cậu ta ra không đứa con trai nào dùng từ đó hết.

Tất nhiên cậu ta biết những ai đứng dưới cây thập tự. Có khi cậu ta còn biết họ mặc gì và họ ăn gì vào bữa sáng nữa ấy chứ và bây giờ cậu ta đang trả lời thầy O'Neill rằng đó là bà Maria.

Thầy Chấm Nhỏ nói:

Lên nhận phần thưởng đi, Fintan.

Cậu ta chạy ngay lên nhận vỏ táo và chúng tôi không thê tin vào mắt mình khi mà cậu ta lôi từ trong túi áo ra một con dao gấp và cắt vỏ táo ra thành những miếng nhỏ để cậu ta có thể ăn dần chứ không tống tất cái vỏ táo dài vào miệng và ăn luôn một lần như chúng tôi. Cậu ta giơ tay:

Thưa thầy, em muốn chia một chút táo của em cho người khác ạ.

Táo ư, Fintan? Không, làm gì có táo. Trò không có táo, Fintan ạ. Trò chỉ có vỏ táo thôi, vỏ táo. Trò không có táo và cũng không bao giờ đạt được thành tích cao đến nỗi trò có thể thưởng thức táo của ta đâu. Còn khuya, Fintan ạ. Nào, có phải ta đã nghe thấy trò nói rằng trò muốn chia phần thưởng của trò cho người khác không nhỉ?

Vâng, thưa thầy. Em muốn chia ba mẩu vỏ táo cho Quigley, Clohessy, và McCourt ạ.

Tại sao?

Họ là bạn của em, thưa thầy.

Những đứa con trai trong lớp cười mỉa và huých khuỷu tay nhau và tôi cảm thấy xấu hổ bởi vì chúng sẽ bảo tôi uốn tóc và lúc ra chơi chúng sẽ trêu chọc tôi và tại sao Fintan lại nghĩ tôi là bạn cậu ta cơ chứ? Nếu chúng bảo rằng tôi mặc áo của chị thì dù

tôi có nói rằng tôi không có chị bọn chúng cũng sẽ nói: “Nếu mày có chị thì mày cũng sẽ mặc áo của chị mày”, ởngoài sân trường kia dù bạn có nói gì đi nữa thì cũng chẳng ích gì bởi vì luôn có đứa nào đó có câu đối lại và bạn chẳng thể làm gì khác hơn là lao vào cấu mũi bọn chúng và nếu bạn phải cấu tất cả những đứa có câu đối lại thì bạn có mà đi cấu suốt từ sáng đến trưa từ trưa đến tối.

Quiley cầm mẩu vỏ táo Fintan đưa cho và nói: “Cám ơn, Fintan”.

Cả lớp quay ra nhìn Clohessy bởi vì cậu ta lớn nhất lớp và gấu nhất lớp và nếu cậu ta nói cám ơn thì tôi cũng sẽ nói cám ơn. Cậu ta nói: “Cám ơn nhiều, Fintan”, rồi đỏ mặt và tôi cũng nói: “Cám ơn nhiều, Fintan”, và tôi cố không đỏ mặt nhưng tôi không thể bởi vì đám con trai trong lớp lại cười mỉa và tôi chỉ muốn đập cho chúng một trận.

Tan học bọn con trai gọi Fintan:

Này, Fintan, Fintan, mày có về nhà uốn mái tóc lộng lẫy của mày không hả?

Fintan mỉm cười và bước lên bậc sân trường.

Một thằng học lớp bảy cao kều nói với Paddy Clohessy:

Tao nghĩ nếu đầu mày không trọc tếu thì mày cũng sẽ uốn tóc.

Paddy nói:

Mày câm ngay.

Thằng cao kều kia nói:

Tao đố thằng nào làm gì được tao đấy.

Paddy lao vào cấu nó nhưng thằng đó tung một quả đấm vào mũi Paddy làm cậu ta ngã lăn ra và mũi cậu ta bắt đầu chảy máu. Tôi cố đánh thằng đó nhưng nó túm cổ tôi và đập đầu tôi vào tường khiến tôi nảy đom đóm mắt. Paddy đứng dậy bước đi, vừa đi vừa bưng mũi vừa khóc và thằng cao kều đẩy tôi về phía

cậu ta. Fintan đã ra đến đường và trông thấy chúng tôi cậu ta kêu lên:

Ôi, Francis, Francis, ôi, Patrick, Patric, các cậu làm sao thế?

Paddy nói:

Tớ đói. Tớ không thể đánh lại ai được bởi vì tớ đói muốn chết và tớ xấu hổ lắm.

Fintan nói:

Đi với tớ, Patrick. Mẹ tớ sẽ cho chúng mình thức ăn.

Paddy lắc đầu:

Không, mũi mình đang bị chảy máu.

Đừng lo. Mẹ tớ sẽ rịt mũi cho cậu hoặc sẽ để một cái chìa khóa lên gáy cậu thế là cậu hết chảy máu ngay ấy mà. Francis, cậu cũng phải đi với mình thôi. Trông cậu lúc nào cũng có vẻ đói.

Ô, không, Fintan.

Thôi mà, Francis.

Thôi được, Fintan.

Căn hộ của Fintan trông như một nhà nguyện. Trên một bức tường có hai bức tranh, bức Trái tim thiêng của Jésus và bức Trái tim Maria Trong Trắng. Jésus đứng đó với trái tim nhỏ máu cùng vòng gai và lưỡi lửa vây quanh. Đầu Chúa nghiêng về bên trái đầy vẻ đau đớn. Đức Mẹ Maria đứng đó với trái tim của mình và đó chắc hẳn phải là một trái tim dễ thương nếu nó không bị nhiều gai đâm đến thế. Đầu Đức Mẹ Maria nghiêng về bên phải đầy vẻ đau đớn bởi vì Đức Mẹ biết con trai mình sẽ chịu một kết cục buồn thảm.

Trên một bức tường khác có một bức ảnh chụp một người đàn ông mặc áo choàng màu nâu với những con chim đậu trên vai và trên tay. Fintan nói:

Francis, cậu có biết đấy là ai không? Không ư? Thánh bảo trợ của cậu đấy, thánh Francis đấy, và cậu có biết hôm nay là ngày bao nhiêu không?

Ngày mùng bốn tháng Mười.

Đúng và hôm nay là ngày lễ thánh Francis và là ngày đặc biệt đối với cậu bởi vì cậu có thể xin thánh bất cứ điều gì và chắc chắn thánh sẽ ban điều đó cho cậu. Chính vì thế mà tớ muốn cậu đến đây hôm nay. Ngồi xuống đi, Patrick, cả cậu nữa, Francis.

Bà Slattery xuất hiện với chuỗi hạt rôze trên tay. Bà ấy tỏ ra rất vui khi được gặp những người bạn mới của Fintan và bà ấy hỏi chúng tôi có muốn ăn bánh sandwich pho mát không. Bà ấy hoảng hốt khi nhìn thấy mũi Patrick chảy máu. Bà ấy đặt cây thập tự trong chuỗi hạt rôze lên mũi cậu ta và lầm rầm cầu nguyện. Bà ấy bảo chúng tôi rằng chuỗi hạt rôze bà ấy đang cầm là chuỗi hạt do Giáo hoàng ban cho bà ấy và nó có thể làm cả một dòng sông ngừng chảy chứ nói gì đến cái mũi bé tẹo của Patrick.

Fintan bảo rằng cậu ta không ăn sandwich bởi vì cậu ta béo rồi vả lại cậu ta đang cầu nguyện cho cái thằng cao kều đã đánh Paddy và tôi. Bà Slattery hôn lên trán cậu ta và bảo rằng cậu ta là một vị thánh từ thiên đường xuống và hỏi chúng tôi có muốn cho mù tạc vào bánh sandwich hay không và tôi trả lời rằng tôi chưa từng nghe thấy ai nói ăn mù tạc cùng pho mát bao giờ nhưng tôi rất muốn nếm thử. Paddy nói: “Cháu chưa bao giờ được ăn một cái sandwich”, và tất cả chúng tôi cùng cười phá lên và tôi bàn khoăn không biết liệu có ai như Paddy có thể sống mười năm trên đời mà lại chưa bao giờ ăn một cái sandwich. Paddy cũng cười, và bạn có thể thấy răng cậu ta trắng, đen và xanh.

Chúng tôi ăn sandwich, uống trà và Paddy muốn vào nhà vệ sinh. Fintan đưa cậu ta đi qua phòng ngủ đến sân sau và khi họ quay lại Paddy nói: “Tớ phải về nhà thôi. Mẹ tớ sẽ giết tớ mất. Tớ đợi cậu ở bên ngoài đấy, Francis”.

Giờ tôi phải đi vệ sinh và Fintan dẫn tôi ra sân sau. Cậu ta bảo rằng cậu ta cũng buồn đi vệ sinh và khi tôi cởi cúc quần rồi tôi không thể đi tiểu nổi bởi vì cậu ta cứ nhìn tôi rồi cậu ta nói: "Cậu ngốc thế. Cậu không việc gì phải sợ. Tớ thích nhìn cậu, Francis ạ. Tớ chỉ muốn nhìn thôi. Tớ sẽ không phạm một tội nào đâu vì sang năm tớ sẽ chịu lễ Kiên tín".

Paddy và tôi về cùng nhau. Tôi không nhịn được nên phải chạy vào sau một gara để đi tiểu. Paddy đợi tôi và khi chúng tôi đang đi trên phố Hartstonge Paddy nói:

Bánh sandwich nhà nó ngon thật, Frankie ạ, còn nó và mẹ nó thì rất chi là sùng đạo nhưng tớ không muốn đến nhà nó nữa vì nó kỳ quặc lắm, đúng không, Frankie?

Đúng, Paddy ạ.

Nó cứ nhìn vào "cái ấy" của cậu, kỳ quặc lắm, đúng không, Frankie?

Ừ.

Mấy hôm sau Paddy thì thầm với tôi: "Fintan bảo chúng ta có thể đến nhà nó ăn trưa. Mẹ nó không ở nhà và đã chuẩn bị bữa trưa để ở nhà cho nó. Nó sẽ cho chúng ta ăn cùng và nó còn có sữa ngon nữa. Chúng ta đi chứ?".

Fintan ngồi cách chúng tôi hai bàn. Cậu ta biết Paddy nói gì với tôi và cậu ta nháy mắt như muốn nói: "Các cậu đến chứ?" tôi nói "ừ" vào tai Paddy và Paddy gật đầu với Fintan và thầy giáo quát chúng tôi không được nháy mắt và mấp máy môi với nhau nếu không thầy sẽ cho ăn roi.

Những đứa con trai ở sân trường nhìn thấy ba chúng tôi đi với nhau bắt đầu phun ra những lời chầm chọc. Chúng nói: "Ôi, Chúa ơi, nhìn thằng Fintan và những ingle của nó kìa". Paddy hỏi Fintan: "Ingle nghĩa là gì?" và Fintan trả lời rằng theo nghĩa cổ thì có nghĩa là một thằng con trai ngồi ở một xó. Cậu ta bảo chúng tôi ngồi vào chiếc bàn ở trong bếp và bảo rằng chúng tôi muốn đọc cuốn truyện cười nào thì đọc, cuốn *Bộ phim hài, Buổi*

liên hoan, Chàng công tử bột hoặc bất cứ cuốn tạp chí lãng mạn nào mẹ cậu ta để ở nhà, tạp chí *Điều kỳ diệu* và tạp chí *Nhà tiên tri,* những cuốn tạp chí luôn có những câu chuyện na ná như câu chuyện kể về một cô công nhân nghèo xinh đẹp yêu con trai của một bá tước bị phụ tình và đã trầm mình xuống sông Thames để kết thúc đời mình nhưng lại được một người thợ mộc đi ngang qua cứu sống và người thợ mộc đó tuy nghèo nhưng thật lòng và yêu cô gái kia vì chất mộc mạc của cô mặc dù hóa ra người thợ mộc lại đích thị là con trai của một công tước, người có đẳng cấp cao hơn một bá tước nhiều, vậy là cô công nhân trở thành bà công tước và có thể từ vị trí của mình nhìn xuống tên con trai bá tước đã bỏ rơi cô trước đây bởi vì cô đang sống hạnh phúc với những bông hoa hồng trong khu đất rộng mười hai nghìn mẫu của gia đình cô ở Shropshire và cô đối xử rất tốt với người mẹ nghèo của mình, người đã không rời bỏ căn nhà thôn quê đơn sơ của bà cho dù người ta có cho bà tất cả tiền trên thế giới này.

Paddy nói rằng cậu ấy chẳng muốn đọc thứ gì hết, tất cả những câu chuyện đều là chuyện bịa. Fintan kéo tấm khăn đậy chiếc bánh sandwich và cốc sữa của cậu ta ra. Sữa trong cốc trông béo ngậy, và tươi ngon còn bánh sandwich trông cũng rất hấp dẫn. Paddy hỏi đó có phải là một cái sandwich giăm bông không và Fintan gật đầu. Paddy lại hỏi trong cái bánh đó có mù tạc không và Fintan lại gật đầu và Fintan cắt cái bánh ra làm đôi. Mù tạc ứa ra. Fintan liếm ngón tay và uống một ngụm sữa to. Cậu ta cắt cái bánh thành bốn, thành tám, thành mười sáu phần rồi cầm cuốn *Người đưa tin của trái tim Chúa* lên đọc và vừa đọc cậu ta vừa ung dung ăn bánh và uống sữa còn Paddy và tôi thì ngồi nhìn cậu ta mà nuốt nước bọt và tôi biết Paddy đang tự hỏi không biết chúng tôi đến nhà Fintan để làm cái quái gì bởi vì đó cũng chính là điều tôi đang băn khoăn và tôi hy vọng Fintan sẽ đẩy đĩa bánh cho chúng tôi nhưng cậu ta không làm vậy, cậu ta uống hết cốc sữa, để lại mấy miếng bánh trên đĩa, lấy khăn đậy

chúng lại, lau mồm, cúi đầu, làm dấu thánh và nói câu tạ ơn sau bữa ăn và lẩm bẩm: "Chúa ơi, chúng ta sẽ bị muộn học mất", và lúc đi ra lại làm dấu thánh trước cái bình nước thánh có hình Đức Mẹ Maria treo ở ngoài cửa và giơ hai ngón tay chỉ vào nó ra điều chúng tôi có thể lấy một ít mà uống.

Đã quá muộn nên dù có chạy mãi tôi và Paddy cũng không thể về trường để kịp nhận khẩu phần ăn của mình từ bà Neill và với cơn đói cồn cào tôi không biết làm thế nào có thể sống từ giờ cho tới lúc tan học để chạy về nhà kiếm một miếng bánh mì lót dạ. Đi gần đến cổng trường, Paddy kéo tay tôi lại và nói:

Tớ đói lắm không thể vào học tiếp được đâu. Tớ sẽ gục xuống mà ngủ và thầy Chấm Nhỏ sẽ giết tớ mất.

Fantan có vẻ đang lo và cậu ta giục:

Đi nào, mau lên, chúng ta muộn mất. Đi nào, Francis, nhanh lên.

Tớ không vào trường đâu, Fintan. Cậu đã ăn trưa rồi. Chúng tớ chẳng có gì trong bụng cả.

Paddy nổi khùng:

Mày là thằng đểu, Fintan. Mày là thằng đểu. Hôn mông tao đây này, Fintan.

Ôi Patrick.

Ôi, ôi cái mông tao đây này. Đi thôi, Francis.

Fintan chạy vào trường còn tôi và Paddy thì tìm đến một vườn quả ở Ballinacurra. Chúng tôi trèo tường vào vườn và một con chó xổ ra gầm gừ nhưng Paddy đã trổ tài nói chuyện với chó của cậu ta ra và bảo với con chó rằng nó là một con chó ngoan, rằng chúng tôi đang đói muốn chết và rằng con chó hãy đi về nhà với mẹ nó. Con chó liếm mặt Paddy và vừa chạy đi vừa vẫy vẫy đuôi. Chúng tôi hái táo tống đầy vào trong áo đến nỗi phải khá vất vả chúng tôi mới trèo được ra ngoài tường để chạy đến một cánh đồng và ngồi dưới chân một hàng rào ăn táo cho tới khi chúng tôi không thể nuốt thêm một miếng táo nào nữa rồi

chúng tôi áp mặt xuống suối uống nước suối mát lạnh. Sau đó mỗi đứa chúng tôi chạy xuống một đầu mương và "giải quyết nỗi buồn". Paddy vừa ngồi xổm vừa nói to với tôi: "Chẳng có gì trên đời này tuyệt hơn là được ăn một bữa táo no, uống nước suối mát lạnh và bậy ở một chỗ thoải mái, bánh sandwich kẹp pho mát cũng chẳng bằng còn lão Chấm Nhỏ thì cứ việc nhét chỗ vỏ táo vào đít lão".

Trên một thửa ruộng có ba con bò sữa đang nghếch đầu qua một bức tường đá kêu moo moo. Paddy nhảy qua tường, nằm xuống phía dưới một con bò có. những cái vú căng sữa. Cậu ta túm lấy một cái vú và vắt sữa vào miệng mình. Đang thưởng thức món sữa tươi cậu ta ngoảnh ra gọi tôi: "Lại đây, Frankie, sữa ngon lắm. Ngon cực. Túm lấy con bò kia, nó đầy sữa đấy".

Tôi luồn xuống dưới bụng một con bò và túm lấy một cái vú của nó nhưng nó đá tôi và đi ra chỗ khác và tôi biết nếu tôi cố bám nó thì nó sẽ giết chết tôi. Paddy đi tới chỉ cho tôi cách vắt sữa, cậu ta bảo tôi phải vắt mạnh và vắt thẳng và như vậy sữa sẽ chảy ra. Hai chúng tôi nằm dưới một con bò và uống được khá nhiều sữa và khi chúng tôi vẫn còn đang mải vắt sữa uống thì bỗng đâu có tiếng hét và một người đàn ông cầm một cây roi đang chạy tắt qua thửa ruộng về phía chúng tôi. Trong một phút chúng tôi đã trèo qua tường ra ngoài và người đàn ông thì không thể đuổi kịp chúng tôi được bởi vì ông ta đi ủng cao su. Ông ta đứng ở trong tường và vừa vung cây roi trong không khí vừa gào lên rằng nếu ông ta mà bắt được chúng tôi thì ông ta sẽ làm cho mông chúng tôi mang những vết lằn cỡ bằng cái giày và chúng tôi cười nhạo ông ta bởi vì chúng tôi đã thoát hiểm và tôi nghĩ tội gì người ta phải để mình bị đói trong một thế giới đầy táo và sữa cơ chứ.

Paddy nói để thầy Chấm Nhỏ nhét chỗ vỏ táo của ông ấy vào đít, tôi không phản đối nhưng tôi không muốn đi trộm táo và sữa mãi và tôi sẽ luôn cố gắng dành được vỏ táo của ông ấy để

tôi có thể về nhà khoe với bố tôi rằng tôi đã trả lời được những câu hỏi khó của thầy giáo.

Chúng tôi quay trở về. Trời đang có mưa nhỏ và có sấm sét và chúng tôi co chân chạy nhưng thật khó cho tôi phải chạy với đôi giày mòn đê cứ chực trượt hoài. Paddy có thể chạy thoải mái bởi cậu ta đi đất và bạn có thể nghe rõ từng bước chạy của cậu ta trên vỉa hè. Giày và tất của tôi ướt sũng và chúng phát ra những ầm thanh của riêng chúng, lóc bóc, lóc bóc. Paddy nghe tiếng bước chân của tôi và chúng tôi tạo ra một bài hát từ những tiếng chân chạy, lạch tạch lạch tạch, lóc bóc, lóc bóc, lạch tạch lóc bóc, lóc bóc lạch tạch. Chúng tôi cười rũ rượi trước bài hát chúng tôi tạo ra cho tới khi chúng tôi phải bám vào nhau. Mưa mỗi lúc một nặng hạt và chúng tôi biết chúng tôi không thể đứng tránh mưa dưới một cái cây được vì nếu chúng tôi làm thế thì rất có thể chúng tôi sẽ bị thiên lôi thui vì thế chúng tôi tìm đến một cái cửa nhưng chúng tôi đứng đó chưa được một phút thì cánh cửa đã mở và một cô giúp việc béo tốt đội mũ trắng đeo tạp dề trắng thò đầu ra đuổi chúng tôi đi. Chúng tôi chạy khỏi cái cửa đó và Paddy ngoái cổ lại gào to "đồ bê cái Mullingar, đổ bê cái" rồi cậu ta cười đến nghẹt thở và phải đứng dựa người vào một bức tường mà nghỉ. Đứng mãi trong mưa như thế chẳng khôn ngoan chút nào, người chúng tôi đã ướt sũng, vì vậy chúng tôi chạy xuống đại lộ O'Connell. Paddy nói rằng cậu ta đã học được từ "Bê cái Mullingar" từ chú Peter của cậu ta, người đã từng phục vụ trong quân đội Anh ở An Độ và chú của cậu ta vẫn còn giữ một bức ảnh chụp ông ấy đứng với một đám lính đội mũ đeo súng với những băng đạn quanh ngực và trong bức ảnh đó còn có những người đàn ông An Độ trung thành với vua Anh. Chú Peter đã có một thời gian đáng nhớ ở Kashmir, một nơi thú vị hơn cả Killamey. Paddy lại thao thao nói về chuyện trốn sang An Độ và sống trong một mái lều cùng với một cô gái có cái chấm đỏ ở giữa trán và ngày nào cũng ăn cari và sung và mặc dầu vừa

mới ăn no táo và uống no sữa xong, nghe cậu ta nói thế tôi lại cảm thấy đói.

Mưa đã tạnh và có những con chim chao lượn trên đầu chúng tôi. Paddy nói đó là những con vịt trời hay ngỗng trời hoặc loài chim trời nào đó đang trên đường bay tới châu Phi ấm áp. Những con chim đó khôn ngoan hơn người Ailen. Chúng đến sông Shannon để nghỉ ngơi rồi lại bay trở về những nơi ấm áp, An Độ chẳng hạn. Cậu ta nói rằng khi nào cậu ta đến An Độ cậu ta sẽ viết thư về cho tôi và tôi có thể đến đó kiếm một cô gái có cái chấm đỏ ở trán cho riêng mình.

Cái chấm đỏ đó để làm gì nhỉ, Paddy?

Nó cho thấy rằng người ta thuộc tầng lớp cao quí.

Nhưng, Paddy này, tầng lớp cao quí ở Ân Độ có thèm nói chuyên với cậu không nếu họ biết cậu đến từ một ngõ nghèo ở Limerick và không có giày đi?

Tất nhiên là có, nhưng những người Anh thì không đâu. Tầng lớp cao quí ở Anh sẽ không chịu thí cho cậu đám hơi ở bãi nước tiểu của họ đâu.

Hơi ở bãi nước tiểu của họ? Lạy Chúa, Paddy, cậu tự nghĩ ra những từ đó đấy à?

Không, không, đó là những từ bố tớ đã nói khi ông ấy nằm trên giường ho sù sụ và luôn mồm oán trách người Anh.

Và tôi nghĩ: "Hơi ở bãi nước tiểu của họ". Tôi phải ghi nhớ những từ này mới được. Tôi sẽ đi quanh Limerick mà nói: "Hơi ở bãi nước tiểu của họ, hơi ở bãi nước tiểu của họ", và khi nào tôi sang Mỹ tôi sẽ trở thành người duy nhất trên đất Mỹ biết những từ đó.

Quigley Hay Hỏi trên một chiếc xe đạp nữ đang tiến về phía chúng tôi và cậu ta gọi to: "Này, Frankie McCourt, cậu chết đến nơi rồi. Thầy Chấm Nhỏ đã gửi giấy đến nhà cậu báo cho bố mẹ cậu biết chiều nay cậu trốn học đi lang thang với Paddy

Clohessy. Mẹ cậu sẽ giết cậu. Bố cậu đang đi tìm cậu và ông ấy cũng sẽ giết cậu".

Ôi, Chúa ơi, tôi cảm thấy lạnh, trống rỗng và tôi ước gì tôi có thể đến Ấn Độ nơi thời tiết ấm áp và nơi tôi không phải đến trường và bố tôi không bao giờ có thể tìm thấy tôi để mà giết. Paddy bảo với Hay Hỏi: "Cậu ấy không đi lang thang và tao cũng vậy. Fintan Stattery làm chúng tao chết đói và chúng tao không kịp về ăn bữa trưa ở trường". Rồi Paddy nói với tôi: "Mặc kệ họ, Frankie, tất cả chỉ là bịa thôi mà. Trường gửi khối giấy đến nhà tớ và chúng tớ càng có cái để chùi đít".

Bố mẹ tôi không bao giờ chùi đít bằng giấy nhà trường gửi đến và tôi sợ phải về nhà. Quigley Hay Hỏi vừa đạp xe đi vừa cười đắc ý và tôi không biết tại sao nó lại cười như vậy bởi vì nó đã có lần bỏ nhà ra mương ngủ với bốn con dê và chắc chắn việc đó còn tệ hơn việc trốn học có nửa ngày.

Giờ tôi có thể rẽ lên đường Barrack để về nhà và nhận lỗi với bố mẹ tôi và giải thích với họ rằng tôi không đi học vì tôi đói quá nhưng Paddy nói: "Đi nào, chúng mình sẽ đến đường Dock và chơi lia đá trên sông Shannon.

Chúng tôi chơi lia đá trên sông và ngồi đánh đu trên cái xích đu ở bờ sông. Trời đang tối và tôi không biết tôi sẽ ngủ ở đâu. Tôi có thể phải ngủ ngay ở bờ sông hoặc phải tìm một bậc cửa nào đó hoặc phải đi ra ngoại ô tìm một cái mương cạn và ngủ với những con dê giống như Brendan Quigley. Paddy bảo rằng tôi có thể về nhà cậu ta, tôi có thể ngủ trên sàn nhà và tôi sẽ không bị ướt.

Paddy sống trong một trong những nhà cao tầng nhìn ra sông ở bến Arthur. Mọi người ở Limerick đều biết những ngôi nhà đó có từ lâu lắm rồi và chúng có thể sập bất cứ lúc nào. Mẹ tôi thường nói: "Mẹ không muốn các con bén mảng đến bến Arthur và nếu mẹ mà nhìn thấy đứa nào ở đó thì mẹ sẽ đập vỡ

mặt. Dân ở khu đó gớm lắm và người đi qua đó có thể bị cướp và bị giết như chơi".

Trời lại mưa và đâu đó trong các ngôi nhà những đứa trẻ nhỏ đang chơi dọc các hành lang và trên các bậc thang. Paddy bảo tôi phải bước cẩn thận bởi có những chỗ bậc thang đã bị mất và ở những chỗ còn bậc thì rất hay có cứt của trẻ con vì trẻ con không xuống cầu thang kịp để đi vào nhà vệ sinh ở bên dưới.

Lên đến tầng bốn chúng tôi nhìn thấy một phụ nữ trùm khăn đang ngồi hút thuốc. Bà ấy hỏi:

Paddy đấy phải không?

Vâng, mẹ ạ.

Mẹ ngồi ngoài này hút thuốc. Những cái bậc chết tiệt này sẽ giết mẹ mất. Con uống trà chưa?

Con chưa.

Mẹ không biết nhà có còn bánh mì không nữa. Lên mà tìm xem.

Gia đình Paddy sống trong một căn phòng rộng có trần cao và một cái bếp lò nhỏ. Trong phòng có hai cửa sổ cao và đứng đó bạn có thể nhìn ra sông Shannon. Bố cậu ta đang nằm trên chiếc giường kê ở góc phòng, rên rỉ và nhổ vào một cái bô. Các em trai và em gái của cậu ta đang nằm trên tấm đệm ở dưới sàn nhà, đứa thì ngủ, đứa thì nói chuyện, đứa thì nhìn lên trần nhà. Có một đứa bé trần truồng đang bò đến chỗ cái bô của bố nó và Paddy phải lôi nó ra. Mẹ cậu ta đang đi vào phòng, vừa đi vừa thở hổn hển. Bà ấy lẩm bẩm: "Lạy Chúa, con chết mất".

Bà ấy tìm thấy một ít bánh mì và bắt đầu đi pha trà cho Paddy. Tôi không biết mình nên làm gì. Họ chẳng nói với tôi lời nào. Họ không hỏi tôi đến nhà họ làm gì hay bảo tôi đi về hay nói gì đó tương tự và phải một lúc sau ông Clohessy mới thều thào hỏi Paddy:

Ai thế?

Đây là Frankie McCourt.

McCourt à? Họ lạ gớm nhỉ?

Bố cháu là người miền bắc, thưa bác Clohessy.

Tên mẹ cháu là gì?

Angela, thưa bác.

Ôi, Chúa ơi, có phải Angela Sheehan không?

Đúng ạ.

Ông ấy rên rồi ho một cơn dữ dội và thò đầu ra ngoài mép giường nhổ liên tục vào bô. Khi cơn ho qua đi ông ấy lại để đầu xuống gối. Ông ấy thều thào: "Frankie, ôi, bác biết mẹ cháu rất rõ. Bác đã từng nhảy với mẹ cháu, ôi Chúa ơi, bác chết mất, bác đã nhảy với mẹ cháu ở hội trường Wembley và mẹ cháu là người nhảy đẹp nhất".

Ông ấy lại nhoài người ra để nhổ. Ông ấy thở rất khó khăn. Ông ấy thở khó khăn như vậy nhưng ông ấy vẫn tiếp tục nói:

Cô ấy là người nhảy đẹp nhất, Frankie ạ. Mẹ cháu không gầy nhưng ôm mẹ cháu nhảy bác ngỡ mẹ cháu nhẹ như một cái lông chim và khi mẹ cháu đi khỏi Limerick có khối đàn ông tiếc ngẩn tiếc ngơ. Cháu có biết nhảy không, Frankie?

Dạ, không, thưa bác Clohessy.

Paddy nói:

Cậu ấy biết nhảy đấy, bố ạ. Cậu đã học nhảy ở chỗ bà O'Connor mà.

Ôi, nhảy đi, Frankie. Cháu nhảy cho bác xem đi, Frankie. Nhấc chân lên nào, cháu.

Cháu không nhảy đâu, bác Clohessy. Cháu nhảy dở lắm.

Dở ư? Con trai Angela Sheehan mà lại nhảy dở ư? Nhảy đi nào, Frankie, cháu không nhảy thì bác sẽ bò dậy dắt cháu nhảy quanh cái nhà này.

Giày của cháu bị hỏng rồi.

Frankie, Frankie, cháu làm bác ho nữa đây này. Vì Chúa cháu hãy nhảy một chút để bác nhớ lại cái thời trai trẻ bác đã nhảy cùng với mẹ cháu ở hội trường Wembley. Bỏ đôi giày chết tiệt của cháu ra, Frankie, nhảy đi cháu.

Tôi phải bịa ra các điệu nhảy và giai điệu kèm theo giống như trước đây tôi đã từng làm. Tôi nhảy quanh phòng với một chiếc giày tôi quên chưa cởi ra. Tôi cố bịa ra lời cho điệu nhảy: "Ôi, những bức tường Limerick đang đổ xuống, đổ xuống, những bức tường Limerick đang đổ xuống và sông Shannon sẽ giết chết chúng ta".

Ông Clohessy nằm trên giường cười thành tiếng và nói: "Ôi, Chúa ơi, tôi chưa bao giờ nghe thấy bài hát nào như thế. Cháu có đôi chân tuyệt vời để làm vũ công đấy, Frankie ạ. Ôi, Chúa ơi". Ông ấy lại ho và nhổ ra bao nhiêu là đờm rãi. Tôi thấy buồn nôn và tôi không biết mình có nên đi khỏi căn phòng với cái bô làm tôi buồn nôn kia để về nhà cho bố mẹ tôi muốn giết thì giết hay không.

Paddy nằm xuống một tấm đệm ở gần cửa sổ và tôi nằm xuống cạnh cậu ta. Tôi để nguyên quần áo như những người khác và tôi thậm chí còn quên cởi chiếc giày ướt đã bốc mùi ở chân ra. Paddy đặt lưng xuống là ngủ ngay còn tôi thì nằm đó nhìn mẹ cậu ta ngồi hút thuốc bên bếp lò chỉ còn le lói một chút than hồng. Bố Paddy rên rỉ và ho và nhổ vào bô. Ông ấy kêu lên: "Ôi, máu" và vợ ông ấy nói:

Sớm muộn gì thì mình cũng phải vào viện lao thôi.

Tôi không vào đó. Vào đó là hết đời.

Mình không thể lây bệnh sang bọn trẻ. Tôi có thể nhờ người ép mình phải đi viện để khỏi nguy hiểm cho bọn trẻ.

Nếu lây thì đã lây rồi.

Lò đã tắt và bà Clohessy trèo qua ông Clohessy lên giường. Trong một phút bà ấy đã ngáy khò khò mặc dù bên cạnh bà ấy ông Clohessy vẫn ho liên tục và thỉnh thoảng lại cười và lẩm

bẩm nhắc lại những chuyện thời trai trẻ khi ông ấy nhảy với Angela Sheehan nhẹ như một cái lông chim ở hội trường Wimbley.

Căn phòng rất lạnh và tôi run cầm cập trong bộ quần áo ướt. Paddy cũng run nhưng cậu ta vẫn ngủ và cậu ta không biết mình rét. Tôi không biết tôi nên ở lại hay dậy và đi về nhà nhưng có mà điên mới muốn lang thang trên phố vào giờ đó để đụng phải một lính tuần đêm chuốc rắc rối vào mình. Đây là lần đầu tiên tôi bỏ nhà đi và tôi biết tôi thích ở nhà của tôi hơn cho dù ở nhà tôi phải ngửi mùi thối từ cái nhà vệ sinh và cái chuồng ngựa ở ngay trước cửa. Thật khó chịu mỗi khi căn bếp của chúng tôi bị ngập như một cái hồ khiến chúng tôi phải chuyển lên Ý nhưng ở nhà Clohessy còn khó chịu hơn khi mà bạn phải chạy qua bốn tầng mới xuống được nhà vệ sinh. Tôi thích ngủ ở một con mương với bốn con dê hơn.

Tôi ngủ chập chờn nhưng giấc ngủ chập chờn ấy của tôi cũng chẳng kéo dài được bao lâu bởi vì bà Clohessy dậy rất sớm và khua cả nhà dậy. Họ mặc nguyên quần áo đi ngủ nên sáng ra họ không mất công mặc quần áo và vì thế không có chuyện đánh nhau vì quần áo. Họ làu bàu và đua nhau chạy xuống cầu thang để đi vệ sinh. Tôi cũng phải đi vệ sinh và tôi chạy theo Paddy nhưng em gái cậu ta đã nhanh chân chiếm nhà vệ sinh trước rồi nên chúng tôi phải tìm đến một bức tường để đi tiểu. Em gái cậu ta đe chúng tôi: “Em trông thấy rồi nhé, em sẽ về mách mẹ là anh đái bậy” và Paddy quát: “Câm ngay nếu không tao sẽ dúi đầu mày vào nhà vệ sinh bây giờ”. Em gái cậu ta vội ôm quần chạy lên cầu thang và khi chúng tôi lên nhà bà Clohessy cầm chiếc thắt lưng da vụt Paddy một cái vào đầu vì tội bắt nạt em. Paddy đứng im không nói gì bởi vì mẹ cậu ta vụt cậu ta xong liền đi múc cháo ra bát và đổ mứt ra một cái tô bảo chúng tôi ngồi xuống ăn để còn đi học. Bà ấy ngồi xuống bàn ăn cháo. Tóc bà ấy màu tro xám trông chẳng sạch sẽ chút nào. Những sợi tóc

quệt vào bát cháo và lôi lên một ít cháo hoặc một ít sữa, các con bà ấy húp cháo soàn soạt và kêu rằng chúng vẫn đói. Chúng thò lò mũi, đau mắt và sứt sẹo chân tay. Ông Clohessy ho và vật vã trên giường và nhổ ra những cục máu đỏ lòm khiến tôi phải chạy vội ra cầu thang nôn thốc nôn tháo ra chỗ một bậc thang bị mất và những thứ tôi nôn ra chảy xuống sàn nơi người ta đang tấp nập ra vào nhà vệ sinh. Paddy đến sau lưng tôi hỏi tôi có sao không và cậu ấy bảo rằng cầu thang ở đó là để cho người ta nôn và đi ỉa và rồi toàn bộ cái nơi chết tiệt mà cậu ta đang sống sẽ sập hoàn toàn.

Tôi không biết phải làm gì. Nếu tôi đến trường thì tôi sẽ bị giết và tại sao tôi lại phải đến trường hay về nhà để bị giết trong khi tôi có thể sống ở ngoài đường bằng sữa và táo cho đến ngày tôi đi Mỹ. Paddy nói rằng trường học là một sự lừa bịp và tất cả giáo viên *ở* đó đều là một lũ điên.

Có tiếng ai gõ cửa nhà bà Clohessy và đó là mẹ tôi dắt tay em Michael của tôi và cạnh mẹ là ông bảo vệ Dennehy, người quản lý sĩ số của trường. Mẹ tôi nhìn tôi và nói:

Con làm gì ở đây mà chân chỉ đi một giày thế kia hả?

Ông bảo vệ nói:

Ô, cô này, tôi nghĩ phải hỏi một câu quan trọng hơn câu đó chứ.

Michael chạy đến với tôi thỏ thẻ:

Mẹ khóc. Mẹ khóc vì anh đấy, Frankie.

Mẹ tôi hỏi:

Con đã ở đâu cả đêm hả?

Con ở đây.

Con làm mẹ lo phát điên lên. Bố con đi tìm con khắp Limerick.

Ông Clohessy từ trong nhà hỏi vọng ra:

Ai ở ngoài cửa thế?

Mẹ cháu, thưa bác Clohessy.

Ông Clohessy cố chống tay ngồi dậy:

Ôi, ơn Chúa, vào nhà đi Angela. Cô còn nhớ tôi không?

Mẹ tôi ngây người ra. Căn phòng không được sáng và mẹ tôi không nhận ra ai ở trên giường. Ông Clohessy thều thào nói:

Tôi đây mà, Dennis Clohessy đây mà.

Ôi, không.

Đúng đấy, Angela ạ.

Ôi, không.

Tôi biết, Angela. Tròng tôi thay đổi nhiều. Bệnh ho sắp giết chết tôi rồi. Nhưng tôi vẫn nhớ những đêm ở hội trường Wembley. Ôi, Chúa ơi, hồi đó cô là người nhảy đẹp nổi tiếng. Những đêm ở hội trường Wembley, ôi Angela, và món cá tẩm bột chiên. Ôi, những chàng trai, ôi, những chàng trai, ôi, Angela.

Mẹ tôi khóc. Mẹ tôi nói:

Dạo đó anh cũng là một người nhảy giỏi, anh Dennis Clohessy ạ.

Chúng ta lẽ ra có thể chiến thắng mọi cuộc thi, Angela ạ. Fred và Ginger đáng lẽ phải ghen tị với chúng ta nhưng cô đã bỏ sang Mỹ. Ôi, Chúa ơi.

Ông ấy lại ho và chúng tôi phải đứng nhìn ông ấy nhổ đờm vào bô. Ông bảo vệ Dennehy nói:

Chúng ta đã tìm được thằng bé rồi, giờ tôi phải đi thôi.

Và ông ấy nói với tôi:

Nếu mày còn bỏ học đi lang thang nữa thì mày sẽ bị giam đấy, nhãi con ạ. Mày đã nghe rõ chưa hả?

Rõ rồi, thưa ông bảo vệ.

Đừng có làm khổ mẹ mày nữa, nhãi con. Tao không chịu nổi cảnh những bà mẹ bị hành hạ khổ sở đâu.

Cháu sẽ không làm khổ mẹ cháu nữa đâu. Cháu sẽ không làm thế nữa đâu.

Ông bảo vệ đi ra còn mẹ tôi thì đi đến bên giường ông Clohessy và cầm tay ông ấy. Khuôn mặt ông ấy rúm ró còn tóc ông ấy thì ướt đẫm mồ hôi. Đám con của ông ấy đứng vây quanh giường nhìn ông ấy còn ông ấy thì nhìn mẹ tôi. Bà Clohessy ngồi bên bếp lò chọc chọc cái que cời và ngăn không cho đứa con bé xán đến sát bếp. Bà ấy nói:

Ông ấy cứ không chịu đi bệnh viện nên mới ra nông nỗi ấy.

Ông Clohessy nói một cách khó nhọc:

Nếu tôi được sống ở một chỗ khô ráo thì tôi đã không bị thế này. Angela này, ở Mỹ không ẩm thấp chứ?

Vâng.

Bác sĩ khuyên tôi nên đến Arizona. Cái ông bác sĩ ấy đến là vui tính. Arizona. Đến tiền để ra góc đường kia mua một vại bia tôi cũng chả có nói gì đến chuyện đi Arizona.

Mẹ tôi nói:

Rồi anh sẽ khỏe thôi, anh Dennis ạ. Tôi sẽ thắp nến cầu nguyện cho anh.

Đừng phí tiền, Angela. Những ngày đi nhảy của tôi đã kết thúc rồi.

Giờ tôi phải đi, anh Dennis ạ. Con trai tôi phải đi học.

Angela, trước khi cô đi cô làm ơn giúp tôi một việc được không?

Được, anh Dennis, nếu tôi có thể thì tôi xin sẵn sàng.

Cô có thể hát cho chúng tôi nghe một đoạn trong bài hát cô đã hát vào cái đêm trước ngày cô sang Mỹ được không?

Đó là một bài hát khó hát, anh Dennis ạ. Tôi không biết mình còn đủ hơi để hát hay không.

Ô, làm ơn đi, Angela. Tôi không bao giờ được nghe một bài hát nào nữa kể từ ngày đó. Trong nhà này không có ai hát bao giờ. Vợ tôi không thuộc bài hát nào và không nhảy được lấy một bước.

Mẹ tôi nói:

Thôi được. Tôi sẽ thử xem.

Ôi, những đêm với điệu nhảy Kerry,
Ôi, những vòng quay nhịp nhàng theo điệu sáo.
Ôi, mỗi giờ vui vẻ đó, trôi đi
Chao ôi, trôi qua nhanh, như tuổi trẻ của chúng ta.
Một tối mùa hè những chàng trai kéo về thung lũng,
Và những điệu sáo Kerry làm ngây ngất lòng người.

Mẹ tôi ngừng hát và đưa tay ôm ngực rên rỉ: "Ôi, Chúa ơi, tôi hết hơi rồi. Giúp mẹ với, Frank" và thế là tôi hát:

Ôi, nghĩ đến đêm đó,
Ôi, cứ mơ đến đêm đó,
Trái tim tôi lại nghẹn ngào thổn thức.
Ôi, những đêm với diệu nhảy Kerry,
Ôi, những vòng quay nhịp nhàng theo diệu sáo.
Ôi, mỗi giờ vui vẻ đó, trôi đi, chao ôi,
Trôi qua nhanh, như tuổi trẻ của chúng ta.

Ông Clohessy cố hát theo chúng tôi nhưng hát chưa được một câu ông ấy đã ho sù sụ. Ông ấy lắc đầu và nghẹn ngào nói với mẹ tôi:

Tôi không nghi ngờ cô đâu, Angela. Bài hát đưa tôi trở lại những ngày ấy. Cầu Chúa ban phước cho cô.

Cầu Chúa ban phước cho anh, anh Dennis, và cám ơn chị Clohessy, vì đã cho Frankie ở đây để cháu nó không phải ngủ ngoài đường.

Không có gì, chị McCourt. Thằng bé có quấy rầy gì chúng tôi đâu.

Ông Clohessy nói:

Chẳng quấy rầy gì đâu, nhưng nó không nhảy giỏi như mẹ nó.

Mẹ tôi nói:

Đi có một chiếc giày mà nhảy thì cũng khó, anh Dennis ạ.

Tôi biết, Angela ạ, nhưng không hiểu tại sao thằng bé lại không cởi ra. Nó hơi lạ phải không?

Ồ, đôi khi nó kỳ quặc như bố của nó ấy mà.

Ồ, ra thế. Bố thằng bé là người miền Bắc, và nó như thế cũng đúng thôi. Ó miền Bắc người ta đi một chiếc giày mà nhảy có ai cho là lạ đâu.

Chúng tôi đi xuống phố Patrick và phố O'Connell, Paddy Clohessy, mẹ tôi cùng Michael và tôi, trên đường đi mẹ tôi cứ khóc sụt sịt. Michael nói với mẹ tôi:

Mẹ, đừng khóc nữa mẹ. Anh Frankie sẽ không bỏ đi nữa mà.

Mẹ tôi bế Michael lên tay:

Ôi, không, Michael, mẹ không khóc vì anh Frankie đâu. Mẹ khóc vì bác Dennis và về những đêm mẹ với bác ấy nhảy ở hội trường Wembley.

Mẹ tôi đến trường với chúng tôi. Thầy O'Neill liếc xéo chúng tôi một cái và bảo chúng tôi ngồi đợi ông ấy. Ông ấy nói chuyện với mẹ tôi ở ngoài cửa một lúc lâu và khi mẹ tôi ra về ông ấy quay vào lớp đến chỗ Paddy tát vào đầu cậu ta mấy cái liển.

Tôi rất tiếc cho gia đình Clohessy và tiếc cho tất cả những khó khăn của họ nhưng tôi nghĩ chính họ đã cứu tôi thoát khỏi rắc rối với mẹ tôi.

7

Có những thứ Năm bố tôi đi lĩnh tiền trợ cấp thất nghiệp ở Trung tâm Lao động và người quen trông thấy rủ bố tôi ra quán. Bố tôi bảo sẽ chỉ uống một vại thôi nhưng bao giờ cũng vậy trước khi các quán đóng cửa tất cả số tiền trợ cấp đã đi đời nhà ma và bố tôi về nhà trong tình trạng say mèm, bước không vững và gào chúng tôi dậy, bắt chúng tôi đứng xếp hàng và bắt chúng tôi thề chết cho Ailen ngay từ cơ hội đầu tiên. Bố tôi nói như vậy đấy, cơ hội đầu tiên. Tôi chín tuổi còn Malachy tám tuổi và chúng tôi thuộc tất cả các bài hát phản kháng bố tôi vẫn hát. Chúng tôi hát những đoạn trong bài hát về Kevin Barry và Roddy McCorley, bài hát *Phương Tây ngủ yên,* bài *O'Donnell Abu,* bài *Những chàng trai Wexford.* Chúng tôi hát và hứa chết cho Ailen bởi vì bạn không bao giờ biết được khi nào thì trong túi bố tôi còn một hoặc hai xu và nếu bố tôi cho chúng tôi một hoặc hai xu đó thì ngày hôm sau chúng tôi có thể chạy đến cửa hàng Kathleen O'Connell mua kẹo ăn. Có những đêm Michael là ca sĩ xuất sắc nhất và tiền thuộc về nó. Malachy và tôi không biết chúng tôi lên tám lên chín và thuộc tất cả các bài hát và hứa chết cho Ailen để làm gì khi mà tiền lại rơi vào tay Michael để rồi ngày hôm sau nó hí hửng nhai kẹo. Nó mới ba tuổi bọ nên có ai khiến nó chết cho Ailen đâu cơ chứ,

không ai hết, ngay cả Padraig Pease, người đã bị quân Anh bắn ở Dublin vào năm 1916 và trước khi chết đã hy vọng cả thế giới chết cùng với mình. Hơn nữa, bố của Mikey Molley nói rằng ai muốn chết cho Ailen đều là đồ con lừa. Bao nhiêu người đã chết cho Ailen từ thời kỳ đầu đến giờ và giờ đây thực trạng đất nước tốt đẹp như thế này đây.

Thật là tệ khi bố tôi tìm được việc gì cũng đánh mất nó trong ba tuần nhưng cứ một tháng bố tôi lại uống hết tiền trợ cấp một lần. Mẹ tôi chán ngán và sáng ra mẹ tôi giữ vẻ mặt khổ sở và không thèm nói với bố tôi. Bố tôi uống trà và ra ngoài đi dạo đến tận tối. Khi bố tôi trở về mẹ tôi vẫn không nói với bố tôi và không pha trà cho bố. Nếu bếp không còn lửa vì nhà hết than và không có cách gì để đun nước pha trà thì bố tôi rên mấy tiếng rồi đi lấy nước lạnh ở bình uống và chép miệng như thể ông đang uống bia. Bố tôi nói rằng nước uống tử tế là tất cả những gì một người đàn ông cần và mẹ tôi nghe thấy thế liền khịt mũi một cái. Khi mẹ tôi không nói với bố tôi không khí trong nhà thật nặng nề và lạnh lẽo và chúng tôi biết chúng tôi cũng không nên nói với bố tôi vì nếu chúng tôi mà nói với bố tôi thì thế nào mẹ tôi cũng lườm chúng tôi. Chúng tôi biết bố đã làm chuyện tồi tệ và chúng tôi biết bạn có thể làm cho một người khổ sở bằng cách không nói với người đó. Ngay cả Michael mới tí tuổi đầu cũng biết rằng khi bố tôi làm chuyện tồi tệ thì nó không nói với bố từ thứ Sáu đến thứ Hai và khi bố tôi cố ôm nó thì nó vùng ra và chạy sang với mẹ.

Tôi chín tuổi và tôi có một người bạn, Mikey Spellacy, cậu con trai có những người thân lần lượt từ bỏ cõi đời vì lao phổi. Tôi ghen tị với cậu ta bởi vì cứ mỗi khi nhà cậu ta có người chết là cậu ta lại được nghỉ học một tuần và được mẹ đính lên áo một dải băng đen để cậu ta có thể đi hết ngõ này đến ngõ khác và hết phố này đến phố khác và mọi người biết cậu ta đang có tang nên xoa đầu cậu ta và cho cậu ta tiền và kẹo.

Nhưng mùa hè này Mikey đang ở trong tâm trạng lo lắng. Chị gái Brenda của cậu ta đang vật vã với bệnh lao và mới có là tháng Tám thôi và nếu chị cậu ta chết trước tháng Chín thì cậu ta sẽ không có một tuần nghỉ học bởi vì bạn không thể được miễn học một tuần khi mà năm học đã kết thúc. Cậu ta đến tìm Billy Campbell và tôi để nhờ chúng tôi đến nhà thờ thánh Joseph

cầu nguyện cho chị Brenda của cậu ta cầm cự được cho tới tháng Chín.

Nếu chúng tớ đi cầu nguyện cho chị của cậu thì cậu thuê chúng tớ gì nào?

Ô, nếu chị tớ sống được tới tháng Chín và tớ được nghỉ học một tuần thì tớ sẽ cho các cậu đến dự bữa *wake* và các cậu có thể ăn giâm bông, pho mát, bánh và được uống rượu cherry và nước chanh rồi được nghe hát và nghe kể chuyện cả đêm.

Ai có thể nói không với những thứ hấp dẫn ấy kia chứ? Chẳng có sự vui vẻ nào giống như sự vui vẻ của một bữa *wake,* bữa ăn của đêm thức canh người chết. Chúng tôi chạy đến nhà thờ nơi có tượng thánh Joseph, tượng Trái tim thiêng của Jésus, tượng Đức Mẹ Đồng Trinh và tượng thánh Therese, tượng thánh Little Flower. Tôi cầu nguyện trước tượng thánh Little Flower bởi vì thánh cũng chết vì bệnh lao và như thê thánh sẽ cảm thông.

Chắc chắn một trong những lời cầu nguyện của chúng tôi đã linh nghiệm bởi vì Brenda sống đến tận ngày thứ hai của năm học mới. Chúng tôi bảo với Mickey rằng chúng tôi rất tiếc trước mất mát của gia đình cậu ta nhưng cậu ta tỏ ra rất vui mừng vì cậu ta lại được nghỉ học một tuần và lại được đeo băng tang để nhận tiền và kẹo của mọi người.

Nghĩ đến bữa ăn của đêm thức canh thi hài Brenda tôi thấy ứa nước miếng. Billy gõ cửa nhà Mickey và cô của Mickey thò đầu ra cửa hỏi:

- Gì?

Chúng cháu đến để cầu nguyện cho chị Brenda và Mickey bảo chúng cháu có thể dự bữa *wake* ạ.

Cô của Mickey gọi với vào trong nhà:

Mickey!

Gì ạ?

Ra đây. Mày bảo những thằng du côn này đến đây dự bữa *wake* của chị mày sao?

Không ạ.

Nhưng Mickey, cậu đã hứa...

Cô của cậu ta đóng sầm cửa ngay trước mặt chúng tôi. Chúng tôi không biết phải làm gì nhưng rồi Billy Campbell bảo tôi:

Chúng ta quay lại nhà thờ thánh Joseph và cầu nguyện cho từ nay trở đi những người trong gia đình của Mickey Spellacy sẽ chết vào giữa kỳ nghỉ hè của nó và cả đời nó sẽ không bao giờ được nghỉ học một ngày nào nữa.

Chắc chắn một trong những lời cầu nguyện của chúng tôi lại linh nghiệm bởi vì mùa hè sau đó chính Mickey bị nhiễm lao và cậu ta không được nghỉ học một ngày nào và chắc hẳn chuyện đó dạy cho cậu ta một bài học.

Bà tôi nói với mẹ tôi:

Anh Pat của chị, chân nó không được ổn, lại phải đi bán báo khắp thành phố này từ năm lên tám đến giờ thế mà thằng Frank nhà anh chị lớn thế rồi mà chẳng làm việc gì hết.

Nhưng nó mới có chín tuổi và vẫn còn đi học mà mẹ.

Đi học. Cái trường đó chỉ dạy nó cãi lại và làm cho nó vác cái mồm to và cái tính kỳ quặc giống bố nó đi lêu lổng mà thôi. Nó có thể sang giúp bác Pat nó vào các tối thứ Sáu khi người ta ra hàng tấn báo *Limerick Leader.* Nó có thể đưa báo đến những nhà giàu có cổng dài hàng dặm để cho cái chân bác Pat nó được nghỉ ngơi và nó cũng kiếm được vài xu.

Tối thứ Sáu Frank còn phải đến hội Hữu ái.

Quên cái hội Hữu ái đó đi. Trong giáo lý có thấy đả động gì đến mấy cái hội đó đâu.

Tôi gặp bác Pat để lấy *Limerick Leader* vào năm giờ chiều thứ Sáu. Người đàn ông giao báo càu nhàu rằng tay tôi như ống sậy thế thì cầm hai cái tem chưa chắc đã nổi nói gì đến một đống

báo nhưng bác Pat bắt tôi phải ôm tám tờ báo trên mỗi cánh tay. Bác ấy nói trời đang mưa và nếu tôi đánh rơi báo xuống đường thì bác ấy sẽ giết tôi. Bác ấy bảo tôi men theo tường đi lèn phố ƠConnell để báo khỏi bị ướt. Tôi phải chạy thật nhanh vào một điểm đặt mua báo, trèo lên bậc, chạy vào cửa, chạy lên gác, kêu "Báo đây", đưa tiền cho bác Pat rồi khẩn trương đi đến điểm đặt báo khác. Những người đặt báo bồi dưỡng cho bác Pat vì sự vất vả của bác ấy, và bác ấy không cho tôi sơ múi gì đến số tiền đó.

Chúng tôi đi lên đại lộ O'Connell, đến Barrington, vào đường Nam Circular, xuống phố Henry và quay lại văn phòng lấy thêm báo. Bác Pat đội một cái mũ lưỡi chai và một cái áo giống như áo ponsô của một anh chàng cao bồi để giữ cho báo khỏi bị ướt nhưng bác ấy luôn miệng kêu ca rằng cái chân đau của bác ấy sẽ giết chết bác ấy và chúng tôi ghé vào một quán bia để bác ấy làm một vại đền cho cái chân đau của bác ấy. Bác Pa Keating đang ở trong quán toàn thân đen nhẻm như mọi khi và bác ấy nói với bác Pat:

Cậu Pat này, cậu cứ để thằng bé đứng thần mặt ra ở ngoài kia vì thèm nước chanh sao?

Bác Pat ngơ ngác:

Gì? Gì cơ?

Bác Pa mất hết kiên nhẫn:

Lạy Chúa, thằng bé vác cả đống báo chết tiệt của cậu đi khắp thành phố và cậu không thể - Ôi, thôi, quên đi. Timmy, lấy cho thằng bé này một chai nước chanh nào. Frankie, cháu không có cái áo mưa nào sao?

Không, thưa bác Pa.

Cháu không việc gì phải ra mưa ra gió như thế này. Cháu ướt sũng rồi đấy. Ai bắt cháu phải làm cái việc chết tiệt này hả?

Bà nói là cháu phải giúp bác Pat bởi vì chân bác ấy đau.

Cái bà già ấy hả, đồ chó cái, nhưng mà này cháu đừng có nói với họ là bác đã rủa bà mẹ vợ của bác đấy.

Bác Pat vịn bàn đứng dậy, vơ tập báo lên tay và giục tôi:

Đi thôi, trời sắp tối rồi.

Bác ấy bước tập tễnh trên đường, vừa đi vừa rao mấy tiếng chẳng giống tên tờ báo bác ấy đang bán tí nào và thế cũng chẳng sao bởi vì ở thành phố này ai mà chả biết Ab Sheehan bị tật ở đầu. Chúng tôi đang đi thì có người gọi: "Ab, bán cho tôi một tờ, tội nghiệp cái chân khốn khổ của anh, cầm lấy vài xu mà mua thuốc lá này, đúng là phải đi bán báo vào hôm mưa như thế này thì khổ thật".

Bác Pat tôi lúng búng *Cán ơn, Cán ơn, cán ơn* và mặc dầu chân bác ấy tội nghiệp như người ta nói, tôi vẫn phải rất vất vả mới theo kịp bác ấy qua các phố. Bác ấy hỏi tôi:

Mày còn mấy tờ?

Một, thưa bác Pat.

Mang đến cho ông Timoney. Ông ấy nợ tiền nửa tháng báo. Lấy tiền nợ và tiền bổi dưỡng nữa. Ông ấy bồi dưỡng nhiều đấy và đừng có ăn bớt như thằng Gerry. Bớt tiền bỏ túi nó, thằng chó chết.

Tôi gõ cửa nhà ông Timoney và nghe thấy tiếng sủa vang của một con chó to. Một giọng đàn ông cất lên đe con chó: "Macushla, đừng sủa ầm lên như thế nếu không tao phết vào đít đấy". Con chó ngừng sủa, cánh cửa bật mở và một người đàn ông đứng đó với mái tóc trắng, cặp kính dày, chiếc áo len trắng, và một cây gậy chống trên tay. Ông ấy hỏi:

Ai đấy? Chúng tôi được đón ai thế này?

Báo, thưa ông Timoney.

Không phải là Ab Sheehan đấy chứ?

Cháu là cháu của bác ấy, thưa ông.

Gerry à?

Không, thưa ông. Cháu là Frank McCourt.

Một đứa cháu khác à? Anh ta nặn ra nhiều cháu thế nhỉ? Anh ta có một nhà máy nặn ra cháu trai ở sân sau chăng? Tiền ta trả nợ đây và bán cho ta một tờ hay là cứ giữ lấy cũng được. ích gì đâu nhỉ? Ta có đọc được nữa đâu còn cái bà Minihan đọc giúp ta thì chẳng thấy đến gì cả. Bà ấy cụt chân. Tên cậu là gì nhỉ?

Frank, thưa ông.

Cậu biết đọc không?

Có, thưa ông.

Cậu có muốn kiếm sáu xu không?

Có, thưa ông.

Vậy thì mai cậu hãy đến đây. Tên cậu là Francis, đúng không nhỉ?

Frank, thưa ông.

Tên cậu là Francis. Làm gì có thánh nào tên là Frank. Đó là tên của bọn găngtơ và bọn chính trị gia. Mai hãy đến và đọc cho ta.

Cháu sẽ đến, thưa ông.

Cậu có chắc là cậu biết đọc không?

Cháu chắc ạ, thưa ông.

Cậu có thể gọi ta là ông Timoney.

Vâng, thưa ông Timoney.

Bác Pat vừa xoa chân vừa càu nhàu: "Tiền của tao đâu, mà... mà mày không được nói chuyện với khách hàng rồi bỏ tao ở ngoài chờ với cái chân đau muốn chết như thế đâu đấy". Bác ấy phải ghé vào quán bia ở gần ngã ba Punch để uống một vại cho chân đỡ đau. Sau khi uống xong bác ấy bảo bác ấy không bước nổi một bước nào nữa và thế là chúng tôi bắt xe buýt về nhà. Người soát vé xe buýt hỏi tiền vé nhưng bác Pat nhăn nhó bảo ông ta để cho bác ấy và cái chân đau của bác ấy được yên. Và người soát vé đành chào thua bác ấy.

Xe buýt dừng lại gần đài kỷ niệm ƠConnell và bác Pat đi vào quán cá tẩm bột chiên Monument nơi tỏa ra mùi thức ăn thơm phức khiến tôi đói cồn cào. Bác Pat mua một shilling cá tẩm bột chiên và trông thấy gói thức ăn tôi ứa cả nước miếng nhưng khi chúng tôi về đến cửa nhà bà tôi bác Pat đưa cho tôi ba xu và hẹn gặp tôi vào thứ Sáu và cầm gói cá tẩm bột chiên đi vào trong nhà.

Con chó Macushla đang nằm duỗi dài bên ngoài cửa nhà ông Timoney và khi tôi đưa tay mở cánh cửa vườn để đi vào lối dẫn tới cửa con chó chạy xồ ra và vật tôi ngã uỵch xuống đất và chắc chắn nếu ông Timoney mà không quát nó kịp thời thì nó đã ăn sống nuốt tươi tôi rồi.

Cậu không sao chứ, Francis? Vào đi. Con chó là một tín đồ Hindu, ta tìm thấy mẹ của nó lang thang ở Bangalore.

Đọc tờ *Limerick Leader* ạ?

Không, không phải tờ *Limerick Leader.* Ta sẽ không để cái tờ báo chết tiệt đó làm bẩn cái mông của ta. Có một cuốn sách ở trên bàn ấy, cuốn *Những chuyến đi của Gullỉver.* Dưới cuốn đó có một cuốn khác. Cuốn *Một lời đề nghị khiêm tốn.* Đọc cho ta nghe cuốn đó. Cậu thấy nó chưa? Ta thuộc cả cuốn đó rồi nhưng ta vẫn muốn cậu đọc cho ta nghe.

Tôi cứ đọc được hai hoặc ba trang ông ấy lại bảo tôi dừng lại. Ông ấy hỏi: “Cậu đọc tốt đấy. Này, cậu nghĩ gì về cái đó, về chuyện thằng bé mới một tuổi mà được cho ăn đủ thứ, nào là thịt hầm, bánh mì, bánh nướng, bánh hấp, đủ thứ, hả? Macushla muốn bữa trưa của nó là một đứa bé Ailen bụ bẫm đúng không, Macushla?

Ông ấy đưa cho tôi sáu xu và hẹn tối thứ Bảy tới quay lại.

Mẹ tôi mừng ra mặt vì tôi kiếm được sáu xu từ việc đọc thuê cho ông Timoney. Mẹ tôi muốn biết tôi đã đọc gì cho ông ấy nghe. Tôi nói rằng tôi phải đọc cuốn *Một lời đề nghị khiêm tốn* và mẹ tôi gật gù: “Không vấn đề gì, đó chỉ là một cuốn sách thiếu

nhi thôi. Ý thích của ông ấy chắc hẳn là phải kỳ cục một chút vì đầu óc của ông ấy không còn được bình thường sau nhiều năm phục vụ cho quân đội Anh ở Ân Độ và người ta nói rằng ông ấy đã cưới một phụ nữ Ân Độ và bà ấy không may đã bị một tên lính gây rối bắn chết. Vì thế ông ấy mới bảo con đọc sách thiếu nhi chứ". Mẹ tôi biết tất cả những điều đó qua lời kể của bà Minihan, một người hàng xóm trước đây đã từng đến dọn nhà thuê cho ông Timoney nhưng rồi không chịu được cái cách ông ấy cười nhạo đạo Thiên Chúa. Bà ấy có thể chịu được việc uống cherry vào Chủ nhật nhưng bà ấy không thể chịu đựng được việc ông ấy cố tình lôi kéo bà ấy theo đạo Phật và không chịu đựng nổi khi ông ấy bảo rằng người Ailen sẽ sung sướng hơn nhiều nếu họ ngồi dưới một gốc cây và nhìn Mười điều răn của Chúa cùng Bảy trọng tội nổi lềnh bềnh trên sông Shannon và trôi ra biển.

Thứ Sáu của tuần tiếp theo Declan Collopy ở hội Hữu ái gặp tôi đang đi bán báo trên đường cùng với bác Pat. Cậu ta gọi to:

Này, Frankie McCourt, mày làm gì với Ab Sheehan đấy?

Bác ấy là bác của em.

Mày phải có mặt ở hội cơ mà.

Em phải đi làm, anh Declan ạ.

Mày không phải đi làm. Mày đã mười tuổi quái đâu mà làm với lụng và mày làm ảnh hưởng đến sĩ số của chi hội đấy. Nếu thứ Sáu tới mày không đến hội thì tao sẽ đập vỡ mõm mày ra, nghe rõ chưa?

Bác Pat nói:

Cút ngay, cút, nếu không tao giẫm bẹp bây giờ.

o, câm ngay, ông Đần Độn.

Declan đẩy bác Pat vào một bức tường gần đó. Tôi bỏ tập báo xuống và lao vào nó nhưng nó tránh sang bên và túm gáy tôi đập mặt tôi vào tường và tôi nổi điên đến nỗi tôi không còn

nhìn thấy nó nữa. Tôi lao vào nó dùng tay và dùng chân đánh lại nó và nếu như tôi có thể dùng răng cắn nát mặt nó ra thì tôi cũng làm nhưng tay nó dài như tay tinh tinh và nó chỉ cần dùng tay đẩy thôi tôi cũng không thể đụng đến người nó được. Nó nói: "Mày điên rồi con ạ. Mày đến hội mà xem, tao sẽ xử lý mày" và nó chạy đi.

Bác Pat lẩm bẩm: "Mày không nên đánh nhau như thế, mày để báo của tao xuống đất làm ướt mấy tờ rồi, tao bán làm sao được, tao cũng muốn lao vào đánh nhau với thằng đó lắm, nếu không vì báo thì tao đã đánh nhau với nó rồi".

Bác ấy cho tôi một ít khoai tây chiên và thay vì đưa cho tôi ba xu bác ấy đưa cho tôi sáu xu. Bác ấy giải thích rằng vì mẹ tôi cứ đến cằn nhằn với bà tôi về việc bác ấy trả công cho tôi ít nên bác ấy phải đưa thêm cho tôi chứ bác ấy đâu có kiếm được nhiều nhặn gì.

Mẹ tôi rất vui vì giờ đây mỗi thứ Sáu tôi kiếm được sáu xu từ bác Pat và sáu xu từ ông Timoney. Một shilling mỗi tuần tạo ra một sự khác biệt lớn và mẹ tôi cho tôi hai xu để đi xem phim ở rạp Lyric mỗi khi tôi đọc thuê cho ông Timoney xong.

Sáng thứ Bảy ông Timoney nói:

Đợi đó, chúng ta lấy cuốn Gulliver. Cậu sẽ biết Jonathan Swift là nhà văn vĩ đại nhất của Ailen, không nói đúng hơn ông là người viết trên giấy da tài giỏi nhất. Một người đàn ông vĩ đại, Francis ạ.

Ông Timoney cười trong khi nghe tôi đọc cuốn *Một lời đề nghị khiêm tốn* và chắc bạn sẽ thắc mắc là ông ấy buồn cười vì cái gì chứ khi mà cuốn sách đó chỉ toàn nói đên chuyện hành hạ những đứa trẻ Ailen. Ông ấy nói:

Khi nào cậu lớn cậu sẽ thấy nó buồn cười, Francis ạ.

Bạn không được phép cãi lại người lớn nhưng ông Timoney thì khác, ông ấy không bực mình khi tôi nói:

Ông Timoney, người lớn luôn nói với chúng cháu: “Khi nào cậu lớn cậu sẽ cười. Khi nào cậu lớn cậu sẽ hiểu. Tất cả sẽ đến khi cậu lớn”.

Ông ấy cười phá lên tưởng chừng sắp rơi khỏi ghế và nói:

Ôi, trời ạ, Francis. Cậu là một kho báu. Cậu sao vậy chứ? Cậu bị ong đốt vào mông hay sao thế? Hãy nói cho ta biết câu sao thế.

Không sao, thưa ông Timoney.

Ta nghĩ cậu có một cái miệng rộng, Francis ạ, và ta ước gì ta có thể nhìn thấy cái miệng của cậu. Hãy tới soi vào cái gương Tuyết Trắng ở tường ấy, rồi nói cho ta biết có phải miệng cậu rộng thật không. Đừng sợ. Hãy nói cho ta biết cậu sao thế.

Tối qua cháu gặp Declan Collopy và cháu đã dính vào một vụ đánh lộn.

Ông Timoney làm thế nào mà khiến tôi kể với ông về hội Hữu ái, về Declan và về bác Pat bị tật ở đầu của tôi, rồi ông ấy bảo với tôi rằng ông ấy biết bác Pa Keating, người bị nhiễm khí gas trong chiến tranh. Ông ấy nói: “Pa Keating là một người đáng quý. Ta sẽ cho cậu biết ta sẽ làm gì, Francis ạ. Ta sẽ nói chuyện với Pa Keating và bọn ta sẽ tới tìm những gã hỗn láo ở hội Hữu ái đó. Ta là người theo đạo Phật và ta không ủng hộ việc đánh nhau nhưng ta không làm ngơ đâu. Bọn chúng không thể bắt nạt người đọc sách bé nhỏ của ta được, vì Chúa Jésus, không thể để như thế được”.

Ông Timoney là một ông già nhưng ông ấy nói chuyện như một người bạn và tôi có thể nói với ông những cảm giác của mình. Bố tôi chẳng bao giờ nói chuyện với tôi giống như ông Timoney. Bố tôi luôn than: “Chao ôi” rồi bố tôi đi biến ra đường.

Bác Pat nói với bà tôi rằng bác ấy không muốn tôi giúp bác ấy đưa báo nữa, bác ấy muốn thuê một thằng bé khác làm việc đó với tiền công ít hơn và bác ấy nghĩ là tôi phải chia cho bác số tiền sáu xu tôi kiếm được nhờ việc đọc sách thuê bởi vì nếu không có bác ấy thì tôi làm sao có được công việc đó.

Bà hàng xóm của ông Timoney bảo tôi rằng tôi đừng có phí thời gian gõ cửa nhà ông ấy, con chó Macushla đã cắn người đưa thư, người đưa sữa và một bà xơ tình cờ đi ngang qua trong cùng một ngày. Và, ông Timoney không thể nhịn cười mặc dù sau đó khi con chó bị mang đi xử phạt ông ấy kêu khóc: "Mày có thể cắn người đưa thư và người đưa sữa tùy thích nhưng cắn một xơ đang đi đến gặp giám mục thì không thể được nhất là khi chủ của mày lại là một tín đồ theo đạo Phật, một mối đe dọa đối với những người theo đạo Thiên Chúa sống xung quanh". ông Timoney vừa cười vừa khóc ghê quá đến nỗi bác sĩ nói ông ấy bị loạn thần kinh và họ đưa ông ấy đến City Home nơi dành cho những người già lẩn thẩn vô gia cư.

Công việc sáu xu ngày thứ Bảy của tôi chấm dứt như vậy đó. Nhưng tôi vẫn sẽ đọc cho ông Timoney nghe cho dù được tiền hay là không. Tôi đợi ở dưới phố cho tới khi người hàng xóm đó vào nhà bà ta, rồi tôi trèo qua cửa sổ nhà ông Timoney để lấy cuốn *Những chuyến du hành của Gulliver* và đi bộ suốt mấy cây số tới City Home để ông Timoney không bị mất buổi nghe truyện. Người đàn ông tôi gặp ở cổng trừng mắt nhìn tôi và sẵng giọng:

Chuyện gì? Mày muốn vào đó đọc sách cho một ông già điên nghe sao? Mày định lừa tao sao? Biến khỏi đây mau trước khi tao gọi bảo vệ tới.

Cháu gửi lại cuốn sách để người khác đọc cho ông ấy nghe được không ạ?

Muốn thì cứ việc. Chúa đọc cho ông ta nghe tao cũng chẳng quan tâm. Tao sẽ đưa cho ông ta.

Và người đó phá lên cười.

Mẹ tôi hỏi:

Con sao thế? Sao con nhăn nhó thế?

Và thế là tôi kể cho mẹ tôi nghe việc bác Pat không muốn thuê tôi nữa, việc người ta đưa ông Timoney vào City Home vì

ông ấy cười khi con Macushla cắn người đưa thư, người đưa sữa và xơ đi ngang qua. Mẹ tôi cũng phá lên cười. Cười xong mẹ tôi nói:

Ôi, mẹ rất tiếc, thật tội nghiệp liền một lúc con mất cả hai công việc. Có lẽ con nên tới hội Hữu ái để đội vũ trang khỏi sờ đến con, và để tránh cha Gorey hỏi thăm tới.

Declan bắt tôi ngồi trước mặt nó và nếu tôi nhúc nhích thì nó sẽ bẻ gãy cổ tôi vì nó sẽ ngồi đó để theo dõi tôi.

Mẹ tôi nói mẹ tôi lại không leo cầu thang được và thế là mẹ chuyển giường xuống bếp nằm. Mẹ tôi cười: "Mẹ sẽ lên Sorrento khi nào tường ẩm và nước mưa tràn vào đến cửa". Năm học đã kết thúc và mẹ tôi có thể ngủ muộn đến chừng nào mẹ tôi muốn vì mẹ không phải dậy lo đồ ăn cho chúng tôi đi học nữa. Bố tôi nhóm lò, pha trà, cắt bánh mì, nhắc chúng tôi rửa mặt và bảo chúng tôi đi chơi. Bố tôi để chúng tôi ngủ nếu chúng tôi muốn nhưng khi không phải đi học thì bạn chẳng bao giờ muốn nằm trên giường hết. Hễ mở mắt dậy thì chúng tôi muốn chạy ra ngõ chơi ngay.

Rồi một ngày vào tháng Bảy bố tôi nói chúng tôi không được phép xuống dưới nhà. Chúng tôi phải ở trên gác chơi.

Bố, tại sao chứ?

Đừng hỏi, hãy ở trên ấy chơi với Malachy và Michael, khi nào bố nói xuống được hãy xuống.

Bố tôi đứng ở cửa canh chừng không cho anh em tôi bén mảng tới nửa bậc thang. Chúng tôi lấy chân nâng chăn lên giả vờ là chúng tôi đang ở trong lều, giả vờ làm Robin Hood. Chúng tôi săn tìm bọn bọ chét và lấy móng tay giết chúng.

Rồi chúng tôi nghe thấy tiếng trẻ con khóc ở dưới nhà và Malachy hỏi:

Bố, mẹ có em bé mới phải không?

Đúng, con trai ạ.

Tôi lớn hơn vì vậy tôi bảo với Malachy rằng mẹ chuyển giường xuống bếp để thiên thần có thể bay xuống và đặt em bé ở bậc thứ bảy nhưng Malachy không hiểu bởi nó mới chỉ tám tuổi sắp lên chín còn tôi một tháng nữa là tròn mười tuổi.

Mẹ nằm trên giường với em bé mới. Em bé mới có cái mặt bụ bẫm và toàn thân nó đỏ hỏn. Có một người đàn bà ở trong bếp cùng một y tá mặc áo choàng trắng và chúng tôi biết cô y tá có nhiệm vụ tắm cho các em bé vì những em bé luôn bẩn thỉu sau một hành trình dài cùng với thiên thần. Chúng tôi muốn cù em bé nhưng cô y tá nói: "Không, không, các cháu có thể nhìn em bé nhưng không được chạm một ngón tay lên người nó đâu".

Không được chạm một ngón tay. Cò y tá đã nói vậy đấy.

Chúng tôi ngồi bên bàn vừa uống trà và ăn bánh mì vừa nhìn em trai mới của chúng tôi nhưng nhìn chán nó vẫn không mở mắt nhìn lại vì thế chúng tôi bỏ ra ngoài chơi.

Mấy ngày sau mẹ tôi ra khỏi giường bế em bé đến bên bếp lò. Em bé mở mắt và khi chúng tôi cù nó nó phát ra những tiếng ọ ẹ, bụng nó rung rung khiến chúng tôi cười như nắc nẻ. Bố tôi cù nó và hát một bài hát Scottish.

Bố tôi kiếm được việc làm vì vậy Bridey Hannon có thể đến chơi với mẹ và em bé bất cứ lúc nào cô ấy muốn và có lần mẹ tôi không đuổi chúng tôi ra ngoài chơi để họ nói chuyện bí mật. Họ ngồi bên bếp hút thuốc và nói về những cái tên. Mẹ tôi nói mẹ thích những cái tên như Kevin và Sean nhưng cô Bridey lại nói: "Ôi, không, ở Limerick này có quá nhiều người mang những cái tên đó rồi. Lạy Chúa, Angela, nếu chị thò đầu ra cửa gọi, "Kevin hay Sean, về uống trà đi" thì một nửa dân cư ở Limerick sẽ đổ xô vào cửa nhà chị cho mà xem.

Cô Bridey nói nếu Chúa nhân từ cho cô ấy có một đứa con trai thì cô ấy sẽ gọi nó là Ronald bởi cô ấy phát điên vì cái anh Ronald Colman mà cô ấy thấy trong một bộ phim ở rạp Coliseum. Cô ấy còn gợi ý một cái tên khác, Errol Flynn.

Mẹ tôi nói:

Cô đừng có dính vào chuyện này, Bridey. Tôi sẽ không bao giờ thò đầu ra cửa mà gọi "Errol, Errol, về uống trà đi". Chắc chắn con tôi sẽ thành trò cười cho người ta nếu nó mang cái tên đó.

Ronald - Cô Bridey nói - Vậy thì Ronald. Thằng bé xinh lắm mà.

Không - Mẹ tôi phản đối - Nó phải là người Ailen. Chẳng phải bao nhiêu năm nay chúng ta đấu tranh vì điều đó hay sao? Nếu gọi con mình là Ronald thì bao thế kỷ nay chúng ta đấu tranh với người Anh làm gì cơ chứ?

Lạy Chúa, Angela, chị nói cứ như là chính thằng bé phân biệt Ailen và Anh không bằng.

Đúng đấy, Bridey ạ.

Đột nhiên cô Bridey há hốc miệng:

Lạy Chúa, Angela, thằng bé làm sao ấy.

Mẹ đứng dậy khỏi ghế, ôm chặt em bé trong tay, rên rỉ:

Ôi, lạy Chúa, nó khó thở.

Cò Bridey luống cuống nói:

Tôi sẽ về tìm mẹ tôi sang.

Cô ấy chạy đi và chỉ một phút sau cô ấy đã quay trở lại cùng với bà Hannon.

Lấy dầu ra đây - Bà Hannon nói. - Cô có dầu không? Dầu ấy. Dầu gan cá, có không? Được, dầu ấy được.

Bà Hannon đổ dầu vào miệng em bé, lật nghiêng nó, vuốt lưng nó, đưa cái thìa vào họng nó và lấy ra một cục màu trắng.

Được rồi - Bà ấy nói - Sữa đây mà. Nó đọng lại và chèn họng thằng bé vây nên cô phải cho dầu vào để cục sữa long ra.

Mẹ tôi khóc: "Lạy Chúa, con suýt mất thằng bé. Ôi, nếu nó có chuyện gì thì làm sao con sống nổi".

Mẹ tôi ôm em bé, vừa khóc vừa cố cảm ơn bà Hannon.

Được rồi, được rồi, cô đừng nói nữa. Hãy đưa thằng bé lên giường nghỉ ngơi đi, hai mẹ con bị một phen hú vía rồi còn gì.

Trong khi bà Hannon và cô Bridey đưa mẹ tôi về giường tôi để ý thấy trên ghế mẹ tôi vừa ngồi có một vết máu. Mẹ tôi bị chảy máu như vậy mẹ sẽ chết ư? Liệu tôi có nên bảo để mọi người biết không. Không, mày không thể nói gì hết bởi vì người lớn luôn có những bí mật, tôi tự bảo mình. Tôi biết nếu tôi nói điều gì đó thì thế nào người lớn cũng bảo: "Đừng có lo, cậu thì chuyện gì cũng tò mò, không phải việc của cậu, đi ra ngoài chơi đi".

Tôi phải giữ bí mật đó trong lòng hoặc có thể nói chuyện với thiên thần. Đợi bà Hannon và cô Bridey ra về tôi ngồi xuống bậc thang thứ bảy. Tôi cố nói với thiên thần rằng mẹ tôi đang bị chảy máu đến chết mất. Tôi muốn thiên thần nói bảo tôi đừng sợ nhưng bậc thang thì lạnh, không có ánh sáng và chẳng có giọng nói nào cất lên với tôi cả. Tôi chắc là thiên thần đã bỏ đi mãi mãi rồi.

Mẹ tôi không bị chảy máu đến chết. Hôm sau mẹ bế em bé dậy chuẩn bị cho lễ rửa tội, mẹ bảo với cô Bridey rằng mẹ sẽ không thể tha thứ cho mình nếu em bé chết phải xuống địa ngục nơi dành cho những đứa trẻ chưa được rửa tội, một nơi có lẽ là đẹp và ấm áp nhưng vĩnh viễn chỉ có bóng tối và không có cơ hội thoát ra thậm chí ngay cả vào ngày Phán Quyết.

Bà tôi ở đó giúp mẹ, nghe thấy thế bèn nói:

Phải đấy, những đứa trẻ không qua lễ rửa tội sẽ chẳng được lên thiên đường.

Cô Bridey bảo trong những trường hợp như vậy Chúa nghiêm khắc quá.

Họ mặc cho em bé chiếc váy may bằng ren Limerick, chiếc váy mà tất cả chúng tôi đã mặc khi chịu lễ rửa tội. Mẹ tôi bảo anh em tôi được phép cùng đi đến nhà thờ thánh Joseph và

chúng tôi rất thích bởi chúng tôi biết sau lễ rửa tội sẽ có bánh nhân sữa và nước chanh.

Malachy hỏi mẹ tôi:

Mẹ ơi, em bé tên là gì?

Anphonsus Joseph.

Tôi không ngậm miệng được nữa bèn nói:

Đó là một cái tên ngớ ngẩn. Không phải một cái tên Ailen.

Bà tôi lườm tôi bằng đôi mắt đỏ đục. Bà nói:

Thằng ranh này đáng bị khâu mồm lại. Mẹ tôi giơ tay tát vào mặt tôi một cái khiến tôi loạng choạng. Tim tôi như đang vỡ và tôi muốn khóc nhưng tôi không thể bởi bố tôi không có mặt ở đó nên tôi là người đàn ông trong nhà. Mẹ tôi quát:

Mang cái miệng rộng lên gác ngay và không được bước chân ra khỏi phòng.

Tôi dừng lại ở bậc thang thứ bảy nhưng nó lạnh lẽo làm sao, tối tăm làm sao và ắng thinh chẳng có một tiếng nói nào.

Mọi người đi đến lễ rửa tội hết chỉ còn lại mình tôi. Tôi ngồi ở trên gác vừa chờ đợi vừa dùng tay và chân giết bọ chét. Tôi ước gì bố tôi ở nhà với tôi và tôi nghĩ tới đứa em trai bé bỏng với cái tên lạ lùng, Alphonsus, một cái tên khốn khổ.

Hồi lâu sau tôi nghe thấy tiếng mọi người ở nhà thờ về đang nói về trà, rượu vang, bánh nhân sữa, mứt chanh và nhắc lại những lời họ đã nghe ở lễ rửa tội rằng thằng bé là đứa trẻ đáng yêu nhất trên đời, Alphie, một cái tên lạ nhưng không hề gì, Chúa sẽ che chở cho nó và nó sẽ mãi sống và là bản sao của bố mẹ, bà và những người anh bé bỏng đã chết.

Tiếng bà tôi vọng lên từ chân cầu thang:

Frank, xuống mà ăn bánh và mứt này.

Cháu không muốn ăn. Bà cứ giữ lấy.

Bà nói xuống là xuống, nếu để bà phải leo lên đó thì bà sẽ cho mấy cái phát vào mông và đừng có mà ân hận đấy.

Ân hận ư? Ân hận là gì?

Đừng hỏi ân hận là gì. Xuống đây ngay.

Giọng bà tôi nghe rất đanh và từ "ân hận" nghe có vẻ nguy hiểm. Tôi xuống.

Đứng trong bếp bà tôi nói vọng ra:

Nhìn cái mồm rộng của nó mà xem. Đừng nghĩ nó vui khi có em trai mới trừ khi một thằng bé sắp lên mười luôn bị đau ở mông.

Mứt chanh và bánh sữa rất ngon còn Alphie thì ọ ẹ vui vẻ hưởng ngày lễ rửa tội của nó mà không biết rằng cái tên nó mang là một cái họa.

Ông nội tôi ở miền Bắc gửi bưu điện cho em Alphonsus năm bảng. Mẹ tôi muốn đích thân đi lĩnh nhưng mẹ không thể đi bộ xa được. Bố tôi nói bố sẽ đi lĩnh. Mẹ tôi bảo tôi và Malachy đi cùng bố. Bố tôi lĩnh tiền xong liền bảo với chúng tôi:

Được rồi, các chàng trai, hãy về nhà nói với mẹ rằng lát nữa bố sẽ về.

Malachy nói:

Bố, bố không được đi uống rượu đâu. Mẹ bảo bố phải mang tiền về nhà. Bố không được uống rượu.

Thôi, thôi, các con, về nhà với mẹ đi.

Bố đưa tiền cho chúng con cầm về. Đó là tiền ông cho em bé.

Nào, Francis, đừng hỗn như vậy. Hãy nghe lời bố, về nhà đi.

Bố tôi nói rồi bỏ chúng tôi ở đó và đi thẳng vào quán South.

Mẹ tôi ngồi bên bếp bế Alphie. Thấy chúng tôi về mẹ lắc đầu:

Bố lại vào quán rồi phải không?

Vâng.

Các con hãy quay lại đó và làm cho bố các con phải bỏ đó mà ra. Mẹ muốn các con đứng giữa quán nói to cho tất cả mọi người ở

đó biết rằng bố các con là người bố uống bia bằng tiền dành để nuôi em bé. Các con hãy nói cho cả thế giới biết rằng trong nhà của chúng ta không con một mẩu thức ăn, không còn một cục than, không còn một giọt sữa cho em bé bú.

Anh em tôi băng qua các con phố và Malachy được dịp trổ tài nói to của nó: "Bố, bố năm bảng đó là tiền nuôi em bé. Không phải tiền uống rượu. Em bé ở nhà đang khóc đòi uống sữa còn bố thì ở đây uống bia bằng tiền mua sữa của em bé".

Bố tôi đứng dậy ra khỏi quán South. Malachy vẫn muốn đứng đó nói tiếp nhưng tôi bảo nó phải nhanh đi tìm bố kẻo bố vào các quán khác uống hết cả năm bảng của em bé. Chúng tôi không tài nào tìm thấy bố ở các quán khác. Bố biết chắc thế nào mẹ sẽ đến tìm bố hoặc sẽ cho chúng tôi đi tìm mà các quán rượu ở Limerick thì nhiều vô kể, có đi tìm đến cả tháng cũng không đi hết được. Chúng tôi đành nói với mẹ rằng chúng tôi không tìm thấy bố và thế là mẹ mắng chúng tôi là lũ vô dụng. Ôi, Chúa ơi, lúc đó, tôi ước gì tôi có đủ sức để đi đến tất cả các quán rượu ở Limerick. Tôi sẽ xé miệng bố tôi ra. Tôi tự bảo mình: tiếp tục tìm đi, hãy đến các quán ở gần ga xem, đến cả quán cá Naughton và cửa hàng bán cá tẩm bột chiên nữa.

Tôi phải đi một mình vì Malachy bị tả phải ngồi bô luôn. Tôi tìm khắp các quán ở phố Pamell và các quán ở khu lân cận. Tôi ngó vào những phòng nhỏ nơi phụ nữ thường tới uống rượu và cả những nhà vệ sinh dành cho nam giới nữa. Tôi đói nhưng tôi sợ phải về nhà nói với mẹ tôi rằng tôi vẫn chưa tìm thấy bố. Bố tôi không ở quán Naughton cũng không ở tiệm bán khoai tây chiên nhưng có một người đàn ông say rượu đã ngủ ngay tại bàn ăn trong góc của một quán nhỏ, bỏ chỗ cá tẩm bột chiên của ông ta trong tờ báo dưới sàn và nếu tôi không nhặt gói thức ăn đó thì mèo cũng sẽ tha mất vì vậy tôi giấu gói thức ăn vào trong áo rồi đi ra khỏi quán tới bậc thềm trước nhà ga ngồi xuống vừa ăn vừa nhìn những người lính say khướt khoác tay những cô gái

đi dưới phố mà lòng thầm cảm ơn người đàn ông say trong quán rượu đã cho giấm vào cá tẩm bột chiên và rồi chợt nhớ rằng nếu đêm nay tôi chết thì tôi sẽ chết như một kẻ có tội bởi tôi đã lấy trộm gói thức ăn và có lẽ sẽ bị đày xuống địa ngục nhưng tôi lại nghĩ hôm nay là thứ Bảy và nếu cha xứ vẫn còn ở bục nghe xưng tội thì sau khi ăn xong tôi có thể đến đó gột rửa linh hồn mình.

Nhà thờ dòng Dominica ở ngay trên phố Glentworth.

Xin hãy cứu rỗi con, thưa Cha, bởi vì con có tội.

Tôi nói thế với cha xứ và lần xưng tội gần nhất của tôi được thực hiện mới mười lăm ngày trước đó. Tôi nói với Cha những tội thông thường và rồi sau đó tôi xưng với cha tội lấy trộm cá tẩm bột chiên của một người say rượu.

Tại sao, con của ta?

Vì con đói quá, thưa Cha.

Sao con lại đói?

Vì chẳng có gì trong bụng con cả, thưa Cha.

Cha xứ không nói gì và mặc dù ở đó tối tôi vẫn nhận thấy Cha lắc đầu:

Con của ta, sao con không về nhà và bảo mẹ con cho con ăn?

Vì mẹ con bảo con đến các quán rượu tìm bố con, thưa Cha, con không tìm thấy bố con còn mẹ con thì chẳng còn một miếng thức ăn nào trong nhà bởi vì bố con đã mang năm bảng ông nội con cho để nuôi em bé đi uống và mẹ con mắng con vì con không tìm được bố con.

Tôi không biết Cha xứ có ngủ gật hay không nữa bởi Cha im lặng hồi lâu rồi Cha mới nói:

Con của ta, hãy ngồi xuống đây. Ta nghe người nghèo xưng tội. Ta làm lễ sám hối cho họ. Ta nên quỳ xuống rửa chân cho họ. Con có hiểu ta nói gì không, con của ta.

Tôi nói với Cha là tôi hiểu nhưng thực ra tôi chẳng hiểu gì.

Hãy về nhà đi. Hãy cầu nguyện cho ta,

Không sám hối sao, Cha?

Không, con của ta.

Con đã ăn trộm cá và khoai tây. Con đáng bị trừng phạt.

Con đã được xá tội. Đi về đi. Hãy cầu nguyện cho ta.

Cha xứ cầu phúc cho tôi bằng tiếng Latin, lẩm bẩm gì đó một mình bằng tiếng Anh còn tôi thì chẳng biết phải làm gì với Cha.

Tôi ước gì tôi có thể tìm thấy bố tôi để tôi có thể về nhà nói với mẹ tôi: "Mẹ ơi bố đây, bố còn ba bảng ở trong túi". Bây giờ tôi không đói nữa vì vậy tôi có thể đi dọc một bên đường O'Connell và xuôi xuống đường bên kia tìm bố trong các quán bia và bố tôi đang ở trong quán Gleeson, làm sao tôi không nhận ra bố tôi ở trong ấy qua giọng hát đó chứ. Tim tôi muốn nổ tung trong lồng ngực và tôi không biết phải làm gì bởi tôi biết trong lòng tôi cũng đang giận sôi lên giống như mẹ tôi ở nhà và tôi có thể nghĩ tới chuyện chạy vào trong quán và đá cho bố tôi một cái rồi lại chạy ra nhưng tôi không làm thế bởi vì chúng tôi có những buổi sáng ngồi quanh bếp lửa nghe bố tôi kể về Cuchulain, de Valera và Roosevelt và vì nếu bố tôi ở đó uống đến say bằng tiền của em bé thì ánh mắt bố trông sẽ giống hệt như ánh mắt của Eugene khi nó tìm Oliver và tôi đành đi về nhà mà nói dối mẹ tôi rằng tôi không tìm thấy bố, không nhìn thấy bố đâu cả.

Mẹ tôi nằm trên giường với em bé. Malachy và Michael đang ngủ trên phòng Ý. Tôi biết tôi không phải nói gì với mẹ tôi cả, chỉ chút nữa thôi khi quán rượu đóng cửa bố tôi sẽ về nhà hát ầm ĩ và đưa ra một xu gạ chúng tôi chết cho Ailen và bây giờ mọi chuyện sẽ khác bởi uống hết cả tiền trợ cấp hay tiền lương lao động thì đã là đủ tồi rồi, nhưng một người đàn ông uống hết cả tiền dành cho một đứa bé mới sinh thì quá tệ, trên cả quá tệ, mẹ tôi sẽ nói vậy.

8

Tôi đã lên mười và tôi sắp sửa đến nhà thờ thánh Joseph để làm lễ Kiên tín. Ở trường thầy O'Dea chịu trách nhiệm chuẩn bị cho chúng tôi. Chúng tôi phải biết về Ân thánh hóa, một hạt nhỏ rất giá trị mà Chúa Jésus ban cho các tín đồ của Chúa khi Chúa qua đời. Thầy O'Dea trợn mắt lên khi nói với chúng tôi rằng nhận lễ Kiên tín chúng tôi sẽ trở thành một phần của Đức Chúa. Chúng tôi sẽ có những món quà của thánh thần: sự Khôn Ngoan, Hiểu Biết, sự Dẫn Dắt, lòng Dũng Cảm, trí Thông Minh, lòng Mộ Đạo, và lòng kính Chúa. Các linh mục và các thầy giáo nói với chúng tôi rằng nhận lễ Kiên tín có nghĩa là bạn đã trở thành một chiến binh thực thụ của nhà thờ và rằng như thế có nghĩa là bạn đã nguyện phụng sự nhà thờ cho tới lúc chết và sẽ sẵn sàng tử vì đạo trong trường hợp chúng tôi bị những người theo đạo Tin lành hay những tín đồ Hồi giáo hay bất cứ phái ngoại đạo nào tấn công. Lại chết. Tôi muốn nói với họ rằng tôi không muốn chết cho Đức tin bởi vì tôi đã hứa chết cho Ailen rồi.

Mikey Molloy bảo tôi: "Cậu đùa đấy à? Nói chết cho Đức tin chỉ là một trò lừa gạt thôi. Họ chỉ nói thế để dọa câu thôi mà. Chết cho Ailen cũng vậy. Không ai chết cho cái gì nữa cả. Tất cả các kiểu chết đó đều kết thúc rồi. Tớ sẽ không chết cho Ailen và cũng không chết cho Đức tin đâu. Tớ chỉ chết cho mẹ tớ mà thôi.

Mikey biết tất cả. Cậu ấy sắp mười bốn tuổi. Cậu ấy hay ngất. Cậu ấy có tầm nhìn.

Người lớn nói với chúng tôi rằng chết cho Đức tin là một vinh dự, và rằng ngày nhận lễ Kiên tín cũng giống ngày lễ Ban thánh thể, bạn sẽ đi vào các ngõ, đến các phố và có thể nhận bánh, kẹo và tiền qua buổi đi quyên góp.

Chính vì lẽ đó mà Peter Dooley tới tìm chúng tôi. Chúng tôi gọi cậu ta là Quasimodo vì cậu ta có một cái bướu trên lưng.

Quasimodo có chín chị gái và người ta nói rằng mẹ cậu ta không muốn có cậu ta chút nào nhưng thiên thần vẫn mang cậu ấy đến cho bà ta và thắc mắc về cái mà thiên thần gửi đến là có tội. Quasimodo lớn rồi, cậu ta mười lăm. Mái tóc đỏ của cậu ta đâm về mọi hướng. Cậu ta có đôi mắt xanh và một cái kho lưu trữ trong đầu với nhiều thông tin đến nỗi cậu ta cứ gõ gõ vào thái dương để giữ cho cái kho đó ở yên chỗ nó nên ở. Chân phải của cậu ta ngắn và bị tật nên mỗi khi bước người cậu ta lại giật lên như thể đang nhảy vậy và bạn sẽ không thể biết cậu ta ngã lúc nào. Đó là khi bạn không ngờ. Cậu ta nguyền rủa cái chân mình, cậu ta nguyền rủa cuộc đời, nhưng cậu ta nguyền rủa bằng giọng Anh rất hay mà cậu ta học được từ đài BBC. Trước khi ra khỏi nhà bao giờ cậu ta cũng thò đầu ra cửa và nói với cái ngõ hẻm: "Tớ ra đấy, tớ ra đấy". Khi cậu ta mười hai tuổi cậu ta quyết định rằng với bộ dạng của cậu ta và cái cách đời nhìn cậu ta thì tốt nhất là cậu ta nên chuẩn bị cho một cồng việc phù hợp với mình, một công việc chỉ để người ta nghe thấy thôi chứ không để người ta nhìn thấy và như thế thì có công việc nào hay hơn việc ngồi sau chiếc micờrô ở đài phát thanh BBC trên London đọc bản tin?

Nhưng bạn không thể đến London mà không có tiền và đó là lý do tại sao cậu ta tập tễnh đến gặp chúng tôi vào thứ Sáu đó, cái ngày trước buổi lễ Kiên tín. Cậu ấy có một ý tưởng cho tôi và Billy. Cậu ta biết ngày hôm sau chúng tôi sẽ có tiền và nếu mỗi chúng tôi hứa trả cho cậu ta một shilling thì ngay tối hôm đó cậu ta sẽ cho chúng tôi trèo qua ống máng đằng sau nhà để nhìn qua cửa sổ xem các chị gái cậu ta tắm. Tôi đồng ý ngay. Billy nói: "Tớ cũng có chị gái, tại sao tớ phải trả tiền để xem các chị gái cậu không mặc quần áo?".

Quasimodo nói rằng nhìn chị gái mình ở trần là tội nặng nhất trong các loại tội và cậu ta không tin là trên thế giới có linh mục nào lại có thể xá cho cái tội đó, rằng nếu muốn được xá tội

đó có lẽ bạn phải đến gặp giám mục mà giám mục thì chắc chắn là đáng sợ lắm.

Billy đồng ý.

Tối thứ Sáu chúng tôi trèo qua tường sân sau nhà Quasimodo. Đó là một tối đẹp trời, vầng trăng tháng Sáu lơ lửng tỏa sáng trên bầu trời Limerick và bạn có thể cảm nhận được rất rõ làn gió ấm áp thổi tới từ sông Shannon. Quasimodo sắp sửa để Billy trèo lên ống máng thì Mikey Molloy trèo qua tường vào rít qua kẽ răng gọi Quasimodo: "Đây, một shilling đây. Để tao trèo lên đó đi". Mikey đã mười bốn tuổi, to lớn hơn mấy chúng tôi và công việc chở than cũng làm cho cậu ta khỏe hơn chúng tôi. Người cậu ta đen nhẻm vì than giống như bác Pa Keating và tất cả những gì bạn nhìn thấy ở cậu ta là đôi mắt trắng dã và đám nước bọt trắng ở môi dưới của cậu ta, và những cái đó nói cho bạn biết rằng cậu ta có thể ngất bất cứ lúc nào.

Quasimodo nói:

- Đợi đã, Mikey. Các cậu ấy lên trước.

Đợi cái mông tao thì có - Mikey văng tục và bước đến chỗ ống máng. Billy làu bàu nhưng Quasimodo chỉ biết lắc đầu:

Tớ chịu. Tuần nào nó cũng cầm một shilling đến. Tớ phải để nó trèo lên ống máng nếu không nó đánh tớ và mách mẹ tớ và thế nào mẹ tớ cũng nhốt tớ trong hố than cả ngày cùng với lũ chuột.

Mikey trèo ống máng bằng một tay. Tay còn lại của cậu ta lục xục trong túi quần và khi cái ống máng bắt đầu lắc lư và phát ra những tiếng cọt kẹt Quasimodo rít lên:

Molly, đừng có đánh võng trên ống máng như thế.

Quasimodo luống cuống vừa đi tập tễnh trong sân vừa rủa. Chất giọng BBC của cậu ta biến đâu mất thay vào đó là giọng nói Limerick chính cống:

Lạy Chúa, Molly, xuống ngay không tao gọi mẹ tao ra bây giờ.

Bàn tay của Mikey đút sâu hơn vào trong túi quần và trong chớp mắt chiếc ống máng đảo mạnh rồi đổ xuống còn Mikey thì nằm lăn trên sân kêu: “Tôi chết mất. Gãy hết rồi. Ôi, Chúa ơi”. Lúc đó bạn có thể nhìn thấy nước bọt ở môi dưới cậu ta và cả máu từ cái lưỡi bị chính cậu ta cắn phải nữa.

Mẹ của Quasimodo vừa chạy qua cửa vừa la: “Lạy Chúa chuyện gì thế này !” và đèn bếp bật sáng soi rõ mảnh sân. Tiếng kêu oai oái của các chị gái Quasimodo vọng xuống từ cửa sổ. Billy cố tẩu thoát nhưng mẹ của Quasimodo đã tóm chân cậu ta lôi cậu ta từ trên tường xuống. Bà ấy bảo cậu ta chạy đến hiệu thuốc của ông O’Connor nhờ gọi xin một xe cứu thương hay một bác sĩ cho Mikey. Bà ấy đá Quasimodo vào trong hiên. Cậu ta quỳ, chống cả hai tay xuống đất van xin nhưng mẹ cậu ta vẫn lôi cậu ta vào hố than dưới cầu thang và khóa cậu ta trong đó.

Ngồi nguyên trong đó đến khi nào mày khôn ra - Bà ấy bảo cậu ta thế.

Quasimodo kêu khóc van xin mẹ cậu ta bằng giọng Limerick:

Ôi, mẹ ơi, mẹ, cho con ra đi, mẹ. Nhiều chuột quá mẹ ơi. Con chỉ muốn đi đến BBC thôi mà, mẹ ơi. Ôi, lạy Chúa, mẹ ơi, lạy Chúa. Con sẽ không cho ai trèo lên ống máng nữa đâu. Rồi con đi London con sẽ gửi tiền về cho mẹ, mẹ ơi, mẹ ơi!

Mickey vẫn nằm dưới sân, kêu khóc và quằn quại. Xe cứu thương tới đưa cậu ta đến bệnh viện với cái vai gãy và cái lưỡi quấn băng.

Mẹ chúng tôi đổ đến. Bà Dooley nói:

Thật nhục nhã, nhục nhã. Các con gái tôi không thể tắm mà không bị cả thế giới nhìn trộm còn những thằng ranh hư đốn đó, chúng đáng bị lôi cổ đến linh mục xưng tội trước khi chúng nhận lễ Kiên tín.

Nhưng mẹ tôi nói:

Tôi không biết người ta thế nào, còn tôi, tôi đã phải chắt bóp cả năm để có được bộ đồ cho thằng Frank nhà tôi đi nhận lễ Kiên tín và tôi sẽ không đến chỗ linh mục mà nói rằng con tôi không đáng nhận lễ đó để rồi phải đợi đến sang năm khi mà con tôi không còn mặc vừa bộ đồ đó nữa chỉ vì nó đã trèo lên ống máng để ngó cái mông giơ xương của Mona Dooley.

Mẹ xoắn tai tôi lôi tôi về nhà và bắt tôi quỳ xuống trước bức tranh Đức Giáo hoàng:

Hãy thề đi, hãy thề với Người rằng con sẽ không bao giờ nhìn trộm Mona Dooley nữa - Mẹ tôi tức tối ra lệnh.

Tôi thề.

Nếu con nói dối con sẽ không được rửa tội trong buổi lễ ngày mai và như thế con sẽ phạm vào tội báng bổ Người.

Tôi thề.

Chỉ có giám mục mới có thể xin Chúa xá cho con tội đó.

Tôi thề.

Được rồi. Đi ngủ đi và từ nay trở đi hãy tránh xa cái thằng Quasimodo Dooley khốn khổ ấy ra.

Ngày hôm sau tất cả chúng tôi đều được nhận lễ Kiên tín. Giám mục hỏi tôi: "Điều răn thứ tư là gì?" và tôi trả lời: "Kính trọng cha mẹ ạ". Giám mục khẽ vuốt má tôi và thế là tôi đã trở thành một chiến binh của nhà thờ. Tôi quỳ chịu lễ mà cứ nghĩ đến Quasimodo đang bị nhốt trong hố than dưới cầu thang nhà cậu ta và tôi tự hỏi: mình có nên cho cậu ta một shilling để cậu ấy đến BBC lo sự nghiệp không nhỉ?

Nhưng rồi tôi quên Quasimodo bởi vì tôi bị chảy máu mũi và bị chóng mặt. Những đứa con trai con gái nhận lễ Kiên tín xong đang ở ngoài nhà thờ với bố mẹ họ, được ôm hôn dưới ánh mặt trời rực rỡ và tôi không quan tâm. Bố tôi đang làm việc và tôi không quan tâm. Mẹ tôi hôn tôi và tôi không quan tâm. Bọn con trai nói đến buổi đi quyên và tôi không quan tâm. Mũi tôi vẫn

chảy máu và mẹ tôi sợ tôi sẽ làm bẩn chiếc áo mới. Mẹ tôi chạy vào trong để xin Stephen Carey người giữ đồ thánh một miếng vải và ông ấy đưa cho mẹ tôi một miếng vải chéo cứng queo khiến mũi tôi đau rát. Mẹ tôi hỏi: "Con có muốn đi quyên không?" và tôi trả lời là tôi không quan tâm. Malachy nói: "Đi chứ, anh Frankie" và nó buồn ra mặt vì tôi đã hứa sẽ đưa nó đi xem phim ở rạp Lyric và mua đầy kẹo bỏ trong ống tay áo. Tôi muốn nằm. Tôi có thể nằm xuống đó trên bậc thềm của nhà thờ thánh Joseph và ngủ mãi mãi. Mẹ tôi nói, -Bà đang nấu một bữa sáng đặc biệt, và nghe đến thức ăn tôi buồn nôn không chịu nổi đến nỗi tôi lao ra rìa lối đi nôn thốc nôn tháo, cả thế giới nhìn tôi và tôi không quan tâm. Mẹ tôi bảo mẹ sẽ đưa tôi về nhà và cho tôi đi nằm còn các bạn của tôi thì tròn mắt ngạc nhiên vì có ai lại đi nằm khi mà buổi đi quyên sắp bắt đầu bao giờ.

Mẹ tôi giúp tôi cởi bộ lễ phục ra và dắt tôi về giường. Mẹ tôi giật một mảnh vải đặt nó dưới cổ tôi và một lát sau mũi tôi không chảy máu nữa. Mẹ tôi mang trà tới nhưng nhìn thấy trà là tôi lại buồn nôn và tôi phải nôn vào bô. Bà Hannon chạy sang và tôi có thể nghe thấy bà ấy nói rằng tôi ốm rất nặng phải gọi bác sĩ ngay. Mẹ tôi bảo thứ Bảy phòng khám không mở cửa vậy thì chúng tôi tìm đâu ra bác sĩ chứ?

Bố tôi đi làm ở nhà máy bột của Rank về và bố nói với mẹ rằng tôi đang trải qua một giai đoạn, giai đoạn của những đau đớn. Bà tôi đến và nói y hệt như bố tôi. Bà bảo khi những thằng bé chuyển từ một số năm này sang một số năm khác, nghĩa là từ chín chuyển sang mười tuổi, phải trải qua sự thay đổi, và rất dễ chảy máu mũi. Bà nói có lẽ tôi có quá nhiều máu trong người và có mất đi một chút rồi thay máu mới cũng chẳng sao.

Ngày hôm đó trôi qua và tôi nằm trên giường lúc tỉnh lúc mê. Tối đến Malachy và Michael trèo lên giường và tôi nghe thấy Malachy nói: "Anh Frankie nóng quá". Michael nói: "Anh ấy chảy máu ra chân em này". Mẹ tôi đặt mảnh vải ướt lên trên mũi tôi

và đặt một cái chìa khóa lên gáy tôi nhưng tôi vẫn không cầm máu. Đến sáng Chủ nhật thì ngực tôi đầy máu và cả quanh người tôi cũng có máu. Mẹ tôi bảo với bố tôi rằng tôi chảy máu qua cả hậu môn và bố tôi nói có lẽ tôi bị tiêu chảy, và triệu chứng đó cũng thường thấy khi một đứa trẻ trải qua giai đoạn đau đớn mà nó phải trải qua.

Bác sỹ Troy là bác sĩ của khu chúng tôi nhưng ông ấy đang đi vắng và ông bác sĩ đến khám cho tôi thì sặc mùi rượu. Ông ấy khám cho tôi rồi bảo mẹ tôi rằng tôi bị cảm lạnh nên phải giữ cho tôi nằm yên trên giường. Mấy ngày trôi qua mà tôi vẫn ngủ li bì và tiếp tục chảy máu. Mẹ tôi nấu trà, trà thịt bò, nhưng tôi không muốn ăn. Mẹ tôi mang kem tới nhưng trông thấy kem là tôi buồn nôn. Bà Hannon lại sang, thông báo rằng ông bác sĩ kia say nói linh tinh, và bảo chúng tôi phải sang xem ông Troy đã về chưa.

Mẹ tôi mời được ông Troy. Ông ấy sờ trán tôi, vạch mi mắt tôi lên, lật tôi nằm úp để kiểm tra lưng tôi, bế tôi trên tay và cứ thế chạy ra chỗ chiếc xe ô tô đang đậu của ông ấy. Mẹ chạy theo ông bác sĩ và được ông ấy nói cho biết rằng tôi bị sốt thương hàn. Mẹ tôi than khóc: “Ôi, Chúa ơi, ôi, Chúa ơi, con sẽ mất cả gia đình sao? Chuyện này không kết thúc được sao?” Mẹ tôi ngồi vào trong xe, bế tôi lên lòng và khóc suốt dọc đường tới bệnh viện Fever ở City Home.

Giường bệnh có những tấm khăn trải mát lạnh. Các y tá mặc đồng phục trắng bong và xơ Rita cũng vận toàn đồ trắng. Bác sỹ Humphrey và bác sĩ Campbell cũng mặc áo choàng trắng và đeo ống nghe lủng lẳng trước ngực. Tôi

ngủ và ngủ nhưng tôi thức lúc họ mang những cái chai đựng thứ gì đó màu đỏ tươi treo trên những cái cột nhỏ và đặt ở đầu giường tôi và chọc những cái kim có dây nối với những cái bình đó vào mắt cá chân và cổ tay phải của tôi. Xơ Rita nói: “Con đang

được tiếp máu đấy, Francis ạ. Máu của những người lính từ Sarsfield Baracks".

Mẹ tôi ngồi bên giường bệnh và cô y tá nói với mẹ: "Bà biết đấy, đây là một ngoại lệ. Không một ai như thê từng được cho phép vào bệnh viện này bởi người ta sợ bệnh sẽ lây nhưng họ đã chiếu cố bà vì con trai bà đang trong tình trạng nguy kịch. Nếu cậu bé vượt qua được thời điểm này thì chắc chắn cậu bé sẽ hồi phục thôi".

Tôi chìm vào giấc ngủ. Khi tôi tỉnh giấc mẹ tôi không còn ở đó nữa nhưng có gì đó chuyển động ở trong phòng và tôi nhận ra đó là một linh mục, cha Gorey, đến từ hội Hữu ái. Tôi lại thiếp đi và rồi họ đánh thức tôi dậy và thay khăn trải giường cho tôi. Cha Gorey xức dầu thánh lên người tôi cầu nguyện cho tôi bằng tiếng Latin. Tôi biết đó là nghi thức Extreme Unction - xức dầu lần cuối - và thế có nghĩa là tôi sắp chết và tôi không quan tâm. Họ lại đánh thức tôi dậy nhận thánh thể. Tôi không muốn nhận, tôi sợ mình lại nôn. Tôi để mặc bánh thánh trên lưỡi và lại thiếp đi và khi tôi tỉnh dậy bánh thánh không con trên lưỡi tôi nữa.

Trời đã tối và bác sĩ Campbell đang ngồi bên giường tôi. Ông ấy vừa cầm cổ tay tôi vừa nhìn đồng hồ đeo tay của ông ấy rất chăm chú. Ông ấy có mái tóc đỏ, ông ấy đeo kính và luôn mỉm cười khi nói với tôi. Bây giờ ông ấy ngồi quay mặt ra phía cửa sổ. Mắt ông ấy nhắm và ông ấy ngáy khe khẽ. Ông ấy hơi ưỡn mông lên và đánh rắm rồi tự cười mình và tôi biết tôi đã khá hơn vì chẳng có bác sĩ nào lại đánh rắm trước một đứa bé sắp chết cả.

Xơ Rita trong bộ đồ trắng bong xuất hiện khi mặt trời chiếu vào cửa sổ. Xơ cầm cổ tay tôi, nhìn đồng hồ của xơ, và mỉm cười. Xơ nói: "Dậy rồi, phải không Francis? Ô, Francis, ta nghĩ con đã vượt qua được giai đoạn nguy hiểm nhất rồi. Những lời cầu nguyện của chúng ta đã được đáp lại và tất cả những lời cầu nguyện của hàng trăm cậu bé ở hội Hữu ái nữa. Con có tưởng

tượng được không? Hàng trăm cậu bé đã đọc kinh rôze cho con đấy".

Mắt cá chân và cổ tay tôi đang đập những nhịp liên tiếp cùng với những ống dẫn máu và tôi không quan tâm đến chuyện những ai đang cầu nguyện cho tôi.Tôi có thể nghe thấy tiếng sột soạt do quần áo của xơ Rita phát ra cũng như tiếng lách cách từ tràng hạt của xơ khi xơ rời khỏi phòng. Tôi lại ngủ và khi tôi tỉnh dậy trời đã tối và bố tôi đang ngồi bên giường cầm tay tôi:

- Con trai, con dậy rồi à?

Tôi cố cất tiếng nói nhưng miệng tôi khô quá, tôi chẳng nói được tiếng nào và đành phải dùng tay chỉ vào miệng mình. Bố tôi cầm cốc nước đặt vào môi tôi và tôi nhận thấy thứ nước tôi uống vừa ngọt vừa mát. Bố tôi vuốt ve bàn tay tôi bảo rằng tôi là một chiến binh cừ và tại sao lại không chứ? Chẳng phải trong người tôi đang có máu của những chiến binh là gì?

Những ống truyền máu không còn dính với cổ tay tôi nữa và những cái chai cũng đã được mang đi.

Xơ Rita đến bảo bố tôi không được phép ở lại thêm nữa. Tôi không muốn bố tôi đi bởi trông bố tôi buồn lắm. Bố tôi trông giống như Paddy Clohenssy hôm được tôi cho nho khô. Khi bố tôi trông buồn như vậy thì chẳng có điều gì trên đời khó chịu đựng hơn và thế là tôi bắt đầu khóc. Xơ Rita thấy thế liền bảo tôi:

Gì thế? Với từng ấy máu của những người lính trong người mà con có thể khóc được sao? Francis ạ, ngày mai sẽ có một điều ngạc nhiên lớn dành cho con đấy. Con sẽ không đoán được đâu. Ô, ta sẽ nói cho con biết, sáng mai chúng ta sẽ mang cho con một chiếc bánh quy thật ngon và trà nữa. Không phải thế rất tuyệt sao? Một hoặc hai ngày nữa bố của con sẽ lại vào với con, phải thế không, ông McCourt?

Bố tôi gật đầu và lại cầm tay tôi. Bố tôi nhìn tôi, bước đi mấy bước, dừng lại, quay trở lại bên giường tôi, cúi xuống hôn lên

trán tôi lần đầu tiên trong đời và tôi hạnh phúc đến nỗi tôi có cảm giác rằng tôi đang bay bổng.

Hai giường còn lại trong phòng tôi không có người nằm. Y tá nói tôi là bệnh nhân thương hàn duy nhất và việc tôi qua được cơn nguy kịch là một điều kỳ diệu.

Phòng bên cạnh cũng bỏ không cho tới một buổi sáng chợt vang lên một giọng nói con gái:

Ô, ô, ai ở bên đó thế?

Tôi không chắc đứa con gái ấy đang nói với tôi hay nói với ai đó ở phòng khác.

Ô, hô, cậu bị bệnh thương hàn, cậu thức hay ngủ đấy?

Tớ thức.

Cậu khá hơn rồi chứ?

Ừ!

Ô, thế sao cậu vẫn phải nằm viện?

Tớ không biết. Tớ vẫn phải nằm yên. Họ cắm kim tiêm vào người tớ và chích thuốc cho tớ.

Trông cậu thế nào?

"Hỏi kiểu gì vậy không biết?" Tôi băn khoăn không biết trả lời thế nào.

Ô, hô, cậu vẫn nghe đấy chứ?

Ừ.

Tên cậu là gì?

Frank.

Một cái tên hay đấy. Tên tớ là Patricia Madigan. Cậu bao nhiêu tuổi?

Mười.

Ô. - Giọng Patricia nghe có vẻ thất vọng.

Nhưng đến tháng Tám này là tớ mười một.

Ô, thế cũng tốt hơn là lên mười. Tháng Chín này là tớ mười bốn. Cậu có muốn biết tại sao tớ phải vào đây không.

-Có.

Tớ bị bệnh bạch hầu và bị sao nữa ấy.

Bị sao cơ?

Họ không tìm ra. Họ nghĩ tớ bị nhiễm một bệnh lạ vì bố tớ đã từng ở châu Phi. Tớ suýt chết đấy. Cậu nói cho tớ biết trông cậu thế nào được không?

Tớ có mái tóc đen.

Cậu và hàng triệu.

Tớ có đồi mắt nâu và hơi xanh mà người ta vẫn gọi là nâu lục ấy.

Cậu và hàng nghìn.

Tớ có những vết tím ở cổ tay phải và ở hai mắt cá chân vì họ đã truyền máu của những người lính cho tớ qua những chỗ đó.

Ôi,Chúa ơi, họ đã làm thế sao?

Ừ.

Vậy thì sau này cậu sẽ luôn đi kiểu duyệt binh và luôn giơ tay chào không nhịn được đâu.

Có tiếng sột soạt và tiếng tràng hạt lách cách rồi tiếng xơ Rita cất lên:

Nào, nào, gì thế nào? Các phòng không được nói chuyện với nhau đặc biệt là giữa con trai và con gái. Con nghe chưa, Patricia?

Con rõ rồi, thưa xơ.

Con rõ chưa, Francis?

Con rõ rồi, thưa xơ.

Các con có thể tạ ơn vì cả hai con đều đã khá lên. Các con có thể đọc kinh rôze. Các con hãy đọc *Người đưa tin của Trái tim Chứa* mà các con có ở ngay cạnh giường. Đừng có để ta quay lại bắt được các con đang nói chuyện với nhau nữa đấy.

Xơ đi vào phòng tôi và vẫy vẫy ngón tay về phía tôi:
Đặc biệt là con đấy, Francis ạ, sau sự cầu nguyện cho con của hàng nghìn cậu bé ở hội Hữu ái. Hãy tạ ơn đi, Francis, tạ ơn đi.

Xơ Rita đi ra và xung quanh im ắng một lát. Rồi Patricia thì thào: "Hãy tạ ơn đi, Francis, tạ ơn đi", và tôi phá lên cười, cười to đến nỗi một y tá tưởng tôi bị làm sao vội vàng chạy tới. Cô y tá đó là người ở khu Kerry và cô ấy rất nghiêm khắc nên tôi sợ cô ấy. Cô ấy hỏi: "Gì thế hả, Francis? Cười ư? Có gì đáng cười ở đây chứ? Cậu và Patricia lại nói chuyện phải không? Tôi sẽ báo với xơ Rita. Không được cười vì cười có thể gây nguy hiểm cho các cơ quan nội tạng của cậu".

Cô y tá đi ra và Patricia lại thì thào bằng giọng Kerry nặng trịch: "Không được cười, Francis, cười có thể gây nguy hiểm cho các cơ quan nội tạng của cậu. Hãy đọc kinh rôze đi, Francis, hãy cầu nguyện cho các cơ quan nội tạng của cậu".

Mẹ tôi đến thăm tôi vào các ngày thứ Năm. Tôi muốn nhìn thấy cả bố tôi nữa, nhưng tôi đã qua cơn nguy kịch, giai đoạn nguy kịch đã hết, và tôi chỉ được phép có một người thăm mà thôi. Vả lại, mẹ tôi nói bố tôi đã đi làm ở nhà máy bột của Rank và ơn Chúa công việc ấy sẽ kéo dài trong một thời gian bởi đang chiến tranh nên người Anh thiếu bột mì nghiêm trọng. Mẹ tôi mang đến cho tôi một thanh sôcôla và cái đó chứng tỏ rằng bố tôi đang có việc làm. Với số tiền trợ cấp mẹ tôi không thể mua nổi một thanh sôcôla. Bố tôi gửi cho tôi mấy chữ. Bố bảo rằng các em tôi đều cầu nguyện cho tôi, bảo tôi phải ngoan, phải nghe lời bác sĩ, nghe lời y tá và các xơ và đừng có quên cầu nguyện. Bố tôi chắc rằng thánh Jude đã đưa tôi vượt qua cơn nguy kịch bởi vì người là thần hộ mệnh của những trường hợp tuyệt vọng mà tôi thì đúng là một trường hợp như vậy.

Patricia nói cô ấy có hai cuốn sách để ở giường của cô ấy. Một cuốn là cuốn thơ cô ấy rất thích. Cuốn kia là cuốn tóm tắt lịch sử nước Anh và cô ấy hỏi tôi có muốn đọc cuốn lịch sử nước Anh

không. Patricia đưa cuốn sách cho Seamus, người quét phòng, và ông ấy mang nó đến cho tôi. Ông ấy nói: "Tôi không được phép mang bất cứ thứ gì từ một phòng của bệnh nhân bạch hầu sang phòng của một bệnh nhân thương hàn bởi có thể có những mầm bệnh ẩn trong các trang sách và nếu cậu bị mắc thêm bệnh bạch hầu thì họ sẽ biết ngay nguyên nhân và tôi sẽ bị mất việc và sẽ phải ra đường cầm một cái cốc thiếc mà hát những bài hát ái quốc để kiếm miếng ăn, tôi có thể làm việc đó bởi chẳng có bài hát nào viết về những nỗi khổ cực của người Ailen mà tôi lại không thuộc và tôi còn biết một số bài nói về rượu whisky nữa".

Đúng, ông ấy biết bài Roddy McCorley. Ông ấy bảo sẽ hát cho tôi nghe nhưng ông ấy chưa kịp bắt đầu đoạn thứ nhất thì y tá Kerry chạy vào phòng gắt lên:

Gì thế, Seamus? Hát ư? Hơn ai hết trong cái bệnh viện này ông biết rõ là ở đây quy định không được hát. Tôi sẽ không quên báo lên xơ Rita chuyện này đâu.

Ôi, lạy Chúa, đừng làm thế, cô ơi.

Thôi được, Seamus. Lần này tôi sẽ cho qua. Ông biết là hát có thể làm cho bệnh của họ tái phát mà.

Khi cô y tá đi khỏi ông Seamus nói thầm rằng ông ấy sẽ dạy tôi mấy bài hát bởi vì theo ông hát sẽ giúp bạn giết thời gian trong khi bạn phải ở phòng bệnh thương hàn. Ông ấy nói Patricia là một cô bé dễ thương và rằng cô ấy thường cho ông những chiếc kẹo từ hộp kẹo mà cứ nửa tháng mẹ cô lại gửi tới cho cô. Ông dừng quét sàn và khẽ gọi Patricia qua bức tường: "Tôi vừa nói với Francis rằng cô là một cô bé dễ thương, Patricia ạ", và Patricia nói: "Ông là một người đàn ông dễ thương, Seamus ạ". Seamus mỉm cười bởi ông ấy là một người đàn ông đã ngoài bốn mươi tuổi không có con cái và chỉ có thể trò chuyện cùng những đứa trẻ bị bệnh ở bệnh viện mà thôi. Ông ấy nói: "Sách đây, Francis. Phải đọc về nước Anh sau tất cả những gì

người Anh đã làm với chúng ta đúng là điều đáng buồn thật, trong bệnh viện này chẳng có cuốn lịch sử Ailens nào".

Patricia có một quyển thơ và cô ấy đọc cho tôi nghe qua tường một bài thơ nói về một con cú và một con mèo vượt biển bằng một chiếc thuyền cùng với mật ong và những đồng tiền và tôi thấy bài thơ đó chẳng nói lên gì hết và khi tôi bảo thế với Patricia cô ấy dỗi và nói rằng cô ấy sẽ không bao giờ thèm đọc thơ cho tôi nghe nữa. Patricia bảo rằng lúc nào tôi cũng đọc thơ của Shakespeare và cô ấy thấy thơ của ông ấy cũng chẳng nói lên gì hết. Seamus lại dừng quét nhà và bảo chúng tôi rằng chúng tôi không nên tranh cãi về thơ nữa bởi khi nào lớn và kết hôn chúng tôi tha hồ có đủ chuyện để mà cãi nhau. Patricia xin lỗi tôi và tôi xin lỗi cô ấy và thế là cô ấy đọc cho tôi nghe một đoạn của một bài thơ khác với điều kiện tôi phải nhớ để sáng hôm sau hoặc ngay tối hôm đó, khi lúc nào không có y tá hay các xơ ở đó, đọc lại cho cô ấy nghe.

Ngày nào tôi cũng sốt ruột đợi các y tá và các xơ để tôi một mình, và tôi có thể học thêm một khổ thơ mới từ Patricia.

Patricia sắp sửa đọc mấy khổ thơ cuối cùng của bài thơ đó thì cô y tá người Kerry xuất hiện và cô ấy mắng tôi, mắng Patricia: "Tôi đã nói với hai cô cậu rồi rằng không được nói chuyện từ phòng này sang phòng kia. Bệnh nhân bạch hầu không bao giờ được phép nói chuyện với bệnh nhân thương hàn và ngược lại. Tôi đã cảnh cáo cô cậu rồi". Và cô ấy gọi to: "Seamus đâu, đưa cậu này đi. Đưa đi. Xơ Rita đã nói nếu cậu ta nói thêm một từ là cậu ta sẽ bị chuyển lên gác. Chúng tôi đã cảnh cáo trước rồi nhưng cậu không nghe. Đưa đi, Seamus, đưa cậu ta đi".

Ôi, thưa cô, cậu ấy không gây ra chuyện gì đâu mà. Đó chỉ là mấy câu thơ chứ có gì đâu.

Đưa ngay đi cho tôi, đưa cậu ta đi ngay.

Ông ấy cúi xuống và thì thầm với tôi: "Ôi, lạy Chúa, tôi rất tiếc, Francis. Sách lịch sử nước Anh của cậu đây nhé". Ông ấy

nhét cuốn sách vào trong áo tôi và bế tôi dậy khỏi giường. Ông ấy nói thầm rằng tôi nhẹ như một cái lông chim. Khi chúng tôi đi qua cửa phòng của Patricia tôi cố nhìn vào mong thấy được cô ấy nhưng tất cả những gì tôi có thể nhận ra được chỉ là hình ảnh lờ mờ của đầu cô ấy trên chiếc gối.

Xơ Rita gặp chúng tôi ở hành lang, nói rằng xơ vô cùng thất vọng về tôi, rằng xơ cứ nghĩ sau những gì Chúa đã làm cho tôi, sau tất cả những lời cầu nguyện của hàng trăm cậu bé ở hội Hữu ái, sau tất cả sự chăm sóc tận tình của các xơ và các y tá của bệnh viện, sau tất cả ưu ái cho phép bố mẹ tôi được vào thăm tôi thì tôi phải trở thành một cậu bé ngoan mới đúng thế mà tôi lại trả ơn họ bằng việc nằm đó đọc thơ qua lại với Patricia trong khi biết rõ rằng quy định ở bệnh viện không cho phép bệnh nhân thương hàn nói chuyện với bệnh nhân bạch hầu. Xơ nói tôi sẽ có thừa thời gian để kiểm lại những tội lỗi của mình khi tôi nằm ở phòng lớn trên gác và tôi nên xin Chúa tha thứ cho việc tôi đã không nghe lời người lớn mà đi đọc một bài thơ Anh ngoại đạo về một tên trộm cưỡi ngựa và một cô hầu phòng môi đỏ khi mà đáng lẽ ra tôi phải đọc về cuộc đời của các vị thánh và phải cầu nguyện. Xơ bảo rằng vì công việc nên xơ phải đọc bài thơ đó còn tôi thì nên xưng tội với Cha xứ.

Cô y tá người Kerry theo chúng tôi lên gác, vừa vịn cầu thang vừa thở hổn hển. Cô ấy nói tôi không nên lo lắng vì cô ấy sẽ chạy lên gác bất cứ lúc nào tôi đau hoặc bồn chồn.

Trong phòng mới của tôi có hai mươi chiếc giường, tất cả đều trắng toát, tất cả đều trống không. Cô y tá bảo Seamus đặt tôi lên chiếc giường kê sát tường ở tít trong góc xa của căn phòng để đảm bảo tôi sẽ không nói chuyện với ai đi ngang qua cửa mặc dù như cô ấy nói việc đó hầu như không thể xảy ra bởi vì trên tầng này ngoài tôi ra chẳng còn linh hồn nào khác. Cô ấy nói với Seamus rằng phòng tôi nằm bây giờ đã từng là phòng bệnh của những bệnh nhân trong thời gian xảy ra nạn đói khủng khiếp

cách đây đã lâu và chỉ có Chúa mới biết được đã có bao nhiêu người được đưa đến đây quá muộn đến nỗi bệnh viện chẳng thể làm gì được ngoài việc lau người cho họ trước khi họ được đem đi chôn và người ta có rất nhiều câu chuyện kể về những tiếng kêu khóc, rên rỉ của những hồn ma ở đây.

Seamus đồng ý rằng đó quả đúng là một điều khủng khiếp và ông ấy không muốn đi trong những hành lang tối om đầy những cái miệng trẻ con xanh lè há ra dọa người đi qua. Y tá đo nhiệt độ cho tôi và nói: "Lại tăng chút ít rồi, bây giờ hãy ngủ đi vì cậu đã ở quá xa cái cô bé Patricia ấy rồi không thể nói chuyện được với cô bé được đâu, cái cô bé sẽ chẳng bao giờ biết tới một mái tóc màu xám ấy".

Cô ấy nói thế và lắc đầu với Seamus và ông ấy đáp lại cô y tá bằng một cái lắc đầu buồn bã.

Các y tá và các xơ chẳng bao giờ nghĩ rằng bạn biết họ đang nói gì. Nếu bạn mười tuổi sắp sửa mười một thì họ đơn giản nghĩ bạn chỉ giống như bác Pat có cái đầu không bình thường mà thôi. Bạn không thể đặt các câu hỏi. Bạn không thể thể hiện rằng bạn hiểu những gì cô y tá nói về Patricia, rằng cô bé ấy sắp chết, và bạn không được thể hiện rằng bạn muốn khóc vì cô bé đã dạy bạn một bài thơ thú vị mà cô y tá cho là tồi tệ.

Cô y tá nói với Seamus là cô ấy phải đi và bảo ông phải quét từ gầm giường tôi quét ra. Seamus bảo tôi rằng cô ta đúng là một con sói cái vì đã chạy đi mách lẻo với xơ Rita chuyện một bài thơ được đọc giữa hai phòng bệnh, rằng người ta không đời nào lại bị nhiễm bệnh vì một bài thơ trừ khi đó là yêu và ha ha không đời nào có chuyện đó được khi mà bạn mới chỉ bao nhiêu? Mười gần mười một tuổi đúng không? Ông ấy bảo rằng ông chưa bao giờ thấy chuyện nào như chuyện này, một cậu bé bị đưa lên tầng trên chỉ vì đọc một bài thơ và ông ấy bảo ông ấy thừa trí nhớ để đến tòa soạn báo *Limerick Leader* kể cho họ chuyện này để họ đăng lên trang nhất, kể tuốt trừ chi tiết ông ấy làm việc ở bệnh

viện và sẽ mất việc nếu xơ Rita phát hiện ra. Ông ấy nói: "Francis ạ, dù sao thì một ngày đẹp trời nào đó cậu cũng sẽ ra khỏi đây và cậu tha hồ mà đọc tất cả những bài thơ cậu thích còn Patricia thì chẳng biết ra sao nữa, tôi không biết Patricia sẽ ra sao, xin Chúa giúp chúng con".

Hai ngày sau ông ấy biết về Patricia bởi vì cô bé ấy đã tự ra khỏi giường đến nhà vệ sinh trong khi cô ấy đáng ra phải ngồi bô ngay tại phòng và cô ấy bị ngã trong nhà vệ sinh và chết tại đó. Seamus vừa quét phòng vừa khóc: "Chết trong nhà vệ sinh thì tệ quá đối với một cô bé dễ thương như cô ấy. Cô ấy nói với tôi rằng cô ấy rất tiếc vì cậu bị đưa lên trên gác, Francis ạ. Cô ấy bảo đó là do lỗi của cô ấy".

Không phải lỗi do cô ấy đâu, ông Seamus.

Tôi biết và tôi cũng đã bảo cô ấy như vậy.

Mỗi tuần ba lần Seamus tới quét phòng và mỗi sáng y tá đều tới cặp nhiệt độ và bắt mạch cho tôi. Bác sỹ đặt ống nghe lên ngực tôi mỗi lần ông ấy tới. Tất cả họ đều nói: "0, xem nào, hôm nay chiến binh nhỏ của chúng ta thế nào?". Một cô gái mặc váy xanh da trời mang bữa ăn tới cho tôi ba lần một ngày và cô ấy chưa bao giờ hé răng nói một lời với tôi. Seamus bảo đầu cô ấy có vấn đề vì vậy đừng nói chuyện với cô ấy.

Ngày tháng Bảy đến là dài và tôi rất sợ bóng tối. Trong phòng chỉ có hai ngọn đèn trần và cứ khi y tá cho tôi uống thuốc xong mang khay đi khỏi là chúng lại tắt phụt. Y tá bảo tôi ngủ nhưng tôi không tài nào ngủ dễ dàng được bởi tôi nhìn thấy người ở mười chín giường còn lại trong phòng đang hấp hối với những cái miệng đầy cỏ xanh lè kêu rên đòi ăn súp và tôi phải lấy gối che lên mặt hy vọng họ không tới vây quanh giường tôi xâu xé, đòi chia cho họ những mẩu sôcôla trong thanh sôcôla tuần trước đó mẹ tôi đã mang vào cho tôi.

Không, không phải mẹ tôi đã mang nó vào cho tôi. Mẹ tôi phải gửi nó vào bởi vì tôi không được phép có người thăm nữa.

Xơ Rita nói cho người nhà bệnh nhân đến thăm là một ưu tiên và sau việc tôi đọc thơ với Patricia thể hiện một thái độ tồi như vậy thì tôi không còn được ưu tiên nữa. Xơ ấy nói vài tuần nữa tôi sẽ được về nhà và việc của tôi là tập trung vào điều trị cho mau khỏe và tập đi sau sáu tuần nằm trên giường bệnh và ngày mai sau bữa sáng tôi có thể ra khỏi giường. Tôi không biết tại sao xơ lại nói tôi phải tập đi khi mà tôi đã biết đi từ khi tôi còn bé tẹo nhưng khi cô y tá đỡ tôi đứng dậy khỏi giường tôi ngã khụy xuống sàn khiến cô ấy cười phá lên và bảo: "Đấy, thấy chưa, cậu lại trở về làm một đứa trẻ con rồi".

Tôi tập đi từ giường này sang giường khác, đi tới rồi lại vòng lại. Tôi không muốn làm một đứa trẻ con. Tôi không muốn ở trong cái phòng trống này mà không có Patricia. Tôi không muốn thấy bóng ma của những đứa trẻ chết đói với những cái miệng đầy cỏ xanh lè chỉ tay vào tôi đòi tôi chia sôcôla.

Rồi một hôm cô gái mặc váy xanh bỗng nhiên cất tiếng nói chuyện với tôi: "Cậu có muốn có một cuốn sách để đọc không?". Và thế là cô ấy mang tới cho tôi cuốn *Cuộc tìm kiếm thú vị của Ernest Bliss* do E.Phillips Oppenheim viết, nói về một người Anh buồn chán và không biết phải làm gì hàng ngày trong khi anh ta có nhiều tiền đến nỗi không đếm xuể. Người hầu của anh ta mang đến cho anh ta báo buổi sáng, trà, trứng, bánh mì nướng và mứt cam nhưng anh ta nói: "Hãy mang tất cả đi đi, cuộc sống thật trống rỗng". Anh ta không đọc báo, không ăn trứng và anh ta cứ héo hon đi. Nghe theo lời khuyên của bác sĩ anh ta đi đến sống ở khu dành cho người nghèo ở Đông London và anh ta đã học được cách yêu cuộc sống, rồi anh ta yêu một cô gái nghèo nhưng thật thà, thông minh và họ kết hôn rồi chuyển về sống ở nhà của anh ta ở Tây London vùng giàu có nhất bởi ở đó họ có điều kiện giúp đỡ những người nghèo và, khi bạn tốt bụng và thoải mái thì bạn làm sao còn cảm thấy buồn chán nữa.

Seamus muốn tôi kể lại cho ông ấy nghe những gì tôi đọc được. Ông ấy bảo câu chuyện về Emest Bliss là chuyện bịa bởi vì theo ông ấy nhớ thì chưa có một ai phải khám bác sĩ vì có quá nhiều tiền và vì không ăn trứng cả. Có lẽ chuyện đó chỉ xảy ra ở nước Anh thôi. Bạn không bao giờ thấy những chuyện như vậy ở Ailen đâu. Nếu ở xứ này bạn không ăn trứng của bạn thì thế nào bạn cũng sẽ bị tống lên xe bò kéo và bị đưa thẳng đến trại tâm thần hoặc bị báo với giám mục.

Tôi nóng lòng muốn về nhà kể cho Malachy nghe về người đàn ông không chịu ăn trứng của mình. Malachy sẽ lăn ra sàn nhà mà cười bởi vì không đời nào lại có chuyện đó được. Nó sẽ nói rằng tôi bịa nhưng tôi sẽ bảo nó rằng đó là chuyện về một người Anh và như thê nó sẽ hiểu thôi.

Tôi không thể nói với cô gái mặc váy xanh rằng cuốn truyện đó là một cuốn truyện ngớ ngẩn được bởi vì nếu tôi nói vậy cô ấy có thể sẽ giận. Cô ấy nói: “Nếu cậu đọc xong cuốn đó tôi sẽ mang cho cậu cuốn khác. Có cả một thùng sách do bệnh nhân bỏ lại từ đời nảo đời nào đến giờ. Và cô ấy mang cho tôi một cuốn sách có tiêu đề là *Những ngày tới trường của Tom Brown,* một cuốn sách khó đọc, và cô ấy còn mang đến cho tôi một loạt sách do P.G.Wodehouse trong đó có những nhân vật khiến tôi buồn cười như Ukridge, Bertie Wooster, Jeeves và Mulliner. Bertie Wooster giàu có nhưng sáng nào ông ta cũng ăn trứng chỉ vì sợ Jeeves nói. Tôi ước gì tôi có thể nói về những gì tôi đọc được với cô gái mặc váy xanh hay với ai đó nhưng tôi sợ cô y tá người Kerry và xơ Rita phát hiện ra và sợ họ sẽ chuyển tôi lên phòng rộng hơn ở tầng trên với bốn mươi chiếc giường trống và những bóng ma của nạn đói có cái miệng xanh lè và những ngón tay xương xẩu. Ban đêm tôi nằm trên giường nghĩ về Tom Brown và những cuộc phiêu lưu của con người đó ở trường Rugby và nghĩ tới tất cả những nhân vật trong những cuốn sách của P.G Wodehouse. Tôi có thể mơ về cô con gái có cặp mồi đỏ của chủ quán trọ cùng

tên cướp, và các y tá và các xơ chẳng thể làm gì được tôi. Thật thích khi nghĩ rằng thế giới không thể can dự gì vào ý nghĩ trong đầu của bạn.

Tháng Tám đã đến và tôi đã mười một tuổi. Tôi đã nằm viện hai tháng trời và tôi không biết họ có cho tôi ra viện để hưởng Giáng sinh không nữa. Cô y tá vùng Kerry bảo rằng tôi nên quỳ mà tạ ơn Chúa vì tôi còn sống và đừng có phàn nàn gì hết.

Tôi nói: "Cháu có phàn nàn gì đâu ạ, cháu chỉ không biết cháu có được về nhà vào Giáng sinh hay không thôi".

Cô y tá không trả lời tôi. Cô ấy bảo tôi phải biết nghe lời nếu không cô ấy sẽ gọi xơ Rita tới.

Vào ngày sinh nhật của tôi mẹ tôi đến bệnh viện và gửi cho tôi hai thanh sôcôla và một mảnh giấy có ghi tên của những người ở chung ngõ với chúng tôi cùng lời nhắn chúc tôi mau khỏe sớm được ra viện, họ bảo tôi là một chiến binh cừ khôi. Cô y tá cho phép tôi nói chuyện với mẹ tôi qua cửa sổ và việc đó chẳng dễ dàng chút nào bởi các cửa sổ ở bệnh viện đều cao và tôi phải đứng lên vai Seamus mới nhìn thấy mẹ tôi. Tôi bảo mẹ tôi rằng tôi muốn về nhà nhưng mẹ tôi nói tôi vẫn còn yếu và rằng chắc chắn chỉ nay mai thôi tôi sẽ được ra viện. Seamus nói: "Lên mười một quả là một sự kiện quan trọng bởi vì từ giờ trở đi cậu sẽ trở thành một người đàn ông bất cứ lúc nào sẽ cạo râu và sẵn sàng để ra ngoài tìm việc làm và uống bia cừ như một người đàn ông".

Sau mười bốn tuần xơ Rita nói rằng tôi được về nhà và bảo tôi rằng đó là một sự may mắn bởi hôm tôi ra viện cũng đúng là ngày lễ thánh Francis Assisi. Xơ ấy nói tôi là một bệnh nhân rất ngoan trừ một rắc rối nhỏ là chuyện đọc thơ với Patricia, cầu Chúa cho cô ấy được an nghỉ, và tôi được mời trở lại bệnh viện dự bữa tiệc tối Giáng sinh với mọi người. Vì chân tôi còn yếu nên mẹ tôi dẫn tôi đi. Chúng tôi phải mất khá nhiều thời gian đi

bộ tới trạm xe buýt ở Union Cross. Mẹ tôi nói: “Hãy gắng lên. Sau ba tháng rưỡi chúng ta có thể tiết kiệm được một giờ đấy”.

Những người đứng trước cửa nhà họ ở đường Barack và ngõ Roden đều nói rằng họ rất vui khi thấy tôi trở về, rằng tôi là một chiến binh cừ khôi, niềm tự hào của bố mẹ tôi. Malachy và Michael chạy ra ngõ đón tôi và nói: “Chúa oi, anh đi chậm quá. Liệu anh còn chạy được không?”.

Đó là một ngày vui vẻ và tôi cảm thấy hạnh phúc cho tới khi tôi nhìn thấy bố tôi ngồi bên bếp bế Alphie trên tay. Một cảm giác trống rỗng xâm chiếm trái tim tôi bởi tôi biết bố tôi lại mất việc. Suốt thời gian nằm viện tôi cứ chắc rằng bố tôi đang có việc làm, mẹ tôi bảo tôi rằng bố tôi có việc làm, và tôi cứ nghĩ thế là nhà tôi không bị đói và chúng tôi có giày để đi. Bố tôi mỉm cười với tôi và nói với Alphie: “Ô, anh cả của con đã được ra viện rồi đây này”.

Mẹ tôi nói lại với bố tôi lời dặn của bác sĩ, rằng tôi phải được nghỉ ngơi và phải được bồi dưỡng. Bác sỹ nói thịt bò sẽ giúp tôi hồi phục tốt. Bố tôi lặng lẽ gật đầu. Mẹ tôi hầm thịt bò thái hạt lựu cho tôi và Malachy với Michael cứ đứng nhìn tôi uống. Chúng bảo mẹ tôi rằng chúng cũng muốn uống nhung mẹ quát: “Đi chơi, các con có bị thương hàn đâu mà đòi uống. Mẹ tôi bảo bác sĩ dặn tôi phải đi ngủ sớm. Mẹ cố đuổi lũ bọ chét đi để tôi có thể ngủ yên nhưng vì thời tiết ấm nên chúng nở nhiều đuổi không xuể. Còn nữa, mẹ tôi nói: “Chúng chẳng kiếm chác được gì đâu vì con chỉ còn toàn da với xương thôi”.

Tôi nằm trên giường nghĩ về bệnh viện nơi có những tấm khăn trải giường trắng tinh được thay mỗi ngày không có bóng dáng của một con bọ chét Ở đó có một nhà vệ sinh mà bạn có thể vừa ngồi thoải mái vừa đọc sách cho tới khi có người tới hỏi có phải bạn chết rồi không. Ở đó có một phòng tắm có bồn nước nóng và bạn có thể ngồi trong bồn bao lâu tùy thích và tha hồ mà ngâm nga:

Ta tin rằng,

Hoàn cảnh nghiệt ngã đã xui khiến Mi trở thành kẻ thù của ta,

Và đọc hai câu thơ đó giúp tôi dễ ngủ.

Buổi sáng khi Malachy và Michael dậy chuẩn bị đi học mẹ tôi bảo tôi cứ nằm trên giường không phải dậy. Tôi có thể nằm ngủ tiếp. Malachy đang học lớp năm do thầy O'Dea dạy và nó thích khoe với mọi người rằng nó đang học cuốn giáo lý vấn đáp bìa đỏ để sắp sửa nhận lễ Kiên tín và thầy O'Dea nói với tất cả lớp về ân Chúa và về Euclide và về chuyện người Anh đã hành hạ người Ailen như thế nào suốt tám trăm năm.

Giờ đây tôi không muốn nằm trên giường nữa. Ngày tháng Mười rất đẹp và tôi muốn ngồi ở bên ngoài nhìn ra con ngõ để thấy ánh mặt trời xiên nghiêng trên bức tường đối diện với nhà chúng tôi. Mickey Moloney mang đến cho tôi những cuốn sách của P.G.Wodehouse mà bố cậu lấy từ thư viện về và thế là tôi lại có những ngày vui vẻ với Ukridge, Bertie Wooster và Mulliner. Bố tôi cho phép tôi đọc cuốn *Nhật ký đi đày của John Mitchel* mà ông rất thích, một cuốn sách nói về một người nổi dậy vĩ đại người Ailen bị người Anh kết án đi đầy ở đảo Van Diemen, Australia.

Tôi không thể cứ ở nhà mãi được và cuối cùng tháng Mười một mẹ tôi phải đưa tôi trở lại trường Leamy. Thầy hiệu trưởng mới, thầy O'Halloran, nói rằng thầy rất lấy làm tiếc, rằng tôi đã nghỉ học hơn hai tháng vì vậy tôi phải học lại lớp năm. Mẹ tôi nói với thầy hiệu trưởng rằng chắc chắn tôi đã sẵn sàng vào học lớp sáu. Mẹ tôi nài nỉ: "Cháu nó chỉ nghỉ học có mấy tuần thôi mà". Thầy O'Halloran nói: "Tôi xin lỗi, đưa cậu bé sang lớp của thầy O'Dea cho".

Hai mẹ con tôi bước đi dọc hành lang và tôi bảo mẹ rằng tôi không muốn học lại lớp năm. Malachy học lớp đó và tôi không muốn học chung một lớp với em tôi khi mà tôi hơn nó hẳn một tuổi. Năm trước tôi đã nhận lễ Kiên tín rồi. Nó thì chưa. Tôi lớn

tuổi hơn. Giờ tôi không còn to lớn hơn nó nữa do tôi bị thương hàn nhưng dù gì thì tôi vẫn lớn hơn nó.

Mẹ tôi nói: " Không chết đâu mà lo".

Mẹ tôi không quan tâm và tôi bị xếp vào lớp đó học chung với Malachy và tôi biết tất cả bạn của nó đều cười nhạo tôi vì tôi bị đúp. Thầy O'Dea xếp tôi ngồi bàn đầu và bảo tôi đừng có giữ cái miệng giận dỗi như thế nếu không thầy sẽ cho tôi nếm mùi cái roi tần bì của thầy.

Rồi một điều kỳ diệu xảy ra và tất cả là nhờ thánh Francis, vị thánh tôi tôn sùng. Ngay trong ngày đầu tiên đi học về tôi nhặt được một xu trên đường và tôi muốn chạy tới cửa hàng Kathleen O'Connell's mua một thanh kẹo cứng Cleeves nhưng tôi không thể chạy bởi chân tôi vẫn còn yếu và cứ bước được một đoạn tôi lại phải đứng dựa vào tường mà nghỉ. Tôi rất thèm loại kẹo đó nhưng tôi cũng thèm được thoát ra khỏi cái lớp năm đáng ghét ấy.

Tôi biết tôi phải đi tới chỗ tượng thánh Francis. Đó là vị thánh duy nhất sẽ lắng nghe tôi nói nhưng tượng thánh lại nằm ở tận phía cuối Limerick nên tôi phải mất một giờ vừa đi vừa ngồi nghỉ trên các bậc thềm hay đứng dựa vào các bức tường ven đường mới tới nơi được. Một xu là số tiền vừa đủ để thắp sáng một ngọn nến và tôi tự hỏi không biết tôi có thể thắp nến và giữ một xu đó hay không. Không, thánh Francis sẽ biết ngay. Vị thánh của tôi yêu thích chim trên trời và cá dưới nước nhưng Người không phải là một kẻ khờ. Tôi thắp nến và quì trước tượng thánh Francis và cầu xin Người giúp tôi ra khỏi lớp năm để tôi khỏi phải học chung với em tôi, thằng nhóc hay chuyện mà có lẽ bây giờ đang đi khắp ngõ nói với mọi người rằng anh nó bị đúp. Thánh Francis không nói một lời nhưng tôi biết Người có nghe tôi nói và tôi biết Người sẽ đưa tôi ra khỏi lớp đó. Đó là điều tối thiểu Người có thể làm để đền bù cho việc tôi khó khăn vất vả tìm đến bên tượng của Người trong khi tôi có thể đến nhà thờ

thánh Joseph thắp nến dưới bức tranh Trái tim Cứu Thế. Nếu Người bỏ mặc tôi trong lúc tôi cầu cứu Người thì việc bố mẹ tôi đặt tên tôi theo tên của Người phỏng có ý nghĩa gì?

Tôi phải ngồi trong lớp của thầy O'Dea nghe giảng về giáo lý vấn đáp và tất cả những điều thầy đã dạy năm ngoái. Tôi muốn giơ tay trả lời các câu hỏi nhưng thầy nói: "Trật tự, để em của trò trả lời". Thầy cho lớp làm bài kiểm tra số học rồi sai tôi chữa bài. Thầy đọc cho lớp viết chính tả bằng tiếng Ailen và bảo tôi sửa lỗi chính tả cho cả lớp. Rồi thầy ra cho tôi những đề văn về viết và đọc cho cả lớp nghe bởi vì tất cả tôi đã học từ năm trước. Thầy nói với cả lớp: "Francis McCourt sẽ cho các em thấy năm ngoái ở lớp này trò ấy đã học viết tốt như thế nào. Trò ấy sẽ viết một bài văn về Chúa của chúng ta, đúng không, McCourt? Trò ấy sẽ cho chúng ta thấy nếu Chúa của chúng ta lớn lên ở Limerick thành phố linh thiêng nhất Ailen thì sẽ thế nào. McCourt, về nhà trò hãy viết bài văn đó và ngày mai hãy mang đến lớp".

Bố tôi nói: "Thầy O'Dea có một trí tưởng tượng tốt đấy nhưng Chúa của chúng ta đã chịu đựng trên cây thánh giá là đủ lắm rồi không phải bắt Người ở Limerick nữa để Người phải chịu đựng cái ẩm thấp của sông Shannon". Bố tôi nói thế rồi chụp mũ lên đầu và đi ra đường để mặc tôi tự nghĩ về Chúa và loay hoay không biết sẽ phải viết gì.

Buổi học hôm sau thầy O'Dea đứng trước lớp nói:

Nào McCourt, hãy đọc bài văn của em cho cả lớp nghe.

Tên bài văn của tôi là...

Đầu đề, McCourt, đầu đề chứ.

Đầu đề bài văn của tôi là, *Chúa Jésus và Thời tiết.*

Cái gì?

Chúa Jésus và Thời tiết.

Thôi được, hãy đọc xem nào.

Tôi đã viết thế này: “Tôi không nghĩ Đức Chúa của chúng ta lại thích thời tiết ở Limerick bởi ở đây luôn có mưa và sông Shannon làm cho toàn thành phố lúc nào cũng ẩm thấp. Bố tôi nói sông Shannon là con sông giết người bởi nó đã giết hai em trai của tôi. Khi bạn ngắm các bức tranh vẽ Chúa Jésus bạn luôn thấy Chúa ở trên đất Israel cổ xưa. Ởđó không có mưa và bạn không bao giờ nghe thấy tiếng ho nào cũng không thấy một ai bị lao phổi hết và không ai đi làm cả bởi tất cả mọi người ở đó chỉ đứng quây quần ăn lộc thánh và lắc lắc nắm tay và đi tới chỗ đóng đinh câu rút.

Bất cứ lúc nào Chúa Jésus đói bụng Người chỉ việc đi ra đường cái, tới một cây sung hoặc một cây cam và thế là Người no bụng ngay. Nếu Người muốn uống rượu, Người chỉ cần vẫy tay về phía một chiếc cốc và lập tức Người có rượu uống. Người có thể đến thăm Mary Magdalene và chị gái của Mary, Martha, và họ phục vụ Người bữa tối mà không vặn hỏi bất cứ điều gì và Người sẽ được rửa chân và được lau khô chân bằng tóc của Mary Magdalene trong khi Martha rửa bát đĩa, và tôi nghĩ như thế là không công bằng. Tại sao Martha lại phải rửa bát trong khi Mary Magdalene được ngồi trò chuyện với Chúa? Chúa của chúng ta quyết định để được sinh làm người Do Thái ở xứ sở ấm áp ấy quả là hay bởi nếu Người sinh ra ở Limerick thì Người sẽ bị nhiễm lao phổi và chết chỉ trong một tháng và như thế sẽ chẳng có nhà thờ Thiên Chúa nào cả và cũng sẽ không có lễ Ban thánh thể hay lễ Kiên tín và chúng ta sẽ không phải học giáo lý vấn đáp, không phải viết những bài văn về Người. Hết”.

Thầy O’Dea lặng thinh nhìn tôi bằng cái nhìn khó hiểu còn tôi thì lo sốt vó vì tôi biết mỗi khi thầy im lặng như thế có nghĩa là ai đó sắp phải lãnh đủ. Thầy nói:

McCourt, ai viết bài văn này?

Em viết, thưa thầy.

Bố em viết phải không?

Không phải, thưa thầy.

Đi ra đây, McCourt.

Tôi theo thầy ra cửa, đi dọc hành lang đến phòng thầy Hiệu trưởng. Thầy O'Dea đưa bài văn của tôi cho thầy hiệu trưởng xem và thầy Hiệu trưởng cũng nhìn tôi bằng cái nhìn khó hiểu. Thầy hiệu trưởng hỏi tôi:

Chính cậu đã viết bài văn này à?

Vâng, thưa thầy.

Tôi được đưa ra khỏi lớp năm và được xếp vào lớp sáu của thầy O'Halloran với những bạn học trước đây của tôi, Paddy Clohessy, Fintan Slattery, Quigley Hay Hỏi, và hôm đó ngay sau khi tan học tôi phải trở lại trước tượng thánh Francis để tạ ơn Người cho dù chân tôi vẫn còn yếu và tôi phải vừa đi vừa nghỉ trên các bậc hè hay phải đứng dựa vào tường và tôi cũng chẳng biết liệu tôi đã viết được gì hay, hay là đã viết ra điều gì không nên viết trong bài văn đó.

Thầy Thomas L. O'Halloran dạy một lúc ba lớp trong cùng một phòng, lớp sáu, lớp bảy, lớp tám. Thầy có cái đầu trông giống như đầu của tổng thống Roodevelt và thầy đeo kính gọng vàng. Thầy mặc com-lê, màu xanh nước biển hoặc xám, và thầy có một chiếc đồng hồ vàng có dây đeo vắt ngang từ túi áo gi-lê bên này sang túi áo bên kia. Chúng tôi gọi thầy là Hoppy có nghĩa là nhảy bởi vì thầy có một cái chân ngắn nên thầy bước đi không như người bình thường. Thầy biết chúng tôi gọi thầy như vậy và thầy bảo: "Đúng, tôi nhảy đấy và tôi sẽ nhảy lên các cậu. Thầy có một chiếc thước dài, một chiếc thước dùng để chỉ, và nếu bạn không chú ý nghe giảng hay đưa ra một câu trả lời ngớ ngẩn thì thầy sẽ vụt vào mỗi bàn tay của bạn ba nhát hoặc sẽ vụt vào bắp chân bạn. Thầy bắt bạn học thuộc lòng mọi thứ, tất, và điều đó khiến thầy trở thành thầy giáo rắn nhất trường. Thầy thích nước Mỹ và bắt chúng tôi phải học thuộc tên tất cả các bang của nước Mỹ. Thầy vẽ biểu đồ ngữ pháp tiếng Ailen, lịch sử

Ailen và đại số sẵn ở nhà rồi treo chúng lên một cái khung trong lớp học và chúng tôi phải học thuộc tất cả các trường hợp, tất cả các cách chia động từ, tất cả các biến cách của tiếng Ailen, phải học thuộc những cái tên và những trận đánh nổi tiếng, các tỷ lệ thức, các phương trình. Chúng tôi phải biết tất cả những ngày quan trọng trong lịch sử Ailen. Thầy nói cho chúng tôi biết điều gì quan trọng và tại sao lại quan trọng. Chưa có giáo viên nào từng giải thích tại sao với chúng tôi. Nêu bạn hỏi tại sao thì đầu bạn sẽ bị ăn thước ngay. Thầy Hoppy không gọi chúng tôi là đồ đần độn và nếu bạn hỏi thầy một câu hỏi thì thầy cũng không nổi cáu. Thầy là giáo viên duy nhất dừng giảng bài và hỏi: "Các em có hiểu những gì thầy đang nói không? Có em nào thắc mắc gì không?".

Tất cả chúng tôi đều ngạc nhiên khi thầy nói rằng trận đánh Kinsale năm 1601 là thời khắc đáng buồn nhất trong lịch sử Ailen, một trận chiến tàn bạo và dã man của cả hai bên tham chiến.

Tàn bạo và dã man ư? Bên Ailen cũng vậy ư? Làm sao có thể như vậy được cơ chứ? Tất cả các giáo viên khác đều nói với chúng tôi rằng người Ailen luôn chiến đấu một cách cao cả, họ luôn đánh đẹp. Thầy Hoppy bảo cả lớp học thuộc những câu thơ sau:

Họ tiến vào trận đánh, nhưng luôn gục ngã,

Mắt họ mở trừng trừng phía trên những tấm khiên buồn bã.

Họ đã chiến dấu một cách cao thượng và dũng cảm, nhưng không cừ,

Và chìm trong vết thương xé lòng vì một bùa phép tinh vi.

Nếu họ thất bại thì đó là do những kẻ chỉ điểm và những kẻ phản bội. Nhưng tôi muốn biết về sự dã man đó của người Ailen.

- Thưa thầy, trong trận đánh Kinsale người Ailen có dã man không ạ?

- Có. Lịch sử còn ghi lại rằng họ đã giết các tù nhân nhưng họ chẳng tốt hơn cũng chẳng tồi hơn người Anh đâu.

Thầy O'Halloran không thể nói dối được. Thầy là Hiệu trưởng cơ mà. Suốt từ khi bắt đầu đi học đến giờ các thầy giáo toàn nói với chúng tôi rằng người Ailen luôn cao thượng và trước khi bị người Anh treo cổ họ thường đọc những bài diễn thuyết đầy dũng cảm. Hôm nay thầy O'Halloran nói rằng người Ailen đã làm những việc tồi tệ. Ngày mai chắc thầy sẽ nói người Anh đã làm những việc tốt. Thầy nói: "Các em phải học tập và nghiên cứu để nhìn nhận lịch sử và mọi thứ khác bằng cái đầu của riêng mình nhưng các em không thể làm việc đó với một cái đầu trống rỗng. Hãy bồi đắp cho cái đầu của các em, hãy bồi đắp. Đó là kho báu mà không ai trên thế giới có thể xâm phạm. Nếu các em thắng giải cá đua ngựa toàn Ailen và mua một ngôi nhà cần đồ đạc bày bên trong thì liệu các em có chất đầy những mẩu rác rưởi vào trong đó hay không? Cái đầu của các em là ngôi nhà của các em và nếu các em tống đầy những thứ rác rưởi từ rạp chiếu bóng vào đó thì những rác rưởi đó sẽ làm thối làm hỏng đầu óc các em. Các em có thể nghèo, giày của các em có thể rách, nhưng đầu của các em phải là một cung điện".

Thầy bắt từng đứa bọn tôi đứng trước cả lớp tự nhìn xuống giày của mình. Thầy muốn biết tại sao giày của chúng tôi lại rách và tại sao có những người lại không có giày đi. Thầy bảo rằng đó là một điều nhục nhã và rằng thầy sẽ mở một đợt bán xổ số để giúp chúng tôi có giày ấm đi trong mùa đông. Thầy phát cho chúng tôi nhũng tập vé số và thế là chúng tôi lang thang khắp Limerick bán vé số gây quỹ mua giày cho học sinh trường Leamy, giải nhất năm bảng, năm giải còn lại mỗi giải một bảng. Những học sinh mười một tuổi chưa có giày bỗng nhiên có giày mới toanh. Malachy và tôi không ai được phát giày mới vì chúng tôi đã có giày rồi cho dù giày của chúng tôi đều đã mòn vẹt đế và rách lỗ chỗ và chúng tôi không biết tại sao chúng

tôi phải chạy rông khắp Limerick bán vé số để rồi những học sinh khác được đi giày mới. Fintan Slattery bảo chúng tôi đi quyên tiền cho quỹ từ thiên còn Paddy thì nói: "Fintan, mày cứ đi đi và kiếm lấy một bãi phân tốt cho riêng mày".

Khi bố tôi làm điều xấu tôi biết. Khi bố tôi đi uống hết cả số tiền trợ cấp tôi biết và tôi biết mẹ tôi phải lê những bước chán nản tới xin các thứ ở hội thánh Vincent de Paul và xin phiếu mua hàng ở cửa hàng O'Connell nhưng tôi không muốn ghẻ lạnh với bố. Làm sao tôi có thể làm thế khi mà sáng sớm nào tôi cũng thức dậy cùng bố tôi trong khi thế giới vẫn còn chìm trong giấc ngủ? Bố tôi nhóm lửa lên và pha trà vừa làm vừa hát một mình hoặc đọc báo cho tôi bằng giọng thầm thì để những người còn ngủ không bị đánh thức. Mickey Molloy đã đánh cắp Cuchulain, thiên thần trên bậc thang thứ bảy đã bay đi nơi nào khác rồi, nhưng bố tôi của những buổi sáng thì vẫn ở bên tôi. Sáng sớm bố tôi mua tờ *Irish Press* và kể cho tôi nghe về thế giới, về Hitle, Mussolini, Franco. Bố tôi nói với tôi về Roosevelt ở Washington và Valera ở Dublin. Sáng sáng chúng tôi có cả thế giới đến với mình và vào buổi sáng bố tôi không bao giờ bảo tôi nên chết cho Ailen.

Khi bạn có hẳn bố cho riêng mình bên bếp lửa vào buổi sáng sớm bạn không cần Cuchulain, thiên thần ở bậc thang thứ bảy hay bất cứ gì nữa cả.

Buổi tối bố tôi giúp chúng tôi làm bài tập. Mẹ tôi nói ở Mỹ người ta gọi đó là bài tập về nhà nhưng ở đây người ta gọi là bài tập, thế thôi, bài tập toán, tiếng Anh, tiếng Ailen, lịch sử. Bố tôi không thể giúp chúng tôi trong môn học tiếng Ailen được bởi vì bố là người miền Bắc không thạo tiếng bản địa. Malachy bảo rằng nó sẽ dạy bố tất cả những từ tiếng Ailen mà nó học được nhưng bố tôi bảo: "Muộn rồi, con không thể dạy một con chó già sủa một tiếng sủa mới được đâu". Trước khi đi ngủ chúng tôi ngồi quanh bếp và nếu tôi đòi bố tôi kể chuyện thì thế nào bố tôi

cũng bịa ra một câu chuyện về một người nào đó trong ngõ và câu chuyện ấy sẽ đưa chúng tôi đi khắp thế giới, lên trời, xuống biển và rồi cuối cùng lại trở về cái ngõ của chúng tôi. Mỗi người trong câu chuyện có một màu da khác nhau và mọi thứ đều ngược với hiện thực hoặc lùi lại thời quá khứ. Ô tô và máy bay thì đi dưới nước còn tàu ngầm thì bay trên không. Cá mập ngồi trên cây còn cá hồi thì chơi thể thao với kangguru trên mặt trăng. Gấu bắc cực thi đấu vật với voi ở Australia còn chim cánh cụt thì dạy Zulu thổi kèn túi. Sau khi kể chuyện xong bố tôi đưa chúng tôi lên gác và cùng quỳ cầu nguyện với chúng tôi.

Tôi buồn trước điều tồi tệ bố tôi làm nhưng tôi không thể quay lưng lại với bố tôi được bởi bố vào buổi sáng là bố thực sự của tôi và nếu là ở nước Mỹ tôi có thể nói: “Con yêu bố” giống như người ta vẫn nói trên phim, nhưng bạn không thể nói như thế ở đất Limerick này vì sợ mọi người sẽ cười bạn. Bạn được phép nói bạn yêu Chúa, yêu trẻ con và yêu ngựa còn nói yêu thứ gì khác thì bạn sẽ bị cho là ủy mị.

Suốt ngày đêm chúng tôi khốn khổ vì những người đi đổ bô. Mẹ tôi bảo không phải sông Shannon sẽ giết chúng tôi mà chính cái nhà vệ sinh ở ngay cửa nhà chúng tôi sẽ làm việc đó. Mùa đông mọi thứ chảy tràn ra thấm vào qua cửa nhà chúng tôi đã đủ tệ lắm rồi nhưng mùa hè thời tiết ấm ruồi nhặng và chuột thi nhau hoành hành thì còn tệ hơn nhiều.

Ngay cạnh nhà vệ sinh là một chuồng ngựa nơi giữ một con ngựa to. Con ngựa đó được gọi là Finn và tất cả chúng tôi đều thích con ngựa đó nhưng người coi ngựa thì không để ý đến cái chuồng nên nước từ chuồng ngựa chảy cả vào nhà chúng tôi. Nước từ nhà vệ sinh và từ chuồng ngựa thu hút lũ chuột và chúng tôi phải nuôi một con chó để đuổi chuột, con Lucky. Lucky thích đuổi chuột vào những góc cùng và đập chúng vào những cạnh đá nhô lên trên mặt đất hoặc đập chúng vào cái cào cỏ ở chuồng ngựa. Con ngựa Finn rất sợ chuột và chúng tôi phải

cảnh giác khi nó nhảy chồm lên. Con ngựa đó biết chúng tôi không phải là chuột bởi chúng tôi thỉnh thoảng lại mang về cho nó những quả táo chúng tôi hái trộm ở một vườn quả ngoài ngoại ô.

Thỉnh thoảng chuột bị truy đuổi chạy bừa vào trong nhà chúng tôi chui xuống cái hố than tối om ở dưới gầm cầu thang và nếu chúng đã chui vào đó thì đố bạn nhìn thấy chúng. Thậm chí chúng tôi mang nến tới soi chúng tôi cũng không thể tìm ra chúng bởi chúng đào hố ở mọi chỗ không biết đâu mà lần. Nếu bếp còn lửa thì chúng tôi đun nước sôi và từ từ đổ xuống hố và thế là chuột chạy ra qua chân chúng tôi và lại chuồn ra cửa trừ khi Lucky đón lõng và tóm chúng giữa hai hàm răng của nó. Chúng tôi cứ nghĩ Lucky ăn chuột nhưng nó không ăn mà đem bỏ ở ngõ với ruột gan lùng nhùng rồi chạy về quẩn dưới chân bố tôi nhận một miếng bánh mì nhúng trà. Người trong ngõ nói nó làm như thế thật kỳ cục nhưng bạn mong đợi gì từ một con chó nhà McCourt cơ chứ.

Cứ hễ thấy bóng một con chuột hay thấy ai nói đến chuột là mẹ tôi bước khỏi cửa đi thẳng ra ngõ. Mẹ tôi thà đi trên đường phố Limerick mãi mãi còn hơn là ở lại một phút trong một ngôi nhà có chuột và như thế mẹ tôi không bao giờ có thể dừng bước bởi mẹ tôi biết rằng với cái chuồng ngựa và cái nhà vệ sinh ấy thì lúc nào mà chả có một con chuột với cả nhà cả ổ nhà nó đợi ăn bữa tối của chúng.

Chúng tôi đấu tranh với lũ chuột và đấu tranh với thứ nước bẩn tràn ra từ nhà vệ sinh. Những hôm trời ấm chúng tôi muốn để cửa mở nhưng bạn không thể làm thế được khi mà người sống trong cái ngõ đó cứ thi nhau đi đổ bô. Một số gia đình tồi hơn những gia đình khác và bố tôi ghét tất cả bọn họ cho dù mẹ tôi nói với bố rằng đó không phải lỗi của họ mà là lỗi của người xây nhà đã không xây riêng nhà vệ sinh cho mỗi hộ. Bố tôi bảo

mọi người nên đi đổ bô vào đêm khuya để khỏi làm phiền chúng tôi mới phải.

Lũ ruồi cũng tệ chẳng kém gì lũ chuột. Vào những hôm trời ấm chúng bay quanh chuồng ngựa và khi một cái bô được đổ là chúng lại kéo nhau vào nhà vệ sinh. Nếu mẹ tôi nấu thứ gì đó là chúng lại bay vào bếp và bố tôi nói thật phát buồn nôn khi nghĩ rằng con ruồi đang đậu trên bát đường chính là con ruồi đã đậu trong nhà vệ sinh. Nếu bạn bị sứt lở chỗ nào là y như rằng lũ ruổi tìm đến hành hạ bạn. Ban ngày bạn khổ với ruồi, ban đêm bạn khổ vì bọ chét. Mẹ tôi bảo lũ bọ chét còn có một điểm tốt, chúng sạch sẽ, còn bọn ruồi thì bẩn thỉu, bạn không thể biết chúng từ đâu bay ra và mang những mầm bệnh gì.

Chúng tôi có thể đuổi lũ chuột và tiêu diệt chúng. Chúng tôi có thể đập ruồi và bọ chét nhưng chúng tôi không thể làm gì được những người hàng xóm và những cái bô của họ. Nếu đang chơi trong ngõ mà nhìn thấy ai đó cầm bô đi là chúng tôi lại gọi với về nhà: "Đổ bô đấy, đổ bô đấy, đóng cửa vào, đóng cửa vào" và một trong số chúng tôi chạy về nhà đóng cửa lại. Vào những ngày trời ấm chúng tôi chốc chốc lại phải chạy về nhà đóng cửa vì chúng tôi biết rõ bô nhà ai khó ngửi nhất. Trong ngõ có những người đàn ông đi làm và nếu họ có thói quen cho bột cari vào thức ăn thì chúng tôi biết bô của họ sẽ bốc mùi lên tận trời và làm chúng tôi buồn nôn. Giờ đây đang có chiến tranh nên người ta gửi tiền từ Anh về và những người ở nhà đó thường xuyên có bột cari và thế là ngày cũng như đêm nhà chúng tôi đầy mùi thối. Chúng tôi biết những nhà dùng cari, biết những nhà dùng bắp cải. Mẹ tôi lúc nào cũng nôn ọe, bố tôi thì kéo dài thêm những cuộc đi dạo của mình, còn chúng tôi thì chơi ở bên ngoài suốt để tránh cái mùi thối đó. Bố tôi không còn than phiền về sông Shannon nữa. Bố tôi biết cái nhà vệ sinh trước cửa nhà chúng tôi tệ hơn con sông ấy và bố tôi dân tôi tới ủy ban thành phố để phàn nàn về nó. Người ở đó nói: "Ông ạ, tất cả những gì

tôi có thể nói là ông hãy chuyển khỏi chỗ đó". Bố tôi nói chúng tôi không có tiền để chuyển đến một chỗ khác và người đó nói rằng ông ta chẳng thể làm gì được. Bố tôi nổi nóng nói: "Đây đâu phải là Ân Độ. Ngõ của chúng tôi cần thêm nhà vệ sinh". Người của úy ban nói: "Ông nghĩ rằng Limerick sẽ xây những nhà vệ sinh trong những ngôi nhà sắp sập hoặc sắp bị phá đi hay sao?". Bố bảo với người đó rằng cái nhà vệ sinh ấy sẽ giết chết chùng tôi. Người đó nói: "Chẳng phải tất cả chúng ta đang sống trong thời kỳ nguy hiểm hay sao?".

Mẹ tôi bảo khó mà giữ được lửa để nấu bữa tối Giáng sinh nhưng nếu tôi muốn đi dự bữa tối Giang sinh ở bệnh viện thì tôi phải tắm sạch từ đầu đến chân. Mẹ tôi bảo mẹ tôi sẽ không để xơ Rita nói rằng tôi không được quan tâm đúng mức hoặc sẽ bị nhiễm bệnh nữa. Trước lễ Mixa mẹ tôi đun một ấm nước nóng đến mức gần làm tôi bỏng. Mẹ tôi kỳ tai, cọ lưng tôi đến đỏ cả lên. Mẹ tôi có thể bỏ ra hai xu cho tôi đi xe buýt nhưng lúc về tôi sẽ phải đi bộ và như thế đối với tôi cũng tốt chán vì tôi sẽ được ních đầy bụng những thức ăn ngon còn mẹ thì phải đi nhóm bếp và nấu thủ lợn với bắp cải những thứ mà mẹ kiếm được nhờ lòng hảo tâm của hội thánh Vicent de Paul và mẹ tôi quyết định rằng đây sẽ là lần cuối cùng chúng tôi mừng ngày sinh của Chúa với một cái thủ lợn. Năm tới chúng tôi sẽ có thịt ngỗng hoặc giăm bông và tại sao lại không cơ chứ, chẳng phải Limerick nổi tiếng khắp thế giới với món giăm bông là gì?

Xơ Rita nói:

Mọi người xem này, chiến binh nhỏ của chúng ta trông khỏe mạnh hơn rồi. Vẫn gầy lắm nhưng trông có khí thế rồi. Nào hãy nói cho ta biết, sáng nay con có đi lễ Mixa không?

Con có đi, thưa xơ.

Con có được nhận lễ không?

Có, thưa xơ.

Xơ đưa tôi đến một phòng trống và bảo tôi ngồi ở đó đợi. Xơ nói thế rồi đi ra còn tôi thì ngồi đó băn khoăn không biết tôi sẽ ăn với các xơ và các y tá hay ăn trong phòng ăn với những đứa trẻ khác. Một lát sau cô gái mặc váy xanh mang bữa tối đến cho tôi. Cô ấy đặt khay thức ăn xuống cạnh giường và tôi kéo một chiếc ghế ra. Cô ấy chau mày nhìn tôi và nói: "Cậu, thức ăn của cậu đấy và tôi sẽ không mang cho cậu cuốn sách nào nữa đâu".

Bữa tối của tôi trông rất ngon, có gà tây, súp khoai tây, đậu, nước quả đông và sữa trứng cùng một bình trà. Đĩa nước quả đông trộn sữa trứng trông hấp dẫn quá khiến tôi không thể nhịn cơn thèm nên nhân lúc không có ai ở đó tôi bèn nếm thử một chút nhưng tôi đang thử thì cô gái mặc váy xanh mang bánh mì vào và cô ấy nói:

Cậu đang làm gì vậy?

Không làm gì ạ.

Không đúng. Cậu ăn đồ ngọt trước bữa ăn. Nói rồi cô ấy chạy ra cửa và gọi to:

Xơ Rita, xơ Rita, đến đây mau lên. Và thế là cô y tá hớt hải chạy đến hỏi:

Francis, cậu không sao chứ?

Không sao ạ, thưa xơ.

Cậu ấy không ngoan đâu, thưa xơ. Cậu ấy ăn đồ ngọt trước bữa ăn đấy ạ. Như thế là có tội, thưa xơ.

Được rồi, con cứ để ta nói chuyện với cậu ấy.

Vâng, thưa xơ, hãy nói chuyện với cậu ấy đi nếu không tất cả trẻ con trong bệnh viện sẽ ăn đồ ngọt trước bữa ăn và rồi tất cả chúng ta sẽ ở đâu?

Phải rồi, phải rồi, chúng ta sẽ ở đâu? Nào cứ để đó cho ta.

Cô gái đi ra và xơ Rita mỉm cười với tôi:

Chúa che chở cho cô ấy, cô ấy không quên một điều gì ngay cả khi cô ấy rối loạn. Chúng ta phải kiên nhẫn với cô ấy, Francis ạ.

Xơ Rita đi ra và căn phòng trở lại im ắng. Tôi ăn xong và không biết phải làm gì bởi bạn không được làm gì cho tới khi người ta bảo bạn. Bệnh viện và trường học luôn bảo bạn phải làm gì. Tôi đợi rất lâu cho tới khi cô gái mặc váy xanh đến thu khay.

Cậu ăn xong rồi à?

Vâng.

Cậu đã ăn rồi vậy thì bây giờ cậu có thể về nhà.

Chắc chắn những cô gái có cái đầu không bình thường không thể bảo bạn về nhà được và tôi tự hỏi không biết tôi có nên đợi xơ Rita hay không. Một cỏ y tá ở hành lang bảo với tôi rằng xơ Rita đang ăn tối nên tôi chớ có quấy rầy xơ.

Từ Union Cross đến Đồi Barrack Hill khá xa và khi tôi về đến nhà cả nhà tôi đang ở trên gác với món thủ lợn hầm bắp cải. Tôi kể với cả nhà về bữa tối Giáng sinh của tôi. Mẹ tôi muốn biết tôi có được ăn cùng với các y tá và các xơ hay không và mẹ tôi hơi bực khi tôi nói rằng tôi ăn một mình trong một căn phòng trống vì mẹ tôi cho rằng đối xử với một đứa trẻ như thế là không được. Mẹ tôi bảo tôi ngồi xuống ăn một chút thủ lợn và thế là tôi cố nhét thêm vào dạ dày của mình một chút thức ăn nữa để rồi no đến mức tôi phải đi nằm với cái bụng to kềnh.

Sáng hôm ấy có một chiếc ô tô đậu ở ngoài cửa nhà chúng tôi, chiếc ô tô đầu tiên chúng tôi thấy trong cái ngõ đó. Có mấy người đàn ông mặc com-lê đứng ngó vào chuồng của con Finn, chắc chắn phải có chuyện gì đó bởi trong ngõ nhà chúng tôi chưa bao giờ xuất hiện những người đàn ông mặc comlê.

Con ngựa Finn nằm trên sàn chuồng đầu hướng ra phía ngõ với cái miệng đầy bọt. Người coi ngựa nói sáng ra anh ta đi cho Finn ăn đã thấy Finn như vậy. Mấy người đàn ông lắc đầu. Em Michael của tôi hỏi một trong những người đàn ông đó:

Ông ơi, Finn bị làm sao thế?

Bị ốm, con trai ạ, về nhà đi.

Người coi ngựa sặc mùi rượu. Anh ta nói với Michael:

Con ngựa này là đồ bỏ rồi. Chúng ta phải bắn nó thôi.

Michael giật tay tôi:

Frank, họ không được bắn nó. Bảo họ đi. Anh lớn mà.

Người coi ngựa quát:

Về nhà đi, về.

Michael tấn công anh ta, đá anh ta, cắn tay anh ta, và anh ta đẩy nó ngã quay lơ.

Giữ lấy thằng em mày đi - Anh ta bảo tôi.

Một người đàn ông lấy từ trong một cái túi ra vật gì đó màu vàng lẫn màu nâu rồi đi tới gần Finn dí vật đó vào đầu nó và một tiếng nổ khô khốc vang lên. Finn giẫy giụa. Michael la hét và tấn công người đó nhưng người đó nói:

Con ngựa này ốm, con trai ạ. Nó nên được giải thoát.

Những người mặc comlê lái xe đi và người coi ngựa nói anh ta phải đợi xe tải tới chở Finn đi, anh ta không thể để Finn một mình với lũ chuột được. Anh ta nhờ chúng tôi bảo con Lucky trông con Finn cho anh ta một lúc để anh ta đến quán rượu làm một ly.

Với cái cách Michael đứng đó cùng một cây gậy dài bằng người nó thì không con chuột nào có cơ hội đến gần Finn. Người coi ngựa quay lại cùng với mùi rượu nồng nặc hơn và chiếc xe tải chở Finn cũng xuất hiện, một chiếc xe tải lớn với ba người đàn ông và hai tấm ván được dùng làm bàn trượt để kéo Finn lên thùng xe. Ba người đó cùng người coi ngựa buộc dây thừng quanh người Finn kéo nó lên qua ván trượt và người trong ngõ la ó phản đối bởi những cái đinh và những mấu gỗ đâm vào người Finn khiến máu của nó chảy dọc ván trượt.

Các anh không được hành hạ con ngựa như thế.

Các người không tôn trọng con vật đã chết ấy chút nào sao?

Hãy nhẹ tay với nó đi.

Người coi ngựa nói:

Vì Chúa, các người kêu gào cái quái gì thế? Đó chỉ là một con ngựa chết thôi mà. Michael lại lao vào anh ta, vừa đá vừa đấm cho đến khi anh ta đẩy nó ngã lăn ra đất và mẹ tôi giận dữ lao tới nhưng anh ta đã kịp nhảy lên thùng xe và chiếc xe từ từ chạy khỏi ngõ. Tối hôm đó anh ta quay lại trong tình trạng say mèm và sau khi anh ta đi khỏi mọi người thấy khói bốc lên mù mịt từ chuồng của con Finn rồi cái chuồng ngựa đó bốc cháy khiến cho lũ chuột chạy toán loạn ra ngõ để rồi bị chó và trẻ con đuổi ráo riết buộc phải chạy ra phố ở chung với những người khá giả.

9

Mẹ tôi nói:

- Alphie là đủ rồi. Tôi mệt lắm rồi. Kết thúc đi. Không thêm đứa nào nữa đâu.

Bố tôi nói:

Một người đàn bà Công giáo tốt phải thực nghĩa vụ của người vợ đối với người chồng và phải phục tùng người chồng nếu không sẽ bị nguyền rủa không ngừng.

Mẹ tôi nói:

Sự nguyền rủa không ngừng đối với tôi nghe cũng đủ hấp dẫn rồi miễn là đừng có thêm trẻ con nữa.

Bố sẽ làm gì đây? Chiến tranh vẫn đang tiếp diễn. Người Anh đang tuyển mộ những người đàn ông Ailen đến làm việc trong các nhà máy quốc phòng của họ, lương họ trả cao, ở Ailen thì không có nhiều việc làm, và nếu vợ bạn lạnh nhạt với bạn thì chả thiếu gì đàn bà ở nước Anh nơi mà những người đàn ông được việc đang ngày ngày chiến đấu chống lại Hitle và Mussolini và bạn có thể làm bất cứ chuyện gì bạn thích miễn là bạn nhớ rằng bạn là người Ailen, thuộc tầng lớp thấp và đừng có cố ngoi lên khỏi tầng lớp của bạn.

Nhiều gia đình trong ngõ nhận được giấy chuyển tiền của những người bố, người anh đang làm việc ở Anh. Họ thi nhau đến bưu điện lĩnh tiền đê họ có thể đi mua hàng và cho thế giới thấy sự phất lên của họ vào đêm thứ Bảy và sáng Chủ nhật. Những đứa con trai được đến tiệm cắt tóc vào những ngày thứ Bảy, phụ nữ thì rủ nhau đi làm đầu. Giờ đây họ trở thành những người cao quí qua cái cách họ bỏ ra sáu xu hoặc một shilling để ngồi xem phim ở rạp Savoy nơi họ gặp những người thuộc tầng

lớp cao hơn thay vì trả hai xu để chen chúc trong rạp Lyric với rặt những người thuộc tầng lớp thấp luôn rú và la ó trước những cảnh trên màn ảnh, gào hét cổ vũ trước cảnh dân châu Phi ném lao vào Tarzan hay cảnh người da đỏ cắt da đầu của kỵ binh quân đội Hợp Chủng quốc Hoa Kỳ. Cứ mỗi Chủ nhật đi lễ Mixa về những người mới phất này lại nhồi vào dạ dày của họ nào là thịt, khoai tây, bánh, kẹo các loại, và họ vô tư thưởng thức trà đựng trong những chiếc cốc nhỏ thanh nhã được xếp trong những cái đĩa để hứng trà tràn và khi họ cầm ly trà ngón tay út của họ cong lên để chứng tỏ cho người khác thấy họ thanh lịch như thế nào. Vài người trong số họ không đến những cửa hàng bán cá tẩm bột chiên nữa bởi bạn chẳng thấy gì hay ho ở những chỗ đó hết mà chỉ toàn thấy những anh lính say và những cô gái chơi bời cùng những người đàn ông uống hết cả tiền trợ cấp bị vợ rít gọi về nhà. Những người thanh lịch mới phất ấy chỉ lui tới những nơi như nhà hàng Savoy hay nhà hàng Stella uống trà, ăn bánh, khẽ thấm đôi môi của họ bằng những chiếc khăn ăn thơm tho và về nhà bằng xe buýt để rồi phàn nàn về sự phục vụ xuống cấp của loại phương tiện này. Bây giờ nhà họ đã có điện vì thê họ có thể thấy được những thứ mà trước đó họ chưa hề thấy và khi bóng tối buông xuống họ bật chiếc radio họ mới sắm được lên để nghe tin tức về chiến tranh.

Nếu trời lạnh họ sẽ bật lò sưởi điện và ngồi trong bếp ấm áp nhà họ nghe bản tin và tỏ ra rằng họ rất tiếc trước cảnh phụ nữ và trẻ em người Anh chết dưới bom đạn của Hitle nhưng rồi họ nói, hãy xem người Anh đã làm gì với chúng ta suốt tám trăm năm.

Những gia đình có người đi làm ở Anh có thể ra oai trước những gia đình không có người đi làm việc ở Anh. Vào giờ ăn tối và giờ uống trà những bà mẹ mới phất đứng ở cửa nhà họ gọi với ra ngõ: - Mikey, Katheleen, Paddy, về ăn tối nào. về mau ăn đùi cừu, đậu xanh và khoai tây tẩm bột nào.

Sean, Josie, Peggy, về uống trà nào, về ăn bánh mì nóng ròn phết bơ, và trứng vịt xanh chẳng ai ở đây có nào.

Brenden, Annie, Patsy, về ăn bánh pudding rán ròn nào, về ăn xúc xích, về ăn bánh xốp nhúng sherry ngon tuyệt nào.

Những lúc như thế mẹ tôi bảo chúng tôi ở yên trong nhà. Chúng tôi chẳng có gì ngoài bánh mì và trà nên mẹ tôi không muốn những người hàng xóm ồn ào kia nhìn thấy chúng tôi nuốt nước miếng trước mùi thức ăn hấp dẫn tỏa ra từ nhà họ. Mẹ tôi nói: "Nghe họ nói là biết ngay trước đây họ chẳng có gì hết. Đúng là chỉ có những cái đầu của tầng lớp thấp kém mới đứng ở cửa mà gào toáng lên cho cả thế giới biết bữa tối của mình có những gì".

Mẹ tôi bảo họ ngoi lên cao hơn chúng tôi là bởi bố của chúng tôi là người miền Bắc. Bố tôi nói rằng tất cả những thức ăn đó đều từ nước Anh và những ai ăn chúng sẽ chẳng may mắn nhưng bạn có thể mong chờ gì từ Limerick, từ những người hưởng lợi từ cuộc chiến của Hitle, từ những người sẽ đi làm việc và đi chiến đấu cho người Anh. Bố tôi nói bố sẽ không bao giờ tới đó giúp người Anh chiến thắng trong một cuộc chiến. Mẹ tôi nói: "Không đi, anh cứ ở đây, ở cái nơi không có việc làm và không kiếm nổi một cục than mà đun nước pha trà. Không đi, anh cứ ở đây mà đi uống rượu hết cả tiền trợ cấp và anh cứ ở đây mà nhìn các con anh đi giày rách và mặc quần thủng đít. Nhà nào trong ngõ này cũng có điện còn chúng ta thì may lắm mới có nổi một cây nến. Lạy Chúa, nếu tôi có tiền mua vé tôi sẽ đi Anh ngay và tôi chắc các nhà máy cũng cần cả phụ nữ".

Bố tôi nói:

Nhà máy không phải chỗ dành cho đàn bà.

Mẹ tỏi nói:

Bếp không phải là chỗ dành cho cái mông của một người đàn ông.

Tôi nói với bố:

Sao bố không đi Anh đi, bố, để chúng ta có điện có đài nghe, để mẹ đứng ở cửa nói cho cả thế giới biết chúng ta có gì ăn hả bố?

Bố tôi nói:

Con không muốn có bố ở nhà với các con hay sao?

Có, nhưng hết chiến tranh bố lại về và chúng ta có thể đi Mỹ.

Bố tôi thở dài:

Chao ôi, chao ôi, được rồi.

Bố tôi bảo sau Giáng sinh bố tôi sẽ đi Anh chỉ vì người Mỹ đã tham chiến, thế thôi. Bố tôi bảo nếu người Mỹ không tham gia thì chẳng đời nào bố tôi đi. Bố tôi bảo tôi phải là người đàn ông của gia đình, và thế là bố tôi đến một văn phòng đại diện của người Anh đăng ký đi làm việc tại một nhà máy ở Coventry nơi người ta nói là túi hứng bom của nước Anh. Người đại diện nói với bố tôi: "Có đầy việc cho những người đàn ông nhiệt tình. Ông có thể làm việc thêm giờ cho tới khi ông kiệt sức và nếu như ông chịu khó tiết kiệm thì khi chiến tranh kết thúc ông sẽ thành Rockefeller".

Chúng tôi dậy sớm tiễn bố tôi ra ga xe lửa. Kathleen O'ConneII biết bố tôi sẽ đi Anh và biết tiền sẽ chảy về nên bà ấy vui vẻ cho mẹ tôi mua chịu trà, sữa, đường, bánh mì, bơ, và một quả trứng.

Một quả trứng.

Mẹ tôi nói:

Trứng là để dành cho bố các con. Bố cần được bồi dưỡng trước một chuyến đi dài.

Đó là một quả trứng luộc và bố tôi bóc vỏ trứng. Bố tôi cắt quả trứng ra làm năm phần và cho mỗi chúng tôi một miếng nhỏ để kẹp vào bánh mì. Mẹ tôi bảo bố tôi:

Đừng ngớ ngẩn thế.

Bố tôi nói:

Một người đàn ông làm gì với cả một quả trứng chứ?

Mẹ tôi rơm rớm nước mắt. Mẹ tôi kéo ghế đến sát bếp. Tất cả chúng tôi ăn bánh mì với trứng và nhìn mẹ tôi khóc cho tới khi mẹ tôi gắt:

Nhìn gì chứ?

Và mẹ quay mặt nhìn vào lò sưởi. Bánh mì và trứng của mẹ vẫn còn nguyên trên bàn và tôi tự hỏi không biết mẹ tôi định giải quyết chúng như thế nào. Trông chúng ngon quá mà tôi thì vẫn còn đói nhưng bố tôi đã đứng dậy và mang chúng tới cho mẹ cùng với một tách trà. Mẹ tôi lắc đầu nhưng bố tôi cứ ấn chúng vào tay mẹ và thế là mẹ vừa ăn vừa uống vừa khóc. Bố tôi ngồi cạnh mẹ một lúc, im lặng, cho tới khi mẹ tôi ngước mắt lên nhìn đồng hồ và nói:

Đến giờ đi rồi. Bố tôi đội mũ và xách túi lên. Mẹ tôi quấn một cái chăn cũ quanh người Alphie và chúng tôi *cứ* thế lặng lẽ bước trên đường phố Limerick.

Trên phố có những gia đình khác. Những người cha sắp sửa đi xa bước đi trước, những người mẹ bế con trên tay hoặc đẩy xe nôi theo sau. Một bà mẹ đẩy chiếc xe nồi nói với một bà mẹ khác:

Lạy Chúa, chị bế cháu mãi thế chắc là kiệt sức rồi. Chị để cháu lên xe cho tay chị được nghỉ ngơi một tí đi.

Những chiếc xe nôi không biết đã phục vụ bao nhiêu đứa trẻ rồi mà trông chúng cũ kỹ quá và những đứa trẻ nằm trong nôi thì bị xóc đến trớ cả sữa ra.

Cánh đàn ông gọi nhau inh cả lên. Một ngày tốt đây, Mick. Một ngày dễ chịu để khởi hành, Joe. Đúng thế, Mick. A ha, uống một chút trước khi lên đường nào, Joe. Cả Mick nữa nào. Chúng ta cứ việc say sưa đi nào, Joe.

Họ phá lên cười còn đằng sau họ là những người đàn bà mắt đỏ hoe.

Các quán rượu quanh nhà ga chật ních những người đàn ông đến uống bằng tiền mà đại diện người Anh phát cho họ để ăn

đường. Họ uống những ly rượu cuối cùng, giọt rượu cuối cùng trên đất Ailen, và họ nói với nhau:

Có Chúa mới biết đây có phải là lần cuối của chúng ta hay không, Mick, lính Đức đang đánh bom người Anh và sau những gì người Anh gây ra cho chúng ta giờ chúng ta lại phải đến đó bảo vệ cái mông cho kẻ thù truyền kiếp của chúng ta thì quả là một bi kịch.

Những người phụ nữ đứng bên ngoài các quán rượu nói chuyện với nhau. Mẹ tôi nói với một bà tên là Meehan:

Nhận được số tiền đầu tiên tôi sẽ đi mua ngay một bữa sáng tử tế cho cả nhà để mỗi người chúng tôi đều được ăn một quả trứng.

Tôi nhìn Malachy:

Nghe thấy chưa, Malachy? Mỗi người một quả trứng nhé. Ôi, Chúa ơi, tôi biết phải làm gì với quả trứng của mình rồi. Đập quanh đầu quả trứng, nhẹ nhàng bóc vỏ ra, lấy thìa nhấc nó lên, phết một ít bơ vào lòng đỏ, thêm một chút muối, từ từ đã, thêm chút muối, thêm chút bơ nữa, và đưa lên miệng, ôi, Chúa ơi, nếu thiên đường có thứ gì ngon thì chắc phải là vị trứng phết bơ và muối, và sau món trứng thì còn gì khác trên thế giới này ngon hơn bánh mì nóng và một chén trà vàng sánh chứ?

Vài người đàn ông uống say đến nỗi không bước đi nổi và những đại diện người Anh phải thuê tiền những người chưa say lôi những người say ra khỏi các quán rượu tống họ lên xe ngựa kéo đến nhà ga và chất họ lên tàu. Những đại diện người Anh thất vọng khi phải lôi những người đàn ông họ đã tuyển mộ ra khỏi quán rượu. Họ hét lên:

Đi nào, các anh. Nếu không là các anh sẽ bị nhỡ tàu và sẽ mất một công việc tốt đấy. Đi nào, đi thôi. Nào, đi nào. Các anh uống hết tiền ăn và các anh sẽ không được phát thêm nữa đâu.

Những người say rượu rủa người Anh hôn mông người Ailen, rằng những người đại diện đó may mà còn sống, may vì không

bị treo cổ trên cột đèn sau những gì họ đã làm với người Ailen. Và những người lại say nghêu ngao hát.

Còi tàu cất lên từng hồi dài trong sân ga và những người đại diện nhờ những người đàn bà bảo chồng họ rời quán rượu và những người đàn ông lảo đảo đi ra vừa hát vừa khóc vừa ôm hòn vợ con họ, và họ hứa sẽ gửi thật nhiều tiền về để biến Limerick thành một New York khác. Họ bước lên những bậc của nhà ga và những người đàn bà và trẻ con thi nhau gọi với theo họ:

Kevin, hãy giữ gìn nhé và đừng có mặc áo còn ướt đấy.

Nhớ phơi khô tất rồi hãy đi, Michael nhé, nếu không mụn nhọt sẽ giết chết anh đấy.

Paddy ơi, đừng uống nhiều rượu quá, anh có nghe không, Paddy?

Bố ơi, bố, đừng đi, bố ơi.

Tommy, đừng quên gửi tiền về nhé. Hãy nhớ các con anh chỉ còn da bọc xương thôi đấy.

Peter ơi, đừng quên uống thuốc đấy, Chúa sẽ phù hộ cho chúng ta.

Larry, hãy cẩn thận với những quả bom chết người đấy.

Christy, đừng có nói chuyện với đàn bà Anh đấy. Họ đầy bệnh tật đấy.

Jackie, nghĩ lại đi. Chúng ta sẽ tự xoay xở được. Đừng đi, Jack-e-e, Jack-e-e, ôi, lạy Chúa, đừng đi.

Bố tôi xoa đầu chúng tôi. Bố bảo chúng tôi phải nhớ bổn phận của con chiên, và trên hết, phải nghe lời mẹ. Bố tôi đứng trước mặt mẹ tôi. Mẹ tôi ôm em Alphie trong tay. Mẹ tôi nói:

Hãy giữ gìn sức khỏe.

Bố tôi thả chiếc túi xuống ôm mẹ tôi. Họ đứng yên như thế một lát cho tới khi Alphie không chịu được bắt đầu càu nhàu. Bố

tôi gật đầu, nhặt túi lên, bước lên bậc, và quay lại vẫy tay trước khi đi khuất vào trong ga.

Trở về nhà mẹ tôi nói:

Mẹ biết nghe có vẻ phung phí nhưng mẹ không quan tâm, mẹ sẽ đi nhóm bếp và pha trà nữa vì có phải ngày nào bố các con cũng đi Anh đâu.

Chúng tôi ngồi quanh bếp uống trà và khóc bởi chúng tôi không có bố ở nhà với chúng tôi nữa, cứ thế chúng tôi khóc cho tới khi mẹ tôi bảo:

Thôi, đừng khóc nữa. Bây giờ bố các con đã đi Anh rồi và chắc chắn những khó khăn của chúng ta sẽ không còn nữa.

Chắc chắn là như vậy.

Mẹ và cô Bridey ngồi bên lò sưởi trên gác hút thuốc Woodbine, uống trà, còn tôi thì ngồi dưới cầu thang nghe họ nói chuyện. Chúng tôi có bố làm việc ở nước Anh nên chúng tôi có thể mua chịu bất cứ thứ gì ở cửa hàng của bà Kathleen O'Connell và sẽ trả nợ khi món tiền đầu tiên từ nước Anh chảy về sau nửa tháng nữa. Mẹ tôi nói với cô Bridey rằng mẹ vô cùng muốn thoát khỏi cái ngõ này đến một nơi khác có cái nhà vệ sinh tử tế để chúng tôi không còn phải dùng chung nhà vệ sinh với nửa thế giới nữa. Tất cả chúng tôi sẽ có giày mới, có áo khoác và chúng tôi sẽ không đói mỗi khi đi học về nữa. Chúng tôi sẽ được ăn trứng và thịt muối vào sáng thứ Bảy và bữa tối chúng tôi sẽ được ăn giăm bông, bắp cải, và khoai tây. Chúng tôi sẽ có đèn điện và tại sao lại không chứ? Mẹ tôi nói: "Chẳng phải Frank và Malachy sinh ra dưới ánh điện ở Mỹ đó sao?".

Tất cả những gì chúng tôi phải làm bây giờ là đợi cho hai tuần trôi qua tới khi anh chàng đưa điện tín tới gõ cửa nhà chúng tôi. Bố tôi sẽ phải ổn định công việc, phải mua quần áo lao động và phải tìm một nơi để ở, vì thế số tiền đầu tiên bố tôi gửi về sẽ không nhiều lắm, chỉ ba bảng hoặc ba bảng mười xu thôi, nhưng chẳng bao lâu chúng tôi cũng sẽ giống như những gia

đình khác trong ngõ, sẽ nhận được năm bảng một tuần, sẽ trả hết nợ, sẽ mua quần áo mới, và sẽ tiết kiệm một ít để sau này cả nhà qua Anh và rồi lại tiết kiệm tiếp để lên tàu đi Mỹ. Mẹ tôi cũng sẽ tìm được một việc làm ở một nhà máy chế bom ở Anh và chỉ Chúa mới biết có bao nhiêu tiền chảy vào nhà chúng tôi. Nếu chúng tôi lớn lên mà nói giọng Anh thì mẹ tôi sẽ không vui nhưng có giọng Anh còn hơn là có một cái bụng đói.

Cô Bridey bảo cho dù một người đàn ông Ailen có giọng nào đi chăng nữa anh ta cũng không thể quên những gì người Anh đã gây ra cho chúng ta trong suốt tám trăm năm.

Chúng tôi biết ngày thứ Bảy ở ngõ của chúng tôi sẽ như thế nào. Chúng tôi biết các gia đình như gia đình Downeses luôn nhận được giấy lĩnh tiền sớm bởi vì ông Downeses là một người đàn ông chín chắn, một người biết kiềm chế, mỗi khi lĩnh lương chỉ cho phép mình uống một hoặc cùng lắm là hai cốc rượu rồi về thẳng nhà lên giường đi ngủ. Chúng tôi biết những người đàn ông như ông ấy sau khi nhận lương sẽ không chần chừ một phút chạy ngay ra bưu điện gửi tiền về nhà để người nhà khỏi mong hoặc lo lắng. Những người đàn ông như ông Downeses gửi về những phù hiệu RAF (Không lực Hoàng gia Anh) để con trai họ đính vào áo khoác của chúng. Chúng tôi cũng muốn có những phù hiệu đó và chúng tôi đã dặn bố tôi nhớ gửi cho anh em tôi mỗi đứa một chiếc.

Chúng tôi hau háu nhìn những anh chàng đưa điện tín lượn xe đạp vào ngõ. Họ là những anh chàng đưa điện tín hạnh phúc nhất bởi vì tiền thưởng mà họ nhận được trong ngõ này nhiều hơn ở những khu phố sang trọng của những người giàu có.

Những gia đình nhận được giấy lĩnh tiền sớm trông rất hài lòng. Họ sẽ có cả ngày thứ Bảy để hưởng thụ. Họ sẽ đi mua sắm, họ sẽ đi ăn uống, họ sẽ có cả ngày để nghĩ xem họ sẽ làm gì vào buổi tối và đó cũng là một việc rất tuyệt bởi tối thứ Bảy mà bạn

có vài shilling trong túi thì bạn sẽ có tối ngọt ngào nhất trong tuần.

Có những gia đình chẳng tuần nào nhận được giấy lĩnh tiền cả và bạn có thể biết điều đó qua vẻ mặt lo âu của họ. Hai tháng nay thứ Bảy nào bà Meagher cũng đợi ở cửa. Mẹ tôi nói rằng bà ấy sẽ hổ thẹn cả đời vì cứ đợi ở cửa như thế. Tất cả đám con nhà bà Meagher đều chơi trong ngõ và ngóng bưu tá đến. Chúng gọi to: "Này, anh đưa điện tín, anh có gì cho nhà Meagher không? Và khi anh chàng đưa điện tín trả lời rằng không có chúng gặng hỏi tiếp: "Anh chắc chứ?" và anh chàng đưa điện tín khẳng định: "Tất nhiên, chắc. Tớ biết chắc tớ có gì trong túi mà".

Ai cũng biết khi chuông nhà thờ báo sáu giờ là bưu tá không đến nữa và bóng tối mang theo nỗi thất vọng tới cho những người đàn bà và những đứa trẻ trong ngõ.

Anh bưu tá, anh làm ơn xem lại giúp xem, làm ơn đi.

Tôi xem kỹ rồi. Không có gì cho bà đâu.

Ôi, lạy Chúa, xin hãy xem kỹ một lần nữa đi. Chúng tôi là người nhà Meagher. Anh xem kỹ chưa?

Tôi biết thừa tên bà là Meagher và tôi đã xem kỹ rồi.

Bọn trẻ nhà Meagher bám lấy xe đạp của anh chàng đưa điện tín và anh ta vừa đá chúng ra vừa quát:

Lạy Chúa, chúng mày có lui ra không?

Buổi chiều khi chuông nhà thờ điểm sáu tiếng là ngày kết thúc. Những người nhận được giấy lĩnh tiền được hưởng bữa tối của mình dưới ánh điện lấp lánh còn những người không có giấy lĩnh tiền thì đành thắp nến và xem xem liệu Kathleen O'Connell có cho họ mua chịu bánh mì và trà cho đến tuần tới khi mà với sự cứu giúp của Chúa và Đức Mẹ lòng lành của Người, giấy chuyển tiền sẽ tới.

Ông Meehan ở đầu ngõ sang Anh cùng một đợt với bố tôi và khi người bưu tá dừng lại trước cửa nhà Meehan chúng tôi chắc

mẩm thế nào chúng tôi cũng là người tiếp theo. Mẹ tôi đã mặc sẵn áo khoác để đi tới bưu điện lĩnh tiền nhưng mẹ sẽ vẫn ngồi yên trên ghế cho tới khi cầm giấy lĩnh tiền trong tay. Anh chàng đưa điện tín đi sâu vào trong ngõ và vòng vào trước cửa nhà Downeses. Anh ta đưa cho họ giấy lĩnh tiền rồi nhận tiền thưởng và quay xe hướng ra đầu ngõ. Malachy gọi: "Anh đưa điện tín ơi, anh có gì cho nhà McCourt không? Đến ngày của nhà em rồi mà". Anh chàng đưa điện tín lắc đầu và đạp xe đi.

Mẹ tôi thở ra một hơi khói thuốc. Chúng tôi có cả ngày mặc dầu chúng tôi muốn đi mua hàng sớm trước khi cửa hàng nhà Barry bán hết giăm bông loại ngon. Mẹ tôi không thể rời chiếc ghế bên lò sưởi. Chúng tôi không thể rời khỏi ngõ vì sợ nhỡ bưu tá đến không thấy ai ở nhà. Nếu vậy chúng tôi sẽ phải đợi đến thứ Hai mới lĩnh được tiền và thế là cả dịp cuối tuần hỏng bét. Chủng tôi sẽ phải nhìn nhà Meehan và những người khác hớn hở trong những bộ quần áo mới, phải nhìn họ khệ nệ khuân về nhà họ nào là trứng, khoai tây, xúc xích và nhìn họ kéo nhau đi xem phim mà thèm. Không, chúng tôi không thể rời khỏi ngõ dù chỉ vài xăng ti cho tới khi bưu tá mang giấy chuyển tiền tới. Mẹ tôi bảo: "Đừng lo, nhiều anh đưa điện tín phải đi ăn trưa và chắc chắn họ sẽ phải chạy giấy rất khẩn trương vào khoảng giữa hai giờ và sáu giờ". Chúng tôi không có gì phải lo cho tới sáu giờ. Chúng tôi chặn tất cả những anh chàng đưa điện tín lại. Chúng tôi nói rằng chúng tôi là người nhà McCourt, rằng chúng tôi đang đợi giấy lĩnh tiền đầu tiên bố tôi gửi từ Anh về, rằng số tiền khoảng ba bảng hoặc hơn thế một chút, rằng có thể người ta quên không điền tên hoặc địa chỉ của chúng tôi vào một cái giấy chuyển tiền trị giá ba bảng, chúng tôi hỏi những người bưu tá đã kiểm tra kỹ hay chưa. Một anh chàng đưa đưa điên tín bảo rằng khi nào về tới bưu điện anh ta sẽ kiểm tra xem. Anh ta nói anh ta biết cái cảm giác đợi giấy nhận tiền bởi chính bố anh ta là một kẻ uống hết cả cặn rượu ở Anh và chẳng bao giờ gửi về nhà được một xu. Mẹ tôi ở trong nhà nghe thấy hết và mẹ tôi bảo

chúng tôi rằng không bao giờ được nói như vậy về bố của chúng tôi. Gần sáu giờ cũng chính anh chàng đưa đưa điện tín ấy lại quay lại và anh ta bảo với chúng tôi rằng anh ta đã hỏi bưu điện rồi nhưng họ trả lời là không có gì cho chúng tôi hết. Mẹ tôi quay mặt vào nhìn đăm đăm xuống những tàn tro trong bếp và hít hơi cuối cùng từ điếu thuốc Woodbine đã cháy đến đầu ngón tay của mẹ. Michael mới lên năm không phải đã mười một tuổi như tôi nên nó không hiểu gì cứ chạy đến hỏi mẹ rằng chúng tôi có ăn tối với món cá tẩm bột chiên không bởi nó đói rồi. Mẹ tôi nói: "Tuần sau, tuần sau, con ạ". Và thế là em tôi mang cái mặt ủ rũ ra ngõ chơi tiếp.

Bạn không biết phải làm gì với mình khi mà giấy lĩnh tiền đầu tiên không đến. Bạn không thể ở ngoài ngõ chơi với các em mình cả đêm được bởi tất cả những người khác đều đã về nhà và bạn không thể không cảm thấy xấu hổ khi phải ở ngoài ngõ và bị tra tấn bởi mùi thức ăn thơm nức tỏa ra khắp ngõ. Bạn không muốn nhìn ánh điện hắt ra từ các ô cửa sổ và không muốn nghe bản tin từ đài của nhà người khác. Bà Meagher và đám con của bà ấy không thò mặt ra ngoài và trong bếp nhà họ chỉ có ánh sáng lờ mờ của một ngọn nến. Họ cũng xấu hổ. Các tối thứ Bảy họ ở yên trong nhà, thậm chí sáng Chủ nhật họ không đi lễ Mixa. Cô Bridey nói với mẹ rằng bà Meagher luôn xấu hổ vì những bộ quần áo rách rưới họ mặc trên người và rất tuyệt vọng khi phải tới Bệnh xá miễn phí xin giúp đỡ . Mẹ tôi bảo đó là điều tồi tệ nhất có thể xảy đến với một gia đình. Nó tồi tệ hơn cả việc tới hội thánh Vincent de Paul, tồi tệ hơn cả việc đi ăn xin trên đường phố. Đó là điều cuối cùng bạn làm để giữ cho các con bạn khỏi phải vào trại trẻ mồ côi.

Tự nhiên tôi đau ở trên mũi khoảng giữa hai lông mày và chỗ đó sưng đỏ, ngứa ngáy. Mẹ tôi bảo tôi không được động vào chỗ đau đó và không được để nước rớt vào chỗ đó nếu không nó sẽ lan ra. Nếu bạn bị đau tay thì mẹ tôi cũng sẽ bảo bạn đừng động

vào chỗ đau và đừng để nước rơi vào nếu không chỗ đau sẽ lan ra. Tôi nghe lời mẹ tôi nhưng chỗ đau đó vẫn lan sang cả hai mắt tôi khiến mắt tôi đỏ sọc, đùn rỉ và dính chặt rất khó mở mỗi khi tôi ngủ dậy. Mắt tôi dính đến nỗi sáng ra tôi phải dùng tay để mở lông mi và mẹ tôi phải dùng một cái giẻ ẩm để thấm mắt cho tôi. Lông mi của tôi rụng hết nên vào những ngày trời có gió, bụi ở Limerick tha hổ bay vào mắt tôi. Bà tôi bảo tôi có đôi mắt trụi và bà bảo đó hoàn toàn là do lỗi ở tôi, rằng tất cả những gì xảy ra với đôi mắt của tôi đều do tôi cứ ngồi dưới cột đèn ở đầu ngõ chúi mũi vào những quyển sách bất kể dưới thời tiết như thế nào và nếu Malachy không thôi đọc sách thì điều tương tự cũng sẽ xảy ra với nó. Bà tôi nói:

Xem đấy, cái thằng Michael nứt mắt ra cũng lại chúi mũi vào những quyển sách rồi đấy, thằng bé đáng lẽ phải chạy chơi như một đứa trẻ khỏe mạnh chứ. Sách, sách, sách, rồi chúng mày sẽ làm hỏng hết mắt cho mà xem.

Bà tôi ngồi uống trà với mẹ tôi và tôi nghe thấy bà thì thầm với mẹ:

Phải cho thằng bé một bãi nước bọt của thánh Anthony.

Gì cơ ạ?

Một bãi nước bọt của người mẹ nhịn ăn vào buổi sáng chứ gì nữa. Hãy lén đi đến chỗ nó khi nó còn ngủ và nhổ vào mắt nó một bãi nước bọt như thế mắt nó sẽ khỏi thôi.

Nhưng tôi luôn thức trước mẹ tôi. Tôi cố làm cho mắt mình mở trước khi mẹ tôi trở dậy. Tôi có thể nghe tiếng bước chân của mẹ tôi trên sàn nhà và khi mẹ tôi tới bên cạnh tôi định nhổ bọt tôi vội mở mắt ngay. Mẹ tôi lẩm bẩm: “Chúa ơi, thằng bé mở mắt rồi”.

Con nghĩ mắt con đỡ rồi.

Thế thì tốt - Mẹ tôi nói và đi ngủ tiếp.

Mắt tôi không khỏi và mẹ tôi phải đưa tôi tới Bệnh xá miễn phí nơi những người nghèo tìm tới để được khám bác sĩ và được phát thuốc miễn phí. Đó là một nơi cung cấp sự giúp đỡ nhân đạo khi bạn bị mất cha, hay có một người cha bỏ rơi gia đình hay khi gia đình bạn không có thu nhập gì cả và cũng không được nhận tiền trợ cấp.

Có những chiếc ghế băng được đặt bên ngoài các phòng khám. Những chiếc ghế ấy luôn chật ních những người ngồi nói về bệnh tật. Những ông già và những bà già ngồi trên ghế rên rỉ và than vãn, những đứa trẻ nhỏ thì kêu khóc inh cả lên còn những bà mẹ thì luôn miệng dỗ dành: "Nín đi, nín đi nào, con ngoan", ở đó một cái bục với một cái bàn quầy cao đến ngang ngực. Khi bạn muốn gì đó bạn phải đứng xếp hàng trước bục đợi đến lượt gặp ông Coffey hoặc ông Kane. Những người đàn bà xếp hàng trước bục cũng giống như những người đàn bà xếp hàng ở hội thánh Vincent de Paul. Họ mang khăn choàng và họ phải nể ông Coffey và ông Kane bởi nếu không thì họ sẽ được các ông ấy bảo về nhà đợi đến tuần tới trong khi bạn đang cần giúp đỡ vào chính lúc này. Ông Coffey và ông Kane thích được cười trước những người đàn bà đến xin giúp đỡ. Họ sẽ quyết định bạn có đủ tuyệt vọng để được nhận sự trợ giúp hay không hoặc bạn đã ốm đến mức phải gặp bác sĩ hay chưa. Bạn phải kể tình cảnh và bệnh tình của bạn trước mặt mọi người và họ thường được một mẻ cười vì những gì bạn nói ra. Họ sẽ nói:

- Vậy bà muốn gì, bà O'Shea? Một giấy khám bệnh, đúng không nhỉ? Vậy rắc rối của bà là gì? Đau ở đâu à? Trúng gió chăng? Hay ăn quá nhiều bắp cải? Ô, bắp cải sẽ tự nó chữa trị thôi mà.

Và họ cười phá lên, bà O'Shea cũng cười và tất cả những người đàn bà khác có mặt ở đó cũng cười và không quên khen ông Coffey và ông Kane là những người đàn ông vui tính.

Ông Coffey nói:

Nào, bà kia, tên bà là gì?

Angela McCourt, thưa ông.

Bà có chuyên gì?

Là con trai tôi kia ạ. Cháu nó bị đau mắt.

Ôi, lạy Chúa, quả đúng như vậy. Đôi mắt thằng bé trông tuyệt vọng thật. Chúng giống hệt như hai ông mặt trời vậy. Người Nhật có thể lấy để lên cờ của họ được đấy, ha ha ha. Bà đã đổ axít vào mặt thằng bé hay sao mà mắt nó ra nông nỗi ấy?

Mắt cháu nó bị viêm thưa ông. Năm ngoái cháu nó bị thương hàn và bây giờ thì lại bị thế này.

Được rồi, được rồi, chúng tôi không cần nghe chuyện của cả đời thằng bé. Đây, bà cầm giấy này tới gặp bác sĩ Troy.

Hai chiếc ghế băng bên ngoài phòng khám của bác sĩ Troy đầy những bệnh nhân đang chờ khám. Mẹ tôi ngồi cạnh một bà già bị sưng mũi. Bà ấy nói:

Tôi đã thử các kiểu rồi, tất cả các kiểu chữa mẹo mà Chúa trời mách. Tôi tám mươi ba tuổi rồi và tôi muốn xuống mồ với một cơ thể lành lặn. Chẳng lẽ tôi muốn đi gặp Chúa của tôi với một cái mũi lành lặn cũng là đòi hỏi quá đáng sao? Còn cô, cô bị làm sao?

Con trai cháu. Thằng bé bị đau mắt.

Ôi, xin Chúa che chở cho chúng con, nhìn mắt thằng bé kìa. Tôi chưa thấy mắt ai đau nặng như mắt thằng bé. Tôi chưa thấy mắt ai đỏ như mắt nó.

Mắt cháu nó bị viêm mà.

Chắc chắn bài thuốc này chữa khỏi được cho nó. Cô phải kiếm được màng thai nhi.

Đó là cái gì vậy?

Đứa trẻ nào lúc sinh ra cũng có cái màng đó trên đầu, một thứ có phép màu đấy. Dùng một cái màng và chụp lên đầu thằng bé vào một ngày có dính số ba, bảo thằng bé nín thở trong ba phút

cho dù cô phải tát nó đi nữa, vẩy nước thánh từ đầu đến chân nó ba lần và mắt nó sẽ sáng như trước.

Cháu phải kiếm một cái màng như thế ở đâu ạ?

Bà đỡ nào mà chả có. Thứ đó chữa được đủ các loại bệnh.

Mẹ tôi bảo mẹ sẽ nói chuyên với y tá O'Halloran xem liệu cô ấy có thể để cho chúng tôi một cái màng thai nhi hay không.

Bác sỹ Troy khám mắt cho tôi và nói:

Đưa thằng bé này nhập viện ngay. Đưa nó tới khoa mắt ở City Home. Giấy giới thiệu đây.

Cháu nó bị làm sao, thưa bác sĩ?

Viêm kết mạc rất nặng, trường hợp nặng nhất tôi từng gặp và nó còn mắc bệnh gì đó tôi chưa thể nói chính xác được. Nó cần được một bác sĩ chuyên khoa mắt khám ngay.

Cháu sẽ phải nằm viên bao lâu, thưa bác sĩ?

Chỉ có Chúa mới biết. Đáng lẽ phải đưa nó đi khám từ lâu rồi mới phải.

Phòng đó ở khoa mắt có hai mươi giường bệnh và có những người đàn ông và những đứa con trai quấn băng quanh đầu, đeo kính dày hoặc đắp gạc trên mắt. Mấy người lần đi giữa các giường vừa đi vừa chọc gậy lách cách để dò đường. Có một người đàn ông luôn kêu khóc rằng anh ta không bao giờ còn nhìn được nữa, rằng anh ta còn trẻ, con anh ta còn bé mà anh ta thì chẳng bao giờ còn được nhìn thấy chúng nữa. Anh ta gào lên:

Jésus Christ, ôi, Jésus Christ, và các y tá sửng sốt trước cách anh ta gọi tên Chúa.

Thôi ngay đi, Maurice, đừng có báng bổ Chúa như vậy. Anh còn có sức khỏe. Anh còn sống. Tất cả chúng ta ai mà chẳng gặp rắc rối cơ chứ. Thôi đi, hãy nghĩ tới những đau đớn của Chúa trên cây thánh giá, hãy nghĩ đến những chùm gai trên đầu Người, nghĩ đến nhũng cái đinh đâm vào chân tay Người, và cả những vết thương khác mà Người phải chịu đựng.

Maurice nói:

Ôi, Jésus, nhìn xuống mà rủ lòng thương con đi. Xơ Bemadette cảnh cáo nếu anh ta không cẩn thận cái mồm thì họ sẽ chuyển anh ta đến phòng cách ly.

Vào buổi sáng tôi phải đi xuống tầng dưới để nhỏ thuốc. Cô y tá ra lệnh: "Ngồi lên chiếc ghế cao kia và cầm lấy cái kẹo này". Ông bác sĩ cầm trên tay một cái lọ có chứa một thứ chất lỏng màu nâu. Ông ấy bảo tôi ngửa đầu ra sau, bảo tôi mở mắt và ông ấy nhỏ thứ thuốc màu nâu ấy vào mắt tôi và chao ôi, thứ thuốc đó giống như một ngọn lửa xuyên vào óc tôi vậy. Cô y tá nói: "Mở mắt bên kia ra nào, ngoan nào". Và cô phải dùng tay vành mắt tôi ra cho ông bác sĩ đưa lửa xuyên vào óc tôi lần nữa. Cô y tá lau thuốc rơi trên má cho tôi và bảo tôi đi theo cô ấy lên gác nhưng tôi gần như không nhìn thấy gì và tôi chỉ muốn áp mặt xuống một dòng sông băng. Bác sỹ bảo tôi: "Nào, đi mau đi, hãy ra dáng đàn ông nào, hãy làm một chiến binh dũng cảm".

Lần bước trên những bậc thang tôi thấy cả thế giới chỉ là một màu nâu lờ mờ. Những bệnh nhân khác đều đang ăn tại giường và khay thức ăn của tôi cũng được để sẵn ở đó rồi nhưng tôi không muốn ăn chút nào vì đầu tôi vẫn như có lửa đang cháy bên trong. Tôi ngồi xuống giường và một cậu bé đi đến trước mặt tôi nói: "Cậu không muốn ăn à? Vậy để tớ ăn cho" và cậu ta nhấc khay thức ăn của tôi lên mang đi.

Tôi cố nằm xuống giường nhưng một y tá nói: "Không, không, không được nằm nửa ngày nửa buổi thế này. Cậu đâu có bị bệnh nặng lắm đâu".

Tôi phải ngồi với đôi mắt nhắm chặt và mọi thứ đối với tôi chỉ toàn màu nâu và đen, đen và nâu và tôi cứ chắc là tôi đang mơ bởi, Chúa ơi, tôi đang ngồi thì nghe thấy một giọng nói quen quen cất lên bên tai tôi:

Đó chẳng phải là anh bạn nhỏ năm ngoái bị thương hàn đó sao, Francis bé nhỏ. Ôi, trăng là một con thuyền bị lật giữa biển mây,

cậu đấy sao, Francis, tôi đã nghỉ làm ở cái bệnh viện Fever đó rồi, ơn Chúa, bởi ở đó có đủ các mầm bệnh và cậu sẽ chẳng bao giờ chắc chắn được rằng cậu không mang về nhà cho vợ cậu những mầm bệnh dính trên quần áo, Francis, hai mắt cậu biến thành màu nâu cả rồi chứ gì?

Cháu bị viêm, Seamus ạ.

Rồi, cậu sẽ khỏi trước khi cậu lấy vợ thôi mà, Francis. Mắt cậu cũng cần được luyện đấy. Chớp mắt rất có lợi đấy. Tôi có một ông chú bị bệnh về mắt và chỉ nhờ chớp mắt mà ông ấy nhìn tốt hơn đấy. Mỗi ngày ông ấy tập chớp mắt một giờ và quả là cuối cùng mắt ông ấy khỏi thật.

Tôi muốn hỏi thêm về chuyên chớp mắt nhưng Seamus nói:

Francis, cậu có nhớ bài thơ đó không, Francis, bài thơ tuyệt vời của Patricia ấy?

Ông ấy đứng giữa lối đi trong phòng chống cán chổi đọc bài thơ và tất cả những bệnh nhân trong phòng không ai kêu rên nữa còn các y tá và các xơ thì đứng lại lắng nghe Seamus. Khi ông ấy đọc xong cả bài thơ, mọi người nhất loạt vỗ tay hoan hô và thế là Seamus nói với cả thế giới rằng ông ấy rất thích bài thơ đó, rằng ông ấy sẽ giữ nó mãi trong đầu cho dù ông ấy đi đâu và rằng nếu không phải vì Frank McCourt và căn bệnh thương hàn kia cùng Patricia Madigan bị mắc bệnh bạch hầu đã về bên Chúa thì ông ấy sẽ không bao giờ biết bài thơ ấy và thê là nhờ Seamus mà tôi trở nên nổi tiếng khắp khoa mắt của bệnh viện City Home.

Mẹ tôi không thể đến bệnh viện thăm tôi mỗi ngày được bởi vì viện cách nhà tôi rất xa. Không phải lúc nào mẹ tôi cũng có tiền để đi xe buýt mà đi bộ thì mẹ tôi lại bị đau chân. Mẹ tôi bảo mắt tôi trông đã đỡ hơn mặc dù bạn không thể nói gì khi mà mắt tôi lúc nào cũng đầy thứ thuốc nhỏ mắt màu nâu ấy, thứ thuốc có mùi và có màu như iốt và nếu đó là iốt thật thì chắc nó phải bốc cháy rồi. Tuy nhiên, người ta vẫn nói thuốc đắng giã

tật mà. Một hôm trời ấm áp mẹ tôi xin phép được đưa tôi đi dạo quanh sân bệnh viện và thật tình cờ tôi nhìn thấy ông Timoney đang đứng dựa vào bức tường ở khu dành cho người già nhìn lên trời. Tôi muốn nói chuyện với ông ấy và tôi phải xin phép mẹ tôi bởi vì ở trong bệnh viện bạn chẳng bao giờ biết việc gì là đúng việc gì là sai.

Ông Timoney.

Ai đấy?Ai hỏi ta thế này?

Cháu đây, Frank McCourt, thưa ông.

Francis, a, Francis.

Chào ông Timoney, tôi là mẹ của cháu.

Hai người thật tốt phúc. Ta chẳng có bạn bè, chẳng có họ hàng, chẳng có con Macushla nữa. Cậu làm gì ở nơi này thế, Francis?

Cháu bị viêm mắt, thưa ông.

Ôi, Chúa ơi, Francis, không phải là mắt. Ôi, cậu còn bé quá sao đã bị như vậy, trời ơi.

Ông Timoney, ông có muốn cháu đọc cho ông không?

Với đôi mắt đau ư, Francis? Ô, không, con trai ạ, hãy giữ gìn đôi mắt của cậu. Trong đầu ta đã có tất cả những gì ta cần rồi. Ta đủ thông minh để nhồi vào đầu mình nhiều thứ khi ta còn trẻ và bây giờ ta có cả một thư viện trong đầu rồi. Người Anh đã bắn chết vợ của ta. Người Ailen đánh chết con chó tội nghiệp của ta. Đó có phải là một trò đùa của thế giới này không nhỉ?

Thế giới thì tồi tệ nhưng Chúa trời thì tốt - Mẹ tôi nói.

Đúng thế. Chúa trời tạo ra thế giới, một thế giới tồi tệ, nhưng Chúa trời thì tốt. Chào nhé, Francis. Hãy để mắt cậu được nghỉ ngơi và khi nào khỏi mắt thì hãy nhớ đọc cho tới lúc nhắm mắt nhé. Chúng ta đã từng có những ngày vui vẻ với Jonathan Swift, đúng không, Francis?

Vâng, đúng thế, thưa ông Timoney.

Mẹ tôi đưa tôi trở lại phòng bệnh. Mẹ tôi bảo tôi:

Đừng khóc vì ông Timoney, ông ấy có phải là bố của con đâu. Với lại khóc sẽ có hại cho mắt con đấy.

Mỗi tuần Seamus lại đến phòng tôi ba lần và lần nào đến ông ấy cũng mang tới một bài thơ mới ông ấy nhớ trong đầu. Ông ấy nói:

Khi cậu bảo Patricia rằng cậu không thích bài thơ về con cú và con mèo cậu đã làm cô bé buồn đấy Francis ạ.

Cháu rất tiếc, Seamus.

Tôi có bài thơ đó trong đầu đấy, Francis, và nếu cậu không bảo bài thơ đó ngớ ngẩn thì tôi sẽ "nói" nó cho cậu nghe.

Cháu không nói thế nữa đâu.

Ông ấy đọc bài thơ đó lên và tất cả mọi người trong phòng đều thích nó. Họ muốn học thuộc và Seamus phải đọc ba lần cho đến khi cả phòng cùng đồng thanh đọc.

Rồi một hôm Seamus đến chân tay không, không mang theo chổi và tôi cứ tưởng ông ấy mang đầy một túi thơ đến cho mọi người nhưng ông ấy chỉ mỉm cười và bảo với tôi rằng ông ấy sắp đi Anh làm việc trong một nhà máy để kiếm tiền đổi đời. Ông ấy nói sẽ làm việc ở đó hai tháng rồi sẽ đón vợ ông ấy sang và có thể Chúa trời sẽ rủ lòng thương ban cho họ con cái vì ông ấy phải làm gì đó với những bài thơ ông ấy giữ trong đầu và còn gì tốt hơn là đọc chúng cho những đứa con của chính ông ấy để tưởng nhớ tới Patricia dễ thương đã chết vì bệnh bạch hầu.

Tạm biệt, Francis. Nếu tôi biết viết chữ ra hồn thì tôi sẽ viết thư cho cậu nhưng khi nào vợ tôi sang bên ấy tôi sẽ bảo vợ tôi viết cho cậu. Có lẽ tôi phải học đọc học viết thôi để con tôi không bị trêu là có một ông bố ngốc nghếch.

Tôi muốn khóc lắm nhưng bạn không thể khóc trong khoa mắt khi mà ngày nào người ta cũng bỏ công nhỏ vào mắt bạn thứ thuốc màu nâu rát như lửa ấy, nếu bạn làm vậy thì thế nào các y tá cũng nói: "Gì thế, gì thế, nam nhi kiểu gì thế", và thế nào

một xơ cũng bảo: “Thôi đi, hãy nghĩ đến những đau đớn mà Chúa của chúng ta phải chịu trên cây thánh giá, nghĩ đến những chùm gai trên đầu Người, những cái đinh đâm vào chân tay Người và cả những vết thương khác mà Người phải chịu đựng nữa”.

Tôi nằm viện đúng một tháng và mặc dầu mắt tôi vẫn chưa khỏi hẳn bác sĩ bảo tôi có thể về nhà được và rằng nếu tôi luôn nhớ rửa mật bằng xà bông và khăn sạch và chú ý bồi dưỡng bằng các thức ăn giàu dinh dưỡng như thịt bò và trứng thì chẳng bao lâu tôi sẽ có một đôi mắt sáng ngời ha ha.

Ông Downes từ nước Anh trở về vì mẹ ông ấy qua đời. Ông ấy kể với vợ mình về bố tôi. Vợ ông ấy lại đi kể với cô Bridey và cô Bridey kể lại cho mẹ tôi. Ông Downes nói rằng Malachy McCourt uống rượu như một kẻ mất trí, rằng con người ấy ném hết tiền lương của mình vào các quán rượu ở Coventry và mỗi lần uống say lại hát những bài hát phản kháng của người Ailen những bài hát mà người Anh chẳng thèm quan tâm bởi họ đã quá quen với cái cách người Ailen kêu ca về những nỗi khổ tám trăm năm của mình, nhưng họ không chịu đựng được bất cứ người nào đứng trước quán rượu lăng mạ Vua, Hoàng hậu, hai công chúa và cả Hoàng thái hậu nữa. Lăng mạ Hoàng thái hậu thì quá quắt lắm. Bà già tội nghiệp ấy đã làm gì ai bao giờ đâu cơ chứ? Lần nào Malachy cũng uống hết cả tiền thuê trọ và bị chủ trọ đuổi cổ không cho ở đến nỗi phải vào ngủ trong công viên. Malachy đúng là nỗi hổ thẹn thường trực và ông Downes mừng vì Malachy không phải là người Limerick nếu không con người ấy sẽ khiên cả cái thành phố cổ kính này phải xấu hổ. Quan chức của Coventry đang mất dần kiên nhẫn và nếu Malachy McCourt không thôi gây ra những chuyện khó chịu thì người ta sẽ đá con người ấy ra khỏi nước Anh.

Mẹ tôi bảo với cô Bridey rằng mẹ không biết phải làm gì trước những chuyện từ nước Anh, rằng trong đời mẹ chưa bao giờ cảm

thấy tuyệt vọng đến thế. Mẹ tôi có thể thấy rõ Kathleen O'Connell không muốn bán chịu hàng cho mẹ tôi nữa, mẹ tôi bị bà ngoại mắng cho một trận khi mẹ hỏi vay bà một shilling, người ở hội thánh Vincent de Paul muốn biết bao giờ thì mẹ tôi ngừng đến xin họ cứu trợ khi mà mẹ có một người chồng đang làm việc ở Anh. Mẹ tôi xấu hổ vì chúng tôi phải mặc những bộ quần áo rách rưới, đi những đôi giày tồi tàn và những đôi tất thủng. Đêm mẹ tôi nằm nhắm mắt nhưng không ngủ mà chỉ mông lung nghĩ tới việc đưa bốn đứa con trai của mình vào trại trẻ mồ côi để mẹ tôi có thể đi Anh tìm một công việc gì đó để làm và đón chúng tôi sang cho chúng tôi một cuộc sống tốt hơn. 0 đó có thể có bom đạn nhưng mẹ tôi thích bom đạn hơn là cảm giác xấu hổ vì cứ phải đi cầu xin hết người này đến người khác.

Không, dù thế nào đi nữa mẹ tôi cũng không chịu nổi ý nghĩ đưa anh em tôi vào trại trẻ mồ côi. Nếu như các bạn có những trại trẻ như trại Boys 'Town ở Mỹ với một linh mục tốt bụng như cha Spencer Tracy thì còn được nhưng bạn không bao giờ có thể tin tưởng những người ở một trại mồ côi như trại Glin những người cậy quyền đánh đập những bé trai và bỏ đói chúng không thương tiếc.

Mẹ tôi nói chẳng còn nơi nào nữa ngoài Bệnh xá miễn phí với trợ cấp công cộng và sự cứu tế và mẹ tôi sẽ hổ thẹn cả đời vì phải tới đó cầu xin người ta. Thê có nghĩa là bạn đã ở tận đầu cuối của một sợi dây thừng rồi và có lẽ chỉ hơn những người lang thang, những người ăn xin trên phố một chút thôi. Thế có nghĩa là bạn phải quỵ lụy trước ông Coffey và ông Kane và phải cảm ơn Chúa vì Bệnh xá miễn phí ở tận cuối Limerick nên mọi người trong ngõ sẽ không biết bạn đang đi xin cứu tế.

Mấy người phụ nữ mách mẹ tôi nên tới Bệnh xá miễn phí vào đầu giờ làm việc của ông Coffey và ông Kane vì vào lúc đó các ông ấy có thể vẫn còn tâm trạng dễ chịu. Nếu bạn đến vào tầm giữa buổi trở đi khi mà hai ông ấy đã gặp nhiều đàn ông đàn bà

và trẻ con ốm yếu thì có lẽ họ sẽ cáu kỉnh với bạn. Mẹ tôi sẽ đưa chúng tôi đi cùng để chứng minh rằng mẹ tôi có bốn đứa con đang cần ăn uống. Mẹ tôi đánh thức chúng tôi dậy sớm và lần đầu tiên trong đời mình chúng tôi được mẹ bảo đừng rửa mặt, đừng chải đầu, và hãy mặc bộ quần áo nào rách rưới nhất. Mẹ tôi bảo tôi rụi mắt cho mắt đỏ lên bởi ở Despensary trông bạn càng tệ thì bạn càng đáng thương và càng có cơ hội nhận được sự cứu trợ. Mẹ tôi phàn nàn rằng trông Malachy và Michael khỏe mạnh quá và bạn sẽ không khỏi thắc mắc tại sao vào đúng cái hôm ấy chúng lại không có những cái đầu gối đóng vảy hay những vết thâm tím và những vết sứt xước như chúng vẫn có thường xuyên. Nếu chúng tôi gặp người trong ngõ hoặc những người quen ở ngoài phố thì chúng tôi không được phép nói với họ chúng tôi đang đi đâu. Không nói cho cả thế giới biết và đợi bà tôi phát hiện ra chuyện chúng tôi đi xin cứu tế mẹ tôi cũng đủ xấu hổ lắm rồi.

Khi chúng tôi đến Despensary, ở đó đã có nhiều người đợi ở bên ngoài. Có những bà mẹ ôm con giống như mẹ tôi và có những đứa bé bé như Alphie, và có những đứa trẻ biết chạy chơi như chúng tôi. Những bà mẹ vừa ôm những đứa bé chống lạnh cho chúng vừa hét những đứa đang chạy chơi để ngăn chúng không chạy ra đường ngộ nhỡ xe đâm phải. Những ông già và những bà già đứng dựa vào tường nói chuyện với nhau hoặc im lặng. Mẹ tôi bảo chúng tôi phải ở quanh đấy không được chạy lung tung. Chúng tôi đợi khoảng nửa tiếng thì cánh cửa lớn mở ra. Một người đàn ông bảo chúng tôi vào bên trong và xếp hàng trước bục, rằng ông Coffey và ông Kane còn đang uống trà. Một phụ nữ phàn nàn:

Hai ông ấy không thể uống mau lên hay sao, các con tôi sắp chết cóng đến nơi rồi.

Người đàn ông kia nói bà ấy là người gây phiền toái nhưng lần này ông ấy sẽ cho qua không ghi tên bà ấy bởi trời quả là

lạnh thật nhưng ông ta bảo nếu bà ấy kêu ca thêm một lời nào nữa là bà ấy sẽ phải hối tiếc.

Ông Coffey và ông Kane đi đến ngồi tại chiếc bàn quầy và không để ý gì đến những người đang chờ đợi họ. Ông Kane đeo cặp kính của ông ấy vào, gỡ chúng ra, lau đi lau lại hai mắt kính, lại đeo kính vào, và nhìn lên trần nhà. Ông Coffey đọc báo, ghi chép gì đó, rồi đưa tờ báo cho ông Kane. Họ thì thầm với nhau. Họ nhẩn nha. Họ không nhìn chúng tôi.

Rồi ông Kane gọi người đầu tiên:

Tên ông là gì?

Timothy Creagh, thưa ông.

Creagh, ha? Một cái tên cổ hay của Limerick đây.

Vâng, thưa ông.

Ông cần gì ông Creagh?

Vâng, dạ dày của tôi lại đau nên tôi muốn được bác sĩ Feeley khám cho, thưa ông.

Ô, ông Creagh, ông có chắc là không phải rượu đã làm ông đau lại không?

Ô, không phải do rượu đâu, thưa ông. Từ lâu tôi không đụng đến một giọt rượu nào. Vợ tôi cũng ốm nặng và tôi phải chăm sóc bà ấy.

Trên thế giới này có nhiều kẻ lười biếng lắm. Ông Creagh ạ. Và ông Kane nhìn xuống nói với những người đang xếp hàng.

Các ông bà có nghe thấy không? Có nhiều kẻ lười biếng lắm, đúng không?

Và những người đứng xếp hàng đồng thanh:

Đúng thế, thưa ông Kane, nhiều kẻ lười biếng lắm.

Ông Creagh nhận giấy khám bác sĩ, những người xếp hàng đứng nhích lên và ông Kane sắp sửa hỏi đến mẹ tôi.

Bà cần sự cứu tế phải không?

Vâng, thưa ông Kane.

Thế chồng bà đâu?

Chồng tôi đang ở Anh, nhưng ...

Ở Anh ư? Vậy tiền gửi về hàng tuần đâu, những món tiền năm bảng to ấy?

Từ khi đi sang đó chồng tôi chưa gửi về cho chúng tôi một xu nào, thưa ông Kane.

Thật ư? Ô, chúng ta biết tại sao, đúng không? Chúng ta biết những người đàn ông Ailen đến Anh để làm gì. Chúng ta biết có người nhìn thấy vài người đàn ông Ailen chơi bời cùng với bọn gái điếm Piccadilly, đúng không?

Ông ta nhìn xuống những người đứng xếp hàng và những người đó biết rằng họ phải nói:

Đúng, thưa ông Kane, và họ biết họ phải nặn ra những nụ cười thậm chí phải cười to nếu không đến khi họ lên bục họ sẽ gặp khó khăn. Họ biết ông Kane sẽ đẩy họ sang cho ông Coffey mà ông Coffey thì nổi tiếng là người hay nói không.

Mẹ tôi nói với ông Kane rằng bố chúng tôi đang ở Convetry và nơi ấy cách xa Piccadilly và ông Kane bỏ kính xuống nhìn mẹ tôi trừng trừng:

Gì cơ? Chúng ta đang có một bất đồng nhỏ ở đây chăng?

Ô, không, thưa ông Kane.

Tôi muốn bà biết rằng, chính sách ở đây không cho phép những phụ nữ có chồng đang ở Anh được hưởng cứu tế. Tôi muốn nói cho bà biết rằng bà đang giật miếng bánh từ miệng của những người đáng được nhận bánh hơn.

Ô, vâng. Thưa ông Kane.

Tên bà là gì nhỉ?

McCourt, thưa ông.

Đây không phải là một cái tên Limerick. Do đâu mà bà có cái tên này?

Từ chồng tôi, thưa ông. Chồng tôi là người miền Bắc.

Chồng bà là người miền Bắc mà lại để bà đến đây xin cứu tế từ nước Ailen Tự Do ư? Chẳng phải đây là điều chúng ta đã đấu tranh ư?

Tôi không biết, thưa ông.

Tại sao bà không đi đến Belfast và hỏi xem những người đàn ông của Orange có thể làm gì cho bà, hả?

Tôi không biết, thưa ông.

Bà không biết. Tất nhiên bà không biết. Trên thế giới này có nhiều cái gọi là không biết lắm.

Ông ta nhìn xuống những người đứng xếp hàng:

Tôi nói rằng trên thế giới này có nhiều cái gọi là không biết lắm.

Và những người xép hàng trước bục gật đầu đồng thanh:

Đúng thế, thưa ông.

Ông ta thì thầm gì đó với ông Coffey và cả hai người cùng nhìn mẹ tôi, họ nhìn anh em tôi. Cuối cùng ông ấy nói rằng mẹ tôi có thể hưởng sự cứu tế nhưng nếu mẹ tôi nhận được dù chỉ một xu bố tôi gửi về thì mẹ tôi không được kêu ca gì hết mà phải gửi trả lại tiền cứu tế cho Bệnh xá miễn phí. Mẹ tôi hứa là mẹ tôi sẽ làm như họ nói và chúng tôi ra về.

Chúng tôi theo mẹ đến cửa hàng Kathleen O'Connell để lấy trà và bánh mì cùng một ít than bùn để đun. Chúng tôi trèo lên gác và nhóm bếp ở trên đó để pha trà. Tất cả chúng tôi im lặng, thậm chí cả Aphie cũng vậy, bởi chúng tôi biết ông Kane đã làm gì mẹ tôi.

10

Thời tiết ở Ailen lạnh và ẩm ướt nhưng chúng tôi ở cả trên gác. Mẹ tôi bảo rằng chúng tôi nên mang bức tranh Giáo hoàng

lên trên gác treo ở gần cửa sổ. Dù sao Giáo hoàng cũng là một người bạn của dân lao động, ông ấy là người Ý mà người Ý thì ưa thời tiết ấm áp. Mẹ tôi ngồi bên bếp, người khẽ run, và chúng tôi biết khi mẹ không thèm động đến một điếu thuốc có nghĩa là có gì đó rất tệ. Mẹ tôi nói mẹ rét và mẹ muốn uống thứ gì đó chua, một cốc nước chanh chẳng hạn. Nhưng trong nhà chúng tôi không còn một xu, thậm chí buổi sáng còn không có bánh mì để ăn. Mẹ tôi uống trà và đi nằm.

Cả đêm giường của chúng tôi cứ chốc chốc lại cọt kẹt vì mẹ tôi trở mình liên tục và mẹ làm chúng tôi không thể ngủ được vì thỉnh thoảng lại rên rỉ đòi uống nước. Sáng ra mẹ tôi không dậy mà nằm đó run và rên, và tất cả chúng tôi đều im lặng. Nếu mẹ tôi không dậy thì tôi và Malachy sẽ bị muộn học. Nhiều giờ trôi qua mẹ tôi vẫn không dậy và khi tôi biết đã quá giờ vào lớp rồi tôi bắt đầu nhóm bếp đun ấm nước. Mẹ tôi vật vã đòi uống nước chanh nhưng tôi chỉ có thể đưa cho mẹ một cốc nước lọc. Tôi hỏi mẹ tôi có muốn uống trà không và mẹ tôi phản ứng như thể một người điếc vậy. Mặt mẹ tôi đỏ bừng và thật lạ là mẹ tôi chẳng nhắc gì tới thuốc lá.

Anh em tôi ngồi lặng im bên bếp, Malachy, Michael, Alphie, và tôi. Chúng tôi uống trà còn Alphie thì nhai mẩu bánh mì chấm đường cuối cùng. Nó quệt tay làm đường dính lên mũi lên má khiến chúng tôi buồn cười. Nhưng chúng tôi không thể cười to nếu không mẹ tôi sẽ dậy bắt tôi và Malachy đi học và chúng tôi sẽ bị phạt đến chết mất vì tội đi học muộn. Chúng tôi không cười lâu được, không còn bánh nữa mà chúng tôi thì đói, cả bốn anh em tôi đều đói. Chúng tôi không được bà Kathleen bán chịu hàng cho nữa. Chúng tôi cũng không thể bén mảng đến gần bà tôi được. Hễ trông thấy mặt chúng tôi là bà tôi lại mắng mỏ chúng tôi vì bố tôi là người miền Bắc và vì bố tôi ở Anh không gửi một xu nào về cho mẹ con tôi. Bà tôi nói chúng tôi có thể chết đói vì sự thiếu quan tâm của bố tôi. Bà tôi bảo như thế mẹ

tôi sẽ được một bài học vì ai bảo mẹ tôi lại đi lấy một người đàn ông miền Bắc, một người tính khí kỳ quặc.

Tuy nhiên, tôi sẽ phải thử đến cửa hàng của bà Kathleen O'Connell một lần nữa. Tôi sẽ nói với bà ấy rằng mẹ tôi đang ốm, các em tôi đang đói và chúng tôi rất muốn có một ít bánh mì.

Tôi đi giày vào và chạy băng qua các con phố để giữ người tôi khỏi cóng bởi thời tiết tháng Hai sương giá. Nhìn qua những ô cửa sổ bạn có thể thấy được cảnh ấm cúng bên trong những căn bếp nơi có lò sưởi ấm, nơi mọi thứ đều ánh lên dưới ánh điện, nơi có những chiếc cốc, những chiếc khay được đặt trên những chiếc bàn cùng với những đĩa bánh cắt lát và những bình mứt bình bơ và chỉ cần ngửi mùi trứng và mùi giăm bông tỏa ra từ những ô cửa ấy cũng đủ làm bạn ứa nước miếng rồi và còn cảnh các gia đình quây quần với những bà mẹ đeo tạp dề bận rộn nấu ăn hoặc rửa bát và dù Chúa Jésus từ trên tường nhìn xuống với dáng vẻ buồn bã nhưng họ vẫn hạnh phúc vì có thức ăn ngon, có điện sáng và vì họ vẫn là những tín đồ ngoan đạo.

Tôi cố tìm trong đầu một bài hát nhưng tôi chỉ thấy tiếng rên rỉ đòi uống nước chanh của mẹ tôi mà thôi.

Nước chanh. Có một xe chở hàng vừa rời quán South bỏ lại bên ngoài quán những sọt đựng những chai bia cùng những chai nước chanh và trên phố lúc ấy không có một bóng người. Trong khoảng hai giây tôi đã lấy được hai chai nước chanh thủ vào trong áo và lại bước đi thong thả như không.

Bên ngoài cửa hàng của bà Kathleen O'Connell có một xe chở bánh mì. Cửa sau của xe hàng để mở và tôi có thể nhìn rõ hơi bánh mì nóng bốc ra từ đó. Người lái xe đang ở trong cửa hàng uống trà với bà Kathleen và chẳng khó khăn gì tôi cũng kiếm được cho mình một ổ bánh mì nóng. Thật không phải chút nào khi lấy cắp của bà Kathleen O'Connell vì bà ấy luôn tử tế với chúng tôi nhưng nếu tôi vào cửa hàng hỏi xin bánh thì bà ấy sẽ nổi giận và mắng rằng tôi đã làm hỏng bữa uống trà sáng của bà

ấy trong khi bà ấy luôn thích được thưởng thức trà trong yên tĩnh. Tôi giấu chiếc bánh vào trong áo và tự hứa với mình rằng khi nào đi xưng tội tôi sẽ nói ra tất cả.

Các em tôi đang ở trên giường chơi cùng những chiếc áo khoác nhưng khi nhìn thấy bánh mì một cái là chúng nhảy cả xuống đất. Chúng tôi đói qua không kịp cắt bánh mà xé thành từng miếng mà nhai. Malachy cầm chai nước chanh đặt vào môi mẹ tôi và mẹ tôi uống ừng ực cho tới khi chai nước chanh không còn một giọt. Nếu mẹ tôi thích uống thứ nước đó như vậy thì tôi có thể kiếm thêm cho mẹ.

Chúng tôi cho chỗ than cuối cùng vào bếp và ngồi quanh bếp bịa ra những câu chuyện giống như bố tôi thường bịa. Tôi kể cho các em tôi nghe chuyến phiêu lưu của tôi với những chai nước chanh và chiếc bánh mì và tôi bịa ra tình tiết tôi bị các chủ quán rượu và các chủ cửa hàng truy đuổi và cảnh tôi chạy vào nhà thờ thánh Joseph nơi không ai có thể đuổi theo bạn cho dù bạn là một tên tội phạm thậm chí cho dù bạn đã giết mẹ đẻ của mình đi nữa. Malachy và Michael sửng sốt khi nghe tôi kể tôi đã lấy trộm nước chanh và bánh mì như thế nào nhưng rồi Malachy nói đó chỉ là những việc mà Robin Hood thường làm, trộm của người giàu chia cho người nghèo. Michael bảo tôi là một kẻ ngoài vòng pháp luật và nếu họ tóm được tôi họ sẽ treo cổ tôi lên cái cây cao nhất ở công viên People giống như những kẻ ngoài vòng pháp luật bị treo cổ trong các bộ phim chiếu ở rạp Lyric. Malachy nói tôi nên chắc là tôi được ban ân bởi nếu không sẽ khó mà tìm được một linh mục rửa tội cho tôi khi tôi bị treo cổ. Tôi bảo rằng nhất định sẽ có linh mục đến buổi treo cổ. Những linh mục là để cho những dịp đó mà. Roddy McCorley có một linh mục và Kevin Barry cũng vậy. Malachy nói lúc Roddy McCorley và Kevin Barry bị treo cổ không có linh mục nào có mặt bởi trong các bài hát về họ đâu có nhắc tới linh mục nào và nó bắt đầu cao giọng hát những bài hát về Roody McCorley và

Kevin Barry để chứng minh điều đó cho tới khi mẹ tôi rên rỉ và quát nó câm miệng.

Em Alphie lim dim buồn ngủ rồi ngủ ngay trên sàn cạnh bếp lò. Mặc dù chúng tôi không muốn nó bị lây bệnh từ mẹ tôi không muốn nó chết chúng tôi vẫn phải bê em lên giường đặt nó nằm cạnh mẹ tôi để nó được ấm. Nếu mẹ tôi thức dậy mà thấy em tôi chết trên giường bên cạnh mẹ thì không biết mẹ sẽ kêu khóc đến bao giờ và chắc chắn mẹ sẽ oán trách tôi trước tiên.

Ba chúng tôi cũng vào giường nằm co ro trong những chiếc áo cũ và cố không lăn vào chỗ đệm thủng. Chúng tôi nằm như thế khá dễ chịu nhưng rồi Michael bắt đầu lo về việc Alphie bị lây bệnh của mẹ tôi và cả chuyện tôi sẽ bị treo cổ không có mặt cha xứ. Nó bảo mọi người trên thế giới đều có nhiều anh em nên thật không công bằng khi nó chỉ còn duy nhất một người anh. Nó ngủ thiếp đi trong lo lắng, Malachy cũng lơ mơ còn tôi nằm đó nghĩ tới mứt. Có thêm một chiếc bánh mì và một lọ mứt dâu tây hay bất cứ lọ mứt gì chẳng phải tuyệt lắm sao. Tôi không nhớ là đã bao giờ tôi trông thấy một xe chở mứt chưa và tôi không muốn giống như Jesse James mang vũ khí chạy vào cửa hàng đòi người ta phải đưa cho mình một lọ mứt. Làm thế chắc chắn sẽ bị treo cổ thôi.

Có ánh nắng chiếu vào qua cửa sổ và tôi chắc bên ngoài hẳn phải ấm áp hơn và lẽ nào các em tôi lại không ngạc nhiên khi chúng tỉnh dậy thấy tôi cùng với bánh mì và mứt. Chúng sẽ ăn ngấu nghiến mọi thứ và sẽ lại lải nhải về tội lỗi của tôi và cả chuyện treo cổ nữa.

Mẹ tôi vẫn đang ngủ mê man mặc dầu mặt mẹ rất đỏ và tiếng gáy của mẹ nghe không được đều.

Tôi phải cẩn thận khi đi trên phố bởi nếu ông bảo vệ Dennehy mà nhìn thấy tôi thì ông ấy sẽ lôi cổ tôi về trường và thầy O'Halloran sẽ phạt tôi trước lớp mất. Ông bảo vệ chịu trách

nhiệm về vấn đề sĩ số của trường và ông ấy thích dùng xe đạp đuổi bắt bạn và xách tai bạn lôi về trường.

Bên ngoài cửa của một căn nhà lớn ở phố Barrington có một cái hộp. Tôi giả vờ đến gõ cửa để nhìn vào trong hộp và tôi thấy trong đó có một bình sữa, một chiếc bánh mì, pho mát, cà chua, và ôi Chúa ơi, một lọ mứt cam. Tôi không thể giấu tất cả các thứ đó trong áo được. Ôi, Chúa ơi. Tôi có nên lấy cả hộp không nhỉ? Những người đi đường chẳng chú ý gì hết. Tôi có thể bê cả hộp. Mẹ tôi từng bảo dù bạn lấy trộm một con cừu to hay một con cừu non cũng thế cả thôi, bạn có thể bị treo cổ. Tôi nhấc chiếc hộp lên và cô làm ra vẻ như mình là một đứa trẻ đi đưa hàng và chẳng ai để ý tôi hết.

Malachy và Michael đã chờ sẵn ngoài cửa và khi chúng nhìn thấy những thứ trong chiếc hộp tôi mang về chúng không chần chừ giây nào mà chộp ngay lấy chiếc bánh mì bẻ ra lấy mứt chấm. Alphie vừa mút mứt vừa bôi mứt lên mặt lên tóc lên chân nó. Chúng tôi nhúng thức ăn vào chỗ trà đã nguội ngắt bởi vì bếp không còn lửa nữa.

Mẹ tôi lại rên rỉ đòi uống nước chanh và thế là tôi cho mẹ uống nửa chai nước chanh thứ hai để mẹ tôi nằm yên. Mẹ tôi đòi uống nữa và tôi rót thêm nước vào chỗ nước chanh còn lại trong chai để mẹ tôi dùng được lâu hơn bởi tôi không thể cả đời chạy ra phố lấy trộm nước chanh của người ta được. Chúng tôi tạm ổn được một lúc cho tới khi mẹ tôi bắt đầu mê sảng gọi tên em gái và hai đứa em trai đã mất của tôi, mẹ tôi than thở vì sao các em tôi bỏ mẹ tôi ra đi khi chúng còn quá bé như vậy, than thở tại sao Thượng Đế lại không để những điều tang thương ấy xảy ra với người giàu, than thở tại sao nhà chúng tôi không có nổi một chai nước chanh. Michael hỏi chúng tôi rằng liệu mẹ tôi có chết không và Malachy bảo với nó rằng người ta không thể chết trước khi một linh mục tới. Rồi Michael lại hỏi chúng tôi có thể nhóm bếp lên và pha trà hay không bởi vì nó đang rét run ở trên

giường với những chiếc áo khoác cũ rách. Malachy nói chúng tôi nên đến từng nhà hỏi xin than và củi và sẽ dùng xe nôi của Alphie chở than. Chúng tôi nên mang Alphie theo bởi nó còn bé và nó hay cười và nếu người ta nhìn thấy nó người ta sẽ mủi lòng. Chúng tôi cố rửa những vết bẩn trên người Alphie nhưng khi chúng tôi để nước tiếp xúc với da của nó nó hét lên hoảng sợ. Michael bảo vào trong xe nôi đựng than là Alphie lại bẩn ngay vì thế rửa ráy cho nó chỉ phí công. Michael nhỏ tuổi nhưng nó luôn nói những câu khôn ngoan như vậy.

Chúng tôi đẩy xe nôi tới đại lộ của những người giàu có nhưng khi chúng tôi gõ cửa những người hầu ló mặt ra bảo chúng tôi hãy đi ngay nếu không họ sẽ gọi nhà chức trách tới và thật là nhục nhã khi phải đẩy một chiếc xe nôi tồi tàn, dơ dáy, bốc mùi lên tận trời, một chiếc xe không đáng dùng để chở một con lợn đến lò mổ đi khắp các phố và thật nhục nhã khi bạn phải làm việc đó ở một đất nước Công giáo nơi mà trẻ con đáng lẽ phải được yêu chiều và phải được nuôi sống để truyền Đức tin từ thế hệ này sang thế hệ khác. Malachy rủa một cô hầu hôn mông nó và thế là cô ta tát nó một cái khiến nó rớm nước mắt và nó bảo từ giờ trở đi nó không thèm đến xin gì của nhà giàu nữa. Nó bảo đi xin như thế cũng chẳng ích gì, rằng chúng tôi sẽ đi vòng ra phía sau những ngôi nhà đó và trèo tường vào mà lấy bất cứ thứ gì chúng tôi muốn. Michael sẽ rung chuông cửa trước và sẽ giữ chân những người hầu để tôi và Malachy ném than ra qua tường rồi chất than lên xe nôi quanh Alphie.

Theo cách đó chúng tôi lấy được than của mấy nhà nhưng rồi Malachy ném một cục than qua tường không may trúng vào người Alphie khiến Alphie khóc thét lên buộc chúng tôi phải bỏ mặc Michael đấy mà chạy. Malachy nói chúng tôi nên mang than về nhà trước sau đó sẽ đến tìm Michael. Bây giờ chúng tôi không thể dừng lại vì Alphie khóc khiến mọi người ném về phía chúng tôi những cái nhìn khó chịu như thể muốn nói rằng

chúng tôi là nỗi hổ thẹn của mẹ chúng tôi nói riêng và của cả Ailen nói chung.

Về tới nhà chúng tôi phải mất một một lúc mới đưa được Alphie ra khỏi xe than và nó cứ khóc liên hồi khiến tôi phải lấy chút bánh mì và mứt còn lại ra dỗ nó. Tôi cứ sợ mẹ tôi sẽ lao ra khỏi giường nhưng mẹ tôi vẫn nằm đó lảm nhảm về bố tôi, về rượu và về những đứa em đã qua đời của tôi.

Malachy tìm được Michael về, và cùng với chúng là những câu chuyện rung chuông cửa. Một người phụ nữ rất giàu mở cửa và bảo Michael vào bếp nhà bà ấy ăn bánh, uống sữa, ăn bánh mì và mứt. Bà ấy hỏi về gia đình chúng tôi và nó nói với bà ấy rằng bố chúng tôi có một công việc rất khá ở Anh nhưng mẹ chúng tôi đang bị ốm rất nặng và chỉ luôn miệng đòi uống nước cam. Người phụ nữ giàu có đó muốn biết ai đang chăm sóc chúng tôi và Michael khoe rằng chúng tôi tự trồng nhau, rằng chúng tôi đầy bánh mì và mứt cam. Người phụ nữ đó ghi tên và địa chỉ của Michael, khen nó ngoan và bảo nó về nhà với mẹ và các anh.

Malachy mắng Michael là đồ ngốc đã nói cho cái bà nhà giàu ấy mọi chuyện. Nó bảo giờ thì bà ta sẽ đi tố cáo chúng tôi và chúng tôi chưa kịp biết tí gì thì các linh mục của cả thế giới đã đến gõ cửa nhà chúng tôi rồi.

Nó vừa nói dứt lời thì bỗng có tiếng đập cửa dồn dập. Nhưng đó không phải là một linh mục mà là ông bảo vệ Dennehy. Ông ta vừa đập cửa vừa gọi to:

Chào, có ai ở nhà không? Bà có nhà không bà McCourt?

Michael nhanh nhảu chạy ra gõ gõ vào cửa sổ và vẫy ông bảo vệ. Tôi tức quá đá cho nó một cái còn Malachy thì tung một quả đấm cảnh cáo và thế là Michael la lên:

Em sẽ nói cho ông bảo vệ biết. Em sẽ nói cho ông ấy biết. Các anh ấy giết cháu, ông bảo vệ ơi. Các anh ấy đấm đá cháu đây này.

Nó không chịu im còn ông bảo vệ thì quát inh cả lên bắt chúng tôi phải mở cửa. Tôi thò đầu qua cửa sổ bảo với ông ấy

rằng tôi không thể mở cửa được bởi vì mẹ tôi đang bị mắc một căn bệnh nguy hiểm.

Thê bố các cậu đâu hả?

Bố cháu ở Anh.

Vậy thì tôi phải nói chuyện với mẹ các cậu.

Ông không thể. Ông không thể. Mẹ cháu bị bệnh nặng. Tất cả chúng cháu đều bị bệnh. Có lẽ bị thương hàn. Chúng cháu đã bị những vết đỏ rồi đây này. Em Alphie đã bị mọc bướu. Bệnh chết người đấy ông ạ.

Mặc chúng tôi nói gì ông bảo vệ cứ đẩy cửa vào và xuất hiện ở trên gác đúng lúc Alphie chui từ dưới gầm giường ra mắt mũi lấm lem. Ông bảo vệ nhìn nó và mẹ tôi rồi bỏ mũ ra đưa tay lên gãi đầu. Ông ấy nói:

Lạy Chúa Jésus, thánh Maria và thánh Joseph, đây đúng là một trường hợp tuyệt vọng còn gì. Sao mẹ các cậu lại ốm đến nông nổi này?

Tôi bảo với ông ấy rằng không nên đến gần mẹ tôi còn Malachy thì bảo rằng chúng tôi còn lâu mới lại đi học tiếp được nhưng ông bảo vệ nói cho dù có chuyện gì đi nữa chúng tôi vẫn phải đi học, rằng chúng tôi có mặt trên đời là để đi học còn ông ấy có mặt trên đời là để đảm bảo rằng chúng tôi phải có mặt ở trường. Ông ấy muốn biết chúng tôi có họ hàng thân thuộc gì không và rồi ông ấy bắt tôi đi gọi bà tôi và bác Aggie.

Họ mắng tôi té tát và bảo tôi là đổ bẩn thỉu. Tôi cố giải thích rằng mẹ tôi ốm và tôi thì phải vất vả lo cho tất cả nhà, phải giữ lửa trong bếp, phải kiếm nước chanh cho mẹ tôi và bánh mì cho các em tôi. Có kể với họ về mứt cam cũng chẳng ích gì bởi họ sẽ lại mắng tôi thôi. Và cũng chẳng phàn nàn với họ về thái độ của những người giàu làm gì.

Họ dong tôi về nhà, mắng tôi suốt dọc đường khiến tôi xấu hổ. Ông bảo vệ vẫn đứng đó gãi đầu. Ông ấy nói:

Xem đấy, đúng là một sự nhục nhã. Ó Bombay và Bowery ở New York cũng chẳng có những cảnh như thế này đâu.

Bà tôi nhìn mẹ tôi than vãn:

Lạy Chúa, Angela, Con bị làm sao thê này? Những người đó đã làm gì con?

Mẹ tôi liếm đôi môi khô nẻ của mình và rên ri đòi uống nước chanh:

Mẹ đòi uống nước chanh đấy, - Michael nói, - Chúng cháu lấy trộm nước chanh cho mẹ và còn lấy trộm cả bánh mì và mứt cam nữa, bây giờ tất cả chúng cháu đều là tội phạm. Frankie thành tội phạm trước, chúng cháu đi lấy trộm than thành tội phạm sau.

Ông bảo vệ có vẻ thích câu chuyện của Michael, ông ấy đưa nó xuống nhà và mấy phút sau chúng tôi nghe thấy tiếng ông ấy cười. Bác Aggie nói chúng tôi làm như thế với một người mẹ ốm nằm trên giường thật đáng xấu hổ. Ông bảo vệ quay lên gác bảo bác Aggie nên tìm bác sĩ cho mẹ tôi. Mỗi khi ông ấy nhìn tôi và các em tôi ông ấy lại lấy mũ che mặt và nói:

Những đứa-trẻ tuyệt vọng, đúng là những đứa trẻ tuyệt vọng.

Bác Aggie đưa bác sĩ tới và ông ấy đưa ngay mẹ tôi vào bệnh viện bằng ô tô của mình vì ông ấy bảo mẹ tôi bị viêm phổi. Anh em chúng tôi muốn được ngồi xe ô tô của ông bác sĩ nhưng bác Aggie quát:

Không được, tất cả chúng mày phải đến nhà tao cho đến khi nào mẹ chúng mày được ra viện.

Tôi bảo với bác ấy rằng bác ấy không phải lo. Tôi mười một tuổi và tôi có thể trông các em tôi được. Tôi vui vì được ở nhà không phải đi học và tôi nói tôi sẽ đảm bảo các em tôi được ăn uống và tắm rửa. Nhưng bà tôi hét lên rằng tôi không được làm thế còn bác Aggie thì đấm tôi một cái. Ong bảo vệ bảo tôi còn

quá nhỏ không thể làm tội phạm cũng không thể làm một người cha được nhưng tôi rất có triển vọng trong cả hai vai trò này.

Mặc quần áo vào mau lên - Bác Aggie quát. - Chúng mày sẽ đến nhà tao cho tới khi mẹ chúng mày được ra viện. Lạy Chúa, đứa trẻ này đúng là một sự nhục nhã.

Bác ấy tìm được một mảnh tã và quấn quanh đít Alphie để nó khỏi bậy ra xe nôi. Rồi bác ấy nhìn chúng tôi và quát: "Sao còn đứng ngây ra đó không đi mặc quần áo đi hả?" Tôi sợ bác ấy sẽ đánh tôi khi tôi nói rằng quần áo của chúng tôi đã ở cả trên người chúng tôi rồi. Nhưng bác ấy chỉ nhìn tôi trừng trừng và lắc đầu chán ngán. Bác ấy bảo tôi cho nước và đường vào chai cho Alphie. Bác ấy bảo tôi đẩy xe qua các phố vì bác ấy không thể đẩy cái xe bẩn thỉu nặng như đeo đá không đáng để chở một con chó ghẻ ấy. Bác ấy vớ ba cái áo khoác cũ ở trên giường ấn chúng vào xe và nếu bạn nhìn không tinh thì bạn không thể thấy Alphie ở trong xe.

Bà tôi đi cùng chúng tôi từ ngõ Roden đến căn hộ của bác Aggie ở phố Windmill: "Mày không thể đẩy cái xe ấy cho ngay ngắn được sao? Lạy Chúa, mày giết nó mất. Đừng có để xe lắc như thế nếu không tao sẽ tát cho đấy". Bà tôi không vào nhà bác Aggie. Bà tôi không thể chịu đựng nổi chúng tôi thêm một phút nào nữa. Bà tôi đã chán cả bầu đàn thê tử nhà McCourt từ cái ngày bà tôi phải gửi tiền mua vé cho sáu chúng tôi từ Mỹ về Ailen, rồi bỏ tiền ra lo đám tang cho các em, rồi cho chúng tôi thức ăn mỗi khi bố tôi uống rượu hết cả tiền trợ cấp, rồi giúp mẹ tôi sống qua ngày trong khi người bố nát rượu của tôi đổ hết tiền lương mà nước Anh trả vào cổ chai. Ôi, bà đã ngán lắm rồi, ngán lắm rồi, và bà quay gót bước đi xuống phố Herry, kéo chiếc khăn choàng đen chùm lên mái đầu tóc trắng của bà.

Khi bạn mười một tuổi và các em bạn đứa lên mười, đứa lên năm, đứa mới chỉ một tuổi bạn sẽ không biết phải làm gì khi bạn đến nhà người khác cho dù đó là nhà của bác ruột bạn.

Người ta bảo bạn bế em bé vào bếp nhưng đó đâu phải là nhà của bạn và khi đã vào trong bếp rồi bạn không biết phải làm gì vì bạn sợ bác của bạn sẽ mắng hoặc đánh vào đầu bạn. Bác Aggie cởi áo khoác của bác ấy ra và cất nó vào phòng ngủ và bạn bế em đứng đó đợi nghe lệnh mới. Nếu bạn bước một bước lên phía trước hoặc bước một bước sang ngang là bác Aggie sẽ ra và hỏi bạn đi đâu và bạn không biết phải trả lời thế nào bởi chính bạn cũng đâu có biết. Nếu bạn nói gì với các em bạn thì có thể bác Aggie sẽ nói "mày nghĩ mày đang nói chuyện với ai trong bếp nhà tao hả?" Chúng tôi phải đứng và phải im lặng và điều đó quả là khó khi mà tiếng tong tong vọng ra từ phòng ngủ nghe rõ mồn một và chúng tôi biết bác Aggie đang đi tiểu ở trong đó. Tôi không dám nhìn Malachy. Nếu tôi mà nhìn nó thì tôi sẽ cười ngay, nó cũng sẽ cười rồi Michael cũng sẽ cười và nếu chúng tôi mà cười thành tiếng thì chúng tôi sẽ nguy mất và nếu chúng tôi mà cười thì hình ảnh cái mông to bè của bác Aggie trên một cái bô hoa văn nhỏ tẹo hiện lên trong đầu chúng tôi sẽ khiến chúng tôi cười đến mấy ngày không dừng lại được mất. Tôi có thể nhịn cười được. Tôi sẽ không cười. Malachy và Michael sẽ không cười và rõ ràng là chúng tôi tự hào vì mình đã không cười, không gây rắc rối với bác Aggie cho tới khi Alphie trên tay tôi cười và nói Goo goo và thế là chúng tôi không nhịn được nữa. Chúng tôi phá lên cười và Alphie với cái mặt bẩn thỉu cũng cười và nói Goo goo cho tới khi chúng tôi cười rũ cả người ra và bác Aggie hét lên, chạy tới giáng cho tôi một cú đấm vào đầu khiến tôi và cả Alphie tưởng chừng như dính vào tường. Bác ấy cũng đánh cả Malachy và cố đánh cả Michael nữa nhưng nó nhanh chân chạy sang phía bên kia chiếc bàn tròn khiến bác ấy không chạm tay đến nó được. Bác ấy gào lên: "Lại đây mau. Tao sẽ cho cái miệng của mày mất cười" nhưng Michael vẫn chạy quanh bàn còn bác Aggie thì béo quá nên chẳng thể nào tóm được nó. Bác ấy tức tối: "Rồi tao sẽ tóm được mày thôi, tao sẽ đốt cái mông mày, còn mày, bỏ em mày xuống đất đi". Bác ấy ném những cái áo khoác

cũ của chúng tôi xuống sàn nhà và tôi đặt Alphie nằm xuống đó để cho nó vừa cầm chai nước đường vừa nói Goo goo vừa cười. Bác Aggie ra lệnh cho chúng tôi cởi hết quần áo ra và ra chỗ vòi nước ở sân sau kỳ cọ người không được để xót chỗ nào. Bác ấy bảo chúng tôi không được phép trở vào nếu còn dù chỉ một vết bẩn nhỏ trên người. Tôi muốn nói với bác ấy rằng trời tháng Hai lạnh lắm, bên ngoài gần như đóng băng rồi, chúng tôi không thể chết tất được, nhưng tôi biết nếu tôi mà mở miệng thì có lẽ tôi sẽ chết ngay trong bếp này mất.

Chúng tôi ở sân sau trần như nhộng dưới vòi nước lạnh buốt. Bác tôi mở cửa bếp và ném ra cho chúng tôi một cái bàn chải và một bánh xà phòng màu nâu giống như bánh xà phòng người coi ngựa dùng để tắm cho con Finn. Bác ấy quát chúng tôi phải kỳ lưng cho nhau và không được dừng lại cho đến chừng nào bác ấy bảo thôi. Michael bảo chân tay nó sắp rụng đến nơi rồi nhưng bác Aggie không quan tâm. Bác ấy cứ luôn miệng nói rằng chúng tôi vẫn chưa sạch và nếu chúng tôi để bác ấy phải đích thân ra kỳ cho chúng tôi thì chúng tôi sẽ hối hận cả ngày. Lại hối hận. Tôi kỳ mạnh tay hơn. Tất cả chúng tôi cùng kỳ cọ cho tới khi người đứa nào đứa nấy đỏ cả lên còn hai hàm răng thì gõ vào nhau cầm cập. Như thế vẫn chưa đủ đối với bác Aggie. Bác ấy đi ra cùng với một cái xô trên tay và bác ấy xả nước vào xô dội ào ào lên người chúng tôi. Rồi bác quát chúng tôi lau khô người. Chúng tôi đứng trong cái lán nhỏ cạnh bếp lau khô người bằng một cái khăn tắm. Chúng tôi đứng trong đó run bần bật và chờ đợi bởi bạn không thể đi như diễu hành vào bếp nhà bác tôi được khi không có lệnh của bác ấy. Chúng tôi nghe thấy tiếng bác ấy nhóm lửa trong bếp rồi nghe tiếng bác ấy gọi: “Chúng mày còn định đứng ngoài ấy cả ngày phỏng? Vào mặc quần áo ngay”.

Bác ấy đưa cho chúng tôi mỗi đứa một tách trà và một miếng bánh mì và chúng tôi ngồi ở bàn lặng lẽ ăn bởi chúng tôi không

được nói cho tới khi bác tôi bảo nói. Michael hỏi xin một miếng bánh nữa và chúng tôi tưởng nó sắp bị bác ấy quật ngã khỏi ghế nhưng bác ấy chỉ càu nhàu: “Cho mỗi đứa một miếng nữa, ăn đi”. Bác ấy cố cho Alphie ăn bánh mì nhúng trà nhưng nó không ăn cho đến khi bác ấy rắc đường lên miếng bánh nó mới ăn và khi ăn xong nó cười và tè ra bác ấy khiến chúng tôi rất khoái. Bác tôi chạy ra lán lấy khăn đập đập lên chỗ ướt trên quần áo mình còn chúng tôi thì ngồi ở bàn đưa mắt nhìn nhau cười và thầm nói với Alphie rằng nó là nhà vô địch nhỏ tuổi của thế giới. Bác Pa Keating đi làm về, toàn thân đen nhẻm. Thấy chúng tôi ở đó bác ấy reo lên:

Ôi, Chúa ơi, gì thế này?

Michael nhanh nhảu:

Mẹ cháu phải đi viện, bác Pa ạ.

Vậy sao? Mẹ các cháu làm sao?

BỊ viêm phổi ạ - Malachy trả lời.

Ô, bị thế còn hơn là bị Oldmonia.

Chúng tôi không biết bác ấy cười vì cái gì và bác Aggie đi vào nói cho bác Pa biết rằng mẹ tôi phải nằm viện vì thế chúng tôi phải ở lại nhà họ cho tới khi mẹ tôi được về nhà. Bác Pa gật gù: “Được thôi, được thôi” rồi bác ấy đi ra lán để rửa ráy và chúng tôi chẳng biết bác ấy đã động đến nước chưa mà khi trở lại người bác ấy vẫn đen như cũ.

Bác Pa ngồi xuống bàn và bác Aggie sắp bữa tối cho chồng với món bánh mì rán, giâm bông, và cà chua thái miếng. Bác Aggie bảo chúng tôi đứng ra khỏi bàn và đừng có nhìn bác Pa uống trà và bảo bác Pa không việc gì phải cho chúng tôi giăm bông và cà chua của bác ấy nữa. Bác Pa nói: “Vì Chúa Aggie, bọn trẻ đang đói” và bác Aggie gắt: “Không việc gì đến anh. Chúng có phải là con anh đâu”. Bác Aggie bảo chúng tôi đi chơi và đúng tám rưỡi phải về ngủ. Chúng tôi biết bên ngoài trời lạnh lắm chúng tôi muốn ở trong căn bếp ấm áp của bác ấy nhưng ra ngoài chơi

trên đường phố lạnh giá còn dễ chịu hơn ở trong đó với bác Aggie nóng tính.

Chúng tôi chơi được một lúc thì bác Aggie gọi tôi về bảo tôi lên tầng trên mượn tấm khăn trải giường bằng cao su của một phụ nữ có đứa con đã bị chết. Người phụ nữ đó bảo tôi:

Nói với bác của cháu là khi nào tôi sinh em bé nữa thì phải nhớ trả tôi đấy.

Bác Aggie nghe tôi nói lại liền bĩu môi:

Con bà ta chết cách đây mười hai năm rồi mà bà ta vẫn giữ khư khư cái khăn trải giường đó. Giờ bà ta đã bốn mươi lăm tuổi rồi, nếu bà ta lại có con nữa thì chắc dưới đất có sao mất.

Malachy hỏi:

Thế là thế nào ạ?

Bác Aggie bảo nó còn bé đừng có tò mò những chuyện của người lớn.

Bác Aggie trải tấm khăn bằng cao su lên giường ngủ của bác ấy và đặt Alphie nằm giữa bác ấy và bác Pa. Bác ấy nằm ở phía trong tường còn bác Pa nằm *ở* phía ngoài bởi sáng bác Pa phải dậy sớm đi làm. Chúng tôi ngủ ở dưới sàn phía bức tường đối diện với một cái áo khoác cũ trải ở dưới và hai chiếc để đắp. Bác Aggie nói nếu bác ấy mà nghe thấy chúng tôi nói một tiếng thì bác ấy sẽ đánh đít chúng tôi và bác ấy còn bảo rằng sáng hôm sau chúng tôi phải dậy sớm vì hôm sau là ngày thứ Ba có lễ nhận tro và chúng tôi phải đi lễ Mixa để cầu nguyện cho mẹ tôi mau khỏi bệnh.

Tiếng chuông báo thức làm chúng tôi choàng tỉnh. Bác Aggie ở trên giường gọi xuống:

- Ba đứa chúng mày mau dậy đi lễ Mixa đi. Chúng mày nghe chưa hả? Dậy. Rửa mặt đi rồi đi đến nhà thờ dòng Tên đi.

Sân sau nhà bác Aggie đầy sương đóng thành những cục băng nhỏ và chúng tôi muốn rụt tay lại trước làn nước lạnh

buốt. Chúng tôi vục một ít nước lên mặt rồi vội lau khô mặt ngay bằng chiếc khăn tắm vẫn còn ẩm. Malachy nói thầm rằng nếu mẹ tôi mà có mặt ở đó thế nào mẹ tôi cũng bảo chúng tôi rửa mặt như mèo.

Đường phố đầy sương và băng nhưng nhà thờ dòng Tên khá ấm áp. Thật sướng khi được làm một thầy tu dòng Tên, được ngủ trên giường có khăn trải, có chăn gối dày và thức dậy trong một ngôi nhà ấm áp và một nhà thờ ấm áp chẳng phải làm gì ngoài việc chủ trì lễ Mixa, nghe xưng tội và nhắc nhở mọi người làm tốt bổn phận con chiên. Tôi muốn một ngày nào đó tôi sẽ trở thành một thầy tu dòng Tên nhưng khi bạn lớn lên trong một cái ngõ như ngõ nhà tôi thì bạn chẳng có hy vọng đạt được ý muốn đó. Những thầy tu dòng Tên rất đặc biệt. Họ không thích những người nghèo. Họ thích những người đi xe ô tô, những người cong ngón tay út lên khi cầm tách trà.

Lúc bảy giờ nhà thờ chật ních những người đến nhận tro rắc trán. Malachy thì thầm với tôi rằng Michael sẽ không được nhận tro bởi nó chưa chịu lễ ban thánh thể đầu tiên và đó là một tội lỗi. Michael bắt đầu khóc:

Em muốn tro cơ, em muốn tro.

Một bà già đứng sau chúng tôi nói:

Các cậu làm gì đứa bé dễ thương này vậy?

Malachy giải thích rằng đứa bé dễ thương mà bà ấy bênh chưa bao giờ nhận thánh thể và nó không được hưởng Ân thánh hóa. Malachy chuẩn bị nhận lễ Ban thánh thể đầu tiên nên nó luôn khoe khoang những gì nó học được từ cuốn giáo lý vấn đáp. Nó không công nhận là tôi biết tất cả những cái đó vì nó bảo tôi học từ năm ngoái nên chắc chắn là đã quên nhiều. Bà già đứng sau chúng tôi nói rằng không cần phải biết những cái đó chúng tôi cũng có thể nhận tro và bảo Malachy đừng có trêu trọc đứa em tội nghiệp nữa. Bà ấy xoa đầu Michael và bảo với nó rằng

nó là một đứa bé dễ thương và bảo nó cứ việc lên nhận tro. Nó chạy ngay đến bệ thờ và khi nó trở lại bà già đó cho nó một xu.

Bác Aggie vẫn còn nằm trên giường với Alphie. Bác bảo Malachy đổ sữa vào chai mang tới cho Alphie. Bác sai tôi nhóm bếp, bảo tôi chỗ lấy củi, giấy và than. Nếu lửa không bén thì tôi có thể dùng một ít dầu để nhóm. Tôi làm theo lời bác và làm cho khói bốc lên mù mịt khiến bác ấy nhảy khỏi giường chạy bổ vào bếp. Bác đẩy tôi ra và rít lên:

Mày không làm nổi việc gì sao? Mày phải mở nắp bếp ra chứ, cái thằng đần này.

Tôi không biết gì về những cái nắp bếp hết. Ở nhà chúng tôi có một cái bếp ở nhà dưới và một cái bếp ở trên gác và tôi chẳng thấy có cái nắp bếp nào cả. Khi bạn đến nhà bác Aggie bạn phải biết rõ những cái nắp bếp. Có nói với bác ấy rằng đây là lần đầu tiên bạn nhóm lửa từ một cái bếp có lò nướng cũng chẳng ích gì. Bác ấy sẽ lại cho bạn một cú đấm vào đầu nữa mà thôi. Thật khó mà hiểu được tại sao người lớn lại tức giận như thế chỉ vì những thứ nhỏ nhặt như cái nắp bếp. Khi nào tôi trở thành người lớn nhất định tôi sẽ không đánh vào đầu một đứa trẻ vì một cái nắp bếp hay vì bất cứ điều gì đi nữa. Giờ thì tôi vẫn phải nghe bác tôi la mắng tôi: “Mày nhìn xem mày đã làm chỗ này dơ bẩn như thế nào. Mày không biết nghĩ đến một việc con con như việc mở cái cửa sổ cho khói bay ra hay sao? Tất nhiên là mày chẳng nghĩ được. Bây giờ mày có nghĩ là mày có thể đun nước pha trà mà không thiêu cháy cả cái nhà này không, hả?”.

Bác Aggie cắt chiếc bánh mì ra làm ba, phết mứt cam vào từng miếng bánh, đưa cho chúng tôi mỗi đứa một miếng còn mình thì lại quay về giường nằm. Chúng tôi uống trà, ăn bánh, và lần đầu tiên trong đời chúng tôi thấy thích được đến trường, đến một nơi ấm áp không có bà bác nóng tính nào.

Khi tôi ở trường về bác Aggie bảo tôi ngồi vào bàn và viết một bức thư cho bố tôi kể cho bố tôi biết chuyện mẹ tôi bị ốm phải

nằm viện và chuyện tất cả chúng tôi đang ở nhà bác Aggie. Bác Aggie bảo tôi phải viết rằng tất cả chúng tôi đều khỏe mạnh, vui vẻ, rằng bố tôi phải gửi tiền về vì thức ăn rất đắt đỏ, vì chúng tôi đang tuổi lớn ăn rất khỏe, rằng Alphie cần quần áo ấm và tã lót.

Tôi không biết tại sao bác tôi luôn tức giận như vậy. Căn hộ của bác ấy ấm áp và khô ráo. Bác ấy có điện dùng và có nhà vệ sinh riêng. Bác Pa có một công việc ổn định và thứ Sáu nào bác ấy cũng mang tiền lương về đưa cho bác Aggie. Bác Pa có uống rượu nhưng bác ấy không bao giờ say đến nỗi về nhà hát ngêu ngao những bài hát về lịch sử đau thương của Ailen.

Mỗi khi bác Aggie đi chơi bài ở khu công nhân chúng tôi lại được vui vẻ với bác Pa. Bác ấy mua hai chai rượu từ quán South, sáu cái bánh sữa và nửa cân giăm bòng từ một cửa hàng gần nhà. Bác ấy pha trà và chúng tôi ngồi bên bếp vừa uống trà vừa ăn giăm bông và bánh sữa vừa cười khoái trá trước cái cách bác ấy nói về thế giới. Bác ấy nói: "Bác đã nuốt khí gas, uống rượu, bác cóc thèm quan tâm đến thế giới cùng những thằng anh em họ của nó". Nếu Alphie chán chỗ, làu bàu hoặc khóc bác ấy kéo áo lên đến ngực và nói với nó: "Đây, bú đi, bú đi". Nhìn bộ ngực phẳng lì với hai cái ti màu nâu nâu của bác ấy Alphie có vẻ rất ngạc nhiên và thế là nó lại ngoan.

Trước khi bác Aggie về nhà chúng tôi phải rửa sạch chén bát và lau sạch sàn để bác ấy không biết là chúng tôi đã ăn bánh trong khi bác ấy vắng nhà. Bác ấy sẽ đay nghiến bác Pa cả tháng nếu bác ấy phát hiện ra điều đó và tôi thật không hiểu tại sao lại như vậy. Tại sao bác Pa để cho bác Aggie rầy la mình như vậy? Bác Pa đã từng tham gia Đại chiến, bác ấy bị nhiễm khí gas, bác ấy là người lớn, bác ấy có việc làm, bác ấy biết làm cho cả thế giới buồn cười. Đó là một điều bí mật. Các linh mục và các thầy giáo nói rằng tất cả là một bí mật và bạn phải tin lời họ nói chứ biết làm sao.

Tôi dễ dàng coi bác Pa như một người cha. Chúng tôi có những lúc vui vẻ bên bếp lửa uống trà và phá lên cười trước cái cách bác Pa vừa đánh rắm vừa nói: "Bật diêm lên. Đó là một món quà của người Đức".

Bác Aggie lúc nào cũng hành hạ tôi. Bác ấy bảo tôi có đôi mắt của một kẻ đê tiện. Bác ấy nói rằng tôi là bản sao của bố tôi, tôi có tính khí kỳ quặc, rằng thể nào khi lớn lên tôi cũng tôn thờ Oliver Cromwell và sẽ bỏ gia đình mà chạy theo một con điếm người Anh và treo đầy những bức ảnh của hoàng gia lên tường nhà mình.

Tôi muốn tránh xa bác Aggie và tôi chỉ có thể nghĩ ra mỗi một cách để thực hiện điều đó. Đó là làm cho mình bị ốm để vào viện. Nửa đêm tôi thức dậy mò ra sân sau nhà bác tôi. Tôi có thể giả vờ đi vệ sinh. Tôi đứng ngoài trời dưới trời rét buốt và hy vọng rằng mình sẽ mắc viêm phổi hoặc lao phổi để tôi có thể vào nằm viện, được ngủ trên giường trải khăn sạch sẽ, được ăn tại giường và được đọc những cuốn sách do cô gái mặc váy xanh mang tới. Tôi có thể sẽ gặp một Patricia khác và sẽ biết thêm những bài thơ tuyệt vời. Tôi đứng trong sân với độc một bộ quần áo mỏng trên người và đôi chân trần nhìn lên vầng trăng như con thuyền bị lật giữa biển mây và đến khi người tôi run lên bần bật tôi mới quay lại giường thầm mong sáng ra tôi sẽ ho không ngớt và sốt hầm hập. Nhưng tôi không sao cả. Tôi cảm thấy mình hoàn toàn khỏe mạnh và hoạt bát.

Có những hôm bác Aggie bảo rằng bác ấy không muốn nhìn thấy chúng tôi thêm một phút nào nữa và bác ấy quát: "Đi ngay, biến ngay cho khuất mắt tao. Thằng kia, đưa ngay Alphie vào xe, đưa tất cả các em mày đi đi, biến ra công viên mà chơi, làm gì tùy thích và khi nào chuông nhà thờ báo sáu giờ hãy về, không được muộn một phút, nghe rõ chưa, không được muộn một phút".

Chúng tôi đẩy xe nôi dọc đại lộ O'Connell ra phố Ballinacurra hoặc đường Rosbrien. Chúng tôi để Alphie bò trên cánh đồng nhìn những đàn bò, đàn cừu và chúng tôi lăn ra cười khi lũ bò đến bên nó ngửi ngửi. Tôi chui xuống dưới bụng những con bò sữa vắt sữa vào miệng Alphie cho tới khi nó no quá trớ cả sữa ra mới thôi. Những người nông dân đuổi bắt chúng tôi nhưng rồi họ nhìn thấy Michael và Alphie bé quá họ lại thôi . Malachy cười giễu họ. Nó thách họ:

Đánh đi, đánh cháu đi, cháu đang bế em bé đấy, đánh đi.

Rồi Malachy nảy ra một sáng kiến, nó bảo tôi:

Sao chúng ta không về nhà mình chơi một lúc nhỉ? Chúng tôi kiếm một ít củi trên cánh đồng rồi kéo nhau về ngõ Roden. Trên gác vẫn còn diêm và thế là chúng tôi nhóm lửa lên. Alphie lăn ra ngủ và chẳng bao lâu tất cả chúng tôi đều lơ mơ ngủ. Đang lơ mơ chúng tôi chợt nghe thấy tiếng chuông nhà thờ đổ sáu tiếng và chúng tôi biết thế nào chúng tôi cũng gặp rắc rối với bác Aggie vì về muộn.

Tôi không quan tâm. Bác ấy muốn la mắng tôi thế nào thì tùy bởi dù gì chúng tôi cũng đã có khoảng thời gian tuyệt vời ngoài cánh đồng ở ngoại ô với những con bò và cừu rồi lại còn được về ngôi nhà của chúng tôi một lúc nữa.

Bạn có thể nói là bác tôi chẳng bao giờ có được những lúc vui vẻ như thế. Bác ấy có đèn điện và một cái nhà vệ sinh riêng không phải chung đụng với ai nhưng không có những giờ phút vui vẻ.

Cứ thứ Năm và Chủ nhật bà tôi lại đến để cùng bác Aggie đi thăm mẹ tôi. Chúng tôi không thể đi cùng bởi bệnh viện người ta cấm trẻ con và nếu tôi hỏi: "Mẹ cháu thế nào?" là y rằng họ quầu quậu nhìn tôi và bảo: "Vẫn còn sống". Chúng tôi muốn biết khi nào mẹ tôi ra viện để chúng tôi có thể về nhà nhưng tôi không dám mở miệng hỏi.

Một hôm Malachy kêu đói với bác Aggie và hỏi xin bác ấy một miếng bánh mì. Bác ấy cầm cuốn *Người đưa tin của Trái tim Chúa* cuộn lại đập vào đầu nó khiến nó rưng rưng nước mắt. Ngày hôm sau tan học nó không về nhà, đến giờ đi ngủ vẫn không thấy nó đâu cả. Bác Aggie nói:

Tao nghĩ nó bỏ đi rồi. Thật nhẹ nợ. Nếu nó đói nó sẽ phải mò về. Cứ để nó tìm sự thoải mái trong một cái rãnh cũng được.

Hôm sau Michael từ ngoài phố chạy về nhà bác tôi kêu to: "Bố, bố về, bố về rồi". Nói rồi nó lại chạy ra và tôi nhìn thấy bố tôi đứng dưới hiên ôm lấy Michael và khóc:

Tội nghiệp mẹ các con, tội nghiệp.

Tôi ngửi thấy mùi rượu từ người bố tôi. Bác Aggie mỉm cười:

Ồ, chú về rồi, - và bác đi pha trà, dọn trứng và pho mát ra bàn. Bác sai tôi đi mua cho bố tôi một chai rượu và tôi cứ tự hỏi không biết tại sao bác Aggie đột nhiên lại vui vẻ dễ chịu như thế. Michael hỏi bố tôi:

Chúng ta về nhà chứ bố?

Ừ, về con trai ạ.

Alphie được đặt vào trong xe nôi với ba cái áo khoác cũ cùng than và củi nhóm bếp. Bác Aggie đứng ở cửa nói với theo rằng chúng tôi là những đứa trẻ ngoan ngoãn, và rằng chúng tôi có thể đến uống trà bất cứ lúc nào, và khi nghe thấy thế trong đầu tôi nảy ra một từ rất tục "đồ chó cái". Nó nảy ra trong đầu tôi và tôi không thể ngăn nó được và rồi đến buổi xưng tội tôi lại có thêm một tội nữa phải xưng với Cha xứ.

Malachy không ở trong cái rãnh nào cả, nó về nhà chúng tôi ăn chỗ cá tẩm bột chiên nó nhặt được của một người say ở trước cổng Sarsíield Barracks.

Hai ngày sau mẹ tôi ra viện. Mẹ tôi trông rất xanh và yếu. Mẹ tôi bảo bác sĩ dặn mẹ tôi phải giữ ấm, phải nghỉ ngơi và ăn các thức ăn bổ dưỡng như trứng và thịt ít nhất là ba lần một tuần.

Cầu Chúa giúp chúng tôi, những ông bác sĩ tội nghiệp đó đâu biết đến cái ý niệm không có. Bố tôi pha trà và cắt bánh mì nướng cho mẹ tôi ăn. Bố tôi rán bánh cho chúng tôi và chúng tôi có một buổi tối vui vẻ trên căn gác ấm. Bố tôi bảo bố tôi không thể ở nhà mãi được, bố phải trở lại Coventry làm việc. Mẹ tôi lo không biết bố tôi làm thế nào mà trở lại Coventry được khi không có lấy một xu dính túi. Sáng thứ Bảy bố tôi dậy sớm và hai bố con tôi uống trà với nhau bên bếp. Bố tôi rán bốn miếng bánh và gói chúng vào một mảnh của tờ *Limerick Chronicle.* Mẹ tôi vẫn nằm và bố tôi đứng dưới chân cầu thang gọi với lên chào mẹ tôi. Mẹ tôi thều thào: "Ừ, anh đi đi. Đến nơi nhớ viết thư về". Bố tôi sắp lên đường đi Anh còn mẹ tôi thì vẫn chưa ra khỏi giường được. Tôi xin bố cho tôi ra ga tiễn bố. Bố tôi nói không, rằng bố không ra ga. Bố tôi đi đến Dublin để tìm cách đi nhờ. Bố tôi xoa đầu tôi, bảo tôi ở nhà chăm sóc mẹ và các em rồi bố tôi bước ra cửa. Tôi chạy ra ngõ nhìn theo bố tôi đi xuôi xuống Đồi Barrack và phố thánh Joseph. Tôi chạy theo bố mãi cho tới khi tôi không theo nổi nữa. Bố tôi hẳn là biết tôi đi theo bố vì có lúc bố ngoái lại gọi: "Về nhà đi, Francis, về nhà với mẹ và các em đi".

Bố tôi đi được đúng một tuần thì chúng tôi nhận được một bức thư của bố, trong đó bố tôi thông báo rằng bố đã đến nơi an toàn và bố tôi còn dặn chúng tôi phải ngoan, phải thực hiện bổn phận con chiên và trên hết phải nghe lời mẹ. Tuần kế tiếp chúng tôi nhận được một giấy lĩnh tiền với số tiền ba bảng và chúng tôi sung sướng không tả nổi. Chúng tôi sẽ giàu có, sẽ được ăn cá tẩm bột chiên, sẽ được ăn thịt đông và bánh sữa, sẽ được đi xem phim vào tối thứ Bảy ở rạp Lyric, rạp Coliseum, rạp Carlton, rạp Atheneum và trên hết rạp Savoy. Chúng tôi sẽ được ăn bánh ở nhà hàng Savoy. Chúng tôi có thể cầm những tách trà và cong ngón tay út lên.

Thứ Bảy sau đó chúng tôi không nhận được giấy lĩnh tiền, thứ Bảy tiếp theo cũng không và không bao giờ nữa cả. Mẹ tôi lại

đến xin cứu tế ở hội thánh Vincent de Paul và lại phải nặn ra những nụ cười trước mặt các ông Coffey và Kane ở Bệnh xá miễn phí cho dù các ông ấy hành hạ mẹ tôi bằng chuyện bố tôi đi theo một gái điếm Piccadilly mà các ông ấy bịa ra để mua vui. Michael muốn biết điếm là gì và mẹ tôi bảo nó rằng đó là một thứ người ta dùng để uống với trà. Hầu như ngày nào mẹ tôi cũng chỉ ngồi bên bếp hút thuốc với cô Bridey. Chúng tôi đi học về trên bàn vẫn còn nguyên những vụn bánh rơi. Mẹ tôi không rửa bát, chén và để mặc ruồi nhặng bâu vào những chỗ còn dính đường.

Mẹ tôi nói rằng tôi và Malachy phải thay nhau trông Alphie, phải đưa nó đi ra ngoài hít thở không khí trong lành. Mẹ tôi bảo không được giữ em tôi ở trên gác suốt từ tháng Mười đến tháng Tư được. Nếu chúng tôi nói chúng tôi muốn đi chơi với các bạn của chúng tôi thì lập tức mẹ tôi nổi cơn tam bành khiến chúng tôi váng cả óc.

Chúng tôi chơi với Alphie và chiếc xe nôi. Tôi đứng trên đỉnh đồi Barrack còn Malachy đứng ở chân đồi. Khi tôi đẩy chiếc xe xuống dưới một cái Malachy ở dưới dừng nó lại nhưng Malachy lại mải nhìn một đứa bạn đang trượt patanh nên nó để chiếc xe nôi chạy qua chỗ mình, lao sang ngang đường qua cửa quán rượu Leniston nơi những người đàn ông đang cần được thưởng thức những cốc rượu của họ trong yên tĩnh và không mong nhìn thấy một chiếc xe nôi với một đứa trẻ bẩn thỉu nói Goo goo goo. Người chủ quán la lên rằng đó là một sự nhục nhã, rằng luật pháp không cho phép kiểu hành động đó, không cho phép một chiếc xe nôi bẩn thỉu với một đứa bé hét ầm ĩ lao qua cửa nhà người khác, rằng ông ta sẽ gọi bảo vệ tới bắt chúng tôi, nhưng Alphie vừa vẫy ông ta vừa cười với ông ta, rồi ông ta nói:

- Thôi được, thôi được rồi, cho thằng bé này kẹo và nước chanh, cho cả các anh nó nữa, bọn mày trông rách rưới quá, ôi

lạy Chúa, cuộc sống quả là khó khăn, hãy đưa em về nhà đi, hãy đưa nó về với mẹ chúng mày đi.

Malachy có một ý tưởng táo bạo khác, rằng chúng tôi có thể để Alphie ngồi trong xe nôi đẩy đi vòng quanh Limerick như những người sống lang thang để kiếm kẹo và nước chanh, nhưng tôi không muốn mẹ tôi phát hiện ra vì nếu mẹ tôi mà biết chúng tôi làm chuyện đó thì mẹ sẽ đánh chúng tôi là cái chắc. Malachy nói tôi không phải là một công tử và nói xong nó chạy biến đi. Tôi đẩy chiếc xe qua phố Henry và tới nhà thờ Công giáo. Hôm đó là một ngày u ám, nhà thờ đầy vẻ u ám và đám người đứng ngoài cửa nhà của linh mục trông cũng vậy. Họ đứng đợi xin thức ăn thừa của các linh mục.

Trong đám người đó có mẹ của chúng tôi. Chuyện này tệ hơn cả việc đi xin tiền trợ cấp, tệ hơn cả đi xin giúp đỡ ở hội thánh Vincent de Paul, tệ hơn cả việc đi xin cứu tế ở Bệnh xá miễn phí. Đó là một việc khiến người ta xấu hổ nhất, gần như việc vác bát, tha những đứa trẻ nhếch nhác đi trên phố luôn miệng cầu xin: "lạy ông đi qua, lạy bà đi lại, xin cho đứa trẻ khốn khổ này một xu, nó đói quá".

Giờ mẹ tôi đã trở thành một kẻ ăn mày rồi và nếu ai ở ngõ Roden hoặc ở trường của chúng tôi trông thấy mẹ tôi thì cả nhà tôi sẽ nhục nhã không biết đến bao giờ mới thôi. Các bạn tôi sẽ bịa ra những cái tên mới và sẽ trêu chọc tôi suốt.

Nhà dành cho linh mục mở cửa và đám người xô nhau chạy vào chìa tay ra xin bố thí. Tôi có thể nghe thấy ho nói: "Xin làm ơn, xin làm ơn đi, vì Chúa, xin làm ơn đi. Ởnhà còn năm đứa trẻ nữa, làm ơn đi". Tôi có thể nhìn thấy mẹ tôi chen trong đám người đó. Tôi thấy rõ miệng bà mím chặt khi bà chộp lấy một túi đồ bố thí và quay ra cửa và tôi vội đẩy xe nôi thật nhanh ra khỏi nhà thờ để mẹ tôi khỏi nhìn thấy tôi.

Tôi không muốn về nhà nữa. Tôi đẩy xe xuống đường Dock, ra đường Corkanree nơi có từng đống rác của cả Limerick đang

chờ đốt. Tôi đứng lại một lát xem bọn con trai đuổi chuột. Tôi không biết tại sao bọn chúng phải hành hạ những con chuột không quấy rầy nhà chúng như vậy. Nếu Alphie không làu bàu, không đạp chân, không cáu với cái bình đã hết nhẵn nước đường của nó thì chắc tôi sẽ tiếp tục đi mãi đi mãi trong vùng ngoại ô.

Mẹ tôi đã nhóm bếp và trên bếp có gì đó đang sôi. Malachy cười nói rằng mẹ tôi mua được thịt bò muối và một ít khoai tây từ cửa hàng nhà bà Kathleen. Nó sẽ không vui như thế nếu nó biết nó là con của một kẻ ăn mày. Mẹ tôi gọi chúng tôi ở ngoài ngõ về và khi ngồi vào bàn ăn tôi không dám nhìn người mẹ ăn mày của mình. Mẹ tôi nhấc cái nồi trên bếp ra bàn và múc khoai tây cho từng đứa chúng tôi rồi lấy dĩa vớt thịt bò muối ra.

Thứ đó không giống thịt bò muối chút nào. Đó là cục thịt mỡ bầy nhầy màu xám chỉ có mỗi một chỗ là thịt nạc. Chúng tôi nhìn miếng thịt đó và tự hỏi không biết ai sẽ ăn nó. Mẹ tôi nói:

- Miếng đó cho Alphie. Em nó bé, em nó đang lớn, nó cần ăn thịt nạc.

Mẹ tôi để miếng thịt vào một cái tô trước mặt Alphie. Nó lấy ngón tay nghịch miếng thịt. Nó đưa miếng thịt lên miệng, đưa mắt nhìn quanh bếp, tìm con chó Lucky và ném miếng thịt ra cho con chó.

Còn nói gì được nữa. Miếng thịt đã bị con chó xơi hết rồi. Chúng tôi ăn khoai tây với muối và tôi ăn chỗ thịt mỡ mẹ tôi chia cho và giả vờ là mình đang ăn chỗ thịt nạc Alphie đã vứt đi.

11

Mẹ tôi nhắc nhở chúng tôi:

- Các con không được đụng đến cái hòm vì đó không phải là việc của các con vả lại trong đó chẳng có gì hay đâu.

Tất cả những gì mẹ tôi có trong cái hòm đó là một mớ giấy tờ, giấy khai sinh và giấy chứng nhận rửa tội, hộ chiếu của mẹ tôi, hộ chiếu đi Anh từ Belfast của bố tôi, hộ chiếu nước Mỹ cấp cho chúng tôi về Ailen và một chiếc váy màu đỏ tươi có trang kim và những diềm đăng ten diêm dúa mẹ tôi có từ hồi ở Mỹ. Mẹ tôi muốn giữ chiếc váy đó mãi mãi để nó nhắc nhở mẹ về thời thiếu nữ với những điệu nhảy đầy đam mê.

Tôi không quan tâm mẹ tôi có gì trong chiếc hòm đó cho tới khi tôi bắt đầu lập một đội bóng cùng với Malachy và Billy Campbell. Chúng tôi không có tiền mua đồng phục hay giày và Billy nói: "Làm sao thế giới biết chúng ta là ai chứ? Đến một cái tên chúng ta cũng không có".

Tôi nhớ tới cái váy đỏ của mẹ tôi và thế là một cái tên nảy ra trong đầu tôi, Những Trái Tim Hồng Limerick. Mẹ tôi chẳng bao giờ mở cái hòm ra nên tôi có cắt một miếng vải từ chiếc váy để làm bảy trái tim gắn lên ngực áo các cầu thủ đội bóng thì cũng có sao đâu nhỉ? Chính mẹ tôi luôn nói "không biết chẳng phiền" đấy thôi.

Chiếc váy được cất dưới những tờ báo. Tôi nhìn ảnh tôi hồi bé trong tấm hộ chiếu và có thể hiểu được tại sao ở trường tôi hay bị trêu là người Nhật. Có một giấy chứng nhận kết hôn đề rằng Malachy McCourt và Angela Sheehan trở thành vợ chồng vào ngày hai tám tháng Ba năm 1930. Làm sao có thể thế được cơ chứ? Tôi sinh ngày mười chín tháng Tám và Billy Campell nói rằng hai người lấy nhau phải ít nhất chín tháng sau mới sinh con được. Đằng này tôi sinh ra chỉ sau nửa số thời gian đó. Thế có nghĩa là tôi là một điều kỳ diệu và lớn lên có thể tôi sẽ trở thành một vị thánh.

Tôi sẽ phải hỏi Mickey Molloy, chuyên gia về cái gọi là Cơ Thể Con Gái và Những Chuyện Dơ Bẩn mới được.

Billy nói rằng nếu chúng tôi muốn trở thành một đội bóng lớn thì chúng tôi phải luyện tập và phải gặp nhau thường xuyên ở công viên. Bọn trong đội chê những trái tim đỏ bằng lụa tôi đưa cho chúng và tôi bảo với chúng rằng nếu chúng không thích thì cứ việc về nhà cắt áo và váy của mẹ chúng.

Chúng tôi không có tiền để mua một quả bóng ra hồn vì thế cả đội kiếm một cái bong bóng cừu nhét giẻ rách vào làm bóng. Chúng tôi quần cái bong bóng cừu đó trên đồng cỏ suốt cho tới khi nó thủng mấy chỗ lòi cả giẻ ra và thế là chúng tôi đâm chán. Billy nói sáng mai thứ Bảy chúng tôi có thể gặp nhau để đến phố Ballinacurra rủ bọn con nhà giàu ở trường Crescent thi bảy đấu bảy để lấy một quả bóng thứ thiệt. Nó bảo chúng tôi phải cài những trái tim hồng lên ngực áo cho dù chúng chỉ là những mảnh vải cũ.

Malachy đi về nhà nhưng tôi không thể bởi tôi còn phải gập Mickey Molloy và tìm hiểu việc tại sao tôi lại sinh ra chỉ trong nửa thời gian. Mickey đang đi ra cửa cùng với bố cậu ta, ông Peter. Hôm đó là sinh nhật lần thứ mười sáu của cậu và bố cậu đưa cậu đến quán Bowles để cậu thưởng thức vại bia đen đầu tiên trong đời. Bà Nora Molloy ở trong nhà réo theo ông Peter bảo rằng họ muốn đi thì cứ đi, rằng bà ấy sẽ nướng bánh, rằng bà ấy sẽ không bao giờ đi nhà thương nữa, rằng nếu ông Peter mà đưa con trai đi uống thì bà ấy sẽ đi Scotland và sẽ biến khỏi cuộc đời này.

Ông Peter nói với Mickey:

- Đừng để ý đến mẹ mày. Những bà mẹ Ailen luôn là kẻ thù của vại bia đầu tiên. Chính bà nội mày cũng dùng cái chảo xuýt giết chết ông nội mày khi ông mày đưa bố đi uống lần đầu đấy.

Mickey hỏi bố cậu ta cho tôi đi uống nước chanh và bố cậu ta đồng ý.

Ông Peter nói với mọi người trong quán rằng Mickey đến đó uống lần đầu tiên và khi tất cả đàn ông trong quán muốn uống

với Mikey để chúc mừng cậu, ông Peter gạt đi, ông bảo con trai ông không được uống nhiều.

Bố con ông Peter uống bia còn tôi uống nước chanh. Cánh đàn ông chúc Mickey mọi điều tốt đẹp trong cuộc sống và họ bảo sau lần cậu ta bị ngã ống máng mấy năm trước cậu không còn hay bị ngất nữa, đó quả là một món quà của Chúa và rằng thật tội nghiệp cho Quasimodo Dooley đã bị mắc lao phổi sau từng ấy năm học nói giọng Anh với hy vọng trở thành phát thanh viên của BBC một vị trí chẳng thích hợp chút nào với một người đàn ông Ailen.

Ồng Peter nói chuyện với những người đàn ông còn Mickey, thưởng thức vại bia đầu tiên của cậu ta, thì thầm với tôi: "Tớ không chắc là tớ thích cái của này, nhưng đừng nói với bố tớ". Rồi cậu ta tiết lộ với tôi rằng cậu ta đang bí mật học nói giọng Anh để trở thành phát thanh viên của BBC, giấc mơ của Quasimodo. Cậu ấy bảo rằng tôi có thể nhận lại Cuchilain, rằng Cuchilain chẳng giúp gì cho bạn khi bạn đọc bản tin trên BBC. Bây giờ cậu ta đã mười sáu tuổi nên cậu ta muốn đi Anh và rằng tôi cứ mua một cái đài đi tôi sẽ thấy cậu ấy trên BBC Home Service.

Tôi nói với cậu ấy chuyện cái giấy chứng nhận kết hôn của bố mẹ tôi, nói với cậu ấy rằng Billy Campell bảo phải chín tháng sau khi kết hôn người ta mới có thể đẻ con nhưng tôi lại sinh ra chỉ với nửa thời gian đó thôi và tôi không biết liệu như vậy tôi có phải là một trường hợp kỳ diệu hay không.

Không, không. Cậu là một đứa con hoang. Cậu bị kết tội.

Cậu không được nguyền rủa tớ, Mickey.

Tớ không nguyền rủa cậu. Người ta vẫn gọi những đứa trẻ sinh trước chín tháng sau một đám cưới như vậy, đầy người thụ thai hoang trước khi kết hôn.

Đó là gì vậy?

Đó nào?

Thụ thai ấy.

Là tinh trùng gặp trứng và nó phát triển và chín tháng sau cậu được sinh ra, thế thôi.

Mình chẳng hiểu cậu đang nói gì.

Cậu ta thì thầm vào tai tôi:

Cái thứ ở giữa hai đùi cậu là cái thú vị đấy. Bố cậu cho cái ấy của bố cậu tiếp xúc với cái của mẹ cậu và tinh trùng

từ bố cậu sẽ gặp trứng của mẹ cậu và thứ kết hợp đó phát triển thành cậu.

Tớ đâu phải là một quả trứng.

Cậu là một quả trứng. Mỗi người đều đã từng là một quả trứng.

Tại sao tớ lại bị kết tội? Tớ là con hoang đâu phải lỗi ở tớ.

Tất cả những đứa con hoang đều bị kết tội. Chúng giống như những đứa bé không được rửa tội. Chúng bị đày xuống địa ngục mãi mãi và không có cách nào thoát ra được cho dù chúng không có lỗi. Thế nào cậu cũng băn khoăn rằng Thượng Đế ở trên kia không có chút thương xót nào dành cho những đứa trẻ chưa được rửa tội. Chính vì thế mà tớ không đi nhà thờ nữa. Dù sao cậu cũng bị đầy đọa.

Vậy tớ phải làm gì?

Không làm được gì cả.

Tớ không thể thắp một cây nến hay làm gì đó sao?

Cậu có thể cầu xin Đức Mẹ Đồng Trinh.

Nhưng tớ không có một xu nào để mua nến.

Được rồi, được rồi, một xu đây. Một triệu năm nữa khi cậu kiếm được việc làm thì trả tớ. Tớ phải mất khối tiền mới trở thành chuyên gia về Cơ Thể Con Gái và Những Chuyện Dơ Bẩn đấy.

Người chủ quán rượu đang chơi trò chơi đố chữ và ông ta quay sang hỏi ông Peter:

Từ trái nghĩa của từ xông lên là gì nhỉ?

Rút lui -Ông Peter nói.

Đúng rồi- Người chủ quán gật đầu. - Mọi thứ đều có cái trái ngược của nó.

Đức Mẹ ơi - Ông Peter lẩm bẩm.

Anh làm sao vậy, Peter?

-Vừa nãy anh nói gì thế nhỉ, Tommy?

Tôi bảo mọi thứ đều có cái trái ngược của nó.

Đức Mẹ ơi.

Anh không sao chứ, Peter? Rượu ngon đấy chứ?

Ngon, Tommy ạ, còn tôi là nhà vô địch uống rượu đúng không?

Đúng, Peter. Không thể phủ nhận được điều đó.

Thế có nghĩa là tôi có thể là nhà vô địch của cái trái ngược.

Anh đang nói gì vậy?

Tôi có thể trở thành nhà vô địch không uống rượu.

Ô, Peter, tôi không nghĩ anh lại quá chén. Vợ anh ở nhà không sao đấy chứ?

Tommy, cầm vại bia cất đi cho tôi. Tôi vô địch không uống bia rượu.

Ông Peter quay sang, với vại bia của Mikey đặt ra chỗ khác.

Chúng ta về với mẹ con thôi, Mickey.

Bố không gọi con là Cyclops.

Con là Mickey. Con là Michael. Chúng ta sẽ đi Anh. Bố không uống rượu nữa, con cũng không uống, mẹ không nướng bánh nữa, đi nào.

Chúng tôi rời quán và người chủ quán gọi với theo chúng tôi:

- Anh biết vì sao mà, Peter. Vì những cuốn sách chết tiệt anh đã đọc đấy. Chúng đã làm hỏng cái đầu của anh rồi.

Ông Peter và Mickey về nhà họ. Tôi phải đến nhà thờ thánh Joseph thắp nến để tôi khỏi bị đày xuống địa ngục nhưng khi tôi đi ngang qua cửa hàng Counihan nhìn vào tôi lại thấy những

thỏi kẹo cứng Cleeves với tấm giấy đề "Một Xu Hai Chiếc". Tôi biết tôi bị đầy đọa nhưng tôi đang thèm kẹo đến ứa nước miếng và khi tôi đưa đồng xu cho bà Counihan tôi thầm hứa với Đức Mẹ Đồng Trinh rằng ngay khi có một xu nữa tôi sẽ đi thắp nến và sẽ xin Đức Mẹ nói với con trai của Người để xóa bỏ tội cho tôi.

Một xu kẹo Cleeves không kéo dài mãi mãi được và khi ăn hết kẹo tôi phải nghĩ đến việc về nhà với người mẹ đã để cho bố tôi đưa cái vật thú vị ấy của bố vào mình để rồi tôi sinh ra trước nửa thời gian chứ không phải sinh ra sau chín tháng kể từ ngày kết hôn của họ và khiến tôi trở thành một đứa con hoang. Nếu mẹ tôi mà nói một lời về cái váy đỏ hay về bất cứ chuyện gì thì nhất định tôi sẽ nói cho mẹ tôi biết tất cả về cái kích thích kia và thế nào mẹ tôi cũng bị sốc cho mà xem.

Sáng thứ Bảy tôi gặp đội bóng Những Trái Tim Hồng Limerick và chúng tôi đi dọc đường tìm kiếm cơ hội thi đấu. Bọn trong đội vẫn càu nhàu về những trái tim đỏ mà chúng phải đeo trên ngực nhưng khi Billy bảo rằng nếu đứa nào không thích thì đi về chơi búp bê với em gái. Bọn nó không nói gì nữa.

Trên một sân bãi ở Ballinacurra có một lũ con trai đang chơi bóng đá và Billy đến gạ chúng thi đấu. Chúng có tám đứa trong khi chúng tôi chỉ có bảy nhưng chúng tôi không quan tâm bởi vì một đứa trong số chúng bị chột và Billy bảo chúng tôi cứ chạy ở bên phía mắt chột của nó là được. Billy còn nói rằng tôi, Frank McCourt, có hai mắt đều kém, như thế còn tệ hơn. Bọn kia đứa nào cũng mặc áo thể thao màu xanh pha trắng, quần soóc trắng và đi giày đá bóng thứ thiệt. Một đứa trong bọn đó bảo rằng trông chúng tôi như mèo hoang và Malachy phải cố nén mới không xông vào đánh thằng đó. Chúng tôi đồng ý thi đấu nửa tiếng bởi vì bọn kia nói chúng sẽ phải về ăn trưa. ăn trưa. Cả thế giới gọi bữa ăn giữa ngày là "dinner" còn bọn nó thì gọi bữa trưa là "lunch". Nếu hết nửa giờ mà không bên nào ghi bàn thì trận đấu coi như hòa. Chúng tôi chạy lên chạy xuống săn bóng rồi

Billy lấy được bóng và dẫn bóng rất nhanh ra sát biên khiến cho đối thủ của chúng tôi không đứa nào theo kịp, rồi Billy đưa bóng đến gần cầu môn và ghi bàn thắng. Gần hết nửa tiếng nhưng bọn kia lại muốn chơi thêm nửa tiếng nữa và trong nửa tiếng sau bọn chúng ghi được bàn *gỡ* hòa. Rồi bóng lăn ra biên và chúng tôi được ném biên. Billy đứng ném biên. Nó vờ nhìn Malachy nhưng lại ném bóng cho tôi. Tôi nhận được bóng như thể nó là thứ duy nhất tồn tại trên thế giới này. Nó đến thẳng chân tôi như đặt và tất cả những gì tôi phải làm là xoay người sang cánh trái và giơ chân sút bóng thẳng vào gôn. Tôi cảm thấy mình như đang ở trên thiên đường. Tôi chạy như bay quanh sân cho tới khi những Trái Tim Hồng Limerick túm lưng tôi hét lên với tôi rằng đó là một bàn thắng tuyệt vời. Frank, Billy, hai cái tên đó được đồng đội của tôi hô vang cả sân.

Chúng tôi đi bộ về đại lộ O'Connel và trong đầu tôi cứ xoay quanh hình ảnh quả bóng đến chân tôi và tôi chắc mẩm rằng nó được gửi đến bởi Chúa hoặc Đức Mẹ Đồng Trinh những đấng tối cao không bao giờ ban một điều tốt lành như thế cho một người bị đày đọa vì sinh trong nửa thời gian và tôi biết chừng nào tôi còn sống tôi sẽ không thể nào quên rằng đường bóng đó đến từ Billy Campell.

Mẹ tôi gặp cô Bridey Hannon và mẹ cô đang đi ra ngõ và họ kể với mẹ chuyện ông Hannon bị đau chân. Tội nghiệp ông John Hannon, tối nào ông ấy cũng phải đạp xe về nhà sau cả ngày đi giao than. Giờ làm của ông được tính từ tám giờ sáng tới năm rưỡi chiều nhưng ông phải chuẩn bị thắng ngựa trước tám giờ và phải đưa ngựa về chuồng sau khi đi giao than xong. Ông phải ngồi trên xe ngựa chạy khắp thành phố và phải nhấc lên nhấc xuống những bao than nặng, lại còn phải giữ cho những chỗ băng ở chân không tuột ra để bụi khỏi bám vào những vết thương đang há miệng. Những vết thương ở chân ông ấy lúc nào cũng bị băng nhưng băng cũng luôn bị rách và lúc ông ấy về

nhà vợ ông phải lấy nước ấm và xà phòng rửa chúng rồi bôi thuốc mỡ và băng chúng lại bằng băng sạch. Họ không có tiền để ngày nào cũng mua băng mới nên bà ấy phải giặt những tấm băng cũ để dùng đi dùng lại cho đến khi chúng xỉn màu mới bỏ đi.

Mẹ tôi bảo ông Hannon nên đi khám bác sĩ và bà Hannon nói:

- Đúng thế, ông ấy đã đi khám cả chục lần rồi và bác sĩ nói ông ấy phải để đôi chân nghỉ ngơi. Thế thôi. Nghỉ ngơi. Làm sao ông ấy có thể để đôi chân ông ấy nghỉ ngơi được cơ chứ? Ông ấy phải làm việc. Nếu ông ấy không làm việc thì chúng tôi biết lấy gì mà sống đây?

Mẹ tôi nói có lẽ cô Bridey có thể kiếm một việc làm và cô Bridey lập tức phản đối:

Chị không biết là ngực tôi có vấn đề sao, Angela? Chị không biết tôi đã từng bị sốt thấp khớp sao? Tôi phải cẩn thận với sức khỏe của mình chứ.

Mẹ tôi thường nói về cô Bridey, về bệnh sốt thấp khớp và cái ngực yếu của cô ấy. Mẹ tôi nói:

Con người đó có thể ngồi đây cả giờ phàn nàn về bệnh tật của mình nhưng có chịu bỏ thuốc đâu.

Mẹ tôi bảo với cô Bridey rằng mẹ tôi rất ái ngại cho bệnh tật của cô ấy cũng như cho đôi chân đau của bố cô ấy. Bà Hannon kể với mẹ tôi rằng càng ngày chân của chồng bà ấy càng tệ, và bà đề nghị:

Chị McCourt này, chị có thể để Frank nhà chị đi giúp ông ấy vài giờ một tuần được không? Chúng tôi không thể thuê hẳn một người nhưng nếu Frank giúp ông ấy thì Frank có thể kiếm được một hoặc hai xu một tuần còn ông ấy thì có thể để đôi chân đau được nghỉ ngơi nhiều hơn.

Mẹ tôi trả lời:

Tôi chẳng biết có được không, thằng bé mới mười một, nó lại mới bị thương hàn, vả lại bụi than sẽ hại cho mắt nó.

Cô Bridey nói:

Làm cho bố tôi nó sẽ được ở ngoài trời nhiều hơn và không có gì tốt cho đôi mắt hơn là không khí thoáng đãng, đúng không hả, Frankie?

Đúng, thưa cô Bridey.

Tôi thèm được đi quanh thành phố trên xe chở than với ông Hannon như một người lao động thực thụ. Nếu tôi làm việc tốt thì có lẽ tôi sẽ không phải đến trường nữa nhưng mẹ tôi lại nói:

Thằng bé có thể đi làm với ông ấy miễn là công việc đó không ảnh hưởng đến việc học hành của nó và nếu thế nó có thể bắt đầu đi làm vào sáng thứ Bảy.

Giờ tôi đã là một người đàn ông cho nên sáng thứ Bảy tôi dậy sớm nhóm bếp và tự pha trà và rán bánh cho mình. Tôi đứng đợi ông Hannon ở gần nhà ông ấy và ngửi thấy mùi giăm bông và mùi trứng tỏa ra qua cửa sổ. Mẹ tôi nói ông Hannon được ăn thức ăn ngon bởi vì bà Hannon rất yêu chồng. Họ giống như hai người yêu nhau trong một bộ phim của Mỹ. Đây rồi, ông Hannon đã dắt xe ra. Ông ấy bảo tôi ngồi lên khung xe và tôi bắt đầu lên đường đi làm như một người đàn ông. Đầu ông Hannon ở ngay trên đầu tôi và mùi thuốc lá của ông ấy thật là thơm. Nhưng, có mùi than từ quần áo ông Hannon và cái mùi đó làm tôi hắt hơi.

Có nhiều người đàn ông đạp xe hoặc đi bộ về phía bãi than, nhà máy bột Rank và xí nghiệp tàu thủy Limerick ở đường Dock. Ông Hannon bỏ tẩu thuốc ra khỏi miệng để nói với tôi rằng đây là buổi sáng tuyệt nhất, sáng thứ Bảy, chúng tôi chỉ phải làm việc nửa ngày. Chúng tôi sẽ bắt đầu từ tám giờ cho đến mười hai giờ.

Trước tiên chúng tôi chuẩn bị ngựa, chúng tôi chải lông cho nó, đổ đầy yến mạch trộn với nước vào máng cho nó ăn. Ông

Hannon bảo tôi cách thắng dây cương và cách đưa ngựa vào càng xe. Ông ấy nói:

Ôi, Frankie, cậu có năng khiếu trong việc này đấy.

Ông Hannon khen như vậy khiến tôi phấn khởi đến nỗi lúc đó tôi chỉ muốn ngồi trên chiếc xe ngựa dập dềnh ấy cả đời.

Có hai người đàn ông đóng than vào các bao và đưa những bao than lên cân, mỗi bao một tạ. Đưa than lên xe là việc của họ còn ông Hannon thì đi đến văn phòng để lấy giấy giao than. Những người xếp than làm việc rất khẩn trương và chúng tôi nhanh chóng có được chuyến than đầu tiên trong ngày. Ông Hannon ngồi lên phía bên trái và đập nhẹ cái roi ra hiệu cho tôi ngồi lên phía bên phải. Trèo lên cái xe ngựa cao chất đầy những bao than quả là không dễ và tôi chọn cách trèo lèn qua bánh xe. Ông Hannon bảo tôi không bao giờ được làm như thế nữa. Ông ấy bảo tôi không bao giờ được để tay hay chân gần bánh xe khi ngựa đã được lồng vào xe. Một con ngựa đột nhiên có thể muốn tự ý đi dạo và thế là tay hoặc chân bạn sẽ bị quấn trong bánh xe và cả người bạn cũng bị quấn theo. Ông Hannon nói với con ngựa:

Đi nào, đi.

Con ngựa lắc lắc cái đầu khiến ông Hannon cười phá lên:

Con ngựa này thích làm việc lắm, chỉ lát nữa là nó không lắc đầu nữa đâu.

Mưa bắt đầu rơi và chúng tôi phải lấy bao đựng than cũ để che mưa. Ông Hannon bảo mưa sẽ làm cho xe nặng thêm nhưng kêu ca thì ích gì đâu. Nếu bạn kêu ca thì bạn cũng có thể kêu ca về mặt trời ở châu Phi.

Chúng tôi đánh xe qua cầu Sarsfield để đến giao than ở khu Bắc Circula. Ông Hannon nói rằng đó là khu của những người giàu và những người giàu chẳng bao giờ nhanh trong việc đưa tay vào túi mình lấy vài xu lẻ bồi dưỡng cho người đưa than.

Chúng tôi có mười sáu bao than phải giao. Ông Hannon nói chúng tôi gặp may vì có một sô nhà lấy trên một bao vì thế ông ấy đỡ phải trèo lên trèo xuống hơn. Khi xe dừng trước một nhà lấy than ông Hannon xuống xe còn tôi thì đẩy bao than ra thành xe để ông ấy ghé vai vào vác. Vài nhà có chỗ để than ở ngay bên ngoài và chúng tôi chỉ việc kéo chiếc cửa sập lên và mở bao cho than chảy vào là xong. Có những nhà có sân sau dài và bạn có thể thấy ông Hannon với đôi chân đau phải vất vả thế nào mới mang được những bao than từ trên xe tới chỗ để than của khách hàng. Ông ấy chỉ khẽ rên và cùng lắm thì bảo tôi đưa tay ra kéo ông lên xe. Ông nói nếu ông có một cái xe ba gác thì ông ấy có thể kéo than từ xe vào chỗ để than của người ta và đó sẽ là một điều may mắn đối với ông nhưng một cái xe kéo như thế bét nhất cũng trị giá bằng lương của hai tuần làm việc và ai dám bỏ tiền ra mua chứ?

Các bao than đã được giao hết, trời lại nắng, xe nhẹ tênh, và con ngựa biết ngày làm việc của nó đã kết thúc. Được ngồi trên xe nhìn con ngựa từ đuôi cho đến đầu rung đều đều trên đường Ennis đến sông Shannon rồi lên đường Dock quả là thích. Ông Hannon nói một người đã giao xong mười sáu bao than mỗi bao nặng một tạ đáng được thưởng một cốc rượu còn cậu bé giúp việc thì đáng được uống nước chanh. Ông ấy bảo tôi nên đi học không nên giống ông ấy làm việc với hai cái chân đau. Ông ấy nói:

- Frankie ạ, phải học, phải học để thoát khỏi Limerick và thoát khỏi đất nước Ai len này. Cuộc chiến tranh này rồi sẽ kết thúc và cháu có thể đi Mỹ hoặc đi Úc hoặc đến bất cứ đất nước rộng lớn nào. Thế giới rộng lớn và cháu có thể đi khám phá nó. Nếu chân tôi không bị đau thì tôi đã đi Anh kiếm tiền như bao người đàn ông Ailen khác từ lâu rồi, như bố cháu ấy. A, mà không, không như bố cháu. Tôi không hiểu tại sao một người đàn ông còn cái đầu lại có thể đi như thế bỏ vợ và các con đói rét

giữa Limerick lạnh giá này. Học, phải học, Frankie ạ. Phải đọc sách, đọc sách, đọc sách. Hãy đi khỏi Limerick trước khi chân cháu thối rữa và đầu óc cháu suy sụp hoàn toàn.

Chúng tôi đến bãi than cho ngựa ăn, uống nước và chải lông cho nó. Ông Hannon nói chuyện với con ngựa suốt và gọi nó là "Segosha của tao", và con ngựa cọ mõm nó vào ngực ông. Tôi muốn mang con ngựa về nhà và để nó ở nhà dưới còn chúng tôi ở trên gác nhưng cho dù tôi có dắt được nó vào cửa đi nữa thì mẹ tôi cũng sẽ mắng rằng nhà chúng tôi không cần gì nữa thì mới cần đến một con ngựa.

Từ Dock lên các phố khác đều là dốc cao nên ông Hannon không thể để tôi ngồi trên xe đạp mà đạp được, vì thế chúng tôi đi bộ. Chân ông đau nên phải mất khá lâu chúng tôi mới lên được đến phố Henry. Thỉnh thoảng ông Hannon đứng dựa vào chiếc xe hoặc ngồi xuống các bậc tam cấp của những nhà bên đường để nghỉ chân.

Tôi đang nghĩ không biết khi nào thì tôi nhận được tiền công từ ông Hannon bởi có lẽ khi tôi nhận được tiền mẹ tôi sẽ cho phép tôi đi xem phim ở rạp Lyric. Bây giờ chúng tôi đang đứng bên ngoài quán South và ông Hannon bảo tôi vào quán với ông ấy, chẳng phải ông đã hứa mua nước chanh cho tôi là gì?

Bác Pa đang ngồi trong quán. Bác ấy vẫn đen nhẻm như mọi khi và bên cạnh bác ấy là Bill Galvin, vẫn trắng như mọi khi, đang vừa khịt mũi vừa nốc những ngụm rượu từ ly rượu to của ông. Ông Hannon nói to:

- Các anh khỏe cả chứ?

Ông ngồi xuống cạnh Bill và mọi người trong quán cùng cười.

Chủ quán rượu nói:

Lạy Chúa, nhìn xem này, hai cục than, và một cục tuyết. Những người đàn ông khác ngồi trong quán đều quay ra nhìn hai người đàn ông đen như than ngồi hai bên và một người đàn ông trắng

như vôi ngồi ở giữa và họ muốn gọi ngay một phóng viên ảnh của tờ *Limerick Leader* tới chụp một kiểu ảnh đăng báo.

Bác Pa nói:

Cháu làm quái gì mà cũng đen thui thế hả, Frankie? Cháu ngã xuống mỏ than à?

Cháu giúp ông Hannon đi giao than.

Trông cháu tệ quá, Frankie ạ.

Bụi than đấy mà, có gì đâu bác Pa.

Về nhà nhớ kỳ cho sạch vào đấy.

Vâng.

Ông Hannon mua cho tôi một chai nước chanh, đưa cho tôi một shilling tiền công và bảo tôi đi về, và bảo rằng tôi là một công nhân cừ nên tuần sau hết giờ học lại đến giúp ông ấy.

Trên đường về nhà tôi nhìn mình qua cửa kính của một cửa hàng và thấy toàn thân tôi đen như than, và tôi cảm thấy mình là một người đàn ông, một người đàn ông với một shilling trong túi áo, một người đàn ông uống một chai nước chanh trong quán rượu với hai người đàn ông đen như than và một người đàn ông trắng như vôi. Tôi không còn là trẻ con nữa và tôi có thể dễ dàng rời khỏi cái trường Leamy ấy mãi mãi. Tôi có thể làm việc với ông Hannon cả ngày và khi chân ông ấy quá tệ không thể làm việc được nữa tôi sẽ thay thế ông ấy làm người giao than cho những người giàu cả đời và mẹ tôi sẽ không phải đi xin ăn ở nhà thờ Công giáo nữa.

Những người tôi gặp trên phố và trong ngõ đều nhìn tôi bằng con mắt tò mò. Những đứa con trai con gái cười và gọi to: "Này, thợ dọn ống khói. Bao nhiêu tiền một lần dọn ống khói thế? Mày ngã xuống hố than hay sao thế? Mày bị nhuộm đen đấy à?".

Bọn đó là lũ ngu. Chúng đâu có biết tôi đã đi giao hàng tạ than cơ chứ. Chúng đâu biết tôi là một người đàn ông thực thụ.

Mẹ tôi đang cho Alphie ngủ ở trên gác và có một chiếc áo khoác được vắt trên cửa sổ để che ánh sáng. Tôi nói với mẹ rằng tôi đã kiếm được một shilling và mẹ tôi bảo tôi có thể đi xem phim ở rạp Lyric bởi vì tôi xứng đáng được như vậy. Mẹ tôi bảo tôi cầm đi hai xu còn lại thì cất ở bệ lò sưởi để mẹ mua bánh mì và trà. Chiếc áo bất ngờ rơi từ cửa sổ xuống và căn phòng trở nên sáng. Mẹ tôi nhìn tôi và rên lên:

Lạy Chúa, nhìn mắt con kìa. Đi xuống nhà mẹ rửa cho, mau.

Mẹ tôi đun nước nóng và rửa mắt cho tôi rồi và bảo tôi không được đi xem phim cho tới khi nào mắt tôi sạch và chỉ có Chúa mới biết bao giờ mắt tôi mới sạch được. Mẹ tôi nói:

Mắt con như thế này con không thể đi giao than được. Bụi than sẽ làm hỏng mắt con mất.

Tôi muốn có công việc đó. Tôi muốn mang tiền về nhà. Tôi muốn là một người đàn ông.

Bạn không thể là một người đàn ông khi mà bạn không mang được một shilling về nhà. Nhưng mẹ tôi quát:

Lên gác ngay, và nằm ở trên ấy cho mắt nghỉ ngơi nếu không con sẽ trở thành một người đàn ông mù đấy.

Tôi muốn công việc đó. Tôi sẽ chịu khó rửa mắt ba lần một ngày. Tôi nhớ tới Seamus và lời khuyên tập chớp mắt của ông ấy và tôi quyết định sẽ dành ra mỗi ngày một tiếng để tập chớp mắt. Tôi chớp và chớp cho đến khi Malachy chạy ra ngõ tìm mẹ tôi trong khi mẹ tôi đang nói chuyện với bà Hannon về chuyện đi làm của tôi. Nó nói:

Mẹ ơi, anh Frankie làm sao ấy, anh ấy ở trên gác chớp mắt lia lịa.

Mẹ tôi vội chạy về:

Con sao thế?

Con tập để mắt khỏe hơn.

Tập kiểu gì vậy?

Tập chớp mắt ạ.

Chớp mắt đâu phải là tập hả?

Ông Seamus ở bệnh viện bảo cứ tập chớp mắt là có mắt khỏe mà. Chú ông ấy nhờ chớp mắt mà chữa được đôi mắt kém đấy.

Mẹ tôi bảo tôi kỳ cục và lại đi ra nói chuyện tiếp với bà Hannon còn tôi thì tiếp tục ngồi chớp mắt và rửa mắt. Tôi nghe rõ tiếng bà Hannon nói:

Thằng Frank nhà chị là món quà Chúa gửi cho ông John nhà tôi đấy.

Mẹ tôi không nói gì và thế có nghĩa là mẹ tôi cảm thấy thương bà Hannon và sẽ để tôi tiếp tục giúp ông Hannon đi giao than vào ngày thứ Năm bận rộn của ông ấy. Tôi rửa mắt ba lần mỗi ngày cho đến khi lông mi tôi đau mới thôi, ở trường khi thầy giáo không nhìn xuống tôi tranh thủ chớp mắt và tất cả bọn con trai trong lớp tôi gọi tôi là Chớp Mắt.

Chúng gọi tôi là gì tôi cũng chẳng quan tâm miễn là mắt tôi nhìn tốt và tôi có được công việc giao than trên một chiếc xe kéo. Tôi muốn bọn trêu chọc tôi nhìn thấy tôi trên xe than và muốn để chúng nhìn thấy tận mắt ông Hannon đưa dây cương cho tôi đánh xe để ông ấy hút thuốc được thoải mái. Tôi muốn bọn nó nghe thấy ông ấy nói với tôi; “Cầm cương này, Frankie, nhẹ nhàng thôi, không cần phải giật mạnh đâu”.

Ông ấy cũng đưa cho tôi cả roi nữa nhưng với con ngựa đó bạn chẳng bao giờ cần dùng đến roi. Tôi chỉ cầm cho oai thế thôi và thỉnh thoảng tôi vung roi lên không khí giống như ông Hannon hoặc dùng roi xua những con ruồi đậu trên mông con ngựa.

Chắc chắn những lúc như thế cả thế giới đều nhìn tôi và tôi rất khoái cảm giác được lắc theo chiếc xe, cảm giác được cầm roi và dây cương trong tay. Tôi ước gì tôi có một cái tẩu thuốc như cái tẩu của ông Hannon và một cái mũ lưỡi chai bằng vải tuýt như của ông ấy. Tôi ước trở thành một người làm than thực thụ với màu da đen như da ông Hannon và bác Pa Keating để người

ta có thể nói: “Đó Frank McCourt đã giao tất cả than của Limerick này và uống rượu ở quán South”. Tôi sẽ không bao giờ rửa mặt. Ngày nào tôi cũng sẽ đen như than thậm chí cả vào ngày Giáng sinh khi người ta phải tắm rửa sạch sẽ để mừng Chúa ra đời cũng vậy.

Con ngựa cong đuôi lên và tuôn ra một bãi phân. Tôi giật nhẹ dây cương để nó có thể dừng lại nghỉ một chút nhưng ông Hannon nói:

- Không, Frankie, cứ để nó chạy. Giống ngựa là luôn bậy trong lúc đang phi mà. Đó là một trong những may mắn mà chúng được hưởng, chúng bậy trong lúc đang phi, và chúng không phải ngửi và không bị bẩn như con người, Frankie ạ. Không gì trên đời tệ bằng việc phải đi vào nhà vệ sinh sau một người đã ăn chân giò lợn và nốc rượu cả đêm. Mùi thối ở đó có thể làm vẹo lỗ mũi của một người khỏe mạnh. Ngựa thì khác. Chúng chỉ ăn cỏ và yến mạch thôi nên phân của chúng không khó ngửi.

Các ngày thứ Ba và thứ Năm sau khi tan học và sáng thứ Bảy tôi đi làm với ông Hannon và thế có nghĩa là tôi mang về được ba shilling cho mẹ tôi mặc dù mẹ tôi luôn lo lắng cho mắt của tôi. Hễ tôi đi làm về một cái là mẹ tôi lôi tôi đi rửa mắt ngay và bắt tôi phải nhắm mắt cho mắt nghỉ nửa giờ.

Ông Hannon bảo sau khi ông ấy đi giao than ở phố Barrington ông ấy sẽ đợi tôi ở gần trường Leamy. Giờ thì bọn học cùng tôi sẽ được mở mắt. Giờ thì chúng sẽ biết tôi là một người lao động thực thụ chứ không phải mắt lấm lét miệng rộng hoác nhảy điệu Jap nữa. Ông Hannon bảo: “Lên đi” và thế là tôi trèo lên xe như bất cứ người lao động nào. Tôi nhìn bọn con trai đang trố mắt nhìn tôi. Trố mắt ra nhìn. Tôi bảo với ông Hannon cứ việc hút thuốc để tôi cầm cương cho và tôi chắc rằng khi ông ấy đưa dây cương cho tôi bọn con trai đang nhìn tôi kia đứa nào đứa nấy há hốc miệng ra vì kinh ngạc. Tôi bảo con ngựa: “Đi nào”. Và tôi nói to để chắc rằng tất cả bọn đứng bên dưới đều

nghe thấy, để chúng biết rằng chính tôi đang điều khiển một cái xe ngựa chứ không phải ai khác, để chúng không bao giờ quên rằng chính chúng đã nhìn thấy tôi ngồi trên một chiếc xe ngựa và chính tôi cầm cả dây cương và roi. Đó là ngày vui nhất trong đời tôi, vui hơn cả ngày lễ Ban thánh thể đầu tiên của tôi và bị bà tôi làm hỏng, vui hơn cả ngày tôi nhận lễ Kiên tín bị thương hàn.

Bọn con trai ở trường không gọi tôi bằng những cái tên chúng vẫn gọi nữa. Chúng không trêu tôi nữa. Chúng muốn biết tôi được trả công thế nào và liệu tôi có định làm việc đó mãi mãi không. Chúng muốn biết liệu ở bãi than còn việc gì tốt không và nếu có thì chúng nhờ tôi mách cho chúng biết.

Rồi có những thằng con trai mười ba tuổi to lớn ghé sát mặt vào tôi và nghiến răng nói rằng đáng lẽ công việc tôi đang có phải là của chúng bởi vì chúng lớn hơn tôi còn tôi thì gầy nhẳng chẳng có ngực có vai gì hết. Chúng muốn nói bao nhiêu thì tùy. Tôi có công việc đó và ông Hannon thì luôn khen tôi được việc.

Có những hôm chân ông Hannon đau đến nỗi ông ấy gần như không đi được và những hôm đó bà Hannon rất lo. Bà ấy đưa cho tôi tách trà và tôi nhìn bà ấy vén ống quần ông ấy lên gỡ những mảnh gạc ra. Những vết thương ở chân ông ấy đỏ loét, màng mủ và dính bụi than. Bà ấy rửa những vết thương đó bằng xà phòng pha trong nước ấm và bôi thuốc mỡ lên. Bà ấy để chân ông ấy lên một cái ghế và ông ấy cứ ngồi như thế cả đêm đọc báo và đọc sách.

Chân ông ấy tệ đến nỗi buổi sáng ông ấy phải thức dậy sớm hơn một tiếng để cho chân khỏi cứng. Một sáng thứ Bảy trời vẫn còn tối ông Hannon đã gõ cửa nhà tôi và nhờ tôi sang hàng xóm mượn hộ ông ấy cái xe kéo để đi giao than bởi vì chân ông ấy tệ quá nên ông ấy không thể vác than được. Ông ấy cũng không thể chở tôi bằng xe đạp được vì vậy tôi phải kéo xe kéo đến bãi than gặp ông ấy ở đó.

Người hàng xóm nói:

Ông Hannon thì tôi sẵn sàng cho mượn, xin Chúa che chở cho ông ấy.

Tôi đợi ở cổng bãi than và nhìn ông ấy đạp xe về phía tôi, chậm hơn mọi ngày rất nhiều. Chân ông ấy khó cử động đến nỗi ông ấy gần như không thể tự xuống xe được. Ông ấy khen tôi:

Frankie, cháu là một người đàn ông cừ đấy. Ông ấy để tôi thắng ngựa. Ông ấy để tôi đánh xe ra khỏi bãi than, để tôi đánh xe qua các phố mù sương và tôi ước gì tôi có thể đánh xe đi mãi mãi không bao giờ về nhà nữa. Ông Hannon chỉ cho tôi cách kéo các bao than ra thành xe và thả chúng xuống đất để lôi chúng lên xe kéo và kéo vào nhà người lấy than. Ông ấy bảo tôi cách nâng và đẩy các bao than mà không cần phải cố quá sức và với những chỉ dẫn của ông ấy đến trưa chúng tôi cũng đã giao xong mười sáu bao than.

Tôi ước gì bọn con trai học cùng có thể nhìn thấy tôi, ước gì chúng có thể thấy tôi đánh xe và chuyển các bao than, ước gì chúng có thể thấy tôi làm mọi việc để chân ông Hannon nghỉ ngơi. Tôi ước gì chúng có thể thấy tôi đẩy chiếc xe tới quán South và uống nước chanh, ước gì chúng thấy tôi đen như than, ông Hannon đen như than, chú Pa đen như than, ngồi với Bill Galvil trắng như vôi.

Tôi muốn khoe với cả thế giới chỗ tiền khách hàng thưởng cho chúng tôi mà ông Hannon để tôi giữ, bốn shilling, và một shilling ông Hannon trả cho buổi làm việc của tôi, tất cả năm shiỉiing.

Mẹ tôi đang ngồi bên bếp và khi tôi đưa tiền cho bà, bà nhìn tôi, buông rơi đồng tiền và bật khóc. Tôi không hiểu tại sao mẹ tôi lại như vậy bởi tôi cứ nghĩ tiền phải làm người ta vui chứ sao lại làm người ta khóc. Mẹ tôi nói:

- Nhìn mắt con đi. Đến soi gương và nhìn mắt con đi.

Mặt tôi đen như than còn mắt tôi thì trông tệ hơn bao giờ hết. Mắt tôi rất đỏ và còn có rỉ nữa.

Mẹ tôi bảo tôi không được đi làm nữa. Không theo ông Hannon nữa. Tôi cố giải thích rằng ông Hannon đang rất cần tôi. Ông ấy gần như không đi được nữa. Sáng nay tôi đã phải tự làm mọi việc thay ông ấy, từ thắng ngựa đến chuyển than vào các nhà.

Mẹ tôi bảo mẹ tôi rất ái ngại cho những khó khăn của ông ấy nhưng chúng tôi cũng có những khó khăn của mình và điều mà mẹ tôi muốn tránh nhất bây giờ là có một đứa con bị mù phải mò mẫm trên đường phố Limerick. Mẹ tôi bảo tôi bị thương hàn đã suýt chết rồi bây giờ chẳng lẽ tôi lại muốn bị mù.

Và tôi không thể không khóc bởi vì đây là cơ hội của chính tôi, cơ hội trở thành người đàn ông mang về nhà những đồng tiền mà chúng tôi không nhận được từ bố tôi. Tôi không thể không khóc bởi tôi tự hỏi sáng thứ Hai ông Hannon sẽ xoay xở thế nào khi chẳng có ai giúp ông ấy đẩy các bao than ra thành xe và chuyển vào các nhà. Tôi không thể không khóc bởi vì tôi nhớ cái cách ông ấy gọi con ngựa thật hiền hòa và con ngựa của ông ấy cũng thật hiền hòa và con ngựa ấy sẽ thê nào nếu ông Hannon không đến dắt nó ra, nếu tôi không đến dắt nó ra? Con ngựa đó liệu có chết đói vì đợi yến mạch, cỏ khô, và táo chúng tôi vẫn mang đến cho nó không?

Mẹ tôi bảo tôi không nên khóc, như thế không tốt cho mắt của tôi. Mẹ tôi nói:

- Rồi con sẽ thấy. Mẹ nói không sai đâu. Rồi con sẽ thấy.

Mẹ tôi rửa mắt cho tôi và đưa cho tôi sáu xu để đưa Malachy và Michael đi xem Boris Karloff trong bộ phim *Người đàn ông không thể bị treo cổ* và để mua kẹo Cleeves. Mắt tôi đổ rỉ nên tôi nhìn lên màn ảnh rất khó và Malachy phải thuật lại cho tôi nghe những diễn biến của bộ phim. Những người ngồi quanh chúng tôi bảo Malachy câm miệng để họ nghe những gì Boris Karloff

nói, và khi Malachy cãi lại rằng nó chỉ đang giúp người anh trai mù của nó thì họ gọi người dẹp trật tự, ông Frank Goggin đến, và ông ta bảo chúng tôi rằng nếu ông ấy còn nghe thấy chúng tôi nói một lời nào nữa là ông ấy sẽ ném chúng tôi ra khỏi rạp.

Tôi cóc quan tâm. Tôi quệt thuốc mắt và rỉ mắt ở một bên mắt đi để có thể nhìn màn ảnh rõ hơn trong khi mắt kia của tôi rỉ lại ra đầy và tôi cứ rụi, quệt, nhìn màn ảnh, rồi lại rụi và quệt, và tất cả những gì tôi nhìn thấy chỉ là một màu vàng lờ mờ.

Sáng thứ Hai bà Hannon gõ cửa nhà chúng tôi. Bà ấy xin phép mẹ tôi cho tôi đến bãi than báo với người trực ở đó rằng ông Hannon không thể đi giao than được, rằng ông ấy phải đi khám bệnh, rằng ngày mai nhất định ông ấy sẽ đi làm và số than hôm nay ông ấy không giao được sẽ được giao bù vào ngày mai. Bây giờ bà Hannon luôn gọi tôi là Frank. Bất cứ ai đi giao được hàng tạ than cũng không thể bị gọi theo kiểu trẻ con là Frankie được.

Người trực bãi than nói:

Hừm, chúng tôi đã rất kiên nhẫn với cái ông Hannon đó rồi. Cậu, tên cậu là gì?

McCourt, thưa ông.

Bảo với ông Hannon là chúng tôi cần giấy xác nhận của bác sĩ. Cậu hiểu chứ?

Vâng, thưa ông.

Bác sỹ nói ông Hannon phải vào viện ngay nếu không bệnh của ông ấy sẽ biến chứng thành bệnh hoại thư và nếu thế bác sĩ sẽ không chịu trách nhiệm. Xe cứu thương chở ông Hannon đi và thế là việc làm tốt của tôi cũng ra đi luôn. Giờ tôi sẽ trắng như bất cứ ai ở trường, không xe ngựa, không ngựa, không shilling để mang về nhà cho mẹ tôi nữa.

Vài ngày sau cô Bridey sang nhà chúng tôi. Cô ấy nói mẹ cô ấy muốn gặp tôi, muốn tôi đến uống trà với bà ấy. Bà Hannon ngồi bên bếp để tay lên chiếc ghế ông Hannon vẫn ngồi.

Ngồi xuống đi, Frank, - bà ấy nói.

Khi tôi ngồi xuống một chiếc ghế nhỏ trong bếp bà nói:

Không, cháu ngồi đây. Ngồi vào ghế của ông ấy. Cháu có biết ông nhà tôi bao nhiêu tuổi không?

Ô, chắc là nhiều tuổi lắm. Ông ấy phải đến ba mươi lăm tuổi.

Bà Hannon mỉm cười. Bà ấy có hàm răng rất đẹp:

Ông ấy bốn mươi chín tuổi, Frank ạ, và một người đàn ông ở cái tuổi đó đáng lẽ không phải chịu đựng một đôi chân tệ như thế.

Vâng, thưa bà Hannon.

Cháu có biết có cháu đi làm cùng trên chiếc xe ngựa ấy là một niềm vui đối với ông ấy nhà tôi không?

Không ạ.

Đúng như vậy đấy, Frank ạ. Chúng tôi chỉ có hai đứa con gái, Bridey mà cháu biết, và Kathleen, y tá ở Dublin. Chúng tôi không có con trai và ông ấy nói cháu khiến ông ấy cảm thấy cháu như con trai ông ấy vậy.

Tôi thấy mắt mình cay cay và tôi không muốn để bà ấy nhìn thấy tôi khóc đặc biệt là khi tôi không biết vì sao tôi lại khóc. Vì việc làm của tôi ư? Vì ông Hannon ư?

Tôi nghĩ tôi khóc là vì cái cách bà Hannon nói về ông ấy nghe buồn quá và bà ấy như vậy là vì ông Hannon.

Bà ấy nói:

Giống như một đứa con trai vậy, và tôi mừng vì ông ấy có cái cảm giác đó. Cháu biết rồi đấy, ông ấy không thể làm việc được nữa. Từ giờ trở đi ông ấy sẽ phải ở nhà. Cũng có cách chữa trị và nếu may mắn ông ấy có thể kiếm công việc nhẹ nhàng như làm bảo vệ.

Cháu sẽ không có việc nữa, bà Hannon ạ.

Cháu có việc chứ, Frank. Học. Đó là việc của cháu đấy.

Đó đâu phải là một công việc, bà Hannon.

Cháu sẽ không bao giờ có được một việc nào khác giống như việc đó đâu. Ông ấy nhà tôi rất đau lòng khi nhìn cháu mang những bao than xuống xe và cả mẹ cháu cũng vậy. Làm việc đó mãi thì cháu sẽ hỏng mắt mất. Thề có Chúa tôi rất lấy làm tiếc vì đã lòi cháu vào chuyện này.

Cháu có thể đến bệnh viện thăm ông Hannon được không ạ?

Có lẽ họ không cho cháu vào đâu nhưng khi nào ông ấy về thì cháu sang đây thăm óng ấy bất cứ lúc nào cháu muốn. Giờ ông chẳng thể làm gì ngoài việc đọc sách và nhìn ra cửa sổ.

Khi tôi về nhà mẹ tôi bảo:

Con không nên khóc.

Nhưng rồi mẹ tôi lại bảo:

Nước mắt có muối và nước mắt sẽ làm bụi bẩn trong mắt con trôi ra.

12

Bố tôi gửi thư về. Hai ngày trước Giáng sinh bố tôi sẽ về nhà. Bố tôi nói trong thư rằng mọi chuyện sẽ khác, rằng bố đã thay đổi, rằng bố hy vọng chúng tôi ngoan, nghe lời mẹ, và là những con chiên ngoan đạo, rằng bố tôi sẽ có quà Giáng sinh cho chúng tôi.

Mẹ tôi và tôi ra ga đón bố tôi. Nhà ga luôn náo nhiệt với những người đi và đến, người ta thò đầu ra cửa sổ các toa tàu, khóc, cười, vẫy chào nhau, tàu hỏa thì vừa kéo còi, vừa phát ra những tiếng xình xịch vừa nhả khói lên trời, người ta hỉ mũi ra sân ga, còn đường ray thì kéo ra xa tít, đến Dublin và đến những nơi xa xôi hơn trên thế giới.

Đã gần nửa đêm, nhà ga đã vắng tanh và lạnh lẽo. Một người đàn ông đội mũ của nhân viên nhà ga mời chúng tôi vào đợi ở một nơi ấm hơn. Mẹ tôi nói cám ơn và ông ấy dẫn chúng tôi đến cuối sân ga nơi chúng tôi phải trèo lên một cái thang để tới tháp báo hiệu. Mẹ tôi béo nên trèo lên thang không dễ, vừa trèo mẹ tôi vừa lẩm bẩm:

- Ôi, lạy Chúa, lạy Chúa.

Chúng tôi đang ở trên cao và trong tháp khá tối chỉ có những chấm đèn màu nhỏ tí nhấp nháy trong bảng báo hiệu. Người đàn ông nói:

- Tôi có thức ăn đây, mời hai mẹ con cô dùng.

Mẹ tôi vội nói:

o, không, cám ơn ông, chúng tôi không thể ăn bữa tối của ông được.

Người đàn ông nói:

Vợ tôi luôn làm quá nhiều thức ăn cho tôi và nếu tôi ở trên tháp này một tuần thì tôi sẽ không tài nào mà ăn hết được. Công việc nhìn đèn và kéo thanh chắn lên cũng chẳng có gì vất vả lắm.

Ông mở nút của một cái bình dẹt và rót cacao từ trong đó ra một cái cốc:

Uống đi cậu bé.

Ông ấy đưa cho mẹ tôi một nửa chiếc bánh sandxvich. Mẹ tôi từ chối:

o, không, không được, ông để dành cho bọn trẻ ở nhà đi.

Tôi có hai con trai, và cả hai đều đã đi chiến đấu cho vua Anh cả rồi. Một đứa làm nhiệm vụ ở châu Phi còn một đứa thì ở Burma hay một nơi đẫm máu nào đó. Chúng ta đã độc lập khỏi người Anh rồi thế mà lại đi chiến đấu vì họ. Đây, mời cô ăn một miếng bánh.

Bảng theo dõi phát ra những tiếng lách cách và người đàn ông ấy nói:

Chuyến tàu mẹ con cò đợi đang đến đấy.

Cám ơn ông rất nhiều và chúc ông một Giáng sinh vui vẻ.

Chúc Giáng sinh vui vẻ, và Chúc mừng Năm mới. Cô xuống thang cẩn thận nhé. Cậu bé giúp mẹ cháu xuống nhé.

Cám ơn ông.

Chúng tôi lại đứng đợi trên sân ga trong khi tàu vào ga. Các cửa toa tàu đã mở cả và đã có mấy người đàn ông xách va ly bước xuống sân ga rồi vội vã bước về phía cổng ga. Có tiếng hàng hóa được thả xuống nền ga. Một người đàn ông và hai đứa bé trai đang dỡ những kiện báo và tạp chí xuống.

Không thấy bóng dáng bố tôi đâu cả. Mẹ tôi nói có thể bố tôi ngủ quên trên toa nào đó nhưng tôi biết bố tôi hầu như không ngủ thậm chí ngay cả trên giường của ông ấy. Mẹ tôi bảo có lẽ tàu thủy từ Holyhead đã đến muộn nên bố tôi bị nhỡ tàu hỏa.

Bố không về đâu, mẹ ạ. Bố không nghĩ đến chúng ta đâu. Bố uống say ở Anh rồi.

Đừng nói về bố con như vậy.

Tôi không nói với mẹ tôi nữa. Tôi không nói với mẹ tôi rằng tôi ước có một người cha giống như người gác trên tháp báo hiệu kia, người đã chia cho tôi và mẹ tôi bữa tối của ông ấy.

Hôm sau bố tôi bước vào cửa nhà chúng tôi. Mấy cái răng cửa ở hàm trên của bố tôi đã biến mất và bố tôi có một vết tím ở dưới mắt trái. Bố tôi nói biển Ailen có sóng lớn và khi ông ấy đứng trên thành tàu ngó xuống biển răng ông ấy rơi ra. Mẹ tôi nói:

Không phải do nốc rượu say rồi đánh nhau đấy chứ?

Chao ôi, không phải, không phải đâu, Angela.

Michael nói:

Bố bảo bố có gì đó cho chúng con, đúng không bố?

Ồ, có đây.

Bố tôi lôi trong va ly ra một hộp sôcôla và đưa cho mẹ.

Mẹ tôi mở hộp ra và chìa cho chúng tôi xem hộp sôcôla chỉ còn một nửa.

Mẹ tôi đậy nắp hộp lại và để nó lên bệ bếp. Mẹ tôi bảo sau bữa tối Giáng sinh ngày mai chúng tôi mới được ăn.

Mẹ tôi hỏi bố tôi rằng bố có mang tiền về không. Bố tôi bảo ở đó đang khó khăn, ít việc, nghe bố tôi nói thế mẹ tôi bảo:

Anh lừa tôi chứ gì? Đang có chiến tranh và ở Anh chẳng có gì khác ngoài đầy rẫy việc làm. Anh uống hết tiền, đúng không?

Bố uống hết tiền rồi.

Bố uống hết tiền rồi.

Bố uống hết tiền rồi.

Chúng tôi gào to đến nỗi Alphie sợ bắt đầu khóc. Bố tôi bảo:

Ôi, các con, thôi nào. Phải tôn trọng bố các con một tí chứ.

Bố tôi đội mũ lên đầu. Bố tôi phải đi gặp ai đó. Mẹ tôi dặn bố:

Đi gặp ai thì đi nhưng đừng có uống say rồi đêm về nhà hát linh tinh khua bọn trẻ dậy.

Đêm bố tôi về nhà, say bét nhưng bố tôi không hát mà nằm lăn ra đất ngay dưới chân giường mẹ tôi ngủ như chết.

Hôm sau chúng tôi được ăn bữa Giáng sinh nhờ phiếu mua thực phẩm mẹ tôi xin được ở hội thánh Vincent de Paul. Chúng tôi có món đầu cừu, khoai tây tẩm bột, và một chai rượu táo. Bố tôi bảo rằng bố tôi không đói, bố tôi uống trà, và vay mẹ tôi một điếu thuốc. Mẹ tôi bảo:

Ăn chút gì đi. Hôm nay là Giáng sinh mà.

Bố tôi bảo với mẹ tôi rằng bố không đói nhưng nếu không ai muôn ăn mắt cừu thì bố sẽ ăn. Bố tôi nói mắt cừu chứa nhiều dinh dưỡng. Bố tôi nhúng hai cái mắt cừu đã hầm vào trà và tiếp tục hút nốt điếu thuốc dở. ăn mắt cừu và uống trà xong bố tôi đội mũ vào và đi lên gác lấy va ly xuống.

Anh đi đâu? - mẹ tôi hỏi.

London.

Ngay hôm nay ư? Giữa Giáng sinh ư?

Càng dễ đi chứ sao. Những người đi xe hơi sẽ sẵn sàng cho tôi đi nhờ đến Dublin.

Anh không có một xu dính túi thì làm thế nào đi tàu đến Holyhead được?

Thì giống như lúc tôi về thôi. Lúc người ta không để ý thì trốn lên tàu.

Bố tôi hôn từng đứa chúng tôi, bảo chúng tôi phải ngoan, phải nghe lời mẹ, phải nhớ cầu nguyện. Bố tôi bảo với mẹ tôi rằng bố tôi sẽ viết thư về và mẹ tôi nói:

Ô, giống như trước.

Bố tôi xách va ly đứng trước mặt mẹ tôi một lát không nói năng gì. Mẹ tôi quay vào lấy hộp sôcôla ra chia cho tất cả chúng tôi. Mẹ tôi bỏ một chiếc vào miệng để rồi lại lè ngay ra vì nó cứng

quá mẹ tôi không nhai được. Tôi được cái mềm hơn và tôi đổi nó lấy cái kẹo cứng vì như thế tôi sẽ ăn được lâu hơn. Chiếc kẹo béo ngậy và có cả nhân hạt điều. Malachy và Michael kêu ca rằng kẹo của chúng không có nhân và càu nhàu rằng tại sao tôi luôn được kẹo có nhân. Mẹ tôi nói: “Các con muốn nói gì, luôn luôn nghĩa là sao? Giờ chúng ta mới có một hộp sôcôla là một, luôn luôn nghĩa là sao?”.

Malachy nói:

Ở trường anh ấy vớ được nho khô và bọn nó nói anh ấy đã đem cho Paddy Clohessy, vậy tại sao anh ấy không cho chúng con nhân hạt điều chứ?

Mẹ tôi nói:

Vì hôm nay là Giáng sinh và vì anh ấy đau mắt mà hạt điều lại tốt cho mắt.

Michael nói:

Nó sẽ làm cho mắt anh ấy nhìn rõ hơn chứ?

Đúng thế.

-Nó sẽ làm cho một mắt sáng hơn thôi hay cả hai hả mẹ?

Cả hai.

Malachy nói:

Nếu con vớ được cái kẹo có hạt điều con sẽ cho anh ấy ăn để mắt anh ấy không bị mù.

Mẹ tôi nói:

Ừ, mẹ biết con sẽ làm như vậy.

Bố tôi nhìn chúng tôi ăn sôcôla một lát rồi bố mở cửa bước ra ngoài.

Mẹ tôi nói với cô Bridey rằng ngày đã tệ rồi nhưng đêm còn tệ hơn và phàn nàn với cô ấy rằng không biết bao giờ mưa mới tạnh. Mẹ tôi cố quên những ngày tồi tệ bằng cách nằm lì trên giường, vừa bẻ bánh mì đút cho Alphie ăn vừa ấn cốc nước vào

miệng nó để mặc tôi và Malachy nhóm bếp. Chúng tôi phải xuống dưới nhà để rửa mặt trong cái chậu dưới vòi nước và phải cố hong khô áo sơ mi ẩm xì phơi trên vai ghế của mình. Mẹ tôi bắt chúng tôi đến đứng cạnh giường mẹ để mẹ kiểm tra xem chúng tôi đã kỳ hết những ngấn ghét ở cổ hay chưa và nếu cổ chúng tôi còn ghét thì chúng tôi lại phải xuống vòi nước kỳ lại. Khi phát hiện thấy một chỗ thủng trên quần chúng tôi mẹ tôi ngồi dậy tìm mụn vải vá chỗ thủng lại. Mười ba mười bốn tuổi chúng tôi vẫn phải mặc quần soóc còn tất dài của chúng tôi thì luôn có những chỗ thủng cần mạng lại. Nếu mẹ tôi không có len để mạng tất cho chúng tôi và nêu tất của chúng tôi màu đen thì chúng tôi có thể nhuộm đen gót chân mình bằng xi đánh giày. Để người ta biết mình đi tất thủng thì ngượng lắm. Khi chúng tôi cứ đi những đôi tất thủng ấy tuần này qua tuần khác các chỗ thủng mỗi ngày một to đến nỗi chúng tôi phải kéo chỗ tất thủng về phía ngón chân và gấp vợi xuống lòng bàn chân để đi giày vào giấu chỗ thủng đi. Vào những ngày mưa tất của chúng tôi ướt sũng và chúng tôi phải đem tất vào bếp hơ qua đêm với hy vọng sáng ra chúng sẽ khô. Hơ như thế những đôi tất cứng lại và chúng tôi sợ khi chúng tôi xỏ tất vào chân tất của chúng tôi sẽ vỡ vụn ra thành từng mảnh ngay trước mắt chúng tôi. Phải may lắm chúng mới không vỡ ra như thế nhưng chúng tôi còn phải che những chỗ thủng trên giày của mình nữa và tôi tranh giành với em tôi, Malachy, từng mảnh bìa hay mảnh báo chúng tôi có trong nhà. Michael mới sáu tuổi và nó phải đợi chúng tôi tranh nhau xong hết còn gì mới đến lượt nó trừ khi mẹ tôi nằm trên giường quát xuống bắt chúng tôi phải giúp Michael vì nó bé hơn. Mẹ tôi nói:

- Nếu hai đứa không vá giày cho em thì mẹ sẽ xuống cho mỗi đứa một trận bây giờ.

Bạn không thể không cảm thấy tội cho Michael vì làm bạn chơi của Alphie thì nó quá lớn còn làm bạn chơi với chúng tôi

thì nó quá nhỏ và nó không thể tranh giành với ai trong ba chúng tôi cũng vì lý do đó.

Việc mặc quần áo thì dễ hơn nhiều, áo tôi mặc đi ngủ là áo tôi mặc đi học. Tôi mặc nó suốt. Nó là áo đá bóng, áo trèo tường, áo trộm quả. Tôi mặc nó đi lễ Mixa và lễ Ban thánh thể và những người đứng gần khịt mũi bỏ ra đứng chỗ khác. Nếu mẹ tôi kiếm được phiếu mua áo mới từ hội thánh Vincent de Paul thì chiếc áo cũ lại được tận dụng làm khăn tắm và được vắt ở vai ghế trong tình trạng ẩm ướt hết ngày này qua ngày khác hoặc là được mẹ tôi cắt ra làm mụn để vá những chiếc áo khác. Có khi mẹ tôi dùng nó cắt lại thành áo cho Alphie mặc một thời gian trước khi cuộn nó lại nhét xuống dưới khe cửa để ngăn không cho nước từ ngõ tràn vào nhà trong những ngày có mưa lớn.

Chúng tôi đi đến trường bằng các lối tắt xuyên qua các ngõ để khỏi phải gặp những đứa con trai nhà giàu học ở trường Christian Brother và ở trường tu dòng Tên, hay ở trường Crescent. Những đứa con trai học ở trường Christian Brother mặc áo khoác may bằng vải tuýt, áo len dày, sơ mi cổ cứng, đeo cà vạt và đi giày bóng loáng. Anh em tôi biết những đứa ấy sau này sẽ làm công chức và sẽ làm việc với những ông to. Những đứa ở trường Crescent mặc đồng phục của trường và đeo một chiếc khăn quanh cổ để chứng tỏ chúng là con nhà có vai vế. Chúng để tóc dài xõa xuống mắt để chúng có thể đưa tay hất tóc như người Anh. Chúng tôi biết những đứa con trai đó lớn lên sẽ vào học ở các trường đại học, sẽ tiếp quản việc kinh doanh của gia đình, sẽ làm trong Chính phủ, sẽ điều hành thế giới. Chúng tôi sẽ chỉ trở thành những anh chàng đưa hàng cưỡi xe đạp đi giao hàng khắp các ngõ hoặc sẽ đi Anh làm thuê trên những công trường xây dựng mà thôi. Chúng tôi biết sẽ như thế. Chúng tôi xấu hổ với vẻ ngoài của mình và nêu những đứa con trai ở các trường dành cho con nhà giàu kia mà chế nhạo chúng tôi thì thế nào chúng tôi cũng lao vào đả nhau với bọn chúng và chúng

tôi sẽ lại về nhà với những cái mũi chảy máu và quần áo rách tơi tả. Các giáo viên của chúng tôi sẽ không kiên nhẫn với chúng tôi chút nào và cũng chẳng dành chút cảm thông nào cho những trận ẩu đả đó của chúng tôi bởi con họ đều học ở những trường dành cho con nhà giàu và họ sẽ nói: "Các cậu không có quyền với tay đến tầng lớp cao hơn vậy nên chớ có làm thế".

Bạn sẽ không bao giờ biết được khi nào bạn về nhà thấy mẹ bạn đang ngồi bên bếp nói chuyện với một người đàn bà và một đứa trẻ lạ. Luôn luôn là một người đàn bà và một đứa trẻ. Mẹ tôi thấy họ lang thang trên phố và nếu họ hỏi: "Xin bà bớt cho đứa bé tội nghiệp này một xu, được không bà?". Mẹ tôi sẽ mủi lòng ngay. Mẹ tôi chẳng bao giờ có tiền vậy nên mẹ tôi mời họ về nhà uống trà và chia cho họ ít bánh mì của chúng tôi và nếu thời tiết xấu thì mẹ tôi mời người ta ngủ lại và xếp quần áo cũ vào góc nhà làm chỗ ngủ cho người ta. Mẹ tôi cho họ bánh có nghĩa là miếng bánh của anh em tôi sẽ bé đi và nếu chúng tôi kêu ca thì mẹ tôi lại bảo trên đời còn có nhiều người khổ hơn mình và chắc chắn chúng tôi có thể chia sẻ cho họ một chút những gì chúng tôi có.

Michael cũng chẳng khác gì mẹ tôi. Nó đưa về nhà những con chó hoang và những ông già lang thang. Có những con chó lở loét đầy người, có những con chó không có tai hoặc đuôi. Một hôm Michael tìm thấy một con chó săn bị trẻ con đuổi đánh trong công viên. Nó đánh nhau với bọn trẻ đó, và ôm con chó to hơn cả người nó về nhà và nó bảo mẹ tôi rằng nó muốn nhường bữa tối của nó cho con chó. Mẹ tôi bảo:

Bữa tối nào? May ra thì chúng ta còn một mẩu bánh mì.

Michael bảo rằng con chó có thể ăn phần bánh mì của nó. Mẹ tôi bảo chỉ cho con chó ở lại một đêm thôi sáng ra là phải đuổi nó đi ngay và thế là Michael khóc cả đêm và đến sáng khi nó thấy con chó đã chết bên cạnh nó, nó càng khóc dữ hơn. Nó không chịu đi học mà cứ khăng khăng đòi ở nhà đào mộ ở chỗ

chuồng ngựa cũ để chôn con chó và nó muốn tất cả chúng tôi phải ở nhà đưa tang và cầu nguyện cho con chó với nó. Malachy bảo Michael:

Cầu nguyện cho con chó thì có ích gì, làm sao mày biết nó có theo đạo Thiên Chúa như chúng ta hay không?

Michael nói:

Dĩ nhiên nó là một con chó theo đạo Thiên Chúa rồi. Em bế nó em biết mà.

Michael khóc con chó ghê quá đến nỗi mẹ tôi phải để cho chúng tôi nghỉ học. Chúng tôi thích đến nỗi chẳng kêu ca khi phải giúp Michael đào mộ và cầu kinh cho con chó. Chúng tôi đâu có định đứng đó mãi lãng phí cả một ngày không phải đi học để cầu kinh cho một con chó săn đã chết. Michael mới có sáu tuổi nhưng khi nó đưa những ông già lang thang về nhà nó cô nhóm lửa và pha trà cho họ. Mẹ tôi bảo rằng mỗi lần về nhà thấy những ông già lang thang ngồi uống trà bằng những chiếc cốc mẹ thích là mẹ tôi muốn phát điên lên được. Mẹ tôi kể với cô Bridey rằng Michael có thói quen đưa những ông già lang thang về nhà và nếu nhà không còn bánh mì thì nó chẳng ngại ngần đi gõ cửa hàng xóm xin bánh cho họ. Cuối cùng mẹ tôi bảo Michael:

- Không ông già nào nữa đâu đấy. Họ mang chấy đến nhà ta, khó chịu lắm.

Lũ chấy rất đáng ghét, đáng ghét hơn cả lũ chuột. Chúng ở trên đầu chúng tôi, trên tai chúng tôi và chúng ngồi trên những chỗ hõm ở cổ chúng tôi nữa. Chúng đào xuống da chúng tôi. Chúng chui vào những đường may ở quần áo chúng tôi và chúng có ở mọi chỗ trong những chiếc áo cũ chúng tôi dùng làm chăn đắp. Chúng tôi phải kiểm tra từng xăng ti một trên người Alphie bởi vì nó còn bé chưa biết đấu tranh với lũ chấy.

Lũ chấy tệ hơn cả lũ bọ chét. Lũ chấy chổng đít lên mà hút máu và nhìn chúng là chúng tôi có thể thấy rõ máu của chúng

tôi đã bị cướp trắng trợn như thế nào. Bọ chét thì nhảy và cắn, chúng sạch sẽ và chúng tôi thích chúng hơn. Những con nhảy nhảy sạch hơn những con cứ cắm đầu xuống.

Tất cả chúng tôi cùng đồng ý rằng sẽ không ai đưa về nhà đàn bà và trẻ con lang thang nữa và sẽ không ai mang về những ông già và những con chó lang thang nữa. Chúng tôi không muốn mắc thêm chứng bệnh nào nữa cũng không muốn bị con gì hành hạ nữa.

Michael khóc.

*

Bà hàng xóm của bà ngoại tôi, bà Purcell, có một cái đài. Chính phủ tặng bà ấy cái đài đó bởi vì bà ấy già cả và mù lòa. Tôi muốn có một cái đài. Bà tôi già nhưng bà không bị mù và có một người bà không mù không được Chính phủ tặng đài thì còn nói chuyện gì chứ?

Các tối thứ Bảy tôi ngồi ở vỉa hè dưới cửa sổ nhà bà Purcell nghe kịch do đài BBC, đài Eireann, và đài tiếng nói Ailen phát. Bạn có thể nghe các vở kịch của O'Casey, Shaw, Ibsen, và cả kịch của Shakespeare nữa, những vở hay nhất, cho dù ông ấy là người Anh. Kịch của Shakespeare giống như món cháo khoai tây vậy, bạn ăn rồi lại muốn ăn nữa chẳng bao giờ thấy chán cả. Và bạn có thể nghe cả một vở kịch lạ lùng kể về những người Hy Lạp đã móc mắt vì lấy lầm chính mẹ đẻ của họ.

Một buổi tối tôi đang ngồi dưới cửa sổ nhà bà Purcell nghe vở Macbeth thì cô con gái bà Purcell thò đầu ra ngoài cửa gọi:

Frankie, vào đây. Mẹ cô bảo cháu cứ ngồi đấy mãi thì sẽ bị lao phổi mất đấy.

Ô, không sao đâu, thưa cô Kathleen. Cháu không sao đâu thật mà.

Vào đi mà. Vào đi.

Họ đưa cho tôi một tách trà và một miếng bánh to có phết mứt dâu. Bà Purcell nói:

Cháu thích Shakespeare lắm phải không, Frankie?

Cháu yêu Shakespeare, thưa bà.

Ô, ông ấy rất tuyệt, Frankie ạ, ông ấy có những câu chuyện hay nhất trên đời. Không có Shakespeare thì bà không biết phải làm gì vào những tối thứ Bảy cháu ạ.

Khi vở kịch kết thúc bà ấy để tôi sờ vào cái nút chỉnh sóng và tôi vặn đi vặn lại cái nút đó nghe những tiếng nói nhỏ tí và những tiếng ríu ríu và những tiếng rè rè. Tôi nghe thấy tiếng măngđôlin, tiếng ghita, tiếng kèn túi Tây Ban Nha, tiếng trống châu Phi, tiếng than thở của những người chèo thuyền trên sông Nile. Tôi thấy những thủy thủ ngồi gác đêm với những ly cacao nóng trên tay. Tôi thấy những nhà thờ, những tòa nhà chọc trời, những mái nhà tranh. Tôi thấy những người Arập du cư ở Sahara và những chàng cao bồi trên những đồng cỏ nước *Mỹ*. Tôi thấy những con dê nhảy trên những bờ biển lô nhô vách đá ở Hy Lạp, nơi những người chăn dê bị mù vì lấy lầm phải mẹ đẻ của mình. Tôi thấy người ta ngồi tán gẫu trong những tiệm cà phê, uống rượu vang, đi tản bộ trên những đại lộ. Tôi thấy những người phụ nữ đứng tựa cửa, những thầy tu tụng kinh, thấy tháp đồng hồ Big Ben, và thấy tiếng phát thanh viên nói: "Đây là đài phát thanh BBC. Xin mời các bạn nghe bản tin".

Bà Purcell nói:

- Nghe cái đó đi, Frankie, để xem tình hình thế giới thế nào nào.

Sau bản tin chúng tôi nghe chương trình của đài Mỹ và thật tuyệt khi được nghe giọng Mỹ thoải mái và lại còn nhạc nữa, nhạc của Duke Ellington, dường như đích thân người này bảo tôi đáp tàu đi đến nơi Billie Holiday hát cho riêng tôi nghe:

Tôi không thể cho em thứ gì ngoài tình yêu, em ơi.

Đó là thứ duy nhất tôi có thừa, em ạ.

Ôi, Billie, Billie, tôi muốn đến nước Mỹ với anh và đến với âm nhạc của anh, đến cái nơi không ai bị sâu răng, nơi người ta bỏ lại thức ăn trên đĩa của họ, nơi mọi gia đình đều có nhà vệ sinh riêng, nơi mọi người sống hạnh phúc đến trọn đời.

Rồi bà Purcell hỏi:

Cháu có biết điều đó không, Frankie?

Điều gì ạ?

Rằng Shakespeare tuyệt như thế chắc chắn ông ấy phải là người Ailen.

Người thu tiền thuê nhà không còn kiên nhẫn với chúng tôi nữa. Ông ấy nói với mẹ tôi: - Chậm hai tuần rồi đấy. Một bảng và hai shilling. Tôi sẽ về văn phòng gặp ông Vincent Nash thông báo rằng bà nợ một tháng tiền nhà. Tôi sẽ thế nào đây chứ? Tôi còn phải nuôi mẹ già hơn chín mươi tuổi. Người thu tiền thuê nhà phải thu được tiền nếu không anh ta sẽ mất việc. Tuần sau tôi sẽ quay lại và nếu bà không có tiền, không có đủ một bảng tám shilling và sáu xu thì bà sẽ phải ra vỉa hè mà ở đấy.

Mẹ tôi đi lên gác và ngồi bên bếp đăm chiêu không biết nhờ Chúa bà sẽ lấy đâu ra số tiền thuê nhà một tuần nói gì đến số tiền còn khất lại. Mẹ tôi muốn một tách trà nhưng chẳng có cách nào đun được nước cho tới khi Malachy dỡ được một tấm ván ngăn giữa hai phòng trên gác. Mẹ tôi nói:

Được rồi, giờ chúng ta chẻ nó ra đun.

Chúng tôi đun một ấm nước và để dành chỗ củi còn lại cho bữa trà sáng nhưng còn tối nay và ngày mai và sau đó nữa thì sao? Mẹ tôi nói:

Sẽ dỡ một tấm ván nữa, một tấm nữa. Mẹ tôi bảo chỗ ván còn lại đủ cho hai tuần, sau đó thì chẳng còn gì ngoài xà nhà. Mẹ tôi

cảnh cáo chúng tôi không được đụng tới cái xà đó bởi xà nhà là vật đỡ mái nhà và cả ngôi nhà.

Ồ, chúng con sẽ không động vào xà nhà đâu.

Mẹ tôi đi gặp bà tôi và ở trong nhà chúng tôi lạnh đến nỗi tôi không chịu được bèn đi kiếm một cái rìu nhỏ và tìm đến một cái xà nhà. Malachy cổ vũ tôi, Michael vỗ tay khuyến khích tôi. Tôi bổ và giật cái xà ra, trần nhà kêu răng rắc và bụi, ngói, mưa thi nhau đổ xuống giường của mẹ tôi. Malachy hét lên, - Ôi, Chúa ơi, tất cả chúng ta sẽ bị giết chết hết, còn Michael thì vừa nhảy múa vừa hát, -Frankie, tình tình, Frankie phá nhà rồi, Frankie phá nhà rồi.

Chúng tôi chạy băng qua mưa tìm mẹ tôi để nói cho mẹ tôi biết về sự cố ở nhà. Mẹ tôi thấy Michael cứ hát đi hát lại "Frankie phá nhà" mà chẳng hiểu mô tê gì thế là tôi đành tự giải thích với mẹ tôi rằng có một lỗ thủng trên trần nhà và mọi thứ đang rơi xuống. Mẹ tôi hoảng hốt chạy về nhà và bà tôi cũng luống cuống chạy theo.

Mẹ tôi nhìn thấy cái giường mẹ tôi vẫn nằm đã bị vùi dưới một đống ngói bụi và gào lên:

Chúng ta biết làm gì bây giờ đây?

Rồi mẹ tôi mắng tôi vì tội đã động đến cái xà nhà. Bà tôi nói:

Tôi phải đến văn phòng nhà đất bảo họ đến sửa trước khi mẹ con chị chết đuối hết.

Rồi bà tôi quay lại cùng với người thu tiền thuê nhà. Ông ấy hỏi:

Chúa ơi, còn một phòng nữa đâu?

Bà tôi hỏi lại:

Phòng nào?

Tôi cho thuê hai phòng kia mà, một phòng nữa đâu rồi? Phòng nữa đâu rồi?

Mẹ tôi hỏi:

Phòng nào?

Ở trên gác này có hai phòng thế mà bây giờ chỉ có một. Bức tường đâu? Có một bức tường ở đây cơ mà. Bây giờ chẳng còn tường tiếc gì hết. Tôi nhớ rõ là có một bức tường mà. Bức tường đó đâu rồi? Phòng nữa đâu rồi?

Bà tôi nói:

Tôi không nhớ là có một bức tường và nếu tôi không nhớ là có một bức tường thì làm sao tôi nhớ được là có một phòng nữa ở đây chứ?

Bà không nhớ thật à? Nhưng tôi nhớ. Bốn mươi năm tôi làm trong văn phòng nhà đất và tôi chưa từng thấy cảnh này bao giờ. Ôi, Chúa ơi đây đúng là một trường hợp đáng ngại và Người không thể quay lưng nhưng người thuê nhà đã không trả tiền thuê thì chớ lại còn làm cả tường và phòng biến mất. Tôi muốn biết bức tường biến đâu rồi và muốn biết các người đã làm gì với cái phòng đó.

Mẹ tôi quay sang chúng tôi:

Có đứa nào nhớ là có bức tường đó không?

Michael giật tay mẹ tôi:

Đó là cái tường chúng ta đã dỡ nó ra để đun chứ gì?

Người thu tiền nhà nói:

Lạy Chúa lòng lành, thế này thì quá lắm quá lắm. Tôi biết ăn nói thế nào với ông Vincent Nash ở văn phòng đây? Biến khỏi đây, hãy cuốn xéo đi, tôi đuổi các người. Đúng một tuần kể từ hôm nay tôi sẽ đến gõ cửa căn nhà này và tôi muốn lúc ấy không còn ai ở đây nữa, cuốn xéo khỏi đây đi. Nghe rõ chưa, bà trẻ?

Mặt mẹ tôi đanh lại rồi mẹ tôi bảo người đàn ông:

Tiếc là các ông không sống dưới cái thời người Anh đuổi dân Ailen chúng ta ra đường.

Đừng có mở miệng nói lung tung nữa, bà trẻ, nếu không tôi sẽ bảo người đến đuổi bà ra khỏi đây ngay bây giờ đấy.

Ông ta đi ra cửa và không thèm đóng cửa lại để chúng tôi biết ông ta nghĩ gì về chúng tôi. Mẹ tôi rên rỉ:

Lạy Chúa, tôi không biết sẽ phải làm gì đây.

Bà tôi bảo mẹ tôi:

Tôi không có phòng cho mẹ con chị nhưng anh họ của chị, Gerard Griffin, sống ở đường Rosbrien trong ngôi nhà của bà mẹ cậu ta để lại có thể cho mẹ con chị ở nhờ một thời gian. Tôi sẽ đi hỏi cậu ấy. Hãy cho Frank đi cùng tôi.

Bà tôi bảo tôi mặc áo khoác vào nhưng tôi không có áo và bà tôi bực mình nói:

Bảo nó mang ô theo chắc cũng chỉ phí lời thôi. Đi nào.

Bà tôi chùm khăn lên đầu và tôi theo bà ra cửa, đội mưa đến đường Rosbrien cách đó hai dặm. Đến một ngôi nhà xây theo kiểu nhà ở nông thôn rồi bà tôi gõ cửa:

Cậu có trong đó không, Laman? Tôi biết cậu ở trong đó mà. Mở cửa cho tôi nào.

Bà, sao bà lại gọi bác ấy là Laman? Bác ấy tên là Gerard cơ mà?

Làm sao bà biết được? Bà biết tại sao người ta gọi bác của mày là Pat Ab chắc? Ai cũng gọi cậu ta là Laman. Mở cửa nào. Chúng tôi vào đấy. Có lẽ cậu ta ngủ say quá.

Bà tôi đẩy cánh cửa. Trong nhà rất tối và có một mùi ẩm mốc xộc vào mũi tôi. Phòng này giống như nhà bếp và cạnh nó còn có một phòng nhỏ nữa. Có một cái gác xép ở bên trên phòng ngủ và ánh sáng ngoài trời hắt vào qua tấm kính chắn mưa của cái gác xép đó. Khắp nhà chỗ nào cũng có những cái hộp, những tờ báo, những cuốn tạp chí, vài mẩu thức ăn thừa, cốc chén, và những cái lon rỗng không. Tôi có thể nhìn thấy hai chiếc giường trong phòng ngủ, một chiếc giường to và một chiếc nhỏ hơn kê sát cửa sổ. Bà tôi lay lay cái đầu trên giường lớn:

Laman, dậy đi, dậy đi nào.

Gì thế? Gì thế? Gì thế?

Có rắc rối. Angela và bọn trẻ nhà nó bị đuổi ra đường vì thiếu tiền thuê nhà. Mẹ con nó cần một chỗ ở tạm mà tôi thì không còn thừa phòng. Cậu có thể cho bọn nó ở nhờ trên gác xép cũng được chỉ tội bọn trẻ còn bé leo lên leo xuống nhỡ ngã thì khổ vậy cậu chịu khó lên gác xép ở cho mẹ con nó ở nhờ dưới này đi.

Được thôi, được thôi, được thôi.

Bác Laman chống tay nhỏm dậy và tôi phát hiện ra ngay mùi whisky từ người bác ấy. Bác ấy đi vào bếp và kéo chiếc bàn lại sát tường để trèo lên gác xép. Bà tôi bảo:

Thế là ổn rồi, mấy mẹ con có thể chuyển đến đây ngay tối nay và từ giờ sẽ không có lão thu tiền thuê nào đến quấy rầy nhà mày nữa.

Bà tôi bảo với mẹ tôi rằng bà muốn về nhà. Bà mệt rồi vì bà đâu còn trẻ nữa. Bà tôi bảo chúng tôi không cần phải mang giường hay đồ đạc gì đến nơi ở mới nữa vì bác Laman đã có đủ các thứ rồi. Chúng tôi *để* Alphie ngồi vào xe nôi và chất quanh nó nào là chai lọ, ấm, cốc chén, ảnh Giáo hoàng, hai cái gối và mấy cái áo khoác cũ. Chúng tôi chùm áo lên đầu và đẩy xe qua các phô đến nhà bác Laman. Mẹ tôi bảo chúng tôi phải tuyệt đối im lặng khi đi qua ngõ để người trong ngõ không biết chúng tôi bị đuổi khỏi nhà nếu không sẽ rất xấu hổ. Chiếc xe tộ quá cứ lắc qua lắc lại và phải cô lắm chúng tôi mới khiến nó đi thẳng được. Chúng tôi sẽ được vui vẻ ở đây vì giờ đã quá nửa đêm rồi nên chắc chắn sáng mai mẹ tôi không bắt chúng tôi đi học. Chúng tôi đang chuyển đến một nơi cách xa trường Leamy và có lẽ chúng tôi sẽ không bao giờ phải đi học nữa cũng nên. Khi chúng tôi đi được một đoạn khá xa Alphie bắt đầu gõ chai lọ còn Michael thì nghêu ngao hát một bài hát nó nghe được từ một bộ phim với một câu lặp lại:

Tôi yêu em biết nhường nào,

Tôi yêu em biết nhường nào,

Nó làm chúng tôi phì cười trước cái cách nó bắt chước giọng trầm của AI Jolson.

Mẹ tôi bảo mẹ tôi mừng vì trời tối nên không ai nhìn thấy chúng tôi ra đi vì thế mẹ tôi cảm thấy đỡ xấu hổ.

Đến nhà bác Laman chúng tôi bế Alphie xuống khỏi xe và dỡ các thứ xuống để tôi và Malachy lấy xe quay lại ngõ Roden chở nốt cái hòm. Mẹ tôi nói nếu chúng tôi để mất cái hòm đó thì mẹ tôi sẽ không sống nổi.

Malachy và tôi mỗi đứa nằm ở một đầu của cái giường nhỏ. Mẹ tôi nằm ở giường to với Alphie và Michael. Trong nhà ẩm quá còn bác Laman thì gáy khò khò ngay trên đầu chúng tôi. Nhà này chẳng có bậc thang nào và như thế có nghĩa là chẳng bao giờ có chuyện thiên thần trên bậc thang thứ bảy hết.

Trời vẫn còn tối mà chuông báo thức đã réo inh cả lên và tiếp đó là tiếng ho và tiếng khạc nhổ liên tiếp của bác Laman. Ván lót sàn gác xép phát ra những tiếng cọt kẹt và tiếng bác Laman đi tiểu vào bô kéo dài đến nỗi chúng tôi phải ấn áo vào mồm để khỏi cười thành tiếng. Bác Laman lẩm bẩm gì đó rồi trèo xuống lấy xe đạp và mở cửa đi ra ngoài. Mẹ tôi thì thầm:

Biển lại yên rồi, ngủ tiếp đi. Hôm nay các con không phải đi học.

Chúng tôi không thể ngủ được. Chúng tôi đang ở trong một ngôi nhà mới, chúng tôi phải ngó qua nó một lượt đã. Nhà vệ sinh ở bên ngoài, với một cánh cửa cho phép bạn ngồi ở bên trong đọc những mảnh báo cài sẵn trong đó. Có một cái sân sau dài, một cái vườn cỏ mọc đầy cao đến gối, một chiếc xe đạp cũ chắc phải có từ thời cụ của bác Laman, những cái lon rỗng, rất nhiều báo và tạp chí mục nát dưới mặt đất, một chiếc máy khâu bụi phủ đầy, một con mèo chết với cái tròng ở cổ mà chắc là kẻ nào đó đã lẳng vào qua hàng rào.

Michael nảy ra ý tưởng rằng đây là châu Phi và nó cứ luôn mồm hỏi:

Tarzan đâu? Tarzan đâu?

Nó cởi truồng chạy qua chạy lại trong sân bắt chước cảnh Tarzan chuyền từ cành cây này sang cành cây khác. Malachy nhìn sang một cái sân khác qua hàng rào và bảo với chúng tôi: Họ có vườn. Họ trồng cây. Chúng ta cũng có thể trồng cây. Chúng ta có thể trồng khoai tây và các cây khác.

Mẹ tôi ở trong bếp gọi với ra bảo anh em tôi kiếm thứ gì đó để đun.

Có một cái lán bằng gỗ được dựng gá vào bức tường phía sau của ngôi nhà. Nó đã bị sập và chắc chắn chúng tôi có thể sử dụng một ít *gỗ* từ cái lán đó để nhóm lửa. Mẹ tôi không vừa ý với chỗ gỗ chúng tôi mang vào. Mẹ tôi bảo gỗ mục rồi và lại có nhiều mọt nữa nhưng những kẻ ăn xin thì làm gì được lựa chọn. Gỗ cháy xèo xèo trên đám giấy báo và chúng tôi nhìn những con mọt trắng cuống cuồng chạy trốn khỏi lưỡi lửa. Michael nói nó rất thương những con mọt nhưng chúng tôi biết nó thương cho tất tần tật mọi thứ trên đời này.

Mẹ tôi kể rằng ngôi nhà này đã từng được sử dụng làm cửa hàng, rằng mẹ của bác Laman trước đây bán thực phẩm và chính vì thế mà bà ấy có thể nuôi bác Laman học ở trường cao đẳng Rockwell để rồi sau đó bác ta trở thành một sĩ quan của Hải quân Hoàng gia. Đúng là bác ta đã phục vụ trong Hải quân Hoàng gia thật. Chúng tôi thấy trong một bức ảnh treo trên tường có bác ta và các sĩ quan khác đang ăn tiệc cùng với ngôi sao điện ảnh Mỹ Jean Harlow. Từ khi bác ta gặp Jean Harlow bác ta không còn là chính mình nữa. Bác ta yêu cô đào này đến phát điên phát cuồng nhưng có ích gì chứ? Cô ấy là Jean Harlow còn bác ta chỉ là một anh viên chức quèn trong lực lượng hải quân và điều đó đã khiến bác ta tuyệt vọng lao vào uống rượu như điên và cuối cùng người ta đuổi bác ta ra khỏi lực lượng hải quân. Bây giờ hãy nhìn bác ta xem, một anh thợ chôn cột điện của sở Điện lực với một ngôi nhà tồi tàn. Nếu bạn nhìn ngôi nhà này bạn sẽ nghĩ nó là một ngôi nhà hoang. Bạn có thể thấy rằng

từ khi mẹ bác Laman chết bác ta không động chân động tay vào bất cứ thứ gì trong nhà và thế là bây giờ chúng tôi muốn ở được thì phải dọn bở cả hơi tai.

Có những cái hộp đựng đầy dầu gội đầu màu tím. Trong khi mẹ tôi đi vệ sinh chúng tôi mở một lọ dầu ra và thoa lên tóc. Malachy nói mùi dầu rất thơm nhưng khi mẹ tôi vào nhà mẹ lại trừng mắt lên hỏi:

- Mùi gì thối thế hả?

Mẹ muốn biết tại sao đầu chúng tôi bỗng dưng lại trơn thế. Mẹ tôi bắt chúng tôi ra vòi nước gội cho sạch thứ dầu đó và lau khô tóc bằng cái khăn mẹ tìm thấy dưới một đống tạp chí *The llhistrated London* xuất bản từ đời nảo đời nào mà có cả ảnh nữ hoàng Victoria và hoàng tử Edward đứng vẫy tay. Có cả những bánh xà phòng của hiệu Pear và một cuốn sách dày có tiêu đề là *Bách Khoa Toàn Thư của Pear,* cuốn sách mà tôi chúi mũi vào cả ngày lẫn đêm vì nó cho tôi biết tất cả mọi điều và đó là tất cả những gì tôi muốn biết.

Có những chai dầu xoa hiệu Sloan, thứ mà mẹ tôi bảo dùng để xoa khi chúng tôi bị chuột rút hay bị đau nhức. Trên các bình đó có dòng chữ in đậm, "Đau ở đây, Sloan đâu?". Có những hộp pin an toàn và những cái túi đựng những cái mũ của phụ nữ mà bạn chỉ cần động tay vào là chúng bở ra. Có những cái túi đựng áo lót phụ nữ, nịt tất, giày cao gót và những lọ thuốc hứa sẽ làm má bạn hồng hơn, làm mắt bạn sáng hơn và làm tóc bạn quăn. Có những bức thư do tướng Eoin O'Duffy gửi cho Gerard Griffin, trong đó có nói rằng hoan nghênh chàng trai trẻ ra nhập lực lượng biên phòng, lực lượng lính áo xanh Ailen, rằng thật hân hạnh được biết Gerard Griffin, một người có thành tích học tập xuất sắc, một người đã từng được huấn luyện trong hải quân hoàng gia, một cầu thủ nổi tiếng của đội bóng bầu dục Young Munster, đội bóng đã giành cúp vô địch quốc gia, cúp Bateman. Tướng O'Duffy đang thành lập một đơn vị lính Ailen để sang

Tây Ban Nha chiến đấu với quân của tổng tư lệnh Franco, và nếu Gerard tham gia vào đội quân đó thì chắc chắn nó sẽ được bổ sung sức mạnh chiến đấu.

Mẹ tôi kể rằng mẹ bác Laman không cho bác ta đi. Bà ấy không muốn một mình năm này qua năm khác cặm cụi với cái cửa hàng thực phẩm chắt bóp cho con trai ăn học để rồi con trai bà ấy lại lang thang đến Tây Ban Nha vì cái ông Franco nào đó và thế là bác Laman ở nhà và xin làm anh thợ chôn cột điện cho sở Điện lực. Mẹ bác ta vui vì tối nào cũng có bác ta ở nhà còn bác Laman thì cứ tối thứ Sáu lại say khướt và rên rỉ gọi tên Jean Harlow.

Mẹ tôi mừng vì chúng tôi có hàng đống giấy để nhóm bếp mặc dù mùi giấy cũ và củi mọt chẳng thơm tho gì và lại còn những con mọt nữa, mẹ tôi lo chúng sẽ chạy thoát rồi sinh sôi nảy nở ra.

Cả ngày chúng tôi phải dọn những đống hộp và túi ra cái lán ở bên ngoài. Mẹ tôi mở tất cả các cửa sổ để thông khí trong nhà và để cho mùi dầu và mùi ẩm mốc bay vợi đi. Mẹ tôi bảo lại được trông thấy sàn nhà thật là nhẹ cả người và giờ đây chúng tôi có thể ngồi xuống thưởng thức một tách trà trong yên tĩnh, thảnh thơi, và thoải mái, và khi nào trời ấm chúng tôi bày bàn trà ra vườn ngồi uống như người Anh thì chắc là tuyệt lắm.

Tối nào bác Laman cũng về nhà lúc sáu giờ trừ thứ Sáu, và bác uống trà rồi đi ngủ cho đến sáng hôm sau. Các thứ Bảy bác đi ngủ từ một giờ chiều và nằm miết cho đến sáng thứ Hai. Bác ấy kéo cái bàn vào sát tường ngay dưới gác xép, trèo lên một cái ghế, để cái ghế lên bàn, rồi lại trèo lên ghế, vịn tay vào một chân giường trên gác xép, và trèo lên. Nếu thứ Sáu bác uống quá say thì bác bắt tôi trèo lên lấy gối và chăn xuống cho bác và bác ngủ trên sàn bếp hoặc là bò lên giường ngủ với tôi và các em tôi để rồi cả đêm chúng tôi phải nghe bác ta ngáy và đánh rắm.

Khi chúng tôi mới chuyển đến bác ta càu nhàu về việc đang yên đang lành bác ta phải bỏ cái giường lớn để lên cái gác xép chật bằng lỗ mũi ấy ngủ và mỗi khi muốn đi vệ sinh lại phải leo xuống chạy ra nhà vệ sinh ở tận sân sau. Mỗi khi chuẩn bị xuống bác ta lại gọi:

Bàn đâu, ghế đâu, tao xuống đây.

Chúng tôi phải vội vội vàng vàng đẩy bàn xếp ghế cho bác ta xuống. Bác chán phải như vậy mãi. Bác không trèo lên trèo xuống nữa mà dùng cái bô của mẹ bác. Bác ta nằm lì trên giường cả ngày đọc sách mượn từ thư viện, hút thuốc Gold Flake và ném xuống cho mẹ tôi mấy shilling để một trong chúng tôi đi mua bánh nướng, giăm bông và cà chua thái sẵn cho bác ta uống trà. Rồi bác ta gọi mẹ tôi:

Angela, bô này đầy rồi đây này, và mẹ tôi vội kéo bàn, kê ghế, trèo lên lấy bô xuống, mang đi đổ, rửa sạch rồi lại trèo lên để nó vào chỗ cũ. Mẹ tôi nhăn mặt bảo bác ta:

Hôm nay anh còn muốn tôi hầu gì nữa đây?

Bác ta cười:

Đó là việc của đàn bà, Angela, việc của đàn bà và cô không mất tiền thuê nhà.

Bác Laman ném thẻ thư viện của bác ấy xuống và bảo tôi đi mượn cho bác ấy hai quyển sách, một quyển nói về câu cá, một quyển nói về làm vườn. Bác ta ném xuống tiếp một cái giấy do bác ta viết gửi người quản thư nói rằng bác ta bị đau chân vì đi chôn cột điện và từ bây giờ trở đi Frank McCourt sẽ đến lấy sách cho bác ta. Bác ta viết rằng bác ta biết cậu bé bác ta sai đi lấy sách chỉ gần mười bốn tuổi và biết thư viện không cho phép trẻ em được đến gian sách dành cho người lớn nhưng bác ta đảm bảo rằng cậu bé bác ta cử đi sẽ rửa tay sạch sẽ và nghe lời người lớn. Và bác ta gửi cả một chữ cám ơn to tướng vào tờ giấy.

Người quản thư đọc tờ giấy bác Laman gửi rồi nói:

Khổ thân ông Griffin, ông ấy đúng là một người đàn ông lịch sự, một người đàn ông có học, cậu không thể tin được ông ấy đã đọc bao nhiêu sách đâu, có tuần ông ấy đọc bốn quyển, có hôm ông ấy mượn về cả một cuốn sách bằng tiếng Pháp viết về lịch sử của chiếc bánh lái. Và nếu bạn không phiền thì cô quản thư quá nhiệt tình ấy sẽ cho bạn biết tất cả về cái đầu của bác Laman bởi vì như cô ấy nói nó chứa tất cả các loại học vấn, vậy đấy, nếu bạn không phiền.

Cô quản thư lấy ra một cuốn sách được in rất đẹp với nhiều tranh ảnh về những khu vườn của nước Anh. Cô nói:

Tôi biết ông ấy thích đọc cuốn nào trong sô sách viết về câu cá rồi, - và cô ấy chọn một cuốn sách có tiêu đề là *Săn cá Hồi Ailen* do một chỉ huy quân đội cấp cao tên là Hugh Colton viết.

Cô lại nói:

Ông ấy đã đọc hàng trăm cuốn sách nói về các sĩ quan Anh đi câu cá ở Ailen rồi đấy. Chính tôi vì tò mò cũng đã thử đọc mấy cuốn, cậu cứ đọc thử mà xem cậu sẽ hiểu tại sao những sĩ quan đó lại thích ở Ailen đến thế sau khi họ đã chán ngấy cả Ân Độ và châu Phi và những nơi buồn tẻ khác trên thế giới. ít nhất con người ở đây cũng lịch sự. Chúng ta nổi tiếng là những người lịch sự mà, lịch sự, chúng ta không chạy quanh ném giáo vào người khác.

Bác Laman nằm trên giường đọc sách và nói vọng xuống rằng khi nào bác khỏi chân bác ta sẽ ra ngoài kia quy hoạch lại khu vườn và sẽ làm cho nó nổi tiếng khắp gần xa vì vẻ đẹp và vẻ rực rỡ của nó và khi nào bác không làm vườn bác sẽ đi khắp các sông ở Limerick và mang về nhà những con cá hồi khiến chúng tôi trông thấy là thèm rỏ rãi liền. Bác bảo mẹ bác để lại một công thức chế biến món cá hồi gia truyền và nếu bác ấy có thời gian và nếu cái chân đau không giết chết bác thì bác sẽ tìm cho ra cái công thức ấy. Bác bảo tôi đã được tin tưởng vì thế từ giờ mỗi tuần tôi có thể mượn một cuốn sách cho riêng tôi nhưng đừng

có mang những thứ rác rưởi về nhà. Tôi muốn biết thế nào là những thứ rác rưởi nhưng bác không giải thích mà bảo rằng tôi phải tự tìm hiểu lấy.

Mẹ tôi bảo rằng mẹ tôi cũng muốn đến thư viện mượn sách đọc nhưng thư viện cách nhà bác Laman những hai dặm nên mẹ nhờ tôi mỗi tuần mượn cho bà một cuốn sách, một cuốn tiểu thuyết của Charlotte M.Brame hoặc sách của những nhà văn nổi tiếng. Bà không muốn đọc bất cứ cuốn sách nào nói về những sĩ quan Anh đi săn cá hồi hay về những cảnh chém giết. Thế giới này đã có đủ rắc rối rồi chẳng cần phải biết thêm những chuyện con người quấy rầy lũ cá hồi và quấy rầy nhau nữa.

Cái tối bà tôi đến ngõ Roden giải quyết rắc rối về chỗ ở cho chúng tôi bà tôi đã bị cảm lạnh và rồi bệnh biến chứng thành viêm phổi. Bà tôi được đưa vào viện Home City và qua đời.

Con trai cả của bà tôi, bác Tom, nghĩ rằng bác ấy sẽ sang Anh làm việc như những người đàn ông ở các ngõ của Limerick nhưng bệnh lao phổi của bác ấy mỗi ngày một nặng và cuối cùng bác ấy lần về được đến Limerick và qua đời.

Vợ của bác Tom, bác Galway Jane, theo chồng về với tổ tiên, và thế là bốn trong số sáu đứa con của họ phải vào trại mồ côi. Con trai lớn nhất của bác Tom, anh Gerry, trốn nhà ra nhập quân đội Ailen, rồi đảo ngũ chạy sang quân đội Anh. Con gái lớn nhất của bác Tom, chị Peggy, đến nhà bác Aggie và sống ở đó trong cảnh khổ sở.

Quân đội Ailen tuyển những thiếu niên có năng khiếu âm nhạc vào trường quân nhạc. Họ nhận em trai tôi, Malachy, và thế là nó lên đường đến Dublin để trở thành một người lính và chơi trom- pét.

Bây giờ tôi chỉ còn hai đứa em trai và mẹ tôi nói rằng gia đình của bà đang biến mất dần ngay trước mắt bà.

13

Bọn con trai lớp tôi sẽ tổ chức một chuyến đi chơi cuối tuần bằng xe đạp đến Killaloe. Chúng rủ tôi mượn xe đạp đi cùng. Tôi chỉ cần mang theo một cái chăn, một ít trà và đường, và mấy miếng bánh mì là được. Tôi sẽ đợi bác Laman đi ngủ để lấy xe của bác ra tập và chắc chắn bác ấy sẽ cho tôi mượn xe hai ngày để đi chơi với cả lớp.

Thời điểm tốt nhất để hỏi bác Laman bất cứ thứ gì chính là tối thứ Sáu sau khi bác đã ăn uống no nê. Bác dùng túi áo khoác làm túi đựng bữa tối thường lệ của mình, một miếng thịt bò còn dính máu, bốn củ khoai tây, một củ hành, một chai bia đen. Mẹ tôi luộc khoai, rán thịt tái với hành. Bác Laman không cởi áo khoác cứ thế ngồi bốc thịt ăn. Dầu rán và thứ nước đỏ đỏ từ miếng thịt chảy xuống áo bác ta trông đến ghê. Bác uống bia và cười bảo rằng chẳng có gì sánh được với miếng thịt bò tái tối thứ Sáu đó và rằng nếu bị khép vào tội nặng nhất thì hồn và xác bác sẽ lơ lửng trên thiên đường, ha ha ha.

Bác Laman bảo tôi:

- Tất nhiên mày có thể mượn xe của tao. Con trai nên đi chơi, nên về nông thôn mà chơi. Tất nhiên là được. Nhưng mày không mượn không được đâu. Mày không thể có gì đó mà chẳng phải mất gì đúng không?

Vâng.

Tao có một việc cho mày. Mày không ngại làm một việc nho nhỏ này chứ?

Không, cháu không ngại đâu.

Và mày cũng muốn giúp mẹ mày, đúng không?

Vâng.

Tốt, vậy thì bây giờ thế này, cái bô trên kia đầy từ sáng rồi. Tao muốn mày trèo lên lấy nó xuống mang nó đi đổ và rửa sạch cái bô mang lên trên ấy cho tao.

Tôi không muốn đổ bô cho bác ta nhung tôi lại muốn đạp xe đến Killaloe, muốn ngắm những cánh đồng và những mái nhà thôn quê xinh xắn, muốn bơi trên sông Shannon, muốn ngủ một đêm ở miền quê êm ả. Vậy là tôi đẩy cái bàn vào sát tường và xếp ghê trèo lên gác xép. Tôi thấy cái bô với tất cả các chất thải đáng ghét của bác Laman ở dưới chân giường. Tôi cẩn thận đặt nó xuống thành gác xép, rồi trèo xuống cái ghế, đưa tay lên với cái bô, mang nó xuống, ngoảnh mặt đi chỗ khác, cầm chắc nó trong khi bước xuống mặt bàn, đặt nó lên mặt ghế, bước xuống sàn nhà, mang nó ra nhà vệ sinh, đổ đi, và đứng ở sau nhà vệ sinh mà nôn ọe cho tới khi tôi quen với công việc đó.

Bác Laman khen tôi ngoan và bảo rằng tôi muốn đi xe đạp của bác lúc nào cũng được miễn là tôi đổ bô cho bác hàng ngày, đi mua thuốc lá cho bác, đến thư viện mượn sách cho bác, và làm bất cứ việc gì bác ta sai. Bác nói:

Mày có năng khiếu đổ bô đấy nhóc ạ. Và bác cười phá lên còn mẹ tôi thì cứ nhìn đăm đăm vào những tàn tro.

Một hôm trời mưa rất to, cô quản thư O'Riorden bảo tôi:

- Đừng về bây giờ nếu không cậu sẽ làm ướt sách đấy. Hãy ngồi xuống và đọc về các vị thánh của chúng ta khi nào ngớt mưa hãy về.

Có bốn cuốn sách dày cùng một tiêu đề, *Cuộc đời của những vị thánh.* Tôi không muốn dành cả đời mình đọc về những vị thánh nhưng khi bắt đầu đọc về họ tôi đã ước cơn mưa ngoài kia đừng bao giờ tạnh. Khi bạn ngắm các bức tranh vẽ các vị thánh, nữ thánh hay nam thánh, bạn đều thấy họ hướng mắt lên trời nơi có những đám mây bao quanh những thiên thần béo tốt Ồm những đóa hoa rực rỡ hoặc ôm thụ cầm. Bác Pa Keating nói rằng bác ấy không nghĩ ra một vị thánh nào muốn cùng ngồi uống

rượu với bác ấy. Các vị thánh trong những cuốn sách này thì khác. Có những câu chuyện về các trinh nữ, những vị tử vì đạo, những trinh nữ tử vì đạo và những câu chuyện về họ còn khủng khiếp hơn bất cứ bộ phim kinh dị nào được chiếu ở rạp Lyric.

Tôi phải tra từ điển để tìm xem trinh nữ nghĩa là gì. Tôi biết Đức Mẹ của Chúa là Đức Mẹ Đồng Trinh Maria và người ta gọi Bà như vậy là bởi Bà không có một người chồng thật sự, chỉ có thánh Joseph già thôi. Trong cuốn *Cuộc đời của các vị thánh* các nữ đồng trinh luôn gặp nạn và tôi không hiểu tại sao lại như vậy. Từ điển giải thích rằng, đồng trinh là phụ nữ (thường là phụ nữ trẻ) trinh tiết chưa bị xâm phạm.

Giờ tôi phải tìm nghĩa của "chưa bị xâm phạm" và nghĩa của "trinh tiết" và tôi chỉ thấy từ điển giải thích rằng chưa bị xâm phạm có nghĩa là chưa bị đụng đến còn trinh tiết có nghĩa là trong trắng và không giao cấu bất chính. Giờ tôi lại phải tra từ "giao cấu" và từ đó lại đẻ ra từ "đưa vào", rồi từ "đưa vào" lại đẻ ra từ "để đưa vào", rồi đẻ tiếp ra từ "bộ phận giao hợp của nam giới". Rồi từ "bộ phận giao hợp" lại dẫn đến từ "giao hợp", sự kết hợp giữa hai người khác giới trong hoạt động duy trì nòi giống và tôi chẳng hiểu hoạt động đó là hoạt động gì và tôi phát mệt vì cứ phải lần mò tìm hết từ này đến từ khác trong cái cuốn từ điển nặng hàng cân hệt như chơi trò ú tim vì đúng là những người viết từ điển không muốn loại người như tôi biết bất cứ điều gì.

Tôi chỉ muốn biết là tôi từ đâu mà ra nhưng nếu bạn hỏi ai đó thì người ta sẽ bảo bạn hỏi một người khác hoặc là lại bắt bạn phải tìm loanh quanh hết từ này đến từ khác mất thôi.

Người quản thư nói:

- Cậu phải về nhà thôi, tạnh mưa rồi.

Khi tôi đi ra đến cửa thư viện cô quản thư gọi tôi quay lại. Cô ấy muốn viết mấy chữ cho mẹ tôi, bảo tôi thích thì cứ đọc. Cô viết: "Kính gửi bà McCourt, đúng lúc bà nghĩ Ailen này đang xuống dốc thì bà lại thấy một cậu bé ngồi trong thư viện say sưa

đọc cuốn *Cuộc đời của các vị thánh* đến nỗi mưa tạnh cũng không biết và phải có người giục cậu ta về cậu ta mới dứt ra khỏi cuốn sách đó được. Thưa bà McCourt, tôi nghĩ rằng bà có thể có một linh mục tương lai trong tay và tôi sẽ thắp một ngọn nến để hy vọng điều đó sẽ thành hiện thực. Chào bà, Catherin O' Riordan, từ thư viện Asst".

Thầy O'Halloran là giáo viên duy nhất trong trường ngồi giảng bài. Sở dĩ thầy ngồi là vì thầy là Hiệu trưởng hoặc bởi vì thầy cần để cho cái chân ngắn của thầy nghỉ ngơi nếu không cứ nhảy đi nhảy lại thì mệt lắm. Các thầy giáo khác trong trường luôn vừa giảng bài vừa đi đi lại lại trước lớp hoặc đi lên đi xuống giữa các dãy bàn và bạn không bao giờ biết khi nào bạn sẽ bị ăn một nhát vụt bằng thước hay bằng dây da vì trả lời sai hoặc viết cẩu thả. Nếu thầy Halloran muốn làm gì bạn thì thầy sẽ gọi bạn lên đứng trước bục giảng và phạt bạn trước mặt cả ba lớp.

Những tiết học dễ chịu là những tiết học thầy Halloran ngồi ở bàn của thầy nói về nước Mỹ. Thầy nói:

Các trò, từ vùng Bắc Dakota băng giá bị bỏ hoang đến vùng Florida với những trái cam thơm phức, người Mỹ được hưởng mọi kiểu khí hậu.

Thầy nói về lịch sử nước Mỹ và tuyên bố:

Nếu nông dân Mỹ, với súng hỏa mai và đất đá, có thể giành lại cả một lục địa từ tay người Anh thì chắc chắn chúng ta, những chiến binh thực thụ. có thể giành lại đất nước của mình.

Nếu không muốn bị thầy tra tấn bằng môn số học hay môn ngữ pháp Ailen thì chúng tôi chỉ việc hỏi thầy một câu hỏi về nước Mỹ và chỉ cần như vậy thôi cũng đủ làm thầy phấn khích nói cả buổi.

Thầy ngồi trên đó ngâm nga những cái tên của các bộ lạc và các thủ lĩnh mà thầy hâm mộ. Thầy nói rất hăng:

Thơ, các trò, thơ. Và hãy nghe tên các thủ lĩnh, Gấu Đá, Mưa-Trên-Mặt, Bò Đực Ngồi, Ngựa Điên, Mầm Con.

Với học sinh lớp bảy thầy đưa ra một quyển thơ trong đó có một bài thơ dài với tiêu đề: *Ngôi làng hiu quạnh,* của nhà thơ Oliver Goldsmith. Thầy nói rằng hình như đây là một bài thơ viết về nước Anh nhưng nó thể hiện sự nhớ thương đối với quê hương của nhà thơ, đất nước Ailen.

Chúng tôi phải học thuộc lòng bài thơ đó, mỗi tối học hai mươi dòng và sáng nào cũng phải đọc thuộc lòng và nếu ai bỏ sót hoặc không thuộc một dòng là bị ăn bốn vụt vào hai tay. Thầy bảo chúng tôi để sách dưới ngăn bàn và đọc đồng thanh đoạn thơ về thầy giáo làng:

Bên hàng rào thưa thớt dọc lối di
Với những bông kim tước nở bừng vô vị
Là vương quốc ồn ào, ông cai trị
Thầy giáo làng và ngôi trường nhỏ của ông
Một ông thầy lạnh lùng với nét mặt rất nghiêm
Tôi biết rõ ông, và mọi trò trốn học đều biết rõ.
Những trò nhát phải học mà đoán trước
Ngày rủi may qua vẻ mặt ông thầy.
Muốn hay không chúng đều giả vờ cười
Trước những cáu chuyện cười của ông thầy khó tính.
Và những câu nói thầm được truyền đi khắp lớp
Thầy cau mày chắc chẳng phải điềm hay

Khi chúng tôi đọc đến đoạn cuối của bài thơ thầy Halloran nhắm mắt lại mỉm cười,

Nghiêm khắc khi cần ông vẫn là người thầy tốt bụng
Chỉ vì ông rất coi trọng học hành.
Người trong làng vẫn nói rằng ông biết
rất nhiều điều.
Ông viết thạo cả chữ lồng bí ẩn.
Ông có thể đo đất cát và thủy triều

cùng nhiều giới hạn,
Thậm chí đo cả đường của câu chuyện đang đi.
Người ta đồn ông làm được mục sư,
Vì, thậm chí trong thế bí ông vẫn tranh cãi thắng,
Tài học rộng cất lời vang như sấm
Những người dân quê mùa cứ tròn mắt ngạc nhiên.
Họ kinh ngạc và băn khoăn không biết,
Sao cái đầu nhỏ kia lại mang nổi bao kiến thức
Của người thầy học rộng uyên thâm.

Chúng tôi biết thầy Halloran thích những dòng thơ trên bởi nó nói về một thầy giáo trường làng, nói về thầy, và thầy đúng bởi vì chúng tôi luôn ngạc nhiên và băn khoăn không biết tại sao cái đầu nhỏ kia lại mang nổi bao kiến thức của người thầy học rộng uyên thâm và chúng tôi sẽ nhớ thầy qua những dòng thơ này. Thầy nói:

Ô, các trò, các trò, các em có thể tự quyết định nhưng trước hết phải bồi đắp kiến thức vào cái đầu đã. Các trò có nghe thầy nói không? Bồi đắp kiến thức và các em có thể tiến vào thế giới chói lọi. Clarke, hãy định nghĩa từ chói lọi.

Em nghĩ chói lọi là đầy ánh sáng, thưa thầy.

Ngắn gọn, Clarke, nhưng đầy đủ. McCourt, hãy đặt câu với từ ngắn gọn.

Clarke ngắn gọn nhưng đầy đủ, thưa thầy.

Rất tốt, McCourt. Em có cái đầu làm thầy tu, hoặc làm chính trị đấy. Hãy suy nghĩ về điều thầy nói.

Vâng, thưa thầy.

Hãy bảo mẹ em đến gặp thầy.

Vâng, thưa thầy.

Mẹ tôi giãy nảy:

Không, mẹ không thể đi gặp thầy O'Halloran được đâu. Mẹ chẳng có cái áo nào tử tế cả. Ông ấy muốn gặp mẹ về chuyện gì?

Con không biết.

Hỏi ông ấy xem.

Con không hỏi đâu. Thầy sẽ giết con mất. Nếu thầy bảo phải đưa mẹ đến gặp là phải đưa nếu không thầy sẽ cho ăn roi.

Mẹ tôi đến gặp thầy Halloran và thầy nói chuyện với mẹ tôi ngay ngoài hành lang. Thầy bảo với mẹ tôi rằng con trai Frank của mẹ tôi phải tiếp tục học lên. Thầy bảo Frank không thể phí đời làm một người đưa hàng được. Cái nghề đó chẳng dẫn đến đâu cả. Thầy nói:

Hãy đưa con trai bà đến trường Thầy dòng Christian, bảo với những người ở đó rằng tôi giới thiệu, bảo với họ rằng Frank là một cậu bé thông minh và nó phải được học lên trung học và cao hơn nữa, phải được học đại học.

Thầy bảo mẹ tôi rằng thầy không ở đây làm Hiệu trưởng của trường Leamy này để dạy dỗ những đứa trẻ lớn lên sẽ làm người đưa hàng.

Mẹ tôi nói:

Cảm ơn, thầy O'Halloran.

Tôi ước gì thầy O'Halloran cứ lo việc của thầy đi. Tôi không muốn đi học ở trường Thầy dòng Christian. Tôi muốn bỏ học mãi mãi và muốn kiếm việc làm, muốn nhận tiền công vào mỗi tối thứ Sáu, muốn đi xem phim vào các tối thứ Bảy như mọi người.

Vài ngày sau mẹ tôi bảo tôi rửa mặt sạch sẽ để cùng mẹ đến trường Christian. Tôi nói là tôi không muốn đi, tôi muốn đi làm, tôi muốn trở thành một người đàn ông. Mẹ tôi bảo tôi không được lải nhải nữa, rằng tôi phải đi học trung học và rằng thế nào chúng tôi cũng sẽ xoay xở được. Tôi sẽ đi học tiếp cho dù mẹ tôi

phải đi lau sàn và nếu tôi không nghe lời thì mẹ tôi sẽ lấy mặt tôi ra để lau thử.

Mẹ tôi gõ cửa trường Thầy dòng Christian và xin gặp thầy phụ trách Murray. Thầy Murray đi ra cửa, nhìn mẹ con tôi từ đầu đến chân và hỏi:

- Gì?

Mẹ tôi nói:

Thưa thầy, đây là con trai tôi, Frank. Thầy O'Halloran ở trường Leamy nói rằng cháu nó sáng dạ vậy tôi muốn hỏi thầy có thể nhận cháu vào học trường này được không ạ?

Chúng tôi không có chỗ cho con bà đâu.

Thầy Murray nói rồi đóng sập cửa lại ngay trước mặt chúng tôi.

Mẹ tôi quay đi ngay và suốt dọc đường về mẹ tôi im lặng không nói lời nào. về đến nhà mẹ tôi cởi áo, pha trà, ngồi bên bếp hồi lâu. Rồi mẹ tôi bảo tôi:

Nghe mẹ nói đây. Có nghe mẹ nói không?

Con nghe đây.

Đây là lần thứ hai người ta đóng sập cửa trước mặt con.

Thế ạ? Con không nhớ rõ.

Ngày trước Stephen Carey bảo với con và bố con rằng con không thể là một lễ sinh trong giáo đường và đóng sập cửa ngay trước mặt con. Con còn nhớ không?

Con nhớ.

Và bây giờ thầy dòng Murray đóng sập cửa trước mặt con.

Con không quan tâm. Con muốn đi làm.

Mặt mẹ tôi đanh lại và tôi biết mẹ tôi đang giận:

Con không bao giờ được để bất cứ ai đóng sập cửa trước mặt con nữa nghe không?

Mẹ tôi bắt đầu khóc:

Ôi, Chúa ơi, mẹ đâu có muốn sinh các con ra để các con làm những đứa đi đưa hàng.

Tôi không biết phải làm gì và nói gì nữa, tôi thấy nhẹ cả người vì tôi không phải đi học thêm năm hay sáu năm nữa.

Thế là tôi tự do.

Tôi đã mười ba sắp bước sang tuổi mười bốn và giờ đã là tháng Sáu, tháng cuối cùng trong đời tôi phải đi học. Mẹ tôi đưa tôi đến gặp linh mục Cowpar, để nhờ xin cho tôi làm một bưu tá. Người chịu trách nhiệm giám sát ở bưu điện, bà OConnell, hỏi tôi có biết đi xe đạp không, và tôi nói dối là có. Bà ấy nói tôi không thể bắt đầu công việc cho đến khi tôi tròn mười bốn tuổi vì thế bà ấy hẹn tôi tháng Tám quay lại.

Thầy O'Halloran nói với trước ba lớp rằng những trò như McCourt, Clarke, Kenedy, mà phải bổ củi và kéo nước thì đúng là một điều đáng hổ thẹn. Thầy bảo thầy chán ngán cái đất nước Ailen này cứ giữ khư khư cái hệ thống tầng lớp đã bị người Anh đánh tráo, rằng chúng ta đang ném những trẻ em tài năng của mình vào những đống phân.

Thầy kêu gọi:

Các trò hãy đi khỏi cái đất nước này. Hãy đi Mỹ đi, McCourt ạ. Trò có nghe thấy không?

Có nghe, thưa thầy.

Đây đâu phải là nhà chúng tôi và chúng tôi đâu có cảm thấy tự do như ở trong căn nhà thuộc ngõ Roden, tự do lèn Ý tự do xuống Ailen. Hễ ông bác họ Laman của chúng tôi về nhà là ông ta muốn đọc sách trên giường hoặc muốn ngủ và chúng tôi phải im lặng. Chúng tôi chơi ở ngoài đường đến tối mịt mới về và khi chúng tôi về căn nhà đó chúng tôi chẳng thể làm gì ngoài việc leo lên giường đi ngủ và nếu may có một cây nến hay có dầu thắp thì chúng tôi còn có thể đọc sách còn không thì thôi.

Tối tối mẹ tôi bảo chúng tôi đi ngủ trước, mẹ mang trà cho Laman rồi sẽ đi ngủ sau. Chúng tôi thường ngủ trước khi mẹ tôi trèo lên gác xép nhưng có những đêm chợt tỉnh giấc chúng tôi nghe thấy tiếng nói chuyện rì rầm ở trên gác cùng với tiếng rên. Có những đêm mẹ tôi ở tịt trên ấy chẳng xuống nữa để mặc Alphie và Michael độc chiếm cái giường rộng. Malachy nói trời tối nên mẹ tôi mang trà lên cho Laman xong không trèo xuống được.

Malachy mới mười hai tuổi và nó không hiểu.

Tôi mười ba và tôi nghĩ rằng họ ở trên đó làm chuyện thú vị với nhau.

Tôi đã biết đến chuyện thú vị kia và tôi biết nó là một tội lỗi nhưng làm sao nó có thể là một tội lỗi được khi nó đến với tôi trong một giấc mơ có các cô gái Mỹ mặc đồ tắm xuất hiện trên màn ảnh của rạp Lyric và nó làm người tôi nóng bừng? Nó là một tội lỗi khi mà bạn hoàn toàn tỉnh táo và tự làm cái chuyện thú vị kia một mình theo cái cách mà những đứa con trai thì thầm ở sân trường ngay sau khi thầy O'Dea gào to điều răn thứ sáu: "Không được phạm tội thông dâm, đó là ý nghĩ dơ bẩn, lời nói dơ bẩn, hành động dơ bẩn, và thông dâm có nghĩa là như vậy, chuyện dơ bẩn nói chung".

Một linh mục của nhà thờ Công giáo lúc nào đến giảng đạo cũng gào điều răn thứ sáu trước mặt chúng tôi. Ông ấy nói rằng tội dơ bẩn là tội nặng đến nỗi ngay cả Đức Mẹ Đồng Trinh cũng phải quay mặt đi mà khóc.

Tôi không thể dừng cái việc làm ô uế thân thể mình được. Các linh mục ở Limerick không có đủ kiên nhẫn dành cho những loại người như tôi. Tôi đi xưng tội và họ rít lên rằng tôi không có tinh thần tỉnh táo để ăn năn, rằng nếu tôi có tinh thần tỉnh táo thì tôi đã từ bỏ được tội lỗi ghê tởm đó. Tôi đi hết nhà thờ này đến nhà thờ khác tìm một linh mục dễ tính cho tới khi Paddy Clohessy mách rằng ở nhà thờ dòng Dominica có một linh mục

chín mươi tuổi điếc đặc. Cứ vài tuần linh mục già đó lại nghe tôi xưng tội và lẩm bẩm rằng tôi nên cầu nguyện cho ông ấy. Thỉnh thoảng ông ấy ngủ gật và tôi không có gan đánh thức ông ấy vậy nên ngày hôm sau tôi đi tới lễ Ban thánh thể mà chưa được sám hối hay xá tội. Nếu linh mục ngủ gật thì đó đâu phải là lỗi của tôi và tôi chắc mẩm rằng chỉ cần được ban thánh thể thôi là tôi cũng được cứu rỗi rồi. Rồi một hôm cửa ô ván ở bục xưng tội trượt trở lại và trước mặt tôi không phải là linh mục già mà là một linh mục trẻ măng có đôi tai to như hai con sò. Chắc chắn tôi nói gì linh mục này đều nghe thấy cả.

Xin hãy ban phước cho con, thưa Cha, vì con có tội, hòm nay là ngày thứ mười lăm kể từ khi con xưng tội lần cuối.

Vậy từ hôm ấy đến nay con đã mắc những tội gì?

Con đã đánh em con, con bỏ học đi lang thang, con nói dối mẹ con.

Được rồi, con của ta, còn gì nữa không?

Con-con-con đã làm những chuyện bẩn thỉu.

Ô, con của ta, con làm một mình hay với người khác hay với loài thú vật nào?

Thú vật. Tôi chưa bao giờ nghe thấy một tội lỗi nào như thế. Linh mục trẻ này chắc là từ nông thôn ra và nếu đúng như vậy thì quả là ông ấy đã mở ra cho tôi một thế giới mới.

Đêm trước hôm lớp tôi tổ chức đi Killiloe ông bác họ Laman của tôi về nhà người nồng nặc mùi rượu và ngồi xuống bàn ăn món cá tẩm bột chiên của ông ta. Ông ta sai mẹ tôi đi đun nước pha trà và khi mẹ tôi bảo rằng nhà hết than ông ta quát mắng mẹ tôi và gọi mẹ tôi là đồ đần độn sống nhờ dưới mái nhà của ông ta cùng với lũ con mất dạy. Ông ta ném tiền vào mặt tôi bắt tôi ra cửa hàng mua than. Tôi không muốn đi nhưng nếu tôi hé răng cãi ông ta một lời thì ông ta sẽ không cho tôi mượn xe nữa mà tôi thì đã đợi cơ hội đó suốt ba tuần rồi.

Khi mẹ tôi nhóm được bếp và đang đun nước để pha trà tôi nhắc ông ta chuyện mượn xe đạp. Ông ta hỏi:

Hôm nay mày đã đổ bô chưa?

Ôi, cháu quên mất rồi. Cháu sẽ đi đổ ngay đây.

Mày không đổ bô cho tao. Tao đã hứa cho mày mượn xe. Tao đã cho mày hai xu mỗi tuần để mày đi lấy sách và đổ bô cho tao vậy mà bây giờ mày đứng đó há cái mõm rộng hoác của mày ra nói rằng mày chưa làm.

Cháu xin lỗi. Cháu quên. Cháu sẽ đi làm ngay đây ạ.

Mày sẽ, mày sẽ ư? Mày nghĩ mày sẽ trèo lên gác bằng cách nào? Mày định lôi cái bàn của tao đi trong khi tao chưa ăn xong chỗ cá của tao chắc?

Mẹ tôi nói:

Hôm nay nó phải học cả ngày và còn phải đi khám mắt nữa.

Vậy thì mày quên chuyện xe đạp đi. Mày không làm như tao và mày đã thỏa thuận thì đừng có hòng.

Nhưng nó phải đi học cả ngày thật mà.

Ông ta quát mẹ tôi im mồm bảo mẹ tôi cứ lo việc của mình đừng có nhúng mũi vào và thế là mẹ tôi không nói gì nữa chỉ ngồi nhìn bếp lửa. Ông ta tiếp tục ăn cá nhưng tôi không chịu bỏ cuộc mà vẫn nhắc lại:

Bác đã hứa với cháu rồi. Cháu đã đổ bô và đi lấy sách cho bác ba tuần rồi.

Câm miệng và biến đi ngủ đi.

Bác không thể bảo cháu đi ngủ được. Bác có phải là bố của cháu đâu. Bác đã hứa với cháu rồi.

Tao nói cho mày biết nếu tao phải đứng dậy khỏi cái bàn này thì chắc chắn mày phải cầu cứu đến thánh bảo trợ của mày đấy thằng ranh ạ.

Bác đã hứa với cháu rồi.

Ông ta đẩy ghế đứng lên và lảo đảo tiến về phía tôi. Ông ta dí hai ngón tay vào trán tôi:

Tao bảo mày câm đi, câm ngay, thằng mắt lấm lét.

Cháu không câm. Bác đã hứa với cháu rồi.

Ông ta thụi vào vai tôi và tôi đứng im không nhúc nhích. Mẹ tôi lao đến, vừa khóc vừa cố lôi ông ta ra. Ông ta đấm và đá tôi suốt từ ngoài bếp vào đến phòng ngủ nhưng tôi vẫn nhắc lại:

Bác đã hứa rồi.

Ông ta đá tôi ngã dúi xuống giường của mẹ tôi và tôi phải đưa cả hai tay lên đỡ đòn để khỏi bị ông ấy đánh vào mặt. Ông ta rít lên:

Tao sẽ giết mày, đồ thối tha.

Mẹ tôi vừa kêu khóc vừa kéo ông ta ra ngoài bếp. Mẹ tôi bảo ông ta:

Thôi nào, thôi nào, ra ăn nốt cá đi. Nó chỉ là một đứa trẻ con thôi mà.

Tôi nghe tiếng ông ta ngồi xuống ghế. Tôi nghe thấy tiếng ông ta ăn uống. Tôi nghe thấy ông ta bảo mẹ tôi:

Đưa bao diêm đây, phải hút một điếu thuốc mới được, bực mình quá.

Và tôi nghe thấy tiếng ông ta thở khói thuốc ra cùng tiếng khóc thút thít của mẹ tôi.

Ông ta nói với mẹ tôi:

Tôi đi ngủ đây.

Đã say nên ông ta phải mất khá lâu mới trèo được lên ghế và leo được lên gác xép. Tôi nghe thấy tiếng giường ông ta cọt kẹt và nghe thấy tiếng ông ta ném giày xuống sàn.

Tôi có thể nghe rõ tiếng mẹ tôi khóc khi mẹ tôi thổi tắt ngọn đèn dầu. Căn nhà tối om. Tôi cứ ngỡ sau tất cả những gì vừa xảy ra chắc chắn mẹ tôi sẽ muốn về ngủ ở giường của mình và tôi

chuẩn bị trở về chiếc giường nhỏ để lấy chỗ cho mẹ tôi nằm. Thay vì thấy mẹ tôi về giường của mình tôi lại nghe thấy tiếng mẹ tôi kéo bàn, kê ghế, và nghe thấy tiếng thút thít của mẹ tôi trên gác xép. Mẹ tôi nói với ông Laman:

Nó chỉ là một đứa trẻ thôi mà, nó bị đau mắt.

Ông ta nói:

Nó là một bãi cứt thối, tôi muốn tống cổ nó ra khỏi nhà tôi.

Mẹ tôi vừa khóc vừa van xin ông ta cho đến khi tiếng van xin của mẹ tôi và tiếng càu nhàu của ông ta nhường chỗ cho những tiếng thì thầm và những tiếng rên và chả có gì nữa cả.

Họ ngáy ở trên gác còn các em tôi thì ngủ quanh xung quanh tôi. Tôi không thể ở lại nhà Laman được nữa vì nếu tôi ở lại thì lần tới khi Laman động vào người tôi tôi sẽ kề dao vào cổ ông ta mất. Tôi không biết phải làm gì, không biết phải đi đâu.

Tôi ra khỏi cái nhà đó và cứ đi lang thang qua các phố. Tôi mơ đến cảnh một ngày nào đó tôi sẽ quay lại gặp cái gã Laman đó. Tôi sẽ đi Mỹ và sẽ tìm đến Joe Louis. Tôi sẽ nói cho anh ta biết những khó khăn của tôi và anh ta sẽ hiểu bởi vì anh ta cũng xuất thân từ một gia đình nghèo khó. Anh ta sẽ chỉ cho tôi cách luyện cơ bắp, sẽ dạy tôi cách sử dụng chân tay. Anh ta sẽ dạy tôi cách kéo cằm vào vai như anh ta vẫn thường làm và sẽ dạy tôi tung ra cú đấm móc khiến cho gã Laman kia bay như một tàu lá. Tôi sẽ lôi gã đến nghĩa địa Mungret nơi có mồ mả của ông bà cụ kỵ của gã và của mẹ tôi và sẽ chôn gã tới cằm để cho cái mặt gã thò lên van xin tôi tha chết và tôi sẽ nói: “Đường cùng rồi, ông Laman , ông sẽ đi gặp tổ tiên nhà ông mà xin tha chết” và gã sẽ cầu xin, sẽ cầu xin luôn mồm trong khi tôi hất đất vào mặt gã và sẽ chôn sống gã còn gã sẽ chẳng thể làm gì được ngoài việc xin Chúa trời xá tội vì đã không cho tôi mượn xe đạp đã đấm đá tôi và đã làm cái chuyện thú vị kia với mẹ tôi và tôi sẽ cười to vì gã đã không được rửa tội sau khi đã làm chuyện thú vị với mẹ tôi và gã sẽ bị đầy xuống địa ngục.

Đường phố tối om và tôi phải để ý quan sát vì biết đâu đấy tôi lại gặp may như Malachy dạo trước đã nhặt được cá tẩm bột chiên của những người lính say đánh rơi. Dưới mặt đất chẳng có gì hết. Nếu tôi tìm được bác tôi, bác Ab Sheehan, thì có thể bác ấy sẽ cho tôi một ít cá tẩm bột chiên, nhưng những người ở trong quán cà phê Monument nói rằng bác ấy vừa mới đi khỏi quán rồi. Giờ tôi đã mười ba và tôi không còn gọi bác ấy là bác Pat nữa. Tôi gọi bác ấy là Ab hoặc Abbot giống như mọi người. Chắc chắn nếu tôi đến nhà bà tôi thì bác tôi thế nào cũng cho tôi một miếng bánh mì hoặc thứ gì đó để ăn và chưa biết chừng bác ấy còn cho tôi ngủ lại đó cũng nên. Tôi có thể nói với bác ấy rằng vài tuần nữa thôi là tôi sẽ đi làm cho bưu điện và sẽ kiếm được nhiều tiền và tự lo liệu được cuộc sống của mình.

Bác tôi ngồi trên giường chén sạch bữa tối của mình và thả xuống đất tờ báo gói thức ăn rồi chùi mồm và tay vào chăn. Bác ấy nhìn tôi và hỏi:

- Sao mặt mũi lại sưng thế kia? Bị ngã sấp mặt xuống à?

Tôi bảo đúng là tôi bị ngã vì có bảo khác thì cũng chẳng ích gì. Bác ấy sẽ chẳng hiểu. Bác ấy nói:

- Mày có thể ngủ ở giường mẹ tao. Mày không thể vác cái mặt như thế kia ra phố được và còn mắt mày nữa, khiếp đỏ thế.

Bác ấy nói trong nhà chẳng có gì ăn được, chẳng có lấy một vụn bánh, và khi bác ấy lăn ra ngủ tôi nhặt tờ báo ướt mỡ trên sàn lên. Tôi liếm trang báo đầy những tin và hình quảng cáo cho những bộ phim và những buổi khiêu vũ. Tôi liếm cả những dòng tít lớn nói về những trận đánh diễn ra ở Pháp và ở Đức. Tôi liếm cả cuộc chiến ở Thái Bình Dương. Tôi liếm cả những dòng cáo phó và những bài thơ buồn , những trang thể thao, những mục báo giá trứng và giá thịt. Tôi mút tờ báo cho đến khi nó không còn dính một tí mỡ nào.

Tôi không biết ngày mai mình sẽ phải làm gì.

14

Sáng ra bác Abbot đưa tiền bảo tôi đi mua bánh mì, sữa, trà, tạp chí. Bác ấy đun nước pha trà và nói:

- Mày uống trà đi, cho vừa đường chứ, tao không phải là một triệu phú đâu. Cho mày cả một miếng bánh đấy nhưng đừng có cắt dày quá nghe chưa.

Giờ đã là tháng Bảy và cuối cùng cuộc đời cắp sách của tôi đã chấm dứt vĩnh viễn. Vài tuần nữa thôi là tôi sẽ trở thành một người đi đưa điện tín, sẽ đi làm như một người đàn ông thực thụ. Vài tuần nữa thôi là tôi sẽ trở thành triệu phú thời gian muốn làm gì thì làm, có thể thức hay ngủ tùy thích, có thể đi bộ ra ngoại ô giống như bố tôi, và có thể đi quanh thành phố Limerick này. Nếu tôi có tiền tôi sẽ đến rạp Lyric, ăn kẹo, xem Errol Flynn chinh phục tất tần tật mọi người anh ta gặp. Tôi có thể đọc các tờ báo Anh và báo Ailen mà bác Abbot mang về nhà hoặc sử dụng thẻ thư viện của gã Laman và thẻ của mẹ tôi cho tới khi nào họ phát hiện ra.

Mẹ tôi cho Michael mang tới cho tôi một bình trà pha sữa còn ấm, mấy lát bánh mì, một mảnh giấy trong đó có viết rằng Laman không còn giận nữa nên tôi có thể về nhà. Michael nói:

- Anh về nhà thôi chứ, anh Frankie?

Không.

Về đi mà, Frankie.

Anh ở đây. Anh không bao giờ về đó nữa đâu.

Nhưng anh Malachy đi lính rồi còn anh lại ở đây và em chẳng có anh nào ở nhà hết. Tất cả bọn nó đều có anh trai ở nhà mà em chỉ có mỗi Alphie thôi. Nó mới bốn tuổi chẳng nói chuyện được với em nhiều như anh và anh Malachy.

Anh không về đâu. Anh sẽ không bao giờ về đó đâu. Lúc nào thích chơi với anh em cứ đến đây.

Em tôi rơm rớm nước mắt khiến lòng tôi nhói đau. Tôi muốn nói với nó: "Được rồi, anh sẽ về với em". Tôi chỉ nói thế thôi. Tôi biết tôi sẽ không bao giờ có thể đối mặt với gã Laman nữa và tôi không biết liệu tôi còn có thể nhìn mặt mẹ tôi nữa hay không. Tôi nhìn theo Michael đi ra ngõ với đôi giày rách phát ra những tiếng lách tách trên vỉa hè. Ngay khi tôi nhận được tuần lương đầu tiền do bưu điện trả tôi sẽ mua cho em tôi một đôi giày. Tôi sẽ mua cho nó một quả trứng và dẫn nó tới rạp Lyric xem phim và mua kẹo cho nó ăn và sau khi đi xem phim chúng tôi sẽ đến quán Naughton ăn cá tẩm bột chiên cho đến khi bụng chúng tôi no kềnh mới thôi. Một ngày nào đó tôi sẽ kiếm đủ tiền để mua một căn nhà hoặc một căn hộ có điện sáng, có nhà vệ sinh riêng cùng những chiếc giường trải khăn sạch sẽ và những chiếc gối êm. Chúng tôi sẽ ăn sáng trong một căn bếp sáng trưng có những bông hoa nhảy múa bên ngoài cửa sổ và những chiếc cốc chiếc đĩa xinh xắn, sẽ ăn món trứng, lòng đỏ trứng phết bơ béo ngậy, với một bình trà thơm ngọt và bánh mì nướng phết mứt cam. Chúng tôi sẽ nghỉ ngơi thoải mái và nghe nhạc từ chương trình của đài BBC và đài Mỹ. Tôi sẽ mua quần áo tử tế cho mọi người trong nhà để mông chúng tôi không thò ra ngoài quần khiến chúng tôi xấu hổ. Nghĩ đến sự xấu hổ tôi lại thấy đau lòng và tôi bắt đầu sụt sịt. Bác Abbot thấy thế bèn hỏi:

- Mày làm sao thế? Mày không được ăn bánh chứ gì? Mày muốn gì nữa nào? Chắc thằng này đòi ăn trứng đây.

Nói chuyện với một người bị tật ở đầu phải đi bán báo kiếm sống chẳng ích gì.

Bác ấy phàn nàn rằng bác ấy không thể nuôi tôi ăn mãi được và bảo tôi phải tự kiếm lấy bánh và trà mà dùng. Bác ấy không muốn về nhà nhìn thấy tôi ngồi đọc báo dưới ánh điện trong bếp nhà bác ấy. Bác ấy biết đọc số nên trước khi bác ấy ra ngoài bán

báo bác ấy nhìn số trên đồng hồ đo điện và vừa về đến nhà là bác ấy kiểm tra ngay xem tôi dùng hết bao nhiêu điện của bác ấy và nếu tôi không tắt đèn đi thì bác ấy tháo cầu chì bỏ vào túi áo mang đi và nếu tôi cho một cái cầu chì mới vào thì bác ấy thôi dùng điện luôn và chuyển sang dùng khí gas, thứ nhiên liệu mà ở thời của bà tôi là quá tốt và với bác ấy thì cũng chẳng có gì đáng kêu ca bởi vì bác ấy chỉ ngồi trên giường ăn cá và khoai tây rồi đếm tiền rồi lăn ra ngủ.

Tôi dậy sớm giống như bố tôi và đi bộ ra ngoại ô. Tôi đi vòng qua nghĩa trang Mungret nơi có mộ của họ hàng đằng nhà mẹ tôi rồi tôi đi ngược lên pháo đài Norman ở Carrigogunnell nơi bố tôi đã đưa tôi đến vài lần. Tôi trèo lên đỉnh pháo đài và ngắm đất nước Ailen trải dài trước mắt, ngắm con sông Shannon lấp lánh dưới ánh mắt trời như một dải lụa óng vắt ra tận Đại Tây Dương. Bố tôi kể rằng pháo đài này được xây dựng hàng trăm năm trước và nếu bạn đợi tới lúc những con chim chiền chiện ngừng hót thì bạn có thể nghe thấy tiếng quai búa và tiếng nói chuyện rì rầm của người Norman trước khi họ vào trận đánh. Một lần bố tôi đưa tôi lên đây vào buổi tối để tôi có thể nghe thấy người Norman nói chuyện và tôi đã nghe thấy. Tôi đã nghe thấy tiếng nói của họ.

Thỉnh thoảng tôi lên đó một mình và đứng ở trên cao tôi nghe thấy tiếng cười tiếng hát của những cô gái Norman thời xưa và khi tưởng tượng ra họ tôi bị cuốn hút đến nỗi tôi trèo lên tận điểm cao nhất của pháo đài nơi xưa kia đã từng có một cái tháp và ở trên đó trước toàn cảnh đất nước Ailen tôi làm chuyện thú vị một mình.

Đó là một tội lỗi mà tôi không bao giờ có thể nói với một linh mục. Trèo lên pháo đài cao và thủ dâm trước toàn cảnh Ailen chắc chắn phải tồi tệ hơn là làm chuyện đó ở một nơi kín đáo một mình hay với người khác hay với thú vật. Ởbên dưới trên những cánh đồng hay trên bờ sông Shannon một đứa bé hoặc

một cô gái đi vắt sữa có thể nhìn lên và bắt gặp tôi đang phạm tội và nếu họ nhìn thấy thật thì tôi bị kết tội là cái chắc bởi vì linh mục luôn nói rằng bất cứ ai để cho một đứa trẻ thấy mình đang phạm tội thì người đó sẽ phải gánh một trách nhiệm nặng nề và đáng bị ném xuống biển.

Tôi ước gì linh mục già điếc đặc của nhà thờ Dominica quay về nhà thờ để tôi có thể nói với ông ấy những rắc rối của tôi xung quanh chuyện thú vị nhưng ông ấy chết rồi và tôi phải đối mặt với một linh mục cứ luôn miệng nói về trách nhiệm nặng nề và việc kết tội.

Kết tội. Đó là từ mà tất cả các linh mục ở Limerick đều ưa dùng.

Tôi đi bộ dọc đại lộ O'Connell và đại lộ Ballinacurra nơi những người giao sữa và bánh mì sớm để hàng trên các bậc cửa và chắc chắn nếu tôi mượn tạm một ổ bánh hay một bình sữa thì cũng chẳng chết ai vì dù thế nào thì khi tôi nhận được tiền công ở bưu điện tôi cũng sẽ trả lại các thứ tôi lấy cho người ta. Tôi không ăn trộm, tôi chỉ mượn thòi, và như thế đâu phải là tội lỗi. Hơn nữa lúc đứng trên pháo đài tôi còn phạm vào một tội tày trời thì đã sao và nếu bạn đã phạm vào một tội lỗi thì bạn có lẽ sẽ phạm thêm mấy tội nữa vì đằng nào thì bạn cũng bị đày xuống địa ngục thôi. Một tội thì cũng vĩnh viễn ở địa ngục. Một trăm tội thì cũng xuống đến địa ngục là cùng.

Trộm một con cừu non hay một con cừu to thì cũng vẫn bị treo cổ, mẹ tôi đã nói thế. Tôi uống một bình sữa lạ và bỏ cái bình lại để người đi giao sữa khỏi bị phạt vì không giao hàng. Tôi quý những người giao sữa bởi vì đã có lần một người giao sữa cho tôi hai quả trứng vỡ và tôi đã mút sống ngon lành. Người giao sữa ấy bảo rằng nếu tôi không ăn gì khác mà ngày nào cũng ăn hai quả trứng ngâm trong một ly bia đen thì lớn lên tôi sẽ rất khỏe mạnh. Tất cả những gì bạn cần đều ở trong trứng cả và tất cả những gì bạn muốn đều ở trong bia rồi.

Một số nhà đặt mua loại bánh mì ngon hơn những nhà khác. Loại bánh mì ngon đương nhiên là đắt hơn và tôi mượn loại ngon vì đằng nào cũng cùng công mượn. Tôi cảm thấy ái ngại cho những người giàu kia sáng dậy ra cửa chẳng thấy sữa và bánh của mình đâu nhưng tôi không thể để cho mình chết đói được. Nếu tôi để mình đói quá thì tôi sẽ không có sức để đi đưa điện tín, và thế có nghĩa là tôi sẽ không có tiền để trả lại bánh mì và sữa tôi đã mượn của người ta và sẽ không thể tiết kiệm tiền để đi Mỹ được và nếu tôi không thể đi Mỹ thì tôi chỉ còn nước nhảy xuống sông Shannon. Chỉ mấy tuần nữa thôi là tôi sẽ có những đồng tiền lương đầu tiên và chắc chắn từ giờ đến lúc đó những người giàu kia sẽ chẳng chết đói được đâu mà tôi lo.

Họ luôn có thể sai người giúp việc nhà họ đi mua bánh tiếp. Đó chính là sự khác biệt giữa người nghèo và người giàu. Người nghèo không thể mua thêm bánh bởi vì họ lấy đâu ra tiền mà mua và nếu họ có tiền đi nữa thì cũng làm gì có người giúp việc để mà sai đi. Điều khiến tôi ngại nhất chính là những người giúp việc. Tôi phải cẩn thận khi mượn sữa và bánh mì bởi những cô giúp việc thường lau cửa sớm. Nếu họ nhìn thấy tôi họ sẽ chạy vào nhà kêu với bà chủ của họ: "Ôi, bà chủ ơi, ngoài kia có một thằng cu đã lấy trộm hết cả bánh mì và sữa rồi".

Thằng cu. Những cô giúp việc luôn nói như thế bởi họ đều từ nông thôn ra, những con bê cái, như chú của Paddy Clohenssy vẫn nói, và đến cả đám hơi bốc lên khi họ đi tiểu họ cũng không cho bạn đâu.

Tôi mang bánh mì về nhà và thậm chí nếu bác Abbot có ngạc nhiên thì bác ấy cũng chẳng hỏi xem tôi lấy bánh ở đâu ra bởi vì bác ấy bị tật ở đầu và cái tật đó làm cho tính tò mò biến hẳn khỏi đầu bác ấy. Bác ấy chỉ giương đôi mắt to xanh ở giữa và vàng ở xung quanh lên nhìn tôi rồi xì xụp uống trà từ cái cốc đã vỡ mà bà tôi để lại. Bác ấy bảo tôi:

Cái cốc đó là của tao. *Tráng* xa nó ra.

Tráng xa nó ra. Đó là kiểu nói của những người sống trong những khu ổ chuột Limerick làm bố tôi lo lắng. Bố tôi nói:

Tôi không muốn các con lớn lên trong một cái ngõ ở Limerick và mở miệng nói "*Tráng* xa nó ra". Như thế nghe tầm thường lắm. Phải nói đúng là "Tránh xa nó ra" chứ.

Mẹ tôi bẻ lại:

Tôi hy vọng anh nói chuẩn nhưng anh có làm gì để chúng ta *tráng* xa nó ra đâu.

Ra tới khu Ballinacurra tôi trèo tường vào các vườn quả hái trộm táo. Nếu thấy một con chó thì tôi dừng lại bởi tôi không được Paddy Clohessy bày cho cách nói chuyện với chó. Những người nông dân đuổi bắt tôi nhưng họ đi ủng cao su nên chạy rất chậm và nếu họ có nhảy lên xe đạp đuổi theo tôi thì tôi lại trèo qua tường và thế là họ chịu không vác xe qua tường được.

Bác Abbot biết tôi lấy táo ở đâu. Nếu bạn lớn lên trong một ngõ nghèo của Limerick thì sớm hay muộn bạn cũng đi hái trộm táo. Cho dù bạn không thích ăn táo đi nữa bạn vẫn phải trộm táo nếu không bạn bè của bạn sẽ gọi bạn là đồ ẻo lả.

Tôi thường mời bác Abbot ăn táo nhưng bác ấy không ăn bởi vì bác ấy bị thiếu răng. Bác ấy chỉ còn có năm cái răng thôi và bác ấy không dám liều cắm chúng vào một quả táo. Nếu tôi bổ táo ra thành những miếng nhỏ và mời bác ấy thì bác ấy lại bảo rằng ăn táo như thế là không đúng kiểu. Bác ấy nói như vậy đấy và nếu tôi bảo rằng bác ấy vẫn cắt bánh mì ăn đấy thôi thì bác ấy lại nói rằng táo là táo mà bánh mì là bánh mì.

Khi người ta bị tật ở đầu thì người ta nói theo kiểu ấy đấy.

Michael lại mang trà pha với sữa và bánh mì đến cho tôi. Tôi bảo với nó rằng tôi không cần những thứ đó nữa. Tôi nói:

- Về bảo với mẹ là anh tự lo cho mình được và anh không cần trà của mẹ đâu. Bảo mẹ là anh cám ơn.

Michael vui khi tôi cho nó một quả táo và thế là tôi bảo nó cứ hai ngày lại đến một lần mà ăn táo. Tôi nói thế làm nó không đòi tôi về nhà nữa và tôi mừng vì nó không khóc trước mặt tôi.

Ở Irishtown có một cái chợ nông sản mở cửa vào các ngày thứ Bảy. Nếu như tôi đến đó sớm và giúp những người nông dân dỡ hàng thì họ sẽ cho tôi vài xu. Vào cuối ngày họ cho tôi chỗ rau họ không bán hết. Một bà vợ của một người nông dân luôn cho tôi những quả trứng vỡ. Bà ấy bảo tôi:

- Sáng mai sau khi đã được rửa tội ở lễ Mixa cậu hãy rán trứng lên mà ăn vì nếu cậu ăn trứng khi cậu còn mang một cái tội thì trứng sẽ mắc trong cổ họng câu không trôi xuống đâu.

Bà ấy là vợ một nông dân và bà ấy nói như thế đấy.

Bây giờ tôi chẳng khác một kẻ ăn xin là mấy vì tôi hay đứng chầu trước các cửa hàng bán cá tẩm bột chiên đợi tới giờ người ta đóng cửa hàng để nhặt những chỗ cá tẩm bột chiên quá lửa hoặc những miếng cá người ta ăn thừa. Nếu người của cửa hàng không vội họ sẽ lấy cho tôi một ít khoai tây chiên và cho tôi một mảnh báo để gói.

Tôi thích tờ *News of the world.* Ở Ailen tờ báo đó bị cấm lưu hành nhưng người ta vẫn lén đưa nó từ Anh vào vì nó hay có ảnh các cô gái mặc áo tắm mà như không mặc gì. Đọc tờ báo đó bạn sẽ thấy người ta phạm đủ các loại tội lỗi từ tội ly dị cho đến tội thông dâm.

Thông dâm. Tôi vẫn phải tra từ điển để tìm xem thông dâm nghĩa là gì, tôi sẽ phải đến thư viên tìm cho ra mới được.

Tôi mang gói khoai tây về nhà và leo lên giường giống như bác Abbot. Nếu bác Abbot mà nốc vài vại bia vào thì bác ấy sẽ ngồi trên giường ăn cá và khoai tây chiên bọc trong tờ *Limerick Leader* và hát *Đường đến Rasheen.* Tôi ăn khoai tây chiên của tôi. Tôi liếm tờ *News of the world.* Tôi liếm những câu chuyện nói về những người làm chuyện giật gân. Tôi thích các cô gái mặc áo tắm và khi không còn gì để liếm nữa tôi ngồi ngắm các cô gái

trong tờ báo cho tới khi bác Abbot thổi đèn đi và tôi chui vào chăn và ở trong chăn tôi lại phạm một trọng tội.

Với thẻ thư viện của Laman và thẻ của mẹ tôi tôi có thể đến thư viện bất cứ lúc nào. Tôi sẽ không bị Laman bắt gặp bởi vì vào thứ Bảy ông ta có bao giờ ra khỏi giường đâu còn mẹ tôi thì xấu hổ vì ăn mặc nhếch nhác lên chẳng dám đến gần thư viện.

Cô quản thư O'Riordan mỉm cười và nói:

Cuốn *Cuộc đời của các vị thánh* đang đợi cậu đấy, Frank ạ. Từng tập từng tập đang đợi cậu. Tôi đã nói chuyện với giám đốc thư viện về cậu rồi và bà ấy hài lòng đến nỗi bà nói sẩn sàng cấp thẻ đọc sách cho cậu khi cậu đủ tuổi. Như thế tuyệt đấy chứ?

Cảm ơn cô, cô O'Riordan.

Tôi đọc về thánh Brigid, một thánh đồng trinh. Nữ thánh này đẹp đến nỗi đàn ông trên khắp Ailen ước ao được lấy bà làm vợ và bố của bà muốn bà kết hôn với một người có chức tước. Bà không muốn lấy ai hết vì thế bà cầu Chúa giúp bà và Người đã làm cho một bên mắt của bà tan chảy và làm cho nó chảy xuống má bà thành một vệt to khiến cho khuôn mặt bà trở nên khó coi và thế là đàn ông không còn để ý đến bà nữa.

Tôi thích thánh Moling, một giám mục người Ailen. Một hôm ông đang bước đi thì một người hủi gọi ông và hỏi:

Thánh Moling, ngài đi đâu đấy ạ?

Ta đi lễ Mixa.

Tôi cũng đi lễ Mixa đây. Ngài cõng tôi đi với được không?

Thánh Moling đồng ý nhưng khi ông vừa cõng người hủi lên lưng thì người hủi đã bắt đầu phàn nàn:

Áo lông của ngài đâm vào những chỗ lở loét trên người tôi khó chịu quá. Ngài cởi nó ra đi.

Thánh Moling cởi áo lông của mình ra và họ tiếp tục đi. Nhưng rồi người hủi lại nói:

Tôi phải xì mũi.

Thánh Moling bảo người hủi:

Ta không có khăn tay đâu, dùng tay ông mà lau.

Người hủi ca thán:

Tôi không thể vừa bám vai ngài vừa xì mũi được.

Thánh Moling nói:

Thôi được, ông có thể xì mũi vào tay ta.

Người hủi lắc đầu:

Không được đâu, hủi đã ăn mất một bàn tay của tôi rồi và tôi không thể vừa bám vai ngài vừa xì mũi vào tay ngài được. Nếu ngài là một vị thánh thực sự thì ngài hãy quay đầu ra sau và mút nước mũi đi cho tôi.

Thánh Moling không muốn mút nước mũi của người hủi nhưng ông đã làm vậy và sau khi nhổ nước mũi của người hủi đi ông đã tạ ơn Chúa đã cho ông làm việc đó.

Tôi có thể hiểu được việc bố tôi mút nước mũi cho Michael khi nó còn bé nhưng tôi không thể hiểu được tại sao Chúa lại muốn thánh Moling mút mũi cho một người hủi. Tôi không hiểu Chúa chút nào và cho dù tôi rất muốn làm một vị thánh được mọi người sùng kính đi nữa tôi sẽ không bao giờ mút nước mũi cho một người hủi. Tôi muốn trở thành một vị thánh nhưng nếu làm thánh mà phải làm những việc như thế thì tôi nghĩ là tôi sẽ vẫn là tôi thôi chẳng làm thánh nữa.

Tuy vậy tôi vẫn sẵn sàng ở trong thư viện này cả đời đọc về những vị thánh đồng trinh và những vị thánh đồng trinh tử vì đạo cho tới khi tôi gặp rắc rối với cô O'Riordan vì một cuốn sách ai đó bỏ lại trên bàn của thư viện. Tác giả của cuốn sách là Lin Yutang. Ai cũng biết đó là một cái tên Trung Quốc và tôi tò mò muốn biết người Trung Quốc nói về chuyện gì. Đó là một cuốn sách gồm những bài tiểu luận về tình yêu và cơ thể con người trong đó có một từ khiến tôi tìm từ điển để tra. Cương. Tác giả

viết rằng bộ phận giao hợp của nam giới cương lên khi tiếp xúc với bộ phận giao hợp của nữ.

Cương. Từ điển giải thích đó là sưng phồng hoặc căng lên và giờ thì tôi đã hiểu những gì Mickey Molloy đã nói với tôi dạo trước, và tôi đã hiểu rằng chúng ta cũng làm cái việc tương tự như việc những con chó đực và chó cái làm với nhau trên đường và tôi thật sửng sốt khi nghĩ rằng tất cả các ông bố và các bà mẹ đều làm cái việc đó.

Bố tôi đã nói dối tôi ngần ấy năm về thiên thần trên bậc thang thứ bảy.

Cô O'Riordan muốn biết tôi đang tra từ gì. Cô ấy có vẻ lo lắng khi thấy tôi cứ chúi mũi vào cuốn từ điển vì thế tôi bảo cô ấy rằng tôi đang tra một từ về tôn giáo.

- Gì thế này? Cô ấy nói. - Đây đâu phải là cuốn *Cuộc đời của các vị thánh.*

Cô ấy cầm cuốn sách của Lin Yutang lên và đọc những dòng chữ trên trang sách tôi đang đọc dở.

Lạy Chúa. Cậu đang đọc thứ này phải không? Rõ ràng tôi đã thấy cậu cầm nó mà.

Ô, cháu-cháu-chỉ muốn biết người Trung Quốc có các vị thánh của họ hay không thôi.

Ô, cậu đã đọc. Thứ này thật bẩn thỉu. Đúng là rác rưởi. Chẳng trách người Trung Quốc lại vậy. Nhưng cậu mong đợi tìm thấy gì ở những người mắt xiên da vàng ấy chứ, còn cậu, cậu hãy nhìn mình xem, cậu cũng có cái mắt xiên đấy. Cậu phải ra khỏi thư viện này ngay lập tức.

Nhưng cháu đang đọc cuốn *Cuộc đời của các vị thánh* mà.

Ra ngay nếu không tôi sẽ gọi người đứng đầu thư viện và bà ấy sẽ cho bảo vệ tới tống cổ cậu ra. Ra ngay. Cậu nên chạy ngay đến Cha xứ mà xưng tội đi. Đi ngay, và trước khi đi hãy nộp thẻ thư viện của người mẹ tội nghiệp của cậu và thẻ của ông Laman cho

tôi. Tôi không quên viết cho mẹ cậu để mẹ cậu biết việc này đâu. Lin Yutang, đúng. Ra ngay.

Khi những người thủ thư nổi giận như vậy thì có cố nói với họ cũng chẳng ích gì. Bạn có thể đứng đó cả giờ nói với họ tất cả những gì bạn đã đọc về những người hầu tử vì đạo của vị thánh đó nhưng họ chỉ nghĩ về mỗi một từ bạn đọc trong một trang sách của Lin Yutang mà thôi.

Hôm trước ngày sinh nhật lần thứ mười bốn của tôi tôi đứng trước chiếc tủ gương của bà tôi và nhìn mình ở trong đó. Tôi nhận thấy rằng bộ dạng tôi như thế thì khó mà bắt đầu công việc ở bưu điện được. Tất cả những thứ tôi mặc trên người đều rách bươm, còn giày thì có lẽ sẽ rơi khỏi chân tôi bất cứ lúc nào. Nếu mẹ tôi nhìn thấy những thứ tôi mặc trên người bây giờ thì thế nào mẹ tôi cũng sẽ gọi chúng là "Chút lịch sự còn lại của chúng ta". Nếu quần áo của tôi đã tệ thì người tôi còn tệ hơn. Cho dù tôi cố công gội đầu dưới vòi nước bao nhiêu đi nữa tóc tôi vẫn cứ dựng đứng lên. Cách tốt nhất để xử lý những sợi tóc dựng đứng là dùng nước bọt, chỉ có điều bạn khó có thể nhổ bọt lên đầu mình được. Bạn phải nhổ nước bọt lên cao và cúi đầu xuống thật nhanh mà đón để nó rơi vào đầu bạn. Mắt tôi thì đỏ và đùn rỉ vàng, trên mặt tôi có đầy những mụn đỏ còn mấy cái răng cửa của tôi thì đen xỉn đến nỗi tôi nghĩ cả đời tôi sẽ không bao giờ dám cười nữa.

Tôi trông chẳng có vai gì hết trong khi đó tôi biết cả thế giới này ngưỡng mộ những đôi vai. ỞLimerick khi một người đàn ông qua đời những người phụ nữ luôn nói: "Ông ấy là một người đàn ông bệ vệ, vai ông ấy rộng đến nỗi ông ấy không đi vừa qua cửa nhà chị đâu, phải đi nghiêng". Nếu tôi chết người ta sẽ nói: "Thằng quỷ nhỏ đáng thương, chết mà chẳng có vai gì hết". Tôi ước gì trông tôi có vai để người ta biết rằng tôi đã mười bốn tuổi. Tất cả những thằng con trai ở Limerick này đều có vai trừ Fintan Slattery và tôi không muốn giống như câu ta cứ quì mà cầu

nguyện đến mòn cả đầu gối. Nếu tôi có một ít tiền thì tôi sẽ thắp nến trước tượng thánh Francis và hỏi thánh xem liệu có thể xin Chúa trời cho vai tôi một ít cơ bắp hay không. Giả thử tôi có một con tem tôi sẽ viết thư cho Joe Louis và hỏi anh ta: "Anh Joe thân mến, anh làm ơn cho tôi biết anh lấy đâu ra đôi vai cơ bắp như thế khi mà anh cũng là con nhà nghèo?".

Tôi trông phải lịch sự thì mới có thể đi làm ở bưu điện được vì thế tôi cởi hết quần áo ra và đành cứ trần truồng như thế đem quần áo ra vòi nước lấy bánh xà phòng giặt chúng. Tôi phơi quần áo và tất lên cái dây phơi của bà tôi, và cầu Chúa cho trời đừng mưa, cầu cho quần áo của tôi sẽ mau khô để tôi có thể mặc vào ngày mai, ngày khởi đầu cuộc đời của tôi.

Tôi không thể đi đâu khi mà trên người tôi chẳng có lấy một mảnh vải vì thế tôi ở trên giường cả ngày đọc những tờ báo cũ và ngắm những cô gái trong tờ *News of the world* và cảm ơn Chúa vì bên ngoài vẫn nắng. Năm giờ chiều bác Abbot về nhà và ở dưới nhà pha trà và mặc dầu rất đói bụng tôi không dám mở miệng xin bác ấy thức ăn vì tôi biết bác ấy sẽ càu nhàu. Bác ấy biết tôi rất sợ bác ấy sẽ đi gặp bác Aggie và nói cho bác Aggie biết rằng tôi đang ở nhà bà tôi và ngủ trên giường của bà và nếu bác Aggie mà nghe thấy như thế thì bác ấy sẽ lập tức chạy đến tống cổ tôi ra đường.

Hôm nào ăn xong bác Abbot cũng giấu bánh mì đi và tôi không bao giờ tìm thấy bánh của bác ấy. Thế nào bạn cũng nghĩ rằng một người không bị tật ở đầu thừa sức tìm được cái bánh mà một người bị tật ở đầu đã giấu. Rồi tôi hiểu ra rằng nếu cái bánh mì đó không có ở trong nhà thì chắc chắn bác tôi cất nó trong túi áo khoác bác ấy mặc trong cả mùa hè lẫn mùa đông. Nghe thấy tiếng bác Abbot đi từ bếp ra nhà vệ sinh một cái là tôi chạy ngay xuống dưới nhà, thọc tay vào túi áo khoác của bác ấy và lôi chiếc bánh ra, cắt một lát bánh thật dày, để phần bánh còn lại vào chỗ cũ, lên gác và đi nằm. Bác ấy chẳng thể nói gì được,

chẳng thể buộc tội tôi được. Bạn phải là tên trộm mạt hạng mới đi ăn trộm một lát bánh mì và chẳng ai lại đi tin bác Abbot, thậm chí cả bác Aggie cũng không tin. Không những không tin mà có khi bác Aggie còn mắng bác Abbot: "Anh làm gì mà phải để một cái bánh mì trong túi áo, hả? Không có chỗ nào khác để cất một cái bánh mì hay sao?".

Tôi nhai bánh thật chậm. Cứ khoảng mười lăm phút tôi mới cắn một miếng để ăn được lâu và nếu bánh mì trôi xuống dạ dày tôi cùng với nước thì nó sẽ nở ra và sẽ khiến cho tôi có cảm giác no.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ để chắc rằng mặt trời chiều vẫn đang làm khô quần áo cho tôi. Nhìn sang những cái sân khác tôi thấy những dây phơi với đầy những quần áo mang màu sắc tươi sáng đang nhảy múa trong gió. Quần áo của tôi trên dây phơi trông chẳng khác gì những con chó chết.

Ở bên ngoài mặt trời rực rỡ thật nhưng trong nhà thì lạnh và ẩm thấp và tôi ước tôi có gì đó để mà mặc cho đỡ lạnh. Tôi không còn quần áo nào nữa và nếu tôi mà động vào thứ gì của bác Abbot thì chắc chắn bác ấy sẽ chạy ngay đi tìm bác Aggie. Tất cả những gì tôi tìm thấy trong cái tủ quần áo là chiếc váy len đen của bà tôi. Người ta cho rằng bạn không nên mặc váy của bà bạn khi bà bạn đã chết và bạn lại là con trai nhưng mặc thì đã sao nếu nó làm bạn đỡ rét, mà bạn ở trong chăn có ai biết đâu mà sợ. Chiếc váy vẫn còn mùi của bà tôi và tôi lo không biết bà tôi có đội mồ dậy và nguyên rủa tôi trước toàn thể họ hàng hay không. Tôi cầu thánh Francis, cầu xin thánh giữ bà tôi ở yên dưới mồ, hứa với thánh rằng khi nào đi làm ở bưu điện tôi sẽ thắp một cây nến cho thánh, nhắc thánh rằng cái áo choàng thánh khoác trên người trông cũng chẳng khác một cái váy là mấy mà có ai dày vò thánh vì cái áo đó đâu và tôi ngủ thiếp đi để rồi nhìn thấy khuôn mặt thánh trong giấc mơ của mình.

Điều tồi tệ nhất trên đời là khi bạn đang ngủ trên giường của người bà quá cố, mặc trên người chiếc váy đen của bà thì bác Abbot lại bị ngã bên ngoài quán South sau một tối uống say bí tỉ và kẻ rỗi hơi nào đó đã chạy đến nhà bác Aggie bảo cho bác ấy biết để bác ấy và bác Pa Keating đến đưa bác Abbot về nhà, dìu bác ấy lên gác nơi bạn đang ngủ ngon và quát vào mặt bạn: "Mày làm gì trong cái nhà này, trên cái giường này, hả? Dậy ngay và đi đun nước pha trà cho bác Pat khốn khổ của mày đi" và khi bạn còn ngơ ngác chưa kịp nhúc nhích thì bác Aggie đã kéo chăn của bạn ra và giật người lên như thể nhìn thấy ma và hét: "Mày làm gì với cái váy của mẹ tao thế hả?".

Đó là điều tồi tệ nhất bởi vì thật khó mà giải thích rằng bạn đang chuẩn bị cho một công việc quan trọng trong đời mình, rằng bạn đã giặt hết quần áo và đang phơi chúng trên dây, rằng trời rất lạnh nên bạn buộc phải mặc thứ duy nhất bạn tìm thấy trong nhà để khỏi chết cóng, và thật là khó nói tất cả với bác Aggie được khi mà bác Abbot ở trên giường cứ luôn mồm rên la: "Chân tôi nóng như lửa thế này, đổ nước vào chân tôi đi", còn bác Pa Keating thì lấy tay bưng miệng, dựa vào tường mà cười và bảo bạn rằng trông bạn rất tuyệt và màu đen rất hợp với bạn và bạn nhớ vuốt thẳng riềm váy. Bạn không biết phải làm gì khi bác Aggie bảo bạn: "Ra khỏi giường ngay và xuống bếp đun nước để pha trà cho bác mày. Mày cởi cái váy đó ra và quấn chăn vào mà đi hay mày cứ mặc nguyên thế mà đi, hả?". Phút trước bác ấy vừa mới la: "Mày làm gì với cái váy của mẹ tao thế hả?" phút sau bác ấy đã bảo bạn xách ấm xuống dưới nhà đun nước. Tôi bảo với bác ấy rằng tôi đã giặt hết cả quần áo để chuẩn bị đi nhận việc.

- Việc gì?

- Đi đưa điện tín ạ.

Bác Aggie nói rằng nếu bưu điện thuê loại người như tôi vào làm thì chắc là cả bưu điện hết hy vọng rồi, và bác ấy lại quát tôi

đi đun nước.

Điều tồi tệ xảy đến tiếp theo là bạn mang ấm ra sân sau để lấy nước đúng lúc cô Kathleen Purcell bên hàng xóm đang nghển cổ qua tường nhìn vào để tìm con mèo nhà cô ta. Bạn nghe rõ tiếng cô ấy sửng sốt: "Lạy Chúa tôi, Frankie McCourt, cậu làm gì với cái váy của bà cậu thế?" và bạn phải đứng đó với cái váy của bà bạn trên người và cái ấm trên tay mà giải thích rằng bạn đã giặt tất cả quần áo đem phơi trên cái dây kia và bạn rét quá không biết lấy gì mà mặc đành phải mặc váy của người bà đã qua đời và bác Pat, tức là bác Abbot, bị ngã nên vợ chồng bác Aggie đưa bác ấy về nhà và bác Aggie sai bạn đi đun nước và bạn sẽ thay cái váy này ra ngay khi quần áo của bạn khô bởi vì bạn chẳng thích mặc cái váy của người bà quá cố cả đời.

Kathleen rú lên, buông tay khỏi tường, quên tuột con mèo nhà cô ta, và bạn có thể nghe thấy cô ta cười rúc rích và hớt hải kể với bà mẹ mù rằng Frankie McCourt mặc váy của bà ngoại quá cố. Bạn phải biết rằng một khi Kathleen Purcell mà biết tí tẹo thông tin của một vụ xì căng đan thì trước khi trời sáng cả ngõ sẽ biết hết và bạn có thể thò đầu ra ngoài cửa sổ mà thực hiện một thông cáo chung về bản thân bạn và vấn đề chiếc váy.

Âm nước chưa kịp sôi thì bác Abbot đã ngủ mất vì say quá và bác Aggie nói rằng chính bác ấy và bác Pa sẽ uống trà còn tôi có uống hay không bác ấy không quan tâm. Bác Pa nói rằng nghĩ đi nghĩ lại bác ấy thấy chiếc váy đen tôi mặc có thể là áo của một thầy tu dòng Dominica và thế là cái ý nghĩ đó xui khiến bác ấy quì xuống và lẩm bẩm: "Xin hãy cứu rỗi con, thưa Cha, con có tội". Bác Aggie rít qua kẽ răng: "Đứng dậy, anh thôi đi". Sau đó bác ấy hỏi tôi: "Mày làm gì ở cái nhà này thế hả?"

Tôi không thể kể với bác ấy về mẹ tôi và Laman cùng chuyện thú vị của họ ở trên gác xép. Tôi bảo với bác ấy rằng tôi đang tính sẽ ở nhà bà tôi một thời gian vì nhà Laman xa bưu điện quá

và ngay khi tôi ổn định công việc tôi sẽ tìm một chỗ ở tử tế và cả nhà tôi sẽ chuyển đến đó.

Bác Aggie khen tôi khá hơn bố tôi.

15

Bạn khó mà chợp mắt được khi bạn biết rằng ngày hôm sau bạn bước sang tuổi mười bốn và sẽ bắt đầu công việc đầu tiên của mình như một người đàn ông thật sự. Bác Abbot thức dậy sớm và luôn mồm rên rỉ. Nếu tôi làm cho bác ấy ở nguyên trên giường thì tôi có thể có được một lát bánh nữa từ nửa cái bánh còn lại trong túi áo của bác ấy và nếu tôi tìm quanh cái máy hát của bà tôi thì thế nào tôi cũng thấy một lọ mứt.

Bác Abbot không biết đọc, không biết viết, nhưng bác ấy biết tìm chỗ để giấu mứt.

Tôi mang trà và bánh mì cho bác Abbot và cũng pha cho mình một ít trà. Tôi mặc quần áo vẫn còn ẩm vào và lên giường đắp chăn với hy vọng nhiệt từ người tôi có thể làm khô quần áo cho tôi trước khi tôi đi làm. Mẹ tôi vẫn bảo rằng mặc quần áo ướt rất dễ bị lao phổi và sớm bị xuống mồ. Bác Abbot ngồi dậy nói với tôi rằng bác ấy bị đau đầu vì tôi mặc chiếc váy đen của mẹ bác ấy khiến bác ấy mơ thấy bà cứ bay quanh nhà gào thét: “Tội lỗi, tội lỗi, đây là một tội lỗi.” Bác ấy uống hết chỗ trà tôi mang tới rồi nằm vật xuống giường ngủ tiếp còn tôi thì đợi đồng hồ của bác ấy chỉ tám rưỡi để dậy đi làm và để có mặt ở bưu điện lúc chín giờ cho dù quần áo tôi vẫn ẩm.

Lúc đi ra khỏi nhà tôi cứ băn khoăn tự hỏi tại sao bác Aggie lại đi vào trong ngõ. Chắc là bác ấy tới để xem bác Abbot còn sống không hoặc có cần một bác sĩ không. Bác ấy hỏi tôi:

Mấy giờ thì mày phải làm việc?

Chín giờ ạ.

Được rồi.

Bác ấy quay lại đi cùng tôi đến bưu điện ở đường Henry. Bác ấy chẳng nói một lời nào và tôi lo không biết liệu có phải bác ấy đến bưu điện để tố cáo tôi đã ngủ trên giường của bà tôi và mặc chiếc váy đen của bà tôi hay không. Bác ấy nói:

Đi lên trên ấy đi và nói với họ rằng bác của mày đang đợi mày ở ngoài này nên mày sẽ đi làm muộn nửa tiếng. Nếu họ muốn nói lôi thôi thì tao sẽ lên cho họ được lôi thôi.

Tại sao cháu phải đi làm muộn chứ?

Làm như tao bảo đi, đừng có lôi thôi.

Có những đứa con trai đang ngồi đợi trên chiếc ghế dài kê dọc theo một bức tường. Hai người phụ nữ, một béo, một gầy, đang ngồi tại một chiếc bàn. Người phụ nữ gầy hỏi:

Có việc gì thế?

Cháu là Frank McCourt, thưa cô, cháu đến đây để nhận việc.

Nhận việc gì?

Đưa điện tín, thưa cô.

Người phụ nữ gầy cười khúc khích:

Ôi, Lạy Chúa, tôi cứ nghĩ cậu đến để dọn nhà vệ sinh cơ.

Không, thưa cô. Mẹ cháu đã mang giấy giới thiệu của linh mục Cowpar đến đây, và chắc chắn có một công việc cho cháu.

Ô, có ư? Vậy cậu có biết hôm nay là thứ mấy không?

Cháu biết, thưa cô. Hôm nay là sinh nhật của cháu mà. Hôm nay cháu mười bốn tuổi.

Quan trọng đấy - Người phụ nữ béo nói chen vào.

Người phụ nữ gầy nói:

Hôm nay là thứ Năm. Cậu bắt đầu làm việc từ thứ Hai cơ. Hãy đi đi và nhớ tắm rửa cho sạch sẽ rồi hôm ấy đến đây.

Những đứa con trai đưa điện tín ngồi ở ghế băng cười tôi. Tôi không biết tại sao nhưng tôi thấy mặt mình nóng bừng. Tôi nói cảm ơn với hai người phụ nữ và khi tôi quay ra tôi nghe thấy người phụ nữ gầy nói: “Lạy Chúa, chị Maurreen, ai rước cái của nợ ấy đến đây thế nhỉ?” và họ cùng cười với những đứa con trai đưa điện tín kia.

Bác Aggie hỏi tôi có xin phép được không và tôi trả lời rằng thứ Hai tôi mới bắt đầu đi làm. Bác ấy nói:

Quần áo mày trông tệ quá. Mày giặt bằng của nợ gì vậy?

Bằng xà phòng carbolic.

Mùi quần áo mày như là mùi chim chết ấy và mày làm cả họ nhà mày xấu hổ lây đấy.

Bác ấy dẫn tôi đến cửa hàng Roche và mua cho tôi một cái áo sơ mi, một chiếc áo len chui đầu, một chiếc quần soóc, hai đôi tất, một đôi giày đi mùa hè bán hạ giá. Bác ấy đưa cho tôi hai shilling để mua trà và một cái bánh sữa để ăn sinh nhật. Bác ấy bắt xe buýt về phố O’Connell vì bác ấy béo và lười không muốn đi bộ. Béo và lười, và vẫn mua cho tôi quần áo mới để tôi đi làm.

Tôi kẹp gói quần áo mói vào nách, đi về phía bến Arthur và trên đường về tôi phải đứng quay mặt ra sông Shannon để người ta không nhìn thấy những giọt nước mắt của một anh chàng đã bước sang tuổi mười bốn.

Sáng thứ Hai tôi dậy sớm, rửa mặt và lấy nước ngoài vòi nước và nước bọt vuốt cho tóc khỏi dựng đứng lên. Bác Abbot nhìn thấy tôi mặc bộ đồ mới bèn nói:

- Lạy Chúa, không phải mày đi cưới vợ đấy chứ? - Nói rồi bác ấy lại leo lên giường ngủ tiếp.

Bà O’Connell, người phụ nữ béo, nói: “Ô, ồ, diện đấy”, và người phụ nữ gầy, cô Barry, nói: “Cuối tuần vừa rồi cậu đi cướp nhà băng hay sao thế?” và đám con trai ngồi ở ghế băng cười phá lên.

Họ bảo tôi đến ghế băng ngồi đợi và tôi đợi đến lượt mình nhận những bức điện tín để đi phát. Mấy anh chàng mặc đồng phục là những người được tuyển dụng lâu dài thông qua thi cử. Họ có thể làm việc ở bưu điện mãi mãi nếu họ thích, họ sẽ thi tiếp để trở thành người đưa thư và sau đó theo học một khóa học để làm việc ở quầy bán tem và quầy thu ngân ở tầng dưới. Bưu điện phát cho họ những chiếc áo choàng không thấm nước để họ mặc đi làm trong những ngày mưa và mỗi năm họ được nghỉ hai tuần. Mọi người đều bảo công việc của họ là một công việc tốt, ổn định, đáng tôn trọng và có lương hưu, và nếu bạn có được một công việc như thế thì suốt cuộc đời bạn sẽ chẳng bao giờ phải lo lắng gì hết.

Những đứa con trai được tuyển dụng tạm thời chỉ được làm việc đến khi họ mười sáu tuổi. Họ không được phát đồng phục, không được nghỉ hai tuần mỗi năm, được nhận lương ít hơn, và nếu bạn ốm phải nghỉ việc một ngày thì bạn có thể bị đuổi việc như chơi. Không có lý do gì hết. Không có áo choàng không thấm nước cho bạn đâu. Mang áo mưa của bạn đi nếu bạn không muốn phải tránh mưa.

Bà O'Connell gọi tôi đến bàn của bà ấy và giao cho tôi một chiếc chiếc túi nhỏ có dây da để đeo vào thắt lưng. Bà ấy nói rằng bưu điện đang thiếu xe đạp nên trong chuyến đi phát điện tín đầu tiên này tôi phải đi bộ. Trước tiên tôi sẽ đi đến địa chỉ xa nhất, sau đó sẽ phát tới những địa chỉ gần hơn, và tôi sẽ không được đi cả ngày. Bà ấy sẽ có mặt ở bưu điện để xem tôi đi phát sáu bức điện hết bao nhiêu thời gian cho dù tôi đi bộ đi nữa. Tôi sẽ không được ghé vào một quán rượu hay một hiệu sách nào hết và cũng không được ghé về nhà uống trà và nếu tôi mà ghé vào đâu thì họ sẽ phát hiện ra ngay. Tôi sẽ không được phép dừng lại ở một nhà thờ nào để cầu nguyện. Nếu trời mưa thì tôi cũng vẫn phải đi. Đi phát những bức điện và không được ẻo lả.

Một bức điện đề địa chỉ người nhận là bà Clohessy ở bến Arthur và đó chính là mẹ của Paddy.

Trông thấy tôi bà ấy nói:

- Cháu đấy ư, Frankie McCourt? Lạy Chúa, bác không ngờ cháu đã bằng từng này rồi. Vào đi, vào trong đi.

Bà ấy mặc một cái váy hoa sặc sỡ và đi một đôi giày mới bóng loáng. Có hai đứa trẻ đang ngồi trên sàn chơi với chiếc tàu hỏa đồ choi. Trên bàn có một ấm trà, mấy cái cốc có đĩa lót, một bình sữa, một chiếc bánh mì, bơ, mứt. Cạnh ô cửa sổ trước đây không kê gì giờ có hai chiếc giường. Chiếc giường to ở góc nhà giờ bỏ không và chắc chắn bà Clohessy biết tôi băn khoăn điều gì. Bà ấy nói:

Ông ấy đi rồi, nhưng không phải là chết đâu. Đi Anh với Paddy rồi. Cháu uống trà và ăn một miếng bánh đi. Cháu cần ăn uống, xin Chúa hãy giúp chúng con. Trông cháu như một người sống sót sau nạn đói ấy. Ăn bánh và mứt đi nào. Hồi còn ở nhà, thằng Paddy nhắc đến cháu luôn, còn ông Dennis, ông chồng tội nghiệp của bác thì không bao giờ quên được cái hôm ông ấy ốm phải nằm trên giường, mẹ cháu đã đến hát cho ông ấy nghe. Bây giờ ông ấy đang ở Anh làm bánh sandwich cho một tiệm ăn và tuần nào cũng gửi về cho bác mấy shilling. Chắc cháu không hiểu người Anh nghĩ thế nào mà lại đi thuê một người mắc bệnh lao và giao cho ông ấy công việc làm bánh. Paddy cũng có một việc làm tốt trong một quán rượu ở Cricklewood. Nếu không phải vì Paddy đã trèo tường vào lấy cái lưỡi ấy thì ông Dennis giờ này vẫn còn ở đây.

Cái lưỡi ư?

Dennis thèm ăn thủ cừu hầm bắp cải và khoai tây nên bác vét mấy shilling cuối cùng và đến cửa hàng thịt nhà Barry mua các thứ về nấu cho ông ấy. Bác luộc cái thủ cừu chưa nhừ thì ông ấy đã đòi ăn. Lúc ấy ông ấy nằm trên giường rên rỉ đòi ăn thủ cừu như thể ông ấy là ma ấy và khi bác lấy thủ cừu ra đĩa đưa tới cho

ông ấy, ông ấy sướng rơn lên và chén sạch cả cái thủ ấy. Ăn xong ông ấy bảo bác: “Mary này, cái lưỡi đâu?”

Lưỡi nào - Bác hỏi.

Cái lưỡi cừu ấy. Con cừu nào sinh ra mà chẳng có lưỡi nếu không làm sao cừu kêu be be be được và cái thủ cừu này không có lưỡi mình ạ. Hãy đến gặp Barry và đòi cái lưỡi cừu đi.

Vậy là bác đến gặp Barry và ông ta nói: “Con cừu chết tiệt đó lúc bị dắt đến đây cứ kêu be be khiến tôi lộn ruột đến mức tôi cắt phéng cái lưỡi nó quẳng cho chó ăn và thế là con chó của tôi từ lúc ăn cái lưỡi cừu cũng lại kêu be be. Nếu con chó không thôi kêu thì tôi sẽ cắt lưỡi nó quẳng cho mèo ăn”.

Bác về nhà và thấy ông Dennis nhà bác đang phát điên phát cuồng lên ở trên giường. Ông ấy gào: “Tôi muốn cái lưỡi cừu đó. Bao nhiêu chất bổ đều ở cái lưỡi đó cả.” Cháu không thể ngờ được đâu, tối hôm đó cái thằng Paddy nhà bác, thằng bạn của cháu ấy, nó đến nhà Barry, trèo tường vào nhà ông ta, cắt cái lưỡi của cái đầu cừu treo lủng lẳng trên tường nhà ông ta và mang về cho ông bố tội nghiệp đang kêu gào trên giường. Tất nhiên là bác phải luộc cái lưỡi đó lên và cho muối vào cho ông ấy ăn và Chúa phù hộ cho ông Dennis nhà bác, ông ấy ăn hết tiệt và nằm vật ra một lát rồi tung chăn vùng dậy, đứng sừng sững ở trên giường tuyên bố với mọi người rằng dù bị lao hay không, ông ấy cũng không chịu chết trên cái giường đó, nếu có chết thì ông ấy sẽ chết dưới bom của bọn Đức trong khi ông ấy đi kiếm tiền nuôi gia đình.

Bà Clohessy nói:

Nhờ ơn Chúa và Đức Mẹ lòng lành của Người, cuối cùng nhà bác cũng có đủ tiền để mua thức ăn và giày. Cháu sẽ không đoán được thằng Paddy nhà bác gặp ai ở Anh đâu. Brendan Quigley, cái thằng bọn cháu vẫn gọi là thằng Hay Hỏi ấy. Nó làm việc ở bên ấy và đang dành dụm tiền để đến Canada như Nelson Eddy

vẫn hát “Anh sẽ gọi em ooh ooh oohh”. Frank này, mẹ cháu thế nào?

Mẹ cháu ổn.

Không, mẹ cháu không ổn đâu. Bác đã nhìn thấy mẹ cháu ở Bệnh xá miễn phí và bác thấy mẹ cháu trông còn đáng ngại hơn ông Dennis nhà bác hồi ông ấy ốm liệt giường. Cháu phải chú ý tới người mẹ khốn khổ của cháu, Frank ạ. Cháu trông cũng đáng ngại lắm, mắt cháu đỏ quá. Đây bác bồi dưỡng cho cháu đây. Ba xu. Mua kẹo mà ăn.

Cuối tuần đó bà OConnell phát cho tôi tuần lương đầu tiên, một bảng, đồng bảng đầu tiên của tôi. Tôi chạy như bay xuống cầu thang và chạy thẳng tới đường OConnell, đường phố chính, nơi có những ngọn đèn sáng choang và có nhiều người đang trên đường đi làm về, những người có tiền lương trong túi áo giống như tôi. Tôi muốn họ biết rằng tôi cũng giống họ, tôi là một người đàn ông, tôi có một bảng. Tôi đi lên theo một bên đường rồi đi xuống theo bên kia với hy vọng mọi người sẽ chú ý đến tôi. Chẳng ai thèm chú ý đến tôi cả. Tôi muốn giơ tờ một bảng của tôi lên mà vẫy để mọi người phải trố mắt ra và nói: “Xem kìa, anh công nhân Frankie McCourt có hẳn một bảng rồi đấy.”

Giờ là tối thứ Sáu và tôi có thể làm bất cứ việc gì tôi thích. Tôi có thể ăn cá tẩm bột chiên và có thể đến rạp Lyric xem phim. Không, không còn phải đến rạp Lyric nữa. Tôi không tội gì mà ngồi trong cái rạp ấy giữa những người luôn la hét và gào rú trước cảnh thổ dân da đỏ giết tướng Custer và cảnh người châu Phi săn đuổi Tarzan trong rừng. Giờ đây tôi có thể tới rạp Savoy, có thể trả sáu xu để được ngồi ở hàng ghế đầu nơi có toàn những người của tầng lớp trên, những người vừa xem phim vừa ăn sôcôla và lấy tay che miệng khi cười. Sau khi xem phim xong tôi có thể uống trà và ăn bánh tại nhà hàng ở tầng trên.

Michael gọi tôi từ bên kia đường. Nó đói và nó muốn được đến nhà bác Abbot xin bánh mì ăn và muốn ngủ lại đó luôn để khỏi phải đi bộ về nhà Laman. Tôi bảo nó khỏi phải lo chuyện bánh mì. Chúng tôi đến quán cà phê Coliseum gọi cá tẩm bột chiên, nước chanh, và tất cả những gì em tôi muốn, và sau đó chúng tôi đi xem phim *Yankie Doodle Dandy* và vừa xem phim vừa ăn hai thanh sôcôla to bự. Xem phim xong chúng tôi đi uống trà và ăn bánh rồi hát và nhảy múa suốt dọc đường về nhà bác Abbot. Micheal bảo với tôi rằng ở Mỹ chắc là thích lắm vì người ta chẳng có việc gì khác để làm ngoài việc hát và nhảy múa. Nó đang buồn ngủ nhưng nó nói một ngày nào đó nó sẽ sang Mỹ hát và nhảy và nó bảo tôi nhớ giúp nó đi sang bên đó và khi nó ngủ rồi tôi bắt đầu nghĩ về nước Mỹ và nghĩ cách tiết kiệm tiền để đi Mỹ thay vì phung phí tiền vào món cá tẩm bột chiên, vào trà và bánh sữa. Tôi phải dành dụm mấy xu trong số tiền một bảng này bởi vì nếu không tôi sẽ phải sống ở Limerick này mãi mãi. Bây giờ tôi mười bốn tuổi rồi và nếu tuần nào tôi cũng để ra được một ít tiền thì chắc chắn đến năm tôi hai mươi tuổi tôi sẽ có đủ tiền đi Mỹ.

Trong số những bức điện tôi phải đi đưa có những bức điện được gửi đến các văn phòng, các cửa hàng, các nhà máy nơi tôi chẳng hy vọng được người ta thưởng cho vài xu lẻ. Các nhân viên ở những nơi ấy hờ hững cầm lấy những bức điện mà chẳng thèm nhìn bạn và cũng chẳng nói được một lời cám ơn. Có những bức điện được chuyển tới cho những nhà giàu ở đường Ennis và đường Bắc Circula và tôi cũng chẳng hòng nhận một xu từ những người giàu đó. Các cô giúp việc chẳng khác gì các nhân viên văn phòng, họ chẳng buồn nhìn bạn và chẳng cảm ơn. Có những bức điện gửi tới những linh mục và các xơ và những người ấy cũng có người giúp việc, cho dù họ vẫn nói nghèo là cao quý. Nếu bạn đợi tiền bồi dưỡng từ những linh mục hay các xơ thì bạn có mà đợi đến chết ở bậc cửa nhà họ. Có những bức điện gửi tới những người ở ngoại ô cách thành phố

đến vài dặm, những nông dân sống trong những cái ngõ đầy bùn và có những con chó chỉ chực đớp chân bạn. Có những bức điện gửi tới cho những người giàu sống trong những ngôi nhà lớn có cổng giống như một trạm gác và có tường bao kéo dài cả mấy dặm. Những người gác cổng của những nhà giàu này vẫy bạn vào và bạn phải đạp xe hàng dặm qua những thảm cỏ, những thảm hoa, những đài phun nước mới đến được ngôi nhà lớn của họ. Nếu thời tiết đẹp thì họ chơi crò-kê, chơi những trò choi của người theo đạo Tin lành, hoặc đi tản bộ, nói chuyện và cười, xúng xính trong những bộ váy hoa và áo cộc tay có đính những chiếc cúc màu vàng lấp lánh và nhìn họ bạn sẽ không bao giờ biết là đang có chiến tranh. Có những chiếc xe hơi Bentley và những chiếc Rolls-Royce đậu ở bên ngoài những cái cửa lớn nơi một cô hầu xuất hiện và bảo bạn đi vòng ra lối cửa dành cho người làm nếu bạn lơ ngơ không biết.

Những người sống trong những ngôi nhà lớn đó nói giọng Anh và họ không có thói quen thưởng cho những đứa đưa điện tín.

Những người hay thường cho những đứa con trai đưa điện tín là những bà góa, vợ những mục sư đạo Tin lành và người nghèo nói chung. Các bà góa biết khi nào thì những giấy lĩnh tiền qua đường bưu điện do chính phủ Anh gửi sẽ đến tay họ và họ thường ở bên cửa sổ đợi.

Những người đàn ông Ailen làm việc ở Anh gửi tiền về qua đường bưu điện vào các tối thứ Sáu và ngày thứ Bảy và đó là thời điểm chúng tôi nhận được những khoản tiền thưởng dễ chịu. Chúng tôi bận cuống cả chân vì cứ chuyển hết chuyên điện này tới chuyến điện khác.

Những ngõ nghèo nhất Limerick là những ngõ ở Irishtown, ở Mungret, nghèo hơn cả những ngõ ở Roden và ở O'Keeffe hay bất cứ ngõ nghèo nào tôi đã từng sống. Có những con ngõ với những nhà thờ nhỏ nằm sâu ở trong. Những người mẹ nghèo

đứng trước cửa than vãn khi họ vừa húp cạn bát cháo loãng của mình. Những đứa trẻ thì tha thẩn thả những con thuyền giấy hoặc những vỏ bao diêm trên những vũng nước bẩn thỉu.

Khi bạn đạp xe vào một con ngõ như thế đám trẻ con thi nhau gọi: "Điện đến rồi, điện đến rồi". Chúng chạy đến vây lấy bạn còn những người đàn bà thì đợi trước cửa nhà. Nếu bạn đưa một bức điện cho một thằng nhỏ để nó mang về cho mẹ thì nó chẳng khác gì người anh hùng của gia đình. Những đứa bé gái biết cơ hội lấy điện tín thuộc về bọn con trai mặc dầu nếu chúng không có anh em trai thì chúng cũng có thể ra nhận. Những người đàn bà đứng ở cửa sẽ gọi với ra rằng giờ họ không có xu nào và bảo bạn ngày mai hãy nhớ đến lấy tiền thưởng, và rằng Chúa phù hộ cho bạn.

Bà O'Connell và cô Barry ở bưu điện ngày nào cũng

nhắc chúng tôi rằng công việc của chúng tôi là đưa những bức điện và chỉ thế thôi. Chúng tôi không được phép làm gì thêm, không được tiện thể đi mua hàng hoặc đi đưa tin cho người ta. Họ không quan tâm cho dù người ta đang hấp hối ở trên giường. Họ không quan tâm nếu người ta bị cụt chân bị mất trí hay phải bò trên sàn. Chúng lôi chỉ được phép đưa điện rồi đi. Bà OConnell nói: "Tôi biết tất cả những việc các cậu làm, tất cả, vì dân ở Limerick này để mắt đến các cậu và tôi có những ghi chép về các cậu trong cái ngăn kéo này".

- Đúng là một chỗ tốt để cất những ghi chép, - Toby Mackey thì thầm.

Nhưng bà O'Connel và cô Barry đâu biết được sự thể thế nào khi bạn vào trong ngõ, gõ cửa một căn nhà và bạn nghe thấy có tiếng ai đó ở trong nhà bảo bạn cứ vào và khi bạn vào trong bạn thấy trong nhà chẳng có đèn đóm gì hết và bạn thấy trên một cái giường có một đống giẻ rách và từ trong cái đống ấy có tiếng nói yếu ớt vọng ra: "Cậu làm ơn đến cửa hàng hộ tôi với. Tôi đói không chịu được và tôi sẩn sàng đổi hai con mắt của tôi lấy một

cốc trà" và bạn nỡ lòng nào nói rằng bạn bận và cứ thế lên xe mà đạp đi bỏ mặc cái đống giẻ rách ở đó với bức điện lĩnh tiền hoàn toàn chẳng có giá trị gì bởi vì cái đống giẻ rách kia đâu có ra khỏi giường mà đến bưu điện lĩnh những đồng tiền chết tiệt đó được.

Bạn sẽ làm gì đây?

Người ta quy định bạn không bao giờ được lĩnh tiền hộ người khác nếu không bạn sẽ mất việc. Nhưng bạn sẽ làm gì khi một ông già đã từng chiến đấu trong cuộc chiến tranh Boer nói với bạn rằng ông ấy bị cụt cả hai chân và ông ấy sẽ không bao giờ quên ơn nếu bạn đến gặp Paddy Considine ở bưu điện trình bày hoàn cảnh giúp ông ấy để Paddy cho bạn lĩnh tiền hộ và sau đó bạn hãy giữ lại cho mình hai shilling. Ông Paddy bảo không có vấn đề gì nhưng dặn tôi không được nói cho ai biết chuyện nếu không tôi sẽ nhừ đòn. Ông già cụt chân đó nói rằng ông ấy biết bạn còn phải đi đưa nhiều bức điện khác nhưng ông ấy cầu khẩn bạn tối hãy quay lại đi mua cho ông ấy vài thứ cần thiết và ông ấy rõ ràng là sắp chết rét trong ngôi nhà lạnh lẽo ấy. Ông ấy ngồi trên một cái ghế tựa ở góc nhà quấn chăn quanh người và cái bô bên cạnh cái ghế thì thối đến nỗi làm bạn phải nôn mửa và khi bạn nhìn ông già đó ngồi trong góc nhà tối tàm bạn chỉ muốn có một vòi nước nóng để bạn có thể tắm rửa cho ông ấy và cho ông ấy ăn giăm bông, trứng, cháo khoai tây nấu với bơ và hành.

Tôi muốn đưa ông già cùng đống giẻ rách ở trên giường của ông ấy đến một ngôi nhà thôn quê rộng rãi đầy ánh sáng mặt trời nơi có những con chim bay lượn xập xòe ngoài cửa sổ và có tiếng suối róc rách.

Bà Spillane ở ngõ Pump gần đường Carey có hai đứa con sinh đôi đều bị tật nguyền. Đầu chúng thì to, người thì bé tẹo, và chân thì ngắn ngủn. Cả ngày chúng ngồi nhìn bếp lửa và hỏi: "Bố đâu?". Chúng nói tiếng Anh như những người khác nhưng chúng bập bẹ một cách khó khăn nên thứ tiếng Anh chúng nói biến dạng thành một thứ ngôn ngữ của riêng chúng khiến

người nghe khó mà hiểu được. Chúng nói: “Hung sup tea tea sup hung”. Bà Spillane bảo câu đó có nghĩa là: “Bao giờ mới ăn tối?”. Bà ấy nói rằng nếu mỗi tháng chồng bà ấy gửi về được bốn bảng thì may cho bà ấy lắm rồi và rằng bà ấy không thể chịu đựng nổi khi người ở Bệnh xá miễn phí cứ đem việc bà ấy có chồng đang ở Anh ra để sỉ nhục bà ấy. Bà ấy kể rằng hai đứa trẻ sinh đôi chỉ mới lên bốn và chúng rất thông minh cho dù chúng không thể đi lại được. Bà ấy nói:

Nếu hai đứa trẻ mà tự đi lại được, nếu chúng bình thường như những đứa trẻ khác thì tôi đã gói ghém sang Anh để thoát khỏi cái đất nước khốn nạn đã đấu tranh bao nhiêu năm vì tự do để rồi chúng ta thì khốn khổ thế này còn de Valera thì ung dung ở trong dinh của ông ta ở Dublin, đồ con hoang bẩn thỉu ấy và cả lũ chính trị gia đều phải xuống địa ngục.

Tôi muốn đưa cả bà Spillane và hai đứa con tật nguyền của bà ấy đến căn nhà nông thôn rộng rãi kia cùng với đống giẻ rách và ông già cụt chân và tắm rửa cho họ và để họ ngồi sưởi nắng nghe chim hót và nghe suối reo.

Tôi không thể bỏ đống giẻ rách lại một mình với một giấy lĩnh tiền vô tích sự bởi vì đống giẻ rách đó là một bà già, bà Gertrude Daly, một bà già quằn quại với đủ loại bệnh mà bạn có thể nhiễm ở các ngõ nghèo Limerick, viêm khớp, thấp khớp, rụng tóc, rách mũi, và bạn không thể tin vào mắt mình khi bà già đó ngồi dậy từ đống giẻ rách và mỉm cười với bạn và để lộ ra những chiếc răng trắng bóng lấp lánh trong bóng tối, răng thật của bà ấy và chúng thật hoàn hảo.

Bà già ấy nói:

Răng thật của tôi đấy, khi nào tôi thôi rữa ở dưới mồ thì một trăm năm sau người ta vẫn thấy răng của tôi trắng bóng và tôi sẽ được phong thánh.

Con trai của bà ấy gửi qua đường bưu điện cho bà ấy ba bảng. Trong bức điện chuyển tiền còn có mấy chữ: “Chúc mừng sinh

nhật mẹ, con trai của mẹ, Teddy". Bà ấy nói với tôi:

Thật lạ là nó vẫn tiết kiệm được từng ấy tiền, cái thằng con chết tiệt của tôi, nó đi với tất cả những con điếm ở Piccadilly.

Bà ấy bảo tôi làm ơn đi lĩnh tiền hộ bà ấy và mua cho bà ấy một ít whisky Baby Powers, một ổ bánh mì, một cân mỡ, bảy củ khoai tây, mỗi củ dùng cho một ngày trong tuần. Bà ấy nhờ tôi luộc một củ khoai tây cho bà ấy, đánh nhừ nó rồi cho một ít mỡ vào, và bà ấy nhờ tôi đưa cho bà ấy một lát bánh mì, lấy cho bà ấy một chút nước đê bà ấy uống cùng với whisky. Bà ấy nhờ tôi đến cửa hàng dược của ông O'Connor mua hộ bà ấy ít thuốc mỡ để bôi vết thương và một bánh xà phòng để bà ấy tắm rửa và bà ấy nói sẽ không bao giờ quên ơn tôi, sẽ cầu nguyện cho tôi và nhất định đòi tôi phải nhận hai shilling.

Không, cháu không lấy đâu, thưa bà.

Cầm lấy đi cháu. Cầm đi mà. Cháu đã giúp bà già này bao nhiêu việc.

Cháu không thể cầm tiền của bà, bà ạ, bà như thế này làm sao cháu cầm tiền của bà được.

Cầm lấy đi nếu không ta sẽ mách với bưu điện và cháu sẽ không được chuyển điện cho ta nữa đâu.

Ôi, thôi được. Cháu cảm ơn bà.

Chúc ngủ ngon, con trai. Hãy đối xử tốt với mẹ cháu nhé.

Chúc bà ngủ ngon, bà Daly.

Năm học mới bắt đầu vào tháng Chín và cứ vài hôm Michael lại rẽ vào nhà bác Abbot trước khi đi bộ về nhà Laman. Hôm nào trời mưa nó xin ở lại đó và thế là chẳng bao lâu sau nó không muốn về nhà Laman nữa. Nó kêu nó mệt vì cứ phải cuốc bộ hai dặm đến trường rồi lại phải cuốc bộ về với cái bụng đói.

Khi mẹ tôi đến tìm Michael tôi không biết phải nói gì với bà. Tôi không biết phải nhìn bà thế nào và thế là tôi cứ nhìn sang một bên. Mẹ tôi hỏi: "Công việc thế nào?" như thể chẳng có

chuyện gì đã xảy ra ở nhà Laman và tôi đáp: “Tốt”. Nếu trời mưa to quá thì mẹ tôi ngủ lại ở phòng nhỏ trên gác với Alphie. Hôm sau mẹ tôi trở về nhà Laman nhưng Michael thì ở lại và cứ thê dần dần mẹ tôi đến với chúng tôi nhiều hơn rồi bà chuyển hẳn đến đó ở.

Bác Abbot trả tiền thuê nhà mỗi tuần. Mẹ tôi lĩnh tiền cứu tế và những phiếu mua thực phẩm nhưng rồi có người mách lẻo thế là Bệnh xá miễn phí cắt khoản cứu tế. Người ta bảo với mẹ tôi rằng nếu con trai bà kiếm được một bảng mỗi tuần thì số tiền đó nhiều hơn cả khoản tiền trợ cấp rồi nên bà đáng lẽ phải tạ ơn trời vì con trai bà có việc làm mới đúng. Giờ tôi phải nộp tiền lương cho mẹ tôi. Mẹ tôi nói: “Một bảng ư? Nắng cũng như mưa con cong mông lên đạp xe khắp thành phố này mà chỉ được trả có thế này thôi sao? ỞMỹ chắc chắn người ta sẽ trả cho con bốn bảng. Và ở New York thì bốn bảng cũng chẳng đủ nuôi một con mèo. Nếu con đi đưa điện tín cho Westem Union ở New York con sẽ kiếm được hai mươi lăm đô la một tuần và sẽ tha hồ mà xúng xính”. Cứ vài tuần mẹ tôi lại để tôi giữ lại vài shilling nhưng nếu tôi đi xem phim hay mua một cuốn sách cũ thì tôi nhẫn túi, tôi sẽ không thể dành dụm để mua vé tàu đi Mỹ được, và đến khi tôi trở thành một người đàn ông hai mươi tuổi tôi vẫn sẽ mắc kẹt ở Limerick này.

Malachy ở Dublin viết thư về nói rằng nó chán ở đó rồi và không muốn cả đời thổi kèn trompet cho một đội quân nhạc. Một tuần sau đó nó trở về và cằn nhằn vì phải nằm chung với Michael, Alphie, và tôi trên một chiếc giường. ở Dublin mình nó chiếm một cái giường có khăn trải và chăn gối tử tế. Bây giờ nó lại quay về với những chiếc áo khoác cũ và chiếc gối ôm mà bạn chỉ cần động tay vào là bông bay lung tung cả. Mẹ tôi bảo thật tội nghiệp cho nó. Bác Abbot có giường riêng của bác ấy, và mẹ tôi thì chiếm phòng nhỏ ở trên gác. Chúng tôi lại đoàn tụ, không còn bị Laman hành hạ nữa. Chúng tôi pha trà, rán bánh, ngồi

trên sàn bếp. Bác Abbot bảo chúng tôi: “Không ngồi trên sàn, bàn và ghế để làm gì hả?”. Bác ấy bảo tôi bị dở hơi còn mẹ tôi thì bảo tất cả chúng tôi sẽ chết vì ngồi trên sàn ẩm. Chúng tôi ngồi trên sàn và hát còn mẹ tôi và bác Abbot thì ngồi trên ghế. Mẹ tôi hát bài *Đêm nay em có cô đơn không?* còn bác Abbot hát bài *Đường đến Rasheen* và chúng tôi nghe mãi mà vẫn chẳng hiểu bài hát bác ấy hát nói về điều gì. Chúng tôi ngồi trên sàn và kể những câu chuyện về những điều đã xảy ra, những điều đã không bao giờ xảy ra và những điều sẽ xảy ra khi tất cả chúng tôi sang Mỹ.

ơ bưu điện cũng có những ngày buồn tẻ không có nhiều điện tín để chúng tôi đi đưa và chúng tôi chỉ biết ngồi trên ghế băng nói chuyện. Chúng tôi có thể nói chuyện nhưng không được phép cười. Có Barry nói rằng một lũ đầu đường xó chợ như chúng tôi nên tạ ơn trời vì chúng tôi được trả tiền để ngồi ở đó, rằng chẳng có gì để mà cười hết. Được trả tiền để ngồi và được nói chuyện nhưng không được cười và chỉ cần ai phát ra một tiếng rúc rích là người đó sẽ bị tống cổ ra ngoài và nếu còn tiếp tục rúc rích thì chúng tôi sẽ bị báo lên người chịu trách nhiệm về nhân sự.

Đám con trai ngồi trên ghế xì xào về cô Barry. Tobby Mackey nói: “Con chó cái đó cần tẩy sạch, tẩy sạch. Mẹ mụ ta là một con điếm còn bố mụ ta thì trốn khỏi trại tâm thần với cái của quý đầy mụn.

Những đứa con trai ngồi trên ghế cười phá lên và cô Barry quát:

Tôi đã nói trước là không cười mà. Mackey, cậu nói chuyên vớ vẩn gì thế?

Cháu nói rằng hôm nay trời đẹp, nếu chúng cháu được ra ngoài đưa điện thì hay hơn, thưa cô Barry.

Toby Mackey là một nhân viên đưa điện tín tạm thời giống như tôi. Cậu ta đã từng xem một bộ phim có tên là *The Front Page* và bây giờ cậu ấy muốn một ngày nào đó cậu ấy sẽ đi Mỹ và

làm một phóng viên báo can đảm đội mũ phớt và hút xì gà. Lúc nào cậu ấy cũng mang theo trong túi áo một cuốn sổ ghi chép bởi vì một phóng viên giỏi thì phải ghi lại tất tần tật những gì xảy ra. Các sự kiện. Cậu ta phải ghi lại các sự kiện chứ không phải là những bài thơ chết tiệt nói về những nỗi khổ người Anh gây ra cho người Ailen mà bạn nghe thấy từ miệng những gã nốc bia rượu say mèm trong các quán rượu ở Limerick. Cậu ấy ghi lại lượng điện tín cậu ấy đi đưa và số dặm cậu ấy đi. Chúng tôi ngồi trên ghế cố kiềm chế để khỏi cười và cậu ấy nói cho tôi biết rằng nếu mỗi ngày chúng tôi đi đưa bốn mươi bức điện thì một tuần chúng tôi đưa được hai trăm bức và một năm chúng tôi đưa được mười nghìn bức và hai năm làm việc ở bưu điện chúng tôi sẽ đưa được hai mươi nghìn bức. Nếu một tuần chúng tôi đạp xe một trăm hai mươi lăm dặm thì trong hai năm chúng tôi đạp xe mười ba nghìn dặm và tương đương với đi nửa vòng trái đất và như thế thì chả trách mông chúng tôi móp vào chẳng có lấy một tí thịt.

Toby nói rằng không ai biết rõ Limerick như những nhân viên đưa điện tín. Chúng tôi biết tất cả các đại lộ, các phố, các con đường, các ngõ ngách, các dãy nhà, các chỗ hẻo lánh. Toby bảo không có cánh cửa nào ở Limerick mà chúng tôi không biết. Chúng tôi gõ tất cả các loại cửa, cửa sắt, cửa gổ sồi, cửa gỗ dán. Hai mươi nghìn cánh cửa. Chúng tôi gõ, đá, đẩy. Chúng tôi rung và đấm những quả chuông. Chúng tôi huýt sáo và gào: "Điện tín đây, điện tín đây". Chúng tôi bỏ những bức điện vào các thùng thư, nhét chúng dưới gầm cửa chính, ném chúng qua song cửa sổ. Chúng tôi trèo lên cửa sổ khi người ta liệt giường không dậy được. Chúng tôi đánh nhau với tất cả những con chó muốn biến chúng tôi thành bữa trưa của chúng. Bạn không bao giờ biết trước được chuyện gì xảy ra khi bạn đưa những bức điện cho người ta. Người nhận điện tín cười và hát và nhảy và khóc và rú và khuỵu xuống và ngất đi và bạn chịu chẳng biết họ có tỉnh dậy được mà thưởng cho bạn hay không. Đưa điện tín ở Ailen

chẳng giống đưa điện tín ở Mỹ nơi Mickey Rooney đạp xe loanh quanh trong một bộ phim có tiêu đề là *Hài kịch tâm lý* rồi mọi người vui vẻ và lộn nhào để đưa cho bạn tiền thưởng, mời bạn vào nhà, mời bạn uống trà và ăn bánh.

Toby Mackey tiết lộ rằng trong cuốn sổ của cậu ta có vô số các sự kiện và cậu ta cóc thèm đánh một cái rắm trước bất cứ sự kiện nào và tôi nghe mà thèm được như cậu ta.

Bà O'Connell biết tôi thích chuyển những bức điện đề địa chỉ người nhận ở ngoại thành và nếu hôm nào đẹp trời thì bà ấy giao cho tôi một chuyến gồm cả mười bức để tôi ở ngoại thành cả buổi sáng và sau bữa cơm trưa tôi mới phải có mặt ở bưu điện. Có những ngày thu đẹp trời và vào những ngày như thế sông Shannon lấp lánh như được dát kim cương còn những cánh đồng thì xanh và long lanh trong sương bạc. Những ngọn khói bay lơ lửng trên những cánh đồng mang theo mùi than bùn ấm cúng. Những đàn bò sữa và cừu nhởn nhơ gặm cỏ trên các cánh đồng. Những con ngựa thích ngóc đầu qua những hàng rào để nhìn người đi qua và tôi dừng lại nói chuyện với chúng một lát bởi vì chúng có những đôi mắt to và những cái mũi dài trông rất thông minh. Thỉnh thoảng hai con chim đứng cách xa nhau trên cánh đồng cất tiếng hót đối và tôi phải dừng lại để nghe chúng và nếu tôi dừng lại đủ lâu thì tôi sẽ thấy những con chim khác cũng hót theo cho tới khi tất cả các cây và các bụi rậm đều rộn tiếng chim. Nếu có một con suối chảy róc rách dưới một cây cầu trên đường đi, có tiếng chim đua nhau hót và tiếng cừu kêu be be thì âm thanh bạn nghe thấy sẽ tuyệt hơn bất cứ âm thanh của một dàn nhạc hòa tấu nào trong phim. Mùi thịt muối xông khói và mùi bắp cải tỏa ra từ một ngôi nhà thôn quê làm tôi muốn nhũn người ra vì đói và tôi phải dừng lại và kiếm những quả dâu đen trên cánh đồng mà nhai cả nửa giờ cho cái dạ dày của tôi khỏi réo. Tôi úp mặt xuống suối và uống

những ngụm nước suối lạnh mà cảm thấy ngon hơn cả loại nước chanh ngon nhất.

Sau khi đã đưa xong tất cả các bức điện tôi còn đủ thời gian để đi đến khu nghĩa địa tu viện cổ nơi có mổ mả của những người họ hàng đã khuất về đằng mẹ tôi, những người nhà Guilfoyle và nhà Sheehan, và cũng là nơi mẹ tôi muốn được chôn sau khi qua đời. Từ nơi này tôi có thể nhìn thấy những tàn tích của pháo đài Carrigogunnell và tôi có đủ thời gian đạp xe tới đó, ngồi trên bức tường cao nhất, ngắm con sông Shannon chảy ra biển Đại Tây Dương để rồi từ đó theo dòng chảy đến tận nước Mỹ và ngắm con sông dài tưởng như vô tận đó tôi lại mơ đến cái ngày chính tôi lên tàu đến miền đất hứa ấy.

Đám con trai ở bưu điện bảo rằng tôi phải may mắn lắm mới vớ được bức điện của nhà Carmody bởi vì tôi sẽ kiếm được hẳn một shilling tiền thưởng, số tiền thưởng lớn nhất bạn có được ở Limerick. Tại sao tôi lại được chuyển bức điện ấy cơ chứ? Tôi chỉ là một đứa đưa điện tín mới vào nghề thôi mà. Bọn con trai nói rằng đôi khi Theresa Carmody ra lấy điện. Cô gái ấy bị lao và họ rất sợ sẽ bị lây bệnh. Cô ấy mười bảy tuổi, ra vào viện điều dưỡng như cơm bữa, và chắc chắn cô ấy sẽ chẳng được thấy tuổi mười tám của mình. Đám con trai đó nói rằng những người ốm nặng như Theresa biết rõ mình chẳng còn bao nhiêu thời gian nữa nên họ rất khao khát tình yêu, những chuyện lãng mạn và mọi thứ. Mọi thứ. Đám con trai đó nói chính bệnh lao khiến người ta thành ra như vậy.

Tôi đạp xe qua những đường phố tháng Mười Một ẩm thấp mà lòng thầm nghĩ đến một shilling tiền thưởng, và khi tôi rẽ vào phố nhà Carmody chiếc xe của tôi bị trượt bánh khiến tôi bị ngã sứt cả mặt và rách cả mu bàn tay. Theresa Camody ra mở cửa. Cô ấy có mái tóc đỏ, có đôi mắt xanh giống như màu của những cánh đồng ở ngoại ô. Hai má cò ấy rất hồng còn da cô ấy thì trắng đến phát sợ. Cô ấy nói:

Ôi, cậu ướt và bị chảy máu nữa kìa.

Tôi bị ngã xe đạp.

Vào đi. Tôi sẽ lấy thuốc bôi vết thương cho cậu.

Tôi lưỡng lự không biết mình có nên vào hay không. Tôi có thể bị lây bệnh lao và thế là hết đời. Tôi muốn sống đến khi tôi mười lăm tuổi và tôi cũng muốn một shilling tiền thưởng.

Vào đi. Cậu sẽ chết nếu cứ đứng đó mãi.

Cô ấy đặt nước để pha trà. Sau đó cô ấy thấm iốt lên những vết thương của tôi và tôi cố chứng tỏ mình là đàn ông không kêu rên một tiếng. Cô ấy khen:

Cậu rất đàn ông. Vào phòng khách và hong khô quần áo đi. Xem kìa, sao cậu không cởi quần ra và hơ trên giá lò sưởi ấy.

Ô, không.

Làm đi mà.

Được.

Tôi vắt quần lên tấm chắn lò sưởi. Tôi ngồi đó nhìn hơi nước bốc lên mà cảm thấy người rạo rực và tôi chỉ lo cô ấy sẽ quay vào và bắt gặp tôi trong bộ dạng lúng túng.

Cô ấy mang vào một khay gồm bánh mì và mứt cùng hai tách trà. Cô ấy nói:

Lạy Chúa, cậu gầy giơ xương nhưng cũng ra dáng đàn ông đấy.

Cô ấy đặt cái khay và hai tách trà xuống một cái bàn gần lò sưởi và chúng bị bỏ quên ở đó. Cô ấy dẫn tôi đến một chiếc sofa kê sát tường và suốt thời gian ở trên cái ghế đó đầu tôi cứ đầy ắp những ý nghĩ về tội lỗi, về iốt, về bệnh lao và về món tiền thưởng một shilling và nếu đôi mắt xanh của cô ấy và cô ấy trên ghế không dừng lại thì tôi sẽ chết rồi cô ấy khóc và tôi cũng khóc vì tôi không biết điều gì sẽ xảy ra với tôi nếu tôi bị nhiễm vi trùng lao từ miệng cô ấy và tôi như đang bay bổng lên thiên đường, tôi như đang rơi xuống vực thẳm và nếu chuyện này có là một tội lỗi đi chăng nữa thì tôi cũng bất chấp.

Chúng tôi nằm trên ghế cho tới khi cô ấy hỏi:

Cậu không phải đi đưa điện nữa sao?

Khi chúng tôi ngồi dậy cô ấy khóc và nói vẻ bối rối:

Ôi, tôi bị chảy máu.

Cô làm sao thế?

Tôi nghĩ đó là vì đây là lần đầu của tôi.

Tôi bảo cô ấy ngồi yên đó. Tôi mang chai iốt từ trong bếp ra và thấm vào chỗ chảy máu của cô ấy. Cô ấy nhảy dựng lên, nhảy quanh phòng khách như bị phát cuồng rồi chạy vào bếp dội nước. Lau khô người xong cô ấy nói:

Lạy Chúa, cậu ngây thơ quá. Câu không được đổ iốt lên người con gái như thế đâu.

Tôi cứ nghĩ cô bị thương.

Những tuần sau đó tôi vẫn đi đưa điện tín đều. Thỉnh thoảng tôi và Theresa làm chuyện thú vị với nhau trên chiếc sofa trong phòng khách nhà cô ấy nhưng có những ngày cô ấy bị ho và tôi có thể thấy rõ cô ấy yếu đến mức nào. Cô ấy không bao giờ nói với tôi về tình trạng đau yếu của cô ấy. Cô ấy không bao giờ nói với tôi về bệnh lao. Đám con trai ở bưu điện nói với nhau rằng tôi chắc phải vui vẻ lắm với món tiền thưởng một shilling và với Theresa Camody. Tôi không bao giờ nói cho họ biết chuyên thú vị trên chiếc sofa màu xanh. Tôi không bao giờ nói cho họ biết cảm giác đau đớn ùa vào lòng tôi mỗi khi tôi thấy Theresa ra mở cửa với dáng vẻ đau yếu và những khi ấy tất cả những gì tôi muốn làm là pha cho cô ấy tách trà nóng và ngồi trên trường kỷ ôm cô ấy vào lòng.

Một ngày thứ Bảy tôi được giao đưa điên đến cho mẹ của Theresa tại nơi làm việc của bà ấy ở hãng Woolworth. Cố tỏ ra bình thường tôi nói:

Bà Carmody, cháu hay mang điện tín đến cho, cháu nghĩ là cho con gái bà, cô Theresa đúng không nhỉ?

Đúng, nó đang nằm viện.

Cô ấy ở viện điều dưỡng phải không ạ?

Tôi bảo là nó nằm viện mà.

Cũng giống như tất cả mọi người ở Limerick này bà ấy xấu hổ vì bệnh lao, và bà ấy không thưởng cho tôi một xu nào. Tôi đạp xe đến viện điều dưỡng tìm gặp Theresa. Người của viện điều dưỡng nói rằng bạn phải là người thân của bệnh nhân và phải là người lớn mới được phép vào thăm bệnh nhân. Tôi nói với họ rằng tháng Tám là tôi mười lăm tuổi. Họ bảo tôi biến đi đừng làm phiền họ. Tôi đạp xe đến nhà thờ thánh Francis để cầu nguyện cho Theresa. Tôi nhờ thánh Francis nói chuyện với Chúa trời hộ tôi. Nói với Người rằng đó không phải là lỗi của Theresa. Đáng lẽ tôi phải từ chối những bức điện của nhà Therasa. Tôi nhờ thánh nói với Chúa rằng Therasa không phải chịu trách nhiệm về chuyện thú vị trên chiếc sofa đó bởi vì đó là do bệnh lao đã làm cô ấy thành ra như thế. Dù gì thì chuyện đó cũng chẳng thành vấn đề bởi vì tôi yêu Therasa. Tôi yêu cô ấy nhiều như thánh yêu chim, thú và cá và tôi nhờ thánh xin với Chúa trời hãy mang bệnh lao đi khỏi người cô ấy và tôi hứa sẽ không bao giờ đến gần cô ấy nữa.

Thứ Bảy sau đó họ đưa cho tôi một bức điện của nhà Carmody. Đi gần đến nhà Carmody tôi đã nhìn thấy những bức rèm rủ. Tôi nhìn thấy vòng hoa tang bằng nhiễu đen treo ở cánh cửa. Tôi nhìn qua cửa để thấy chiếc sofa màu xanh nơi tôi và Therasa đã có những phút điên cuồng và tôi biết giờ đây cô ấy đang ở dưới địa ngục và tất cả là lỗi ở tôi.

Tôi đút bức điện xuống dưới gầm cửa và đạp xe đến nhà thờ thánh Francis để cầu xin cho linh hồn Therasa được yên nghỉ. Tôi cầu xin dưới chân mọi bức tượng trong nhà thờ, quì trước những cửa sổ bằng kính, quì trước cây thập tự. Tôi thề rằng cả đời tôi sẽ giữ trọn đức tin, niềm hy vọng và sự thánh thiện, sự nghèo khổ, thanh bạch và sự phục tùng.

Hôm sau, Chủ nhật, tôi đi đến bốn lễ Mixa. Tôi làm dấu thánh ba lần. Tôi đọc kinh rôze cả ngày. Tôi cứ đi cả ngày mà chẳng thiết ăn uống gì và bất cứ khi nào tôi tìm được một chỗ vắng là tôi lại ngồi khóc và cầu xin Chúa cùng Đức Mẹ của Người cứu rỗi linh hồn Therasa Carmody.

Hôm thứ Hai tôi theo đoàn đưa tang đến nghĩa địa. Tôi đứng sau một cái cây cách huyệt chôn Therasa một đoạn. Bà Carmody khóc và vật vã. Ông Carmody thì khụt khịt và trông như người mất hồn. Linh mục đọc những lời cầu nguyện bằng tiếng Latin và vẩy nước thánh lên quan tài.

Tôi muốn đến trước mặt linh mục, đến trước mặt ông bà Carmody. Tôi muốn nói với họ rằng chính tôi là người đã đẩy Therasa xuống địa ngục. Họ muốn trừng phạt tôi thế nào cũng được. Chửi rủa tôi cũng được. Mắng nhiếc tôi cũng chẳng sao. Ném đất vào mặt tôi tùy thích. Nhưng tôi vẫn đứng lặng sau gốc cây cho tới khi những người đưa tang ra về và những người đào huyệt lấp đất lên mộ của Theresa.

Sương đã phủ trắng cả chỗ đất mới trên nấm mồ và tôi nghĩ là Theresa ở dưới mồ chắc là lạnh lắm, Theresa tóc đỏ mắt xanh của tôi. Tôi không thể hiểu nổi những cảm xúc đang dâng trào trong lòng nhưng tôi biết chưa bao giờ tôi cảm thấy con tim mình đau đớn như vậy, chưa bao giờ kể cả khi những người trong ngõ hay người thân trong gia đình tôi qua đời và tôi hy vọng không bao giờ phải trải qua nỗi đau này một lần nữa.

Trời đã tối' Tôi dắt xe đạp ra khỏi nghĩa địa. Tôi còn phải đi đưa những bức điện.

16

Bà O'Connell giao cho tôi những bức điện gửi đến ông Harrington, một người Anh có người vợ vừa mất là người sinh

ra ở Limerick. Đám con trai ở bưu điện nói rằng những bức điện an ủi chỉ làm phí thời gian mà thôi. Người ta khóc lóc, rầu rĩ và người ta nghĩ rằng mình được miễn thứ không cần phải thưởng công cho người đưa điện. Họ sẽ mời bạn vào trong nhìn người chết lần cuối và cầu nguyện cho người đó. Nếu họ mời bạn vài giọt rượu cherry và một cái bánh sandwich thì tốt đấy. Ô, không, họ muốn nhận lời cầu nguyện của bạn nhưng bạn chỉ là một thằng bé đưa điện tín thôi và một cái bánh quy chưa ỉu dành cho bạn thì đã là may lắm rồi. Đám con trai vào bưu điện trước chúng tôi mách rằng bạn phải chơi đúng bài mới hòng moi được tiền thưởng của những người rầu rĩ. Nếu người ta bảo bạn vào cầu nguyện bạn phải quì trước thi hài, thở dài thật buồn bã, phải tỏ ra đau đớn, và nên gục mặt xuống khăn trải giường để người ta không nhìn thấy mặt bạn, và phải để vai bạn run run như thể bạn đang suy sụp vì đau đớn, bám lấy mép giường bằng cả hai tay như thể người ta sẽ phải *gỡ* bạn ra để bạn đi đưa nốt những bức điện, phải làm sao cho má của bạn có dấu vết của nước mắt, và nếu bạn làm đúng như thế rồi mà vẫn không nhận được tiền thương thì chuyến đưa điện tiếp theo đến nhà có người chết bạn chỉ việc đút điện qua gầm cửa hoặc nhét qua đố cửa và để mặc với nỗi buồn của họ mà đi.

Đây không phải là lần đầu tiên tôi chuyển điện tín đến nhà ông Harrington. Ông Harrington luôn bận bịu với công việc của ông ấy ở công ty bảo hiểm và vợ ông ấy rất hào phóng. Nhưng giờ bà ấy không còn nữa và ông Harrington ra mở cửa, mắt ông ấy đỏ và giọng ông ấy khụt khịt. Ông ấy hỏi:

Cậu có phải là người Ailen không?

Người Ailen? Nếu không phải là người Ailen thì tôi đã chẳng cầm một nắm điện tín mà đứng đây. Tôi trả lời:

Vâng, cháu là người Ailen.

Ông ấy bảo tôi:

Vào đi. Hãy để bức điện ở hành lang.

Ông ấy đóng cánh cửa hành lang lại, dùng khóa khóa cẩn thận rồi đút chìa khóa vào túi quần khiến tôi chợt có ý nghĩ rằng người Anh khá kỳ cục.

Cậu muốn thấy vợ tôi một lát, tất nhiên rồi. Hãy vào mà xem các người đã làm gì cô ấy với cái bệnh lao chết tiệt của các người. Một lũ ma cà rồng. Đi theo tôi.

Ông ấy dẫn tôi đi vào bếp và dừng lại đó để lấy một đĩa bánh sandwich và hai chai rượu rồi đi lên gác. Bà Harrington nằm trên giường và tất nhiên là đã chết nhưng trông vẫn rất đẹp với mái tóc vàng óng, làn da trắng, và vẻ mặt thanh thản.

Vợ tôi đấy. Cô ấy là người Ailen nhưng trông không giống người Ailen, ơn Chúa. Cũng như cậu. Người Ailen. Cậu cần uống một chút, tất nhiên. Người Ailen các cậu nốc một hơi là hết cả chai. Cai đi trước khi cậu hét đòi cả chai whisky, cả vại bia đen. Cậu uống gì, whisky hay cherry?

Ô, một chút nước cam thôi ạ.

Vợ tôi chẳng thích cái thứ nước chua chết tiệt ấy. Cậu uống cherry đi. Nốc hết của cái nước Tây Ban Nha theo phát xít ấy đi.

Tôi uống chỗ rượu cherry ông Harrington rót cho. Ông ấy rót thêm rượu cherry vào cốc của tôi và rót thêm whisky vào cốc của ông ấy. Ông ấy vừa uống vừa nhìn cốc rượu và quát:

Đồ chết tiệt. Whisky đi đâu cả rồi. Ở yên đây. Nghe rõ chưa? Tôi đi ra quán mua thêm một chai whisky nữa. Ở yên đây chờ tôi. Đừng có đi đấy.

Rượu cherry làm tôi thấy hơi chóng mặt. Tôi không biết phải làm gì với một người Anh đang đau khổ. Tôi nhìn bà Harrington và thầm nói với bà ấy: “Bà Harrington, bà nằm đó trông rất đẹp. Nhưng bà là người theo đạo Tin lành, bà bị kết tội rồi, bị đày xuống địa ngục, giống như Theresa vậy. Cha xứ đã nói rằng ngoài đạo Thiên Chúa không có sự cứu rỗi nào hết. Nhưng đợi đã, tôi có thể cứu rỗi linh hồn bà. Rửa tội cho bà theo đạo Thiên Chúa. Chuộc lại tội lỗi tôi đã gây ra cho Theresa. Tôi sẽ đi lấy một

chút nước. Ôi, Chúa ơi, cửa bị khóa mất rồi. Tại sao chứ? Có lẽ bà chưa chết đâu nhỉ? Bà chết chưa, bà Harrington? Tôi không sợ đâu mà. Mặt bà lạnh quá. Ôi, đúng là bà chết thật rồi. Tôi sẽ rửa tội cho bà bằng rượu cherry của bọn Tây Ban Nha theo phát xít. Tôi sẽ rửa tội cho bà nhân danh Cha, Con, và...

Mày đang làm cái quái gì thế hả? Tránh xa vợ tao ra, thằng Công giáo ranh con chết tiệt kia. Mày làm cái trò ngớ ngẩn gì thế hả? Mày đã chạm vào người vợ tao rồi hả? Mày đã dám thế hả? Tao sẽ vặn cổ mày.

Cháu... cháu,...

Nói tiếng Anh đi, đồ cặn bã.

Cháu chỉ, chỉ dùng một ít rượu cherry để giúp bà ấy được lên thiên đường thôi mà.

Thiên đường ư? Chúng tao đã từng có thiên đường, Ann, tao, con gái Emily của chúng tao. Mày sẽ không bao giờ được nhìn vợ tao bằng cái mắt lợn đỏ ngầu của mày. Ôi, Chúa ơi, tao không thể chịu nổi nữa rồi. Đây, rượu cherry nữa đây.

Ô, không, cám ơn.

Ô, không cám ơn. Cái giọng Celtic ẻo lả chết tiệt. Người Ailen bọn mày thích rượu của bọn mày. Nó giúp bọn mày bò và tiếp tục cái giọng ẻo lả của bọn mày. Tất nhiên mày muốn ăn. Trông mày như một thằng Công giáo bị bỏ đói ấy. Đây. Bánh đấy. ăn đi.

Ô, không, cám ơn.

Ô, không, cám ơn. Lại nói thế rồi và chắc để tao phải nhét bánh vào đít mày đây.

Ông ta vẫy vẫy cái bánh trước mặt tôi, và bàn tay chết tiệt của ông ta cứ ấn bánh vào miệng tôi.

Ông ta ngồi phịch xuống một cái ghế tựa, thở hổn hển:

Ôi, lạy Chúa, mình phải làm gì đây chứ? Phải nghỉ một chút đã.

Tôi cảm thấy chướng bụng không chịu nổi. Tôi vội chạy ra cửa sổ, thò đầu ra ngoài và nôn thốc nôn tháo. Ông ta đứng bật

dậy, chỉ tay vào tôi và quát:

Mày, mày, Chúa tống mày xuống ngục cho rồi, mày nôn vào khóm hoa hồng của vợ tao.

Ông ta lao tới định vồ lấy tôi, nhưng ông ta vồ trượt và thế là ngã lăn ra sàn. Tôi vội vàng trèo lên cửa sổ, đu ra mép tường. Ông ta chạy đến cửa sổ, túm lấy hai tay tôi. Tôi nhảy bừa xuống dưới và ngã trên khóm hoa hồng, trên đám sandwich và cherry tôi vừa mới nôn ra. Tôi bị gai hồng đâm đau nhói. Ông ta ở trong cửa sổ thò đầu ra quát tôi quay lại. Ông ta dọa sẽ tố cáo tôi với bưu điện. Ông ta cầm chai whisky và chai cherry nện vào lưng tôi.

Ông ta ném vào người tôi nào là ly, bánh sandwich, hộp phấn, hộp kem, chổi cọ và bất kể thứ gì ông ta vớ được trên bàn trang điểm của vợ óng ta.

Tôi nhảy vội lên xe và loạng choạng đạp qua các con phố, choáng váng vì rượu cherry và vì đau. Bà O'Connell mắng tôi té tát:

Có bảy bức điên gửi tới mỗi một địa chỉ mà cậu đi mất cả một ngày trời.

Cháu đã làm mà. Cháu đã làm.

Cậu đã làm. Cậu đã làm. Uống say mèm đó chính là cái cậu đã làm. Say mèm. người đàn ông tốt bụng ấy đã gọi điện tới đây, ông Halmington, một người Anh ăn nói dễ nghe như James Mason ấy. Ông ấy đã để cậu vào cầu nguyện cho người vợ đáng thương của ông ấy thế mà cậu lại nôn cherry và giăm bông ra cửa sổ nhà người ta. Tội nghiệp mẹ của cậu. Bà ấy đã sinh ra loại người nào thế không biết.

Ông ta cứ bắt cháu phải ăn bánh kẹp giâm bông và uống cherry.

Bắt cậu phải ư? Lạy Chúa, đúng là một người tốt. Bắt cậu phải ăn. Ông Harrington là một người Anh lịch sự và không có lý nào ông ấy lại nói điêu và tôi nói cho cậu biết chúng tôi không muốn

loại người như cậu làm việc ở đây, có ai chê bánh kẹp giăm bông và rượu cherry đâu cơ chứ, nào hãy nộp túi và xe đạp rồi đi khỏi đây đi.

Nhưng cháu cần công việc này. Cháu phải kiếm tiền để đi Mỹ.

Đi Mỹ ư? Nước Mỹ đã mạt vận đâu mà phải chứa loại người như cậu.

Tôi bước thất thểu trên đường phố Limerick. Tôi muốn quay lại ném gạch vào cửa sổ nhà ông Harrington. Không. Vì người đã khuất tôi không thể làm thế. Tôi sẽ đi qua cầu Sarsfield và tìm một bụi cây nào đó bên bờ sông mà nằm. Tôi không biết làm thế nào tôi có thể về nhà và nói với mẹ tôi rằng tôi đã mất việc. Tôi phải về nhà. Tôi phải nói cho mẹ tôi biết tất cả. Tôi không thể ở ngoài bờ sông cả đêm được. Mẹ tôi sẽ phát điên lên vì lo lắng mất.

Mẹ tôi xin bưu điện nhận tôi trở lại làm. Họ nói không. Họ chưa từng nghe thấy một chuyện như thế. Nhân viên đưa điện tín mà lại đi hành hạ một xác chết. Nhân viên đưa điện tín mà lại đi nôn rượu cherry và bánh kẹp giâm bông làm xấu cảnh quan nhà người ta. Một nhân viên như thế không bao giờ được đặt chân đến bưu điện nữa. Không bao giờ.

Mẹ tôi cây cục được một bức thư của Cha xứ. Cha xứ chấp bút đề nghị bưu điện nhận tôi trở lại. Bưu điện không thể từ chối Cha xứ. Họ cho tôi quay trở lại làm việc đúng đến khi tôi mười sáu tuổi, không thêm một phút. Bà O'Connell nói với tôi:

- Hãy nghĩ đến những gì người Anh đã làm với chúng ta trong suốt tám trăm năm mà xem, vào thời đó người ta không có quyền phàn nàn về một cái bánh kẹp giăm bông và rượu cherry. Hãy so sánh với thời kỳ xảy ra nạn đói mà xem, cậu đang ở đâu hả? Nếu ông chồng tội nghiệp của tôi mà còn sống thì thế nào ông ấy cũng bảo cậu đáng đánh đòn đấy, Frank McCourt ạ.

Chủ nhật nào tôi cũng thề ràng tôi sẽ đi xưng tội và sẽ kể với linh mục chuyên bẩn thỉu tôi đã làm ở nhà, ở pháo đài

Carrigogunnell.

Tôi sẽ kể với linh mục về Theresa Carmody và việc tôi đã đẩy cô ấy xuống địa ngục, và thế là tôi sẽ hết đời, sẽ bị khai trừ khỏi giáo hội.

Theresa là một nỗi dằn vặt lớn đối với tôi. Mỗi khi đi đưa điện qua con phố nhà cô ấy hay mỗi khi đi qua nghĩa trang là tôi lại cảm thấy tội lỗi đang lớn dần lên trong tôi giống như một ung nhọt và nếu tôi không đi xưng tội sớm thì tôi sẽ chẳng là gì hơn là một ung nhọt để cho người ta chỉ tay vào và nói với nhau: "Đấy, thằng Frank McCourt đấy, cái thằng đã làm chuyện bẩn thỉu khiến Theresa Carmody phải xuống địa ngục".

Những Chủ nhật tôi nhìn mọi người đi dự lễ Ban thánh thể, nhận ân Chúa, trở về chỗ ngồi, thanh thản, thoải mái, sẵn sàng chết bất kỳ lúc nào và sẽ lên thiên đường hoặc về nhà thưởng thức bánh kẹp giăm bông và trứng mà không gợn chút lo lắng.

Tôi mệt mỏi vì mình là một kẻ mang tội tồi tệ nhất ở Limerick. Tôi muốn xóa bỏ tội lỗi đó và muốn được ăn giăm bông, trứng và không muốn bị dằn vặt. Tôi muốn được như mọi người.

Các linh mục luôn nói rằng lòng nhân từ của Chúa là vô hạn nhưng làm sao một linh mục có thể rửa tội cho một kẻ như tôi, một kẻ đang đi đưa điện tín mà lại làm chuyện thú vị trên một chiếc sofa màu xanh với một cô gái sắp chết vì lao phổi.

Tôi đạp xe đi đưa điện tín vòng quanh Limerick và thấy nhà thờ nào tôi cũng dừng lại. Đến nhà thờ thánh Francis. Tôi quì trước tượng thánh Francis và cầu xin thánh cứu giúp tôi nhưng tôi nghĩ thánh đã chán tôi lắm rồi. Tôi quì cùng mọi người trên bục xưng tội nhưng khi đến lượt tôi xưng tội tôi cảm thấy không thể thở được, cảm thấy tim mình bị bóp nghẹt, cảm thấy lạnh toát cả người và tôi bỏ chạy khỏi nhà thờ.

Tôi thề đến Giáng sinh tôi sẽ đi xưng tội. Tôi không làm được. Lễ Phục sinh. Tôi không làm được. Nhiều tuần rồi nhiều tháng

trôi qua và thấm thoắt Theresa đã qua đời được một năm. Tôi định sẽ đến dự lễ tưởng niệm cô ấy nhưng tôi không thể. Giờ tôi đã mười lăm tuổi và tôi đi qua những nhà thờ mà không ghé vào nữa. Tôi sẽ phải đợi tới khi tôi sang Mỹ nơi có những linh mục như linh mục Bing Crosby trong phim *Tôi đi đường tôi* người sẽ không nỡ lòng nào đá tôi khỏi bục xưng tội như những linh mục ở Limerick.

Tôi vẫn mang tội lỗi đó trong mình, một ung nhọt, và tôi hy vọng nó không giết chết tôi trước khi tôi gặp được một linh mục ở Mỹ.

Có một bức điện gửi cho một bà già, bà Brigid Finucane. Bà ấy hỏi tôi:

- Cậu bao nhiêu tuổi?

Cháu mười lăm tuổi rưỡi ạ?

Đủ bé để làm một thằng ngốc và đủ lớn để hiểu biết hơn. Cậu tháo vát chứ? Cậu luôn thông minh chứ?

Cháu biết đọc và viết, thưa bà.

Ô, ở trại tâm thần ngoài kia cũng có khối người biết đọc biết viết. Cậu biết viết thư chứ?

Vâng.

Bà ấy muốn tôi viết thư cho các khách hàng của bà ấy. Nếu bạn cần comlê hay váy cho con bạn thì bạn có thể đến tìm bà ấy. Bà ấy sẽ đưa cho bạn một tấm phiếu để bạn đến một cửa hàng và họ sẽ đưa quần áo cho bạn. Bà ấy được cửa hàng tính giá ưu đãi nhưng bà ấy thanh toán với bạn theo giá chung có kèm lãi suất. Bạn sẽ trả cho bà ấy theo tuần. Một số khách hàng không trả nợ đúng hạn và họ phải nhận thư đe dọa. Bà ấy bảo sẽ trả tôi ba xu cho mỗi bức thư và nếu thư tôi viết khiến người ta trả nợ cho bà ấy thì tôi sẽ được nhận thêm ba xu nữa. Nếu tôi đồng ý thì tôi có thể đến nhà bà ấy làm việc vào các tối thứ Năm và thứ Sáu, và tôi phải mang theo giấy và phong bì đến.

Tôi cần việc làm đó. Tôi muốn đi Mỹ. Nhưng tôi không có tiền mua giấy và phong bì. Hôm sau đi đưa điện đến cửa hàng Woolworth tôi đã tìm được đáp án cho vấn đề đó, một gian hàng toàn giấy trắng và phong bì. Tôi không có tiền nên tôi đành phải mượn người ta vậy. Nhưng bằng cách nào đây? Ngay trước cửa hiệu có hai con chó đang quấn lấy nhau sau khi làm chuyện thú vị. Chúng vừa rên ư ử vừa chạy vòng quanh. Khách hàng và nhân viên bán hàng cười tủm tỉm rồi giả vờ nhìn đi chỗ khác và trong khi họ còn mải giả vờ tôi liền rút một tập giấy và một tập phong bì giấu vào trong áo rồi thản nhiên đi ra cửa và lên xe đạp phóng đi.

Bà Finucane nhìn tôi bằng con mắt đầy nghi ngờ:

Cậu kiếm được loại giấy đẹp đấy. Của mẹ cậu à? Khi nào có tiền công cậu sẽ mua trả đúng không?

Vâng.

Từ giờ tôi sẽ không vào nhà bà Finucane bằng lối cửa trước nữa. Sau nhà bà ấy có một con ngõ và tôi sẽ vào bằng cửa sau nhà bà ấy để mọi người không nhìn thấy tôi.

Bà Finucane lấy cuốn sổ cái ra và đọc cho tôi tên cùng dịa chỉ của sáu khách hàng không trả nợ đúng hạn. Bà ấy ra lệnh cho tôi dọa họ, dọa cho họ khiếp để họ phải nôn tiển ra.

Lá thư đầu tiên tôi viết như sau:

Kính gửi ông O'Brien

Vì ông trì hoãn mãi không thanh toán nợ cho tôi nên tôi buộc phải viện đến pháp luật. Con trai ông, Michael, xúng xính đi đây di đó trong bộ comlê tôi ứng tiền ra mua giúp trong khi tôi chỉ khoác trên người mỗi một mảnh bao tải để giữ cho hồn không lìa khỏi xác. Tôi chắc chắn rằng ông không muốn chết dần chết mòn sau chấn song của nhà tù Limerick xa gia dinh và bạn bè.

Hẹn gặp ông ở tòa án.

Brigid Finucane

Bà Finucane khen tôi đã viết được một bức thư rất mạnh mẽ, rằng những gì tôi viết khá hơn những thứ vớ vẩn trên tờ *Limerick Leader.* Bà ấy hỏi:

Từ "vì" đúng là một từ khủng bố. Cậu dùng từ đó là muốn nói gì?

Cháu nghĩ nó có nghĩa đây là cơ hội cuối cùng của ông.

Tôi viết thêm năm bức thư nữa và bà ấy đưa cho tôi tiền để mua tem. Trên đường đến bưu điện tôi chợt nghĩ: Tại sao mình phải tốn tiền mua tem trong khi mình có hai chân để đưa thư đến từng nhà nhỉ? Khi bạn nghèo túng thì một bức thư xiết nợ là một lá thư xiết nợ cho dù nó đến nhà bạn bằng cách nào đi chăng nữa.

Tôi chạy khắp Limerick đút những bức thư đe dọa xuống gầm cửa nhà người ta mà thầm cầu cho không ai nhìn thấy tôi.

Tuần sau đó bà Finucane rú lên vì sướng. Bốn trong số các khách hàng nhận thư đe dọa đã mang tiền đến trả. Bà Funicane hỉ hả bảo tôi:

Nào, ngồi xuống đi, viết nữa đi, làm cho bọn họ vãi linh hồn đi.

Càng ngày những lá thư đe dọa của tôi càng sắc bén. Tôi bắt đầu ném vào đó những từ mà chính tôi cũng không hiểu.

Kính gửi ông O'Brien,

Vì ông không chịu khuất phục trước lời cánh báo về việc kiện tụng không thể tránh khỏi mà chúng tôi đã thông báo với ông trong thư trước nên chúng tôi sẽ bàn thảo với luật sư của chúng tôi ở Dublin về vụ việc này.

Ngay tuần sau bà O'Brien mang tiền đến trả. Bà ấy vừa run rẩy vừa rân rấn nước mắt hứa rằng bà ấy sẽ không bao giờ nợ quá hạn nữa.

Cứ tối thứ Sáu là bà Finucane lại sai tôi ra quán mua một chai rượu cherry. Bà ấy nói:

- Cậu chưa đủ lớn để uống cherry. Cậu có thể uống trà nhưng mà hãy pha lại ấm trà hồi sáng mà uống. Không, cậu không được đụng đến bánh mì vì bánh mì bây giờ đắt lắm. Bánh mì ư? Nếu hôm nay cho cậu bánh mì thì thế nào ngày mai cậu cũng đòi ăn trứng cho mà xem.

Bà ấy ngồi lắc lư bên lò sưởi, uống rượu, đếm tiền trong chiếc ví để trong lòng, ghi số tiền thu được vào sổ, cất tất cả vào một cái hòm khóa lại và để xuống gầm giường bà ấy nằm. Ngà ngà say bà ấy bảo tôi rằng thật dễ chịu khi có một ít tiền gửi đến cho giáo hội làm lễ Mixa để người ta cầu nguyện cho linh hồn của mình. Bà ấy rất vui khi nghĩ rằng nhiều năm sau khi bà ấy chết các linh mục vẫn làm lễ Mixa cho bà ấy.

Thỉnh thoảng bà ấy ngủ ngay trên ghế và nếu cái ví của bà ấy rơi xuống sàn thì thế nào tôi cũng kiếm được vài shilling cho việc làm ngoài giờ và việc viết được những từ mới có sức thuyết phục. Số tiền dành cho các linh mục và các lễ Mixa sẽ ít đi nhưng một linh hồn thì cần bao nhiêu lễ Mixa cơ chứ vả lại sau cái cách giáo hội đóng sập cửa trước mặt tôi thì chẳng lẽ tôi không đáng được hưởng vài bảng hay sao? Họ không nhận tôi làm một lễ sinh, không cho tôi học trung học. Tôi cóc cần. Tôi có khoản tiền tiết kiệm gửi ở bưu điện và nếu tôi cứ tiếp tục viết những bức thư đe dọa thành công, tiếp tục kiếm được vài shilling ngớ ngẩn từ ví của bà Finucane và tiết kiệm được tiền mua tem thì tôi sẽ có đủ tiền để đi Mỹ. Nếu gia đình tôi có chết đói đi nữa thì tôi cũng quyết không đụng đến số tiền đó.

Thường thì tôi phải viết những bức thư đe dọa gửi đến nhũng người bà con hoặc bạn bè của mẹ tôi và tôi rất lo bị họ phát hiện. Họ phàn nàn với mẹ tôi: “Con chó cái đó, mụ già Finucane ở Irishtown ấy, mụ ta đã gửi thư đe dọa tôi. Gửi cái thư không đầu không cuối với những từ tôi chưa từng nghe thấy ấy rồi thì

không biết mụ ta sẽ bị loại ma quỉ nào dưới địa ngục nó hành đây. Cái đứa viết bức thư đó còn tồi tệ hơn cả tên phản đạo Judas hay bất cứ tên tay sai cho Anh nào".

Mẹ tôi bảo rằng ai viết những bức thư như thế đáng bị ném vào vạc dầu sôi và đáng bị người mù rút móng tay.

Tôi rất thông cảm với những khó khăn của họ nhưng tôi không có cách nào khác để kiếm tiền sang Mỹ. Tôi biết một ngày nào đó tôi sẽ trở thành một người Mỹ giàu có và tôi sẽ gửi về cho gia đình tôi hàng trăm đô la và gia đình tôi sẽ không bao giờ phải lo lắng vì những lá thư đe dọa nữa.

Mấy đứa con trai đưa điện tín tạm thời kháo nhau về kỳ thi tuyển nhân viên chính thức diễn ra vào tháng Tám. Bà O'Connell nói với tôi:

Cậu nên dự thi, Frank McCourt ạ. Cậu có đầu óc đấy và chắc là cậu sẽ đỗ thôi. Cậu sẽ sớm trở thành một bưu tá thực thụ và như thế sẽ giúp mẹ cậu nhiều đấy.

Mẹ tôi cũng nói tôi nên thi để trở thành một bưu tá, để dành tiền đi Mỹ và làm bưu tá ở bên đó thì sẽ có một cuộc sống dễ chịu.

Một Chủ nhật tôi đưa điện tín đến quán South và thấy bác Pa đang ngồi ở đó, vẫn đen như mọi khi. Bác ấy nói:

Làm một chai nước chanh đi, Frankie, mà cháu sắp mười sáu tuổi rồi hay là làm một vại bia nhé?

Nước chanh thôi ạ, cảm ơn bác Pa.

Cháu muốn khi nào tròn mười sáu tuổi mới uống vại bia đầu tiên chứ gì?

Vâng, nhưng bố cháu làm gì có nhà mà mua vại bia đầu tiên cho cháu.

Đừng lo về chuyện đó. Bác biết bố cháu mua cho cháu mới đúng nhưng không sao, bác sẽ mua cho cháu. Nếu bác có một cậu con

trai thì bác cũng sẽ làm thế. Trước hôm cháu mười sáu tuổi cháu hãy đến đây.

Vâng.

Bác nghe nói cháu sẽ thi vào bưu điện hả?

Vâng.

Tại sao cháu lại làm một việc như thế?

Đó là một công việc tốt và cháu sẽ trở thành một người đưa thư và sẽ có lương hưu.

Ô, lương hưu cái mông bác mày đây này. Mới mười sáu tuổi đầu đã nói đến lương hưu. Mày định lừa bác mày hả? Mày có nghe bác mày nói gì không, Frankie? Lương hưu cái mông bác mày đây này. Nếu mày thi đỗ thì mày sẽ chôn chân cả đời ở bưu điện. Mày sẽ cưới một cô Brigid và sẽ có năm nhóc và sẽ trồng hoa hồng trong vườn nhà mày. Cái đầu mày sẽ chết trước khi mày ba mươi tuổi và thậm chí trước đó mày đã trở thành thằng đàn ông bất lực. Hãy suy nghĩ cho kỹ và tự quyết định lấy cháu ạ và quên cái an toàn và những bức bối trước mắt đi cháu ạ. Mày có nghe bác nói không đấy, Frankie?

Cháu nghe rõ cả, thưa bác Pa. Thầy Hallorant cũng nói như vậy.

Ông ấy nói gì?

Ông ấy bảo hãy tự quyết định.

Ông ấy nói đúng. Cuộc sống của cháu thì cháu phải tự quyết định, Frankie ạ. Cháu vẫn định đi Mỹ đấy chứ?

Vâng, thưa bác Pa.

Hôm bưu điện tổ chức thi tôi được nghỉ làm. Đi qua phố O'Connell tôi thấy có một tấm biển có ghi:

"CẦN TUYỂN NAM THANH NIÊN THÁO VÁT, VIẾT CHỮ ĐẸP, LÀM TÍNH THẠO, GẶP QUẢN LÝ McCAFFEY, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EASONS".

Tôi đứng bên ngoài trụ sở của Hội thanh niên Tin lành nơi diễn ra cuộc thi. Những đứa con trai từ khắp Limerick lũ lượt

bước lên bậc tam cấp để vào phòng thi và một người đàn ông đứng ở cửa ra vào vừa phát cho họ giấy trắng và bút viết vừa luôn miệng giục họ khẩn trương. Tôi nhìn người đàn ông đó, tôi nghĩ đến những gì bác Pa đã nói, tôi nghĩ tới tấm biển trước cửa văn phòng công ty Easons. Tôi không muốn bước qua cánh cửa đó, không muốn thi đỗ bởi nếu tôi thi đỗ thì tôi sẽ trở thành một bưu tá mặc đồng phục rồi trở thành một người đưa thư và một người bán tem trong suốt phần còn lại của cuộc đời. Tôi sẽ bị mắc kẹt ở Limerick này mãi mãi.

Người đàn ông đứng ở của phòng thi nói:

Này cậu kia có muốn vào hay không hay là cứ đứng nghệt mặt ra đó mãi hả?

Tôi muốn rủa ông ta hôn mông tôi, nhưng tôi vẫn còn làm việc ở bưu điện mấy tuần nữa và tôi sợ ông ấy sẽ tô cáo tôi. Tôi lắc đầu và bước về phía con phô đang cần một thanh niên tháo vát.

Người quản lý, ông McCaffrey, nói:

Tôi muốn xem chữ viết của cậu. Ngồi xuống cái bàn kia. Viết tên và địa chỉ của cậu ra và viết một đoạn trình bày lý do tại sao cậu muốn xin vào làm ở đây và cho biết hướng phấn đấu bằng sự kiên trì và siêng năng của cậu tại công ty Easons, nơi sẽ tạo một cơ hội lớn cho một thanh niên biết nhìn về phía trước và biết giữ sườn của cậu ta tránh xa cám dỗ của tội lỗi.

Tôi đã viết như sau:

Frank McCourt,

Nhà số 4, Phố Little Baưington,

Thành phố Limerick,

Ailen.

Tôi muốn xin công việc này để tôi có cơ hội vươn lên trong công ty Easons bằng sự kiên trì và sự siêng năng của mình và tôi biết rằng nếu tôi biết nhìn thẳng về phía trước và biết bảo vệ cái sườn của tôi thì tôi sẽ có thể tránh xa tất cả những cám dỗ và sẽ trở thành niềm tự hào của công ty Easons nói riêng và đất nước Ailen nói chung.

Ông Caffrey đọc những gì tôi viết và nói:

Sự thật kiểu quái gì thế này?

Cháu không biết ạ.

Phố Little Barrington. Đó là một ngõ hẻm. Tại sao cậu lại gọi nó là phố? Cậu sống trong một ngõ hẻm chứ đâu phải trong phố.

-Người ta vẫn gọi đó là phố, thưa ông McCaffrey.

Đừng có tự đánh bóng mình lên, cậu chàng ạ.

Không đâu, thưa ông McCaffrey.

Cậu sống trong một ngõ hẻm và như thế có nghĩa là cậu không thể đi kiểu gì khác mà chỉ có thể đi ra mà thôi. Cậu có hiểu ý tôi nói không?

Cháu hiểu, thưa ông McCaffrey.

Cậu phải thoát khỏi cái ngõ hẻm cậu đang sống, cậu McCourt ạ.

Vâng, thưa ông.

Cậu có vẻ ngoài của một đứa con trai lớn lên trong ngõ hẻm, cậu McCourt ạ.

Vâng, thưa ông McCaffrey.

Trông cậu là người ta biết ngay cậu lớn lên trong ngõ hẻm. Từ đầu đến chân cậu đều nói lên điều đó. Đừng có cố đánh lừa mọi người, McCourt ạ. Còn khuya cậu mới lừa được tôi.

Ô, không, cháu không có ý đó đâu, thưa ông.

Lại còn mắt cậu nữa kìa. Mắt cậu đau nặng đấy. Cậu vẫn nhìn được chứ?

Cháu nhìn được ạ.

Cậu biết đọc biết viết nhưng cậu có biết làm tính cộng tính trừ không đấy?

Cháu biết ạ.

Tôi không biết công ty họ có chấp nhận người mắt kém hay không. Đáng lẽ tôi phải điện lên Dublin hỏi ý kiến người ta. Nhưng tôi phải công nhận là cậu viết chữ đẹp đấy, McCourt ạ. Viết rất đẹp. Vì ưu điểm này chúng tôi sẽ nhận cậu vào làm. Sáng thứ Hai. Đúng sáu rưỡi tại ga tàu hỏa.

Sáng ư?

Sáng. Thế chẳng lẽ chúng ta giao báo buổi sáng vào ban đêm à?
Không ạ, thưa ông McCaffrey.

Còn một điều nữa. Chúng ta phân phối tờ *The Irish time,* một tờ báo của người đạo Tin lành, do hội Tam điểm ở Dublin ấn hành. Chúng ta nhận báo ở ga tàu. Chúng ta kiểm số lượng. Nhưng chúng ta không đọc nó. Tôi không muốn nhìn thấy cậu đọc tờ báo đó. Loại báo đó sẽ làm cậu mất đi đức tin và mất cả khả năng nhìn đấy. Cậu nghe rõ rồi chứ?

Cháu nghe rõ rồi, thưa ông McCaffrey.

Không được đọc tờ *The Irish time,* và tuần tới cậu đến đây tôi sẽ nói cho cậu biết về tất cả những thứ rác rưởi của bọn Anh mà cậu không được phép đọc khi làm việc ở đây. Cậu nghe rõ chưa?

Rõ rồi, thưa ông McCaffrey.

Bà O'Connell mím môi và không thèm nhìn tôi. Bà ấy nói với cô Barry:

Tôi nghe nói có loại người sống trong ngõ hẻm mới phất khinh không thèm dự thi vào bưu điện. Quá tốt nên làm ở bưu điện chưa xứng.

Chị nói đúng - Cô Barry nói.

Quá tài nên không thèm làm việc cho chúng ta.

Chị nói đúng.

Cô có nghĩ loại người đó sẽ nói cho chúng ta biết tại sao nó không thi không?

o, có thể, nếu chúng ta quì xuống van xin.

Tôi nói với bà O'Connell:

Cháu muốn đi Mỹ, thưa bà O'Connell.

Cô nghe thấy gì chưa, cô Barry?

Tôi nghe rõ rồi.

Cậu ta đã nói rồi đấy.

Đúng.

Rồi cậu ta sẽ phải hối hận, cô Barry ạ.

Bà O'Connell quay sang nói với mấy đứa con trai ngồi ở ghế băng, làm như không có mặt tôi ở đó:

Frank McCourt nghĩ rằng cậu ta quá tốt nên làm ở bưu điện không xứng.

Cháu không nghĩ như vậy đâu, thưa bà O'Connell.

Ai bảo cậu mở mồm, cậu High và cậu Mighty nhỉ? Quá tốt nên không thiết làm với chúng ta, đúng không?

Đúng đấy ạ.

Không thiết sau tất cả những gì chúng ta đã làm cho cậu ta, dành cho cậu ta những bức điện có thưởng hậu hĩnh, cho cậu ta đi đưa điện ở ngoại ô vào những ngày đẹp trời, nhận cậu ta trở lại làm sau khi cư xử thật tệ với ông Harrington, một người Anh lịch lãm, hành hạ bà vợ tội nghiệp vừa mới qua đời của ông ấy, nốc no bánh và rượu của nhà người ta, nôn ra cửa sổ nhà người

ta, phá tất cả hoa hồng nhà người ta, và ai mà biết được trong hai năm đi đưa điện tín cậu ta còn gây ra những chuyện xấu xa nào nữa, ai mà biết được, nhưng chúng ta biết cả phải không, cô Barry?

Đúng, chúng ta biết cả, nhưng nói ra ở đây thì không tiện.

Bà ấy thì thầm với cô Barry và cả hai cùng nhìn tôi và lắc đầu:

Đúng là một nỗi nhục nhã cho đất nước Ai len này và cho người mẹ khốn khổ của cậu ta. Nhưng chúng ta nào có mong đợi gì từ một con người sinh ra ở Mỹ và có cha là người miền Bắc. Chúng ta chán ngấy tất cả những điều đó nhưng vẫn đón nhận cậu ta.

Bà ấy tiếp tục nói với những đứa con trai ngồi trên ghế băng và lờ tôi đi:

Đến làm cho Easons, làm cho một lũ ở hội Tam điểm và bọn Tin lành trên Dublin. Quá tốt nên không thèm làm ở bưu điện nhưng lại sẵn sàng đi phát khắp Limerick tất cả những thứ rác rưởi của bọn Anh. Mọi tờ tạp chí cậu ta đụng vào sẽ là một trọng tội. Nhưng bây giờ cậu ta sẽ đi, sẽ đi, và đúng là một ngày buồn đối với người mẹ khốn khổ của cậu ta khi mà bà ta cứ cầu nguyện cho con trai mình kiếm được lương hưu để lo cho bà ấy những ngày cuối đời. Nào lại đây đi, cầm lấy tiền lương và biến đi cho khuất mắt tôi.

Cô Barry nói:

Đó là một đứa con trai tồi tệ đúng không, các cậu?

Đúng thế, thưa cô Barry.

Tôi không biết phải nói gì. Tôi không biết tôi đã làm chuyện gì sai. Tôi có nên nói lời xin lỗi hay không? Có nên chào tạm biệt mọi người không?

Tôi đặt chiếc túi lên bàn của bà O'Connell. Bà ấy nhìn tôi chằm chằm và nói:

Đi đi. Đến với công việc của cậu ở Easons đi. Biến đi cho khuất mắt đi. Nào, người tiếp theo đến lĩnh điện nào.

Họ quay lại với công việc còn tôi thì bước xuống tùng bậc thang để bắt đầu chặng đường tiếp theo của cuộc đời tôi.

17

Tôi không biết tại sao bà O'Connell phải hạ nhục tôi trước mặt mọi người, và tôi không hề nghĩ rằng mình quá tốt không thiết làm ở bưu điện. Làm sao tôi có thể nghĩ như thế cơ chứ trong khi con người tôi chẳng có gì đáng để mà kiêu, tóc thì dựng đứng, mặt thì đầy mụn, mắt thì đỏ và đùn rỉ, răng thì sâu, vai thì chẳng có, mông thì gầy đét sau những ngày đạp xe đưa hai mươi nghìn bức điện đến mọi cánh cửa ở Limerick và vùng lân cận?

Bà O'Connell trước đây đã từng nói rằng bà ấy biết tất cả những chuyện mà những đứa con trai đi đưa điện tín làm. Chắc hẳn bà ấy phải biết chuyện tôi làm trên đỉnh pháo đài Carrigogunnell.

Chắc hẳn bà ấy phải biết về Theresa Carmody và chiếc sofa màu xanh, biết tôi đã lôi kéo cô ấy vào việc làm tội lỗi và biết tôi đã đẩy cô ấy xuống địa ngục, biết tôi đã phạm một tội nặng nhất trong tất cả những trọng tội, nặng hơn cả tội tôi phạm phải trên pháo đài Carrigogunnell một nghìn lần. Chắc hẳn bà ấy biết sau chuyện với Theresa tôi chưa bao giờ đi xưng tội và biết tôi sẽ bị đày xuống địa ngục.

Một con người phạm vào một tội lỗi như thế không bao giờ quá tốt không thiết làm trong bưu điện.

Chủ quán South vẫn còn nhớ tôi từ cái lần tôi ngồi với ông Hannon, ông Bill Garvin, bác Pa Keating, đen trắng đen. Ông ấy vẫn còn nhớ bố tôi, nhớ những tối bố tôi đem hết tiền trợ cấp đi uống đến say mèm rồi nghêu ngao hát những bài hát phản

kháng của người Ailen và diễn thuyết ở bến tàu như một kẻ chống đối bị đưa ra xét xử.

Cậu muốn uống gì?

Cháu đến tìm bác Pa Keating để uống vại bia đầu tiên của cháu.

Ô, tốt, có thật vậy không? Ông ấy đến ngay bây giờ đấy và chẳng có lý do nào tôi lại không phục vụ vại bia đầu tiên của ông ta và có lẽ là cả vại bia đầu tiên của cậu, đúng không?

Vâng.

Bác Pa đến và bảo tôi ngồi xuống cạnh bác ấy ở chỗ ngồi sát tường. Chủ quán mang những vại bia tới, bác Pa trả tiền, nâng ly của bác ấy lên, nói với những người có mặt trong quán:

Các bạn, thằng cháu tôi, Erankie McCourt, con trai của Angela Sheehan, em gái vợ tôi, có mặt ở đây để uống vại bia đầu tiên, nào xin chúc tất cả mạnh khỏe và sống lâu, Frakie, chúc cháu sống để uống nhưng chớ uống quá nhiều.

Những người đàn ông nâng ly lên, gật đầu, uống, và bọt bia viển quanh mép và râu họ. Tôi uống một hơi dài và bác Pa nhắc tôi:

Vì Chúa hãy uống chậm thôi, đừng uống một hơi như thế, nhà Guinness vẫn còn khỏe mạnh cả không thiếu bia đâu mà lo.

Tôi nói với bác ấy rằng tôi muốn mua cho bác ấy một vại bia bằng số tiền lương cuối cùng tôi lĩnh ở bưu điện nhưng bác ấy nói:

Không, mang tiền đó về cho mẹ cháu và khi nào cháu ở Mỹ về đỏ mặt vì thành công và vì nhiệt của một cô gái tóc vàng trong vòng tay thì cháu hãy mua một vại bia cho bác.

Những người đàn ông trong quán nói về tình hình thế giới bất ổn và về chuyện Hermann Goering đã nhân danh Chúa trời miễn cho mình cảnh bị treo cổ chỉ một giờ trước khi bản án được thi hành. Người Mỹ đang có mặt ở Nuremberg tuyên bố rằng họ không biết đồ con hoang Đức quốc xã ấy giấu viên

thuốc độc ở đâu. Trong lỗ tai? Trong lỗ mũi? Hay trong lỗ đít? Chắc chắn người Mỹ đã không bỏ sót một cái lỗ nào và đã lục soát từng tên Đức quốc xã họ tóm được vậy mà Hermann vẫn cứ đi trước một nước. Tình hình là như vậy đó. Nó cho thấy rằng anh có thể vượt Đại Tây Dương, đổ bộ lên Normandy, dội bom xóa sổ nước Đức, nhưng khi tất cả những điều đó đã được nói và được thực hiện thì anh lại không thể tìm nổi một viên thuốc bé tẹo được giấu ở chỗ khó chạm tới nhất trong cái đít béo của Goering.

Bác Pa mua cho tôi một vại bia nữa. Tôi thấy khó uống vại bia đó hơn bởi vì nó làm bụng tôi căng tròn. Những người đàn ông nói về những trại tập trung và những người Do thái khốn khổ, những người chưa từng làm hại đến ai, đàn ông, đàn bà, trẻ con chen chúc nhau trong những những cái lò nhốt người ngột ngạt, trẻ con chúng nào có tội tình gì, và cảnh trong quán trở lên lờ mờ như có sương còn giọng nói của những người đàn ông thì lúc rõ lúc không. Bác Pa hỏi tôi:

Cháu không sao chứ? Người cháu trắng như một tấm khăn trải giường ấy.

Bác ấy đẩy tôi vào nhà vệ sinh và cả hai bác cháu tôi cùng đi tiểu. Tôi không thể ở quán đó thêm được nữa, không thể chịu đựng nổi mùi thuốc lá, thứ bia đen nhạt nhẽo của nhà Guinness, cái đít béo của Goering, chuyện trẻ con chạy tan tác trong các trại tập trung, không thể chịu đựng thêm một giây nào nữa. Tôi cảm ơn bác Pa và bác ấy bảo tôi về thẳng nhà với mẹ, về thẳng nhà, ôi, bác ấy đâu có biết chuyện thú vị ở trên gác xép hay trên chiếc trường kỷ màu xanh và đâu biết tôi mang tội nặng đến nỗi nếu bây giờ tôi chết thì tôi sẽ bị đày xuống địa ngục trong nháy mắt.

Bác Pa quay vào uống tiếp. Tôi bước ra đường 0'Connell và tôi chợt nghĩ tại sao trong cái đêm cuối cùng của tuổi mười lăm này tôi lại không đi đến nhà thờ dòng Tên và nói ra tất cả những tội

lỗi của mình. Tôi rung chuông nhà linh mục và một người đàn ông to lớn ra mở cửa. Ông ta hỏi tôi:

Gì vậy?

Con muốn xưng tội, thưa Cha.

Tôi không phải là một linh mục. Đừng có gọi tôi là Cha. Tôi là một thầy dòng.

Không sao, thưa thầy dòng. Con muốn xưng tội trước khi con mười sáu tuổi. Con muốn được rửa tội trong ngày sinh nhật.

Ông ta nói:

Xéo ngay. Mày say nhè. Nhãi ranh như mày, khuya khoắt như thế này uống say rồi triệu linh mục như thể mày là Chúa trời không bằng. Mày không xéo ngay là tao gọi bảo vệ tới đấy.

Ôi, xin đừng. Xin đừng làm thế. Con chỉ muốn xưng tội thôi mà. Con có tội.

Mày say nhè và mày không đủ tỉnh táo để ăn năn.

Ông ta đóng sập cửa trước mặt tôi. Lại một lần nữa tôi bị người ta sập cửa ngay trước mặt, nhưng ngày mai tôi mười sáu tuổi rồi và tôi lại rung chuông. Lại vẫn người đàn ông đó ra mở cửa, ông ta đẩy và đá tôi khiến tôi ngã lộn xuống bậc cửa.

Ông ta rít lên:

Mày mà còn rung chuông nữa là tao bẻ gãy tay đấy con ạ.

Có ai ngờ những thầy tu dòng Tên lại có thể nói năng kiểu đó. Họ được xem như Chúa của chúng sinh, chứ ai nghĩ họ lại đi doạ bẻ gãy tay người ta như thế.

Tôi cảm thấy chóng mặt. Tôi sẽ phải về nhà đi nằm. Tôi vịn vào những thanh chắn trên đường Barrington mà đi và khi về đến ngõ tôi phải lần theo tường để khỏi ngã. Mẹ tôi đang ngồi bên bếp hút thuốc Woodbine, các em tôi đều đã ngủ cả. Mẹ tôi nói:

Về nhà trong bộ dạng này hay ho gớm.

Dù rất khó nói tôi vẫn cho mẹ tôi biết rằng tôi đã uống vại bia đầu tiên của đời tôi với bác Pa. Tôi bảo bà rằng tôi không được bố của mình mua cho vại bia đầu tiên.

Bác Pa của mày nên tỉnh táo hơn mới đúng.

Tôi lảo đảo đi đến chỗ một cái ghế, và mẹ tôi nói:

Hệt như bố mày.

Tôi cố điều khiển lưỡi mình:

Con thích thế đấy, con thích thế, giống bố còn hơn là giống cái gã Laman Grifm.

Mẹ tôi không nhìn tôi nữa mà quay vào nhìn những tàn tro trong bếp nhưng tôi không tha cho bà bởi tôi đã uống, đã uống hai vại, và ngày mai tôi mười sáu tuổi, ngày mai tôi sẽ trở thành một người đàn ông.

Mẹ đã nghe rõ chưa? Con muốn giống bố hơn là giống Laman Griffin.

Mẹ tôi đứng dậy, đối mặt với tôi:

Cẩn thận cái mồm mày đấy.

Có mà cẩn thận cái mồm mẹ thì có.

Mày có cái mồm của một đứa đưa báo.

Con như vậy hả? Như vậy hả? Con thà làm một đứa đưa báo còn hơn là làm cái loại người như Laman Griffin uống say nhè trèo lên gác rồi người ta lại trèo lên gác với ông ta.

Mẹ tôi bước ra khỏi bếp và tôi theo bà lên tận phòng nhỏ trên gác. Bà quay ra, bỏ tôi ở đó một mình, bỏ tôi một mình, còn tôi thì tiếp tục gào cái tên Laman Griffin cho tới khi mẹ tôi quay lại đẩy tôi ra khỏi phòng, và tôi đã tát bà một cái vào má khiến bà rân rấn nước mắt và bà run rẩy nói: “ Mày sẽ không bao giờ có cơ hội làm điều đó nữa đâu”. Tôi quay lưng lại phía bà bởi vì trong danh sách tội lỗi dài dằng dặc của tôi lại có thêm một tội nữa và tôi cảm thấy thực sự hổ thẹn với chính mình.

Tôi nằm vật xuống giường, không buồn cởi quần áo, và nửa đêm tỉnh dậy tôi nôn ra gối khiến các em tôi càu nhàu vì mùi khó ngửi và bảo tôi dậy rửa ráy. Tôi nghe thấy tiếng mẹ tôi khóc và tôi muốn xin lỗi bà nhưng tại sao tôi phải làm thế sau những gì bà đã làm với Laman cơ chứ.

Sáng ra các em tôi đi học, Malachy ra ngoài tìm việc làm, mẹ tôi ngồi bên bếp uống trà. Tôi để tiền công bưu điện trả tôi hôm trước lên mặt bàn gần khuỷu tay bà và quay gót bước ra ngoài. Mẹ tôi gọi:

Con có muốn uống trà rồi hãy đi không?

Không.

Hôm nay là sinh nhật của con mà.

Con không quan tâm.

Mẹ tôi đi theo ra ngõ gọi tôi quay lại ăn chút gì đó rồi hãy đi nhưng tôi cứ cắm đầu bước đi không trả lời. Tôi vẫn muốn nói lời xin lỗi với mẹ tôi nhưng nếu tôi làm thế thì tôi sẽ bảo mẹ tôi là nguyên nhân của tất cả chuyện đó, sẽ bảo rằng đáng lẽ ra đêm đó mẹ tôi không nên trèo lên gác xép với Laman và tôi chẳng việc gì phải sợ vì tôi vẫn viết thư cho bà Finucane và vẫn đang tiết kiệm tiền để đi Mỹ.

Tôi có cả một ngày rảnh rỗi trước khi đến nhà bà Finucane viết những lá thư đe dọa vì thế tôi đi lang thang xuống phố Herry cho đến khi cơn mưa đưa đẩy tôi đến nhà thờ thánh Francis nơi có tượng thánh đứng với bày chim và cừu của thánh. Tôi nhìn thánh và tự hỏi không biết tại sao tôi lại từng cầu nguyện trước thánh. Không tôi có cầu nguyện trước thánh đâu, tôi van xin thánh thì có.

Tôi đã van xin thánh nói đỡ cho Theresa Carmody nhưng thánh có làm gì đâu, chỉ đứng đó trên bệ cao của thánh với nụ cười, với chim, với cừu, và không thèm đếm xỉa gì đến Theresa hay tôi.

Tôi kết thúc với thánh, thánh Francis ạ. Francis. Tôi không hiểu tại sao người ta lại đặt cho tôi cái tên đó. Tôi có lẽ sẽ hạnh phúc hơn nếu họ gọi tôi là Malachy, theo tên một vị vua, theo tên của một vị thánh khác. Tại sao thánh không cứu Theresa? Tại sao thánh để cô ấy bị đày xuống địa ngục. Thánh để mặc mẹ tôi trèo lên gác xép với Laman. Thánh để mặc tôi rơi vào vòng tội lỗi. Thánh để mặc những đứa trẻ chạy tan tác trong các trại tập trung.

Tôi lại có một vết thương. Nó nằm ở trong tim tôi và tôi còn bị đói nữa.

Thánh Francis chẳng giúp được gì, thánh không thể ngăn nổi những giọt nước mắt đang trào ra khóe mắt tôi, không thể ngăn nổi những tiếng nấc nghẹn ngào và cả Chúa trời nữa, tôi đã cúi đầu quì ở đây, tôi muốn nhủn cả người vì đói, vì khóc và tôi sắp ngã ra sàn đến nơi và tôi cầu xin thánh Francis và Chúa trời cứu giúp tôi bởi vì hôm nay tôi mười sáu tuổi, tôi đã đánh mẹ tôi, đã khiến Theresa phải xuống địa ngục, đã mắc tội thủ dâm và tôi hoảng sợ trước trách nhiệm nặng nề của mình.

Một cánh tay quàng quanh vai tôi, một màu áo nâu hiện ra trước mắt tôi, những tiếng lách cách của chuỗi hạt rôze vang lên bên tai tôi, một linh mục của nhà thờ thánh Francis đang ở bên tôi.

Con của ta, con của ta, con của ta.

Tôi là một đứa con và tôi gục đầu vào lòng linh mục, như Frankie bé bỏng gục đầu vào lòng bố mình nũng nịu: “Bố, kể cho con tất cả những chuyện về Cuchulain đi, ứ cho Malachy câu chuyện đó của con”.

Con của ta, ngồi đây với ta. Hãy nói cho ta biết những rắc rối của con. Dĩ nhiên là nếu con muốn. Ta là Cha Gregory.

Hôm nay con mười sáu tuổi, thưa Cha.

0, tốt, tốt, nhưng tại sao điều đó lại là một rắc rối đối với con?

Tối qua con đã uống vại bia đầu tiên.

Rồi sao?

Con đã tát mẹ của con.

Chúa giúp chúng ta, con của ta. Nhưng Người sẽ tha thứ cho con. Còn gì nữa không con?

Con không thể nói ra được, thưa Cha.

Con có muốn xưng tội không?

Con không thể, thưa Cha. Con đã làm những điều tồi tệ.

Chúa trời tha thứ cho tất cả những ai biết ăn năn. Người đã để con trai duy nhất của người chết vì chúng ta.

Con không thể nói ra, thưa Cha. Con không thể.

Nhưng con có thể kể với thánh Francis đúng không?

Thánh không giúp con đâu.

Nhưng con yêu thánh đúng không.

Vâng. Tên con là Francis mà.

Vậy thì con hãy kể với thánh. Chúng ta ngồi đây và con hãy kể với thánh tất cả những rắc rối của con. Nếu ta ngồi và nghe con nói thì chẳng qua ta chỉ là đôi tai của thánh và của Chúa trời mà thôi. Thế không tốt sao?

Tôi nói với thánh Francis và kể cho thánh nghe về Margaret, Oliver, Eugene, về chuyện bố tôi uống say rồi hát Roddy McCorley và chẳng gửi tiền về nhà, về Theresa và chiếc sofa màu xanh, về tội tôi phạm phải trên pháo đài Carrigogunnell, về việc người ta không treo cổ Hermann Goering được sau tất cả những gì con người đó đã gây ra cho trẻ em Do thái, về việc thầy dòng trường Christian đã đóng sập cửa trước mặt tôi, về cái lần người ta từ chối nhận tôi làm lễ sinh, về em Michael của tôi đi ra ngõ với đôi giày rách kêu lách tách, về hai mắt đau của tôi khiến tôi xấu hổ, về thầy tu dòng Tên đã sập cửa trước mặt tôi, về những giọt nước mắt trào ra khóe mắt mẹ tôi khi tôi tát bà.

Cha Gregory nói:

Con có muốn yên lặng một chút và cầu nguyện không, con của ta?

Tôi áp má vào ngực áo choàng thô ráp của Cha và tôi ngửi thấy mùi xà phòng phảng phất. Cha Gregory nhìn lên tượng thánh Francis và tủ đựng bánh thánh và tôi đoán rằng Cha đang nói với Chúa trời. Rồi Cha bảo tôi quì và cha rửa tội cho tôi. Cha bảo tôi rằng Chúa tha thứ cho tôi và tôi phải tha thứ cho chính mình, rằng Chúa yêu tôi và tôi phải yêu chính bản thân mình bởi vì chỉ khi bạn yêu Chúa trong con người bạn thì bạn mới có thể yêu tất cả chúng sinh của Chúa.

Nhưng con muốn biết về Theresa Carmody ở dưới địa ngục, thưa Cha.

Không, con của ta. Cô gái dớ đang ở trên thiên đường. Cô ấy đã phải chịu đựng giống như những người tử vì đạo thời xưa và Chúa trời biết rằng sám hối như thế là đủ rồi. Con có thể yên tâm vì các xơ trong bệnh viện không để cô ấy chết mà không có linh mục rửa tội đâu con ạ.

Cha có chắc không?

Chắc chứ, con của ta.

Cha Gregory lại ban phước cho tôi, bảo tôi cầu nguyện cho Cha, và tôi bước ra phố dưới trời mưa bay bay mà trong lòng tràn ngập vui sướng vì giờ đây tôi biết Theresa đang ở trên thiên đường và không còn bị những cơn ho hành hạ nữa.

Sáng thứ Hai bình minh đang lên trên sân ga. Báo và tạp chí được chất thành từng bó dọc bức tường trong ga. Ông McCaffrey đã có mặt ở đó với một đứa con trai nữa, Willie Harold, cắt những sợi dây buộc quanh những bó báo, đếm số lượng báo và tạp chí, ghi chép vào sổ. Những tờ báo Anh và tờ *The Irish time* cần được giao sớm, tạp chí thì có thể giao muộn hơn. Chúng tôi đếm báo và dán nhãn để đem giao đến các quầy báo trong thành phố.

Ông McCaffrey lái xe chở báo và ngồi nguyên trên buồng lái trong khi tôi cùng Willie bê các bó báo chạy vào giao cho các quầy báo và nhận đơn đặt hàng cho ngày hôm sau, và ghi các con số vào sổ. Sau khi báo đã được đưa hết chúng tôi dỡ tạp chí cất vào văn phòng và được phép về nhà năm mươi phút để ăn sáng.

Khi quay lại tôi thấy trong văn phòng có hai đứa con trai nữa, Eamon và Peter, đang phân loại tạp chí, đếm và xếp chúng vào những hộp giấy để ở sát tường. Gerry Halvey đi giao tạp chí đến những quầy báo đặt hàng với số lượng nhỏ bằng xe đạp, xe tải chở tạp chí, đến những đại lý đặt mua với số lượng lớn. Ông McCaffrey bảo tôi ở lại văn phòng để học đếm báo và biên số vào sổ cái. Ông McCaffrey vừa đi khỏi là lập tức Eamon và Peter lôi thuốc lá họ giấu trong ngăn kéo ra hút. Họ không tin là tôi không biết hút thuốc. Họ muốn biết tôi bị làm sao, bị đau mắt hay bị lao. Peter nói:

- Cậu không hút thuốc thì cậu đi chơi với con gái thế quái nào được hả? Cậu có đúng là một thằng đàn ông không nếu cậu đi chơi với một đứa con gái và cô ta hỏi xin cậu một điếu thuốc mà cậu lại nói là cậu không hút thuốc, như thế cậu có ra dáng một thằng đàn ông không hả? Làm thế nào cậu rủ cô ta đến một cánh đồng mà làm chuyện vui vẻ được chứ hả?

Eamon nói:

Bố tớ bảo thằng đàn ông nào mà không biết uống rượu là không tin được đâu. Nếu một thằng đàn ông mà không hút thuốc hoặc không uống rượu thì thằng đó cũng chẳng quan tâm đến con gái đâu. Chắc cái cậu này muốn để tay sau mông mãi.

Họ cười và ho sặc sụa và càng cười thì họ càng ho cho tới khi cả hai nước mắt nước mũi giàn giụa không đứng vững nổi phải bám lấy nhau. Khi cơn ho của họ qua đi chúng tôi cùng nhau phân loại các tạp chí của Mỹ và của Anh và trong khi làm việc chúng tôi không thể không để mắt đến những hình quảng cáo

với những cô gái mặc đồ lót, đi tất ni-lông dài. Eamon đang dán mắt vào một tờ tạp chí của Mỹ có tên là *See* với những bức ảnh chụp những cô gái Nhật, những người giúp lính Mỹ giải khuây trong lúc họ xa nhà và đang xem Eamon nói là cậu ta phải vào nhà vệ sinh và khi cậu ta đi khỏi Peter nháy mắt với tôi và hỏi tôi có biết Eamon vào trong đó làm gì không. Thỉnh thoảng ông McCaffrey bắt quả tang những đứa con trai thủ dâm ở trong nhà vệ sinh làm lãng phí thời gian của công ty và làm dơ bẩn linh hồn của họ. Ông McCaffrey không dại gì mà quát họ dừng lại bởi vì bạn không thể buộc tội ai đó trừ khi bạn có bằng chứng. Đôi khi ông ấy đứng rình đợi một thằng con trai ở trong đó đi ra và bảo nó: "Mày không được nhìn vào những tạp chí rác rưởi đó nữa. Mày chỉ việc đếm và xếp chúng vào hộp, thế thôi".

Ông McCaffrey lái xe về và ông ấy hỏi tại sao chúng tôi chưa đếm xong tất cả tạp chí và bó chúng lại để đem đi giao. Peter nói: Chúng cháu vừa làm lại vừa phải dạy cái câu McCourt mới đến này. Cầu Chúa giúp chúng ta, cậu ấy mắt kém nên làm chậm quá đi mất nhưng có chúng cháu chỉ bảo cho nên bây giờ cậu ấy làm cũng tạm rồi.

Gerry Halvey, anh chàng đưa báo, sẽ nghỉ làm một tuần bởi vì anh ta được quyền nghỉ và anh ta muốn dành kỳ nghỉ của mình cho bạn gái, Rose, sắp từ Anh trở về. Tôi là người mới vào và tôi phải làm chân đưa báo thay cho anh ta trong thời gian anh ta nghỉ làm, phải đạp xe quanh Limerick với thùng báo to tướng ở đằng trước. Anh ta chỉ cho tôi cách đặt báo lên xe thế nào cho cân để chiếc xe khỏi bị lộn ngược và hất tôi từ trên yên xuống đường để cho một chiếc xe tải đi qua nghiến nát tôi và bỏ tôi lại trên đường như một miếng cá hồi. Anh ta đã từng nhìn thấy một anh lính bị một chiếc xe tải của quân đội đè chết rồi bỏ lại trên đường như một miếng cá hồi.

Trưa thứ Bảy Gerry đi giao chuyến báo cuối cùng cho các quầy báo ở gần ga và như thế vừa tiện bởi vì tôi có thể gặp anh ta

ở đó để nhận xe còn anh ta thì có thể đón cô nàng Rose của anh ta khi cô nàng vừa xuống tàu. Chúng tôi đứng ở cổng ga đợi và anh ta cho tôi hay rằng một năm rồi anh ta không gặp Rose. Cô nàng sang Anh làm việc cho một quán rượu ở Bristol và anh ta không thích như thế chút nào bởi anh ta nghĩ đàn ông Anh luôn thích đùa bỡn với những cô gái Ailen, muốn luồn tay vào váy họ và thậm chí tệ hơn thế, còn con gái Ailen thì sợ mất việc nên chẳng dám nói gì. Ai cũng biết con gái Ailen nổi tiếng vì giữ gìn trinh tiết của họ đặc biệt là những cô gái Limerick có người con trai như Gerry Halvey chờ đợi mình ở quê nhà. Gerry nói rằng chỉ cần nhìn cách bạn gái anh ta bước đi là anh ta có thể biết cô nàng có chung thủy với anh ta hay không. Nếu một người con gái trở về sau một năm đi xa mà có dáng đi khác với khi cô ta ra đi thì ắt hẳn cô ta đã làm chuyện gì đó với những gã con hoang người Anh rồi.

Tàu hỏa chầm chậm vào ga và Gerry vẫy tay chỉ về phía bạn gái anh ta đang từ cuối toa đi về phía chúng tôi, cô nàng Rose duyên dáng trong chiếc váy xanh mỉm cười đê lộ hàm răng trắng đều. Gerry đột nhiên không vẫy tay nữa và lẩm bẩm: "Trông cái kiểu đi của cô ta kìa, đồ chó cái, đồ điếm, đồ đàn bà phóng đãng" và anh ta chạy ra khỏi sân ga. Rose bước tới chỗ tôi và hỏi:

Cậu vừa đứng đây với Gerry phải không?

Đúng thế.

Anh ấy đâu rồi?

0, anh ấy đi rồi.

Tôi biết là anh ấy đi rồi. Anh ấy đi đâu?

Tôi không biết. Anh ấy không nói. Anh ấy cứ thê chạy đi.

Anh ấy không nói gì thật sao?

Tôi không nghe thấy anh ấy nói gì cả.

Cậu cùng làm việc với anh ấy à?

Đúng. Tôi đến để nhận xe đạp.

Xe đạp gì?

À, xe của người đưa báo ấy mà.

Anh ấy là một người đưa báo ư?

Đúng.

Anh ấy nói với tôi là anh ấy làm ở công ty Easons, làm công việc văn phòng cơ mà?

Tôi cảm thấy thất vọng. Tôi không muốn nói dối về Gerry Halvey, không muốn anh ta gặp rắc rối với cô nàng Rose dễ thương. Tôi nói:

Ô, chúng tôi thay nhau đi đưa báo. Cứ làm việc ở văn phòng một tiếng chúng tôi lại ra ngoài một tiếng. Ông quản lý nói phân công như thế để chúng tôi thay đổi không khí ấy mà.

Ô, tôi sẽ về nhà cất va ly và sẽ đến nhà tìm anh ấy ngay. Tôi cứ nghĩ anh ấy sẽ mang va ly giúp tôi cơ.

Tôi có xe đạp đây, cô cứ để va ly lên thùng đựng báo này tôi sẽ đi cùng cô về nhà.

Chúng tôi cùng đi về nhà Rose ở đường Carey và cô ấy tiết lộ với tôi rằng cô ấy rất thích Gerry. Ởbên Anh cô ấy đã cố gắng tiết kiệm và bây giờ cô ấy muốn trở về với Gerry và muốn kết hôn với anh ta dẫu rằng Gerry mới mười chín còn cô ấy mới mười bảy. Cô ấy nói:

Khi người ta đã yêu thì chẳng ngại gì cả. ở Anh tôi đã sống như một bà xơ và đêm nào tôi cũng mơ thấy anh ấy. Cảm ơn cậu đã mang va ly hộ tôi.

Tôi vừa quay xe để trở lại văn phòng thì Gerry nhào tới từ phía sau. Mặt anh ta đỏ phừng phừng và anh ta khịt mũi như một con bò đực. Anh ta nhìn tôi hầm hè:

Mày đã làm gì với bạn gái của tao hả? Đồ cặn bã? Làm gì hả? Nếu tao mà phát hiện ra mày đã làm gì với bạn gái của tao thì tao sẽ giết mày.

Tôi chẳng làm gì cả. Tôi chỉ mang va ly về nhà hộ cô ấy thôi vì nó rất nặng.

Mày mà nhìn bạn gái tao lần nữa là tao giết đấy con ạ.

Tôi không nhìn đâu, Gerry. Tôi không muốn nhìn cô ấy.

Ô, thật sao? Cô ấy xấu xí hay là sao hả?

Không, không phải, Gerry, cô ấy là của anh và cô ấy yêu anh.

Sao mày biết?

Cô ấy nói với tôi như vậy.

Cô ấy đã nói thế thật sao?

Cô ấy đã nói thế, thề có Chúa.

Lạy Chúa.

Anh ta đập cửa nhà bạn gái và hét toáng lên: "Rose, Rose, em có ở trong đó không?" và bạn gái anh ta đáp: "em đây", và tôi ngồi lên yên chiếc xe đạp có treo biển của công ty Easons đạp đi, vừa đi vừa nghĩ tới cái cách Gerry giờ đây đang hôn bạn gái và những điều tồi tệ anh ta đã nói về cô ấy lúc ở sân ga vừa băn khoăn không hiểu sao Peter ở văn phòng lại đem tôi và hai con mắt chết tiệt của tôi ra làm bia đỡ đạn để đối phó với cái ông McCaffrey không râu ấy trong khi cậu ta và Eamon đã dán mắt vào các bức ảnh chụp những cô gái mặc đồ lót và đi vào nhà vệ sinh làm cái chuyện kia mất bao nhiêu là thời gian.

ở văn phòng ông McCaffrey đang bực tức. Ông ấy nói với tôi bằng giọng gắt gỏng:

Cậu đã đi đâu thế hả? Lạy Chúa, cậu đạp xe từ ga về đây mà mất cả một ngày trời kia à? Công việc ở đây thì ngập lên đến tận đầu thế mà cái cậu Halvey thì lại ung dung đi nghỉ, lạy Chúa, còn cậu bây giờ phải đạp nhanh hết sức vào, may mà trước đây cậu đã từng đi đưa điện tín nên thông thạo đường đi lối lại ở cái thành phố này, cậu hãy đến tất cả các quầy đã mua báo của chúng ta và cứ xông thẳng vào và chộp lấy bất cứ bản copy nào của tờ *John O'London's Weekly* mà cậu nhìn thấy và tìm trang mười sáu mà

xé béng đi và nếu ai cản trở cậu thì cậu cứ nói rằng đó là lệnh của Chính phủ không ai được cản trở và nếu ai động một ngón tay vào cậu thì người đó sẽ bị bắt, bị bỏ tù và bị phạt nặng, cậu cứ nói thế rồi mang tất cả những trang báo cậu đã xé được về đây để đốt.

Tất cả mọi quầy báo sao, thưa ông McCaffrey?

Tôi sẽ chịu trách nhiệm các quầy báo lớn, cậu hãy bắt đầu với các quầy nhỏ từ đường Ballinacurra đến Ennis và những phố liền đó, cầu Chúa giúp chúng con. Đi đi nào, đi thôi.

Tôi nhảy lên xe đạp đi và Eamon chạy từ văn phòng ra đuổi theo tôi và nói:

Này, McCourt, đợi đã. Nghe này. Đừng đưa cho ông ta tất cả những trang báo cậu đã xé được.

Tại sao?

Để lại vài trang cho chúng tớ xem, tớ và Peter.

Tại sao?

Đó là trang báo nói về cách ngừa thai và cậu thừa biết nó bị cấm ở Ailen còn gì.

Ngừa thai là gì?

Ôi, Chúa ơi, cậu không biết thật sao? Đó là bao cao su, cậu biết chưa, bao cao su, có chữ tiếng Pháp, cái thứ để giữ cho bọn con gái không bị leo cột ấy mà.

Leo cột ư?

Là mang thai ấy. Cậu mười sáu tuổi mà khờ lắm chẳng biết gì hết. Nhanh lên, đi xé báo đi.

Tôi chuẩn bị đạp đi thì ông McCaffrey chạy ra gọi to:

Khoan đã, McCourt, tôi với cậu sẽ cùng đi bằng xe ô tô. Eamon cậu cũng đi cùng luôn.

Thế còn Peter thì sao ạ?

Mặc kệ cậu ta. Cậu ta còn bận với một cuốn tạp chí ở trong nhà vệ sinh.

Ông McCaffrey lẩm bẩm một mình trong xe: "Đồ chết tiệt, từ Dublin gọi điện xuống bắt người ta đi xé cái trang báo chết tiệt của cái tờ tạp chí Anh chết tiệt đó vào một ngày thứ Bảy đẹp trời như thế này trong khi người ta đáng lẽ ra phải được ở nhà uống trà, ăn bánh và đọc *Limerick Leader".*

Ông McCaffrey chạy vào tất cả các quầy bán báo và chúng tôi chạy theo ông ta. Ông ta chộp lấy những tạp chí, vứt cho mỗi đứa chúng tôi một đống và bảo chúng tôi xé. Các chủ quầy báo la hét lên:

Ông làm cái gì thế này? Lạy Chúa, lạy Đức Mẹ, ông điên à? Bỏ trả lại tạp chí ngay nếu không tôi sẽ gọi bảo vệ bây giờ.

Ông McCaffrey nói với họ:

Đây là lệnh của Chính phủ, thưa bà. Trong tờ *John O'London* tuần này có những thứ rác rưởi không hợp với những con mắt Ailen của chúng ta và chúng tôi có mặt ở đây để thực hiện công việc của Chúa.

Rác rưởi nào? Rác rưởi đâu, chỉ cho tôi xem trước khi ông vò xé những tờ tạp chí đó. Tôi sẽ không thanh toán tiền tạp chí cho Easons đâu, để rồi xem.

Bà hãy nghe tôi nói. Chúng tôi không quan tâm đến lợi nhuận của công ty Easons. Chúng tôi thà chịu thiệt hại lớn về kinh tế còn hơn là để mọi người ở Limerick và ở Ailen bị đầu độc bởi những thứ rác rưởi.

Rác rưởi nào?

Tôi không thể nói với bà được. Đi thôi, các cậu.

Chúng tôi quẳng những trang tạp chí vừa bị xé lên thùng xe và nhân lúc ông McCaffrey còn mải tranh cãi trong một cửa hàng chúng tôi lấy mấy trang giấu vào trong áo. Trong xe còn những tờ tạp chí cũ nên chúng tôi xé mấy trang ở đó ra trộn vào

với chỗ báo xé trong các cửa hàng để ông McCaffrey không phát hiện ra.

Vài chủ quầy báo nói rằng họ đã bán hết sạch tạp chí *John O'London* và ông McCaffrey nói với họ: "Rồi chúng ta sẽ trở thành loại người nào đây? Các người đã bán tạp chí đó cho những ai hả?".

Ông ấy yêu cầu các chủ quầy nói tên và địa chỉ của những người đã mua tạp chí, những người đang có nguy cơ đánh mất linh hồn bất tử của mình vì đọc những bài báo nói về biện pháp ngừa thai. Ông ấy nói rằng ông ấy sẽ đến từng nhà và xé những trang tạp chí rác rưởi ấy nhưng các chủ quầy báo nói: "Bây giờ là tối thứ Bảy ông McCaffrey ạ, và trời thì tối rồi, ông sẽ chẳng có sức mà làm chuyện đó đâu".

Trên đường về văn phòng Eamon nói thầm với tôi: "Tớ có hai mươi mốt trang. Cậu có bao nhiêu?". Tôi bảo cậu ta là tôi có mười bốn trang nhưng thực ra tôi có bốn mươi trang và tôi không nói thật với cậu ta bởi vì bạn không việc gì phải thành thật với một người đã nói điêu về đôi mắt kém của bạn. Ông McCaffrey bảo chúng tôi mang chỗ tạp chí đã xé được vào văn phòng. Chúng tôi vứt chúng xuống sàn và ông McCaffrey ngồi xuống bàn của ông ấy vừa gọi điện tới Dublin nói lại với họ việc ông ấy đã xông vào tất cả các quầy báo như một kẻ báo thù của Chúa và cứu Limerick thoát khỏi phương pháp ngừa thai đáng sợ vừa nheo mắt nhìn ngọn lửa đang thiêu những trang tạp chí chẳng liên quan gì tới tờ *John O'London Weekly.*

Sáng thứ Hai tôi đạp xe qua các phố để đưa tạp chí và người ta nhìn thấy tấm biển của công ty Easons gắn trên xe đạp của tôi liền chặn tôi lại hỏi mua tạp chí *John O'London Weekly.* Tất cả bọn họ đều có vẻ là những người giàu có, một số đi xe hơi, một số đội mũ phớt, mặc áo cổ cồn và đeo cà vạt, những phụ nữ đội mũ có đính lông thú, những người uống trà ở nhà hàng Savoy hoặc nhà hàng Stella và cong ngón tay út ra để chứng tỏ rằng họ

được nuôi dạy tử tế và bây giờ họ muốn đọc trang tạp chí nói về biện pháp tránh thai.

Lúc sáng sớm Eamon đã bảo tôi nếu không mặc cả được năm shilling một trang thì chớ có bán. Tôi tưởng cậu ta nói đùa. Không, câu ta không đùa. Mọi người *ở* Limerick này đều đang kháo nhau về trang báo đó và ai cũng muốn có được nó.

Eamon đã nói: "Năm shilling hoặc là không, Frankie ạ, với những người giàu thì đòi giá cao hơn. Chúng ta phải chia phần cho Peter nếu không nó sẽ chạy đi mách với lão McCaffrey thì bỏ mẹ".

Một số người sẵn sàng bỏ ra bảy shilling và sáu xu để có được trang báo đó và chỉ trong hai ngày tôi đã trở thành người giàu có với hơn mười bảng trong túi trừ một bảng cho Peter tráo trở để nó không tâu hớt với ông McCaffrey. Tôi gửi tám bảng vào khoản tiết kiệm để đi Mỹ của mình ở bưu điện và tối hôm đó tôi tự thưởng cho mình một bữa tối ra trò với bánh kẹp giâm bông, bánh mì, bơ, mứt. Mẹ tôi hỏi tôi rằng có phải tôi đã thắng cá ngựa hay không và tôi trả lời rằng tôi đi đưa báo được người ta thưởng hâu hĩnh. Mẹ tôi bảo bà không thích tôi làm công việc đưa báo bởi vì theo mẹ tôi đó là công việc hạ đẳng nhất nhưng nếu công việc đó mang lại bánh kẹp giăm bông thì chúng tôi nên thắp nến mà tạ ơn. Mẹ tôi không biết số tiền để đi Mỹ tôi gửi ở bưu điện đang tăng lên và mẹ tôi sẽ uất lên mà chết nếu bà biết tôi đã kiếm tiền bằng việc viết thư đe dọa những người túng quẫn.

Malachy kiếm được việc làm trong một xưởng sửa chữa xe hơi còn mẹ tôi thì nhận chăm sóc một ông già, ông Sliney, ở đường Nam Circular trong khi hai người con gái của ông ấy phải ra ngoài làm việc. Mẹ tôi bảo nếu tôi đi đưa báo qua đó thì cứ ghé vào uống trà không phải ngại. Hai cô con gái của ông Sliney đi làm vắng cả ngày còn ông ấy thì chẳng để ý bởi ông ấy đã trở nên lẫn cẫn sau nhiều năm phục vụ cho quân đội Anh ở An Độ.

Trông mẹ tôi rất thoải mái trong căn bếp nhà ông Sliney với chiếc tạp dề sặc sỡ, với những đồ làm bếp sạch bóng, với những bông hoa rung rinh ngoài cửa sổ, với những con chim bay xập xòe trong mảnh vườn kề bên, với tiếng nhạc của đài Eiream phát ra từ chiếc đài bán dẫn. Mẹ tôi ngồi bên bàn với một bình trà, một bộ tách chén, bánh mì, bơ, thịt đủ loại. Tôi có thể ăn bất kỳ loại sandwich nào nhưng tôi chỉ biết bánh sandwich giăm bông và thịt lợn muối mà thôi. Mẹ tôi không có thịt lợn muối bởi vì đó là thứ mà những người sống trong các ngõ thường ăn chứ không phải thứ bạn có thể tìm thấy ở một căn nhà trên đường Nam Circular. Mẹ tôi bảo người giàu không ăn thịt lợn muối bởi đó là loại thực phẩm tận dụng của các nhà máy chế biến thức ăn và bạn sẽ không thể biết được chúng có đảm bảo vệ sinh hay không. Người giàu rất kỳ cục trong cách họ kẹp đồ ăn giữa hai lát bánh mì. ỞMỹ thịt lợn muối được gọi là thịt ướp nấu đông và mẹ tôi không biết tại sao món đó lại được gọi như thế.

Mẹ tôi đưa cho tôi một chiếc sandwich giăm bông có những miếng cà chua thái lát và trà đựng trong một cái tách có trang trí hình những thiên thần nhỏ màu hồng vừa bay vừa bắn tên vào những thiên thần nhỏ màu xanh và tôi không hiểu tại sao người ta lại không thể làm ra những cái tách uống trà và những cái bô mà không trang trí hình những thiên thần nhỏ hay những người hầu gái nhảy múa giữa thung lũng. Mẹ tôi nói rằng người giàu là như vậy, họ thích sự trang trí và nếu chúng tôi mà giàu thì chúng tôi cũng giống họ thôi. Mẹ tôi sẵn sàng đánh đổi đôi mắt mình để có được một ngôi nhà có vườn với hoa và chim và có một chiếc đài phát bản côngxectô Warsaw cùng với vô số tách chén có trang trí hình các thiên thần nhỏ bắn tên.

Mẹ tôi nói rằng bà phải vào xem ông Sliney thế nào bởi vì ông ấy già yếu quá nên thường quên đòi lấy bô.

- Bô ư? Mẹ phải đổ bô cho ông ấy sao?

- Ừ.

Một sự im lặng bao trùm bởi tôi đang nhớ đến nguyên nhân của tất cả những bất hòa giữa tôi và mẹ tôi, cái bô của Laman. Nhưng chuyện xảy ra đã lâu rồi và đây là bô của ông Sliney, một người vô hại, vả lại mẹ tôi lại được trả tiền để đổ nó. Khi mẹ tôi quay lại bếp mẹ tôi bảo ông Sliney muốn gặp tôi.

Ông ấy nằm trên một cái giường trong một căn phòng có những chiếc rèm đen được kéo kín đến nỗi ánh sáng bên ngoài không thể lọt vào phòng. Ông ấy bảo mẹ tôi:

Nâng tôi dậy nào, cô, và hãy kéo rèm ra một tí để tôi nhìn thằng bé.

Ông ấy có mái tóc trắng dài quá vai. Mẹ tôi nói thầm với tôi rằng ông ấy không chịu cho ai cắt tóc. Ông ấy nói:

Tôi còn răng đấy, con trai ạ. Cậu có thấy tự hào không? Cậu còn nguyên răng đấy chứ?

Vâng ạ, thưa ông Sliney.

Ôi. Tôi đã ở Ân Độ đấy. Tôi và ông Timoney ở đầu phố ấy. Cả một lũ đàn ông Ailen đã ở Ân Độ. Cậu có biết ông Timoney không?

Cháu biết ạ.

Ông ấy chết rồi. Cái ông bạn tội nghiệp ấy đã bị mù. Tôi vẫn còn nhìn được. Tôi vẫn còn răng. Hãy giữ lấy những cái răng, con trai ạ.

Vâng ạ.

Tôi mệt rồi, con trai ạ, nhưng tôi có một điều muốn nói với cậu. Cậu có nghe tôi nói không?

Cháu vẫn nghe ạ.

Cô có nghe tôi nói không, cô kia?

Có, thưa ông Sliney.

Tốt. Tôi muốn nói với hai người điều này. Lại gần đây để tôi nói thầm. Tôi muốn nói là chớ có bao giờ hút tẩu của một người khác.

Halvey theo cô nàng Rose của anh ta đi Anh và thế là tôi phải tiếp tục làm chân đưa báo trong suốt cả mùa đông. Đó là một mùa đông khắc nghiệt, đâu đâu cũng có băng tuyết, và tôi không thể biết được lúc nào chiếc xe đạp sẽ trượt và hất tôi xuống đường hoặc lên vỉa hè, làm báo và tạp chí bay lả tả. Các quầy báo phàn nàn với ông McCaffrey rằng tờ *The Irish time* mà họ nhận được trang trí thêm một chút băng và một chút cứt chó và ông McCaffrey nói nhỏ với chúng tôi rằng báo đưa đến cho bọn Tin lành phải như thế mới đúng.

Hàng ngày sau khi đi đưa báo xong tôi lại mang tờ *The Irish time* về nhà đọc để xem nó nguy hại ở chỗ nào. Mẹ tôi nói may mà bố tôi không có ở nhà. Nếu bố tôi mà ở nhà thì thế nào bố tôi cũng nói: "Người Ailen đã đấu tranh và chết cho cái gì mà giờ đây thằng con của tôi lại ngồi đọc báo của hội Tam điểm".

Có những bức thư của nhũng độc giả từ khắp Ailen gửi cho tòa soạn khẳng định rằng họ nghe được tiếng chim gáy đầu tiên của năm và bạn có thể đọc thấy người ta gọi nhau là những kẻ bịp bợm. Có những phóng sự viết về những đám cưới của người Tin lành và có những bức ảnh chụp những phụ nữ xinh đẹp hơn hẳn những phụ nữ bạn nhìn thấy trong các ngõ hẻm. Bạn có thể thấy rằng răng của phụ nữ Tin lành rất đẹp mặc dầu răng cô nàng Rose của Halvey cũng đẹp không kém.

Tôi vẫn đọc tờ *The Irish time* và tôi không biết đó có phải là một tội lỗi hay không nhưng dù sao tôi cũng chẳng quan tâm. Theresa ở trên thiên đường không còn ho và tôi thì không còn đi xưng tội nữa. Tôi đọc tờ *The Irish time* và tờ *The times of London* bởi vì chúng cho tôi biết vua hiện nay ra sao và Elizabeth cùng Margaret làm gì hàng ngày.

Tôi đọc các tạp chí dành cho phụ nữ bởi vì trên đó có các bài báo viết về các món ăn và có mục trả lời câu hỏi của bạn đọc. Peter và Eamon bắt chước giọng Anh và làm ra bộ đang đọc tạp chí phụ nữ của Anh. Peter đọc: "Cô Hope kính mến, cháu mười

ba tuổi, tóc đen. Gần đây một điều tồi tệ đã xảy ra với cháu và cháu không thể nói ra cùng ai thậm chí ngay cả với mẹ của cháu. Cứ vài tuần cháu lại bị chảy máu ở chỗ đó và cháu rất sợ người khác sẽ phát hiện ra. Agnes Tripple, Little Biddle-on-the-Twiddle, Devon".

Eamon đọc: "Agnes thân mến. Chúc mừng cháu. Giờ đây cháu đã trở thành một phụ nữ và cháu có thể đi uốn tóc bởi vì cháu đã có kinh nguyệt. Cháu không có gì phải sợ bởi vì tất cả các phụ nữ Anh đều có kinh nguyệt. Đó là món quà Thượng đế ban xuống để giúp chúng ta tẩy uế và có được những đứa con khỏe mạnh sau này làm hoàng đế, làm những chiến binh giữ cho người Ailen ở đúng vị trí của họ. Ởmột số nơi trên thế giới phụ nữ có kinh nguyệt không được sạch sẽ cho lắm nhưng người Anh chúng ta yêu quí những phụ nữ có kinh nguyệt, đúng vậy".

Sang xuân công ty nhận vào một cậu đưa báo mới và thế là tôi được làm công việc trong văn phòng. Peter và Eamon bỏ sang Anh. Peter đã chán ngấy Limerick bởi vì theo như cậu ta nói Limerick chẳng có con gái nên cậu ta cứ phải làm chuyện kia một mình. Văn phòng lại nhận người mới thay thế họ. Tôi nghiễm nhiên trở thành người làm lâu và công việc đối với tôi dễ dàng hơn bởi vì tôi làm nhanh và hễ cứ thấy ông McCaffrey rời văn phòng một cái mà tôi làm xong việc rồi thì tôi lại chúi mũi đọc báo và tạp chí của Anh, Mỹ, Ailen. Cả đêm lẫn ngày tôi đều mơ về nước Mỹ.

Malachy sang Anh làm việc trong một trường nội trú dành cho con nhà Công giáo giàu có và ở đó nó cứ ngang nhiên đi ra đi vào với vẻ mặt hớn hở như thể nó ngang hàng với những đứa con trai học trong trường trong khi đó ai cũng biết rằng làm cho một trường học nội trú của Anh thì bạn phải luôn cúi đầu và kéo lê chân như một kẻ đày tớ người Ailen ngoan ngoãn. Người ta đuổi việc nó vì cung cách ấy của nó và Malachy rủa bọn họ hôn cái mông hoàng gia Ailen của nó còn họ thì bảo rằng thái độ và

ngôn từ của nó thật uế tạp. Nó xin vào một nhà máy khí đốt ở Conventry làm công việc xúc than vào lò giống như bác Pa Keating, xúc than vào lò và đợi cái ngày nó được sang Mỹ sau tôi.

18

Tôi mười bảy, mười tám, sắp sửa mười chín tuổi, làm việc tại văn phòng của Easons, viết những bức thư đe dọa cho bà Finucane, người giờ đây luôn miệng than rằng mình chẳng còn sống được bao lâu nữa và rằng càng bỏ tiền ra làm nhiều lễ Mixa thì càng cảm thấy nhẹ nhõm. Bà ấy bỏ tiền vào các phong bì và sai tôi mang đến các nhà thờ quanh Limerick, gõ cửa nhà các linh mục, đưa phong bì tiền cùng để nghị làm lễ Mixa cho bà Finucane. Bà ấy muốn được tất cả các linh mục cầu nguyện cho mình trừ những linh mục dòng Tên. Bà ấy bảo rằng những linh mục dòng Tên chẳng được tích sự gì, rằng họ có đầu nhưng không có tim. Bà ấy bảo bà ấy không bao giờ đưa cho họ một xu vì từng xu bạn đưa cho họ đều bị một cuốn sách viễn tưởng hay một chai rượu nuốt chửng.

Bà ấy gửi tiền đi, bà ấy hy vọng người ta sẽ làm lễ Mixa cho bà ấy, nhưng bà ấy không thể chắc được và nếu bà ấy không chắc thì tội gì tôi lại phải giao hết số tiền bà ấy đưa cho các linh mục trong khi tôi đang cần tiền để đi Mỹ và nếu tôi giữ lại vài bảng và gửi vào bưu điện thì cũng có khác gì đâu và nếu tôi cầu nguyện cho bà Finucane và thắp nến cho linh hồn bà ấy thì chẳng lẽ Chúa trời lại không nghe cho dù tôi là một kẻ có tội đi nữa.

Một tháng nữa là tôi mười chín tuổi. Tôi chỉ cần thêm vài bảng là đủ tiền mua vé và cũng cần thêm vài bảng để tiêu tạm trong khi tôi còn chân ướt chân ráo ở đất Mỹ.

Tối thứ Sáu trước ngày sinh nhật lần thứ mười chín của tôi bà Finucane sai tôi đi mua một chai cherry. Khi tôi trở về bà ấy đã chết trên ghế, mắt mở trừng trừng, và cái ví của bà ấy ở dưới sàn cũng mở. Tôi không thể nhìn bà ấy nhưng tôi nhặt lấy cho mình một xâu tiền. Mười bảy bảng. Tôi tìm chiếc chìa khóa hòm và

mở chiếc hòm bà ấy để trên gác. Tôi lấy bốn mươi bảng trong tổng số mấy trăm bảng bà ấy cất trong hòm và trong cuốn sổ ghi nợ. Tôi sẽ thêm số tiền này vào khoản tiết kiệm của tôi ở bưu điện và như thế là tôi có đủ tiền đi Mỹ rồi. Lúc rời nhà bà ấy tiện tay tôi xách luôn chai cherry để nó khỏi bị bỏ phí.

Tôi ngồi bên bờ sông Shannon uống rượu cherry của bà Finucane. Tôi thấy trong cuốn sổ ghi nợ có cả tên bác Aggie. Bác ấy nợ chín bảng. Đó có thể là số tiền bác ấy đã dùng mua quần áo cho tôi dạo nọ nhưng bác ấy sẽ không bao giờ phải trả khoản nợ đó nữa bởi vì tôi sẽ quẳng cuốn sổ của bà Finucane xuống sông. Tôi tiếc là mình không bao giờ có thể nói cho bác Aggie biết rằng tôi đã tiết kiệm cho bác ấy chín bảng. Tôi tiếc là tôi đã viết những bức thư đe dọa gửi tới những người nghèo sống trong những ngõ hẻm ở Limerick, những người cùng cảnh với chúng tôi, nhưng bây giờ cuốn sổ ghi nợ không còn nữa, không ai còn phải trả nợ cho bà Finucane. Tôi ước gì tôi có thể nói với họ rằng tôi là Robin Hood của họ.

Thêm một ngụm cherry nữa. Tôi sẽ dành ra một hoặc hai bảng để làm lễ Mixa cho linh hồn bà Finucane. Cuốn sổ của bà ấy đang trôi theo sông Shannon ra phía Đại Tây Dương và tôi biết một ngày không xa tôi cũng theo nó xuôi dòng ra đi.

Người đàn ông tôi gặp ở đại lý du lịch O'Riordan nói rằng ông ta không thể sắp xếp cho tôi sang Mỹ bằng đường hàng không được trừ khi tôi sang London trước mà như thế thì sẽ rất tốn kém. Ông ấy có thể thu xếp cho tôi lên một chiếc tàu có tên là *ỉrish Oak,* con tàu sẽ rời Cork trong vài tuần nữa. Ông ấy nói:

Chín ngày trên biển, tháng Chín, tháng Mười, thời điểm tốt nhất trong năm, ca bin riêng, mười ba hành khách, thức ăn hảo hạng, nghỉ ngơi thoải mái và anh phải bỏ ra năm mươi lăm bảng cho tất cả những cái đó, anh có đủ tiền không?

Tỏi đáp:

Tôi có đủ.

Tôi nói với mẹ tôi rằng vài tuần nữa tôi sẽ đi và mẹ tôi khóc. Michael nói:

Rồi cả nhà chúng ta sẽ sang bên đó chứ?

Ừ.

Alphie nói:

Anh sẽ gửi cho em một cái mũ cao bồi và một cái mà ném đi rồi nó lại bật lại, anh nhé?

Michael bảo với nó rằng đó là cái boomerang và phải đi Australia mới kiếm được cái đó chứ ở Mỹ không có cái đó.

Alphie cãi rằng ở Mỹ thứ gì mà chẳng có và thế là hai đứa cãi nhau về Mỹ và về Australia và về cái boomerang cho tới khi mẹ tôi bực quá phải lên tiếng:

Lạy Chúa, anh chúng mày sắp bỏ đi xa thế mà hai đứa mày lại đứng đó mà cãi nhau về cái boomerang chết tiệt. Chúng mày có thôi đi không hả?

Mẹ tôi nói tối trước hôm tôi đi chúng tôi sẽ tổ chức một bữa tiệc. Ngày xưa người ta hay tổ chức những bữa tiệc gọi là *American wakes* mỗi khi có người sắp sang Mỹ bởi vì gia đình của người ra đi chẳng mong được gặp lại người thân của mình một lần nào nữa. Mẹ tôi bảo thật tiếc là Malachy ở bên Anh không thể về được nhưng nhờ Chúa và Đức Mẹ lòng lành của Người rồi thế nào cũng có ngày cả nhà tôi sẽ đoàn tụ ở bên Mỹ.

Những ngày tôi nghỉ làm, tôi tha thẩn đi bộ quanh Limerick thăm lại tất cả những nơi tôi đã từng sống, phố Windmill, phố Hartstonge, ngõ Roden, đường Rosbrien, phố Little Barrington, nơi mà thực ra chỉ là một ngõ hẻm. Tôi đứng lặng nhìn ngôi nhà nơi Theresa Carmody đã từng sống cho tới khi mẹ cô ấy bước ra và hỏi tôi cần gì. Tôi ngồi trước mộ Oliver và mộ Eugene ở khu nghĩa địa thánh Patrick và băng qua đường đến nghĩa địa Lawrence nơi Theresa yên nghỉ. Đi đến đâu tôi cũng nghe thấy

tiếng nói của những người đã khuất và tôi tự hỏi không biết linh hồn họ có thể theo tôi vượt Đại Tây Dương được hay không.

Tôi muốn thu những hình ảnh của Limerick vào trong đầu vì nhỡ đâu tôi không bao giờ có dịp trở về nữa. Tôi ngồi trong nhà thờ thánh Joseph và nhà thờ dòng Cứu Thế và tự bảo mình hãy nhìn cho thật kỹ bởi vì có thể tôi sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy những cảnh đó một lần nữa. Tôi xuôi xuống phố Herry để từ biệt thánh Francis dẫu rằng tôi biết ở Mỹ tôi vẫn có thể nói được với thánh.

Giờ đây có những ngày tôi không muốn đi Mỹ chút nào. Nhiều lúc tôi muốn đi thẳng đến đại lý du lịch O'Riordan và lấy lại năm mươi lăm bảng. Tôi có thể đợi đến năm tôi hai mươi tuổi và đến lúc đó Malachy có thể đi cùng tôi để tôi biết rằng ít nhất ở New York tôi cũng có một người thân. Tôi có những cảm giác lạ lùng và thỉnh thoảng khi ngồi bên bếp cùng với mẹ và các em tôi tôi cảm thấy những giọt nước mắt đang lặng lẽ lăn xuống má và tôi thấy xấu hổ vì sự yếu đuối của mình. Thoạt tiên mẹ tôi cười nhưng khi Michael nói tất cả chúng tôi rồi sẽ đi Mỹ, bố tôi cũng sang đó, Malachy cũng sang đó, thì mẹ tôi khóc và chúng tôi ngồi đó, bốn chúng tôi, cùng sụt sịt.

Mẹ tôi nói đây là lần đầu tiên chúng tôi tổ chức một bữa tiệc và thật buồn là bạn có tiệc khi các con bạn lần lượt rời bỏ bạn, Malachy đi Anh, Frank thì đi Mỹ. Mẹ tôi dành ra mấy shilling từ số tiền công chăm sóc ông Sliney để mua bánh mì, giăm bông, thịt muối, pho mát, nước chanh và mấy chai bia đen. Bác Pa mang đến mấy chai bia đen, whisky và một ít cherry để dành riêng cho bác Aggie còn bác Aggie thì mang tới một cái bánh có rắc nho khô do bác ấy tự làm. Bác Abbot thì ôm đến sáu chai bia đen và nói: "Được rồi, Frankie, mày cứ việc uống và chỉ cần để cho tao một hay hai chai để tao hát một bài thôi".

Bác ấy hát *Đường đến Rasheen.* Tay bác ấy cầm chai bia , mắt bác ấy nhắm nghiền, và bài hát thoát ra từ cổ họng bác ấy thành

một chuỗi âm thanh não nề. Lời bài hát chẳng rõ nghĩa và mọi người chẳng hiểu sao những giọt nước mắt lại chảy ra từ hai con mắt nhắm nghiền của bác ấy. Alphie thì thầm vào tai tôi: "Sao bác ấy lại khóc vì một bài hát chẳng có nghĩa gì anh nhỉ?".

Tôi làm sao mà biết được.

Bác Abbot kết thúc bài hát của mình, mở mắt ra, đưa tay quệt má và nói với chúng tôi rằng đó là một bài hát buồn nói về một chàng trai Ailen đi sang Mỹ và bị bọn găng-tơ ở đó bắn chết trước khi một linh mục có thể chạm vào sườn cậu ta và bác ấy dặn tôi rằng nếu tôi không ở gần một linh mục thì đừng có để bị bắn chết.

Bác Pa nói rằng đó là bài hát buồn nhất mà bác ấy từng nghe và bảo chúng tôi hát bài gì đó vui vui một chút. Bác ấy bảo mẹ tôi hát và mẹ tôi chối đây đẩy bảo rằng mình không có hơi.

Thôi nào, Angela, hát đi mà. Một chút một, chỉ một chút thôi mà.

Thôi được. Em sẽ cố.

Tất cả chúng tôi cùng hòa theo bài hát buồn của mẹ tôi:

Tình yêu của mẹ là một phước lành
Cho dù anh phiêu bạt nơi đâu.
Hãy giữ lấy mẹ mình khi anh còn có mẹ,
Khi mẹ ra đi rồi anh sẽ rất nhớ thương.

Bác Pa nói bài hát sau còn buồn hơn cả bài hát trước và bảo rằng chúng tôi đang biến bữa tiệc thành một bữa *wakes* thật và rằng nếu không ai hát một bài gì đó để thay đổi không khí thì bác ấy sẽ uống cho say vì buồn.

Bác Aggie chợt nhớ ra rằng đang có nguyệt thực.

Chúng tôi đứng trong ngõ nhìn vầng trăng đang biến mất sau một vòng tròn đen. Bác Pa nói:

Đó là dấu hiệu tốt để cháu đi sang Mỹ đấy, Frankie ạ.

Bác Aggie phản đối:

Không, đó là điềm xấu. Tôi đã đọc một tờ báo có nói rằng trăng như thế kia là điềm báo ngày tận thế.

Bác Pa nói:

Ô, tận thế cái mông tôi đây này. Đây mới là sự khởi đầu của Frankie McCourt. Vài năm nữa nó sẽ trở về béo tốt bảnh bao như bất kỳ anh chàng người Mỹ nào và sẽ đưa về một cô gái có hàm răng trắng.

Mẹ tôi rên: "Ôi, không, anh Pa, không, ôi, không" và thế là mọi người dẫn mẹ tôi vào trong nhà cho mẹ tôi uống một chút cherry của Tây Ban Nha.

Xế chiều hôm đó con tàu *Irish Oak* rời Cork, đi qua Kinsale và mũi Clear, rồi qua mũi Mizen, mũi đất cuối cùng của Ailen mà chỉ có Chúa mới biết bao giờ tôi mới thấy lại.

Rõ ràng đáng ra tôi nên ở lại, thi làm nhân viên chính thức của bưu điện, ổn định cuộc sống. Đáng ra tôi có thể kiếm đủ tiền để Michael và Alphie không phải đến trường với cái bụng đói và đôi giày rách. Chúng tôi có thể chuyển ra sống ở một con phố hay một đại lộ nơi có những ngôi nhà có vườn. Đáng ra tôi nên dự kỳ thi đó để mẹ tôi không bao giờ còn phải đổ bô cho ông Sliney hay cho bất cứ ai nữa.

Bây giờ thì quá muộn rồi. Tôi đang ở trên tàu bỏ lại Ailen ở đằng sau trong bóng tối và thật là ngốc khi tôi cứ đứng lặng trên boong tàu nhìn lại và nghĩ đến gia đình tôi và Limerick, Malachy và bố tôi ở Anh và thậm chí còn ngốc hơn khi trong đầu tôi cứ vang lên giai điệu của bài hát về Roddy McCorley và bài hát nói về điệu nhảy Kerry mà mẹ tôi đã hát cho ông Clohessy khi ông ấy nằm trên giường ho sù sụ và giờ đây tôi muốn quay lại Ailen nơi tôi có mẹ và các em tôi, có bác Aggie không được dễ chịu lắm và bác Pa, người đã chúc tôi vại bia đầu tiên và đây một linh mục đang đứng bên tôi và nhìn tôi bằng ánh mắt dò hỏi.

Ông ấy là người Limerick nhưng ông ấy đã ở Los Angeles nhiều năm nên giờ đây ông ấy nói giọng Mỹ. Ông ấy biết cái cảm giác khi người ta rời Ailen bởi vì chính ông ấy cũng đã trải qua nó và không bao giờ có thể quên nổi. Ông ấy nói rằng khi bạn sống ở Los Angeles dưới ánh mặt trời rực rỡ bạn chỉ thiết tha cầu Chúa ban cho bạn một ngày mưa Limerick.

Vị linh mục đó ngồi cạnh tôi tại bàn của thuyền phó và ông thuyền phó đó thông báo với chúng tôi rằng lịch trình của con tàu đã bị thay đổi nên thay vì đi thẳng đến New York chúng tôi sẽ đi đến Motreal.

Ba ngày lênh đênh trên biển và lịch trình lại bị thay đổi. Người ta nói dù thế nào thì cuối cùng chúng tôi cũng sẽ đến được New York.

Ba hành khách người Mỹ phàn nàn: "Bọn Ailen chết tiệt. Họ không thể đi thẳng đến đó được sao?".

Ngay trước hôm tàu đi New York lịch trình lại bị thay đổi. Chúng tôi phải đến một nơi ở gần sông Hudson có tên là Albany.

Những người Mỹ bực tức nói: "Albany à? Đến Albany chết tiệt đó ư? Việc quái gì chúng ta phải đi trên cái tàu Ailen chết dẫm này chứ? Chết tiệt thật".

Vị linh mục bảo tôi đừng để ý đến họ làm gì. Không phải tất cả người Mỹ đều giống họ.

Trời rạng sáng chúng tôi đi đến New York. Tôi ngỡ mình đang ở trong một bộ phim, rằng bộ phim đó sẽ kết thúc và đèn sẽ bật sáng trong rạp Lyric. Vị linh mục muốn giới thiệu với tôi đủ thứ nhưng ông ấy không cần phải làm vây. Tôi có thể dễ dàng nhận ra tượng Nữ Thần Tự Do, đảo Ellis, tòa nhà Empire State, tòa nhà Chrysler, cầu Brooklyn. Có hàng ngàn chiếc xe hơi đang chạy qua cầu và ánh mặt trời phủ lên vạn vật một màu vàng ấm áp. Những người Mỹ giàu có đội mũ có chóp cao đeo cà vạt chắc hẳn đang đi về nhà với những người phụ nữ xinh đẹp có hàm răng trắng của họ. Những người khác chắc là đang đến làm việc

ở những văn phòng tiện nghi và chắc chẳng ai lo lắng gì về sự đời hết.

Mấy hành khách Mỹ đang cãi nhau với thuyền trưởng thì một người đàn ông từ một chiếc tàu kéo trèo lên boong tàu. Một người Mỹ nói bằng giọng cáu gắt:

Tại sao chúng tôi không thể xuống ở đây? Tại sao chúng tôi phải ngồi trên tàu đến Albany chết tiệt đó?

Người đàn ông kia nói:

Vì các ông là hành khách trên một con tàu và thuyền trưởng là thuyền trưởng và chúng tôi không có thủ tục để đưa các ông vào bờ.

Ô, ra thế đấy. Đây là một đất nước tự do và chúng tôi là công dân Mỹ.

Thê sao? Ô, các ông đang ở trên một chiếc tàu Ailen với một thuyền trưởng người Ailen và các ông phải tuân theo ông ấy nếu không xin mời cứ việc bơi vào bờ.

Ông ta trèo xuống thang và chiếc tàu kéo từ từ rời đi, còn chúng tôi thì tiếp tục đi tới Hudson ngang qua Manhattan, đi dưới cầu George Washington, đi qua hàng trăm con tàu Tự Do đã tùng đóng góp trong chiến tranh để rồi giờ đây buông neo nằm đó chờ đợi ngày mục nát.

Thuyền trưởng thông báo rằng thủy triều buộc tàu phải bỏ neo qua đêm ở một nơi gọi là Poughkeepsie. VỊ linh mục nói cho tôi biết rằng đó là một cái tên Ân Độ còn những hành khách Mỹ thì gọi nơi đó là Poughkeepsie chết tiệt.

Khi trời tối một chiếc thuyền nhỏ cập vào mạn tàu và một giọng Ailen từ dưới thuyền gọi lên:

Chào mọi người. Lạy Chúa, tôi nhìn thấy cờ Ailen và tôi cho thuyền ra đây. Tôi không tin nổi vào mắt mình. Xin chào.

Ông ta mời thuyền phó vào bờ uống chút gì đó và còn nói rằng thuyền phó có thể mang theo bạn và cả linh mục cũng

được mời.

Vị linh mục mời tôi đi cùng và thế là chúng tôi trèo xuống thang để lên chiếc thuyền nhỏ cùng với thuyền phó và người phụ trách điện đài của tàu. Người đàn ông trên thuyền nhỏ nói ông ta là Tim Boyle ở Mayo và rằng Chúa giúp chúng tôi bởi vì chúng tôi bỏ neo ở đó đúng lúc họ đang có tiệc và tất cả chúng tôi đều được mời. Ông ta đưa chúng tôi đến một ngôi nhà có bãi cỏ, đài phun nước và những con chim màu hồng đứng bằng một chân. Trong một căn phòng được gọi là phòng khách có năm người phụ nữ. Tất cả họ đều có tóc thẳng và đều mặc váy dài trông rất sáng sủa. Họ cầm những ly rượu trong tay và mỉm cười khoe những chiếc răng trắng bóng. Một người trong số họ lên tiếng:

Xin mời vào. *Pawty* vừa mới bắt đầu.

Pawty. Họ gọi bữa tiệc là như vậy đấy và tôi không biết liệu vài năm tới tôi có nói giống họ hay không.

Tim Boyle nói cho chúng tôi biết rằng những phụ nữ đó mở tiệc vui với nhau trong khi chồng họ đi săn nai qua đêm, và một phụ nữ tên là Betty nói:

Đúng vậy. Những người bạn thân trong chiến tranh. Cuộc chiến đó kết thúc gần năm năm rồi mà họ vẫn không thể quên nổi nó nên cứ cuối tuần lại rủ nhau đi săn thú và uống Rheingold cho đến khi họ không còn nhìn nổi. Cái cuộc chiến chết tiệt đó, xin lỗi.

Linh mục thì thầm vào tai tôi:

Đây là những phụ nữ hư hỏng. Chúng ta không nên ở đây lâu.

Một phụ nữ hỏi tôi:

Cậu thích uống gì nào? Chúng tôi có đủ loại đồ uống. Tên cậu là gì?

Frank McCourt.

Một cái tên hay đấy. Cậu uống một chút đi. Đàn ông Ailen ai mà chẳng biết uống. Cậu uống bia nhé?

Vâng.

Thật là lịch sự. Tôi thích người Ailen. Mẹ tôi mang nửa dòng máu Ailen đấy vì thế tôi cũng có chút ít chất Ailen trong người, một phần tư đúng không? Tôi chẳng biết nữa. Tên tôi là Fieda. Bia của cậu đây, chàng trai dễ thương.

Vị linh mục ngồi ở cuối chiếc sofa thứ mà người Mỹ gọi là "couch" và hai người phụ nữ đang nói chuyện với ông ấy. Betty hỏi thuyền phó có muốn thăm các phòng trong nhà không và ông ta trả lời là có. Một phụ nữ khác bảo với người phụ trách điện đài của tàu rằng anh ta nên đi xem cây cối trong vườn, nên ngắm những bông hoa đẹp ở ngoài đó. Frieda hỏi tôi cảm thấy trong người thế nào và tôi trả lời là tôi khỏe nhưng tôi muốn vào nhà vệ sinh một lát.

Vào đâu?

Nhà vệ sinh.

Ô, cậu muốn nói là phòng tắm. Đi lối này, chàng trai, đi xuống cuối hành lang kia.

Cô ta đẩy cánh cửa ra, bật đèn, hôn má tôi và ghé vào tai tôi nói thầm rằng nếu tôi cần gì thì cô ấy ở ngay bên ngoài.

Tôi đứng trong đó đi tiểu và lúng túng không biết vào một thời điểm như thế này thì tôi cần gì và việc phụ nữ đứng đợi ở bên ngoài trong khi bạn đi tiểu có phải là một việc bình thường ở đất Mỹ này hay không.

Tôi đi tiểu xong, xả nước và đi ra. Cồ ta cầm tay tôi và dẫn tôi vào một phòng ngủ, bỏ chiếc ly trên tay xuống, khóa trái cửa lại, đẩy tôi xuống chiếc giường trong phòng. Bàn tay cô ta lần tìm cửa quần của tôi. Cô ta rủa: "Những cái cúc chết tiệt, ở Ailen người ta không bán khóa quần sao?". Cô ta cởi cúc quần của tôi và trườn lên người tôi và Chúa ơi tôi như đang ở trên thiên đường vậy và đúng lúc đó có tiếng gõ cửa và tôi nghe thấy tiếng

linh mục hỏi tôi có ở trong phòng không và Frieda để ngón tay lên môi làm ra hiệu cho tôi im lặng và linh mục tiếp tục hỏi và Chúa ơi, dù Theresa có nhìn thấy những gì đang diễn ra tôi cũng không quan tâm, dù Giáo hoàng có gõ cửa và dù cả trường đào tạo hồng y nhìn vào qua cửa sổ tôi cũng bất chấp, ôi Chúa ơi và Frieda nằm thượt ra trên người tôi và bảo tôi rằng tôi thật tuyệt vời và hỏi tôi rằng liệu tôi có nghĩ đến việc ở lại Poughkeepsie hay không.

Frieda nói với linh mục rằng sau khi ở phòng tắm ra tôi bị chóng mặt, rằng chuyện đó thường xảy ra khi người ta vừa trải qua một hành trình dài lại uống một thứ bia lạ như bia Rheingold, loại bia mà cô ta tin rằng ở Ailen không có. Bạn có thể thấy ngay là linh mục không tin cô ta còn tôi thì không biết làm thế nào để mặt tôi khỏi nóng bừng. Ông ấy đã ghi lại tên mẹ tôi và địa chỉ nhà tôi và bây giờ tôi sợ là ông ấy sẽ viết thư nói cho mẹ tôi biết rằng đứa con trai ngoan ngoãn của bà ngay đêm đầu tiên đến Mỹ đã lên giường với một người đàn bà có chồng đang đi săn nai để giải trí sau khi đã đóng góp ít nhiều cho nước Mỹ và thật tồi tệ khi đối xử như thế với những người đàn ông đã chiến đấu cho đất nước của mình.

Thuyền phó và người phụ trách điện đài trở về sau chuyến đi thăm nhà và thăm vườn của họ và họ không nhìn linh mục. Đám phụ nữ cho rằng chúng tôi chắc đã đói bụng và họ kéo nhau vào bếp. Chúng tôi ngồi trong phòng khách lặng im và chúng tôi nghe thấy đám phụ nữ ở trong bếp thì thầm và cười với nhau trong bếp. Vị linh mục lại nói nhỏ với tôi: “Đúng là những người đàn bà hư hỏng, hư hỏng, tội lỗi” và tôi không biết phải nói gì với ông ấy.

Đám phụ nữ mang bánh sandwich ra và họ rót bia vào các ly và khi chúng tôi ăn xong họ mở đĩa nhạc của Frank Sinatra rồi mời chúng tôi nhảy với họ. Không ai trong chúng tôi dám nhận lời bởi vì bạn sẽ không bao giờ dám đứng dậy nhảy với những

phụ nữ hư hỏng trước sự có mặt của một linh mục, và thế là đám phụ nữ nhảy với nhau và họ cười như thể tất cả họ đều có những điều bí mật thú vị. Tim Boyle uống whisky và lăn ra ngủ trong góc phòng cho tới khi Frieda đánh thức ông ta dậy và bảo ông ấy đưa chúng tôi trở lại tàu. Khi chúng tôi rời ngôi nhà đó Frieda nghiêng người về phía tôi như thể cô ta muốn hôn tôi nhưng vị linh mục đã lên tiếng chào tạm biệt bằng một giọng khá lạnh và không ai trong chúng tôi bắt tay những người phụ nữ đó. Khi chúng tôi bước xuống đường để ra sông tôi còn nghe rõ tiếng cười lanh lảnh của đám phụ nữ ở phía sau.

Chúng tôi trèo lên thang và Tim đứng ở dưới thuyền gọi với theo: “Lên cẩn thận nhé. Ê, các chàng trai, một tối vui vẻ đấy chứ? Chúc ngủ ngon, các chàng trai, chúc Cha ngủ ngon”.

Chúng tôi nhìn chiếc thuyền nhỏ của ông ta biến mất trong bóng đêm phía bờ sông Poughkeepsie. Vị linh mục chúc mọi người ngủ ngon rồi đi xuống dưới và thuyền phó cũng đi theo ông ấy.

Tôi đứng trên boong tàu với người phụ trách điện đài nhìn những ngọn đèn nhấp nháy phía xa xa. Người phụ trách điện đài nói:

- Chúa ơi, đúng là một tối vui vẻ, Frank ạ. Chẳng phải đây là một đất nước rất tuyệt sao?

Notes

[← 1]

Trong tiếng Anh từ miệng (mouths) và từ chuột (mouse) có âm gần giống nhau.

[←2]

Thánh Vịnh 43: “Con sẽ tiến lên bàn thờ Thiên Chúa, đến cùng Thiên Chúa, Đấng làm cho tuổi trẻ con hân hoan.”

[←3]

Omadhaun: từ lóng tiếng Ireland dùng trong ngữ cảnh thân mật có nghĩa là kẻ ngu ngốc, kẻ khờ khạo.